TỦ SÁCH GIA ĐÌNH
LÊ MINH QUỐC
KÝ HIỆU _____

Lê thần

TRẦN-TRỌNG-KIM

Lê Minh Quốc 2007

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC

QUYỂN II

BỘ-GIÁO-DỤC
TRUNG-TÂM
HỌC-LIỆU
xuất-bản

www.songhuong.vn

BỘ GIÁO-DỤC
TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU XUẤT-BẢN
Lần thứ nhất, 1971 : 80.000 cuốn
(Thêm Phụ-lục và Sách-dẫn)

www.songhuong.vn

MỤC - LỤC

TỰ - CHỦ THỜI - ĐẠI
(Thời-kỳ Nam Bắc phân-tranh)

		Trang
Tựa		vii — xii
Chương I.	Lịch Triều lược-kỷ	3 — 13
Chương II.	Nam-triều — Bắc-triều	15 — 27
Chương III.	Trịnh Nguyễn phân-tranh	29 — 32
Chương IV.	Sự chiến-tranh	35 — 50
Chương V.	Công việc họ Trịnh làm ở ngoài Bắc	51 — 73
Chương VI.	Công việc họ Nguyễn làm ở miền Nam	75 — 89
Chương VII.	Người Âu-châu sang nước Nam	95 — 100
Chương VIII.	Vận trung-suy của chúa Nguyễn	101 — 111
Chương IX.	Họ Trịnh mất nghiệp chúa	113 — 118
Chương X.	Nhà Hậu-Lê mất ngôi vua	121 — 125
Chương XI.	Nhà Nguyễn Tây-sơn	127 — 144
Chương XII.	Nguyễn-vương nhất-thống nước Nam	145 — 165

CẬN - KIM THỜI ĐẠI

Chương I.	Nguyễn-thị Thế-tổ	169 — 184
Chương II.	Thánh-tổ	185 — 199
Chương III.	Thánh-tổ (tiếp theo)	201 — 229
Chương IV.	Hiến-tổ	231 — 234
Chương V.	Dực-tông	235 — 243
Chương VI.	Chế-độ tinh-thế nước Việt-Nam cuối đời Tự-đức	245 — 252

www.songhuong.vn

Trang

Chương VII.	Nước Pháp lấy Nam-kỳ	253 — 265
Chương VIII.	Giặc-giã ở trong nước	267 — 275
Chương IX.	Quân nước Pháp lấy Bắc-kỳ lần thứ nhất .	277 — 287
Chương X.	Tình-thế nước Nam từ năm Giáp-tuất về sau	289 — 295
Chương XI.	Quân nước Pháp lấy Bắc-kỳ lần thứ hai .	297 — 301
Chương XII.	Cuộc bảo-hộ của nước Pháp . . .	303 — 313
Chương XIII.	Chiến-tranh với nước Tàu	315 — 320
Chương XIV.	Loạn ở Trung-kỳ	321 — 331
Chương XV.	Việc đánh dẹp ở Trung-kỳ và ở Bắc-kỳ .	333 — 343
Chương XVI.	Công-việc của người Pháp tại Việt-Nam .	345 — 354
TỔNG-KẾT	. . . . .	353 — 354
NIÊN-BIỂU	. . . . .	355 — 363

BẢN-ĐỒ

1. Nước Nam về đời chúa Trịnh và chúa Nguyễn 33
2. Nước Nam về đời Minh-mệnh 225

BIỂU-ĐỒ

1. Mạc-triều thế-phả 28
2. Hậu-Lê thế-phả 71
3. Nguyễn-thị thế-phả 91
4. Trịnh-thị thế-phả 119
5. Tiền-Nguyễn (Tây-sơn) thế-phả 166
6. Nguyễn-triều thế-phả 349

www.songhuong.vn

TỰA

Sử là sách không những chỉ để ghi-chép những công-việc đã qua mà thôi, nhưng lại phải suy-xét việc gốc-ngọn, tìm-tòi cái căn-nguyên những công-việc của người ta đã làm để hiểu cho rõ những vận-hội trị-loạn của một nước, những trình-độ tiến-hóa của một dân-tộc. Chủ-đích là để làm cái gương chung-cổ cho người cả nước được đời đời soi vào đấy mà biết cái sự sinh-hoạt của người trước đã phải lao tâm lao lực những thế nào, mới chiếm-giữ được cái địa-vị ở dưới bóng mặt trời này.

Người trong nước có thông-hiểu những sự-tích nước mình mới có lòng yêu nước yêu nhà, mới biết cố-gắng học-hành, hết sức làm-lụng, để vun-đắp thêm vào cái nền xã-hội của tiên-tổ đã xây-dựng nên mà để lại cho mình. Bởi những lẽ ấy cho nên phàm dân-tộc nào đã có đủ cơ-quan và thể-lệ làm cho một nước độc-lập, thì cũng có sử cả. Nước Việt ta khởi đầu có sử từ đời nhà Trần, vào quãng thế-kỷ thứ XIII. Từ đó trở đi nhà nào lên làm vua cũng trọng sự làm sử. Nhưng cái lối làm sử của ta theo lối biên niên của Tàu, nghĩa là năm nào tháng nào có chuyện gì quan-trọng thì nhà làm sử chép vào sách. Mà chép một cách rất vắn-tắt cốt để ghi lấy chuyện ấy mà thôi, chứ không giải-thích cái gốc-ngọn và sự liên-can việc ấy với việc khác là thế nào.

Nhà làm sử lại là người làm quan, vua sai coi việc chép sử, cho nên dẫu thế nào sự chép sử cũng không được tự-do, thường có ý thiên-vị về nhà vua, thành ra trong sử chỉ cần chép những

www.songhuong.vn

chuyện quan-hệ đến nhà vua, hơn là những chuyện quan-hệ đến sự tiến-hóa của nhân-dân trong nước. Vả, xưa nay ta vẫn chịu quyền chuyên-chế, vẫn cho việc nhà vua là việc nước. Cả nước chỉ cốt ở một họ làm vua, cho nên nhà làm sử cứ theo cái chủ-nghĩa ấy mà chép sử, thành ra sử đời nào cũng chỉ nói chuyện những vua đời ấy mà thôi. Bởi vậy xem sử ta thật là tẻ, mà thường không có ích-lợi cho sự học-vấn là mấy.

Sử của mình đã không hay, mà người mình lại không mấy người biết sử. Là vì cái cách học-tập của mình làm cho người mình không có thể biết được sử nước mình. Bất kỳ lớn nhỏ, hễ ai cầp quyển sách đi học thì chỉ học sử Tàu, chứ không học sử nước nhà. Rồi thơ-phú văn-chương gì cũng lấy điển-tích ở sử Tàu, chứ chuyện nước mình thì nhất-thiết không nói đến. Người mình có ý lấy chuyện nước nhà làm nhỏ-mọn không cần phải biết làm gì. Ấy cũng là vì xưa nay mình không có quốc-văn, chung thân chỉ đi mượn tiếng người, chữ người mà học, việc gì cũng bị người ta cảm-hóa, chứ tự mình thì không có cái gì là cái đặc-sắc, thành ra thật rõ như câu phương-ngôn: «Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng ! »

Cái sự học-vấn của mình như thế, cái cảm-tình của người trong nước như thế, bảo rằng lòng vì dân vì nước mở-mang ra làm sao được ?

Nhưng dẫu thế nào mặc lòng, nước ta đã có sử ta thì cũng có thể bởi đó mà biết được những sự đã qua ở nước ta, và có thể bởi đó mà khảo-cứu được nhiều việc quan-hệ đến vận-mệnh nước mình từ xưa đến nay xoay-vần ra làm sao. Hiềm vì sử nước ta thì làm bằng chữ Nho cả, mà chữ Nho thì từ rày trở đi chắc rồi mỗi ngày một kém đi. Hiện nay số người đọc được chữ Nho còn nhiều, mà trong nước còn không có mấy người biết chuyện nước nhà, huống chi mai sau này chữ Nho bỏ không học nữa, thì sự khảo-cứu về những việc quan-hệ đến lịch-sử nước mình sẽ khó biết bao nhiêu!

Nay nhân sự học ở nước ta đã thay-đổi, chữ quốc-ngữ đã phổ-thông cả trong nước, chi bằng ta lấy tiếng nước nhà

www.songhuong.vn

mà kể chuyện nước nhà, ta soạn ra bộ VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC *xếp-đặt theo thứ-tự, chia ra từng thời-đại, đặt thành chương, thành mục rõ-ràng, để ai ai cũng có thể xem được sử, ai ai cũng có thể hiểu được chuyện, khiến cho sự học sử của người mình được tiện-lợi hơn trước.*

Bộ VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC *này, soạn-giả chia ra làm 5 thời-đại. Thời-đại thứ nhất là* Thượng-cổ thời-đại, *kể từ họ Hồng-bàng cho đến hết đời nhà Triệu. Trong thời-đại ấy, từ chương thứ III, bàn về xã-hội nước Tàu trước đời nhà Tần, phần nhiều là những chuyện hoang-đường huyền-hoặc cả. Những nhà chép sử đời trước cũng theo tục truyền mà chép lại, chứ không có di-tích gì mà khảo-cứu cho đích-xác. Tuy vậy, soạn-giả cũng cứ theo sử cũ mà chép lại, rồi cũng phê-bình một đôi câu để tỏ cho độc-giả biết rằng những chuyện ấy không nên cho là xác-thực.*

Thời đại thứ nhì là Bắc thuộc thời-đại, *kể từ khi vua Vũ-đế nhà Hán lấy đất Nam-việt của nhà Triệu, cho đến đời Ngũ-qui, ở bên ta có họ Khúc và họ Ngô xướng lên sự độc-lập. Những công-việc trong thời-đại ấy, thì sử cũ của nước ta chép rất là sơ lược lắm. Vì rằng trong thời-đại Bắc-thuộc, người mình chưa được tiến-hóa, sự học-hành còn kém, sách-vở không có, cho nên về sau những nhà làm sử của ta chép đến thời-đại này cũng không kê-cứu vào đâu được, chỉ theo sử Tàu mà chép lại thôi. Vả, người Tàu lúc ấy vẫn cho mình là một xứ biên-địa dã-man, thường không ai lưu tâm đến, cho nên những chuyện chép ở trong sử, cũng sơ-lược lắm, mà đại-để cũng chỉ chép những chuyện cai-trị, chuyện giặc-giã, chứ các công việc khác thì không nói đến.*

Thời-đại Bắc-thuộc dai-dẳng đến hơn một nghìn năm, mà trong thời-đại ấy dân-tình thế-tục ở nước mình thế nào, thì bấy giờ ta không rõ lắm, nhưng có một điều ta nên biết là từ đó trở đi, người mình nhiễm cái văn-minh của Tàu một cách rất sâu-xa, dẫu về sau có giải-thoát được cái vòng phụ-thuộc nước Tàu nữa, người mình vẫn phải chịu cái ảnh-

www.songhuong.vn

. Cái ảnh-hưởng ấy lâu ngày đã thành ra cái quốc-túy của mình, dẫu ngày nay có muốn trừ-bỏ đi, cũng chưa dễ một mai mà tẩy-gội cho sạch được. Những nhà chính-trị toan sự đổi cũ thay mới cũng nên lưu-tâm về việc ấy, thì sự biến-cải mới có công-hiệu vậy.

Thời-đại thứ ba là Thời-đại tự-chủ, *kể từ nhà Ngô, nhà Đinh cho đến Sơ-diệp nhà Hậu-Lê. Nước mình từ thời đại ấy về sau là một nước độc-lập, tuy đối với nước Tàu vẫn phải xưng thần và chịu cống, nhưng kỳ thực là không ai xâm-phạm đến cái quyền tự-chủ của mình.*

Buổi đầu, nhà Đinh, nhà Lê mới dấy lên, còn phải xây-đắp cái nền tự-chủ cho vững-bền, phải lo sửa-sang việc võ-bị để chống với kẻ thù-nghịch, cho nên sự văn-học không được mở-mang lắm. Về sau đến đời nhà Lý, nhà Trần, công-việc ở trong nước đã thành nền-nếp, kẻ cừu-địch ở ngoài cũng không quấy-nhiễu nữa, lại có nhiều vua hiền tôi giỏi nối nhau mà lo việc nước, cho nên từ đó trở đi việc chính-trị, việc tông-giáo và việc học-vấn mỗi ngày một khai-hóa ra, làm cho nước ta thành một nước có thế-lực, bắc có thể chống được với Tàu, nam có thể mở rộng thêm bờ-cõi. Nhà Lý và nhà Trần lại có công gây nên cái quốc-hồn mạnh-mẽ, khiến cho về sau đến đời Trần mạt, nhân khi họ Hồ quấy-rối, người Tàu đã toan đường kiêm-tính, người mình biết đồng tâm hiệp lực mà khôi-phục lại giang-sơn nhà. Kế đến nhà Lê, trong khoảng một trăm năm về buổi đầu, nước mình cũng có thể gọi là thịnh-trị, nhất là về những năm Quang-thuận (1460-1469) và Hồng-đức (1470-1497), thì sự văn-trị và võ-công đã là rực-rỡ lắm. Nhưng về sau gặp những hôn-quân dung chúa, việc triều-chính đổ-nát, kẻ gian-thần dấy-loạn. Mối binh-đao gây nên từ đó, người trong nước đánh giết lẫn nhau, làm thành ra nam bắc chia rẽ, vua chúa tranh quyền. Ấy thật là một cuộc biến lớn ở trong nước vậy.

Thời-đại thứ tư là Nam-bắc phân-tranh, *kể từ khi nhà Mạc làm sự thoán-đoạt cho đến nhà Tây-sơn. Trước thì nam*

www.songhuong.vn

Lê, bắc Mạc, sau thì Nguyễn nam, Trịnh bắc, sự cạnh-tranh càng ngày càng kịch-liệt, lòng ghen-ghét càng ngày càng dữ-dội. Nghĩa vua tôi mỏng-mảnh, đạo cương-thường chênh-mảng: nước đã có vua lại có chúa. Trong Nam ngoài Bắc mỗi nơi một giang-sơn, công việc ở đâu chủ-trương ở đấy. Tuy vậy việc sửa-đổi ở ngoài Bắc cũng có nhiều việc hay, mà việc khai-khẩn ở trong Nam thật là ích-lợi. Nhưng cuộc thành-bại ai đâu dám chắc, cơn gió-bụi khởi đầu từ núi Tây-sơn, làm đổ-nát cả ngôi vua cùng nghiệp chúa. Anh em nhà Tây-sơn vẫy-vùng không được 20 năm, thì bản-triều nhà Nguyễn lại trung-hưng lên, mà đem giang-sơn về một mối, lập thành cái cảnh-tượng nước Việt-nam ta ngày nay vậy.

Thời-đại thứ năm là Cận-kim thời-đại, kể từ vua Thế-tổ bản-triều cho đến cuộc Bảo-hộ bây giờ. Vua Thế-tổ khởi đầu giao-thiệp với nước Pháp-lan-tây để mượn thế-lực mà đánh Tây-sơn. Nhưng về sau vì những vua con cháu Ngài đổi chính sách khác, nghiêm-cấm đạo Thiên-chúa, và đóng cửa không cho ngoại-quốc vào buôn-bán. Những đình-thần thì nhiều người tri-lự hẹp-hòi, cứ nghiễm-nhiên tự-phụ, không chịu theo thời mà thay-đổi. Đối với những nước ngoại dương, thì thường hay gây nên sự bất hòa, làm cho nước Pháp phải dùng binh-lực để bênh-vực quyền-lợi của mình. Vì những chính-sách ấy cho nên mới thành ra có cuộc Bảo-hộ.

Đại-khái đó là những mục lớn trong những phần mà soạn-giả đã theo từng thời-đại để đặt ra. Soạn-giả đã cố sức xem-xét và góp-nhặt những sự ghi-chép ở các sách chữ Nho và chữ Pháp (1), hoặc những chuyện rải-rác ở các dã-sử, rồi đem trích bỏ những sự huyền-hoặc đi mà soạn ra bộ sách này, cốt để người đồng-bang ta biết được chuyện nước nhà mà không tin nhầm những sự huyền-hoặc. Thời-đại nào nhân-vật ấy và tư-tưởng ấy, soạn-giả cứ bình-tĩnh cố theo cho đúng sự

---

(1) Những sách mà soạn-giả đã dùng để kê-cứu sẽ kể riêng ra ở trang cuối quyển này, để độc-giả có nghi-hoặc điều gì, thì có thể tìm những sách ấy tra-soát lại.

www.songhuong.vn

ực. Thỉnh-thoảng có một đôi nơi soạn-giả có đem ý-kiến riêng của mình mà bàn với độc-giả, thí-dụ như chỗ bàn về danh-hiệu nhà Tây-sơn thì thiết-tưởng rằng sử là của chung cả quốc-dân, chớ không phải riêng cho một nhà một họ nào, cho nên mới phải lấy công-lý mà xét-đoán mọi việc và không vị tình riêng để phạm đến lẽ công-bằng vậy.

Độc-giả cũng nên biết cho rằng bộ sử này là bộ Sử-lược chỉ cốt ghi-chép những chuyện trọng-yếu để hãy tạm giúp cho những người hiếu học có sẵn quyển sách mà xem cho tiện. Còn như việc làm thành ra bộ sử thật là đích-đáng, kê-cứu và phê-bình rất tường-tận, thì xin để dành cho những bậc tài-danh sau này sẽ ra công mà giúp cho nước ta về việc học sử. Bây giờ ta chưa có áo lụa, ta hãy mặc tạm áo vải, tuy nó xấu-xí nhưng nó có thể làm cho ta đỡ rét. Nghĩa là ta hãy làm thế nào cho những thiếu-niên nước ta ngày nay ai cũng có thể biết một đôi chút sự-tích nước nhà, cho khỏi tủi quốc-hồn. Ấy là cái mục-đích của soạn-giả, chỉ có thế thôi. Nếu cái mục-đích ấy mà có thể tới được thì tưởng bộ sách này là bộ sách có ích vậy.

TRẦN TRỌNG KIM

www.songhuong.vn

TỰ-CHỦ THỜI-ĐẠI

Thời-kỳ Nam Bắc phân-tranh
(1528 — 1802)

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

NHÀ HẬU LÊ

後黎

Thời-kỳ phân-tranh

(1533—1788)

CHƯƠNG I

LỊCH TRIỀU LƯỢC KỶ

1. Nam-triều Bắc-triều

2. Trịnh Nguyễn phân tranh

Nước Nam ta từ khi Ngô vương Quyền đánh đuổi được quân Nam-Hán, vua Đinh Tiên-hoàng dẹp yên được loạn Thập-nhị Sứ-quân lập thành một nước tự-chủ, đời nọ qua đời kia kế truyền được non 600 năm. Đến đầu thập-lục thế-kỷ, bởi vì vua nhà Lê hoang dâm vô độ, bỏ việc chính-trị đổ-nát, cho nên trong nước loạn-lạc, nhà Mạc nhân dịp mà làm sự thoán-đoạt. Nhà Lê tuy đã mất ngôi, nhưng lòng người còn tưởng nhớ đến công-đức của vua Thái-tổ và vua Thánh-tông, cho nên lại theo phò con cháu nhà Lê trung-hưng lên ở phía nam, lập ra một Triều-đình riêng ở vùng Thanh-hóa, Nghệ-an để chống nhau với nhà Mạc. Ấy là thành ra Nam-triều và Bắc-triều; hai bên đánh nhau trong năm sáu mươi năm trời.

Đến khi nhà Lê nhờ có họ Trịnh giúp rập, dứt được nhà Mạc, tưởng là giang-sơn lại nhất-thống như cũ, ai ngờ họ Trịnh và họ Nguyễn lại sinh ra lòng ghen-ghét, gây nên mối thù-oán, rồi mỗi họ hùng-cứ một phương, chia nước ra làm

www.songhuong.vn

hai mảnh : họ Nguyễn giữ xứ Nam, họ Trịnh giữ xứ Bắc, mỗi họ chiếm-giữ một xứ để làm cơ-nghiệp riêng của mình. Từ đó giang-sơn chia rẽ, Nam Bắc phân-tranh, ấy là một thời-đại riêng trong lịch-sử nước ta vậy.

Nhà Hậu-Lê 後黎 từ khi trung-hưng lên, con-cháu vẫn giữ ngôi làm vua, nhưng quyền chính-trị ở cả họ Trịnh 鄭. Còn ở phía nam thì từ sông Linh-giang trở vào là cơ-nghiệp của họ Nguyễn 阮. Tuy vậy, hai họ chỉ xưng chúa, chứ không xưng vua, và bề ngoài vẫn tôn-phù nhà Lê. Sau này ta hãy chép tóm cả các đời vua và các đời chúa để cho rõ sự kế truyền. Còn những công-việc về thời bấy giờ thì ta sẽ bàn riêng ra từng mục cho rõ-ràng.

I. NAM TRIỀU BẮC TRIỀU

NAM-TRIỀU 南朝

LÊ TRANG-TÔNG 莊宗 (1533-1548)

Niên-hiệu : Nguyên-hòa 元和

Trang-tông húy là Duy-Ninh 維寧 con rốt vua Chiêu-tông. Ông Nguyễn Kim 阮淦 lập ngài lên làm vua ở đất Cầm-châu (Lào), sau đưa ngài về Thanh-hóa, lập hành-điện ở Vạn-lại 萬賴.

Trang-tông làm vua được 16 năm, thọ 31 tuổi.

LÊ TRUNG-TÔNG 黎中宗 (1548-1556)

Niên-hiệu : Thuận-bình 順平

Trung-tông húy là Duy-Huyên 維晅, con vua Trang-tông. Ngài làm vua được 8 năm, thọ 28 tuổi.

BẮC-TRIỀU 北朝

THÁI-TỔ MẠC ĐĂNG DUNG 太祖莫登庸 (1527-1529)

Niên-hiệu : Minh-đức 明德

THÁI-TÔNG MẠC ĐĂNG DOANH 太宗莫登瀛 (1530-1540)

Niên-hiệu : Đại-chính 大正

Nhà Lê trung-hưng lên ở Thanh-hóa.

HIẾN-TÔNG MẠC PHÚC HẢI 憲宗莫福海 (1541-1546)

Niên-hiệu : Quảng-hòa 廣和

TUYÊN-TÔNG MẠC PHÚC NGUYÊN 宣宗莫福源 (1546-1561)

Niên-hiệu : Vĩnh-định 永定 (1547)-Cảnh-lịch 景曆 (1548-1553) —Quang-bảo 光寶 (1554-1561)

www.songhuong.vn

LÊ ANH-TÔNG 黎英宗
(1556-1573)

Niên-hiệu : Thiên-hữu 天祐 (1557) — Chính-trị 正治 (1558-1571) — Hồng-phúc 洪福 (1572-1573)

Anh-tông húy là Duy-Bang 維邦, cháu huyền-tôn ông Lê Trừ 黎除, anh vua Thái-tổ ngày trước. Vua Trung-tông không có con, cho nên ông Trịnh Kiểm mới đi tìm ngài về lập lên làm vua.

Khi Trịnh Kiểm mất rồi, quyền về Trịnh Tùng, ngài phải trốn về Nghệ-an. Trịnh Tùng sai người đuổi theo bắt về giết đi. Ngài làm vua được 16 năm, thọ 42 tuổi.

LÊ THẾ-TÔNG 黎世宗
(1573-1599)

Niên-hiệu : Gia-thái 嘉泰 (1573-1577) — Quang-hưng 光興 (1578-1599)

Thế-tông húy là Duy-Đàm 維潭 con thứ 5 vua Anh-tông. Trịnh Tùng lập ngài lên làm vua từ lúc còn 7 tuổi.

Trong đời ngài làm vua, Trịnh Tùng dứt được họ Mạc, lấy lại đất Đông-đô. Ngài làm vua được 27 năm, thọ 33 tuổi.

Mạc phúc Nguyên cố đánh lấy Thanh-hóa nhưng không được.

MẠC MẬU-HỢP 莫茂洽
(1562-1592)

Niên-hiệu : Thuần-phúc 淳福 (1562-1565)-Sùng-khang 崇康 (1566-1577)-Diên-thành 延成 (1578-1585)-Đoan-thái 端泰 (1586-1587)-Hưng-trị 興治 (1588-1590)-Hồng-ninh 洪寧 (1591-1592)

Mạc mậu Hợp làm vua được 30 năm. Sau bị Trịnh Tùng bắt được đem về chém ở Thăng-long và đem đầu vào bêu ở Thanh-hóa.

Nhà Mạc mất ngôi từ đấy. Nhưng con cháu được nhờ nhà Minh bênh-vực, còn được giữ đất Cao-bằng ba đời nữa.

www.songhuong.vn

II. TRỊNH NGUYỄN PHÂN-TRANH

Lê Kính-tông 黎敬宗 (1600-1619)

Niên-hiệu: Thận-đức 慎德 (1600)-Hoằng-định 弘定 (1601-1619)

Kính-tông húy là duy-tân 維新, con vua Thế-tông. Ngài làm vua đến năm kỷ-mùi (1619) bị Trịnh Tùng bắt phải thắt cổ mà tự tận. Trị-vì được 20 năm, thọ 32 tuổi.

TRỊNH

BÌNH-AN-VƯƠNG TRỊNH TÙNG 鄭松 (1570-1620)

Miếu-hiệu là: Thành-tổ Triết-vương

Trịnh Tùng tranh quyền của anh, nối nghiệp Trịnh Kiểm đánh phá nhà Mạc, lấy lại đất Đông-đô. Lập ra nghiệp chúa Trịnh, nhưng vẫn tôn vua Lê.

NGUYỄN

ĐOAN QUẬN-CÔNG NGUYỄN HOÀNG 阮潢 (1600-1613)

Truy tôn là *Thái-tổ* Gia-dụ *Hoàng-đế*, đương thời gọi là *chúa Tiên*.

Ông Nguyễn Hoàng là con thứ hai ông Nguyễn Kim, vào trấn đất Thuận-hóa và Quảng-nam lập ra nghiệp chúa Nguyễn.

Lấy đất của Chiêm-thành lập ra phủ Phú-yên. Mất năm quí-sửu (1613), thọ 89 tuổi.

THỤY-QUẬN-CÔNG NGUYỄN-PHÚC NGUYÊN 阮福源 (1613-1635)

Truy tôn là *Hi-tông Hiến văn Hoàng-đế*, đương thời gọi là chúa Sãi. Ngài là con thứ 6 ông Nguyễn Hoàng, cải họ là Nguyễn-phúc 阮福.

LÊ THẦN-TÔNG 黎神宗 (1619-1643) (lần thứ nhất)

Niên-hiệu: Vĩnh-tộ 永祚 (1620-1628)- Đức-long 德隆 (1629-1643) Dương-hòa 陽和 (1635-1643)

www.songhuong.vn

Thần-tông húy là Duy-Kỳ 維祺, con vua Kính-tông. Làm vua đến năm quí-mùi (1643) thì nhường ngôi cho Thái-tử, mà làm Thái-thượng-hoàng.

TRỊNH

Trịnh Tùng mất năm quí-hợi (1635).

THANH-ĐÔ-VƯƠNG
TRỊNH TRÁNG 鄭 襠
(1623-1657)

Miếu-hiệu là: Văn-tổ Nghị-vương.

Trịnh Tráng đánh họ Mạc ở Cao-bằng và khởi sự đánh nhau với họ Nguyễn ở đất Quảng-bình.

NGUYỄN

Ông Nguyễn-phúc Nguyên chống với họ Trịnh ở Quảng-bình. Mất năm ất-hợi (1635), thọ 73 tuổi.

NHÂN-QUẬN-CÔNG
NGUYỄN-PHÚC LAN 阮福瀾
(1635-1648)

Truy-tôn là *Thần-tông Hiếu-chiêu Hoàng-đế*, đương thời gọi là *chúa Thượng*.

Ông Nguyễn-phúc Lan là con thứ hai chúa Sãi, đánh nhau với họ Trịnh ở Quảng-bình.

LÊ CHÂN-TÔNG 黎真宗 (1634-1649)

Niên-hiệu: Phúc-thái 福泰

Chân-tông húy là Duy-Hữu 維祐 con vua Thần-tông, làm vua được 6 năm, thọ 20 tuổi.

Trong đời ngài, vua nhà Minh là Quế-vương đóng ở Quảng-tây sai sứ sang phong cho ngài là An-nam quốc-vương.

TRỊNH

Trịnh Tráng đánh họ Nguyễn ở phía nam.

NGUYỄN

Ông Nguyễn-phúc Lan mất năm mậu-tí (1648) thọ 48 tuổi.

DŨNG-QUẬN-CÔNG
NGUYỄN-PHÚC TẦN 阮福瀕
(1648-1687)

Truy-tôn là *Thái-tông Hiếu-triết Hoàng-đế*, đương thời gọi là *chúa Hiền*.

Ông Nguyễn-phúc Tần

www.songhuong.vn

đánh nhau với họ Trịnh ở đất Nghệ-an. Lấy đất Chiêm-thành lập ra phủ Ninh-hòa và phủ Diên-khánh (tức là đất Khánh-hòa bây giờ).

LÊ THẦN-TÔNG (1649-1662) (lần thứ hai)

Niên-hiệu : Khánh-đức 慶德 (1649-1652) — Thịnh-đức 盛德 (1653-1657) — Vĩnh-thọ 永壽 (1658-1661) — Vạn-khánh 萬慶 (1662)

Chân-tông mất không có con. Trịnh Tráng lại rước Thần-tông Thái-thượng-hoàng về làm vua. Lần thứ hai này ngài làm vua được 13 năm thì mất, thọ 56 tuổi.

TRỊNH	NGUYỄN
Trịnh Tráng mất năm đinh-dậu (1657).	Nguyễn-phúc Tần (Chúa Hiền)
TÂY-VƯƠNG TRỊNH TẠC 鄭柞 (1657-1682) *Miếu-hiệu* : Hoằng-tổ Dương-vương	
Trịnh Tạc đánh con cháu nhà Mạc lấy lại đất Cao-bằng. Đặt ra lệ vào chầu vua không lạy, sớ tấu không viết tên, và đặt giường ngồi ở bên tả ngai vua ngự.	

LÊ HUYỀN-TÔNG 黎玄宗 (1663-1671)

Niên-hiệu : Cảnh-trị 景治

Huyền-tông húy là Duy-Vũ 維禑 con thứ hai vua Thần-tông. Trong đời ngài làm vua mới khởi đầu thông sứ với nhà Thanh, và cấm đạo Gia-tô. Ngài làm vua được 9 năm thọ 18 tuổi.

TRỊNH	NGUYỄN
Trịnh Tạc	Nguyễn-phúc Tần (Chúa Hiền)

www.songhuong.vn

LÊ GIA-TÔNG 黎 嘉 宗 (1672-1675)

Niên-hiệu : Dương-đức 陽 德 (1672-1673) — Đức-nguyên 德 元 (1674-1675)

Gia-tông húy là Duy-Hội 維 禨, con thứ ba vua Thần-tông. Lúc ngài lên hai tuổi thì Thần-tông mất, Trịnh Tạc đem về nuôi trong phủ. Khi vua Huyền-tông mất, không có con, Trịnh Tạc lập ngài lên làm vua, được 4 năm, thọ được 15 tuổi.

TRỊNH	NGUYỄN
Trịnh Tạc	Nguyễn-phúc Tần (Chúa Hiền)

LÊ HI-TÔNG 黎 熙 宗 (1676-1705)

Niên-hiệu : Vĩnh-trị 永 治 (1678-1680) - Chính-hòa 正 和 (1680-1705)

Hi-tông húy là Duy-Hợp 維 祫, con thứ tư vua Thần-tông. Khi Thần-tông mất, bà Trịnh-thị mới có thai được bốn tháng. Trịnh Tạc đem về nuôi ở bên phủ. Gia-tông mất không có con, Trịnh Tạc lập lên làm vua được 29 năm rồi truyền ngôi cho Thái-tử mà làm Thái-thượng-hoàng.

TRỊNH	NGUYỄN
Trịnh Tạc mất năm nhâm-tuất (1682).	Nguyễn-phúc Tần mất năm đinh-mão (1687), thọ 68 tuổi.
ĐỊNH-VƯƠNG TRỊNH CĂN 鄭 根 (1682-1709)	HOẰNG-QUỐC-CÔNG NGUYỄN-PHÚC TRĂN 阮 福 溱 (1687--1691)
Miếu-hiệu là : Chiêu-tổ Khang-vương.	Truy-tôn là *Anh-tông Hiếu-nghĩa Hoàng-đế*, đương thời gọi là chúa *Nghĩa*.
Trịnh Căn làm chúa được 28 năm thì mất, truyền ngôi chúa cho cháu huyền-tôn là Trịnh Cương.	Lập phủ ở Phú-xuân là chỗ kinh-đô bây giờ. Mất năm tân-mùi (1691), thọ 43 tuổi.

www.songhuong.vn

TỘ - QUỐC - CÔNG NGUYỄN-PHÚC CHU 阮福調
(1691-1725)

Truy-tôn là *Hiến-tông Hiếu-minh Hoàng-đế*, đương thời gọi là *Quốc-chúa*.

Ông Nguyễn-phúc Chu lấy bết nước Chiêm-thành (nay là đất Bình-thuận) và lại lấy đất Gia-định, Hà-tiên của chân-lập.

LÊ DỤ-TÔNG 黎裕宗 (1706-1929)

Niên-hiệu: Vĩnh-thịnh 永盛 (1706-1719) - Bảo-thái 保泰 (1720-1729)

Dụ-tông húy là Duy-Đường 維禮 làm vua được 24 năm, bị Trịnh Cương bắt phải truyền ngôi cho Thái-tử là Duy-Phương. Mất năm tân-hợi (1731), thọ 52 tuổi.

TRỊNH

Trịnh Căn mất năm kỷ-sửu (1709).

AN-ĐÔ-VƯƠNG TRỊNH CƯƠNG 鄭綱 (1709-1729)

Miếu-hiệu là: Hi-tổ Nhân-vương.

Mất năm kỷ-dậu (1729)

NGUYỄN

Nguyễn-phúc Chu mất năm ất-tị (1725) thọ 51 tuổi, có 146 người con.

ĐỊNH-QUỐC-CÔNG NGUYỄN-PHÚC TRÚ 阮福澍
(1725-1738)

Truy-tôn là *Túc-tông Hiếu-ninh Hoàng-đế* mở-mang đất Gia-định, và bảo-hộ nước Chân-lạp.

LÊ ĐẾ DUY-PHƯƠNG 維祊 (1729-1732)

Niên-hiệu: Vĩnh-khánh 永慶

Duy-phương làm vua được 3 năm, bị Trịnh Giang vu cho tư thông với vợ Trịnh Cương, phải bỏ, giáng xuống làm Hôn-đức-công, rồi đến năm nhâm-tí (1732) thì bị giết.

www.songhuong.vn

TRỊNH

Trịnh Cương mất UY - NAM - VƯƠNG TRỊNH GIANG 鄭 杠 (1729 - 1740) *Miếu - hiệu là:* Dụ - tổ Thuận - vương.

Trịnh Giang làm chúa xa-xỉ và hung-ác quá độ, giặc-giã nổi lên rất nhiều.

NGUYỄN

Nguyễn-phúc Trú

LÊ THUẦN-TÔNG 黎 純 宗 (1732-1735)

Niên-hiệu: Long-đức 龍 德

Thuần-tông húy là Duy-Tường 維 祥. Ngài là con vua Dụ-tông, trước đã được lập làm Thái-tử, sau bị Trịnh Cương bỏ để lập Duy-Phương. Trịnh Giang lại bỏ Duy Phương lập ngài lên làm vua, mất năm ất-mão (1735) thọ 37 tuổi.

TRỊNH

Trịnh Giang

NGUYỄN

Nguyễn-phúc Trú

LÊ Ý-TÔNG 黎 懿 宗 (1735 - 1740)

Niên-hiệu: Vĩnh-hữu 永 祐

Ý-tông húy là Duy-Thìn 維 楨 con vua Dụ-tông, Trịnh Giang bỏ con vua Thuần-tông mà lập ngài.

Năm canh-thân (1740) Trịnh Doanh bắt ngài phải nhường ngôi cho con vua Thuần-tông, rồi làm Thái-thượng-hoàng, mất năm kỷ-mão (1759), thọ 41 tuổi.

TRỊNH

Trịnh Giang bị bỏ năm canh-thân (1740), làm Thái-thượng-vương. Em là Trịnh Doanh lên thay.

NGUYỄN

Nguyễn-phúc Trú mất năm mậu-ngọ (1738), thọ 43 tuổi.

www.songhuong.vn

MINH - ĐÔ - VƯƠNG TRỊNH DOANH 鄭 楹 (1740 - 1767)

Miếu-hiệu là: Nghị-tổ Ân-vương.

Trịnh Doanh đánh - dẹp giặc-giã trong nước.

VÕ-VƯƠNG NGUYỄN-PHÚC KHOÁT 阮 福 濶 (1738-1765)

Truy - tôn là *Thế - tông Hiếu-võ Hoàng-đế.*

Ông Nguyễn-phúc Khoát đánh Chân-lạp mở thêm đất ở Gia-định.

LÊ HIỀN-TÔNG 黎 顯 宗 (1740-1786)

Niên-hiệu: Cảnh-hưng 景 興

Hiển-tông húy là Duy-Diêu 維 祧, con vua Thuần-tông. Làm vua được 46 năm, thọ 70 tuổi.

TRỊNH

Trịnh Doanh mất năm đinh-hợi (1767).

TĨNH-ĐÔ-VƯƠNG TRỊNH SÂM 鄭 森 (1767-1782)

Miếu-hiệu là: Thánh-tổ Thịnh-vương

Trịnh Sâm dẹp yên giặc ở xứ Bắc. Lấy đất Thuận-hóa và đất Quảng-nam của chúa Nguyễn. Nhưng vì say - đắm nàng Đặng thị Huệ, mới bỏ con trưởng lập con thứ, làm thành ra cái mối biến-loạn. Mất năm nhâm-dần (1782).

TÔN-ĐÔ-VƯƠNG TRỊNH CÁN 鄭 檢. Làm chúa được 2

NGUYỄN

Võ-vương Nguyễn - phúc Khoát xưng vương-hiệu năm ất-dậu (1765).

ĐỊNH-VƯƠNG NGUYỄN-PHÚC THUẦN 阮 福 淳 (1765-1777)

Truy - tôn là *Diệu - tông Hiếu-định Hoàng-đế.*

Đời ngài làm chúa bị Trương phúc Loan chuyên quyền. Quân Tây-sơn nổi lên đánh phía nam, quân họ Trịnh đánh phía bắc.

Sau quân chúa Trịnh vào lấy mất Phú - xuân, Định-vương chạy vào Gia-định bị

www.songhuong.vn

tháng bị quân Tam-phủ bỏ đi, lập anh là Trịnh Khải lên làm chúa.

ĐOAN-NAM-VƯƠNG
TRỊNH KHẢI 鄭 楷
(1783-1786)

Bị Tây-Sơn bắt được, phải tự-tử năm bính-ngọ (1786).

tướng Tây-sơn là Nguyễn văn Huệ giết mất. Ngài thọ 24 tuổi.

NGUYỄN-VƯƠNG
NGUYỄN-PHÚC ÁNH 阮 福 暎
tức là vua Thế-tổ Cao-hoàng-đế nhà Nguyễn khởi binh ở Gia-định.

LÊ MẪN-ĐẾ 黎 愍 帝 (1787-1788)

Niên-hiệu: Chiêu-thống 昭 統

Mẫn-đế là cháu đích-tôn vua Hiển-tông. Ngài bị quân Tây-sơn đánh thua chạy sang Tàu cầu-cứu, sau đánh thua lại trở sang Tàu, bị quan Tàu làm nhục, rồi mất ở Yên-kinh.

TRỊNH

ÂN-ĐỘ-VƯƠNG TRỊNH BỒNG 鄭 鏘. Khi quân Tây-sơn về Nam rồi, đảng họ Trịnh lại lập Trịnh Bồng lên làm chúa. Vua gọi Nguyễn hữu Chỉnh ra đánh họ Trịnh. Trịnh Bồng bỏ đi tu.

NGUYỄN

Nguyễn-vương Nguyễn-phúc Ánh khôi-phục đất Gia-định.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG II

NAM-TRIỀU BẮC-TRIỀU

(1527-1592)

1. Chính-trị nhà Mạc
2. Việc nhà Mạc giao-thiệp với nhà Minh
3. Họ Nguyễn khởi nghĩa giúp nhà Lê
4. Quyền về họ Trịnh
5. Trịnh Tùng thống-lĩnh binh-quyền
6. Khôi-phục thành Thăng-long
7. Nhà Mạc mất ngôi
8. Việc nhà Hậu-Lê giao-thiệp với nhà Minh
9. Con-cháu nhà Mạc ở Cao-bằng

1. CHÍNH-TRỊ NHÀ MẠC. Năm đinh-hợi (1527) Mạc đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lên làm vua, đặt niên-hiệu là Minh-đức.

Nhà Mạc tuy đã làm vua, nhưng còn sợ lòng người nhớ nhà Lê, cho nên công-việc gì cũng theo phép nhà Lê cả, rồi lại tặng phong cho những người vì nhà Lê mà tuẫn-tiết, và lục dụng những con-cháu các quan cựu thần, phong cho quan-tước để dụ về với mình. Nhưng mà kẻ thì trốn-tránh vào ở chỗ sơn-lâm, kẻ thì đi ra ngoại-quốc, kẻ thì đổi họ tên, không mấy người chịu phục. Lại có kẻ tức-giận vì họ Mạc làm điều gian-ác, tụ họp những người nghĩa-khí nổi lên đánh phá, như Lê công Uyên 黎公淵, Nguyễn Ngã 阮我, Nguyễn thọ Trường 阮壽長, khởi nghĩa ở đất Thanh-hóa, nhưng vì thế-lực không đủ, cho nên phải thua. Sau lại có Lê Ý 黎意 nổi lên đánh họ Mạc ở đất Mã-giang, mấy phen đã được thắng trận, nhưng cũng vì khinh địch cho nên đến nỗi phải bắt.

www.songhuong.vn

Mạc đăng Dung bắt chước lối nhà Trần, làm vua được ba năm thì nhường ngôi cho con là Mạc đăng Doanh 莫登瀛 rồi về ở Cổ-trai, làm Thái-thượng-hoàng.

Năm canh-dần (1530) Mạc đăng Doanh lên làm vua, đặt niên-hiệu là Đại-chính. Đăng Doanh tuy làm vua nhưng công-việc trong nước thường do Đăng Dung quyết đoán cả.

Mạc đăng Doanh làm vua được 10 năm, đến năm canh-tí (1540) thì mất, truyền ngôi lại cho con là Mạc phúc Hải.

Mạc phúc Hải 莫福海, lên nối ngôi, đổi niên-hiệu là Quảng-hòa 廣和.

2. VIỆC NHÀ MẠC GIAO-THIỆP VỚI NHÀ MINH. Từ khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê rồi, quan nhà Lê đã có người sang kêu cầu bên Tàu để xin viện binh. Vua nhà Minh đã sai quan đi đến Vân-nam cùng với quan Tuần-phủ sở-tại tra-xét bên An-nam thực hư thế nào.

Quan nhà Lê sang Vân-nam kể rõ việc họ Mạc làm điều thí nghịch. Quan nhà Minh tâu với vua xin cử binh-mã sang đánh.

Việc định sang đánh họ Mạc không phải là vua nhà Minh có vị gì họ Lê, nhưng chẳng qua cũng muốn nhân lúc nước Nam có biến, lấy cớ mà sang làm sự chiếm giữ như khi trước sang đánh họ Hồ vậy. Ta phải biết rằng phàm những việc nước nọ giao-thiệp với nước kia thì thường là người ta mượn tiếng *« vị nghĩa »* mà làm những việc *« vị lợi »* mà thôi.

Năm đinh-dậu (1537) vua nhà Minh bèn sai Cừu Loan 仇鸞 làm Đô-đốc, Mao bá Ôn 毛伯温 làm Tán-lý-quân-vụ, đem quân sang đóng gần cửa Nam-quan rồi truyền hịch đi mọi nơi, hễ ai bắt được cha con Mạc đăng Dung thì thưởng cho quan-tước và hai vạn bạc. Lại sai người đưa thư sang cho Mạc đăng Dung bảo phải đưa sổ ruộng-đất nhân-dân sang nộp và chịu tội, thì được tha cho khỏi chết.

Mạc đăng Dung sai bọn Nguyễn văn Thái 阮文泰 sang sứ nhà Minh để xin hàng.

www.songhuong.vn

Đến tháng 11 năm canh-tí (1540). Mạc đăng Dung thấy quân nhà Minh sửa-soạn sang đánh, sợ-hãi quá chừng, bèn để Mạc phúc Hải ở lại giữ nước, rồi cùng với bọn Vũ như Quế 武如桂 cả thảy hơn 40 người, tự trói mình ra hàng, sang chịu tội ở cửa Nam-quan, lạy phục xuống đất để nộp sổ điền-thổ và sổ dân-đinh, lại xin dâng đất 5 động: là động *Tê-phù*, động *Kim-lạc*, động *Cổ-xung*, động *Liễu-cát*, động *La-phù* và đất Khâm-châu. Lại đem vàng bạc dâng riêng cho nhà Minh.

Quan nhà Minh tuy làm bộ hống-hách nói đem binh sang đánh, nhưng cũng sợ phải cái vạ như mấy năm binh-định ngày trước, và lại được tiền bạc của Đăng Dung rồi, cái lòng nhiệt thành vị quốc cũng nguội đi, cho nên mới tâu với vua nhà Minh xin phong cho Mạc đăng Dung làm chức Đô-thống-sứ 都統使 hàm quan nhị-phẩm nhà Minh.

Mạc đăng Dung đã làm tôi nhà Lê mà lại giết vua để cướp lấy ngôi, ấy là một người nghịch thần; đã làm chủ một nước mà không giữ lấy bờ-cõi, lại đem cắt đất mà dâng cho người, ấy là một người phản quốc. Làm ông vua mà không giữ được cái danh-giá cho trọn-vẹn, đến nỗi phải cởi trần ra trói mình lại, đi đến quì lạy ở trước cửa một người tướng của quân nghịch để cầu lấy cái phú-quí cho một thân mình và một nhà mình, ấy là một người không biết liêm-sỉ.

Đối với vua là nghịch thần, đối với nước là phản quốc, đối với cách ăn-ở của loài người, là không có nhân-phẩm; một người như thế ai mà kính phục? Cho nên dẫu có lấy được giang-sơn nhà Lê, dẫu có mượn được thế nhà Minh bênh-vực mặc lòng, một cái cơ-nghiệp dựng lên bởi sự gian-ác hèn-hạ như thế, thì không bao giờ bền-chặt được. Cũng vì cớ ấy cho nên con cháu họ Lê lại trung-hưng lên được.

3. HỌ NGUYỄN KHỞI NGHĨA GIÚP NHÀ LÊ. Khi Mạc đăng Dung làm sự thoán-đoạt thì các quan cựu thần trốn-tránh đi cũng nhiều. Thủa ấy có người con ông Nguyễn hoằng Dụ 阮弘裕, tên là Nguyễn Kim 阮淦 (hay là Nguyễn

www.songhuong.vn

hoằng Kim) (1) làm quan Hữu-vệ Điện-tiền Tướng-quân An-thanh-hầu 右衛殿前將軍安清侯, trốn sang Ai-lao. Vua nước ấy là Xạ Đẩu 乍斗 cho đến ở xứ Sầm-châu 岑州 (thuộc Trấn-man phủ, đất Thanh-hóa). Ông Nguyễn Kim đến ở Sầm-châu rồi cho người đi tìm con-cháu nhà Lê để đồ sự khôi-phục. Đến năm quí-tị (1532) tìm được một người con rốt vua Chiêu-tông tên là Duy Ninh 維寧 lập lên làm vua, tức là Trang-tông 莊宗.

Khi ấy lại có một người tướng giỏi tên là Trịnh Kiểm 鄭檢, ở làng Sóc-sơn, huyện Vĩnh-lộc, phủ Quảng-hóa. Ông Nguyễn Kim thấy người có tài, gả con gái là Ngọc Bảo cho, để cùng ra sức giúp nhà Lê, dứt nhà Mạc.

Vua tôi nhà Lê nương-náu ở Sầm-châu để chiêu-tập quân-sĩ, mãi đến năm canh-tí (1540), ông Nguyễn Kim mới đem quân về đánh Nghệ-an. Năm nhâm-dần (1542) Trang-tông mới cất quân về đánh Thanh-hóa và Nghệ-an, qua năm sau (1543) thì thu phục được đất Tây-đô, quan Tổng-trấn nhà Mạc là Dương chấp Nhất 楊執一 ra hàng.

4. QUYỀN VỀ HỌ TRỊNH. Năm ất-tị (1545) ông Nguyễn Kim đem quân tiến lên đánh Sơn-nam, đi đến huyện Yên-mô, bị Dương chấp Nhất là hàng tướng nhà Mạc đánh thuốc độc chết. Những binh-quyền giao cả lại cho con rể là Trịnh Kiểm.

Trịnh Kiểm rút quân về Thanh-hóa, lập hành-điện ở đồn Vạn-lại (thuộc huyện Thụy-nguyên, Thanh-hóa) để cho vua ở, rồi chiêu-mộ những kẻ hào-kiệt, luyện-tập quân-sĩ, tích trữ lương-thảo để lo việc đánh họ Mạc.

Bấy giờ có những người danh-sĩ như là các ông Phùng khắc Khoan 馮克寬 (tức là trạng Bùng), ông Lương hữu Khánh 梁有慶 đều vào giúp nhà Lê. Giang-sơn bấy giờ chia làm hai: từ Thanh-hóa trở vào thuộc nhà Lê, làm Nam-Triều; từ Sơn-nam trở ra thuộc về họ Mạc, làm Bắc-triều.

---

(1) Xem sách *Việt-nam khai-quốc-chí truyện*, thì ông Nguyễn Kim tức là ông Nguyễn hoằng Kim, là con ông Nguyễn hoằng Dụ, cháu ông Nguyễn văn Lang, đều làm quan nhà Lê cả.

www.songhuong.vn

Năm bính-ngọ (1546) Mạc phúc Hải mất, truyền ngôi lại cho con là Mạc phúc Nguyên 莫福源, niên-hiệu Vĩnh-định.

Năm mậu-thân (1548) vua Trang-tông mất, Trịnh Kiểm lập Thái-tử tên là Duy Huyên 維潼 lên làm vua, được 8 năm thì mất, tức là Trung-tông.

Vua Trung-tông mất không có con, mà bấy giờ dòng-dõi họ Lê cũng không có ai, việc binh-quyền thì ở trong tay Trịnh Kiểm cả.

Tục truyền rằng Trịnh Kiểm đã lưỡng-lự muốn tự xưng làm vua, nhưng còn chưa dám định hẳn bề nào, các quan cũng không ai biết làm thế nào cho phải. Sau Trịnh Kiểm cho người đi lên ra Hải-dương hỏi ông Nguyễn bỉnh Khiêm 阮秉謙 (2), tức là trạng Trình, xem nên làm thế nào.

Ông Nguyễn bỉnh Khiêm không nói gì cả, chỉ ngảnh lại bảo đầy-tớ rằng: *Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ*». Nói rồi lại sai đầy-tớ ra bảo tiểu quét-dọn chùa và đốt hương, để ông ra chơi chùa, rồi bảo tiểu rằng: *Giữ chùa thờ Phật thì ăn oán*».

Sứ-giả về kể chuyện lại cho Trịnh Kiểm nghe. Trịnh Kiểm hiểu ý, mới cho người đi tìm con cháu họ Lê. Sau tìm được người cháu huyền-tôn ông Lê Trừ 黎除, là anh vua Thái-tổ, tên là Duy Bang 維邦, ở làng Bố-vệ, huyện Đông-sơn, rước về lập lên làm vua.

Bấy giờ nhà Lê thì lo đánh họ Mạc để khôi phục lại đất Đông-đô, nhà Mạc thì muốn trừ họ Lê để nhất-thống thiên-hạ. Nhưng từ khi ông Nguyễn Kim mất rồi, và trong mấy năm về đời vua Trung-tông, Trịnh Kiểm cứ giữ thế thủ ở đất Thanh-hóa, để sửa-sang việc binh-lương, đợi ngày ra đánh họ Mạc.

---

(2) Ông Nguyễn bỉnh Khiêm làm quan nhà Mạc, được phong là Trình-quốc-công cho nên mới gọi là trạng Trình, sau về tri sĩ ở làng Trung-an, huyện Vĩnh-lại, tỉnh Hải-dương.

www.songhuong.vn

Nhà Mạc sai Mạc kính Điển 莫敬典, là chú Mạc phúc Nguyên cầm quân đi đánh họ Lê.

Mạc kính Điển đem binh vào đánh Thanh-hóa cả thảy kể hơn mười phen, phen nào cũng phải thua trở về. Trịnh Kiểm cũng ra đánh Sơn-nam kể vừa 6 lần, nhưng không có lần nào được toàn thắng. Chỉ có năm kỷ-mùi (1559) Trịnh Kiểm đem 6 vạn quân ra đánh mặt Bắc, đã lấy được những tỉnh Sơn-tây, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Kinh-bắc, Lạng-sơn và các huyện ở mặt Hải-dương, tưởng đã sắp thành-công, nhưng lại bị Mạc kính Điển đem một đạo quân đi đường bộ vào đánh Thanh-hóa nguy-cấp lắm, Trịnh Kiểm lại phải bỏ miền Bắc về giữ đất Tây-đô. Thành ra hai bên cứ giữ nhau mãi: nhà Lê tuy đã trung-hưng, nhưng giang-sơn vẫn chưa thu lại được như cũ, mà nhà Mạc có làm vua, thì cũng chỉ làm vua ở miền Bắc mà thôi.

Năm Tân-dậu (1561) vua nhà Mạc là Phúc Nguyên mất, con là Mạc mậu Hợp 莫茂洽 lên nối ngôi làm vua.

Việc tranh chiến vẫn cứ như trước: khi thì Trịnh Kiểm ra đánh Sơn-nam, khi thì Mạc kính Điển vào đánh Thanh-hóa, hai bên không bên nào được hẳn.

5. TRỊNH TÙNG THỐNG - LĨNH BINH - QUYỀN. Năm canh-ngọ (1570) Trịnh Kiểm mất, trao quyền lại cho con trưởng là Trịnh Cối 鄭檜 để lo việc đánh dẹp. Nhưng Trịnh Cối hay say-đắm tửu sắc, tướng-sĩ không mấy người phục; lại có em là Trịnh Tùng 鄭松 ý muốn cướp quyền của anh, bèn cùng với bọn Lê cập Đệ 黎及第, Trịnh Bách 鄭柏 rước vua về đồn Vạn-lại, rồi chia quân ra chống với Trịnh Cối.

Đương khi hai anh em họ Trịnh đánh nhau, thì Mạc kính Điển lại đem hơn 10 vạn quân vào đánh Thanh-hóa, Trịnh Cối liệu thế địch không nổi, bèn đem quân về hàng họ Mạc, được giữ quan-tước như cũ. Quân nhà Mạc thừa thế tiến lên đến sông Mã-giang, tràn sang đóng ở đất Hà-trung, rồi đến vây đánh An - trường (thuộc huyện Thụy - nguyên) là chỗ vua nhà Lê đóng.

www.songhuong.vn

Bấy giờ vua Anh-tông về ở Đông-sơn, phong cho Trịnh Tùng làm tả-thừa-tướng, tiết chế chư quân, để chống giữ với quân nhà Mạc. Trịnh Tùng sai các tướng giữ mọi nơi rất là chắc-chắn. Mạc kính Điển đánh mãi không được, lâu ngày hết lương phải rút quân về Bắc.

Quân nhà Mạc rút về rồi, vua phong cho Trịnh Tùng làm Thái-úy Trưởng-quốc-công 太尉長國公, và thăng thưởng cho các tướng-sĩ. Lại sai ông Phùng khắc Khoan đi chiêu-tập những hoang dân ở Thanh-hóa về yên-nghiệp làm ăn, và chỉnh-đốn việc chính-trị lại.

Bấy giờ việc gì cũng do ở Trịnh Tùng quyết-đoán cả, uy-quyền hống-hách, vua cũng lấy làm lo. Lê cập Đệ 黎及第 thấy vậy, mưu với vua để trừ họ Trịnh, nhưng Trịnh Tùng biết ý dùng mưu giết Cập Đệ, vua Anh-tông biết sự không thành, lo sợ lắm, bèn cùng với bốn hoàng-tử chạy vào Nghệ-an.

Trịnh Tùng thấy vua xuất ngoại rồi, bèn cho người đi rước hoàng-tử thứ năm là Duy Đàm 維潭 ở làng Quảng-thi, huyện Thụy-nguyên về lập lên làm vua, rồi sai Nguyễn hữu Liêu 阮有僚 đem binh đi đuổi theo vua Anh-tông.

Anh-tông vào đến đất Nghệ-an, thấy quân đuổi đến, vội-vàng ẩn vào trong vườn mía, nhưng bị Hữu Liêu tìm thấy đưa về, đến huyện Lôi-dương thì Trịnh Tùng sai người đến giết đi, rồi nói rằng vua tự thắt cổ chết.

Trịnh Tùng giết vua Anh-tông rồi, thăng thưởng cho những người đồng đảng với mình, và chia quân ra phòng giữ các nơi để chống với quân nhà Mạc.

Từ năm quí-dậu (1573) cho đến năm quí-mùi (1583) vừa 10 năm, Trịnh Tùng cứ giữ vững đất Thanh-hóa, Nghệ-an, để cho quân nhà Mạc vào đánh phải hao binh tổn tướng. Trong bấy nhiêu năm, tướng nhà Mạc là Mạc kính Điển 莫敬典, Nguyễn Quyện 阮倦 và Mạc ngọc Liễn 莫玉瑩, khi thì vào đánh Thanh-hóa, khi thì vào đánh cả mặt Thanh và mặt Nghệ, nhưng mà không bao giờ thành công, phen nào cũng được một vài trận rồi lại thua, phải rút quân về.

www.songhuong.vn

Từ năm ất-mão (1579) trở đi, Mạc kính Điển mất rồi, Mạc đôn Nhượng 莫敦讓 đem binh vào đánh họ Lê, nhưng cũng không được trận nào.

6. KHÔI-PHỤC THÀNH THĂNG-LONG. Đến năm qui-mùi (1583) Trịnh Tùng xem thế mình đã mạnh, mới cử binh-mã ra đánh Sơn-nam lấy được thóc gạo đem về. Từ đó về sau năm nào cũng ra đánh, bắt quân nhà Mạc phải đổi thế công ra thế thủ. Và nhà Mạc thấy thế nhà Lê một ngày một mạnh, bèn bắt quân-dân đắp ba từng lũy, đào ba lần hào ở ngoài thành Đại-la để làm kế thủ-bị.

Quân nhà Lê ra đánh trận nào được trận ấy, Trịnh Tùng bèn quyết ý cử đại binh ra đánh Thăng-long.

Năm tân-mão (1591) Trịnh Tùng sai Diễn-quận-công Trịnh văn Hải 演郡公鄭文海, Thái-quận-công Nguyễn thất Lý 太郡公阮七里 đem binh trấn-thủ các cửa bể và các nơi hiểm-yếu. Sai Thọ quận-công Lê Hòa 壽郡公黎和 ở lại giữ ngự-dinh và cả địa-hạt Thanh-hóa. Phòng-bị đâu đó rồi, bèn đem hơn 5 vạn quân chia ra làm 5 đội, sai quan Thái-phó Nguyễn hữu Liêu 太傅阮有僚, quan Thái-úy Hoàng đình Ái 太尉黃廷愛, Lân-quận-công Hà thế Lộc 驎郡公何世祿, Thế-quận-công Ngô cảnh Hữu 世郡公吳景祐, mỗi người lĩnh một đội, còn Trịnh Tùng tự lĩnh 2 vạn quân ra cửa Thiên-quan (Ninh-bình), qua núi Yên mã (ở huyện An-sơn) đất Tân-phong (tức là Tiên-phong) rồi kéo về đóng ở Tốt-lâm (?).

Vua nhà Mạc là Mạc mậu Hợp cũng điều-động tất cả quân bốn vệ và quân năm phủ được hơn 10 vạn, sai Mạc ngọc Liễn và Nguyễn Quyện lĩnh hai đạo đi làm tả hữu dực; Mậu Hợp tự dẫn trung-quân đến đóng đối trận với quân Trịnh Tùng.

Trịnh Tùng thấy quân Mạc đã đến, bèn tự mình đốc tướng-sĩ thề đánh cho được giặc để báo thù. Quân họ Trịnh đánh rất hăng, quân nhà Mạc chống không nổi, thua to, chết đến hàng vạn người. Mạc mậu Hợp bỏ chạy. Quân họ Trịnh thừa thế đuổi tràn gần đến thành Thăng-long. Nhưng vừa đến tết Nguyên-đán, cho nên Trịnh Tùng dinh-chiến lại cho quân-sĩ nghỉ-ngơi ăn tết. Qua sang tháng giêng năm nhâm-thìn

www.songhuong.vn

(1592) Trịnh Tùng lập đàn tế trời đất và các vua nhà Lê rồi đặt ba điều ước để cấm quân-sĩ.

1. Không được vào nhà dân mà lấy đồ ăn và củi-đuốc.

2. Không được cướp lấy của-cải và chặt lấy cây-cối.

3. Không được dâm hiếp đàn-bà con-gái, và không được vì tư thù mà giết người.

Ai phạm ba điều ấy thì cứ theo quân-pháp mà trị. Đoạn rồi, tiến quân lên đánh Thăng-long thành.

Mạc mậu Hợp thấy quân nhà Lê lại tiến lên, bèn sai Mạc ngọc Liễn 莫玉璘, Bùi văn Khuê 裴文奎, Nguyễn Quyện 阮倦 và Trần bách Niên 陳百年 ở lại giữ thành Thăng-long, rồi đem quân sang sông Nhị-hà về đóng ở làng Thổ-khối 土塊.

Trịnh Tùng sai tướng chia quân vây đánh các cửa thành. Quân nhà Mạc giữ không nổi, ba tầng lũy đều phải phá cả, bọn Mạc ngọc Liễn, Bùi văn Khuê phải bỏ thành mà chạy, Nguyễn Quyện thì phải bắt.

Trịnh Tùng lấy được thành Thăng-long rồi, bắt quân phá những hào lũy đi, san phẳng ra làm bình địa, rồi về Thanh-hóa đem tin thắng trận cho vua biết.

Sử không nói rõ tại làm sao Trịnh Tùng đã lấy được Thăng-long mà không đánh rẫn đi, lại bỏ về Thanh-hóa. Có lẽ là tại quân họ Trịnh tuy thắng trận, nhưng tướng-sĩ đều mỏi-mệt cả, vả lại thế họ Mạc hãy còn mạnh, ở lại sợ giữ không nổi, cho nên phải bỏ mà về.

Trịnh Tùng đã bỏ Thăng-long về Thanh-hóa, nhưng Mậu Hợp không biết nhân lấy dịp ấy mà sửa-sang việc võ-bị, chỉnh-đốn việc chính-trị, lại cứ say-đắm tửu sắc, bạc-đãi các tướng-sĩ, đến nỗi công-việc hỏng nát, thân mình bị hại.

Bấy giờ Bùi văn Khuê có người vợ tên là Nguyễn-thị 阮氏 nhan-sắc hơn người, Mạc mậu Hợp muốn giết Văn Khuê đi để lấy Nguyễn thị làm vợ.

Văn Khuê biết ý đem vợ vào ở huyện Gia-viễn (thuộc Ninh-bình). Mậu Hợp cho quân vào bắt. Văn Khuê phải xin về hàng với Trịnh Tùng.

www.songhuong.vn

7. NHÀ MẠC MẤT NGÔI. Trịnh Tùng được Văn Khuê về hàng, mừng lắm, liền sai Hoàng đình Ái ra đón Văn Khuê rồi đem đi làm tiền đội, tự mình lại đem đại binh trở ra Tràng-an, gặp quân nhà Mạc ở sông Thiên-phái (ở về cuối huyện Ý-yên và huyện Phong-doanh, tỉnh Nam-định), đánh nhau một trận, lấy được 70 chiếc thuyền. Tướng nhà Mạc là Trần bách Niên về hàng.

Quân Trịnh Tùng kéo ra Bình-lục, sang Thanh-oai đóng ở bãi Tinh-thần (bây giờ là xã Thanh-thần ở huyện Thanh-oai) rồi tiến lên đến sông Hát-giang, cửa sông Đáy ra sông Hồng-hà, gặp tướng nhà Mạc là Mạc ngọc Liễn, đánh đuổi một trận lấy được chiến-thuyền kể hằng nghìn chiếc.

Mạc mậu Hợp được tin quân mình thua to, bỏ thành Thăng-long chạy sang Hải-dương về đóng ở Kim-thành 金城 thuộc Hải-dương.

Trịnh Tùng ra đến Thăng-long, rồi sai Nguyễn thất Lý, Bùi văn Khuê và Trần bách Niên sang đánh Mậu Hợp ở Kim-thành, lấy được vàng-bạc của-cải nhiều lắm, và bắt được mẹ Mậu Hợp đem về.

Mạc mậu Hợp thấy quân mình thua luôn, bèn giao quyền chính-trị cho con là Mạc Toàn 莫全 rồi tự mình làm tướng đem quân đi đánh.

Bấy giờ quan nhà Mạc là bọn Đỗ Uông 杜汪, Ngô Tạo 吳造, cả thảy 17 người về hàng nhà Lê.

Trịnh Tùng sang đóng quân ở huyện Vĩnh-lại, rồi sai Phạm văn Khoái 范文快 đem quân đi đuổi đánh Mậu Hợp ở huyện Yên-dũng và huyện Vũ-ninh (nay là Vũ-giang). Mạc mậu Hợp phải bỏ thuyền chạy lên bộ, vào ẩn trong cái chùa ở huyện Phượng-nhỡn. Văn Khoái đuổi đến đấy, có người chỉ-dẫn bắt được đem về Thăng-long, làm tội sống ba ngày, rồi chém đầu đem vào bêu ở trong Thanh-hóa.

Bấy giờ có con Mạc kính Điển là Mạc kính Chỉ 莫敬止 ở đất Đông-triều biết tin Mạc mậu Hợp đã bị bắt, bèn tự lập làm vua, đóng ở huyện Thanh-lâm. Con-cháu họ Mạc hơn 100 người và các quan văn võ đều về đấy cả, rồi treo bảng

www.songhuong.vn

chiêu mộ quân-sĩ, chẳng bao lâu được sáu bảy vạn người. Mạc Toàn là con Mạc mậu Hợp cũng theo về với Mạc kính Chỉ.

Trịnh Tùng thấy Kính Chỉ lại nổi lên, thanh-thế to lắm, quan quân đánh mãi không được, bèn đem quân sang đánh ở huyện Cẩm-giang và huyện Thanh-lâm, bắt được Kính Chỉ và con-cháu họ Mạc cùng các quan cả thảy hơn 60 người.

Trịnh Tùng đánh được trận ấy, rồi về Thăng-long, sai quan vào rước vua Thế-tông ra Đông-đô, mở triều và thăng thưởng cho các tướng-sĩ.

Năm sau, tướng nhà Mạc là Mạc ngọc Liễn tìm được một người con Mạc kính Điển là Mạc kính Cung 莫敬恭 lập lên làm vua, chiếm-giữ châu Yên-bác ở đất Lạng-sơn để làm căn-bản. Nhưng chẳng bao lâu quan Thái-úy là Hoàng đình Ái đem binh lên đánh. Mạc kính Cung và Mạc ngọc Liễn phải chạy sang Long-châu. Ít lâu Ngọc Liễn chết có để thư lại dặn Kính Cung rằng : « *Nay họ Lê lại dấy lên được, ấy là số trời đã định ; còn dân ta thì có tội gì, mà ta nỡ để khổ-sở mãi về việc chiến-tranh ? Vậy ta nên đành phận lánh mình ở nước ngoài, chứ đừng có đem lòng cạnh-tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình.* »

Trung-hậu thay, mấy lời dặn lại của Mạc ngọc Liễn ! Chỉ tiếc vì họ Mạc không ai chịu theo !

Từ đó nhà Mạc mất ngôi làm vua, ngày sau tuy Mạc kính Cung nhờ có nhà Minh bênh-vực được về ở đất Cao-bằng, nhưng cũng là ở một chỗ nhỏ-mọn gần chỗ biên-thùy mà thôi.

Nhà Mạc làm vua từ Mạc đăng Dung cho đến Mạc mậu Hợp là từ năm đinh-hợi (1527) đến năm nhâm-thìn (1592) kể vừa được 65 năm.

Trịnh Tùng tuy đã lập được công to : dứt được nhà Mạc, lấy lại được đất Đông-đô, nhưng nhà Minh vẫn có ý bênh nhà Mạc không chịu nhận nhà Lê. Vả con-cháu họ Mạc hãy còn nhiều ; nay xưng vương chỗ này, mai khởi loạn chỗ khác, cho nên Trịnh Tùng phải một mặt dùng trí mà giữ

www.songhuong.vn

cho nhà Minh khỏi quấy-nhiễu, và một mặt dùng lực mà đánh dẹp dư-đảng họ Mạc.

8. VIỆC NHÀ HẬU - LÊ GIAO - THIỆP VỚI NHÀ MINH. Khi Trịnh Tùng đã thu-phục được thành Thăng-long rồi, người nhà Mạc sang kêu với vua nhà Minh rằng họ Trịnh nổi lên tranh ngôi, chứ không phải là con-cháu nhà Lê.

Vua nhà Minh sai quan đến Nam-quan khám-xét việc ấy.

Tháng 3 năm bính-thân (1596) vua Thế-tông sai quan Hộ-bộ Thượng-thư là Đỗ Uông 杜 汪 và quan Đô-ngự-sử là Nguyễn văn Giai 阮文階 lên Nam-quan tiếp quan Tàu. Sau lại sai hai ông hoàng-thân là Lê Cảnh 黎 棧, Lê Lựu 黎 榴 cùng với quan Công-bộ tả-thị-lang là Phùng khắc Khoan 馮克寬 đem 10 người kỳ-mục, 100 cân vàng, 1.000 cân bạc, cái ấn An-nam Đô-thống-sứ của nhà Mạc và cái ấn An-nam-quốc-vương của vua nhà Lê ngày trước, sang cho quan nhà Minh khám. Nhưng quan nhà Minh lại bắt vua Thế-tông phải thân hành sang hội ở cửa Nam-quan.

Trịnh Tùng sai Hoàng đình Ái 黃廷愛, Nguyễn hữu Liêu 阮有僚 đem một vạn quân đi hộ giá, đưa vua sang phó hội. Sang đến nơi, quan nhà Minh lại đòi phải nộp người vàng và ấn vàng như tích cũ, rồi không chịu đến hội. Vua chờ lâu, không xong việc lại phải trở về.

Đến tháng tư năm sau, sứ nhà Minh lại sang mời vua Thế-tông lên hội ở Nam-quan. Triều-đình sai quan Thái-úy Hoàng đình Ái đem 5 vạn quân đi hộ giá sang hội ở Nam-quan.

Đến khi xa giá về, Trịnh Tùng đem các quan đi đón mừng rồi sai Công-bộ tả-thị-lang Phùng khắc Khoan 馮克寬 làm Chánh-sứ, quan Thái-Thường tự-khanh Nguyễn nhân Thiệm 阮仁贍 làm phó sứ, đem đồ lễ sang Yên-kinh cống nhà Minh và xin phong.

Vua nhà Minh chỉ phong cho vua Thế-tông làm An-nam Đô-thống-sứ. Ông Phùng khắc Khoan dâng sớ tâu rằng : « Đô-thống-sứ là chức cũ của họ Mạc, chứ vua nước Nam là dòng-dõi họ Lê, mà phong cho chức ấy thì không xứng-đáng ».

www.songhuong.vn

Vua nhà Minh giả lời rằng : vẫn biết họ Lê không vi như họ Mạc, nhưng lúc đầu mới phong, hãy tạm cho chức ấy, rồi về sau sẽ phong vương.

Ông Phùng khắc Khoan phải chịu mà về. Từ đó nhà Minh với nhà Lê lại thông sứ như trước.

9. CON - CHÁU NHÀ MẠC Ở CAO - BẰNG. Từ khi Mạc mậu Hợp và Mạc kính Chi phải bắt rồi, con-cháu họ Mạc ẩn ở các nơi để mong đường khôi-phục. Bây giờ có Mạc kính Chương 莫敬章 xưng làm Tráng-vương 壯王, chiếm-giữ từ huyện Đông-triều cho đến đất Yên-quảng.

Năm bính-thân (1596) Trịnh Tùng sai quan Trấn-thủ Hải-dương là Phan Ngạn 潘彥 đánh bắt được Kính Chương.

Lại có người Mạc kính Dụng 莫敬用 là con Mạc kính Chi chiếm-giữ đất Yên-bắc (Lạng-sơn) xưng làm Uy-vương 威王, nhưng cũng chẳng bao lâu bị quân họ Trịnh bắt được.

Còn Mạc kính Cung 莫敬恭 trước đã chạy sang ở Long-châu, sau lại về cùng với đảng mình đánh phá ở đất Cao-bằng và đất Lạng-sơn. Trịnh Tùng sai quan lên đuổi đánh, nhưng Mạc kính Cung sang kêu với nhà Minh, vua nhà Minh cho đưa thư sang bắt nhà Lê phải để đất Cao-bằng cho con-cháu họ Mạc.

Nhà Lê bất-đắc-dĩ phải để đất Cao-bằng cho họ Mạc ở.

www.songhuong.vn

MẠC-TRIỀU THẾ-PHỔ 莫朝世谱

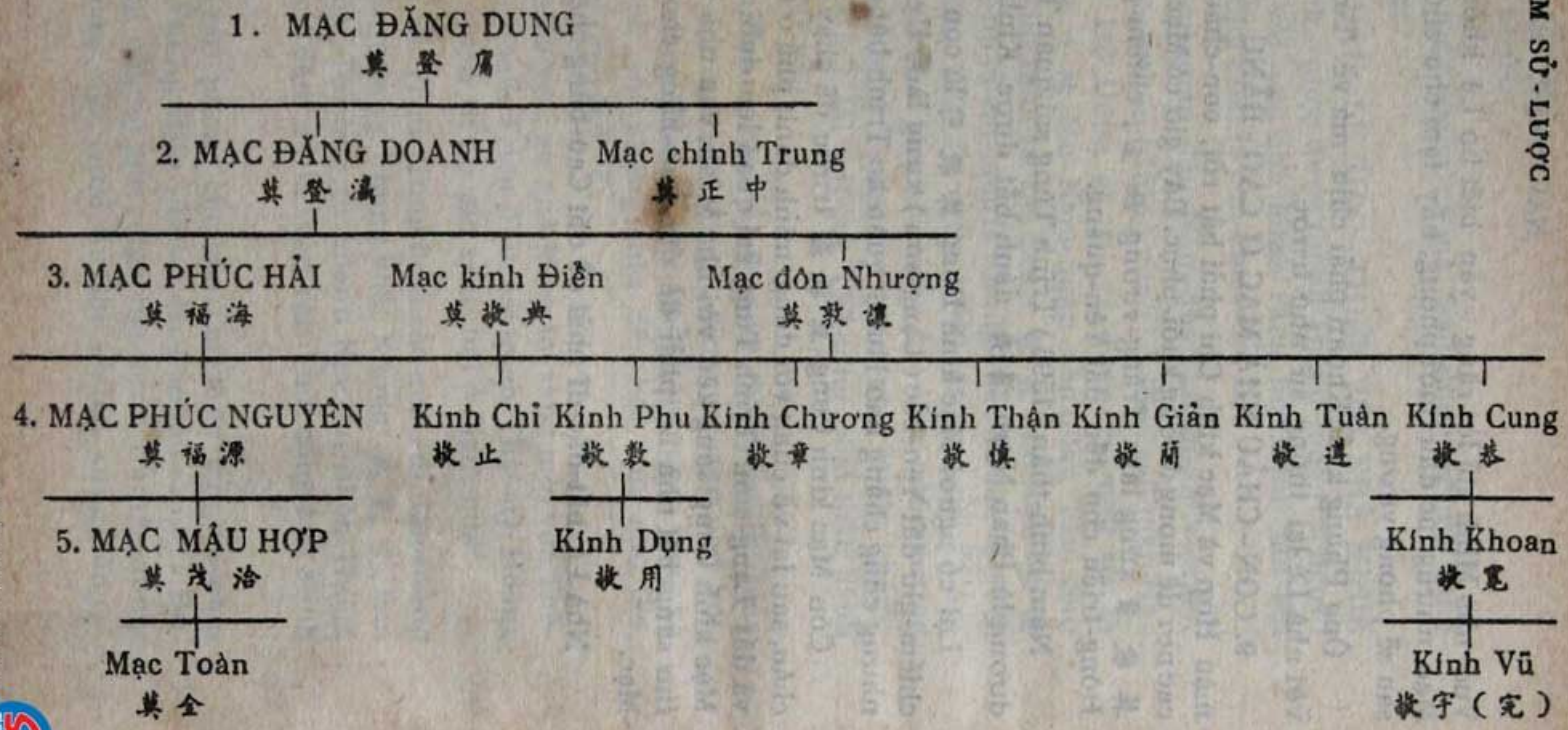

www.songhuong.vn

CHƯƠNG III

TRỊNH NGUYỄN PHÂN - TRANH

1. Họ Trịnh xưng chúa miền Bắc
2. Họ Nguyễn xưng chúa miền Nam

1 HỌ TRỊNH XƯNG CHÚA MIỀN BẮC. Từ khi Trịnh Tùng 鄭松 dứt được họ Mạc, thu giang-sơn lại cho nhà Lê rồi, mỗi ngày một kiêu-hãnh, chiếm giữ lấy quyền chính-trị, và lại hà-hiếp nhà vua. Họ Nguyễn ở trong Thuận-hóa 順化 thấy họ Trịnh chuyên quyền, cũng tự xưng độc-lập ở miền Nam, làm thành ra Nam Bắc đôi nơi và gây nên sự chiến-tranh rất là tàn-hại cho nước nhà.

Năm kỷ-hợi (1599) đời vua Thế-tông nhà Lê, Trịnh Tùng thu-xếp xong việc thông sứ với nhà Minh, và đã chịu nhường đất Cao-bằng cho con-cháu nhà Mạc rồi, trong nước đã yên dần, bèn tự xưng làm Đô-nguyên-súy Tổng-quốc-chính Thượng-phu Bình-an-vương 都元帥總國政尚父平安王, rồi định lệ cấp bổng cho vua được thu thuế 1.000 xã, gọi là lộc thượng-tiến 上進祿, cấp cho vua 5.000 lính để làm quân túc-vệ. Còn những việc đặt quan, thu thuế, bắt lính, trị dân, đều thuộc về quyền họ Trịnh cả. Chỉ có khi nào thiết triều hay là tiếp sứ thì mới cần đến vua mà thôi.

Từ đó về sau, họ Trịnh cứ thế tập làm vương, tục gọi là chúa Trịnh.

Uy-quyền họ Trịnh bấy giờ hống-hách như thế và các quan lại theo về họ Trịnh cả. Giả-sử Trịnh Tùng có muốn

www.songhuong.vn

đứt nhà Lê đi mà làm vua, thì cũng không khó gì. Tuy vậy mà Trịnh Tùng không dám làm, là tại sao? Tại lẽ rằng ở phía Bắc sợ có nhà Minh sinh sự lôi thôi, lại có họ Mạc còn giữ đất Cao-bằng, nhỡ có làm điều gì phản-trắc, thì e quân nghịch nổi lên lấy phù Lê thảo Trịnh làm cớ.

Vả chăng mặt Nam còn có họ Nguyễn, thế-lực cũng chẳng kém-hèn gì, mà lại có ý độc-lập để tranh quyền với họ Trịnh. Chi bằng không lấy nước cũng như lấy nước, không làm vua mà lại hơn vua. Và bao giờ có phải đi đánh-dẹp nơi nào, vẫn lấy lệnh thiên-tử mà sai-khiến mọi người, không ai bẻ-bắt gì được. Bởi thế cho nên họ Trịnh đành chịu ngôi thứ nhì trong nước mà giữ quyền cả nước.

2. HỌ NGUYỄN XƯNG CHÚA MIỀN NAM. Nguyên khi xưa ông Nguyễn Kim 阮淦 khởi-nghĩa giúp nhà Lê đánh nhà Mạc đã lấy được đất Thanh, Nghệ rồi, sau đem quân ra đánh Sơn-nam 山南 bị hàng tướng nhà Mạc là Dương chấp Nhất 楊執一 đánh thuốc độc chết, binh quyền giao cả lại cho rể là Trịnh Kiểm 鄭檢 để đánh giặc.

Ông Nguyễn Kim có hai người con là Nguyễn Uông 阮汪 và Nguyễn Hoàng 阮潢 cũng làm tướng lập được nhiều công. Người anh là Nguyễn Uông được phong là Lang-quận-công 郎郡公, người em là Nguyễn Hoàng được phong là Thái-úy Đoan-quận-công 端郡公.

Nhưng vì Trịnh Kiểm sợ họ Nguyễn tranh mất quyền mình, bèn kiếm chuyện mà giết Nguyễn Uông đi. Còn Nguyễn Hoàng cũng sợ Trịnh Kiểm có ý ám hại, chưa biết làm thế nào mới cho người ra Hải-dương hỏi ông Nguyễn bỉnh Khiêm. Ông ấy bảo rằng: « *Hoành-sơn nhất đái, vạn đại dung thân* » nghĩa là một dãy Hoành-sơn (1) kia có thể yên thân được muôn đời.

Nguyễn Hoàng mới nói với chị là bà Ngọc Bảo 玉寶 xin Trịnh Kiểm cho vào trấn phía Nam.

Năm mậu-ngọ (1558) đời vua Anh-tông, Trịnh Kiểm mới tâu vua cho Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa 順化. Bấy

---

(1) Núi Hoành-sơn là núi Đèo-ngang ở tỉnh Quảng bình.

www.songhuong.vn

giờ những người họ hàng ở huyện Tống-sơn 宋山 cùng những quân-lính ở đất Thanh, Nghệ nhiều người đưa cả vợ con theo đi. Nguyễn Hoàng vào đóng ở xã Ái-tử 愛子 (sau gọi là kho Cây-khế), thuộc huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị.

Nguyễn Hoàng là một người khôn-ngoan mà lại có lòng nhân-đức, thu-dùng hào-kiệt, yên-ủi nhân-dân, cho nên lòng người ai cũng mến-phục.

Đến năm kỷ-tỵ (1569) ông ra chầu vua ở An-tràng 安場. Qua năm sau Trịnh Kiểm gọi quan tổng-binh ở Quảng-nam là Nguyễn bá Quýnh 阮伯鬮 về giữ đất Nghệ-an, và lại cho ông vào trấn cả đất Thuận-hóa và đất Quảng-nam. Lệ mỗi năm phải nộp thuế là 400 cân bạc, 500 tấm lụa.

Năm nhâm-thân (1572) nhân lúc Trịnh Kiểm mới mất, con là Trịnh Cối 鄭檜 và Trịnh Tùng 鄭松 đánh nhau, nhà Mạc đem quân vào đánh Thanh-hóa và sai tướng là Lập-Bạo 立暴 đem một toán quân đi 60 chiếc thuyền, bởi đường hải-đạo kéo vào đóng ở làng Hồ-xá 胡舍 và ở làng Lạng-uyển 閬宛 (thuộc huyện Minh-linh) để đánh Nguyễn Hoàng.

Ông mới sai một người con gái đẹp là Ngô-thị 吳氏 giả làm cách đưa vàng bạc sang nói với Lập Bạo xin cầu hoà. Lập Bạo mừng rỡ, không phòng giữ gì cả, bị quân họ Nguyễn đánh lén, bắt được giết đi, và đánh tan quân nhà Mạc.

Năm qui-tị (1593) Trịnh Tùng đã lấy được thành Thăng-long, bắt được Mạc mậu Hợp, nhưng mà đảng nhà Mạc còn nhiều, phải đánh dẹp nhiều nơi, Nguyễn Hoàng đưa quân-binh và súng-ống ra Đông-đô, ở hằng 8 năm, giúp Trịnh Tùng để đánh họ Mạc, lập được nhiều công to. Nhưng mà Trịnh Tùng vẫn có ý ghen-ghét không muốn cho ngài về Thuận-hóa, mà ngài cũng chưa có dịp gì mà về được.

Năm canh-tý (1600) nhân vì họ Trịnh kiêu-hãnh quá, các quan có nhiều người không phục; bọn Phan Ngạn 潘彥, Ngô đình Hàm 吳廷鹹, Bùi văn Khuê 裴文奎 khởi binh chống lại với họ Trịnh ở cửa Đại-an (thuộc Nam-định), Nguyễn

www.songhuong.vn

Hoàng mới đem bản bộ tướng-sĩ giả cách nói đi đánh giặc, rồi theo đường hải-đạo về Thuận-hóa.

Nguyễn Hoàng về Thuận-hóa rồi, sợ họ Trịnh nghi-ngờ, bèn đem người con-gái là bà Ngọc Tú 玉秀 gả cho Trịnh Tráng 鄭樟 là con trai Trịnh Tùng. Ngài ở giữ đất Thuận-hóa, cho người con thứ sáu vào trấn đất Quảng-nam dựng ra kho-tàng, tích-trữ lương-thực.

Từ đấy trở đi, Nam Bắc phân-biệt, bề ngoài thì làm ra bộ hòa-hiếu, nhưng bề trong thì vẫn lo việc phòng-bị để chống cự với nhau.

www.songhuong.vn

NƯỚC NAM VỀ ĐỜI CHÚA TRỊNH VÀ CHÚA NGUYỄN

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG IV

SỰ CHIẾN-TRANH

1. Họ Trịnh đánh họ Mạc ở Cao-bằng
2. Nhà Thanh đẩy nghiệp
3. Tình-thế họ Nguyễn ở miền Nam
4. Đánh nhau lần thứ nhất
5. Đánh nhau lần thứ hai
6. Đánh nhau lần thứ ba
7. Đánh nhau lần thứ tư
8. Đánh nhau lần thứ năm
9. Đánh nhau lần thứ sáu
10. Đánh nhau lần thứ bảy

1. HỌ TRỊNH ĐÁNH HỌ MẠC Ở CAO-BẰNG. Năm kỷ-hợi (1599), vua Thế-tông mất, Trịnh Tùng cùng với các quan triều-thần lập hoàng-tử là Duy Tân 維新 lên làm vua, tức là vua Kính-tông 敬宗. Qua năm sau (1600) bọn Phan Ngạn, Ngô đình Hàm và Bùi văn Khuê nổi loạn ở cửa Đại-an. Trịnh Tùng ở Thăng-long sợ bốn mặt thụ-địch, bèn rước vua vào Thanh-hóa.

Đảng họ Mạc thấy thành Thăng-long bỏ không, bèn rước bà thứ-mẫu của Mậu Hợp là Bùi-thị 裴氏 về tôn lên làm quốc-mẫu, rồi cho người lên đón Mạc kính Cung ở đất Cao-bằng.

Phan Ngạn và Bùi văn Khuê lại nghi-ngờ nhau rồi giết lẫn nhau, còn Ngô đình Hàm thì về giúp nhà Mạc.

Trịnh Tùng đem Kính-tông vào Thanh-hóa rồi thu-xếp ra lấy lại Thăng-long, nhưng còn sợ mặt Thuận-hóa có biến

www.songhuong.vn

chăng, bèn sai quan vào ủy-dụ Nguyễn Hoàng; đoạn rồi đem thủy-bộ đại quân ra Bắc, đánh bắt được Bùi-thị giết đi, còn Mạc kính Cung 莫敬恭 bỏ chạy sang Kim-thành ở Hải-dương, sau thấy đảng của mình thua cả, lại bỏ Kim-thành chạy lên Cao-bằng.

Trịnh Tùng lấy lại Thăng-long rồi sai quan vào rước vua ra, và sai các tướng đi tiễu-trừ đảng họ Mạc ở mặt Thái-nguyên, Lạng-sơn và Yên-quang.

Trịnh Tùng càng ngày càng kiêu-hãnh quá, vua cũng không chịu được, lại nhân họ Trịnh có con là Trịnh Xuân 鄭椿 muốn ganh quyền với người con trưởng là Trịnh Tráng 鄭檉, vua Kính-tông mới mưu với Trịnh Xuân để giết Trịnh Tùng, nhưng chẳng may sự không thành. Trịnh Tùng bức vua phải thắt cổ chết, và bắt Trịnh Xuân giam mấy tháng rồi tha.

Trịnh Tùng giết vua Kính-tông rồi, lập Hoàng-tử là Duy Kỳ lên làm vua, tức là vua Thần-tông.

Năm quí-hợi (1623) Trịnh Tùng đau, hội các quan lại giao binh-quyền cho con là Trịnh Tráng 鄭檉, và cho Trịnh Xuân 鄭椿 làm phó.

Trịnh Xuân không bằng lòng, đem binh làm loạn, đốt phá kinh-thành, Trịnh Tùng thấy biến, chạy về xã Hoàng-mai, vào nhà Trịnh Đỗ 鄭杜, rồi cho gọi Trịnh Xuân đến bắt giết đi. Được mấy hôm Trịnh Tùng mất ở chùa Thanh-xuân, thuộc huyện Thanh-trì.

Trịnh Tráng lên nối nghiệp làm chúa. Nhưng vì đảng Trịnh Xuân còn làm loạn, cho nên mới đưa vua về Thanh-hóa. Vua phong cho Trịnh Tráng làm Thái-úy Thanh-quốc-công 太尉清國公, tiết chế thủy-bộ chư quân.

Bấy giờ có Mạc kính Khoan 莫敬寬 là cháu Mạc-kính Cung xưng làm Khánh-vương 慶王 ở đất Thái-nguyên. Trước đã bị quân họ Trịnh đánh phá mấy trận, phải lên ẩn-núp ở đất Cao-bằng, nay thấy người nhà họ Trịnh làm loạn, lại đem quân vào đóng ở làng Thổ-khối 土塊, huyện Gia-lâm. Nhưng chẳng bao lâu Trịnh Tráng ở Thanh-hóa ra đánh. Kính Khoan lại phải chạy về Cao-bằng.

www.songhuong.vn

Trịnh Tráng dẹp yên đất Đông-đô, lại vào rước vua ra, và tự xưng làm Nguyên-súy, Thống-quốc-chính Thanh-độ-vương 元帥, 統國政, 清都王, rồi sai con là Trịnh Kiều 鄭橋 đem quân lên đánh Cao-bằng (ất-sửu 1625) bắt được Mạc kính Cung đem về giết đi. Mạc kính Khoan thì chạy sang Tàu, rồi cho người về dâng biểu xin hàng.

Triều-đình phong cho Kính Khoan làm Thái-úy Thông-quốc-công 太尉通國公 và cho giữ đất Cao-bằng theo lệ cống tiến.

2. NHÀ THANH DẤY NGHIỆP. Khi Trịnh Tráng ở An-nam ta mới lên nối nghiệp làm chúa và đang phải đánh dẹp họ Mạc ở đất Cao-bằng, thì ở bên Tàu nhà Minh mất nước.

Nguyên ở xứ đông-bắc nước Tàu có một xứ gọi là Mãn-châu 滿洲, có giống người Nữ-chân 女真 ở. Về đời nhà Tống người Nữ-chân đã lập nên một nước lớn gọi là Kim 金, xưng đế được 120 năm, rồi bị nhà Nguyên lấy mất. Nhà Nguyên đặt Vạn-hộ-phủ để cai-trị đất Mãn-châu.

Sau nhà Minh dứt được nhà Nguyên, tuy ở Mãn-châu nhà Minh có đặt vệ-địa, nhưng mà người xứ ấy vẫn tự cai-trị lấy.

Đất Mãn-châu bấy giờ chia làm bốn bộ:

1. Mãn-châu bộ 滿洲部 (thuộc về Kiến-châu vệ-địa)
2. Trường-bạch-bộ 長白部 (thuộc về Kiến-châu vệ-địa)
3. Đông-hải-bộ 東海部 (thuộc về Dạ-nhân vệ-địa)
4. Hỗ-luân-bộ 扈倫部 (thuộc về Hải-tây vệ-địa)

Về cuối đời nhà Minh, ở Trường-bạch-bộ có một người tên là Nỗ Nhĩ Cấp Xích 努爾哈赤, tức là vua Thái-tổ nhà Thanh, đánh lấy tất cả đất bốn bộ, đóng kinh-đô ở đất Thẩm-dương 瀋陽, là Thịnh-kinh bây giờ.

Nỗ Nhĩ Cấp Xích mất, con lên nối nghiệp tức là Thanh Thái-tông. Sau nhân được cái Truyền-quốc-tỉ của nước Tàu, Thái-tông mới cải quốc-hiệu là Đại-thanh 大清.

Con Thái-tông tên là Phúc Lâm 福臨 lên làm vua, tức là Thanh Thế-tổ, đánh lấy được cả đất Liêu-tây của nhà Minh.

www.songhuong.vn

Khi tướng nhà Minh là Ngô tam Quế 吳三桂 đang chống với quân nhà Thanh ở Sơn-hải-quan thì Lý tự Thành 李自成 nổi lên vây đánh Yên-kinh. Vua Trang-liệt nhà Minh gọi Ngô tam Quế về cứu, nhưng về đến nửa đường, Tam Quế được tin Yên-kinh đã thất thủ, Trang-liệt-đế và Hoàng-hậu đã bị giết, Tam Quế lại trở về Sơn-hải-quan 山海關.

Lý tự Thành cho người gọi Tam Quế về hàng, Tam Quế không về. Tự Thành đem quân đến đánh Sơn-hải-quan. Tam Quế xin hàng nhà Thanh để lấy binh về đánh Tự Thành.

Lý tự Thành đánh thua, phải bỏ Yên-kinh mà chạy, quân nhà Thanh vào giữ Yên-kinh rồi dời kinh-sư về đó.

Các quan cựu thần nhà Minh lập Phúc-vương 福王 lên làm vua ở Nam-kinh, nhưng sau vì các tướng không hòa với nhau, Phúc-vương phải ra hàng.

Phúc-vương hàng Thanh rồi, Đường-vương 唐王 xưng đế ở Phúc-châu, chẳng bao lâu cũng bị bắt, phải nhịn ăn mà chết.

Dòng-dõi nhà Minh là Quế-vương 桂王 xưng đế ở đất Triệu-khánh (thuộc tỉnh Quảng-tây) được mấy năm, bị quân nhà Thanh đến đánh, phải chạy sang Diến-điện. Vua Diến-điện bắt Quế-vương nộp cho Ngô tam Quế. Tam Quế đem giết đi. Từ đấy nhà Thanh nhất-thống nước Tàu.

Khi Quế-vương xưng đế ở đất Quảng-tây, có ý muốn nhờ An-nam cứu viện, cho nên mới phong cho vua Thần-tông nhà Lê làm An-nam quốc-vương và phong cho Trịnh Tráng làm phó vương.

Khi ấy ở phía bắc nước Tàu đang loạn, họ Mạc thì đã về hàng, Trịnh Tráng mới nhân dịp quyết ý đi đánh họ Nguyễn ở phía nam.

3. TÌNH-THẾ HỌ NGUYỄN Ở MIỀN NAM. Từ khi Nguyễn Hoàng 阮潢 về Thuận-hóa rồi, bề ngoài tuy vẫn chưa ra mặt chống với họ Trịnh, nhưng bề trong thì hết sức lo sự

www.songhuong.vn

phòng-bị. Xem như năm quí-sửu (1613), khi Nguyễn Hoàng sắp mất, gọi người con thứ 6 là Nguyễn-phúc Nguyên 阮福源 vào dặn rằng: « Đất Thuận, Quảng này bên bắc thì có núi Hoành-sơn 横山, sông Linh-giang, bên nam thì có núi Hải-vân và núi Bi-sơn thật là một nơi trời để cho người anh-hùng dụng võ. Vậy ta phải thương-yêu nhân-dân, luyện-tập quân-sĩ để mà gây-dựng cơ-nghiệp về muôn đời ». Xem lời ấy thì biết họ Nguyễn đã có ý muốn độc-lập để chống với họ Trịnh.

Khi ở ngoài Bắc, Trịnh Tùng 鄭松 mất, chúa Sãi là ông Nguyễn-phúc Nguyên bảo các quan rằng: «Ta muốn nhân dịp này mà ra đánh họ Trịnh, nhưng hiềm vì công-việc chưa xong, vậy thì hãy sai người ra phúng-điếu, trước là cho phải cái nghĩa hôn-nhân với nhau, sau là nhân thể xem tình-ý ngoài Bắc ra thế nào ».

Bấy giờ ở miền Nam lại có những người tôi giỏi giúp rập như các ông Nguyễn hữu Dật 阮有鎰, ông Đào duy Từ 陶維慈 và ông Nguyễn hữu Tiến 阮有進 đều là người có tài trí cả.

Nguyễn hữu Dật 阮有鎰 là người làng Gia-miêu, huyện Tống-sơn, tỉnh Thanh-hóa, học rộng, tài cao, và lại có tài hùng-biện, đánh giặc giỏi, thật là một bậc văn võ kiêm toàn.

Đào duy Từ 陶維慈 là người làng Hoa-trai, huyện Ngọc-sơn, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Vì ông là con nhà xướng hát cho nên không được đi thi, ông phẫn trí mới đi vào miền Nam tìm đường lập công, nhưng chưa gặp được người tiến-cử cho, bèn vào ở chăn trâu cho một nhà phú-gia ở làng Tùng-châu 叢州 phủ Hoài-nhân (nay là Bình-định). Ông làm bài « *Ngọa-long-cương* 卧龍崗 » để tự ví mình với ông Gia-cát Lượng. Sau có quan Khám-lý là Trần đức Hòa 陳德和 biết Duy Từ là người có tài, đem về nuôi, và gả con-gái cho, rồi đưa dâng chúa Sãi. Chúa dùng làm Nội-tán 内贊, phong làm Lộc-khê-hầu 禄漢侯 (1).

---

(1) Đào duy Từ giúp chúa Sãi được 8 năm thì mất, thọ 63 tuổi.

www.songhuong.vn

Nguyễn hữu Tiến 阮有進 cũng là người Thanh-hóa, làng Vân-trai, huyện Ngọc-sơn, võ nghệ tinh-thông, dùng binh rất có kỷ-luật, thật là một người làm tướng có tài vậy.

Những người ấy giúp chúa Nguyễn, bày mưu định kế, luyện-tập quân-lính, xây đồn đắp lũy để chống với quân họ Trịnh (2).

Khi những đồn lũy đã kiên-cố, binh lương đã đủ rồi, chúa Sãi mới ra mặt không thần-phục họ Trịnh nữa, và sai tướng ra chiếm giữ lấy đất Nam-bố-chính 南布政 là đất ở phía nam sông Linh-giang 靈江 để làm chỗ chống giữ. Từ đó họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau tai-hại trong khoảng 45 năm ở đất Quảng-bình, Hà-tĩnh bây giờ.

4. ĐÁNH NHAU LẦN THỨ NHẤT. Năm đinh-mão (1627) nhân khi nhà Minh bên Tàu còn đang chống nhau với nhà Thanh, và họ Mạc ở Cao-bằng thì về hàng, Trịnh Tráng 鄭樻 mới sai quan vào Thuận-hóa giả tiếng nhà vua sai vào đòi tiền thuế từ ba năm về trước.

Tờ sắc làm bằng chữ nôm như sau này :

« Hoàng-thượng sắc dụ cho Thái-bảo Thụy-quận-công là « Nguyễn-phúc Nguyên được biết rằng :

« Mệnh lệnh triều-đình,

« Đạo làm tôi phải nên tuân-thủ ;

« Thuế-má phủ huyện,

« Tướng ngoài cõi không được tự chuyên.

« Trước đây trẫm có sai Công-bộ Thượng-thư là Nguyễn « duy Thì, Bá-khê-hầu là Phan văn Trị vào Thuận-hóa, đạo « đạt tình-ý, chỉ-bảo đường họa-phúc, để cho tỉnh biết mà « phục-tùng quyền-chính triều-đình. Không ngờ nhà ngươi « mang lòng dũng-dắng, tối đường tới lui, nói thoái-thác « cho lôi-thôi ngày tháng, để đến nỗi thuế-má thiếu-thốn, « không đủ việc chi-thu, đạo làm tôi như thế đã phải chưa ?

---

(2) Đào duy Từ lập đồn Trường-dục 長育 ở huyện Phong-lộc (Quảng-bình). Và xây cái lũy dài ở cửa Nhật-lệ 日麗 (cửa Đồng-hới) tức là cái Trường-thành ở Quảng-bình bây giờ. Người ta thường gọi lũy ấy là lũy Thầy, nghĩa là lũy của Đào duy Từ đắp ra.

www.songhuong.vn

« Nhà ngươi nay nên đổi lỗi trước, giữ-gìn phép-tắc. Phàm « ngạch thuế trong hai xứ Thuận, Quảng, từ năm qui-hợi « về trước, có phải đã mất mùa thì xá cả cho; còn từ năm « giáp-tí đến nay phải tính cho đủ số theo lệ trước, tải thuyền « đem ra nộp cho đủ; và phải chỉnh-tề binh-mã, hoặc thân « đến kinh-đô triều-hạ, hoặc phải sai con đi thay, để coi xem « nghi-vệ trong nước, và để tỏ giãi tấm lòng làm tôi. Nếu thế « thì Triều-đình sẽ phong thêm cho chức-tước vinh-hiển, để « rạng tỏ đến tổ-tông. Nhược bằng thoái-thác không đến, thì « tức là phạm tội với triều-đình.

« Khâm tai dụ sắc! »

Chúa Sãi tiếp sứ nhưng không chịu nộp thuế. Trịnh Tráng lại sai sứ mang sắc vua Lê vào dụ chúa Sãi cho con ra chầu, và lấy 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền để đưa đi cống nhà Minh. Chúa Sãi không chịu.

Trịnh Tráng thấy vậy, bèn quyết ý đánh họ Nguyễn, sai Nguyễn Khải 阮 杜 và Nguyễn danh Thế 阮 名 世 đem 5.000 quân đi làm tiên-phong vào đóng ở xã Hà-trung 河 中 (tục gọi là Cầu-doanh), rồi đem đại binh, rước vua Lê đi đánh mặt Nam.

Chúa Sãi sai cháu là Nguyễn-phúc Vệ 阮 福 衛 làm tiết-chế cùng với Nguyễn hữu Dật đem binh-mã ra giữ các nơi hiểm yếu. Quân họ Trịnh đến đánh, chết hại rất nhiều. Bọn Nguyễn hữu Dật lại đặt ra một kế khiến cho quân Trịnh phải rút về, sai người đi nói phao ra rằng ở ngoài Bắc có Trịnh Gia 鄭 嘉 và Trịnh Nhạc 鄭 岳 sắp làm loạn.

Trịnh Tráng nghe tin ấy trong bụng sinh nghi, không biết thực hư thế nào, bèn rước vua và rút quân về Bắc.

5. ĐÁNH NHAU LẦN THỨ HAI. Năm canh-ngọ (1630) chúa Sãi nghe lời Đào duy Từ, sai người đem sắc dụ ra trả vua Lê, rồi sai tướng đánh lấy phía nam-ngạn sông Linh-giang để chống với quân họ Trịnh. Đến năm qui-dậu (1633) nhân khi chúa Sãi có người con thứ ba tên là Ánh 暎, trấn thủ ở đất Quảng-nam, có ý muốn tranh quyền, bèn sai người

www.songhuong.vn

đưa thư ra Thăng-long xin chúa Trịnh đem quân vào đánh bắn súng làm hiệu, thì sẽ làm nội ứng. Ánh lại xin chúa Sãi cho ra trấn-thủ đất Quảng-bình để cho tiện làm mưu gian, nhưng chúa Sãi có lòng ngờ, không cho.

Khi Trịnh Tráng được cái thư của ngươi Ánh gửi ra, liền đem đại binh vào đóng ở cửa Nhật-lệ 日 麗 (cửa Đồng-hới).

Chúa Nguyễn sai Nguyễn vân Thắng 阮 雲 勝 và Nguyễn hữu Dật 阮 有 鎰 đem quân ra chống-giữ.

Quân họ Trịnh đến đợi hơn 10 ngày, không thấy tin-tức gì của ngươi Ánh, bèn lui quân ra để chờ.

Quân-lính đợi lâu thành ra lười-biếng, quân họ Nguyễn mới xuất kỳ bất ý, đổ ra đánh đuổi.

Trịnh Tráng thấy sự không thành, rút quân về.

6. ĐÁNH NHAU LẦN THỨ BA. Năm ất-hợi (1635) chúa Sãi là Nguyễn-phúc Nguyên mất, con là Nguyễn-phúc Lan 阮 福 瀾 lên nối nghiệp làm chúa, gọi là chúa Thượng.

Lúc ấy ngươi Ánh ở Quảng-nam nghe tin chúa Sãi mất rồi, anh lên nối nghiệp, bèn phát binh làm phản. — Bấy giờ có Nguyễn-phúc Khê giúp chúa Thượng, sai quân vào đánh bắt được ngươi Ánh, lấy nghĩa *«Anh em là tình riêng, phép nước là nghĩa lớn»* đem giết đi.

Trịnh Tráng thấy anh em họ Nguyễn tranh nhau, sai tướng vào đánh đất Nam-bố-chính, giết được tướng họ Nguyễn là Bùi công Thắng 裴 公 勝 rồi tiến lên đóng ở cửa Nhật-lệ.

Đến năm qui-vị (1643) Trịnh Tráng đem đại binh và rước vua Lê vào đất Bắc-bố-chính. Nhưng bấy giờ đang tiết tháng tư, khí trời nóng lắm, quân-sĩ chết-hại rất nhiều, Trịnh Tráng phải rút về Bắc.

7. ĐÁNH NHAU LẦN THỨ TƯ. Năm mậu-tí (1648) Trịnh Tráng sai đô đốc Tiến-quận-công 進 郡 公 là Lê văn Hiểu 黎 文 曉 (3) đem quân thủy-bộ vào đánh miền Nam;

---

(3) Có nơi chép là Trịnh Đào 鄭 濤 hay là Hàn Tiến.

www.songhuong.vn

bộ binh tiến lên đóng ở đất Nam-bố-chính; còn thủy-quân thì vào đánh cửa Nhật-lệ.

Bấy giờ có hai cha con Trương phúc Phấn 張福奮 cố sức giữ lũy Trường-dục 長育, quân họ Trịnh đánh mãi không tiến lên được.

Chúa Nguyễn sai con là Nguyễn-phúc Tần 阮福瀕 đem binh ra chống-giữ với họ Trịnh, khi ra đến Quảng-bình, Nguyễn-phúc Tần hội các tướng lại bàn rằng: «Quân kia tuy nhiều, nhưng mà người đánh giỏi thì ít. Nếu đến đêm ta cho voi xông vào rồi đem đại quân đến đánh là chắc phá được.» Đoạn rồi, một mặt cho thủy-quân đi phục sẵn ở sông Cầm-la để chặn đường quân Trịnh chạy về; một mặt sai Nguyễn hữu Tiến đem 100 con voi đến canh năm xông vào trại quân Trịnh, quân bộ tiếp sau vào đánh phá. Quả nhiên quân Trịnh thua to chạy về Bắc, lại gặp quân thủy của họ Nguyễn đón đường đuổi đánh mãi đến sông Lam-giang mới thôi.

Trận ấy quân họ Nguyễn bắt được mấy người tướng và 3.000 quân của họ Trịnh.

Trịnh Tráng thấy quân mình thua, sai Lê văn Hiểu 黎文曉 cùng với Trần ngọc Hậu 陳玉厚 lĩnh một vạn quân đóng ở Hà-trung, Lê hữu Đức 黎有德 cùng với Vũ Lương 武良 đong ở Hoành-sơn, Phạm tất Toàn 范必全 đóng ở đất Bắc-bố-chính để phòng giữ quân họ Nguyễn.

Lúc bấy giờ ở trong Nam thì chúa Thượng mất, truyền nghiệp chúa lại cho con là Nguyễn-phúc Tần, gọi là chúa Hiền. Ở ngoài Bắc thì vua Chân-tông mất, không có con, Trịnh Tráng lại rước Thần-tông, Thái-thượng-hoàng, về làm vua lần nữa.

Họ Trịnh vào đánh họ Nguyễn đã mấy phen, đánh phen nào thì hao binh tổn tướng phen ấy, thế mà vẫn không chịu thôi việc chiến-tranh. Đến năm ất-vị (1655) quân nhà Trịnh lại vào đánh đất Nam-bố-chính. Bấy giờ chúa Hiền mới quyết ý đem quân ra đánh họ Trịnh.

www.songhuong.vn

8. ĐÁNH NHAU LẦN THỨ NĂM. Tháng tư năm ất-vị (1655) chúa Hiền sai Thuận-nghĩa-hầu là Nguyễn hữu Tiến 阮有進, Chiêu-vũ-hầu là Nguyễn hữu Dật 阮有溢 đem quân qua sông Linh-giang ra đánh đất Bắc-bố-chính, tướng họ Trịnh là Phạm tất Toàn về hàng.

Quân nhà Nguyễn tiến lên đến Hoành-sơn, gặp quân của Lê hữu Đức, đánh đuổi một trận, rồi thừa thắng đánh đến đồn Hà-trung. Lê văn Hiều chống không nổi, phải cùng với Lê hữu Đức rút quân về giữ An-trường 安場 (tức là thành Nghệ-an bây giờ).

Nguyễn hữu Tiến đem binh đến đóng ở huyện Thạch-hà, Lê văn Hiều và Lê hữu Đức lại sang đóng ở xã Đại-nại 大柰.

Trịnh Tráng thấy bọn Lê văn Hiều bình bại ở Hà-trung, bèn cho sứ vào triệu về kinh, và sai Trịnh Trượng 鄭杖 vào làm Thống-lĩnh, kinh-lược đất Nghệ-an.

Lê văn Hiều bị đạn ở chân, về đến nửa đường thì chết; còn bọn Lê hữu Đức, Vũ Lương đều phải giáng chức cả.

Trịnh Trượng tiến binh lên đến huyện Kỳ-hoa, cho thủy-binh vào đóng ở cửa Kỳ-la.

Nguyễn hữu Tiến thấy quân họ Trịnh đã tiến, bèn rút quân về sông Linh-giang để nhử quân nghịch. Nhưng mà Trịnh Trượng thấy tự-nhiên quân Nguyễn bỏ về như vậy, sợ có mưu-kế gì, không dám đuổi, bèn đóng quân ở lại Lạc-xuyên 樂川, rồi cho 500 người vào đóng ở đồn Hà-trung.

Nguyễn hữu Tiến thấy quân họ Trịnh không đuổi, bèn đem quân đến đánh quân Trịnh ở Lạc-xuyên; còn Nguyễn hữu Dật thì đem thủy-binh ra đánh cửa Kỳ-la, đuổi chiến-thuyền của họ Trịnh về cửa Châu-nhai.

Nguyễn hữu Tiến và Nguyễn hữu Dật thừa thắng tiến binh lên đánh quân họ Trịnh, rồi chiếm-giữ lấy đồn Lạc-xuyên. Binh-tướng họ Trịnh phải chạy về An-tràng.

Bấy giờ những huyện ở phía nam sông Lam-giang (tức là sông Cả bây giờ) là *huyện Kỳ-hoa, huyện Thạch-hà, huyện*

www.songhuong.vn

Thiên-lộc, huyện Nghi-xuân, huyện La-sơn, huyện Hương-sơn, huyện Thanh-chương, cả thảy là bảy huyện đều thuộc về họ Nguyễn cả.

Tin quân Trịnh thua ở Lạc-xuyên ra đến Thăng-Long, Trịnh Tráng giáng Trịnh Trượng xuống làm đô-đốc, rồi sai con là Trịnh Tạc 鄭柞 vào Nghệ-an làm Thống-lĩnh để chống-giữ với quân họ Nguyễn.

Bọn Nguyễn hữu Tiến thấy quân Trịnh Tạc lại tiến, liền lui quân về đóng ở Hà-trung để giữ trận thế. Nhưng bấy giờ ở ngoài Bắc lắm việc, Trịnh Tráng phải gọi Trịnh Tạc về, để tướng là Đào quang Nhiêu 陶光饒 ở lại trấn thủ đất Nghệ-an, đóng ở An-tràng, sai Thân văn Quang 申文光, Mẫn văn Liên 閔文蓮 đóng ở làng Tiếp-vũ 接武 (thuộc huyện Thiên-lộc) thủy-quân đóng ở sông Khu-độc 驅犢 thuộc huyện Nghi-xuân).

Qua năm bính-thân (1656) quân họ Nguyễn đến đánh đồn Tiếp-vũ, bọn Thân văn Quang bỏ chạy. Nguyễn hữu Tiến đem quân đến đóng ở sông Tam-chế. Còn Nguyễn hữu Dật tiến binh đến núi Hồng-lĩnh 鴻嶺, gặp quân họ Trịnh đánh đuổi đến đất Mẫn-tường, rồi lại gặp thủy-binh của Vũ văn Thiêm 武文添, đánh phá một trận, Văn Thiêm thua chạy. Quân họ Nguyễn thừa thắng tiến lên đến làng Minh-lương và làng Bình-lạng gặp quân của Đào quang Nhiêu, hai bên đánh nhau một trận rất dữ. Đào quang Nhiêu thua chạy về An-tràng, dâng biểu tạ tội và xin viện binh.

Trịnh Tráng sai người con út là Ninh-quận-công Trịnh Toàn 寧郡公鄭檢 (tục hay gọi là ông Ninh) vào làm thống-lĩnh trấn-thủ đất Nghệ-an.

Trịnh Toàn vào đến Nghệ-an, đốc chư quân tiến lên đến Thạch-hà 石河, sai Đào quang Nhiêu 陶光饒 và Dương Hồ đem binh đến đóng ở làng Hương-bộc và ở làng Đại nại, sai Lê sĩ Hậu 黎仕厚, Bùi sĩ Lương 裴士良 đem thủy-quân đến đóng ở Nam-giới (?), và sai Vũ văn Thiêm 武文添 đem thủy-quân đến đóng ở Châu-nhai.

www.songhuong.vn

Nguyễn hữu Tiến thấy quân họ Trịnh cử động như vậy, bèn sai bọn Dương Trí 楊智, Tống phúc Khang 宋福康 cùng với Nguyễn hữu Dật 阮有鎰 đem thủy-bộ quân đến đánh quân Trịnh ở Nam-giới, lấy được hơn 30 chiếc thuyền, rồi tràn xuống sông Lam-giang đánh Vũ văn Thiêm ở Châu nhai. Vũ văn Thiêm phải bỏ thuyền mà chạy.

Trịnh Toàn thấy các đạo thủy-binh của mình đã thua, bèn rút về đóng ở bến Hoạt 活, bỗng nghe tin toán quân của Đào quang Nhiêu bị vây ở Hương-bộc 香 渠, lập tức đem quân đến cứu, hai bên đánh nhau ở làng Đại-nại 大 柰, quân họ Nguyễn chạy về Hà-trung. Trịnh Toàn và Đào quang Nhiêu đem quân đuổi đến Tam-lộng, bị quân của Nguyễn hữu Tiến và Nguyễn hữu Dật đón đường đánh phá. Trịnh Toàn lại thua, phải chạy về An-tràng.

Trịnh Toàn từ khi vào trấn-thủ đất Nghệ-an, hậu-đãi tướng-sĩ, yêu mến quân dân, lòng người đều phục; nhưng chẳng được bao lâu, Trịnh Tráng mất, Trịnh Tạc 鄭 柞 lên thay, thấy em có nhiều người mến-phục, lấy làm nghi-kỵ, bèn cho con là Trịnh Căn 鄭 根 vào cùng trấn đất Nghệ-an, có ý giữ để cho khỏi biến-loạn. Đoạn rồi cho người vào đòi Trịnh Toàn về kinh, trách sao không về chịu tang, bắt bỏ ngục giam chết.

Binh-quyền ở Nghệ-an giao lại cho Trịnh Căn. Đến tháng sáu năm đinh-sửu (1657) Trịnh Căn chia quân làm 3 đạo, sai Lê Hiến 黎 憲 làm tướng trung-quân, sai Hoàng nghĩa Giao 黃 義 膠 làm tướng tả-quân, sai Trịnh thế Công 鄭 世 功 làm tướng hữu-quân, sang sông Lam-giang rồi tiến lên đánh tướng nhà Nguyễn là Tống hữu Đại 宋 有 大 ở làng Nam-hoa (thuộc huyện Thanh-chương).

Nhưng vì có người báo trước, bọn Nguyễn hữu Tiến đã phòng-bị cả, đến khi quân Trịnh đến, thì mắc kế phải thua, may nhờ có quân Trịnh Căn tiếp ứng, cho nên mới rút về được.

Từ đó quân hai bên cứ giữ nhau ở sông Lam-giang, thỉnh-thoảng đánh nhau một trận, như tháng chạp năm mậu-

www.songhuong.vn

tuất (1658), đánh ở làng Tuần-lễ 循禮 (huyện Hương-sơn) quân họ Nguyễn phải lùi; đến tháng tám năm canh-tí (1660) đánh ở Nghi-xuân, quân họ Trịnh thua bỏ thuyền mà chạy; qua tháng 9 năm ấy đang khi quân họ Nguyễn còn đóng ở làng Hoa-viên (tức là làng Xuân-viên bây giờ), Trịnh Căn định sang lấy núi Lận-sơn 吝山 để giữ trận thế, bèn sai Hoàng nghĩa Giao 黃義膠 và Phan kiêm Toàn 潘兼全 đem binh sang sông Lam-giang ở làng Âm-công, và sai Lê Hiến 黎憲 (4) đi xuống phía Hội-thống rồi sang sông, chờ đến nửa đêm thì hai đạo cùng tiến cả.

Đạo quân của Đào nghĩa Giao đi đến Lận-sơn bị quân của Nguyễn hữu Dật đánh và vây ngặt lắm. Bấy giờ Trịnh Căn đứng thị chiến trên núi Quyết-dũng (ở gần Bến-thủy bây giờ), trông thấy quân mình bị vây nguy-cấp lắm, liền sai quân sang cứu, và truyền cho thủy-quân đến bờ sông mà bắn lên, quân họ Nguyễn phải lùi.

Còn đạo quân của Lê Hiến và Mẫn văn Liên sang đến làng Tả-ao gặp quân họ Nguyễn, hai bên đánh nhau, Mẫn văn Liên tử trận, nhưng quân họ Nguyễn phải bỏ Hoa-viên lui về đóng ở Nghi-xuân.

Lúc ấy đại quân của Nguyễn hữu Tiến đóng ở Nghi-xuân, còn Nguyễn hữu Dật thì đóng ở Khu-đốc. Chúa Hiền cũng đem binh đến tiếp ứng, đóng ở làng Phù-lộ (nay là làng Phù-an thuộc huyện Bình-chính, Quảng-bình). Nguyễn hữu Dật lên về ra mắt chúa Hiền, kể đầu đuôi mọi việc đánh lấy thế nào, chúa Hiền mừng lắm, cho hữu Dật một thanh bảo-kiếm bằng vàng và lại sai trở lại đánh giặc.

Nguyễn hữu Tiến biết việc ấy, trong bụng lấy làm không bằng lòng, và bấy giờ lại nhân có những sĩ-tốt mới hàng ở đất Nghệ-an, thường hay bỏ trốn, Hữu Tiến bèn hội chư tướng lại để bàn xem nên đánh hay là nên lui về. Mọi người đều muốn lui về, duy chỉ có Nguyễn hữu Dật không chịu.

---

(4) Có sách chép là Lê thời Hiến 黎時憲.

www.songhuong.vn

Khi các tướng họ Nguyễn đang bàn-bạc, thì có tin rằng Trịnh Căn sai bọn Lê Hiến đi men bờ bể đến làng Cương-gián, bọn Hoàng nghĩa Giao đến làng Lũng-trâu và làng Mãn-trường, rồi tiến lên đánh ở làng An-điền và ở làng Phù-lưu; quân họ Nguyễn thua. Được tin ấy Nguyễn hữu Tiến quyết ý đem quân về, nhưng bề ngoài giả tảng truyền lệnh cho các tướng rằng đến tối 28 thì các đạo đều phải tiến sang đánh An-tràng, Nguyễn hữu Dật đem binh đi hậu tiếp. Đoạn rồi, dặn riêng các tướng đến nửa đêm rút quân về Nam-bố-chính, không cho Nguyễn hữu Dật biết. Nguyễn hữu Dật sắm sửa đâu vào đấy, chờ mãi không có tin tức gì, đến khi cho người đi thám về nói mới biết quân mình đã rút về Nam rồi. Lúc ấy quân họ Trịnh đã sang sông đến đánh đồn Khu-độc. Hữu Dật mới dùng kế nghi binh để cho quân Trịnh không dám tiến lên, rồi đem binh chạy về, đến Hoành-sơn mới gặp quân của Nguyễn hữu Tiến. Bấy giờ quân Trịnh Căn vừa đuổi đến, hai bên đánh nhau một trận chết hại rất nhiều.

Trịnh Căn lui về đóng ở Kỳ-hoa. Còn bên kia Nguyễn hữu Tiến đóng ở Nhật-lệ, Nguyễn hữu Dật đóng ở Đông cao, giữ các chỗ hiểm-yếu. Từ bấy giờ 7 huyện ở vùng sông Lam-giang lại thuộc về đất Bắc.

Trịnh Căn thấy quân họ Nguyễn giữ-gìn mọi nơi chắc-chắn lắm, liệu thế đánh không được, bèn sai Đào quang Nhiêu ở lại trấn-thủ đất Nghệ-an và kiêm lĩnh cả đất Bắc-bố-chính để phòng giữ mọi nơi, rồi về Thăng-long.

9. ĐÁNH NHAU LẦN THỨ SÁU. Đến tháng 10 năm tân-sửu (1661) Trịnh Tạc cử đại binh và đem vua Lê vào đánh chúa Nguyễn: sai Trịnh Căn làm thống-lĩnh, Đào quang Nhiêu làm Tổng-suất, Lê Hiếu và Hoàng nghĩa Giao làm Đốc-suất, Lê sĩ Triệt và Trịnh Tế làm Đốc-thị, đem binh sang sông Linh-giang rồi đến đóng ở làng Phúc-tự.

Quan trấn-thủ Nam-bố-chính của họ Nguyễn là Nguyễn hữu Dật đóng ở làng Phúc-lộc chia quân ra đắp lũy, giữ vững mọi nơi, quân Trịnh đánh mãi mấy tháng không được.

www.songhuong.vn

Đến tháng 3 năm nhâm-dần (1662), quân mệt, lương hết, Trịnh Tạc phải thu quân và rước vua về Bắc. Nguyễn hữu Dật đem binh đuổi đánh đến sông Linh-giang mới thôi.

Năm ấy Thần-tông về rồi đến tháng 9 thì mất, Trịnh Tạc lập Thái-tử là Duy Vũ 維 橈 lên làm vua tức là vua Huyền-tông. Huyền-tông làm vua được 8 năm thì mất. Trịnh Tạc lại lập Hoàng-đệ là Duy Hội 維 禧 lên làm vua, tức là vua Gia-tông.

10. ĐÁNH NHAU LẦN THỨ BẢY. Từ năm tân-sửu (1661) quân họ Trịnh thua ở đất Bắc-bố-chính rồi, Trịnh Tạc về phải lo việc nước và phải đánh dẹp họ Mạc ở đất Cao-bằng, cho nên không dòm-ngó đến phía Nam; mãi đến năm nhâm-tí (1672) Trịnh Tạc lại đem mấy vạn quân và rước vua Gia-tông vào đất Bắc-bố-chính để đánh họ Nguyễn, sai Trịnh Căn làm thủy-quân Nguyên-súy, Lê Hiến làm bộ quân Thống-suất.

Chúa Hiền cũng sai em thứ tư là Hiệp làm Nguyên-súy đem binh ra cùng Nguyễn hữu Dật và Nguyễn mỹ Đức giữ các nơi hiểm-yếu để ngự địch, chúa Hiền đem đại binh đi tiếp ứng.

Quân họ Trịnh đến đánh lũy Trấn-ninh 鎮 寧 rất hăng, đã hai ba phen sắp phá được lũy, nhưng Nguyễn hữu Dật hết sức chống giữ, quân Trịnh đánh mãi không được, phải lùi về Bắc-bố-chính. Đến tháng chạp, trời mưa rét và lại nghe tin rằng Trịnh Căn đi đến Linh-giang phải bệnh nặng, Trịnh Tạc bèn sai Lê Hiến 黎 憲 ở lại trấn-thủ Nghệ-an, Lê sĩ Triệt 黎 仕 澈 làm Đô-đốc đóng ở Hà-trung để giữ các nơi yếu lộ, lấy sông Linh-giang 靈 江, tức là sông Gianh bây giờ mà phân giới-hạn Nam Bắc, rồi rút quân về Thăng-long.

Từ đó Nam Bắc thôi việc chiến-tranh, mãi đến khi Tây-sơn khởi binh, thì họ Trịnh mới nhân dịp vào đánh lấy đất Thuận-hóa.

Kể từ năm đinh-mão (1627) đời vua Thần-tông lần thứ nhất, đến năm nhâm-tí (1672) đời vua Gia-tông, vừa 45 năm,

www.songhuong.vn

họ Trịnh, họ Nguyễn đánh nhau cả thảy 7 lần. Trong bấy nhiêu lần, họ Nguyễn chỉ ra đánh họ Trịnh có một lần, đã lấy được 7 huyện ở phía nam sông Lam-giang, nhưng vì các tướng họ Nguyễn không đồng lòng với nhau, cho nên lại phải bỏ về giữ đất cũ.

Còn như thế-lực binh-lương thì họ Trịnh mạnh hơn họ Nguyễn, nhưng người Bắc phải đi đánh xa-xôi, vận-tải khó-khăn, mà người Nam thì đánh ở đất nhà mình, có đồn-lũy chắc-chắn, tướng-sĩ hết lòng, cho nên thành ra hai bên đối địch chứ không làm gì được nhau, chỉ khổ cho những dân sự, phải sưu-dịch vất-vả, và bị tàn- phá thiệt hại rất nhiều.

www.songhuong.vn

CHƯƠNG V

CÔNG-VIỆC HỌ TRỊNH LÀM Ở ĐẤT BẮC

1. Việc giao-thiệp với nhà Thanh
2. Việc lấy đất Cao-bằng của họ Mạc
3. Quan-chế
4. Việc binh-chế
5. Hình-luật
6. Thuế đinh, thuế điền và sưu dịch
7. Các thứ thuế
8. Sổ chi thu
9. Việc khai mỏ
10. Việc đúc tiền
11. Sự đong-lường
12. Việc in sách
13. Việc học-hành thi-cử
14. Trường học võ
15. Làm quốc-sử
16. Sự đánh dẹp giặc-giã trong nước : Giặc Ngân giả; Giặc Ninh - xá ; Nguyễn hữu Cầu ; Nguyễn danh Phương ; Hoàng công Chất ; Lê duy Mật.

1. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI NHÀ THANH. Năm qui mão (1663), lúc ấy nhà Minh đã mất rồi, vua nhà Thanh có cho sứ sang dụ vua An-nam về triều-cống. Bấy giờ Trịnh Tạc 鄭 柞 mới cho sứ đem đồ cống lệ sang Yên-kinh 燕 京 (tức là Bắc-kinh) để cầu phong cho vua Lê. Đến năm đinh-mùi (1667) vua Khang-hi nhà Thanh sai sứ sang phong cho vua Lê làm An-nam quốc-vương 安 南 國 王.

www.songhuong.vn

Từ đó hai nước thông sứ với nhau như thường. Về sau dẫu có lôi-thôi về những việc giặc-cướp và việc giới-hạn ở phía thượng-du, nhưng bao giờ vua nhà Thanh cũng chủ lấy sự hòa-bình, cho nên việc gì cũng trang-trải xong-xuôi.

2. VIỆC LẤY ĐẤT CAO-BẰNG CỦA HỌ MẠC. Năm ất-sửu (1625) Mạc kính Khoan đã xin về hàng, được phong làm Thái-úy Thông-quốc-công, cho giữ đất Cao-bằng. Song đến năm mậu-dần (1638) Kính Khoan mất, con là Mạc kính Vũ 莫敬宇 (có chỗ gọi là Mạc kính Hoàn 莫敬完) không nhận chức và không chịu về cống, lại tự xưng làm vua hiệu là Thuận-đức 順德.

Từ đó họ Mạc cứ thỉnh-thoảng đem quân về cướp phá ở mạn Thái-nguyên, quan quân đánh đuổi nhiều lần, nhưng không trừ hẳn đi được.

Năm đinh-vị (1667) Trịnh Tạc 鄭柞 đem đại binh cùng các tướng là Đinh văn Tả 丁文左, Lê Châu 黎珠, Lê Hiến 黎憲 lên đánh lấy đất Cao-bằng. Mạc kính Vũ phải bỏ chạy sang Tàu. Trịnh Tạc mới treo bảng, chiêu-tập dân-sự về làm ăn, và đặt quan cai-trị, lại sai Vũ Vinh 武榮 làm đốc trấn đất Cao-bằng, Đinh văn Tả làm trấn-thủ đất Thất-tuyền (tức là Thất-khê bây giờ).

Mạc kính Vũ ở bên Tàu, lấy vàng bạc đút lót cho quan nhà Thanh để tâu xin với Thanh-đế bắt họ Trịnh trả lại đất Cao-bằng cho họ Mạc. Thanh-đế cho Kính Vũ về ở Nam-ninh 南寧, rồi sai sứ sang thương-nghị với Nam-triều về việc ấy. Triều-đình An-nam và sứ nhà Thanh bàn đi bàn lại mãi, sau Trịnh Tạc phải chịu trả lại cho họ Mạc đất 4 châu ở Cao-bằng là châu Thạch-lâm, Quảng-uyên, Thượng-lang, Hạ-lang và triệu quan đốc-trấn Vũ Vinh về.

Về sau Ngô tam Quế 吳三桂 phản nhà Thanh ở đất Vân-nam và đất Quảng-tây, Mạc kính Vũ cũng về đảng với Tam Quế mà chống lại nhà Thanh. Đến khi Tam Quế chết rồi, nhà Thanh đã lấy lại đất Quảng-tây, họ Trịnh muốn nhân dịp ấy mà trừ họ Mạc cho xong, bèn một mặt sai Đinh văn Tả 丁文左 và Nguyễn hữu Đăng 阮有登 lên đánh Mạc kính Vũ.

www.songhuong.vn

Đến tháng tám năm đinh-tị (1667), Đinh văn Tả lấy được thành Cao-bằng. Mạc kính Vũ cùng họ-hàng chạy sang Long-châu, bị quan nhà Thanh bắt giải sang trả cho An-nam.

Từ khi Mạc mậu Hợp phải bắt, họ Mạc thất thủ Thăng-long rồi, con cháu chạy lên mạn ngược, nhờ thế nước Tàu được giữ đất Cao-bằng, tương truyền được 3 đời, là Mạc kính Cung, Mạc kính Khoan và Mạc Kính Vũ; đến nay mới mất hẳn. Dòng-dõi họ Mạc hoặc bị bắt, hoặc về hàng, có nhiều người được tha, cho làm quan với họ Trịnh.

3. QUAN - CHẾ. Trước khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê thì quan-chế vẫn theo như đời Hồng-đức 洪德, nhưng từ khi nhà Lê trung-hưng về sau, chính quyền về họ Trịnh, cho nên quan-chế có khác ít nhiều. Trước thì trên cùng có quan Tham-tụng 參從 và quan Bồi-tụng 陪從 để coi việc chính trị, tức là giữ chức Tể-tướng đời xưa, rồi đến các quan Thượng-thư ở Lục-bộ.

Lục-bộ là : *Lại-bộ* coi việc thuyên-chuyển các quan viên, việc thăng hàm thưởng tước, việc cách chức giáng-trật, tức là coi mọi việc riêng về quan lại trong nước. *Hộ-bộ* coi việc điền-thổ và nhân-dân, thuế-khoá, lương-tiền thu vào phát ra. *Lễ-bộ* coi việc nghi-lễ tế-tự, việc học-hành thi-cử, việc áo-mũ phẩm-phục và phù-ấn, việc làm chương làm biểu, việc đi sứ nước nọ nước kia, việc coi thiên-văn, làm lịch, làm thuốc, bói toán, việc quan-hệ tăng-ni, đạo-sĩ, việc âm nhạc ca-xướng. *Binh-bộ* coi các võ-quan, quân-lính và việc phòng-bị biên-giới v.v. *Hình-bộ* coi việc hình-pháp, kiện-tụng. *Công-bộ* coi việc xây-đắp thành-trì, cung-điện, cầu-cống, đường-xá, sông-ngòi, rừng-núi.

Đến năm mậu-tuất (1718), đời vua Dụ-tông, Trịnh Cương 鄭綱 lại đặt ra Lục-phiên 六番 ở bên phủ chúa, cũng như Lục-bộ ở bên nhà vua, để coi mọi việc chính-trị.

Về việc võ-bị thì trước có Ngũ phủ là : Trung-quân-phủ, Đông-quân-phủ, Tây-quân-phủ, Nam-quân-phủ, Bắc-quân-phủ. Mỗi một phủ đặt một Đô-đốc-phủ có quan tả hữu Đô-đốc coi việc cả quân. Trong đời vua Thánh-tông, thì Thanh-hóa, Nghệ-an thuộc về Trung-quân; Hải-dương, An-bang thuộc về Đông

www.songhuong.vn

quân; Sơn-nam, Thuận-hóa, Quảng-nam thuộc về Nam-quân ; Tam-giang, Hưng-hóa thuộc về Tây-quân; Kinh-bắc, Lạng-sơn thuộc về Bắc-quân. Đến năm giáp-thìn (1664) đời vua Huyền tông, Trịnh Tạc 鄭 柞 lại đặt thêm chức Chưởng-phủ-sự 掌 府 事 và Thự-phủ-sự 署 府 事 để coi hết thảy các quân.

Các quan-chức thời bấy giờ, chia ra làm ba ban : văn ban, võ ban và giám ban. Theo thường lệ, thì chỉ có văn ban và võ ban mà thôi. Nhưng từ khi họ Trịnh giữ quyền-bính và lại yêu dùng các nội-giám, thường cho ra làm quan coi việc chính trị, cho nên mới đặt ra giám ban. Ban này đến cuối đời Cảnh-hưng (1740 - 1786) mới bỏ.

Từ khi họ Trịnh cầm quyền, thì bên nhà vua gọi là Triều-đình 朝 廷 , bên phủ chúa gọi Phủ-liêu 府 僚. Phàm những việc chính-trị và quân-dân đều do bên phủ chúa định-đoạt hết cả, cho nên người ta thường dùng chữ Phủ-liêu, chứ không mấy khi dùng chữ Triều-đình, vì Triều-đình chỉ có cái hư-vị, chứ không có quyền gì nữa.

Sự kén-chọn các quan-lại thì lệ cứ mấy năm lại khảo hạch một lần, ai không xứng chức thì phải giáng xuống.

Khi nào quan viên về hưu-trí thì được ăn dân-lộc, như là quan nhất-phẩm thì mỗi năm được 400 quan tiền dân-lộc của bốn năm xã ; quan nhị-phẩm được 300 hoặc 250 quan của hai ba xã ; quan-tam phẩm được 250 hoặc 150 quan của một hai xã ; quan tứ-phẩm được 150 quan của một xã ; quan ngũ-phẩm được 100 quan của một xã.

Đời bấy giờ lại đặt ra một phép rất hay, như là cấm không cho các quan viên lập trang-trại ở chỗ mình làm quan, bởi vì thường có nhiều người ỷ quyền-thế mà hà-hiếp lấy ruộng đất của dân, rồi nuôi những đồ gian-ác làm tôi-tớ, để quấy-nhiễu mọi người, đến nỗi có nhiều nơi dân phải xiêu-tán đi. Ấy cũng là một việc đỡ hại cho dân, và lại có thể giữ liêm cho quan vậy.

Nhưng về sau, từ đời Trịnh Giang 鄭 杠 trở đi, nhà chúa chơi-bời xa-xỉ, lại có nhiều giặc-giã, phải tìm cách lấy tiền, đặt ra lệ cứ tứ-phẩm trở xuống ai nộp 600 quan thì được thăng chức một bậc. Còn những người chân trắng mà ai

www.songhuong.vn

nộp 2.800 quan thì được bổ tri-phủ, 1.800 quan thì bổ tri-huyện (1).

Như thế, hễ ai có tiền là được quyền trị dân, chứ không cần có tài-năng gì cả, thành ra cái phẩm-giá của những người làm quan đời bấy giờ cũng kém dần dần đi.

4. VIỆC BINH CHẾ. Khi nhà Lê trung-hưng ra đánh họ Mạc, số quân chỉ có hơn 56.000 người mà thôi (2). Về sau, từ lúc đánh được họ Mạc rồi, họ Trịnh chia ra làm hai thứ binh: một thứ gọi là *ưu-binh* 優兵 thì lấy lính ở ba phủ đất Thanh-hóa và ở bốn phủ đất Nghệ-an, lệ cứ ba suất đinh lấy một tên lính; một thứ gọi là *nhất-binh* 一兵 thì lấy lính ở tứ trấn ở đất Bắc là Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-dương, Sơn-tây, lệ cứ 5 suất đinh lấy một tên lính.

Lính *ưu-binh* thì đóng ở Kinh-thành, kén vào làm quân Túc-vệ để canh giữ những nơi đền vua phủ chúa. Những lính ấy đã được cấp cho công-điền, lại được thêm chức sắc.

Lính *nhất-binh* thì chỉ để đủ giữ các trấn, và hầu-hạ các quan, còn thì cho về làm ruộng, có khi nào cần dùng đến thì mới gọi, như là về đời Trịnh Doanh 鄭 棟 có lắm giặc-giã, phải đánh-dẹp nhiều nơi, thì mới gọi đến lính tứ trấn, cả thảy được độ chừng 11.500 người, chia ra làm 20 vệ. Sau lại đổi ra làm cơ, làm đội, mỗi cơ có 200 người, để 100 người ở tại ngũ, còn 100 người cho về làm ruộng, rồi cứ lần lượt thay đổi nhau mà về.

5. HÌNH-LUẬT. Hình-luật về đời ấy thì đại-khái cũng như đời Tiền Lê. Hình-pháp thì chia ra làm 5 thứ gọi là ngũ hình; *xuy, trượng, đồ, lưu* và *tử*. Nhưng trước thì tội gì cũng

---

(1) Việc bán phẩm-hàm đã có từ đời vua Dụ-tông nhà Trần và đời vua Thánh-tông nhà Lê. Nhưng mà bấy giờ chỉ cho lấy hàm mà thôi, chứ không thực chức.

(2) Khi vua Lê Thái-tổ ra đánh nhà Minh thì số binh bấy giờ được 25 vạn, chia ra làm 5 quân, gọi là trung-quân, tiền-quân, hậu-quân, tả-quân, hữu-quân.

Đến khi đánh-dẹp xong rồi, cho 15 vạn về làm ruộng, còn để lại 10 vạn chia làm 5 đạo gọi là đông-đạo, tây-đạo, nam-đạo, bắc-đạo và hải-tây-đạo.

www.songhuong.vn

được cho chuộc cả (3), đến đời vua Huyền-tông, Trịnh Tạc 鄭作 định lại: trừ những người được dư vào *bát-nghị* (4) ra, còn ai phạm tội gì cứ chiếu theo tội nặng nhẹ mà luận hình, chứ không cho chuộc nữa.

Trước thì ai đã phải tội lưu, lại phải tội chặt tay nữa. Đến đời vua Dụ-tông, Trịnh Cương 鄭綱 mới bỏ cái luật chặt tay và đổi lại như là ai phải chặt hai bàn tay và phải lưu đi viễn châu thì cải làm tội đồ chung thân; ai phải chặt một bàn tay và phải lưu ngoại châu thì đổi làm tội đồ 12 năm; ai phải chặt hai ngón tay trỏ và phải lưu cận châu, thì đổi làm tội đồ 6 năm. Còn như ai phạm tội trộm-cướp thì không kể vào lệ ấy.

Trịnh Tạc lại định ra hai phép xử kiện. Chia những việc kiện-tụng ra làm hai thứ. Những việc *mưu-sát*, *đạo*, *kiếp*, thì gọi là đại tụng; những việc *hộ*, *hôn*, *ẩu đả*, thì gọi là tiểu tụng. Quan xử kiện mà không hợp lẽ, thì phải phạt tiền, còn những việc đã xử phải lẽ rồi, người kiện còn đi kiện nữa thì người ấy cũng phải phạt tiền.

Những việc án-mạng, trộm-cướp và những việc hộ, hôn, điền-thổ thì phải theo thứ-tự mà xét xử. Như việc án-mạng thì quan phủ huyện xét, rồi đệ lên để Thừa-ti 承司 và Hiến-ti 憲司 hội đồng xét lại. Việc trộm-cướp, ở Kinh-đô thì do quan Đề-lĩnh 提領 xét lại, ở các trấn thì do quan Trấn-thủ 鎮守 xét lại.

Phàm những việc đại-tụng tiểu-tụng mà ở huyện phủ hay là ở Thừa-ti, Trấn-ti, xử không xong, thì đến Hiến-ti xét

---

(3) Tội trượng thì cứ mỗi một trượng là quan tam-phẩm phải chuộc 5 tiền, quan tứ-phẩm phải chuộc 4 tiền, quan ngũ-phẩm 3 tiền, quan thất bát-phẩm 2 tiền, từ cửu-phẩm cho xuống đến thứ nhân thì 1 tiền.

Tội đồ làm lính coi chuồng voi thì phải chuộc 60 quan, làm lính đồn-điền thì 100 quan.

Tội lưu cận châu thì phải chuộc 130 quan, viễn châu thì 290 quan. Tội tử thì phải chuộc 330 quan.

(4) Đã nói ở đời vua Lê Thái-tổ.

www.songhuong.vn

lại. Ở Hiến-ti không xong, thì đến Giám-sát 監察 xét lại. Ở Giám-sát và Đề-lĩnh không xong, thì đến Ngự-sử-đài 御史臺 xét lại.

Những việc nhân-mạng thì hạn cho 4 tháng, việc trộm-cướp điền-thổ thì 3 tháng, việc hôn-nhân ẩu-đả thì 2 tháng, chứ lệ không cho để lâu, làm mất công việc của dân.

6. THUẾ ĐINH, THUẾ ĐIỀN VÀ SƯU-DỊCH. Trước tệ cứ sáu năm làm sổ hộ-tịch một lần, rồi cứ tùy số dân đinh nhiều ít mà đánh thuế, gọi là *« qui* 季 » đồng niên mỗi tên đinh cứ tùy hạng, hoặc đóng một quan hay là một quan tám tiền, tức là thuế thân. Đến năm kỷ-dậu (1669) đời vua Huyền-tông, quan Tham-tụng là ông Phạm công Trứ 范公著 xin đặt ra phép *bình lệ* 平例, nghĩa là làm sổ đinh nhất định một lần, rồi làng nào phải đóng bao nhiêu suất đinh, cứ theo như thế mà đóng mãi, chứ có đẻ thêm ra cũng không kể, mà có chết đi cũng không trừ.

Lập phép ấy là để cho dân khỏi phải làm sổ, mà quan cũng khỏi phải tra xét, nhưng phải một điều bất tiện là về sau số đinh hơn kém bao nhiêu, quan không biết được nữa. Đến năm qui-tị (1713) đời vua Dụ-tông, sử chép rằng số dân nội-tịch phải đóng thuế cho nhà vua cả thảy chỉ 206.315 suất mà thôi.

Còn như thuế điền thì năm kỷ-hợi (1719) đời vua Dụ-tông, Trịnh Cương 鄭綱 sai các quan phủ huyện và quan Thừa-chính, Hiến-sát làm việc đạc điền để mà chia tiền thuế cho các dân-xã cho đều. Lệ bấy giờ cứ đo công điền công thổ mà đánh thuế, gọi là *« thuế* 稅 », chia ra làm ba hạng. Hạng nhất mỗi mẫu đồng niên đóng 1 quan, hạng nhì 8 tiền, hạng ba 6 tiền.

Những sưu-dịch như là việc tế-tự trong đền vua phủ chúa, việc sửa-sang trường thi, việc làm cầu-cống, đắp đường-sá, giữ đê-điều v. v.. thì cứ tùy nghi mà bổ cho các suất đinh để lấy tiền mà cung-ứng cho đủ.

Ấy, các thứ thuế trước đánh là vậy. Đến năm qui-mão (1723) quan Tham-tụng là ông Nguyễn công Hãng 阮公沆

www.songhuong.vn

theo phép *tô* 租 phép *dung* 庸 và phép *điệu* 調 của nhà Đường mà châm-chước, sửa-sang lại, như sau này:

Phép tô, tức là phép đánh thuế điền-thổ, cứ mỗi mẫu công-điền là phải nạp 8 tiền thuế, mà ruộng nào cấy hai mùa thì chia ba, quan lấy một phần thóc. Những đất bãi của quan, cứ mỗi mẫu nạp thuế 1 quan 2 tiền; chỗ nào trồng dâu thì nộp một nửa bằng tơ, chỗ nào không trồng dâu thì nộp cả bằng tiền.

Các ruộng tư-điền ngày trước không đánh thuế, đến bấy giờ mới đánh: ruộng hai mùa mỗi mẫu 3 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu 2 tiền.

Phép dung, tức là phép đánh thuế thân, cứ mỗi suất đinh là đồng niên đóng 1 quan 2 tiền. Những người sinh-đồ, lão-hạng và hoàng-đinh (5) thì đóng một nửa.

Phép điệu, tức là phép bắt dân đóng tiền sưu-dịch, cứ mỗi một suất đinh, một năm 2 mùa, mùa hạ phải đóng 6 tiền, mùa đông phải đóng 6 tiền. Quan lấy tiền ấy mà làm các việc, không phiền đến dân nữa.

7. CÁC THỨ THUẾ. Đời bấy giờ đánh thuế các thứ thổ sản, thuế mỏ, thuế đò, thuế chợ, v. v.. nhưng mà những thuế ấy, khi đánh khi thôi, không có nhất định.

1. *Thuế tuần-ti*. Các thuyền-bè chở hàng-hóa đi buôn bán ở trong sông cũng phải chịu thuế. Trong nước lập ra cả thảy 23 sở tuần-ti để thu thuế: như tre gỗ thì cứ 10 phần đánh thuế một phần; những đồ tạp-hóa thì 40 phần đánh thuế một phần.

2. *Thuế muối*. Năm tân-sửu (1721) Trịnh Cương đặt quan Giám-đương 監當 để đánh thuế muối, cứ 10 phần, quan lấy 2 phần. Những người buôn muối phải lĩnh thẻ của quan Giám-đương, thì mới được mua muối, mà trước phải mua của quan đã, rồi sau mới được mua của những người làm muối. Vì đánh thuế như thế, cho nên giá muối cao đến một

---

(5) Lão-hạng là những người từ 50 tuổi đến 60 tuổi. Hoàng-đinh là người mới có 17 đến 19 tuổi.

www.songhuong.vn

tiền một đấu muối, dân-sự ăn-uống khổ-sở. Bởi vậy đến năm nhâm-tí (1732) Trịnh Giang bỏ thuế muối không đánh nữa.

Đến năm bính-thìn (1746) Trịnh Doanh lại lập lại phép đánh thuế muối, cứ chia ra 50 mẫu ruộng muối làm một bếp, mỗi bếp phải nộp 40 hộc muối thuế, mỗi một hộc đánh giá là 180 đồng tiền, tức là ba tiền.

3. *Thuế thổ-sản.* Năm giáp-thìn (1724), Trịnh Cương định lệ đánh thuế các thổ-sản, như là vàng, bạc, đồng, kẽm, sơn, diêm tiêu, than gỗ, than đá, tre, gỗ, tơ lụa, quế, cá, mắm, các đồ dụng-vật như là rượu, mật, dầu, và các đồ thập-vật như là giấy, chiếu, vải v. v...

8. SỔ CHI THU. Về thời Trịnh Giang làm chúa, có lắm giặc-giã phải chi-tiêu nhiều việc, cho nên năm kỷ-mùi (1731) các quan xin đặt quan để cùng với Hộ-phiên mà làm sổ biên rõ đồng niên thu vào được bao nhiêu và phát ra mất bao nhiêu, để liệu sự chi-dụng cho vừa.

9. VIỆC KHAI MỎ. Nước ta từ đời bấy giờ ở Tuyên-quang thì có mỏ đồng ở Tụ-long, mỏ bạc ở Nam-xương và ở Long-sinh. Ở Hưng-hóa thì có mỏ đồng ở Trinh-lan và Ngọc-uyển. Ở Thái-nguyên thì có mỏ đồng ở Sáng-mộc, Yên-hận, Liêm-tuyền, Tống-sinh, Vũ-nông; mỏ vàng ở Kim-mã, Tam-lộng; mỏ kẽm ở Cổn-minh. Ở Lạng-sơn thì có mỏ đồng ở Hoài-viễn.

Những mỏ ấy đều là người Tàu sang khai cả, bao nhiêu quyền-lợi về tay người Tàu hết, của 10 phần nhà nước không được một. Mà những phu Tàu sang làm mỏ thường hay quấy-nhiễu dân-sự. Tuy rằng năm đinh-dậu (1717) Trịnh Cương đã định lệ rằng những người Tàu sang khai mỏ: chỗ đông lắm chỉ được đến 300 người, chỗ đông vừa 200 người, chỗ ít 100 người mà thôi. Thế mà về sau có nơi phu-khách đông đến hàng vạn người, rồi sinh sự đánh nhau, thường phải dùng đến binh-lính đi đánh-dẹp mãi mới xong.

10. VIỆC ĐÚC TIỀN. Nhà Hậu-Lê trung-hưng lên rồi, vẫn tiêu tiền Hồng-đức, và ở trấn nào cũng có sở đúc tiền;

www.songhuong.vn

nhưng vì có lắm sự nhũng-lạm cho nên đến năm qui-dậu (1753) Trịnh Doanh mới bỏ sở đúc tiền ở các trấn, mà chỉ để hai sở gần đất Kinh-sư mà thôi. Đến năm bính-thân (1776) đời Cảnh-hưng vua Hiến-tông, khi họ Trịnh đã lấy được đất Thuận-hóa rồi, lại mở lò đúc tiền ở Phú-xuân, đúc ra 3 vạn quan tiền Cảnh-hưng nữa.

Đời bấy giờ cũng có đúc ra bạc lạng để tiêu dùng. Mỗi một lạng là 10 đồng, mỗi đồng giá hai tiền. Bạc ấy chặt ra mà tiêu cũng được.

11. SỰ ĐONG - LƯỜNG. Sự đong - lường thì trước vẫn theo lối cũ, cứ 6 hạp 合 là một thăng 升, nhưng từ năm giáp-thìn (1664) ông Phạm công Trứ định lại, lấy một cái ống gọi là hoàng-chung-quản 黃鐘管 làm chừng. Cái ống ấy đựng được 1.200 hột thóc đen, gọi là một thược 籥, rồi cứ 10 thược làm một hạp, 10 hạp làm một thăng, 10 thăng làm một đấu, 10 đấu làm một hộc.

12. VIỆC IN SÁCH. Người nước ta học chữ Nho đã lâu mà những sách học như là Tứ-thư, Ngũ-kinh toàn thị dùng sách in của Tàu cả. Năm giáp-dần (1734) đời vua Thuần-tông, Trịnh Giang mới bắt khắc bản in, in các sách phát ra mọi nơi và cấm không cho mua sách in bên Tàu nữa. Ấy cũng là một sự lợi cho sự tài-chánh của nước ta.

13. VIỆC HỌC - HÀNH THI-CỬ. Sự học - hành về đời Hậu - Lê, thì đại - khái cũng giống như đời Tiền - Lê, trong nước ở đâu cũng lấy Nho-học làm trọng. Ở Quốc-tử-giám thì đặt quan Tế-tửu và quan Tư-nghiệp để làm giảng-quan, mỗi tháng một lần tiểu tập, ba tháng một lần đại tập.

Còn việc thi-cử là việc nhà nước chọn lấy nhân-tài để dùng làm việc nước, thì đời nào cũng có. Từ khi nhà Mạc và nhà Lê tranh nhau ngôi vua, Bắc-triều họ Mạc vẫn mở khoa thi ở Thăng-long; Nam-triều họ Lê vì bận việc binh, cho nên đến mãi năm canh-thìn (1580) mới mở khoa thi Hội ở Tây-đô; từ đó về sau cứ ba năm một kỳ thi Hội, nhưng mà cách-thức thi-cử còn sơ-lược, đến năm giáp-thìn

www.songhuong.vn

(1664) đời vua Huyền-tông, Trịnh Tạc mới định lại qui thức thi Hội.

Còn như thi Hương, thì đến năm mậu-ngọ (1678) mới định các điều-lệ rõ-ràng. Từ đó cứ ba năm một kỳ thi Hương: Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn-nam, Sơn-tây, Kinh-bắc, Hải-dương, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Lạng-sơn, Yên-quảng đều có trường thi cả. Nhưng mà sự thi Hương bấy giờ hồ-đồ lắm, không nghiêm như đời Hồng-đức. Như là về đời vua Dụ-tông, niên-hiệu Bảo-thái thì đặt lệ ai đi thi phải nộp tiền *minh-kinh* 明經 để lấy tiền làm nhà trường và khoản-đốn quan-trường.

Đến năm canh-ngọ (1750) đời Cảnh-hưng, nhà nước thiếu tiền, lại đặt ra lệ thu tiền *thông-kinh* 通經, hễ ai nộp ba quan thì được đi, mà không phải khảo-hạch. Thành ra lúc bấy giờ những người đi làm ruộng, đi buôn, đi bán thịt, ai cũng được nộp quyền vào thi, đến nỗi lúc vào thi, người tranh nhau vào trường xéo-đạp lẫn nhau, có người chết. Vào ở trong trường người thì dùng sách, kẻ đi thuê người làm bài, học-trò với quan-trường thì thông với nhau, thành ra cái *chợ thi*. Phép thi cử bấy giờ thật là bậy.

14. TRƯỜNG HỌC VÕ. Đời vua Dụ-tông, Trịnh Cương lại mở ra trường học võ, đặt quan giáo-thụ để dạy cho con-cháu các quan vào học võ-kinh chiến-lược, cứ mỗi tháng một lần tiểu tập, ba tháng một lần đại tập. Mùa xuân mùa thu thì tập võ-nghệ, mùa đông mùa hạ thì tập võ-kinh.

Lại đặt ra lệ 3 năm một lần thi võ. Thi thì đại-khái là phải bắn cung, múa giáo, múa gươm, phi ngựa mà bắn cung và chạy bộ mà bắn cung, rồi sau cùng hỏi nghĩa sách để xét học-lực, hỏi phương-lược để xét tài-năng.

Năm canh-thân (1740) Trịnh Doanh lập võ-miếu, chính vị thì thờ Vũ-vương, Khương-thái-công, Tôn Võ-tử, Quản-tử v.v... Ở đàng sau thì thờ Hưng-đạo đại-vương Trần quốc Tuấn, và lại lập miếu riêng thờ Quan-công. Cứ xuân thu hai kỳ tế-lễ.

15. LÀM QUỐC SỬ. Từ khi ông Vũ Quỳnh 武瓊 làm sách *Đại Việt thông-giám* 大越通鑑, mãi đến đời vua Lê

www.songhuong.vn

Huyền-tông nhà Hậu-Lê, Trịnh Tạc mới sai quan Tham-tụng là Phạm công Trứ 范公著 soạn sách *Việt-sử toàn-thư* 越史全書, kể từ vua Trang-tông nhà Hậu-Lê cho đến vua Thần-tông, chia làm 23 quyển ; nhưng mà bộ sử ấy không in. Đến năm bính-thìn (1676) đời vua Hi-tông sai Hồ sĩ Dương 胡士楊 xét lại bộ quốc-sử, nhưng chẳng bao lâu ông ấy mất, lại sai Lê Hi 黎僖 và Nguyễn qui Đức 阮貴德 chép nối từ vua Huyền-tông cho đến vua Gia-tông, thêm vào 13 quyển, gọi là *Quốc-sử thực-lục* 國史實錄.

Năm ất-vị (1775) đời Cảnh-hưng, Trịnh Sâm sai Nguyễn Hoàn 阮倪, Lê qui Đôn 黎貴惇, Ngô thời Sĩ 吳時仕, Nguyễn Du 阮攸 soạn quốc-sử, chép thêm từ Hi-tông cho đến đời Ý-tông, gọi là *Quốc-sử tục-biên*, cả thảy là 6 quyển.

16. SỰ ĐÁNH-DẸP GIẶC-GIÃ TRONG NƯỚC. Về thời Trịnh Tạc, Trịnh Căn, Trịnh Cương làm chúa, thì ông nào cũng hết lòng lo việc trị dân, và lại nhờ có những người tôi giỏi như Phạm công Trứ 范公著, Nguyễn công Hãng 阮公沆 v.v... đều hết sức giúp-đỡ, cho nên sửa-sang được nhiều việc, nước được yên trị. Nhưng mà từ khi Trịnh Giang lên nối nghiệp chúa, giết vua Lê, hại cả các quan đại-thần như Nguyễn công Hãng, Lê anh Tuấn 黎英俊 và làm lắm điều tàn-ác. Tính ông ấy đã tàn-ngược lại hay tiêu-dùng xa-xỉ, thuế-má một ngày một nhiều, sưu-dịch một ngày một nặng, dân-tình khổ-sở, giặc-giã nổi lên khắp cả mọi nơi, đường-sá trạm-dịch đi không được, phải làm đồn hỏa hiệu ở trên đỉnh núi để phòng khi có việc gì thì đốt lửa báo tin.

Bấy giờ trong triều thì có mấy người tôn-thất như là Lê duy Mật 黎維檍, Lê duy Qui 黎維櫆, Lê duy Chúc 黎維祝 (6) cùng với mấy người triều-thần là Phạm công Thế 范公勢, Võ Thước, 武鑠 định đốt kinh-thành để trừ họ Trịnh, nhưng chẳng may việc lộ ra phải bỏ chạy. Ở ngoài các trấn thì chỗ nào cũng có giặc, ở Hải-dương thì có Nguyễn Tuyển 阮選, Nguyễn Cừ 阮遽 nổi lên ở làng Ninh-xá 寧舍

(6) Duy Mật và Duy Qui là con vua Dụ-tông, Duy Chúc là con vua Hi-tông.

www.songhuong.vn

(thuộc huyện Chí-linh), Võ trác Oánh 武卓瑩 nổi lên ở làng Mộ-trạch 慕澤 (thuộc huyện Đường-an), ở đất Sơn-nam thì có Hoàng công Chất 黃公質, đều lấy tiếng phù Lê diệt Trịnh làm cớ, bởi vậy cho nên dân mặt đông-nam mang bừa vác gậy đi theo giặc. Toán nào đông thì kể có hàng vạn người, toán nào ít thì cũng có đến hàng trăm hàng nghìn người, rồi đi cướp-phá ở các hương-thôn và vây các thành ấp, quan quân đánh dẹp không được.

Đang lúc giặc cướp như thế, Trịnh Giang cứ đâm-đật vô độ, lại đào hầm làm nhà ở dưới đất để cho khỏi sợ sấm sét, còn việc chính-trị thì để cho những hoạn-thần là bọn Hoàng công Phụ 黃公輔 chuyên quyền làm bậy. Các quan ở phủ-liêu là Nguyễn quí Cảnh 阮貴恩, Nguyễn công Thái 阮公寀, Võ công Tể 武公宰 bèn truất Trịnh Giang mà lập em là Trịnh Doanh lên làm chúa, để lo việc đánh-dẹp cho yên giặc-giã.

Đời bấy giờ giặc cướp thì nhiều, nhưng mà những giặc to phải đánh lâu, thì có Nguyễn Tuyển 阮選, Nguyễn Cừ 阮蘧 và Võ trác Oánh 武卓瑩 ở đất Hải-dương; Hoàng công Chất 黃公質, Võ đình Dung 武廷容 ở Sơn-nam; Nguyễn danh Phương 阮名芳, Nguyễn Diên 阮蜒, Tế 濟, Bồng 蓬 ở Sơn-tây; Nguyễn hữu Cầu 阮有求 ở mặt đông-nam; Lê duy Mật 黎維樸 ở mặt Thanh-hóa và Nghệ-an. May lúc ấy lại có những quan đánh giặc giỏi như Hoàng nghĩa Bá 黃義伯, Hoàng ngũ Phúc 黃五福, Phạm đình Trọng 范廷重, Nguyễn Phan 阮潘, Bùi thế Đạt 裴世達 v. v. cho nên Trịnh Doanh và Trịnh Sâm mới dần dần dẹp yên được các nơi.

Giặc Ngân-giả. Năm canh-thân (1740) trong khi đất Hải-dương, ở làng Ninh-xá, có Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ làm loạn, thì đất Sơn-nam, ở làng Ngân-giả, có Vũ đình Dung, Đoàn danh Chấn, Tú Cao, cướp-phá rất dữ, giết cả quan Đốc-lĩnh là Hoàng kim Qua 黃金瓜. Thế giặc mạnh lắm, Trịnh Doanh phải tự làm tướng đem binh đi đánh, bắt được Võ đình Dung đem chém, và đổi tên xã Ngân-giả làm Lai-cách (nay là Gia-hòa).

www.songhuong.vn

Giặc Ninh-xá. Trước hết Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Võ trác Oánh và Nguyễn Diên dấy binh từ năm kỷ-mùi (1739) làm loạn ở Hải-dương, rồi vẫy-vùng ở đất Từ-sơn, Thuận-thành, Nam-sách và Hồng-châu. Nguyễn Cừ thì giữ đất Đỗ-lâm ở Gia-phúc, Nguyễn Tuyển thì giữ núi Phao-sơn ở Chí-linh, làm đồn, xây lũy liên-lạc với nhau, quân lính kể có hàng mấy vạn người, quan quân đi đánh có nhiều người phải bắt.

Năm tân-sửu (1745) quan Thống-lĩnh Hải-dương là Hoàng nghĩa Bá 黃義伯 phá được các đồn của giặc ở Phao-sơn, ở Ninh-xá và ở Gia-phúc; Nguyễn Tuyển thua chạy rồi chết, Võ trác Oánh không biết đi đâu mất. Còn Nguyễn Cừ thì chạy lên Lạng-sơn được mấy tháng lại về Đông-triều, nhưng vì hết lương phải vào nấp ở núi Ngọa-vân-sơn, bị quan Hiệp-đồng là ông Phạm đình Trọng 范廷重 bắt được đóng cũi đem về kinh làm tội. Từ đó giặc Cừ và giặc Tuyển mới tan.

Nguyễn hữu Cầu. Nguyễn hữu Cầu 阮有求 tục gọi là quận He, người Hải-dương, trước đi ăn cướp, sau theo Nguyễn Cừ làm giặc. Đến khi Nguyễn Cừ bị bắt rồi, Nguyễn hữu Cầu đem đồ-đảng về giữ núi Đồ-sơn và đất Vân-đồn. Năm qui-hợi (1743), Hữu Cầu giết được quan Thủy-đạo đốc-binh là Trịnh Bảng 鄭榜, rồi tự xưng làm *Đông-đạo Thống-quốc Bảo-dân Đại-tướng-quân*, thanh-thế lừng-lẫy ở mạn ấy. Sau bị Hoàng ngũ Phúc đem binh đến vây ở núi Đồ-sơn, Hữu Cầu phá vây ra, về đánh lấy thành Kinh-bắc, quan Trấn-phủ là Trần đình Cẩm 陳廷錦 và quan Đốc-đồng là Võ phương Đề đánh thua ở Thị-cầu phải bỏ ấn-tín mà chạy; ở Kinh-sư, được tin ấy rất lấy làm náo-động.

Hoàng ngũ Phúc đem binh về, cùng với Trương Khuông 張匡 lấy lại thành Kinh-bắc, nhưng thế Nguyễn hữu Cầu vẫn mạnh, phá quân của Trương Khuông ở làng Ngọc-lâm (thuộc huyện Yên-dũng), đuổi quân của quan Thống-lĩnh Đinh văn Giai 丁文佳 ở Xương-giang (thuộc huyện Bảo-lộc) rồi lại về vây đình Thị-cầu.

www.songhuong.vn

Trịnh Doanh sai Hoàng ngũ Phúc và Phạm đình Trọng đem binh đến đánh Hữu Cầu ở Xương-giang, giết được tướng của giặc là tên Thông 通, lấy được quân-nhu chiến-mã thật là nhiều.

Nguyễn hữu Cầu là một người kiệt-hiệt nhất trong bọn làm giặc thời bấy giờ, mà lại qui-quyệt, ra vào bất trắc lắm: có khi bị vây hàng mấy vòng, mà chỉ một mình một ngựa phá vây ra, rồi chỉ trong mấy ngày lại có hàng vạn người đi theo. Vì rằng ngày thường cướp được thóc-gạo của thuyền buôn, đem cho dân nghèo, cho nên đi đến đâu cũng có người theo, muốn lấy bao nhiêu quân-lương cũng có.

Các tướng-sĩ ai cũng sợ, duy chỉ có ông Phạm đình Trọng là đánh được Hữu Cầu mà thôi, cho nên Hữu Cầu đào mã mẹ ông ấy đổ xuống sông. Từ đó Phạm đình Trọng thề không cùng sống ở đời với Nguyễn hữu Cầu. Cũng vì lẽ ấy cho nên năm bính-dần (1749) Hữu Cầu cho người đem vàng về đút lót cho Đỗ thế Giai 杜世佳 và người nội-giám là Nguyễn phương Đĩnh 阮芳挺 để xin hàng, Trịnh Doanh thuận cho và lại phong cho làm Hướng-nghĩa-hầu 向義侯, lại sai quan Thiêm-tri 僉知 là Nguyễn phi Sảng 阮玉爽 đem tờ dụ ra bảo Phạm đình Trọng đừng đánh Nguyễn hữu Cầu nữa. Phạm đình Trọng khăng khăng một mực không chịu, bảo Nguyễn phi Sảng rằng: « Những người làm tướng ở ngoài dẫu có mệnh vua cũng có điều không nên chịu. Ông vâng mệnh vua đi gọi giặc về hàng thì ông cứ đi, tôi vâng mệnh vua đi đánh giặc, thì tôi cứ đánh ». Nói xong, cất quân đi ngay.

Lúc ấy Phạm đình Trọng có mộ người ở huyện Thanh-hòa, huyện Tú-kỳ, huyện Vĩnh-lại và huyện Thượng-hồng, đặt làm 4 cơ, giao cho hai người thủ-hạ cai-quản. Ở phủ-liêu bọn Đỗ thế Giai nhân lấy điều ấy mà nói gièm với Trịnh Doanh. Nhưng Trịnh Doanh vốn biết Phạm đình Trọng là người trung-thành, không nói gì đến việc ấy, lại làm một bài thơ đưa ra cho ông ấy để ông ấy yên lòng.

www.songhuong.vn

Nguyễn hữu Cầu tuy đã xin về hàng, nhưng vẫn cứ cướp-phá các nơi, sau lại về phá ở đất Sơn-nam. Một hôm Phạm đình Trọng đánh đuổi Hữu Cầu ở Cẩm-giàng, Hữu Cầu nói với thủ-hạ rằng: « Ta vừa mới thua, có tin về Kinh, tất nhiên không ai phòng bị, nay ta lẻn về đánh có lẽ được. » Nói đoạn, ngay đêm hôm ấy kéo quân về bến Bồ-đề. Đến nơi thì trời vừa sáng; có tin báo, Trịnh Doanh tự đem quân ra giữ ở bến Nam-tân. Phạm đình Trọng biết tin ấy lập tức đem quân về đánh mặt sau, Hữu Cầu lại thua bỏ chạy.

Từ khi thua trận Bồ-đề rồi, Hữu Cầu về cùng với Hoàng công Chất cướp ở huyện Thần-khê và Thanh-quan. Phạm đình Trọng và Hoàng ngũ Phúc lại đem binh xuống đánh đuổi.

Hoàng công Chất chạy vào Thanh-hóa, Hữu Cầu chạy vào Nghệ-an hợp đảng với tên Diên 延 ở Hương-lâm (thuộc huyện Nam-đường). Phạm đình Trọng đem quân vào đánh phá trại giặc, rồi đuổi Hữu Cầu ra đến làng Hoàng-mai bắt được, đóng cũi đem về nộp chúa Trịnh. Bấy giờ là năm tân-vị (1751) tức là năm Cảnh-hưng thứ 12.

Nguyễn danh Phương. Năm canh-thân (1740) tên Tế và tên Bồng làm loạn ở đất Sơn-tây, quan Chinh-tây đại-tướng-quân là Võ tá Lý 武佐理 đánh bắt được cả hai tên ấy ở huyện An-lạc (thuộc phủ Vĩnh-tường). Bấy giờ thủ-hạ tên Tế là Nguyễn danh Phương, tục gọi là quận Hẻo, đem dư-đảng về giữ núi Tam-đảo. Một mặt thì mộ quân trữ lương và một mặt thì cho người về nói dối xin hàng.

Lúc bấy giờ tên Cầu tên Chất đang làm loạn ở phía đông-nam, cho nên Trịnh Doanh cũng tạm cho hàng.

Năm giáp-tí (1744) tên Phương đem hơn một vạn quân về giữ đất Việt-trì, sang cướp-phá ở bên huyện Bạch-hạc. Bấy giờ quan Đốc-suất Sơn-tây là Văn đình Ức 文廷憶 đem binh đến vây đánh, Danh Phương chạy sang giữ làng Thanh-linh (huyện Bình-xuyên, đất Thái-nguyên). Từ đó Danh Phương lập đại đồn ở núi Ngọc-bội (giáp huyện Bình-xuyên và huyện Tam-dương), trung đồn ở đất Hương-canh, ngoại

www.songhuong.vn

đồn ở đất Ức-kỳ, rồi tự xưng là *Thuận-thiên khải-vận đại-nhân*, làm cung-điện, đặt quan-thuộc, thu các thứ thuế ở đất Tuyên-quang, thanh-thế lừng-lẫy trong non 10 năm trời, thành ra một nước riêng trong nước Nam vậy.

Năm canh-ngọ (1750) Trịnh Doanh tự đem đại quân đi đường Thái-nguyên đến đánh phá được đồn Ức-kỳ. Khi quân tiến lên đến đồn Hương-canh, giặc bắn súng, đạn ra như mưa, quan quân không tiến lên được. Trịnh Doanh mới lấy gươm trao cho ông Nguyễn Phan 阮藩 mà bảo rằng: «Đồn này phá không được thì lấy quân-pháp mà trị!» Nguyễn Phan đem quân sấn vào rồi cởi áo chiến-bào ra, xuống ngựa đi bộ, và bảo những người thủ-hạ rằng: «Quân-sĩ có tên ở trong sổ-sách, việc gì đã có quân-pháp. Chúng bay là người riêng của ta mà hôm nay là buổi ta phải bỏ mình để giúp nước, và lại chính là ngày chúng bay đền ơn cho ta. Vậy ai có cha già con dại, thì cho lui ra, còn thì nên cùng với ta mà liều một trận sống chết để báo đền ơn nước, cho khỏi phụ cái tiếng râu-mày!». Thủ-hạ không ai chịu lui, đều xin cùng xông vào, phá được đồn Hương-canh. Doanh Phương rút quân về giữ đồn Ngọc-bội, quân Trịnh Doanh tiến lên đuổi đánh. Nguyễn Phan sai thủ-hạ cầm đồ đoản binh cho tự tiện đi trước mà vào, đại quân theo sau. Giặc giữ không nổi bỏ chạy tan cả. Nguyễn danh Phương chạy vào núi Độc-tôn, quan quân đuổi đến làng Tĩnh-luyện ở huyện Lập-thạch thì bắt được. Trịnh Doanh đem quân về Kinh-đô, đi đến làng Xuân-hi, huyện Kim-anh, gặp người của Phạm đình Trọng giải Nguyễn hữu Cầu đến. Trịnh Doanh bèn mở tiệc khao quân, bắt tên Phương dâng rượu, tên Cầu thổi kèn, ba quân hôm ấy thật là vui vẻ.

Về đến Kinh-sư, tên Cầu và tên Phương đều phải chém cả.

Hoàng công Chất. Hoàng công Chất cùng với Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ nổi lên một lúc. Trước phá ở đất Sơn-nam về hạt Khoái-châu và Xuân-trường. Đến năm ất-sửu (1745) lại bắt được và giết quan trấn-thủ Sơn-nam là Hoàng công Kỳ 黃公琦, sau vì quan quân đuổi đánh, Công Chất

www.songhuong.vn

chạy vào Thanh-hóa rồi ra Hưng-hóa cùng với tên Thành 成 làm loạn ở vùng ấy. Năm tân-tỵ (1761) tên Thành bị quan quân bắt được, tên Chất chạy lên giữ động Mãnh-thiên 猛天峒 (phía bắc Hưng-hóa) rồi chiếm giữ cả mấy châu gần đấy, đồ-đảng có hàng vạn người. Từ đó tên Chất cứ cướp phá ở đất Hưng-hóa và đất Thanh-hóa. Mãi đến năm Kỷ-sửu (1769) Trịnh Sâm mới sai quan Thống-lĩnh là Đoàn nguyễn Thục 段阮俶 đem quân Sơn-tây lên đánh động Mãnh-thiên. Khi quan quân lên đến nơi thì Hoàng công Chất đã chết rồi, con là Hoàng công Toản 黃公纘 chống giữ không nổi, bỏ chạy sang Vân-nam. Đồ-đảng tan cả.

Lê duy Mật. Năm mậu-ngọ (1738) đời vua Ý-tông, bọn hoàng-thân là Lê duy Mật, Lê duy Qui và Lê duy Chúc định mưu giết họ Trịnh, nhưng chẳng may sự không thành phải bỏ chạy vào Thanh-hóa. Sau Duy Qui và Duy Chúc phải bệnh mất, còn Duy Mật giữ đất thượng-du phía tây-nam. Những người đồng mưu với Duy Mật đều bị họ Trịnh bắt được giết cả. Bấy giờ Duy Mật có bắt được Phạm công Thế 范公勢 đem ra hỏi rằng: «Ông là người khoa-giáp sao lại theo nghịch?» — Công Thế cười mà nói rằng: «Đã lâu nay danh-phận không rõ, lấy gì mà phản thuận nghịch?» Nói rồi, giương cổ ra chịu hình.

Lê duy Mật từ khi chạy về Thanh-hóa, chiêu-tập binh-sĩ, rồi từ năm canh-thân (1740) là Cảnh-hưng năm đầu, về đánh ở đất Hưng-hóa và Sơn-tây, sau lại cùng với giặc là tên Tương giữ đồn Ngọc-lâu (thuộc huyện Thạch-thành). Đến khi tướng họ Trịnh phá được đồn Ngọc-lâu, tên Tương tử trận, Lê duy Mật lại chạy vào Nghệ-an, rồi sang Trấn-ninh giữ núi Trình-quang 呈光 làm căn-bản.

Năm giáp-tí (1764) Lê duy Mật sai người đem thư vào cầu cứu với chúa Nguyễn là Vũ-vương. Nhưng chúa không muốn gây sự với họ Trịnh, cho nên không giúp.

Năm đinh-hợi (1767) được tin Trịnh Doanh vừa mất, con là Trịnh Sâm lên làm chúa, Lê duy Mật đem quân về

www.songhuong.vn

Hậu Lê Thế-Phổ 後黎世譜

- Lam-quốc-công Lê-Trừ (anh vua Thái-tổ) 藍國公黎除
  - Lê-Khang 黎康
    - Lê-Thọ 黎壽
      - Lê Duy-Thiệu 黎維紹
        - Lê Duy-Khoáng 黎維統
          - 3. Anh-tông Duy-Bang 英宗維邦
            - 4. Thế-tông Duy-Đàm 世宗維潭
              - Duy-trì 維持
              - 5. Kính-tông Duy-Tân 敬宗維新
                - 6. Thần-tông Duy-Kỳ 神宗維祺
                - 7. Chân-tông Duy-Hữu 真宗維祐
                - 8. Huyền-tông Duy-Vũ 玄宗維禹
                - 9. Gia-tông Duy-Hội 嘉宗維會
                - 10. Hi-tông Duy-Hợp 熙宗維勤
                - 11. Dụ-tông Duy-Đường 裕宗維塘
                - Duy-Chúc 維祝
                - 12. Thuần-tông Duy-Tường 純宗維祥
                - 13. Duy-Phương đế 維方帝
                - 14. Ý-tông Duy-Thì 毅宗維禔
                - Duy-Mật 維樂
                - 15. Hiển-tông Duy-Diêu 顯宗維祧
                - Duy-Vĩ 維偉
                - Duy-Cẩn 維禮
                - Mẫn-đế Duy-Kỳ 愍帝維祺
                - Duy-Du 維紬
                - Duy-Chỉ 維祇
- Chiêu-tông Ỷ (Tiền-Lê) 昭宗椅
  - 1. Trang-tông Duy-Ninh 莊宗維寧
    - 2. Trung-tông Duy-Thuyên 中宗維詮

www.songhuong.vn
www.songhuong.vn

đánh ở đất Hương-sơn và đất Thanh-chương rồi lại rút về Trấn-ninh. Trịnh Sâm cho người đưa thư sang vỗ-về không được, mới quyết ý dùng binh để dứt mối loạn.

Năm kỷ-sửu (1769) Trịnh Sâm sai Bùi thế Đạt 裴世達 làm thống-lĩnh đất Nghệ-an, Nguyễn Phan 阮藩 làm chánh-đốc-lĩnh đất Thanh-hóa, Hoàng đình Thể 黃廷體 làm đốc-binh đất Hưng-hóa, cả ba đạo đều tiến sang đánh Trấn-ninh. Khi quân của Bùi thế Đạt và Nguyễn Phan đến vây Trịnh-quang. Lê duy Mật định cứ giữ hiểm không ra đánh. Không ngờ người con rể là Lại thế Chiêu 賴世招 làm phản, mở cửa lũy cho quân họ Trịnh vào. Duy Mật biết có nội biến, bèn cùng với vợ con tự đốt mà chết.

* * *

Tóm lại mà xét, thì những công-việc của họ Trịnh sửa đổi ở miền Bắc cũng nhiều, và có thể chia ra làm ba thời kỳ:

Thời kỳ thứ nhất vào khoảng Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng và Trịnh Tráng. Lúc bấy giờ còn phải đánh họ Mạc ở phía Bắc, rồi lại chống với họ Nguyễn ở phía Nam, cho nên trong thời-kỳ ấy chỉ có việc chiến-tranh ở ngoài mà thôi, còn những công-việc trong nước không sửa-sang được mấy.

Thời-kỳ thứ hai là vào khoảng Trịnh Tạc, Trịnh Căn và Trịnh Cương. Lúc bấy giờ việc chiến-tranh đã yên, trong nước bình-trị, cho nên trong thời-kỳ ấy các chúa mới sửa-sang và chỉnh-đốn lại những phép-tắc, luật-lệ, việc thuế-khóa, sự học-hành, thi-cử, v. v.

Thời-kỳ thứ ba là vào khoảng Trịnh Giang, Trịnh Doanh và Trịnh Sâm. Vì Trịnh Giang thất chính cho nên trong thời-kỳ này có lắm giặc-giã, quan quân phải đánh đông dẹp bắc trong ba bốn năm trời, thành ra không làm được việc gì ích lợi, đến nỗi dân nghèo nước yếu, chính-trị điêu-tàn, bởi vậy cho nên chẳng bao lâu mà nhà Trịnh đổ, nhà Lê cũng mất.

www.songhuong.vn

Thành thật xin lỗi bạn đọc, trang này bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

www.songhuong.vn

Thành thật xin lỗi bạn đọc, trang này bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

www.songhuong.vn

Thành thật xin lỗi bạn đọc, trang này bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

www.songhuong.vn

Thành thật xin lỗi bạn đọc, trang này bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG VI

CÔNG-VIỆC HỌ NGUYỄN LÀM Ở MIỀN NAM

1. *Quan-chế*
2. *Thi-cử*
3. *Việc võ-bị*
4. *Việc thuế-khóa*
5. *Số tiền chi-thu trong nước*
6. *Lấy đất Chiêm-thành*
7. *Mở đất Nam Việt và sự giao-thiệp với Chân-lạp*
8. *Việc giao-thiệp với nước Tiêm-la*
9. *Việc lập dinh định phủ*

Họ Nguyễn đã giữ riêng một cõi ở phía nam, lập ra nghiệp chúa, lưu-truyền đời nọ qua đời kia, bởi vậy cho nên chính-trị, thuế-lệ, binh-lính, việc gì cũng tự sửa-sang và xếp-đặt lấy như là một nước tự-chủ vậy.

1. QUAN-CHẾ. Lúc họ Nguyễn chưa ra mặt chống nhau với họ Trịnh thì quan-lại vẫn ở ngoài Bắc bồ vào nhưng mà từ khi chúa Sãi là Nguyễn phúc Nguyên 阮福源 không chịu nộp thuế cho nhà Lê, và đem quân chống giữ với quân họ Trịnh ở bắc Bố-chính 布政 thì các quan-viên đều do chúa Nguyễn đặt lấy cả.

Ở chính dinh là chỗ chúa đóng thì đặt tam-ti 三司 để giúp chúa coi việc chính-trị. Tam-ti là: *Xá sai-ti* 舍差司 *Tướng-thần-lại-ti* 將臣吏司, *Lệnh-sử-ti* 令史司.

1. *Xá-sai-ti* giữ việc từ tụng văn án. Có quan Đô-tri 都知, Ký-lục 記錄 làm đầu.

www.songhuong.vn

2. *Tướng-thần-lại-ti* giữ việc thu tiền thu thuế, chi-phát lương-thực cho quan các đạo. Có quan cai-bạ 提 簿 làm đầu.

3. *Lệnh-sử-ti* giữ việc tế tự, tết nhất và việc chi-cấp lương cho quân ở chính-dinh. Có quan Nha-úy 衙 尉 làm đầu.

Mỗi ti lại có quan Cai-hợp 提 合, Thủ-hợp 首 合 và các lại-ti để làm mọi việc.

Ở ngoài các dinh, thì có nơi chỉ đặt có một *Lệnh-sử-ti* kiêm cả việc *Xá-sai-ti* và *Tướng-thần-lại-ti*, có nơi thì đặt *Xá-sai-ti* và *Lệnh-sử-ti* để coi việc quân dân, từ tụng, đinh điền, sổ sách, thuế khóa, v.v. nghĩa là tùy nơi quan-trọng hay là không, mà thêm bớt quan-viên.

Ở phủ huyện, thì đặt tri-huyện, tri-phủ, để coi việc từ tụng, thuộc hạ thì có đề-lại, thông-lại, chuyên việc khám xét. Lại có huấn-đạo, lễ-sinh, chuyên việc tế-tự ở chỗ sở tại. Còn việc thu thuế thì đặt quan khác để coi về việc ấy.

Đến đời chúa Thượng Nguyễn phúc Lan 阮福瀾 (1635-1648) lại đặt thêm chức nội-tả 內 左, ngoại-tả 外 左, nội-hữu 內 右, ngoại-hữu 外 右, gọi là tứ trụ để giúp chúa trị dân.

Về đàng quan võ thì đặt chức : chưởng-dinh, chưởng-cơ, cai-cơ, cai-đội để coi việc binh.

2. THI-CỬ. Năm đinh-hợi (1674) chúa Nguyễn mở khoa thi gọi là thi *chính-đồ* 正 途 và thi *hoa-văn* 華 文.

Thi *chính-đồ* chia ra làm ba kỳ : kỳ đệ-nhất thi tứ-lục, kỳ đệ-nhị thi thơ-phú, kỳ đệ-tam thi văn-sách. Quan tri-phủ tri-huyện làm sơ-khảo, quan cai-bạ, ký-lục, vệ-úy làm giám-khảo. Những quyển đậu, thì chia ra làm ba hạng : hạng thứ nhất gọi là giám-sinh, được bổ làm tri-phủ, tri-huyện ; hạng thứ nhì gọi là sinh-đồ được bổ làm huấn-đạo; hạng thứ ba cũng gọi là sinh-đồ được bổ làm lễ-sinh, hoặc làm nhiêu-học.

Thi *hoa-văn* thì cũng phải ba ngày, mỗi ngày chỉ phải làm có một bài thơ mà thôi. Ai đậu thì được bổ vào làm việc ở Tam-ti.

www.songhuong.vn

Năm ất-hợi (1695) Quốc-chúa Nguyễn-phúc Chu 阮福淍 (1691-1725) mở khoa thi ở trong phủ chúa, gọi là thi Văn-chức 文職 và thi Tam-ti 三司. Thi Tam-ti là thi Xá-sai ti, thi Tướng-thần-lại-ti và thi Lệnh-sử-ti. Thi Văn-chức thì thi tứ-lục, thơ-phú, văn-sách; thi Xá-sai-ti thì hỏi về việc binh-lính, tiền lương, từ tụng; thi Tướng-thần-lại-ti và Lệnh-sử-ti thì chỉ làm một bài thơ mà thôi.

Năm canh-thân (1740), Vũ-vương Nguyễn-phúc Khoát 阮福濶 (1738-1765) định lại phép thi: những người đậu kỳ đệ-nhất gọi là nhiêu-học, được miễn sai 5 năm; đậu kỳ đệ-nhị và kỳ đệ-tam thì được miễn sai chung thân; đậu kỳ đệ-tứ gọi là hương-cống, được bổ đi làm tri-phủ, tri-huyện.

Xem như vậy thì sự thi-cử ở miền Nam đời bấy giờ còn sơ-lược lắm.

3. VIỆC VÕ-BỊ. Họ Nguyễn bấy giờ phải chống nhau với họ Trịnh cho nên phải lo việc võ-bị hơn. Quân thì chia ra làm năm cơ gọi là: trung cơ, tả cơ, hữu cơ, tiền cơ, hậu cơ. Số quân độ chừng non ba vạn người.

Năm tân-mùi (1631) chúa Sãi lập ra sở đúc súng đại-bác và mở trường bắn, trường tập voi, tập ngựa, cứ bằng năm luyện-tập để phòng-bị chiến-tranh.

4. VIỆC THUẾ-KHÓA. Điền-thổ chia ra làm 3 hạng để đánh thuế. Lại có hạng gọi là thu điền, khô thổ, nghĩa là ruộng đất xấu thì thuế đánh lại nhẹ hơn ruộng đất thường.

Những công-điền thì cấp cho dân cày-cấy để nộp thuế; còn ai khai-khẩn được đất hoang ra làm ruộng, thì cho là tư-điền.

Thuế mỏ. Ở đất Quảng-nam, Thuận-hóa có mỏ vàng; ở đất Quảng-nghĩa có mỏ bạc; ở đất Bố-chính có mỏ sắt. Các mỏ ấy đều đánh thuế cả.

Thuế xuất-cảng nhập-cảng. Lệ cứ những tàu ở Thượng-hải và ở Quảng-đông lại, thì phải nộp 3.000 quan, đến lúc đi phải nộp 300 quan. Tàu ở Mã-cao, ở Nhật-bản lại, thì

www.songhuong.vn

phải nộp 4.000 quan, đến lúc đi phải nộp 400 quan. Tàu ở Tiêm-la, ở Lã-tống lại, thì phải nộp 2.000 quan, đến lúc đi phải nộp 200 quan. Tàu ở các nước phương Tây lại, thì phải nộp 8.000 quan, đến lúc về phải nộp 800 quan.

Thuế ấy chia ra làm 10 thành : 6 thành thì đem vào kho, còn 4 thành để nộp cho quan-lại, binh-lính đã coi về việc thu thuế.

5. SỐ TIỀN CHI-THU TRONG NƯỚC. Năm quí-dậu (1753) Vũ-vương sai quan Chưởng-thái-giám 掌太監 là Mai văn Hoan 枚文歡 tính số vàng, bạc và tiền thu vào phát ra mỗi năm là bao nhiêu.

Bấy giờ số tiền thì có năm thu vào được hơn 338.100 quan, mà phát ra mất hơn 364.400 quan ; có năm được hơn 423.300 quan, mà phát ra mất hơn 369.400 quan. Vàng thì có năm thu được 830 lượng, có năm được 890 lượng. Bạc thì thứ giáp-ngân 甲銀 (?) có năm thu được 240 lượng, có năm được 390 lượng ; thứ dung-ngân 榕銀 (?) có năm được 2.400 lượng, có năm được 1.800 lượng ; thứ kê-ngân 鷄銀 (?) có năm được 10.100 đồng, có năm được 400 đồng, cũng có năm không có đồng nào.

Tính đổ đồng lại từ năm bính-dần (1746) đến năm nhâm-thân (1752) nghĩa là trong 7 năm, số vàng được 5.768 lượng, số giáp ngân được 9.978 lượng, số dung-ngân được 14.276 lượng, số kê-ngân được 21.150 đồng.

Từ đó trở đi mỗi năm phải làm sổ kê rõ ra trong năm vàng bạc và tiền thu vào và phát ra mất bao nhiêu, lệ cứ đến ngày mồng ba tháng giêng năm sau dâng lên để chúa xem.

Những tiền tiêu trong nước, thì có tiền đồng và tiền kẽm, khắc hai chữ thái-bình 太平.

6. LẤY ĐẤT CHIÊM - THÀNH . Trước Trịnh Kiểm chỉ cho Nguyễn Hoàng vào trấn-thủ đất Thuận-hóa mà thôi ; sau đến năm canh-ngọ (1570) họ Trịnh đòi quan trấn-thủ Quảng-nam là Nguyễn bá Quýnh về trấn đất Nghệ-an, để đất Quảng-nam cho Nguyễn Hoàng kiêm lĩnh.

www.songhuong.vn

Năm tân - hợi (1611) Nguyễn Hoàng vào đánh nước Chiêm-thành lấy đất lập ra phủ Phú-yên; chia ra làm hai huyện là Đồng-xuân và Tuyên-hòa. Đến năm quí-tị (1653) vua nước Chiêm - thành là Bà Thấm 婆心 sang quấy - nhiễu ở đất Phú - yên, chúa Hiền là Nguyễn phúc Tần 阮福瀕 mới sai quan cai - cơ là Hùng Lộc 雄祿 sang đánh. Bà Thấm phải dâng thư xin hàng. Chúa Nguyễn để từ sông Phan-lang 潘郎江 trở vào cho vua Chiêm, còn từ sông Phan-lang trở ra lấy làm Thái-ninh-phủ, sau đổi làm phủ Diên-khánh (tức là Khánh-hòa bây giờ), đặt dinh Thái-khang để Hùng Lộc làm thái-thú.

Năm quí-dậu (1693) vua nước Chiêm-thành là Bà Tranh 婆爭 bỏ không tiến cống, chúa Nguyễn là Nguyễn - phúc Chu sai quan tổng-binh là Nguyễn hữu Kính 阮有境 (con Nguyễn hữu Dật) đem binh đi đánh bắt được Bà Tranh và bọn thần-tử là Tả trà Viên, Kế bà Tử cùng thân-thuộc là Bà Ân đem về Phú-Xuân. Chúa Nguyễn đổi đất Chiêm-thành làm Thuận-phủ, cho Tả trà Viên, Kế bà Tử làm chức Khâm-lý 勘理 và ba người con của Bà Ân làm đề-đốc giữ Thuận-phủ, lại bắt phải đổi y phục theo như người Việt-nam để phủ-dụ dân Chiêm-thành. Qua năm sau lại đổi Thuận-phủ ra làm Thuận-thành-trấn, cho Kế bà Tử làm tả đô-đốc. Năm đinh-sửu (1697) chúa Nguyễn đặt phủ Bình - thuận lấy đất Phan - lý (Phan-ri) Phan-lang (Phan-rang) làm huyện Yên-phúc và huyện Hòa-da.

Từ đó nước Chiêm-thành mất hẳn.

Nước Chiêm-thành chính là nước Lâm-ấp ngày trước đã từng qua mấy trăm năm, cùng với họ Lý, họ Trần đối địch, chống với quân Mông-cổ, không cho xâm phạm vào cõi, lập nên một nước có vua, có tôi, có chính-trị, có luật-pháp. Nhưng chỉ hiềm vì người nước ấy cứ hay sang cướp phá ở đất Việt-nam, thành ra hai nước không mấy khi hòa hiếu được với nhau.

Đã là đối địch thì không sao tránh khỏi được cái luật chung của tạo-hóa là: *khỏe còn, yếu chết*. Vì vậy cho nên từ khi vua Thánh-tông nhà Lê 黎聖宗 đã lấy đất Quảng nam và đã chia nước Chiêm ra làm 3 nước rồi, thì từ đó về sau thế-lực nước ấy mỗi ngày một kém, dân tình mỗi ngày một suy. Chẳng những

www.songhuong.vn

là đến nỗi mất nước với chúa Nguyễn mà chủng-loại Chiêm-thành bây giờ cũng chẳng còn được mấy nghìn người nữa. Một nước trước như thế, mà nay như thế, dẫu rằng nước ấy đồng hóa với nước ta mặc lòng, song nghĩ cũng thương-tâm thay cho những nước yếu-hèn không tránh khỏi được cái họa : cá nhỏ bị cá lớn nuốt.

7. MỞ ĐẤT NAM-VIỆT VÀ SỰ GIAO-THIỆP VỚI CHÂN-LẠP. Nguyên nước Chân-lạp ở vào quãng dưới sông Mê-kông, có lắm sông nhiều ngòi, ruộng đất thì nhiều mà nước Nam ta thường hay mất mùa, dân-tình phải đói khổ luôn, và lại vào lúc chúa Nguyễn, chúa Trịnh đánh nhau, cho nên nhiều người bỏ vào khẩn đất, làm ruộng ở Mô-xoài (Bà-rịa) và ở Đồng-nai (nay thuộc Biên-hòa).

Năm mậu-tuất (1658) vua nước Chân-lạp mất rồi, chú cháu tranh nhau, sang cầu cứu bên chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là chúa Hiền sai quan đem 3.000 quân sang đánh ở Mỗi-xuy 每吹 (nay thuộc huyện Phước-chánh, tỉnh Biên-hòa) bắt được vua nước ấy là Nặc ông Chân 匿翁真 đem về giam ở Quảng-bình một độ, rồi tha cho về nước, bắt phải triều-cống và phải bênh-vực người Việt-nam sang làm ăn ở bên ấy.

Năm giáp-dần (1674), nước Chân-lạp có người Nặc ông Đài 匿翁台 đi cầu-viện nước Tiêm-la để đánh Nặc ông Nộn 匿翁嫩.

Nặc ông Nộn bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái-khang (nay là Khánh-hòa). Chúa Hiền bèn sai Cai-cơ đạo Nha-trang là Nguyễn dương Lâm 阮揚林 cùng với Nguyễn đình Phái 阮廷派 làm tham-mưu đem binh chia ra hai đạo sang đánh Nặc ông Đài, phá được đồn Sài-gòn 柴棍, rồi tiến quân lên vây thành Nam-vang. Nặc ông Đài phải bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng. Nặc ông Thu 匿翁秋 ra hàng. Nặc ông Thu là chính dòng cơn trưởng cho nên lại lập làm chánh quốc-vương đóng ở Long-úc, để Nặc ông Nộn làm đệ-nhị quốc-vương, đóng ở Sài-gòn, bắt hằng năm phải triều cống.

www.songhuong.vn

Năm kỷ-vị (1679) có quan nhà Minh là tổng-binh trấn-thủ đất Long-môn (Quảng-tây) Dương ngạn Địch 楊彥迪, phó-tướng Hoàng Tiến 黃進, tổng-binh châu Cao, châu Lôi, và châu Liêm (thuộc Quảng-đông) là Trần Thượng Xuyên 陳上川, phó-tướng Trần an Bình 陳安平, không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3.000 quân cùng 50 chiếc thuyền sang xin ở làm dân Việt-nam. Chúa Hiền nhân muốn khai-khẩn đất Chân-lạp, bèn cho vào ở đất Đông-phố 東浦 (tức là đất Gia-định). Bọn Ngạn Địch chia nhau ở đất Lộc-dã (tức là đất Đồng-nai thuộc Biên-hòa), ở Mỹ-tho (thuộc Định-tường), ở Ban-lân (thuộc Biên-hòa) rồi cày ruộng làm nhà lập ra phường-phố, có người phương tây, người Nhật-bản, người Chà-và đến buôn bán đông lắm.

Năm mậu-thìn (1688) những người khác ở Mỹ-tho làm loạn. Hoàng Tiến giết Dương ngạn Địch đi, rồi đem chúng đóng đồn ở Nan-khê, làm tàu đúc súng để chống nhau với người Chân-lạp. Vua Chân-lạp là Nặc ông Thu cũng đào hào đắp lũy để làm kế cố thủ và bỏ không chịu thần-phục chúa Nguyễn nữa.

Bấy giờ chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc Trăn 阮福濬 sai quan đem quân đi đánh-dẹp, dùng mưu giết được Hoàng Tiến và bắt vua Chân-lạp phải theo lệ triều-cống.

Năm mậu-dần (1698) chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc Chu sai ông Nguyễn hữu Kinh 阮有境 làm kinh-lược đất Chân-lạp, chia đất Đông-phố ra làm dinh, làm huyện, lấy Đồng-nai làm huyện Phúc-long và Sài-gòn làm huyện Tân-bình. Đặt Trấn-biên-dinh 鎮邊營 (tức là Biên-hòa) và Phan-trấn-dinh 藩鎮營 (tức là Gia-định) sai quan vào cai-trị. Lại chiêu-mộ những kẻ lưu dân từ Quảng-bình trở vào để lập ra thôn-xã và khai-khẩn ruộng đất. Còn những người Tàu ở đất Trấn-biên (Biên-hòa) thì lập làm xã Thanh-hà 清河, những người ở đất Phan-trấn (Gia-định) thì lập làm xã Minh-hương 明鄉. Những người ấy đều thuộc về sổ bộ nước ta.

www.songhuong.vn

Bấy giờ lại có người khách Quảng-đông tên là Mạc Cửu 鄚玖, trong khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh bên Tàu, bỏ sang ở Chân-lạp, thấy ở phủ Sài-mạt 柴末 có nhiều người các nước đến buôn-bán. bèn mở sòng đánh bạc, rồi lấy tiền chiêu-mộ những lưu dân lập ra 7 xã, gọi là Hà-tiên. Năm mậu-tí (1708) Mạc Cửu xin thuộc về chúa Nguyễn; chúa phong cho làm chức tổng-binh, giữ đất Hà-tiên.

Đến khi Mạc Cửu mất, chúa Nguyễn lại phong cho con Mạc Cửu là Mạc thiên Tứ 鄚天賜 làm chức đô-đốc, trấn ở Hà-tiên. Mạc thiên Tứ đắp thành, xây lũy, mở chợ, làm đường và rước thầy về dạy Nho-học để khai-hóa đất Hà-tiên.

Thời bấy giờ đất Chân-lạp cứ loạn lạc luôn. Năm kỷ-mão (1699) vua nước ấy là Nặc ông Thu 匿翁秋 đem quân chống với quân chúa Nguyễn, chúa sai quan tổng-suất Nguyễn hữu Kính sang đánh. Quân ta sang đến thành Nam-vang 南榮, Nặc ông Thu bỏ chạy, con Nặc ông Nộn là Nặc ông Yêm 匿翁淹 mở cửa thành ra hàng. Sau Nặc ông Thu cũng về hàng, xin theo lệ triều-cống như cũ. Quân ta rút về.

Được ít lâu vua thứ hai là Nặc ông Nộn mất, vua thứ nhất là ông Nặc ông Thu phong cho con Nặc ông Nộn là Nặc ông Yêm làm quan và lại gả con gái cho. Sau Nặc ông Thu già yếu, truyền ngôi cho con là Nặc ông Thâm 匿翁深.

Năm ất-dậu (1705) Nặc ông Thâm nghi cho Nặc ông Yêm có ý làm phản, bèn khởi binh đánh nhau. Nặc ông Thâm lại đem quân Tiêm-la về giúp mình. Nặc ông Yêm phải chạy sang cầu cứu ở Gia-định.

Chúa Nguyễn sai quan cai-cơ là Nguyễn cửu Vân 阮久雲 sang đánh Nặc ông Thâm. Nguyễn cửu Vân sang phá được quân Tiêm-la; đem Nặc ông Yêm về thành La-bích 羅壁. Từ đó Nặc ông Thâm ở Tiêm-la cứ thỉnh-thoảng đem quân về đánh Nặc ông Yêm.

Năm giáp-ngọ (1714) quân của Nặc ông Thâm về lấy thành La-bích và vây đánh Nặc ông Yêm nguy-cấp lắm. Nặc ông Yêm sai người sang Gia-định cầu-cứu. Quan đô-đốc Phiên-trấn (Gia-định) là Trần thượng Xuyên 陳上川 và

www.songhuong.vn

quan phó-tướng Trấn-biên (Biên-hòa) là Nguyễn cửu Phú 阮久富 phát binh sang đánh, vây Nặc ông Thu và Nặc ông Thâm ở trong thành La-bích. Nặc ông Thu và Nặc ông Thâm sợ-hãi, bỏ thành chạy sang Tiêm-la. Bọn ông Trần thượng Xuyên lập Nặc ông Yêm lên làm vua Chân-lạp.

Năm tân-hợi (1729) quân Chân-lạp sang quấy-nhiễu ở hạt Gia-định. Chúa Nguyễn bèn đặt sở Điều-khiển 調遣 để thống-nhiếp việc binh ở mạn ấy.

Năm bính-thìn (1736) Nặc ông Yêm mất, con là Nặc ông Tha 匿翁他 lên làm vua. Đến năm mậu-thìn (1747) Nặc ông Thâm lại ở bên Tiêm-la về, cử binh đánh đuổi Nặc ông Tha đi, rồi chiếm lấy ngôi làm vua. Nặc ông Tha phải bỏ chạy sang Gia-định.

Được ít lâu Nặc ông Thâm mất, con là Nặc Đôn 匿敦, Nặc Hiên 匿軒 và Nặc Yếm 匿厭 tranh nhau. Chúa Nguyễn bèn sai quan Điều-khiển là Nguyễn hữu Doãn 阮有允 đem quân sang đánh bọn Nặc Đôn và đem Nặc ông Tha về nước.

Nặc ông Tha về được mấy tháng lại bị người con thứ hai của Nặc ông Thâm là Nặc Nguyên 匿源 đem quân Tiêm-la sang đánh đuổi đi. Nặc ông Tha chạy sang chết ở Gia-định.

Nặc Nguyên về làm vua Chân-lạp thường hay hà-hiếp rợ Côn-man 昆蠻 (1) và lại thông sứ với chúa Trịnh ở ngoài Bắc để lập mưu đánh chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn biết tình-ý ấy, đến năm quí-dậu (1753), sai Nguyễn cư Trinh 阮居貞 sang đánh Nặc Nguyên. Năm ất-hợi (1755) Nặc Nguyên thua bỏ thành Nam-vang chạy sang Hà-tiên nhờ Mạc thiên Tứ.

Năm sau Mạc thiên Tứ dâng thư về nói rằng Nặc Nguyên xin dâng hai phủ Tầm-bôn 尋奔 và Lôi-lạp 雷腊 để chuộc tội, và xin cho về nước. Chúa Nguyễn không muốn cho. Bấy giờ ông Nguyễn cư Trinh dâng sớ bày-tỏ cách khai-thác nên dùng kế « tàm thực » nghĩa là nên lấy dần dần như con

---

(1) Côn-man là chỗ những người Chiêm-thành sang tụ họp ở tại xứ Chân-lạp.

www.songhuong.vn

tằm ăn lá, thì mới chắc chắn được. Chúa Nguyễn nghe lời ấy bèn nhận hai phủ và cho Nặc Nguyên về Chân-lạp.

Năm đinh-sửu (1759) Nặc Nguyên mất, chú họ là Nặc Nhuận 匿潤 làm giám-quốc. Nặc Nhuận còn đang lo để xin chúa Nguyễn phong cho làm vua, thì bị người con rể là Nặc Hinh 匿壽 giết đi, rồi cướp lấy ngôi làm vua.

Quan tổng-suất là Trương phúc Du 張福猷 thừa thế sang đánh, Nặc Hinh thua chạy bị thuộc-hạ giết chết, bấy giờ con Nặc Nhuận là Nặc Tôn 匿尊 chạy sang nhờ Mạc thiên Tứ ở Hà-tiên. Mạc thiên Tứ dâng thư về xin lập Nặc Tôn làm vua Chân-lạp. Chúa Nguyễn thuận cho, sai Thiên Tứ đem Nặc Tôn về nước.

Nặc Tôn dâng đất Tầm-phong-long để tạ ơn chúa Nguyễn. Chúa bèn sai ông Trương phúc Du và Nguyễn cư Trinh đem dinh Long-hồ về xứ Tầm-bảo, tức là chỗ tỉnh-lỵ tỉnh Vĩnh-long bây giờ, và lại đặt ra ba đạo là Đông-khẩu-đạo ở Sa-đéc, Tân-châu-đạo ở Tiền-giang và Châu-đốc-đạo ở Hậu-giang.

Nặc Tôn lại dâng 5 phủ là Hương-úc, Cần-bột, Trực-sâm, Sài-mạt và Linh-quỳnh để tạ ơn Mạc thiên Tứ. Mạc thiên Tứ đem những đất ấy dâng chúa Nguyễn, chúa cho thuộc về trấn Hà-tiên cai-quản.

Vậy đất 6 tỉnh Nam-Việt bây giờ là đất lấy của nước Chân-lạp mà người Việt-nam khai-thác ra.

8. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI NƯỚC TIÊM-LA. Tiêm-la là một nước ở về phía tây-nam sông Mê-kông dòng-dõi người Thái sang ở đấy.

Cứ theo sử ta và sử Tàu thì thoạt đầu tiên gọi là nước Phù-nam 扶南. Đến quãng nhà Tùy và nhà Đường bên Tàu là vào quãng thế-kỷ thứ sáu, thứ bảy thì đất Phù-nam chia ra làm hai: một nửa về phía đông có một dân-tộc khác đến lập ra nước Chân-lạp 真臘, còn một nửa về phía tây thì người Phù-nam ở gọi là nước Xích-thổ 赤土.

Vào quãng nhà Tống, nhà Kim (thế-kỷ thứ XI, thứ XII) thì nước Xích-thổ lại chia ra làm hai: một nước gọi là La-

www.songhuong.vn

hộc 羅斛, một nước gọi là Tiêm 暹. Lúc nhà Nguyên làm vua bên Tàu (thế-kỷ thứ XIII, thứ XIV) thì sử có chép hai nước ấy sang cống.

Về sau nước La-hộc gồm được cả nước Tiêm, mới gọi là nước Tiêm-la-hộc 暹羅斛. Đến đầu nhà Minh (cuối thế-kỷ thứ XIV) vua nước ấy sang cầu phong bên Tàu, vua Thái-tổ nhà Minh mới phong là nước Tiêm-la 暹羅 (2).

Nước Tiêm-la lúc đầu còn nhỏ-yếu, thường bị người Chân-lạp áp-chế. Sau cường-thịnh dần dần lên, rồi vào khoảng năm Vạn-lịch (1573-1620) nhà Minh, nước Tiêm-la lại đánh Chân-lạp mà hùng-bá cả phương ấy.

Trong thời ấy vua Tiêm-la là Phra Naroi dòng-dõi nhà Ayouthia dùng một người Hi-lạp tên là Constantin Phaulcon làm tướng. Người ấy xin vua giao-thiệp với nước Pháp. Bởi vậy năm 1620 mới có bọn sứ-thần Tiêm-la sang bái-yết Pháp-hoàng Louis XIV ở tại Versailles.

Thủa bấy giờ chúa Nguyễn còn đang khai sáng ở đất Phú-yên, Khánh-hòa, nhưng về sau chúa Nguyễn lấy hết đất Chiêm-thành, lại lấn sang đất Chân-lạp. Người Tiêm-la có ý muốn ngăn-trở để giữ lấy Chân-lạp làm của mình. Nhưng vì thế chúa Nguyễn mạnh hơn, cho nên phải chịu để chúa Nguyễn sang bảo-hộ Chân-lạp.

Tuy vậy nước Tiêm-la thường hay dùng những người phản-đối với vua Chân-lạp, rồi giúp binh-lực cho về làm loạn trong nước. Nhiều khi quân ta phải sang đánh đuổi quân Tiêm-la để giúp quốc-vương Chân-lạp. Cũng có khi quân Tiêm-la sang đánh ở đất Hà-tiên, như năm ất-vị (1715) người Chân-lạp là Nặc Thâm đem quân Tiêm-la sang cướp phá, quan tổng-binh Hà-tiên là Mạc Cửu phải bỏ thành mà chạy.

Quân ta và quân Tiêm-la đã giao chiến nhiều lần, cho nên hai bên không thông sứ với nhau. Mãi đến năm canh-ngọ (1750) đời chúa Nguyễn là Võ-vương Nguyễn-phúc Khoát, thì

---

(2) Nước Thái-lan ngày nay.

www.songhuong.vn

mới thấy sử chép rằng chúa sai quan đem thư sang trách nước Tiêm-la dung-túng kẻ nghịch - thần để làm loạn nước Chân-lạp.

Năm ất-hợi (1755) nước Tiêm-la sai sứ sang xin dừng đánh thuế những thuyền của nước ấy sang buôn-bán ở đất chúa Nguyễn. Chúa đáp thư lại rằng thuế ấy là quốc-lệ đã đặt ra không thể bỏ đi được.

Năm đinh-hợi (1767) quân nước Diến-điện 緬甸 sang đánh Tiêm-la bắt được vua nước ấy là Phong-vương 瘋王 (3) và con là Chiêu Đốc 昭督 cùng mấy vạn người dân đem về Diến-điện. Còn những người con của Phong-vương là Chiêu xỉ Khang 昭侈腔 thì chạy sang Chân-lạp và Chiêu Thúy 昭翠 thì chạy sang Hà-Tiên.

Bấy giờ nước Tiêm-la không có vua, chức Phi-nhã (Phya) đất Mang-tát là Trịnh quốc Anh 鄭國英 bèn khởi binh tự lập làm vua. Trịnh quốc Anh là người Triều-châu, tỉnh Quảng đông, cha tên là Yền 佩 sang ở đất Tiêm-la làm trưởng ở Mang-tát. Yền chết, Trịnh quốc Anh lên nối nghiệp xưng là Phi-nhã, là một chức xã-trưởng vậy.

Trịnh quốc Anh lên làm vua rồi sai sứ sang bắt vua Chân-lạp là Nặc Tôn phải sang cống. Nặc Tôn lấy lẽ rằng Trịnh quốc Anh không phải là dòng-dõi người Tiêm-la, không chịu cống.

Vua Tiêm-la lấy điều ấy làm hiềm, sai tướng là Bòn Ma đem người Chân-lạp tên là Nặc Non về đánh Nặc Tôn. Nặc Tôn giữ vững các nơi, quân Tiêm-la không làm gì được lại phải rút về.

Trịnh quốc Anh biết con vua cũ là Chiêu Thúy còn ở Hà-tiên, sợ ngày sau sinh ra biến loạn, bèn đến tháng 10 năm tân-mão (1771) đem binh-thuyền sang vây đánh Hà-tiên. Quan tổng-binh là Mạc thiên Tứ giữ không nổi phải bỏ thành chạy.

---

(3) Vua nước Tiêm-la bấy giờ có bệnh hủi, cho nên sử gọi là Phong-vương.

www.songhuong.vn

Vua Tiêm-la để tướng là Trần Liên 陳 聯 ở lại giữ Hà-tiên rồi tiến quân sang đánh Chân-lạp. Quốc-vương là Nặc Tôn phải bỏ chạy. Vua Tiêm-la đóng quân ở thành Nam-vang và lập Nặc Non lên làm vua Chân-lạp.

Tháng 6 năm sau (1772) chúa Nguyễn sai quan tổng-suất là Nguyễn cửu Đàm 阮 久 潭 lĩnh chức Điều-khiển đem binh-thuyền đi đánh quân Tiêm-la. Quân của Nguyễn cửu Đàm tiến sang đến Nam-vang, quân Tiêm-la bỏ chạy về Hà-tiên, Nặc Non cũng chạy về Cầu-bột.

Nặc Tôn lại về làm vua Chân-lạp.

Vua Tiêm-la về đến Hà-tiên sai người đưa thư sang gọi Mạc thiên Tứ về để giảng-hòa. Mạc thiên Tứ không chịu. Vua Tiêm-la bèn để Trần Liên ở lại giữ Hà-tiên, rồi bắt con gái Mạc thiên Tứ và Chiêu Thúy đem về nước.

Năm sau Mạc thiên Tứ thấy việc không xong, bèn sai người sang Tiêm-la xin hòa. Vua Tiêm-la gọi Trần Liên về và cho người con gái của Mạc thiên Tứ về Hà-tiên. Còn Chiêu Thúy thì đem giết đi.

Từ đó Mạc thiên Tứ lại về giữ đất Hà-tiên.

9. LẬP DINH ĐỊNH PHỦ. Lúc đầu, Nguyễn Hoàng mới vào trấn đất Thuận-hóa thì đóng dinh ở làng Ái-tử 愛 子 (thuộc huyện Đăng-xương, gần tỉnh-lỵ tỉnh Quảng-trị). Được 13 năm sau (1570) Nguyễn Hoàng lại dời vào làng Trà-bát ở huyện ấy, tức là Cát-dinh 葛 營. Đến năm bính-dần (1626) chúa Sãi là Nguyễn phúc Nguyên sắp sửa chống nhau với chúa Trịnh, mới dời dinh vào làng Phúc-an 福 安 (thuộc huyện Quảng-điền, tỉnh Thừa-thiên bây giờ) và đổi chỗ tư sở là phủ.

Năm bính-tí (1636) chúa Thượng là Nguyễn phúc Lan lại dời phủ vào làng Kim-long 金 龍 (thuộc huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên).

Năm đinh-mão (1687) chúa Nguyễn là Nguyễn phúc Trăn đem phủ về làng Phú-xuân 富 春, tức là đất Kinh-thành bây giờ, gọi là chính dinh. Chỗ phủ cũ để làm Thái-tông-miếu, thờ chúa Hiền.

www.songhuong.vn

Năm giáp-tí (1744) Vũ-vương mới xưng vương-hiệu đổi phủ ra làm điện, sửa-sang phép-tắc, và định triều-phục. Lại chia nước ra làm 12 dinh.

1. Chính dinh 正營 (Phú-xuân)
2. Cựu dinh 舊營 (Ái-tử)
3. Quảng-bình dinh 廣平營
4. Vũ-xá dinh 武舍營
5. Bố-chính dinh 布政營
6. Quảng-nam dinh 廣南營
7. Phú-yên dinh 富安營
8. Bình-khang dinh 平康營 } đất Chiêm-thành
9. Bình-thuận dinh 平順營
10. Trấn-biên dinh 鎮邊營
11. Phiên-trấn dinh 藩鎮營 } đất Chân-lạp
12. Long-hồ dinh 龍湖營

Dinh nào cũng đặt quan Trấn-thủ, quan Cai-bạ, quan Ký-lục để coi việc cai-trị. Còn phủ Quảng-nghĩa và phủ Qui-nhơn thì thuộc về tỉnh Quảng-nam, cho nên mỗi phủ đặt riêng quan Tuần-phủ và quan Khám-lý để coi mọi việc. Đất Hà-tiên thì đặt là Trấn, có quan đô-đốc cai-trị.

. . .

Tóm lại mà xét, họ Nguyễn làm chúa miền nam, nhưng trước thì vẫn giữ chức vua Lê phong cho, mãi đến đầu thế-kỷ thứ XVIII năm nhâm-ngọ (1702) Nguyễn phúc Chu mới sai người sang cống vua nhà Thanh để xin phong làm vua, nhưng Thanh-triều nói rằng nước Nam còn có họ Lê không phong được cho họ Nguyễn. Việc ấy lại im đi. Nguyễn-phúc Chu bèn xưng là quốc-chúa và đúc cái ấn *Đại-viêt quốc Nguyên chúa vĩnh trấn chi bảo* 大越國阮主永鎮之寶 để làm cái truyền quốc-bảo, đến đời vua Thế-tổ mới thôi. Đến năm giáp-tí (1744) Nguyễn-phúc Khoát mới xưng vương-hiệu và đổi lại chế-độ, định ra triều-nghi.

Bấy giờ đất phía nam tuy độc-lập, nhưng họ Nguyễn chỉ xưng chúa, chứ không xưng vua và vẫn không đặt quốc-hiệu.

www.songhuong.vn

Nhưng người ngoại quốc thường gọi đất chúa Nguyễn là Quảng-nam quốc 廣南國. Đấy là vì ở Quảng-nam có phố Hội-an (Faifo) là chỗ người Tàu và người các nước ra vào buôn bán, cho nên mới lấy tên Quảng-nam mà gọi.

Còn những công-việc họ Nguyễn làm ở phía nam quan-trọng cho nước Nam ta hơn cả, là việc mở-mang bờ-cõi, khiến cho nước lớn lên, người nhiều ra, và nhất là chiêu-mộ những người nghèo-khổ trong nước đưa đi khai-hóa những đất phì-nhiêu bỏ hoang, làm thành ra Nam-Việt bây giờ phồn-phú hơn cả mọi nơi, ấy là cái công họ Nguyễn với nước Nam thật là to lắm vậy.

www.songhuong.vn

Thành thật xin lỗi bạn đọc, trang này bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

www.songhuong.vn

Thành thật xin lỗi bạn đọc, trang này bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

www.songhuong.vn

Thành thật xin lỗi bạn đọc, trang này bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

www.songhuong.vn

Thành thật xin lỗi bạn đọc, trang này bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG VII

NGƯỜI ÂU-CHÂU SANG NƯỚC VIỆT-NAM

I. SỰ ĐI TÌM ĐẤT { *Người Âu-châu sang Á-đông*
Người Âu-châu sang đất Việt-nam

II. SỰ ĐI TRUYỀN GIÁO { *Đạo Thiên-chúa*
Đạo Thiên-chúa sang nước Việt-nam

Nguyên người Âu-la-ba đi du-lịch thiên-hạ là vì có hai cớ: một là đi tìm đất để buôn-bán, hai là để truyền-bá tôn-giáo Thiên-chúa ở các nước.

I. SỰ ĐI TÌM ĐẤT. *Người Âu-châu sang Á-đông* — Từ đời La-mã, đã có sách chép người Âu-châu sang đến nước Tàu, nhưng không rõ cách giao-thiệp ra làm sao; đến thập-tam thế-kỷ mới có ông Marco Polo, người nước I-ta-li sang ở triều nhà Nguyên 元 về đời vua Thế-tổ Hốt tất Liệt hằng 17 năm, rồi sau đi qua Ấn-độ-dương về nước, làm ra quyển sách: « *Thế-giới kỳ-quan* » (Les merveilles du monde), kể những chuyện ông ấy đã biết.

Về sau vào thập-ngũ thế-kỷ, ông Kha luân Bố (Christophe Colomb) dùng địa-bàn chỉ nam (boussole) định đi qua Đại-tây-dương sang Ấn-độ, rồi tìm thấy châu A-mỹ-lị-gia (Amérique); đến năm 1479, người Bồ-đào-nha (Portugal) tên là Vasco de Gama đi vòng qua Hảo-vọng-giác (Cap de Bonne Espérance) sang Ấn-độ-dương vào đất Ấn-độ. Năm 1521 lại có người Bồ-đào-nha tên là Magellan đi qua Ấn-độ-dương sang Thái-bình-dương vào đất Phi-luật-tân (Philippines).

Từ đó về sau người Bồ-đào-nha (Portugal) mới sang Tây-ban-nha (Espagne) và người Hòa-lan (Hollande) mới sang

www.songhuong.vn

Á-đông lấy đất thuộc-địa và mở cửa hàng buôn-bán như sau này:

Năm quí-hợi (1563) về đời Gia-tĩnh nhà Minh, người Bồ-đào-nha đến ở đất Áo-môn (Macao) nước Tàu.

Năm mậu-thìn (1568) người Tây-ban-nha sang lấy đất Phi-luật-tân làm thuộc-địa.

Năm bính-thân (1596) người Hòa-lan sang lấy đất Trà-và (Java) làm thuộc-địa. Về sau dần dần người Bồ-đào-nha, người Pháp-lan-tây (France) và người Anh-cát-lợi (Angleterre) đến ở đất Ấn-độ.

Người Âu-châu sang đất Việt-nam. Người Âu-châu sang buôn-bán ở nước ta, thì có người Bồ-đào-nha đến ở xứ Nam trước hết cả, mở cửa hàng ở phố Hội-an (tức là Faifo) thuộc đất Quảng-nam. Ở đấy lại có người Tàu, người Nhật-bản và người Hòa-lan đến buôn-bán nhiều lắm. Sách của ông Maybon và Russier có chép rằng năm giáp-dần (1614) đời chúa Sãi đã có người Bồ-đào-nha tên là Jean de la Croix đến lập lò đúc súng ở đất Thuận-hóa, mà bây giờ ở Huế người ta còn gọi chỗ ấy là Phường-đúc.

Ở ngoài Bắc thì trước đã có tàu của người Bồ-đào-nha ra vào buôn-bán, nhưng mãi đến năm đinh-sửu (1637) đời vua Thần-tông nhà Lê, Thanh-đô-vương Trịnh Tráng mới cho người Hòa-lan đến mở cửa hàng ở Phố-hiến (gần chỗ tỉnh-lỵ Hưng-yên bấy giờ). Về sau ở đấy có người Nhật-bản, người Tàu, người Tiêm-la đến buôn-bán kể có 2.000 nóc nhà, làm thành ra chỗ vui-vẻ lắm, cho nên tục-ngữ bấy giờ có câu rằng: *Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì Phố-hiến.*

Lúc bấy giờ người Bồ-đào-nha sang buôn-bán ở trong Nam nhiều hơn, mà ở ngoài Bắc thì có người Hòa-lan nhiều hơn, nhưng thủa ấy người hai nước ấy hay tranh-cạnh với nhau, bởi thế chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều có ý muốn nhân cớ ấy mà nhờ họ giúp mình. Song vì lợi buôn-bán cho nên họ không chịu ra mặt giúp hẳn, thành ra lâu ngày các chúa cũng chán và lại lôi-thôi về việc tông-giáo, cho nên đến năm canh-

www.songhuong.vn

thìn (1700) đời vua Lê Hi-tông, người Hòa-lan thôi không vào buôn-bán ở ngoài Bắc nữa.

Đời bấy giờ người Anh-cát-lợi và người Pháp-lan-tây cũng vào buôn-bán ở nước ta. Năm nhâm-tí (1672) đời vua Lê Hi-tông, người Anh-cát-lợi đem chiếc tàu *Zant* vào xin mở cửa hàng buôn-bán, chúa Trịnh cho xuống ở Phố-hiến, nhưng vì sau sự buôn-bán không được thịnh-lợi, người Anh-cát-lợi chỉ ở đến năm đinh-sửu (1697) rồi thôi.

Còn người Pháp-lan-tây thì từ năm canh-thân (1680) đã có tàu vào xin mở cửa hàng ở Phố-hiến; đến năm nhâm-tuất (1682) lại có chiếc tàu *Saint Joseph* ở Tiêm-la sang đem phẩm-vật dâng chúa Trịnh.

Ở trong Nam thì năm bính-dần (1686) có người Pháp tên là Verret được phép mở cửa hàng ở cù-lao Côn-lôn. Đến năm kỷ-tị (1749) lại có một người Pháp tên là Poivre đi chiếc tàu *Machault* vào cửa Hội-an, xin vào yết-kiến chúa Nguyễn và dâng tờ quốc-thư cùng phẩm-vật để tỏ tình giao hiếu của hai nước. Chúa Nguyễn cũng đáp thư lại, thuận cho người Pháp vào thông-thương. Nhưng chẳng được bao lâu thì công-ty của Pháp ở Ấn-độ bãi đi, cho nên sự thông thương với người Pháp cũng bãi.

2. SỰ ĐI TRUYỀN-GIÁO. *Đạo Thiên-chúa*. Nguyên khi xưa toàn xứ Âu-la-ba không có nhất-định một tông-giáo nào cả. Mỗi dân-tộc thờ một vị thần riêng của mình. Thường hay lấy cái lực hoạt-động của tạo-hóa mà tưởng-tượng ra các vị thần, rồi làm đền, làm đài, để thờ cúng. Như dân-tộc Hi-lạp (Grec) và dân-tộc La-mã (Romain) thờ thần Giu-bi-te (Jupiter), thần A-bô-lông (Apollon) và các vị thần khác vậy. Duy có dân-tộc Do-thái (Juifs) ở đất Tiểu Á-tế-á, nay là đất Palestine đã được độc-lập, chỉ thờ một vị thần gọi là Jéhovah ở thành Gia-lỗ-tân-lĩnh (Jérusalem). Dân ấy tin rằng thần Jéhovah sinh-hóa vạn vật và người; cho nên người chỉ phải thờ một vị thần ấy mà thôi. Đến đời dân La-mã đã kiêm-tính được cả đất Tiểu Á-tế-á, đất bắc A-phi-lị-gia và đất tây-nam Âu-la-ba, dân Do-thái cũng thuộc về La-mã, mà đạo Do-thái bấy giờ cũng đã suy lắm rồi. Lúc ấy đức Gia-tô ra đời, nhân-đạo Do-thái mà lập ra

www.songhuong.vn

đạo mới (1) dạy người lấy sự yêu-mến và tôn-kính Thiên-chúa làm gốc, lấy bụng từ-bi nhân thứ, coi người như anh em ruột thịt làm cốt. Từ đó về sau các môn-đồ đem đạo ấy đi truyền-bá các nơi. Ông Saint Pierre thì sang lập giáo-đường ở tại Kinh-thành La-mã, ông Saint Paul thì đi truyền đạo ở khắp trong nước.

Lúc đầu đạo Thiên-chúa bị nhiều phen vua La-mã nghiêm-cấm, dùng cực hình mà giết hại các giáo-sĩ và những người theo đạo mới, nhưng dẫu nguy-nan thế nào mặc lòng, các môn-đồ cứ một niềm đi truyền đạo khắp bốn phương. Mãi đến đầu đệ-tứ thế-kỷ (313) vua La-mã là Constantin mới cho giảng đạo Thiên-chúa ở mọi nơi trong nước. Từ bấy giờ trở đi đạo Thiên-chúa một ngày một thịnh, lập Giáo-hoàng để thống-nhất việc giáo, đặt Giám-mục để coi việc giáo ở các nơi, lại sai giáo-sĩ đi truyền đạo khắp trong thiên-hạ: hễ ở đâu có người là có giáo-sĩ đến dạy đạo. Bởi vậy cho nên chẳng bao lâu mà toàn Âu đều theo đạo Thiên-chúa cả.

Ở bên Á-đông ta thì từ đời nhà Đường 唐 (618-907) sử chép có Cảnh-giáo 景教 (2) tức là một phái Gia-tô-giáo đã sang Tàu, nhưng vì bấy giờ đạo Phật đang thịnh, cho nên đạo Cảnh-giáo mất dần đi. Mãi đến đời nhà Nguyên, nhà Minh mới thật có giáo-sĩ sang giảng đạo Gia-tô ở nước Tàu.

Đạo Thiên-chúa sang nước Nam. Ở nước Nam ta từ khi đã có người Âu-la-ba sang buôn bán, thì tất là có giáo-sĩ sang dạy đạo. Cứ theo sách *Khâm-định Việt-sử*, thì từ năm Nguyên-hòa nguyên-niên 元和元年 đời vua Trang-tông nhà Lê (1533) có người Tây tên là I-nê-khu đi đường bể vào giảng đạo Thiên-chúa ở làng Ninh-cường, làng Quần-anh,

---

(1) Đạo của ông Gia-tô lập ra cho nên ta thường gọi là đạo Gia-tô; lại vì đạo ấy chỉ thờ Thiên-chúa mà thôi, cho nên lại gọi là đạo Thiên-chúa. Có phải gọi là đạo Cơ-đốc bởi chữ Christ là bậc cứu-thế.

(2) Cảnh-giáo là một phái đạo Gia-tô của người chủ-giáo tên là Nestorius lập ra từ đệ-ngũ thế-kỷ ở Đông La-mã, rồi truyền sang nước Ba-tư (Perse) và nước Tàu.

www.songhuong.vn

thuộc huyện Nam-chân (tức là Nam-trực) và ở làng Trà-lũ, thuộc huyện Giao-thủy.

Sách *Nam-sử* của Trương vĩnh Ký chép rằng năm bính-thân (1596) đời ông Nguyễn Hoàng có người giáo-sĩ Tây-ban-nha tên là Diego Adverte vào giảng đạo ở trong Nam trước hết cả. Nhưng lúc bấy giờ lại có mấy chiếc tàu Tây-ban-nha cùng đến, chúa Nguyễn sợ có ý quấy-nhiễu gì chăng, bèn đuổi đi.

Đến năm ất-mão (1615) đời chúa Sãi, giáo-sĩ là P. Busomi lại đến giảng đạo, rồi đến năm giáp-tí (1624) có giáo-sĩ tên là Jean Rhodes, người Pháp-lan-tây, đến giảng đạo ở Phú-xuân và lập ra các giáo-đường. Năm bính-dần (1626) đời vua Lê Thần-tông, giáo-sĩ là Baldinoti vào giảng đạo ở ngoài Bắc, bị chúa Trịnh không cho, phải bỏ đi. Được ít lâu ông Jean Rhodes ở trong Nam ra Bắc vào yết-kiến chúa Trịnh và đem dâng cái đồng-hồ quả lắc, chúa Trịnh cho ông Jean Rhodes được giảng-đạo tại Kinh-đô.

Từ đó về sau các giáo-sĩ cứ dần dần vào nước dạy đạo, mà người minh càng ngày càng theo đạo cũng nhiều. Nhưng vì nước ta tự xưa đến nay vẫn theo Nho-giáo, lấy sự thờ-cúng ông cha làm trọng, lấy sự tế-tự thần-thánh làm phải, mà lệ nước thì lấy sự cúng-tế làm một việc rất quan-trọng. Đột-nhiên thấy nhiều người minh theo đạo Thiên-chúa, bỏ cả các thói cũ, chỉ chuyên về một mặt theo đạo mới, bởi vậy cho nên trong Nam ngoài Bắc, vua chúa đều cho đạo ấy là một tà đạo, làm hủy-hoại cả cái phong-hóa của nước nhà xưa nay, bèn xuống chỉ cấm không cho người trong nước theo đạo mới nữa, và đặt ra phép nghiêm để bắt tội những kẻ không tuân theo chỉ-dụ ấy.

Cứ theo trong sử thì năm tân-vị (1631) ở trong Nam, chúa Thượng là Nguyễn-phúc Lan cấm không cho người Tây vào giảng đạo ở trong nước.

Năm qui-mão (1663) ở ngoài Bắc, chúa Trịnh là Trịnh Tạc bắt đuổi các giáo-sĩ và cấm không cho người minh theo đạo Gia-tô.

www.songhuong.vn

Năm giáp-thìn (1644) chúa Hiền ở miền Nam bắt giết những người đi giảng đạo ở Đà-nẵng.

Năm bính-tí (1696) đời vua Lê Hi-tông, Trịnh Căn bắt đốt phá hết cả những sách đạo và nhà đạo ở các nơi và đuổi những người giảng đạo ra ngoài nước.

Năm nhâm-thìn (1712) đời vua Lê Dụ-tông, Trịnh Cương bắt những người theo đạo Gia-tô phải cạo trán và khắc vào mặt bốn chữ *« học Hoa-lan đạo »* (3).

Năm giáp-tuất (1754) đời Cảnh-hưng, Trịnh Doanh lại nghiêm-cấm một cách rất ngặt, không cho người ta đi theo đạo, và lại giết cả các đạo-trưởng và đạo-đồ.

Từ đó về sau việc cấm đạo một ngày một nghiêm, mà người đi giảng đạo cũng không lấy luật nước làm sợ, cứ cố sức dụ cho được nhiều người theo đạo. Rồi dần dần người trong nước phân ra bên *lương* bên *giáo*, ghen-ghét nhau hơn người cừu địch. Vua quan thì thấy dùng phép thường không cấm được, mới dùng đến cực hình để mà trừng-trị, giết hại bao nhiêu người vô tội.

Tóm lại mà xét, thì giả sử người ngoại quốc vào nước ta mà chỉ có việc buôn bán mà thôi, thì chắc rằng nước ta xưa nay vốn là một nước văn hiến, vua quan ta cũng không có lẽ gì mà ngăn-cấm; nhưng bởi vì khi đã quan-hệ đến việc sùng-tín, thì dù hay dở thế nào mặc lòng, người ta ai cũng cho sự sùng-tín của mình là phải hơn, thành ra không ai khoan-dung cho ai, rồi cứ phải dùng thế-lực để mà đè-nén nhau. Cũng vì thế cho nên về sau nước ta không chịu suy-xét lẽ phải-trái cho kỹ-càng, làm lắm sự tàn-ác để đến nỗi mất cả sự hòa-hiếu với các nước ở Tây-dương và gây nên cái mối biến-loạn cho nước nhà vậy.

---

(3) Hoa-lan tức là Hòa-lan (Hollande). Người Hòa-lan sang buôn bán ở ngoài Bắc trước hết cả cho nên mới gọi là đạo Hòa-lan. Vả lúc bấy giờ người Việt-nam ta không phân-biệt được những nước nào, hễ thấy người Tây thì thường cứ gọi là Hòa-lan.

www.songhuong.vn

CHƯƠNG VIII

VẬN TRUNG-SUY CỦA CHÚA NGUYỄN

1. Trương phúc Loan chuyên quyền
2. Tây-sơn dấy binh
3. Quân họ Trịnh vào lấy Phú-xuân
4. Chúa Nguyễn vào Gia-định
5. Nguyễn-vương khởi binh đánh Tây-sơn
6. Nguyễn-vương định cầu viện nước Pháp-lan-tây
7. Nguyễn Huệ phá quân Tiêm-la

1. TRƯƠNG PHÚC LOAN CHUYÊN QUYỀN. Từ ông Nguyễn Hoàng trở đi, họ Nguyễn làm chúa trong Nam: phía bắc chống nhau với họ Trịnh, phía nam đánh lấy đất Chiêm-thành và đất Chân-lạp, truyền đến đời Vũ-vương là Nguyễn-phúc Khoát mới xưng vương hiệu. Vũ-vương định triều-nghi, lập cung-điện ở đất Phú-xuân, và phong cho người con thứ 9 là Nguyễn-phúc Hiệu 阮福昊 làm thế-tử.

Năm ất-dậu (1765) Vũ-vương mất. Bấy giờ thế-tử đã mất rồi, con thế-tử là Nguyễn-phúc Dương 阮福暘 hãy còn nhỏ, mà người con trưởng của Vũ-vương cũng mất rồi. Tờ di-chiếu để lại định lập người con thứ hai lên nối nghiệp chúa (1). Nhưng khi ấy người quyền-thần là Trương phúc Loan 張福巒, ý muốn chuyên quyền làm bậy, bèn đổi tờ di-chiếu đi mà lập người con thứ 16 của Vũ-vương, mới có 12 tuổi, lên làm chúa, gọi là Định-vương 定王.

---

(1) Tức là hoàng-khảo vua Thế-tổ, sau truy tôn là Hưng-tổ Hiếu-khang Hoàng-đế 興祖孝康皇帝.

www.songhuong.vn

Trương phúc Loan là người tham-lam, làm nhiều điều tàn-ác, trong nước ai ai cũng oán-giận, bởi thế cho nên, ở phía nam thì có Tây-sơn 西山 dấy binh đánh phá tại đất Qui-nhơn ; ở mặt bắc thì có quân họ Trịnh vào lấy đất Phú-xuân, làm cho cơ-nghiệp họ Nguyễn xiêu-đổ vậy.

2. TÂY-SƠN DẤY BINH. Lúc bấy giờ ở huyện Phù-ly 符蘺 (nay đổi là Phù-cát) đất Qui-nhơn, có người tên là Nguyễn Nhạc 阮岳 khởi binh phản-đối với chúa Nguyễn.

Nguyên ông tổ bốn đời của Nguyễn Nhạc là họ Hồ cùng một tổ với Hồ quý Ly ngày trước, người ở huyện Hưng-nguyên, đất Nghệ-an, gặp lúc chúa Trịnh, chúa Nguyễn đánh nhau, bị bắt đem vào ở ấp Tây-sơn 西山邑 (2) thuộc đất Qui-nhơn. Đến đời ông thân-sinh là Hồ phi Phúc 胡丕福 dời nhà sang ở ấp Kiên-thành 堅城邑, nay là làng Phú-lạc 富樂, huyện Tuy-viễn, sinh được 3 người con : trưởng là Nhạc 岳, thứ là Lữ 侶, thứ ba là Huệ 惠.

Anh em ông Nhạc muốn khởi loạn, mới lấy họ mẹ là Nguyễn để khởi sự cho dễ thu-phục nhân tâm, vì rằng đất trong Nam vẫn là đất của chúa Nguyễn.

Nguyễn Nhạc trước làm biện-lại ở Vân-đồn, cho nên sau người ta thường gọi là biện Nhạc. Nhưng vì tính hay đánh bạc, tiêu mất cả tiền thuế, sợ phải tội, bỏ đi vào rừng làm giặc. Đến năm tân-mão (1771) mới lập đồn-trại ở đất Tây-sơn, chiêu-nạp quân-sĩ, người theo về càng ngày càng đông. Thường hay lấy của nhà giàu cho nhà nghèo, cho nên những kẻ nghèo-khổ theo phục rất nhiều.

Thế Nguyễn Nhạc mỗi ngày một mạnh, quân nhà chúa đánh không được. Vả lại Nhạc là một người có can-đảm và lắm cơ-trí ; một hôm định vào lấy thành Qui-nhơn, bèn lập mưu, ngồi vào trong cái cũi, cho người khiêng vào nộp quan Tuần-phủ ở đấy là Nguyễn khắc Tuyên. Nguyễn khắc

---

(2) Ấp Tây-sơn nay là đất thôn An-khê 安溪 và thôn Cửu-an 久安, thuộc phủ Hoài-nhân. Vì anh em Nguyễn Nhạc khởi nghiệp ở chỗ ấy, nên mới gọi là nhà Tây-sơn.

www.songhuong.vn

Tuyên tưởng là thật, cho đưa vào trong thành. Đến nửa đêm, Nhạc phá cũi ra, mở cửa thành cho quân mình vào đánh đuổi quan quân đi, giữ lấy thành Qui-nhơn làm chỗ căn-bản. Bấy giờ lại có mấy người khách buôn tên là Tập Đình 集亭 và Lý Tài 李才 cũng mộ quân nổi lên theo giúp Tây-sơn. Nguyễn Nhạc chia quân ra làm 5 đồn là : trung, tiền, hậu, tả, hữu, rồi tiến lên đánh lấy đất Quảng-nam. Chẳng bao lâu từ đất Quảng-nghĩa bây giờ vào cho đến Bình-thuận đều thuộc về Tây-sơn cả.

3. QUÂN HỌ TRỊNH VÀO LẤY PHÚ-XUÂN. Đang khi trong Nam có quyền-thần chuyên-chính ở trong, Tây-sơn đánh phá ở ngoài, ở ngoài Bắc chúa Trịnh là Trịnh Sâm 鄭森 biết tình-trạng như vậy, bèn sai đại-tướng là Hoàng ngũ Phúc 黃五福 đem thủy bộ hơn 3 vạn quân cùng với Hoàng phùng Cơ 黃馮基, Hoàng đình Thể 黃廷體, Hoàng đình Bảo 黃廷寶 vào đất Bố-chính để đánh họ Nguyễn, giả nói là vào đánh Trương phúc Loan.

Đến tháng 10 năm giáp-ngọ (1774) quân Hoàng ngũ Phúc sang sông Linh-giang, sai Hoàng đình Thể đem binh đến đánh lấy lũy Trấn-ninh 鎮寧, nhờ có nội ứng, cho nên không đánh mà lấy được lũy. Trịnh Sâm được tin Hoàng ngũ Phúc đã phá được thành Trấn-ninh rồi, bèn quyết kế đem đại binh đi vào tiếp ứng. Đến tháng chạp thì quân của Ngũ Phúc tiến lên đóng ở làng Hồ-xá (thuộc huyện Minh-linh, Quảng-trị) rồi truyền hịch đi nói rằng quân Bắc chỉ vào đánh Trương phúc Loan mà thôi, chứ không có ý gì khác cả. Các quan ở Phú-xuân bèn mưu bắt Phúc Loan đem nộp.

Hoàng ngũ Phúc bắt được Trương phúc Loan rồi, lại tiến binh đến huyện Đăng-xương, sai người đưa thư đến Phú-xuân nói rằng tuy Phúc Loan đã trừ, nhưng mà Tây-sơn hãy còn, vậy xin đem binh đến hội tại Phú-xuân để cùng đi đánh giặc.

Chúa Nguyễn biết mưu Hoàng ngũ Phúc chực đánh lừa để lấy Kinh-thành, bèn sai Tôn thất Tiệp 捷 cùng với quan Chưởng-cơ là Nguyễn văn Chính 阮文政 đem thủy-bộ quân ra án ngữ ở sông Bái-đáp-giang (nay gọi là Phu-lệ ở huyện

www.songhuong.vn

Quảng-điền). Hoàng ngũ Phúc sai Hoàng đình Thể dem binh đi lên đường núi rồi tiến binh hai mặt đánh ập lại, quân họ Nguyễn vỡ tan bỏ chạy cả, quân Bắc tiến lên lấy thành Phú-xuân, chúa Nguyễn và các quan chạy vào Quảng-nam.

Bấy giờ Trịnh Sâm đóng ở Hà-trung, được tin Hoàng ngũ Phúc đã lấy được Phú-xuân rồi, mừng lắm, sai quan đưa cho Ngũ Phúc 100 lạng vàng, và cho các tướng-sĩ 5.000 lạng bạc, lại phong cho Ngũ Phúc làm Đại-trấn-phủ 大鎮撫 đất Thuận-hóa để lo việc lấy đất Quảng-nam. Đoạn rồi Trịnh Sâm rút quân về Bắc.

4. CHÚA NGUYỄN VÀO GIA-ĐỊNH. Chúa Nguyễn vào đến Quảng-nam đóng ở Bến-vân, lập cháu là Nguyễn-phúc Dương 阮福暘 lên làm Đông-cung, để lo việc đánh giặc. Được mấy tháng quân Tây-sơn ở Qui-nhơn kéo ra đánh lấy Quảng-nam, quân chúa Nguyễn đánh không nổi, thua chạy về đóng ở Trà-sơn 茶山.

Chúa Nguyễn liệu chừng không chống giữ được, bèn cùng người cháu là ông Nguyễn-phúc Ánh 阮福暎 xuống thuyền chạy vào Gia-định, để Đông-cung ở lại Quảng-nam chống giữ với giặc. Đông-cung đóng dồn ở làng Câu-đề 俱低 (thuộc huyện Hòa-vinh).

Nguyễn Nhạc biết Đông-cung thế yếu, và lại muốn lấy tiếng để mà sai chúng, bèn sai người đi rước Đông-cung về đóng ở phố Hội-an 會安 (Faifo, thuộc Quảng-nam).

Ngay lúc ấy quân của Hoàng ngũ Phúc đã qua Hải-vân-sơn vào lấy đồn Trung-sơn và đồn Câu-đề ở huyện Hòa-vinh. Nguyễn Nhạc sai người khách là Tập Đình làm tiên-phong, Lý Tài làm trung-quân, tự mình làm hậu tập ra đánh nhau với quân họ Trịnh ở làng Cẩm-sa 錦沙 (thuộc Hòa-vinh). Quân của Tập Đình đều là người khách Quảng-đông và những người mọi to lớn, ai nấy cởi trần ra đội khăn đỏ cầm phang, đeo khiên, đánh thật là hung mạnh. Quân tiền đội của Ngũ Phúc đương không nổi, Ngũ Phúc mới sai Hoàng đình Thể và Hoàng phùng Cơ đem kỵ binh vào xông trận, rồi bộ binh đánh

www.songhuong.vn

tràn vào. Tập Đình thua chạy. Nguyễn Nhạc và Lý Tài phải lùi về giữ bến Bản 板津 rồi đưa Đông-cung về Qui-nhơn. Tập Đình vốn là người bạo-ngược, Nguyễn Nhạc muốn nhân dịp thua trận bắt giết đi. Tập Đình biết ý bỏ chạy về Quảng-đông bị quan nhà Thanh bắt được đem chém.

Lúc bấy giờ ở phía nam có quan Lưu-thủ đất Long-hồ là Tống phúc Hợp 宋福洽 đem quân đánh lấy lại được ba phủ là Bình-thuận, Diên-khánh và Bình-khánh, rồi lại tiến binh ra đánh đất Phú-yên ; ở phía bắc thì có quân họ Trịnh đóng ở Quảng-nam, Nguyễn Nhạc liệu thế chống không nổi, bèn sai Phan văn Tuế 潘文歲 đem thư và vàng lụa ra nói với Hoàng ngũ Phúc xin nộp đất Quảng-nghĩa, Qui-nhơn, Phú-yên và xin làm tiền khu đi đánh họ Nguyễn.

Hoàng ngũ Phúc cũng muốn dùng Nguyễn Nhạc để đánh đất Gia-định, bèn làm biểu xin chúa Trịnh cho Nguyễn Nhạc làm Tiên-phong-tướng-quân, Tây-sơn Hiệu-trưởng 西山校長, sai Nguyễn hữu Chỉnh 阮有整 đem cờ và ấn kiếm vào cho Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Nhạc không lo mặt bắc nữa, bèn lập mưu để đánh lấy đất Nam, đem con gái mình là Thọ Hương 壽香 dâng cho Đông-cung và khoản-đãi một cách rất tôn-kính, rồi sai người đến giả nói với Tống phúc Hợp xin về hàng để lo sự khôi-phục lại đất Phú-xuân. Tống phúc Hợp cho sứ đến xem hư thực, Nguyễn Nhạc đưa Đông-cung ra tiếp, rồi viết thư cho sứ đưa về nói lấy nghĩa phù lập Đông-cung, điện an xã-tắc, Tống phúc Hợp tin là thực tình, không phòng bị gì nữa.

Nguyễn Nhạc biết rõ tình-hình, sai em là Nguyễn Huệ đem quân đến đánh Tống phúc Hợp. Quân họ Nguyễn thua to bỏ chạy về giữ Vân-phong. Nguyễn Nhạc cho người đưa tin thắng trận ra cho Hoàng ngũ Phúc biết. Ngũ Phúc xin chúa Trịnh phong cho Nguyễn Huệ làm Tây-sơn-hiệu tiên-phong-tướng-quân.

Quân Hoàng ngũ Phúc đóng ở Châu-ổ 珠塢, giáp đất Quảng-nghĩa, đến tháng chạp năm ấy là năm ất-vị (1775) bị dịch chết mất nhiều. Ngũ Phúc viết thư ra xin chúa Trịnh

www.songhuong.vn

cho rút về giữ Thuận-hóa. Trịnh Sâm thuận cho. Hoàng ngũ Phúc về đến Phú-xuân thì mất, chúa Trịnh sai Bùi thế Đạt 裴世達 vào thay, và sai Lê qui Đôn 黎貴惇 vào làm Tham-thị cùng giữ đất Thuận-hóa.

Đất Thuận-hóa bấy giờ kể từ đất Nam-bố-chính trở vào là 2 phủ: Triệu-phong và Quảng-bình (3), 2 huyện, 8 châu. Số nhân-đinh được 126.857, số ruộng đất rộng được 265.507 mẫu, nhưng mà trừ đất rừng và các thứ đi, thì còn được 153.181 mẫu phải đóng thuế.

Từ khi quân họ Trịnh lui về Thuận-hóa rồi, đất Quảng-nam lại thuộc về Tây-sơn. Năm bính-thân (1776) Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Lữ đem thủy-quân vượt bể vào đánh Gia-định, lấy được thành Sài-côn 柴棍. Chúa Nguyễn phải chạy về Trấn-biên (tức là Biên-hòa).

Bấy giờ ở Đông-sơn có Đỗ thanh Nhân 杜清仁 khởi binh chống với Tây-sơn lấy lại thành Sài-côn. Nguyễn Lữ lấy thóc gạo rồi rút quân về Qui-nhơn.

Nguyễn Nhạc thấy thế mình một ngày một mạnh, bèn sai sửa lại thành Đồ-bàn (là kinh-thành cũ của Chiêm-thành ngày trước) rồi đến tháng ba năm bính-thân (1776) tự xưng làm Tây-sơn-vương và phong chức-tước cho mọi người. Bấy giờ Tây-sơn đem Đông-cung ra ở chùa Thập-tháp. Đông-cung bèn trốn xuống thuyền chạy về Gia-định.

Người khách Lý Tài trước đã bỏ Nguyễn Nhạc theo giúp chúa Nguyễn, rồi sau lại phản lại, đánh chúa Nguyễn, nay nghe Đông-cung trốn về, lại đem binh rước về Sài-côn lập lên làm Tân-chính-vương 新政王, tôn Định-vương làm Thái-thượng-vương 太上王 để cùng lo sự khôi-phục.

Năm đinh-dậu (1777) Nguyễn Nhạc sai người ra xin với chúa Trịnh cho trấn-thủ đất Quảng-nam, Trịnh Sâm bấy giờ cũng chán sự dụng binh, bèn nhân-dịp phong cho Nguyễn Nhạc làm Quảng-nam trấn-thủ, Tuyên-úy-đại-sứ, Cung-quận-công 廣南鎮守, 宣慰大使, 恭郡公.

---

(3) Triệu-phong-phủ có 5 huyện; Quảng-bình-phủ có 3 huyện 1 châu.

www.songhuong.vn

Nguyễn Nhạc được phong rồi, không phải phòng-giữ mặt bắc nữa, bèn sai Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ đem thủy-bộ quân vào đánh Gia-định. Lý Tài chống không nổi phải bỏ chạy. Tân-chính-vương chạy về bến Trà (thuộc Định-tường) rồi lại chạy về Ba-vát (thuộc Vĩnh-long), còn Thái-thượng-vương thì chạy về Long-xuyên. Nhưng chẳng bao lâu Nguyễn Huệ đem quân đuổi bắt được cả Thái-thượng-vương và Tân-chính-vương, đem giết đi.

Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ lấy xong đất Gia-định, để tổng-đốc Chu 朱 ở lại trấn-thủ, rồi đem quân về Qui-nhơn. Qua năm sau là năm mậu-tuất (1778) Nguyễn Nhạc tự xưng đế hiệu, đặt niên-hiệu là Thái-đức 泰德, gọi thành Đồ-bàn là Hoàng-đế thành, phong cho Nguyễn Lữ làm Tiết-chế, Nguyễn Huệ làm Long-nhương tướng-quân.

5. NGUYỄN-VƯƠNG KHỞI BINH ĐÁNH TÂY-SƠN. Khi Thái-thượng-vương và Tân-chính-vương bị bắt, thì người cháu Thái-thượng-vương là Nguyễn phúc Ánh, chạy thoát được. Đến khi Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ về Qui-nhơn rồi, Nguyễn-phúc Ánh lại tụ tập những tôi tớ cũ, khởi binh từ đất Long-xuyên, tiến lên đến Sa-đéc, và cùng với quan chưởng-dinh là Đỗ thanh Nhân 杜清仁, quan cai-đội Lê văn Câu 黎文句 (4) và các tướng là Nguyễn văn Hoằng 阮文弘, Tống phước Khuông 宋福匡, Tống phước Lương 宋福樑 về đánh đuổi tổng-đốc Chu, lấy lại thành Sài-côn. Bấy giờ Nguyễn-phúc Ánh mới có 17 tuổi, các tướng đều tôn lên làm *Đại-nguyên-súy, Nhiếp-quốc chính* 大元帥, 攝國政.

Được ít lâu vua Tây-sơn lại sai tổng-đốc Chu 朱, tư-khấu Uy 威 và quan hộ-giá Phạm Ngạn 范彥 đem quân thủy vào đánh Trấn-biên và Phan-trấn cùng các miền ở mặt bể. Đỗ thanh Nhân 杜清仁 đem quân Đông-sơn đánh chém được tư-khấu Uy, đuổi được quân Tây-sơn đi, ông Nguyễn-phúc Ánh bèn sai Lê văn Quân đem binh ra đánh lấy thành Bình-thuận và thành Diên-khánh.

---

(4) Lê văn Câu là người ở Vĩnh-tường đất Gia-định, trước theo Châu văn Tiếp sau làm thuộc tướng Đỗ thanh Nhân.

www.songhuong.vn

Từ khi khôi-phục được đất Gia-định rồi, Nguyễn-phúc Ánh sai sứ sang thông với nước Tiêm-la, và lại sai Đỗ thanh Nhân 杜清仁, Hồ văn Lân 胡文璘 đem binh đi đánh Chân-lạp, lập con Nặc Tôn là Nặc In lên làm vua để Hồ văn Lân ở lại bảo-hộ. Ở đất Gia-định thì ngài sửa sang mọi việc : đặt quan cai-trị các dinh, định lệ thu thuế để nuôi binh-lính, làm chiến-thuyền, tập binh-mã để phòng-bị việc chiến-tranh.

Năm canh-tí (1780) Nguyễn-phúc Ánh xưng vương-hiệu rồi phong cho Đỗ thanh Nhân làm chức *Ngoại hữu*, *Phụ-chính*, *Thượng-tướng công* 外右, 輔政, 上將公, và thăng thưởng cho các tướng-sĩ. Nhưng sau vì Đỗ thanh Nhân cậy công lộng quyền, cho nên Nguyễn-vương mới giết đi. Cũng vì việc ấy cho nên Đông-sơn trước đã hết lòng giúp Nguyễn-vương, sau đều bỏ cả, và lại phản lại, thành ra lôi-thôi phải đánh-dẹp mãi.

Tháng 10 năm tân-sửu (1781) vua nước Tiêm-la là Trịnh quốc Anh sai tướng là Chất Tri 質知 (Chakkri) và Sô Si 昇癡, hai anh em sang đánh Chân-lạp. Nguyễn-vương sai quan Chưởng-cơ là Nguyễn hữu Thoại 阮有瑞 và Hồ văn Lân 胡文璘 đem 3.000 quân sang cứu. Trong khi quân Nam và quân Tiêm-la còn đang chống giữ nhau ở Chân-lạp, thì ở Vọng-các vua nước Tiêm-la bắt giam cả vợ con của hai anh em Chất Tri, bởi vậy hai tướng ấy mới giao-kết với Nguyễn hữu Thoại thề phải cứu nhau trong lúc hoạn-nạn. Đoạn rồi Chất Tri đem quân về Tiêm-la. Ngay lúc ấy ở bên nước Tiêm có giặc nổi lên, vua nước ấy bị người Phan Nha Văn Sản đuổi đi cướp mất ngôi. Chất Tri về đến Vọng-các, sai người đi tìm quốc-vương là Trịnh quốc Anh đem giết đi, và bắt giết cả Phan Nha Văn Sản, rồi tự lập làm vua, xưng là Phật-vương, phong cho em là Sô Si làm đệ-nhị vương, cháu là Ma Lạc làm đệ-tam vương. Họ Chakkri làm vua đến nay hãy còn, và các vua đều xưng là Rama.

Tháng ba năm nhâm-dần (1782) vua Tây-sơn là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đem hơn 100 chiếc thuyền vào cửa

www.songhuong.vn

Nguyễn Thị Thế-Phổ 阮氏世譜

1. Triệu-tổ — Thái-tể Nguyễn-Kim
挙祖 — 太宰阮淦

Ngọc-Bảo 玉寶 (vợ Trịnh-Kiểm) | Nguyễn-Uông 阮汪 | 2. Thái-tổ Gia-dụ — Đoan-quận-công Nguyễn-Hoàng (Chúa Tiên) 太祖嘉裕 — 端郡公阮潢（仙主）

Hà 河 | Hán 漢 | Thành 成 | Diễn 演 | Hải 海 | 3. Hi-tông Hiếu-văn — Thụy-quận-công Nguyễn-phúc Nguyên (Chúa Sãi) 熙宗孝文 — 瑞郡公阮福源（佛主） | Hợp 洽 | Trạch 澤 | Khê 溪

Vệ 衛 | Tuyên 宣 | Tuấn 浚 | Kỳ 淇 | 4. Thần-tông Hiếu-chiêu — Nhân-quận-công Nguyễn-phúc Lan (Chúa Thượng) 神宗孝昭 — 仁郡公阮福瀾（上主） | Ánh 瀠 | Trung 忠 | Tứ 泗 | Diệu 耀

? | 5. Thái-tông Hiếu-triết — Dũng-quận-công Nguyễn phúc Tần (Chúa Hiền) 太宗孝哲 — 勇郡公阮福瀕（賢主） | Thăng 昇

Diễn 演 | 6. Anh-tông Hiếu-nghĩa — Hoằng-quận-công Nguyễn-phúc Trăn (Chúa Nghĩa) 英宗孝義 — 弘郡公阮福溱（義主） | Hiệp 協

7. Hiển-tông Hiếu-minh — Tô-quốc-công Nguyễn-phúc Chu (Quốc Chúa) 顯宗孝明 — 祖國公阮福周（天縱道人） | Trinh 貞

8. Túc-tông Hiếu-ninh — Đỉnh-quốc-công Nguyễn-phúc Chú 肅宗孝寧 — 鼎國公阮福澍（貴泉道人） | Tứ 泗 | Điền 田 | Phong 灃

9. Thế-tông Hiếu-võ — Võ-vương Nguyễn-phúc Khoát 世宗孝武 — 武王阮福闊 | Nghiêm 嚴

Nguyễn-phúc Chương 阮福璋 | Hưng-tổ Nguyễn-phúc Luân 興祖阮福倫 | Văn 文 | Chi 晊 | Hiệu 昊 | 10. Duệ-tông Hiếu-định — Định-vương Nguyễn-phúc Thuần 睿宗孝定 — 定王阮福淳

Cao 皐 | Đồng 桐 | Ánh 暎 (Vua Gia-long) | Mân 昊 | Điền 暎 | Dương 暘 (Tôn-chính-vương)

www.songhuong.vn
www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

Pháp làm giám-mục đạo Gia-tô, tên là Bá-đa-lộc 百多祿 (Pierre Pigneau de Béhaine, évêque d'Adran) khi ấy đang ở đất Chantaboun (thuộc nước Tiêm-la), ngài bèn sai người đến bàn việc. Ông Bá-đa-lộc nói nên sang cầu-cứu nước Pháp, nhưng phải cho Hoàng-tử đi làm tin thì mới được.

Nguyễn-vương theo lời ấy, bèn giao Hoàng-tử Cảnh 景 và cái quốc-ấn cho ông Bá-đa-lộc, lại làm tờ quốc-thư cho ông ấy được quyền tự tiện sang thương-nghị với chính-phủ Pháp để xin viện binh.

Tờ quốc-thư ấy có 14 khoản, đại-lược nói nhờ ông Bá-đa-lộc sang xin nước Pháp giúp cho 1.500 quân và tàu bè, súng ống, thuốc đạn, đủ cả mọi thứ. Nguyễn-vương xin nhường cho nước Pháp cửa Hội-an (Faifo), đảo Côn-nôn và để riêng cho người nước Pháp được đặc quyền vào buôn-bán ở nước Nam (5).

Nguyễn-vương lại làm một cái thư riêng để dâng cho vua nước Pháp, và sai quan phó-vệ-úy là Phạm văn Nhân 范文仁, quan cai-cơ là Nguyễn văn Liêm 阮文廉 theo hộ vệ Hoàng-tử Cảnh bấy giờ mới có 4 tuổi.

Mọi sự đã xếp-đặt cả rồi, nhưng vì còn trái mùa gió cho nên ông Bá-đa-lộc chưa khởi-hành được. Nguyễn-vương tuy đã nghe lời ông Bá-đa-lộc định sang cầu-cứu nước Pháp, nhưng trong bụng chưa quyết hẳn, còn có ý muốn nhờ nước Tiêm-la.

Nguyên lúc đánh thua ở Sài-côn, Châu văn Tiếp chạy sang Tiêm-la cầu-cứu. Đến tháng 2 năm giáp-thìn (1784) vua Tiêm-la sai tướng là Chất si Đa đem thủy-quân sang Hà-tiên, tìm Nguyễn-vương để mời sang bàn việc. Nguyễn-vương lại tiếp được mật biểu của Châu văn Tiếp, cho nên mới đến hội với tướng nước Tiêm, rồi cùng sang Vọng-các xin binh cứu viện.

---

(5) Tờ quốc-thư này và cái thư của Nguyễn-vương viết cho vua nước Pháp nay hãy còn ở Ngoại-giao-bộ tại Paris.

www.songhuong.vn

Tiêm-vương tiếp đãi Nguyễn-vương rất hậu, và sai hai tướng là Chiêu Tăng 昭 曾, Chiêu Sương 昭 霜 đem hai vạn quân cùng 300 chiếc thuyền sang giúp Nguyễn-vương. Quân Tiêm-la sang lấy được Rạch-giá, Ba-thắc, Trà-ôn, Mân-thít, Sa-đéc. Khi đánh ở Mân-thít, Châu văn Tiếp bị thương nặng mà mất. Từ đó quân Tiêm ỷ thế đi đến đâu quấy-nhiễu dân sự, làm nhiều điều tàn-ác, cho nên lòng người oán-hận lắm.

7. NGUYỄN HUỆ PHÁ QUÂN TIÊM-LA. Tướng Tây-sơn giữ đất Gia-định là Trương văn Đa 張 文 多, thấy quân Tiêm-la sang đánh phá, thế-lực mạnh lắm, bèn sai người về Qui-nhơn phi-báo. Vua Tây-sơn sai Nguyễn Huệ 阮 惠 đem binh vào chống giữ.

Nguyễn Huệ vào đến Gia-định nhử quân Tiêm-la đến gần Rạch-gầm và Xoài-mút ở phía trên Mỹ-tho, rồi đánh phá một trận, giết quân Tiêm chỉ còn được vài nghìn người, chạy theo đường thượng-đạo trốn về nước. Nguyễn Huệ phá được quân Tiêm-la rồi, đem binh đuổi đánh Nguyễn-vương. Nguyễn-vương bấy giờ hết cả lương-thực, cùng với mấy người chạy về Trấn-giang, ra đảo Thổ-châu, đảo Cổ-cốt, rồi sang Tiêm-la.

Đánh dẹp xong, Nguyễn Huệ đem quân về Qui-nhơn để đô-đốc là Đặng văn Chân 鄧 文 真 ở lại trấn đất Gia-định.

Nguyễn-vương biết thế không mong-cậy được người Tiêm-la, bèn giục ông Bá-đa-lộc đem Hoàng-tử đi sang nước Pháp cầu-viện. Ông Bá-đa-lộc đi rồi, Nguyễn-vương rước vương-mẫu và cung-quyến sang trú ở Vọng-các để chờ có cơ-hội lại về khôi-phục.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG IX

HỌ TRỊNH MẤT NGHIỆP CHÚA

1. Chúa Trịnh bỏ trưởng lập thứ
2. Kiêu-binh
3. Tây-sơn lấy Thuận-hóa
4. Tây-sơn dứt họ Trịnh

1. CHÚA TRỊNH BỎ TRƯỞNG LẬP THỨ. Từ khi quân chúa Trịnh lấy được đất Thanh-hóa rồi, Trịnh Sâm đắc chí, càng thêm kiêu-hãnh, lại có ý muốn cướp ngôi nhà Lê, bèn sai quan Thị-lang là Vũ trần Thiệu 武陳紹 sang nhà Thanh dâng biểu nói rằng con cháu họ Lê không có ai đáng làm vua nữa, và lại sai quan nội-giám đi với Vũ trần Thiệu đem tiền-của sang đút-lót mà xin phong làm vua. Nhưng sang đến Động-đình-hồ, thì Vũ trần Thiệu đem tờ biểu đốt đi, rồi uống thuốc độc mà chết, bởi vậy việc cầu phong lại bỏ, không nói đến.

Sau Trịnh Sâm say-đắm nàng Đặng thị Huệ 鄧氏惠, bỏ con trưởng là Trịnh Khải 鄭楷 mà lập người con của Đặng-thị là Trịnh Cán 鄭檢 làm thế-tử. Từ đó người thì theo Đặng-thị, người thì phò Trịnh Khải, trong phủ chúa chia ra bè-đảng.

Tháng chín năm nhâm-dần (1782) Trịnh Sâm mất để di-chiếu lập Trịnh Cán làm chúa và Huy-quận-công Hoàng đình Bảo 輝郡公黃廷寶 làm phụ-chính. Trịnh Cán còn ít tuổi mà lại lắm bệnh, không mấy người chịu phục, bởi vậy cho nên thành ra sự biến-loạn.

www.songhuong.vn

2. KIÊU-BINH. Nguyên từ khi họ Trịnh giúp nhà Lê trung-hưng về sau, đất Kinh-kỳ chỉ dùng lính Thanh, lính Nghệ gọi là *ưu-binh* để làm quân túc-vệ.

Những lính ấy thường hay cậy công làm nhiều điều trái phép. Năm giáp-dần (1674) đời Trịnh Tạc, lính tam-phủ tức là lính Thanh, lính Nghệ đã giết quan Tham-tụng Nguyễn quốc Trinh 阮国楨 và phá nhà Phạm công Trứ 范公著. Năm tân-dậu (1741) quân ưu-binh lại phá nhà và chực giết quan Tham-tụng Nguyễn quí Cảnh 阮貴瑩. Những lúc quân ưu-binh làm loạn như vậy, tuy nhà chúa có bắt những đứa thủ xướng làm tội nhưng chúng đã quen thói, về sau hễ hơi có điều gì bất bình, thì lại nổi lên làm loạn.

Đến năm nhâm-dần (1782) Trịnh Sâm mất, Đặng-thị và Hoàng đình Bảo lập Trịnh Cán lên làm chúa. Con trưởng Trịnh Sâm là Trịnh Khải mưu với quân tam-phủ để tranh ngôi chúa. Bấy giờ có tên biện-lại thuộc đội Tiệp-bảo tên là Nguyễn Bằng 阮朋, người Nghệ-an, đứng lên làm đầu, vào phủ chúa đánh ba hồi trống làm hiệu, quân ưu-binh kéo đến vây phủ, vào giết Hoàng đình Bảo, bỏ Trịnh Cán và Đặng thị Huệ, lập Trịnh Khải lên làm chúa.

Trịnh Khải phong quan-tước cho Nguyễn Bằng và trọng thưởng cho quân tam-phủ. Từ đó quân ấy một ngày một kiêu, cứ đi cướp phá các nhà, không ai kiềm-chế được. Năm giáp-thìn (1784) quân tam-phủ lại phá nhà quan tham-tụng Nguyễn Ly 阮儷, nhà Dương Khuông 楊匡 và giết Nguyễn Triêm 阮霑 ở trước cửa phủ chúa. Khi bấy giờ Nguyễn Ly chạy thoát được lên Sơn-tây cùng với em là Nguyễn Điều 阮條 bàn định rước Trịnh Khải ra ngoài, rồi gọi binh các trấn về trừ kiêu-binh. Nhưng sự lộ ra, quân kiêu-binh vào canh giữ phủ chúa, Trịnh Khải không ra được. Quân ấy lại chia nhau ra giữ các cửa ô. Quân các trấn cũng sợ chúa bị hại đều phải rút về. Từ đó quân kiêu-binh kéo nhau hàng trăm hàng nghìn đi cướp phá các làng. Hễ có đứa nào đi lẻ-loi thì dân làng lại bắt giết đi, thành ra quân với dân xem nhau như cừu-địch, mà các văn thần võ tướng cũng bó tay mà chịu

www.songhuong.vn

không làm sao được. Sau có quan tham-tụng là Bùi huy Bích 裴 輝 璧 dỗ-dành mãi mới dần dần hơi yên.

Lúc bấy giờ ở trong đang có kiêu-binh làm loạn, ở ngoài Tây-sơn nhân dịp đem quân vào đánh phá, bởi thế cho nên cơ-nghiệp họ Trịnh đổ nát vậy.

3. TÂY-SƠN LẤY THUẬN-HÓA. Nguyên khi trước Hoàng đình Bảo trấn-thủ đất Nghệ-an, có nhiều thủ-hạ giỏi, mà trong bọn ấy có một người ở huyện Chân-lộc, thuộc Nghệ-an, tên là Nguyễn hữu Chỉnh 阮 有 整 đỗ hương-cống từ lúc 16 tuổi, tục gọi là cống Chỉnh, tính hảo-hoa, lắm cơ-trí, nhiều can-đảm, mà lại có tài biện-bác. Trước theo Hoàng ngũ Phúc, thường đi đánh giặc bể, giặc sợ lắm, gọi là *chim dữ*; sau khi Hoàng ngũ Phúc mất rồi, Hữu Chỉnh về theo Hoàng đình Bảo.

Đến khi kiêu-binh đã giết Hoàng đình Bảo rồi, có người đem tin cho Hữu Chỉnh biết, Hữu chỉnh vào bàn với quan trấn-thủ Nghệ-an là Võ tá Giao 武 佐 墝 để tự lập ở xứ Nghệ, nhưng mà Võ tá Giao sợ không dám làm, Hữu Chỉnh bèn bỏ vào với vua Tây-sơn là Nguyễn Nhạc.

Nguyên khi trước Nguyễn hữu Chỉnh theo Hoàng ngũ Phúc vào đánh Quảng-nam thường vẫn đi lại quen Nguyễn Nhạc, cho nên Nguyễn Nhạc tin dùng, đãi làm thượng tân. Từ đó Nguyễn hữu Chỉnh bày mưu định kế xin vua Tây-sơn ra đánh Thuận-hóa và đất Bắc-hà.

Vả, từ khi Hoàng ngũ Phúc mất rồi, Trịnh Sâm sai Bùi thế Đạt vào trấn-thủ đất Thuận-hóa, sau lại sai Phạm ngô Cầu 范 吳 儔 vào thay Bùi thế Đạt. Phạm ngô Cầu là người nhu-nhược vô mưu, mà lại có tính tham-lam, chỉ lo việc làm giàu, chứ không nghĩ gì đến việc binh. Quan phó đốc-thị là Nguyễn Lệnh Tân 阮 令 賓 đã viết thư về bày-tỏ mọi lẽ và xin Trịnh Sâm cho tướng khác vào thay Phạm ngô Cầu. Trịnh Sâm không nghe, lại đòi Nguyễn lệnh Tân về.

Vua Tây-sơn biết đất Thuận-hóa không phòng bị, bèn sai em là Nguyễn Huệ làm tiết chế, rể là Vũ văn Nhậm 武 文 任 làm tả quân đô-đốc, Nguyễn hữu Chỉnh 阮 有 整 làm hữu quân đô-đốc, đem quân thủy-bộ ra đánh Thuận-hóa.

www.songhuong.vn

Một hôm Phạm ngô Cầu thấy một người khách buôn nói thuật số, đến bảo Ngô Cầu rằng: « Hậu vận tướng-công phúc lộc nhiều lắm, nhưng năm nay có hạn nhỏ có lẽ phải ốm-đau, nên lập đàn làm chay mới được yên-lành ». Phạm ngô Cầu nghe lời ấy lập đàn cầu-khấn bảy đêm ngày, bắt quân-sĩ phải phục dịch không được nghỉ-ngơi chút nào. Chợt nghe tin quân Tây-sơn đã lấy được đồn Hải-vân, tướng giữ đồn là Hoàng nghĩa Hồ 黃義湖 đã tử trận, lại thấy báo rằng thủy-quân của Tây-sơn đã vào cửa bể, thủy bộ hai mặt đều kéo đến đánh. Ngô Cầu hốt-hoảng, từ ở đàn chạy về dinh, gọi binh-tướng để chống giữ, nhưng quân lính đều mỏi-mệt cả, không ai có lòng muốn đánh.

Phạm Ngô Cầu lại có tính đa nghi. Nguyễn hữu Chỉnh bèn làm một cái thư để ngoài gửi cho phó tướng là Hoàng đình Thể 黃廷體, rủ về hàng Tây-sơn, rồi giả tảng sai người đưa nhầm sang cho Ngô Cầu. Ngô Cầu bắt được thư ấy nghi cho Hoàng đình Thể nhị tâm. Đến khi quân Tây-sơn đến đánh, Hoàng đình Thể đem quân bản-bộ ra trận đối-địch bắn hết thuốc đạn, Ngô Cầu đóng cửa thành lại không ra tiếp-ứng. Hoàng đình Thể cùng hai con và tì-tướng là Vũ tá Kiên 武佐堅 đều tử trận cả.

Khi quân Tây-sơn kéo đến đánh thành, Phạm Ngô Cầu kéo cờ trắng mở cửa thành ra hàng. Quân họ Trịnh giữ ở các đồn đều tan-vỡ bỏ chạy. Trong mấy ngày mà đất Thuận-hóa ra đến Linh-giang đều thuộc về Tây-sơn cả. Bấy giờ là tháng năm năm bính-ngọ (1786) đời Cảnh-hưng năm thứ 47.

4. TÂY-SƠN DỨT HỌ TRỊNH. Nguyễn Huệ lấy được đất Thuận-hóa rồi, sai người giải Phạm ngô Cầu về Qui-nhơn định tội phải chém, đoạn rồi Nguyễn Huệ hội các tướng lại bàn sai người ra sửa-sang đồn Đồng-hới, và định giữ địa-giới cũ ở sông La-hà 羅河. Nguyễn hữu Chỉnh nói rằng: «Ông phụng mệnh ra đánh một trận mà bình được đất Thuận-hóa, uy kinh cả chốn Bắc-hà. Phàm cái phép dùng binh, một là *thời* hai là *thế* ba là *cơ*, có ba điều đó đánh đâu cũng được. Bây giờ ở đất Bắc-hà tướng thì lười, quân thì

www.songhuong.vn

kiêu, triều-đình không có kỷ-cương gì cả, nếu ông nhân lấy cái uy thanh này, đem binh ra đánh thì làm gì mà không được. Ông không nên bỏ mất cái *cơ*, cái *thời* và cái *thế* ấy». Nguyễn Huệ nói rằng: «Ở Bắc-hà có nhiều nhân-tài, không nên coi làm thường.» Hữu Chỉnh đáp lại rằng: «Nhân-tài Bắc-hà chỉ có một mình Chỉnh, nay Chỉnh đã bỏ đi, thì nước không có ai nữa, xin ông đừng có ngại gì.» Nguyễn Huệ cười mà nói rằng: «Ấy! người khác thì không ngại, chỉ ngại có ông đó thôi!» Hữu Chỉnh thất sắc đi rồi nói rằng: «Tôi tự biết tài bèn, nhưng mà tôi nói thế là có ý tỏ cho ông biết ngoài Bắc không có nhân-tài đó thôi». Nguyễn Huệ lấy lời nói ngọt để yên lòng Hữu Chỉnh và bảo rằng: « Nhà Lê làm vua đã mấy trăm năm nay, bây giờ cướp lấy, chưa chắc lòng người đã theo mình». Hữu Chỉnh nói: « Nay Bắc-hà có vua lại có chúa, ấy là một sự cổ-kim đại biến. Họ Trịnh tiếng rằng phù Lê, thực là hiếp chế, cả nước không ai phục. Vả xưa nay không ai làm gì để giúp nhà Lê, là chỉ sợ cái thế mạnh đó mà thôi, nay ông mà phù Lê diệt Trịnh thì thiên-hạ ai chẳng theo ông». Nguyễn Huệ nói: «Ông nói phải lắm, nhưng ta chỉ phụng-mệnh đi đánh đất Thuận-hóa mà thôi, chớ không phụng-mệnh đi đánh Bắc-hà, sợ rồi can tội kiều-mệnh thì làm thế nào?» Hữu Chỉnh nói: «Kiều-mệnh là tội nhỏ, việc ông làm là công to. Vả làm tướng ở ngoài có điều không cần phải theo mệnh vua, ông lại không biết hay sao?»

Nguyễn Huệ bèn sai Nguyễn hữu Chỉnh đem thủy-binh đi tiên-phong vào cửa Đại-an đánh lấy kho lương ở bên sông Vị-hoàng. Nguyễn Huệ tự đem binh đi theo sau, ước với Hữu Chỉnh đến sông Vị-hoàng đốt lửa lên làm hiệu.

Nguyễn hữu Chỉnh đem quân đi qua Nghệ-an, Thanh-hóa, quan trấn-thủ là Bùi thế Toại 裴世遂 và Tạ danh Thùy không ai dám ra cự địch; khi ra đến Vị-hoàng 渭黃, quan coi đồn ở đấy bỏ chạy. Hữu Chỉnh lấy được hơn trăm vạn hộc lương, rồi đốt lửa làm hiệu, quân Nguyễn Huệ kéo đến đóng giữ ở đấy.

Trước kia thành Phú-xuân đã vỡ rồi, tin báo đến Thăng-

www.songhuong.vn

long, các quan bàn rằng: xứ ấy vẫn không phải là đất của triều-đình, bây giờ mất cũng không hại gì. Vì thế, chỉ sai Trịnh tự Quyền 鄭自權 đem 27 cơ vào giữ đất Nghệ-an. Trịnh tự Quyền thu-xếp hơn 10 ngày chưa xong, đến khi đi được độ 30 dặm thì đã có tin báo Tây-sơn đến đóng ở sông Vị-hoàng rồi. Tự Quyền bèn đem quân xuống giữ ở mặt Kim-động 金洞. Quan trấn-thủ Sơn-nam là Bùi thế Dận 裴世胤 đem bộ binh xuống đóng ở xã Phù-sa, thuộc huyện Đông-an. Đinh tích Nhưỡng 丁錫壤 đem thủy-quân ra giữ cửa Luộc. Bấy giờ gió đông-nam thổi to, đến đêm Nguyễn Huệ sai lấy tượng gỗ để lên trên mấy chiếc thuyền rồi đánh trống kéo cờ thả thuyền cho trôi đi. Đinh tích Nhưỡng trông thấy tưởng là quân Tây-sơn đến đánh, giàn thuyền ra thành trận chữ *nhất*, rồi truyền lấy súng mà bắn. Bắn mãi, sau mới biết người trên thuyền là tượng gỗ. Lúc quân Tây-sơn tiến lên đánh, thì Đinh tích Nhưỡng hết cả thuốc đạn, phải bỏ thuyền mà chạy. Quân của Bùi thế Dận và Trịnh tự Quyền cũng tan cả. Nguyễn Huệ hạ được thành Sơn-nam, rồi một mặt truyền hịch đi các lộ nói lấy nghĩa phù Lê diệt Trịnh, một mặt kéo quân lên lấy Thăng-long.

Bấy giờ ở kinh thành thì quân kiêu-binh không sai khiến được, mà quân Tây-sơn thì đã đến nơi rồi, Trịnh Khải mới cho gọi Hoàng phủng Cơ 黃馮基 ở Sơn-tây về, đem quân đóng ở hồ Vạn-xuân (xã Vạn-phú, Thanh-trì) còn thủy-binh thì đóng ở bến Tây-long (Thọ-xương) để phòng giữ. Quân Tây-sơn tiến lên đánh tan thủy-quân của nhà Trịnh, Hoàng phủng Cơ phải bỏ chạy. Trịnh Khải mặc áo nhung-y cầm cờ lên voi thúc quân vào đánh, nhưng thế Tây-sơn mạnh lắm, đánh không được, Trịnh Khải bỏ chạy lên Sơn-tây. Đi đến làng Hạ-lôi, huyện Yên-lãng, gặp tên Nguyễn Trang 阮莊 đánh lừa bắt đem nộp cho Tây-sơn. Trịnh Khải về đến làng Nhất-chiêu lấy gươm cắt cổ tự tận. Bấy giờ là năm Bính-ngọ (1786). Nguyễn Huệ cho lấy vương lễ mà tống-táng cho chúa Trịnh, rồi vào thành Thăng-long yết-kiến vua Lê.

Họ Trịnh giúp nhà Lê trung-hưng lên, rồi giữ lấy quyền-chính, lập ra nghiệp chúa, lưu truyền từ Trịnh Tùng đến Trịnh Khải được 216 năm (1570-1786) đến đấy là hết.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

TRỊNH-THỊ THẾ-PHỔ 鄭氏世譜

1. THÁI-SƯ TRỊNH KIỂM 太師鄭檢

- Trịnh Cối 鄭檜
- 2. BÌNH-AN-VƯƠNG TRỊNH TÙNG 平安王鄭松
  - 3. THANH-ĐÔ-VƯƠNG TRỊNH TRÁNG 清都王鄭權
    - 4. TÂY-VƯƠNG TRỊNH TẠC 西王鄭柞
      - 5. ĐỊNH-VƯƠNG TRỊNH CĂN 定王鄭根
        - 6. AN-ĐÔ-VƯƠNG TRỊNH CƯƠNG 安都王鄭棡 (cháu ba đời Trịnh Căn)
          - 7. UY-NAM-VƯƠNG TRỊNH GIANG 威南王鄭杠
          - 8. MINH-ĐÔ-VƯƠNG TRỊNH DOANH 明都王鄭楹
            - 9. TĨNH-ĐÔ-VƯƠNG TRỊNH SÂM 靖都王鄭森
              - 10. ĐOAN-NAM-VƯƠNG TRỊNH KHẢI 端南王鄭楷
              - TRỊNH CÁN 鄭幹
              - 11. ÁN-ĐÔ-VƯƠNG TRỊNH BỒNG 晏都王鄭權
        - Trịnh Trạch 鄭澤
    - Trịnh Kiều 鄭橋
    - Trịnh Thước 鄭樂
    - Trịnh Lệ 鄭棟
    - Trịnh Cầm 鄭禽
    - Trịnh Toàn 鄭全
  - Trịnh Xuân 鄭椿
- Trịnh Đỗ 鄭杜
- Trịnh Đồng 鄭同

www.songhuong.vn

CHƯƠNG X

NHÀ HẬU-LÊ MẤT NGÔI VUA

1. Tây-sơn rút quân về Nam
2. Nguyễn hữu Chỉnh chuyên quyền ở đất Bắc
3. Tây-sơn lấy đất Bắc-hà

1. TÂY-SƠN RÚT QUÂN VỀ NAM. Nguyễn Huệ đã dứt được họ Trịnh rồi, vào thành Thăng-long, xuống lệnh cấm quân-lính không được cướp phá dân-gian, và định ngày xin yết-kiến vua Lê ở đền Vạn-thọ.

Bấy giờ vua Hiển-tông đang đau, không ngồi dậy tiếp được, ngài mời Nguyễn Huệ vào ngồi gần sập ngự, lấy lời ôn-tồn mà phủ-dụ. Nguyễn Huệ tâu bày cái lẽ đem binh ra phù Lê diệt Trịnh, chứ không dám có ý dòm ngó gì. Vua mừng rỡ mà tạ Nguyễn Huệ.

Khi quân Tây-sơn ra đến Thăng-long, các quan triều-thần chạy trốn cả, chỉ còn có mấy người nội-giám ở lại hầu-hạ vua. Nguyễn hữu Chỉnh thấy vậy vào tâu với vua xin xuống chiếu tuyên triệu các quan về triều; được mấy hôm có độ mươi người lục-tục kéo nhau trở về. Vua bèn định đến ngày mồng 7 tháng 7 lập đại-trào ở điện Kinh-thiên, Nguyễn Huệ đem các tướng vào lạy và dâng sổ quân-sĩ, dân dinh, để tỏ rõ cái nghĩa tôn-phù nhất thống, nghĩa là tự đó về sau nhà Lê có quyền tự-chủ.

Vua phong cho Nguyễn Huệ làm Nguyên-soái Uy-quốc-công 元帥威國公, và lại gả cho bà Ngọc-Hân công-chúa 玉欣公主 là con-gái của ngài. Chẳng bao lâu vua Hiển

www.songhuong.vn

tông mất, Hoàng-tôn là Duy Kỳ lên nối ngôi, đặt niên-hiệu là Chiêu-thống.

Nguyên lúc trước vua Tây-sơn là Nguyễn Nhạc vốn không có ý ra đánh Bắc-hà, đến khi tiếp được thư của Nguyễn Huệ nói sắp ra đánh ngoài Bắc, Nguyễn Nhạc vội-vàng sai người ra Thuận-hóa ngăn lại. Nhưng khi sứ-thần ra đến nơi, thì Nguyễn Huệ đã cử binh đi rồi. Sau lại tiếp được thư nói rằng quân Tây-sơn đã lấy được Thăng-long rồi, và còn phải ở lại để giúp nhà Lê, Nguyễn Nhạc sợ em ở lâu ngoài Bắc-hà có sự biến chăng, bèn đem 500 quân ra Thuận-hóa, rồi lấy thêm 2.000 quân nữa, đi không kỳ ngày đêm ra Thăng-long.

Vua Chiêu-thống được tin vua Tây-sơn ra Bắc, bèn đem bách quan ra đón ở ngoài Nam-giao. Nhưng Nguyễn Nhạc cứ đi thẳng, rồi cho người đến nói rằng: xin để ngày khác tiếp kiến. Được mấy hôm Nguyễn Nhạc mời vua Chiêu-thống sang phủ-đường làm lễ tương kiến. Nguyễn Nhạc ngồi giữa, vua Chiêu-thống ngồi bên tả, Nguyễn Huệ ngồi bên hữu, các quan văn-võ đứng hầu hai bên.

Khi vào làm lễ xong rồi, vua Chiêu-thống xin nhường mấy quận để khao quân. Nguyễn Nhạc nói rằng: « Vì họ Trịnh hiếp chế, cho nên chúng tôi ra giúp nhà vua; nếu bằng đất nước họ Trịnh thì một tấc cũng không để lại, nhưng mà của nhà Lê thì một tấc cũng không dám lấy. Xin mong nhà vua gắng sức làm việc, giữ yên cõi đất, để đời đời giao hiếu với nhau, ấy là cái phúc của hai nước đấy».

Đoạn rồi vua Chiêu-thống về điện, hôm sau anh em Tây-sơn bàn rút quân về Nam, và thấy Nguyễn hữu Chỉnh là người giảo-quyệt, định bỏ lại ở Bắc-hà, bèn mật truyền cho các tướng thu-xếp quân thủy-bộ, kho-tàng có gì lấy hết, rồi đến nửa đêm ngày 17 tháng 8, kéo quân về Nam. Sáng hôm sau Nguyễn hữu Chỉnh biết Tây-sơn về rồi, sợ-hãi lắm, hoảng-hốt bỏ cả đồ-đạc, chạy xuống chiếc thuyền buôn vào Nghệ-an, theo vua Tây-sơn. Nguyễn Nhạc thấy Hữu Chỉnh lại theo về, không nỡ bỏ, cho ở lại cùng với Nguyễn Duệ 阮睿 giữ đất Nghệ-an.

www.songhuong.vn

Bấy giờ quyền-bính ở đất Bắc-hà về cả vua nhà Lê, thật là một cái cơ-hội ít có để lập lại cái nền tự-chủ của nhà Lê, nhưng tiếc vì vua Chiêu-thống không có tài quyết đoán, mà đình-thần lúc bấy giờ không có ai là người biết kinh-luân: hễ thấy có giặc thì bỏ chạy, giặc đi rồi thì kéo nhau ra bàn ngược bàn xuôi, người thì định lập lại nghiệp chúa, kẻ thì muốn tôn-phù nhà vua. Lại có dòng dõi họ Trịnh là Trịnh Lệ 鄭棣 và Trịnh Bồng 鄭槌 chia đảng ra đánh nhau để tranh quyền. Vua Chiêu-thống bất-đắc-dĩ phải phong cho Trịnh Bồng làm Án-đô-vương 晏都王, lập lại phủ chúa. Đảng họ Trịnh lại toan đường hiếp-chế nhà vua, vua Chiêu-thống phải xuống mật chiếu với Nguyễn hữu Chỉnh ra giúp.

2. NGUYỄN HỮU CHỈNH CHUYÊN QUYỀN Ở ĐẤT BẮC. Nguyễn hữu Chỉnh từ khi trở về Nghệ-an, chiêu-mộ dũng-sĩ, ngày đêm luyện-tập, nhân có chiếu nhà vua vào gọi, bèn thu-xếp được hơn một vạn quân ra giúp vua Lê. Trịnh Bồng đem quân ra chống giữ, đánh thua phải bỏ chạy. Hữu Chỉnh vào yết-kiến vua Chiêu-thống và chuyên giữ binh-quyền.

Trịnh Bồng có khởi binh mấy lần để toan sự khôi-phục, nhưng không thành công, cho nên cũng chán sự đời bèn bỏ đi tu, về sau không biết chết ở đâu. Họ Trịnh mất từ đấy.

Nguyễn hữu Chỉnh đánh đuổi họ Trịnh đi rồi, vua phong cho chức Đại-tư-đồ Bằng-trung-công 大司徒鵬忠公. Từ đó Hữu Chỉnh cậy công khinh người, làm lắm điều trái phép, vua cũng lấy làm lo. Nhưng không biết trông-cậy vào ai, cho nên đành phải chịu vậy.

3. TÂY-SƠN LẤY ĐẤT BẮC-HÀ. Ở trong Nam thì từ khi vua Tây-sơn là Nguyễn Nhạc về Qui-nhơn rồi, tự xưng làm Trung-ương Hoàng-đế 中央皇帝, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông-định-vương 東定王, ở đất Gia-định, cho Nguyễn Huệ làm Bắc-bình-vương 北平王, ở đất Thuận-hóa, lấy Hải-vân sơn làm giới-hạn.

Được ít lâu Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ có chuyện hiềm-khích với nhau, Nguyễn Huệ đem binh vào vây đánh

www.songhuong.vn

thành Qui-nhơn, ngặt đến nỗi Nguyễn Nhạc phải thân lên thành mà kêu khóc, gọi Nguyễn Huệ mà bảo rằng: « Nỡ lòng nào lại nồi da nấu thịt như thế » (1). — Nguyễn Huệ động lòng mới giải vây rút quân về Thuận-hóa.

Trong khi anh em Tây-sơn đánh nhau, thì Nguyễn hữu Chỉnh ra Bắc-hà, đến khi anh em Tây-sơn đã giảng-hòa rồi, Nguyễn-Huệ ở Phú-xuân thấy Hữu Chỉnh lừng-lẫy ở đất Bắc, bèn sai Vũ văn Nhậm ra bắt.

Tháng 11 năm đinh-vị (1787) Vũ văn Nhậm phá quân Nguyễn hữu Chỉnh ở Thanh-quyết-giang (làng Thanh-quyết, huyện Gia-viễn), và ở Châu-cầu (phủ Lý-nhân) rồi đánh đuổi ra đến Thăng-long.

Vua Chiêu-thống thấy quân của Nguyễn hữu Chỉnh đã thua rồi, bèn bỏ Kinh-đô, chạy sang Kinh-bắc, và sai Lê Quýnh 黎倜 cùng với hơn 30 người tôn-thất đem bà Hoàng-thái-hậu bà Hoàng-phi và Hoàng-tử lên Cao-bằng. Còn vua thì cùng với Hữu Chỉnh về đóng ở núi Mục-sơn 牧山 ở đất Yên-thế.

Tướng Tây-sơn là Nguyễn văn Hòa đem binh lên đánh bắt được Hữu Chỉnh đem về làm tội ở Thăng-long.

Vũ văn Nhậm giết Nguyễn hữu Chỉnh rồi, cho đi tìm vua Chiêu-thống không được, bèn tôn Sùng-nhượng-công tên là Lê duy Cần 崇讓公黎維槿 lên làm giám-quốc để thu-phục lòng người.

Bấy giờ các quan không ai theo, Sùng-nhượng-công ở trong điện chỉ có vài người hoàng thân và mấy viên võ tướng, sớm tối hầu-hạ, còn thì không ai tâu hỏi việc gì cả. Ngày ngày cứ đi bộ sang chầu-chực bên dinh Vũ văn Nhậm. Văn nhậm cũng không biết xử ra làm sao. Người kinh-thành thấy vậy gọi Sùng-nhượng-công là thầy *đề-lại giám-quốc*. Khi Bắc-bình-vương Nguyễn Huệ sai Vũ văn Nhậm ra đánh Nguyễn hữu Chỉnh thì đã có lòng nghi Văn Nhậm, cho nên lại sai Ngô văn Sở 吳文楚

---

(1) Tục người trong Bình-định hễ đi săn được hươu nai gì thì lột da ra làm nồi mà nấu thịt: ở đây Nguyễn Nhạc có ý nói rằng cùng da cùng thịt nỡ nào hại lẫn nhau vậy.

www.songhuong.vn

và Phan văn Lân 潘文璘 làm tham-tán quân-vụ để chia bớt binh-quyền. Đến khi Văn Nhậm lấy được Thăng-long, bắt được Hữu Chỉnh rồi, có ý cậy tài và ra bộ kiêu-ngạo. Ngô văn Sở đem ý ấy viết thư về nói Văn Nhậm muốn làm phản. Bắc-bình-vương lập tức truyền lệnh kéo quân kỵ, đêm ngày đi gấp đường ra Thăng-long, nửa đêm đến nơi bắt Vũ văn Nhậm giết đi, rồi truyền gọi các quan văn võ nhà Lê cho vào yết-kiến, đặt quan lục-bộ và các quan trấn-thủ, để Lê duy Cần làm giám-quốc, chủ-trương việc tế lễ, dùng Ngô thời Nhậm 吳時任 làm Lại-bộ tả-thị-lang. Còn các quan nhà Lê thì có người ở lại nhận chức, có người trốn đi, cũng có người tuẫn tiết.

Bắc-bình-vương đã đổi đặt quan quân, chỉnh-đốn mọi việc xong cả rồi, chọn ngày về Nam, để bọn Ngô văn Sở ở lại giữ đất Bắc-hà.

Vua Chiêu-thống từ khi thua trận Mục-sơn chạy về núi Bảo-lộc, rồi nay ở Hải-dương, mai ở Sơn-nam, cùng với mấy người trung-nghĩa lo sự khôi-phục, nhưng vì thế-lực mỗi ngày một kém, bề tôi như bọn Đinh tích Nhưỡng thì giở mặt làm phản, còn thì ai nấy trốn-tránh đi mất cả, bởi thế cho nên cơ-nghiệp nhà Lê đổ-nát vậy.

Nhà Lê kể từ vua Thái-tổ khởi nghĩa, đánh đuổi quân nhà Minh về Tàu, lập lại cái nền tự-chủ cho nước nhà, truyền đến vua Chiêu-tông thì bị họ Mạc cướp mất ngôi. Sau nhờ có họ Nguyễn và họ Trịnh giúp đỡ, nhà Hậu-Lê lại trung-hưng lên, truyền đến vua Chiêu-thống tức là Mân-đế 愍帝 thì hết.

Nhà Lê làm vua, kể cả Tiền-Lê và Hậu-Lê, được 360 năm (1428-1788), trước sau sửa-sang được nhiều việc: sự học-hành, việc luật-pháp, việc canh-nông đều được mở-mang ra hơn trước. Nhưng từ khi trung-hưng lên trở về sau nhà vua bị họ Trịnh hiếp-chế thành ra có vua lại có chúa. Vua ngồi làm vì, chúa giữ cả quyền chính-trị. Đến khi nghiệp chúa suy thì ngôi vua cũng đổ vậy.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG XI

NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN

(1788 - 1802)

1. *Nhà Nguyễn Tây-sơn dấy nghiệp*
2. *Vua Quang-trung*
3. *Tôn sĩ Nghị đem quân sang Việt-nam*
4. *Vua Quang-trung đại phá quân nhà Thanh*
5. *Vua Quang-trung cầu-phong*
6. *Vua Chiêu-thống nhà Lê bị nhục bên Tàu*
7. *Đức-độ vua Quang-trung*
8. *Chính-trị của vua Quang-trung*
9. *Quan-chế*
10. *Việc đinh-điền*
11. *Việc học-hành*
12. *Việc làm chùa-chiền*
13. *Việc định đánh Tàu*
14. *Vua Quang-trung mất*
15. *Vua Cảnh-thịnh*

1. NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN DẤY NGHIỆP. Những người làm quốc-sử nước Tàu và nước ta thường chia những nhà làm vua ra *chính-thống* và *ngụy-triều*. Nhà nào, một là đánh giặc mở nước, sáng-tạo ra cơ-nghiệp, hai là được kế truyền phân-minh, thần dân đều phục, ba là dẹp loạn yên dân, dựng nghiệp ở đất trung-nguyên, thì cho là *chính-thống*. Nhà nào, một là làm tôi cướp ngôi vua, làm sự thoán-đoạt không thành, hai là xưng đế, xưng vương ở chỗ rừng núi, hay là ở đất biên-địa, ba là những người ngoại chủng vào chiếm nước làm vua, thì cho là *ngụy-triều*.

www.songhuong.vn

Vậy nay lấy những lẽ ấy mà xét xem nên cho nhà Nguyễn Tây-sơn làm chính-thống hay là nguy-triều, để cho hợp lẽ công-bằng và cho xứng cái danh-hiệu những người anh hùng đã qua.

Nguyên nước ta là nước quân-chủ, lấy cái nghĩa vua tôi làm trọng hơn cả, thế mà từ khi nhà Lê trung-hưng lên trở về sau, họ Nguyễn hùng cứ phương Nam, họ Trịnh xưng chúa miền Bắc; trên tuy còn tôn vua, nhưng mà quyền về cả nhà chúa. Trong nước ta đã có vua lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn. Đến sau ở trong Nam thì có Trương phúc Loan chuyên quyền làm bậy, ở ngoài Bắc thì có kiêu-binh làm loạn, giết hại quan đại-thần, vua chúa phải nhún mình mà chiều-đãi, đình-thần phải khoanh tay mà chịu một bề, ấy lại là một lúc đại loạn vậy.

Lúc ấy anh em Nguyễn Nhạc là người dân mặc áo vải, dấy binh ở ấp Tây-sơn, chống nhau với chúa Nguyễn để lập nghiệp ở đất Qui-nhơn. Tuy rằng đối với họ Nguyễn là cừu-địch, nhưng mà đối với nước Nam, thì chẳng qua cũng là một người anh hùng lập thân trong lúc biến-loạn đó mà thôi.

Còn như Nguyễn Huệ là vua Thái-tổ nhà Nguyễn Tây-sơn, thì trước giúp anh bốn lần vào đánh đất Gia-định đều được toàn thắng, phá hai vạn quân hùm beo của Tiêm-la, chỉ còn được mấy trăm người lủi-thủi chạy về nước; sau lại ra Bắc-hà, dứt họ Trịnh, tôn vua Lê, đem lại mối cương-thường cho rõ-ràng. Ấy là đã có sức-mạnh mà lại biết làm việc nghĩa vậy.

Nhưng vì vua nhà Lê nhu-nhược, triều-thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh-luân, lại để cho Trịnh Bồng và Nguyễn hữu Chỉnh nối nhau mà chuyên quyền, đến nỗi thành ra tán-loạn. Dẫu thế mặc lòng, khi Nguyễn Huệ giết Vũ văn Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám-quốc để giữ tông-miếu tiền triều; như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc.

Sau vua Chiêu-thống và bà Hoàng-thái-hậu đi sang kêu cầu bên Tàu, vua nhà Thanh nhân lấy dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê, để lấy nước Nam, bèn sai binh-tướng sang giữ thành Thăng-long. Bấy giờ cứ theo như tờ mật-dụ của vua nhà Thanh,

www.songhuong.vn

thì nước Nam ta, bề ngoài tuy chưa mất hẳn, nhưng kỳ thật đã vào tay người Tàu rồi.

Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn Huệ mới lên ngôi Hoàng-đế, truyền hịch đi các nơi, đường đường, chính chính, đem quân ra đánh một trận phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn sĩ Nghị phải bỏ cả ấn-tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp-sợ, tướng-sĩ nhà Thanh thất đảm. Tưởng từ xưa đến nay nước ta chưa có võ-công nào lẫm-liệt như vậy.

Vả đánh đuổi người Tàu đi lấy nước lại mà làm vua thì có điều gì mà trái đạo? Hà lại chẳng hơn nhà Lý, nhà Trần nhân lúc ấu-quân, nữ chúa, mà làm sự thoán-đoạt hay sao? Vậy thì lấy lẽ gì mà gọi là ngụy? Huống chi sau vua nhà Thanh cũng công-nhận cho ông Nguyễn Huệ làm vua nước Nam, và lại sai sứ sang phong cho ông làm An-nam quốc-vương theo như lệ các triều trước, như thế thì nhà Nguyễn Tây-sơn mở nước có khác gì nhà Đinh và nhà Lê không?

Tuy rằng chẳng được bao lâu nhà Nguyễn Tây-sơn sinh ra nội loạn, vua Thế-tổ Cao-hoàng nhà Nguyễn lại thu-phục được cơ-nghiệp cũ mà nhất-thống cả nam bắc lại làm một, nhưng việc thành-bại hưng-vong là mệnh trời, và lại khi hai người anh-hùng đuổi một con hươu, tất là người nọ gọi người kia là cừu-địch. Vậy lấy lẽ tôn bản-triều mà xét thì nhà Nguyễn Tây-sơn là ngụy, mà lấy công-lý mà suy thì vua Quang-trung Nguyễn Huệ là một ông vua cùng đứng ngang vai với vua Đinh Tiên-hoàng, vua Lê Thái-tổ, mà nhà Nguyễn Tây-sơn cũng là một nhà chính-thống như nhà Đinh và nhà Lê vậy.

2. VUA QUANG-TRUNG (1788-1792). Ông Nguyễn Huệ 阮惠 (sau đổi tên là Nguyễn quang Bình 阮光平) là một người có sức khỏe tuyệt trần, lại có mưu-trí quyền-biến, mẹo-mực như thần, khởi binh ở đất Tây-sơn (thuộc huyện An-khê, Bình-định) giúp anh là Nguyễn Nhạc lập nên nghiệp lớn, được phong làm Bắc-bình-vương, đóng đô ở đất Phú-xuân.

www.songhuong.vn

Năm mậu-thân (1788) quân nhà Thanh mượn tiếng sang cứu nhà Lê, chiếm giữ thành Thăng-long, có ý muốn lấy đất An-nam, Bắc-bình-vương lên ngôi Hoàng-đế đặt niên-hiệu là Quang-trung 光中, rồi đem binh đi đánh giặc.

3. TÔN SĨ NGHỊ ĐEM QUÂN SANG AN-NAM. Nguyên vua Chiêu-thống 昭統 đã mấy lần toan sự khôi-phục, nhưng không được, phải nương-náu ở đất Lạng-giang; còn bà Hoàng-thái-hậu thì đem hoàng-tử sang Long-châu kêu van với quan Tàu, xin binh cứu-viện. Bấy giờ quan tổng-đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị 孫士毅 dâng biểu tâu với vua Càn-long nhà Thanh, đại-lược nói rằng: «Họ Lê là cống thần nước Tàu, nay bị giặc lấy mất nước, mẹ và vợ Tự-quân sang cầu-cứu, tình cũng nên thương. Vả nước Nam vốn là đất cũ của nước Tàu, nếu sau khi cứu được nhà Lê, và lại lấy được đất An-nam, thực là lợi cả đôi đường».

Vua Càn-long nghe lời tâu ấy sai Tôn sĩ Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Qui-châu, Vân-nam, đem sang đánh Tây-sơn. Tôn sĩ Nghị chia quân ra làm 3 đạo, sai quan tổng-binh tỉnh Vân-nam và Qui-châu đem một đạo sang mạn Tuyên-quang (1), sai Sầm nghi Đống 岑宜棟 là tri-phủ Điền-châu đem một đạo sang mạn Cao-bằng. Sĩ Nghị cùng với đề-đốc là Hứa thế Hanh 許世亨 đem một đạo sang mạn Lạng-sơn, hẹn ngày tiến binh sang đánh An-nam.

Tướng Tây-sơn là Ngô văn Sở ở Thăng-long được tin quân Tàu đã sang, sợ thế yếu đánh không nổi, bèn rút quân thủy-bộ về đóng giữ từ núi Tam-điệp (2) ra đến bờ bể, rồi sai người về Phú-xuân cáo cấp.

Tôn sĩ Nghị kéo quân đến Kinh-bắc (Bắc-ninh), vua Chiêu-thống ra chào mừng rồi theo quân Tàu về Thăng-long. Sĩ Nghị đóng đồn ở giữa bãi, về mé nam sông Nhị-hà, bắc

---

(1) Khi xưa đất Hà-giang, Lao-kay, Yên-báy thuộc địa-hạt tỉnh Tuyên-quang.

(2) Núi Tam-điệp trước gọi là đèo Ba-dội ở chỗ phân địa-giới tỉnh Ninh-bình và tỉnh Thanh-hóa.

www.songhuong.vn

cầu phao ở giữa sông để tiện đi lại, và chia quân ra đóng giữ các mặt.

Ngày hôm sau, Sĩ Nghị làm lễ tuyên-độc tờ sắc của vua nhà Thanh phong cho vua Chiêu-thống làm An-nam quốc-vương.

Vua Chiêu-thống tuy đã thụ phong, nhưng các tờ văn thư đều phải đề niên-hiệu Càn-long. Mỗi khi buổi chầu xong rồi, lại đến dinh Sĩ Nghị để chầu-chực việc cơ-mật quân-quốc. Vua cưỡi ngựa đi với độ mười người lính hầu mà thôi. Sĩ Nghị thì ngạo-nghễ tự-đắc, ý-tứ xử với vua rất là khinh-bạc; có khi vua Chiêu-thống lại hầu, không cho vào yết-kiến, chỉ sai một người đứng dưới gác chiêng truyền ra rằng: không có việc quân-quốc gì, xin ngài hãy về cung nghỉ.

Người bấy giờ bàn riêng với nhau rằng; « Nước Nam ta từ khi có đế-vương đến giờ, không thấy vua nào hèn-hạ đến thế. Tiếng là làm vua mà phải theo niên-hiệu vua Tàu, việc gì cũng phải bẩm đến quan Tổng-đốc, thế thì có khác gì đã là nội-thuộc rồi không? ».

Vua và triều-thần bấy giờ việc gì cũng trông-cậy vào Tôn sĩ Nghị; ngày đêm chỉ lo việc báo ân báo oán, giết hại những người trước đã đi theo Tây-sơn. Tôn sĩ Nghị thì càng ngày càng kiêu-ngạo thêm, coi việc binh làm thường, lại thả quân-lính ra cướp-phá dân-gian, làm lắm sự nhũng-nhiễu. Vì thế cho nên lòng người mất cả trông cậy.

4. VUA QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN NHÀ THANH. Bắc-bình-vương được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng-long, lập tức hội các tướng-sĩ để bàn việc đem binh ra đánh, các tướng đều xin hãy chính ngôi tôn, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh.

Bắc-bình-vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn-sơn, ngày 25 tháng một năm mậu-thân (1788), vương làm lễ lên ngôi Hoàng-đế, rồi tự mình thống-lĩnh thủy-bộ đại-binh ra đánh giặc Thanh. Ra đến Nghệ-an nghỉ lại 10 ngày để kén lấy thêm binh, cả thảy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi.

www.songhuong.vn

Vua Quang-trung điểm duyệt quân-sĩ, truyền dụ nhủ-bảo mọi người phải cố-gắng đánh giặc giúp nước. Đoạn rồi kéo quân ra Bắc, đến ngày 20 tháng chạp thì đến núi Tam-điệp. Bọn Ngô văn Sở, Ngô thì Nhiệm đều ra tạ tội, kể chuyện quân Tàu thế mạnh, sợ đánh không nổi, cho nên phải lui về giữ chỗ hiểm-yếu.

Vua Quang-trung cười mà nói rằng: « Chúng nó sang phen này là mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyến này thân coi việc quân đánh giữ, đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn gấp 10 nước ta, sau khi chúng thua một trận rồi, tất chúng lấy làm xấu-hổ, lại mưu báo-thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nỡ thế. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thì-Nhiệm dùng lời nói cho khéo để đình chỉ việc chiến-tranh. Đợi mươi năm nữa, nước ta dưỡng được sức phú-cường rồi, thì ta không cần phải sợ chúng nữa».

Vua Quang-trung truyền cho tướng-sĩ ăn tết Nguyên-đán trước, để đến hôm trừ-tịch thì cất quân đi, định ngày mồng 7 tháng giêng thì vào thành Thăng-long mở tiệc ăn mừng. Đoạn rồi, truyền lệnh cho ba quân đến nghe lệnh điều-khiển.

Đại-tư-mã Sở 楚, Nội-hầu Lân 璘 đem tiền quân đi làm tiên-phong. Hô-hổ-hầu 呼虎侯 đem hậu-quân đi đốc chiến.

Đại-đô-đốc Lộc 祿, Đô-đốc Tuyết 雪 đem hữu-quân cùng thủy-quân, vượt qua bể vào sông Lục-đầu. Rồi Tuyết thì kinh-lược mặt Hải-dương, tiếp-ứng đường mé đông; Lộc thì kéo về vùng Lạng-giang, Phượng-nhỡn, Yên-thế để chặn đường quân Tàu chạy về.

Đại-đô-đốc Bảo 保, Đô-đốc Mưu 謀 đem tả-quân cùng quân tượng-mã đi đường núi ra đánh phía tây. Mưu thì xuyên ra huyện Chương-đức (nay là Chương-mỹ), tiện đường kéo thẳng đến làng Nhân-mục, huyện Thanh-trì, đánh quân Điền-châu; Bảo thì thống-suất quân tượng-mã theo đường huyện Sơn-lãng ra làng Đại-áng thuộc huyện Thanh-trì tiếp-ứng cho mặt tả.

Năm quân được lệnh đều thu-xếp đâu đấy, đến hôm 30

www.songhuong.vn

khua trống kéo ra Bắc. Khi quân sang sông Giản-thủy (3), cánh nghĩa-quân của nhà Lê tan-vỡ chạy cả. Vua Quang-trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú-xuyên bắt sống hết được toán quân Tàu đóng ở đấy, không một người nào chạy thoát được; vì thế cho nên không có tin báo về, những quân Tàu đóng ở làng Hà-hồi 河 洄 và làng Ngọc-hồi 玉 回 không biết gì cả. Nửa đêm ngày mồng 3 tháng giêng năm kỷ-dậu (1789) quân vua Quang-trung đến làng Hà-hồi vây kín đồn giặc, rồi bắc loa lên gọi, các quân dạ rầm cả lên, có hàng muôn người. Quân canh đồn bấy giờ mới biết, sợ-hãi thất thố, đều xin hàng, bởi thế, lấy được hết cả quân-lương và đồ khí-giới. Sáng mờ mờ ngày mồng năm, quân Tây-sơn tiến lên đến làng Ngọc-hồi, quân Tàu bắn súng ra như mưa. Vua Quang-trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy rơm cỏ giấp nước quấn ở ngoài, rồi sai quân kiêu-dũng cứ 20 người khiêng một mảnh, mỗi người dắt một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khí-giới theo sau. Vua Quang-trung cưỡi voi đi sau đốc chiến, quân An-nam vào đến gần cửa đồn, bỏ ván xuống đất, rút dao ra, xông vào chém, quân đi sau cũng kéo ùa cả vào đánh. Quân Tàu địch không nổi, xôn-xao tán-loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân Nam thừa thế đánh tràn đi, lấy được các đồn, giết quân nhà Thanh thây nằm ngổn-ngang khắp đồng, máu chảy như tháo nước. Quân các đạo khác cũng đều được toàn thắng. Quan nhà Thanh là đề-đốc Hứa thế Hanh 許 世 亨, tiên-phong Trương sĩ Long 張 士 龍, tả-dực Thượng duy Thăng 尚 維 昇 đều tử trận cả; quan phủ Điền-châu là Sầm nghi Đống 岑 宜 棟 đóng ở Đống-đa (4) bị quân An-nam vây đánh cũng thắt cổ mà chết (5).

---

(3) Giản-thủy chắc là bến đò Giản ở giáp giới tỉnh Ninh-bình và Hà-nam bây giờ.

(4) Ở cạnh Thái-hà-ấp, gần Hà-nội.

(5) Về sau bọn khách trú ở Thăng-long làm cái đền thờ Sầm nghi Đống ở ngõ Sầm-công, sau Hàng Buồm, nữ-sĩ Hồ xuân Hương có vịnh bài tuyệt cú rằng:

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đền Thái-thú đứng cheo-leo.
Ví đây đổi phận làm trai được,
Thì sự anh-hùng há bấy nhiêu?

www.songhuong.vn

Tôn sĩ Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng hốt không kịp thắng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông sang Bắc. Quân các trại nghe tin như thế, xôn-xao tan rã chạy trốn, tranh nhau sang cầu, một lát cầu đổ, sa cả xuống sông chết đuối, sông Nhị-hà đầy những thây người chết.

Vua Chiêu-thống cũng theo Tôn sĩ Nghị sang sông cùng với bà Hoàng-thái-hậu và mấy người cận-thần chạy sang Tàu.

Đạo quân Vân-nam và Quí-châu đóng ở miền Sơn-tây (6) nghe tin quân Tôn sĩ Nghị đã thua, cũng rút quân chạy về.

Ngày hôm ấy vua Quang-trung đốc quân đánh giặc, áo ngự-bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa thì vào thành Thăng-long, sai tướng đem binh đuổi đánh quân nhà Thanh đến cửa Nam-quan. Những dân Tàu ở gần Lạng-sơn sợ khiếp, đàn-ông, đàn-bà dắt-díu nhau mà chạy, từ cửa ải về mé bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào?

Vua Quang-trung vào thành Thăng-long, hạ lệnh chiêu-an, phàm những người Tàu trốn-tránh ở đâu ra thú tội, đều được cấp cho áo mặc, lương ăn. Lại bắt được cả ấn-tín của Tôn sĩ Nghị bỏ lại, trong những giấy má bắt được có tờ mật-dụ của vua Càn-long nói rằng: «Việc quân nên tử đồ, không nên hấp-«tấp. Hãy nên đưa hịch truyền thanh-thế đi trước, và cho các «quan nhà Lê về nước củ-hợp nghĩa binh, tìm tự quân nhà Lê «đem ra đứng đầu để đối địch với Nguyễn Huệ, thử xem sự thế «thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân «ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn Huệ tất phải tháo lui; «ta nhân lấy dịp ấy mà sai Tự-quân đuổi theo, rồi đại binh của ta «theo sau, như thế không khó nhọc mấy nỗi mà nên được công «to, đó là mẹo hay hơn cả. Vì bằng suốt người trong nước, nửa «theo đằng nọ, nửa theo đằng kia, thì Nguyễn Huệ tất không «chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang tỏ bảo đường họa-phúc,

---

(6) Trước đất Phú-thọ, Vĩnh-yên thuộc về địa-hạt tỉnh Sơn-tây.

www.songhuong.vn

« xem nó đối-đáp làm sao. Đợi khi nào thủy-quân ở Mân, « Quảng đi đường bể sang đánh mặt Thuận-hóa và Quảng- « nam rồi, bộ binh sẽ tiến lên sau. Nguyễn Huệ trước sau bị « địch, thế tất phải chịu thua. Bấy giờ ta sẽ nhân mà làm ơn cho « cả hai bên; tự đất Thuận-hóa Quảng-nam trở vào Nam, thì « cho Nguyễn Huệ; tự châu Hoan, châu Ái trở ra Bắc thì « phong cho Tự-quân nhà Lê. Ta đóng đại binh lại để kiềm- « chế cả hai bên, rồi sẽ có xử trí về sau ».

Vua Quang-trung đem tờ mật-dụ ấy bảo với Ngô thì Nhiệm rằng: « Ta xem tờ chiếu của vua nhà Thanh chẳng qua cũng muốn mượn tiếng để lấy nước ta đó thôi. Nay đã bị ta đánh thua một trận, tất là lấy làm xấu-hổ, chắc không chịu ở yên. Hai nước mà đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng lời nói khéo, để khiến cho khỏi sự binh-đao; việc ấy nhờ nhà ngươi chủ-trương cho mới được ».

Ngô thì Nhiệm vâng lệnh làm thư đại-khái nói rằng: « Nước Nam vốn không dám chống-cự với đại-quốc, nhưng chỉ vì Tôn sĩ Nghị làm nhỡ việc cho nên phải thua. Vậy nay xin tạ tội và xin giảng-hòa ».

Vua Quang-trung sai sứ đem thư sang Tàu, và lại sai đem những quân nhà Thanh đã bắt được, để ở một nơi, cấp cho lương-thực, đợi ngày cho về nước. Xếp-đặt mọi việc xong rồi, đem quân về Nam, lưu Ngô văn Sở 吳文楚 và Phan văn Lân 潘文璘 ở lại tổng-thống các việc quân-quốc; còn những việc từ lệnh giao-thiệp với nước Tàu thì ủy-thác cho Ngô thì Nhiệm 吳時任 và Phan huy Ích 潘輝益 cho được tự tiện mà khu xử, hễ không có việc quan-hệ thì bất tất phải đi tâu báo mà làm gì.

5. VUA QUANG-TRUNG CẦU PHONG. Vua nhà Thanh nghe tin Tôn sĩ Nghị bại binh, nổi giận đùng đùng, lập tức giáng chỉ sai quan nội-các là Phúc khang An 福康安 (7) ra thay Sĩ Nghị làm tổng-đốc Lưỡng Quảng, đem binh-mã chín tỉnh, sang kinh-lý việc An-nam.

---

(7) Phúc khang An là người Mãn-châu, thuộc về đinh Hoàng-kỳ, vốn là người tin-dùng của vua nhà Thanh.

www.songhuong.vn

Phúc khang An ra đến Quảng-tây nghe tiếng quân An-nam thế mạnh trong bụng đã sợ, có ý muốn hòa, bèn sai người đưa thư sang nói việc lợi-hại và bảo phải làm biểu tạ tội để cho yên việc binh-đao.

Vua Quang-trung bèn cho người đưa vàng bạc sang đút lót cho Khang An, rồi sai người cháu là Nguyễn quang Hiển 阮光顯 và quan là Vũ huy Tấn 武輝瑨 đem đồ cống-phẩm sang Yên-kinh vào chầu vua nhà Thanh và dâng biểu xin phong.

Bấy giờ quan ngoài thì có Phúc khang An để đạt giúp đỡ, quan trong thì có các-thần là Hòa Thân 和珅 (8) làm chủ-trương, cho nên vua nhà Thanh mới thuận cho giảng-hòa. Hòa Thân được tiền-bạc của vua Quang-trung đút lót, rồi dùng lời nói khéo, điều gì cũng hợp ý vua nhà Thanh. Vua nhà Thanh bèn sai sứ sang phong cho vua Quang-trung làm An-nam quốc-vương, và lại giáng chỉ vời quốc-vương vào chầu.

Vua Quang-trung bèn chọn một người hình-dung giống mình, tên là Phạm công Trị 范公治 trá làm quốc-vương, rồi sai Ngô văn Sở, Đặng văn Chân, Phan huy Ích, Võ huy Tấn đưa sang Yên-kinh, vào chầu vua Càn-long. Ngoài những phẩm-vật phải đem cống, vua Quang-trung lại đem cống thêm đôi tượng đực, làm cho các cung-trạm ở dọc đường bên Tàu phải phục-dịch đưa đón thật là vất-vả. Quan Tổng-đốc Lưỡng Quảng là Phúc khang An 福康安 và quan Tuần-phủ Quảng-tây là Tôn vĩnh Thanh 孫永清 phải đưa Quốc-vương An-nam vào Kinh.

Sang đến Yên-kinh, vua Càn-long nhà Thanh tưởng là Nguyễn Quang-trung thật, vời đến chầu ở Nhiệt-hà, cho vào làm lễ ôm gối, như là tình cha con một nhà, và cho ăn yến với các thân-vương. Đến lúc về nước, vua lại sai thợ vẽ làm một bức ảnh truyền-thần để ban cho ân lễ thật là hậu.

---

(8) Hòa Thân cũng là người Mãn-châu về dinh Hoàng-kỳ, cùng với Phúc khang An coi việc phiên-viễn.

www.songhuong.vn

6. VUA CHIÊU-THỐNG NHÀ LÊ BỊ NHỤC BÊN TÀU. Vua Chiêu-thống theo Tôn sĩ Nghị vào thành Nam-ninh ở Quảng-tây, được ít lâu thì vua nhà Thanh sai các-thần là Phúc khang An ra thay Tôn sĩ Nghị. Khang An muốn giảng-hòa với Tây-sơn, bèn mời vua Chiêu-thống về Quế-lâm. Bấy giờ những quan cựu-thần nhà Lê là : Hoàng-thúc Lê duy Án 黎維按, Đinh nhạ Hành 丁遐衡, Đinh lịnh Dận 丁令胤, Trần huy Lâm 陳輝林, Lê Doãn 黎允, Lê Dĩnh 黎瀛, Phan khải Đức 潘啟德, Bế nguyễn Cung, Bế nguyễn Doãn 閉阮允 đều lục tục sang theo vua Chiêu-thống, vào ra mắt Khang An.

Khang An dùng Đinh nhạ Hành làm chức thủ-bị Toàn-châu, Phan khải Đức làm chức đô-tư Liễu-châu, còn thì tùy tiện an trí mỗi người một nơi. Duy chỉ có Lê duy Án, Trần huy Lâm, Lê Doãn, Lê Dĩnh về Quế-lâm theo vua nhà Lê.

Đến tháng tư năm kỷ-dậu (1789), vua tôi nhà Lê vào thành Quế-lâm, Khang An nói thác ra bảo vua Chiêu-thống rằng: Trời đang mùa hè nắng nóng, sang đánh phương nam không tiện, nên để đến mùa thu mát-mẻ sẽ khởi binh. Vậy nhà vua nên giả-giả dẫn bọn tướng-thuộc đi trước. Nhưng nhà vua hãy nên gọt đầu thay áo, làm như dáng người Tàu, để khi về nước, giặc không nhận được mặt. Việc hành binh phải nên biến trá, đợi khi thành công rồi lại theo tục nước mà ăn-mặc. Vua Chiêu-thống không ngờ là Khang An đánh lừa mình, bèn cùng với các quan cạo đầu gióc tóc và đổi y-phục.

Phúc Khang An bèn làm một tờ biểu tâu với vua nhà Thanh rằng: « Vua nước Nam là Lê duy Kỳ không có ý xin viện binh nữa, vua tôi hiện đã gióc tóc, thay áo, xin yên tâm ở lại nước Tàu, Vậy xin bãi binh đánh An-nam ». Ở trong lại có Hòa Thân tán-thành, bởi vậy vua nhà Thanh mới xuống chỉ bãi binh.

Vua nhà Thanh đã nghe lời bọn Phúc Khang An và Hòa Thân, và đã phong vương cho vua Quang-trung rồi, lại giáng chỉ triệu vua tôi nhà Lê về Yên-kinh (9).

---

(9) Bọn Lê Quýnh 黎倜, Trịnh Hiến 鄭憲 cả thảy đến 10 người sau cũng bị Phúc khang An gọi về Quảng-tây, rồi bắt đổi áo gióc tóc như

(Xem tiếp lời giải trang 138)

www.songhuong.vn

Mùa xuân năm canh-tuất (1790), vua Chiêu-thống cùng với các quan tòng vong vào Kinh. Vua Càn-long để vua Chiêu-thống, bà Thái-hậu và Hoàng-tử ở ngõ Hồ-đồng, Tòa Quốc-tử-giám, cửa Tây-định ở Yên-kinh, ngoài cửa đề chữ *«Tây An-nam dinh»*. Còn các quan An-nam đi theo, thì cho ở ngõ Hồ-đồng, Dương-phố, cửa Đông-trực, ngoài cửa đề chữ: *«Đông An-nam dinh»*.

Vua Chiêu-thống đến Yên-kinh được mấy hôm, thì thấy quan Đô-thống Nhương-hoàng-kỳ là Kim Giản 鎮黃旗都統金簡, phụng chỉ vua nhà Thanh ra phong cho chức Tả-lĩnh 佐領, và ban cho áo mão quan tam-phẩm. Còn các quan đi theo thì cấp cho mỗi người ba lạng bạc và một thạch gạo.

Vua Chiêu-thống giận vì người Tàu đánh lừa, bèn cùng với bề tôi là bọn Phạm như Tùng 范如松, Hoàng ích Hiểu 黃益曉, Lễ Hân 黎昕, Nguyễn quốc Đống 阮國棟, Nguyễn viết Triệu 阮曰肇, Lê quí Thích 黎貴適, Nguyễn đình Miên 阮廷綿, Lê văn Trương 黎文張, Lê Tùng 黎松, Lê Thức 黎式 uống máu ăn thề, định sống chết thế nào thì cũng dâng biểu xin binh cứu viện. Nếu không cho thì xin đất hai tỉnh Tuyên-quang, Thái-nguyên để phụng thờ tông-tự; mà không nữa, thì xin cho về nước vào đất Gia-định với chúa Nguyễn, để đồ việc khôi-phục.

Văn biểu làm xong, đến nói lót trước với Kim Giản 金簡, Kim Giản không nghe, vua tôi nhà Lê phục xuống đất mà kêu khóc. Kim Giản bất-đắc-dĩ mời vào an-ủi, rồi nói

---

mọi người. Lê Quýnh nói rằng: «Ông cho gọi chúng tôi đến chẳng bàn được điều gì, lại dỗ chúng tôi đổi áo, gióc tóc, ấy là nghĩa gì? Đầu chúng tôi có thể chặt được, chứ tóc không gióc, da có thể lột được, chứ áo không đổi!».

Phúc Khang An tức giận cho giải về cả Yên-kinh, đi đến Sơn-đông gặp vua Càn-long đi chơi, vua đòi vào hỏi sao vua An-nam đã chịu đổi áo gióc tóc theo nhà Thanh mà bọn ấy lại còn không chịu? Lê Quýnh tâu rằng: «Chúng tôi muôn dặm tòng vong, xin cứ theo tục bản quốc vào ra mắt quốc-vương, rồi sau sẽ vâng chỉ». Vua nhà Thanh khen là trung. Nhưng về sau Lê Quýnh không chịu gióc tóc, chiếu tội vi-mệnh phải giam mãi.

www.songhuong.vn

rằng : hãy xin về quán nghỉ-ngơi, đợi để thương-lượng thế nào, sau sẽ cho biết.

Kim Giản bèn mưu với Hòa Thân phân trí vua tôi An-nam đi ở mỗi người một nơi, để cho khỏi kêu ca khó chịu.

Đến tháng tư năm tân-hợi (1791) Hoàng ích Hiểu phải đày sang I-lê (thuộc Hồi-bộ ở Tây-vực, phía Tây nước Tàu) ; Lê Hân đày đi Phụng-thiên (Mãn-châu) ; Phạm như Tùng đày lên Hắc-long-giang (Mãn-châu) ; Nguyễn-quốc-Đống đày đi Cát-lâm (Mãn-châu) ; Nguyễn viết Triệu, Lê qui Thích, Nguyễn đình Miên, Đàm thận Xưởng, Lê văn Trương đày ra bến Trương-gia ở Nhiệt-hà (thuộc tỉnh Trực-lệ). Chỉ để Phạm đình Thiện, Đinh nhạ Hành ở lại hầu hạ vua Lê.

Vua Chiêu-thống nghe chuyện ấy lo-lắng chua-xót, ruột nóng như lửa đốt, sáng hôm sau cưỡi ngựa đến nhà Kim Giản, để kêu oan cho mấy người phải đi đày, gặp Kim Giản vào chầu vua nhà Thanh ở vườn Viên-minh, vua Chiêu-thống đi vào cửa vườn, bị lính giữ vườn ngăn-cấm không cho đi. Bấy giờ có Nguyễn văn Quyên 阮文涓 đi theo hầu vua, thấy lũ lính vô lễ, mới nổi giận lên mà chửi mắng rằng : « Lũ chó Ngô kia sao chúng bay được làm nhục đến vua tao ! » . Rồi lấy gạch ném vào chúng nó. Chúng nó xúm nhau lại đánh Văn Quyên về thành bệnh mà chết.

Tự đó vua Chiêu-thống trong bụng buồn-bã rầu-rĩ, không dám nói đến việc xin binh nữa. Qua sang tháng năm năm nhâm-tí (1792) hoàng-tử lên đậu mất. Vua nhân dịp đó phải bệnh một ngày một nặng, đến tháng mười năm quí-sửu (1793) thì mất, thọ được 28 tuổi.

Vua nhà Thanh sai theo lễ tước công mà táng ở ngoài cửa Đông-trực.

Tháng 11 năm kỷ-mùi (1799) đời vua Gia-khánh thì bà Hoàng-thái-hậu mất.

Đến năm nhâm-tuất (1802) nhân khi bên Việt-nam ta vua Thế-tổ nhà Nguyễn đã thống-nhất cả nam bắc, và có sứ ta sang cầu phong, các quan nhà Lê mới nhân dịp dâng biểu xin đem ma Thái-hậu và Cố-quân về nước. Vua Gia-khánh

www.songhuong.vn

nhà Thanh cho tất cả những người Việt-nam theo vua Lê sang Tàu về nước.

Sử chép rằng khi đào đất lên để cải táng mả Cố-quân, thì thấy da thịt đã tiêu cả, chỉ còn có quả tim không nát, vẫn đỏ như thường. Ai trông thấy cũng động lòng thương xót. Dẫu chuyện đó thực hư thế nào mặc lòng, nhưng tưởng đến tình-cảnh vua Chiêu-thống lúc bấy giờ, thì ai cũng ái-ngại thay cho ông vua một nước, phải đày-đọa đến nỗi như thế, có thể làm được một bài bi kịch thảm-xót muôn đời. Tuy rằng tại vua tôi nhà Lê vụng tính cho nên bị người ta đánh lừa, nhưng cũng nên trách vua quan nhà Thanh xử tệ, bạc-đãi một ông vua vong quốc, đem thân đến nương-nhờ nước mình. Ấy cũng là một thời dã-man về đời áp-chế, khiến cho cái oan-khổ của người ta muôn đời về sau không tiêu thoát đi được.

Khi đem ma bà Thái-hậu và vua Chiêu-thống về đến Việt-nam thì bà Hoàng-phi trước phải ẩn nấp ở đất Kinh-bắc, nay lên đến Ải-quan đón rước, rồi về đến Thăng-long cũng nhịn ăn mà tự tử.

Ngày 24 tháng 11, rước ma Cố-quân, Thái-hậu, Hoàng-phi và Hoàng-tử về táng ở lăng Bàn-thạch ở Thanh-hóa.

7. ĐỨC-ĐỘ VUA QUANG-TRUNG. Vua Quang-trung nhà Nguyễn Tây-sơn là ông vua anh-dũng, lấy võ-lược mà dựng nghiệp, nhưng ngài có độ-lượng, rất am-hiểu việc trị nước, biết trọng những người hiền-tài văn-học. Khi ngài ra lấy Bắc-hà, những người như Ngô thì Nhiệm 吳時任 Phan huy Ích 潘輝益 đều được trọng dụng và nhất là đối với một người xử-sĩ như Nguyễn Thiệp thì thật là khác thường.

Ông Nguyễn Thiệp 阮浹, tự là Khải-chuyên 啟顓, hiệu là Nguyệt-úc 月澳, biệt hiệu là Hạnh-am 幸庵. Ông làm nhà ở Lục-niên thành 六年城, thuộc huyện La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ, cho nên người ta gọi là Lục-niên tiên-sinh hay là La-sơn phu-tử. Vua Quang-trung từ khi đem quân ra đánh Bắc-hà, biết tiếng Nguyễn Thiệp, đã mấy lần cho người đem

www.songhuong.vn

lễ-vật mời ông ra giúp, ông không nhận lễ và cũng từ chối không ra. Đến khi ngài đã đăng cực, lại mấy lần cho người đến mời ông, ông có đến bái-yết và khuyên vua nên lấy nhân-nghĩa mà trị dân trị nước, rồi lại xin về. Vua Quang-trung tuy không dùng được ông, nhưng bao giờ cũng tôn kính ông như bậc thầy, và việc chính-trị trong nước thường theo ý-nghĩa của ông đã trình-bày.

8. CHÍNH-TRỊ CỦA VUA QUANG-TRUNG. Vua Quang-trung tuy đã thụ-phong nhà Thanh, nhưng vẫn tự xử theo cách Hoàng-đế, lập bà Ngọc-Hân con vua Hiển-tông nhà Lê làm Bắc-cung Hoàng-hậu, lập con là Quang Toản 光 纘 làm Thái-tử. Lại lấy thành Nghệ-an là đất giữa nước và lại là đất tổ khi xưa ở đó, mới sai thợ-thuyền tải-vận đá, gỗ, gạch, ngói, sửa-sang đền-đài cung-điện, và sai quân các đạo đào lấy đá ong để xây nội thành, gọi là Phượng-hoàng trung-đô 鳳凰中都. Cải thành Thăng-long là Bắc-thành 北城, chia đất Sơn-nam ra làm hai trấn, gọi là Sơn-nam thượng, Sơn-nam hạ (10).

Mỗi trấn đặt quan Trấn-thủ 鎮守 và quan Hiệp-trấn 協鎮. Mỗi huyện, văn thì đặt chức phân-tri 分知 để xét việc kiện cáo, võ thì đặt chức phân-suất 分率 để coi việc binh-lương.

9. QUAN-CHẾ. Quan-chế thời bấy giờ thì không thấy sử chép rõ, nhưng xem các dã-sử thì thấy có tam công 三公, tam thiếu 三少, có Đại-chủng-tể 大冢宰, Đại-tư-đồ 大司徒, Đại-tư-khấu 大司寇, Đại-tư-mã 大司馬, Đại-tư-không 大司空, Đại-tư-cối 大司會, Đại-tư-lệ 大司隸, Thái-úy 太尉, Đại-tổng-quản 大總管, Đại-đồng-lý 大董理, Đại-đô-đốc 大都督, Đại-đô-hộ 大都護, v. v. Lại có Trung-thư-sảnh 中書廳, Trung-thư-lệnh 中書令, Đại-học-sĩ 大學士, Hiệp-biện đại-học-sĩ 協辦大學士, Thị-trung ngự-sử 侍中御史, Lục-bộ thượng-thư 六部尚書, Tả-hữu đồng-nghị 左右同議, Tả-hữu phụng-nghị 左右奉議, Thị-lang 侍郎, Tư-vụ 司務, Hàn-lâm 翰林 v. v.

---

(10) Trấn-lị Sơn-nam-thượng ở Châu-cầu, trấn-lị Sơn-nam-hạ ở Vị-hoàng.

www.songhuong.vn

Về đường quân-bịnh thì đặt ra tiền quân, hậu quân, trung-quân, tả-quân, hữu-quân v. v.

10. VIỆC ĐINH-ĐIỀN. Đinh thì chia ra làm ba hạng: từ 2 tuổi đến 17 tuổi làm hạng *« vị cập cách »*; từ 18 đến 55 tuổi làm tráng hạng; từ 56 đến 60 tuổi làm lão hạng; từ 61 trở lên làm lão nhiêu.

Ruộng cũng chia ra làm ba hạng: nhất-đẳng điền mỗi mẫu phải nộp 150 bát thóc, nhị-đẳng điền mỗi mẫu 80 bát, tam-đẳng điền mỗi mẫu 50 bát. Lại thu tiền *thập-vật* 什物 mỗi mẫu một tiền và tiền *khoán-khố* 券庫 mỗi mẫu 50 đồng.

Ruộng tư-điền cũng đánh thuế: nhất-đẳng điền mỗi mẫu nộp 40 bát thóc, nhị-đẳng điền mỗi mẫu 30 bát, tam-đẳng điền mỗi mẫu 20 bát. Tiền *thập-vật* cũng theo như ruộng công điền, còn tiền *khoán-khố* thì mỗi mẫu phải nộp 30 đồng.

11. VIỆC HỌC - HÀNH. Đời Tây-sơn việc cai-trị thường hay dùng chữ nôm. Nhà vua muốn rằng người Việt-nam thì phải dùng tiếng Việt-nam, để gây thành cái tinh-thần của nước nhà, và cái văn-chương đặc-biệt, không phải đi mượn tiếng mượn chữ của nước Tàu. Vậy nên khi thi-cử thường bắt quan ra bài chữ nôm và bắt sĩ-tử làm bài bằng chữ nôm. Thời bấy giờ nhiều người không hiểu rõ cái ý-nghĩa sâu-xa ấy, cho là vua Tây-sơn dùng hà-chính mà ức-hiếp nhân dân.

12. VIỆC LÀM CHÙA - CHIỀN. Vua Quang-trung thấy làng nào cũng có chùa-chiền, mà những người đi tu-hành thì ngu-dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Phật, chỉ mượn tiếng thần-thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân, ngài xuống chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng, đem gỗ gạch làm ở mỗi phủ mỗi huyện một cái chùa thật to, rất đẹp, rồi chọn lấy những tăng-nhân có học-thức, có đạo-đức, ở coi chùa thờ Phật. Còn những người không xứng-đáng thì bắt về làm ăn. Ý vua Quang-trung muốn rằng chỗ thờ Phật phải cho tôn-nghiêm, mà những người đi tu-hành thì phải là người chân tu mộ đạo mới được.

www.songhuong.vn

Những việc cải-cách ấy rất có nghĩa-lý, nhưng vì thủa ấy có nhiều sự chiến-tranh, vả nhà Tây-sơn cũng không làm vua được bao lâu, cho nên thành ra không có công-hiệu gì cả.

13. VIỆC ĐỊNH ĐÁNH TÀU. Trước vua Quang-trung cầu hòa với nước Tàu và chịu phong là cốt để đợi ngày có đủ sức mà đánh báo thù, cho nên từ khi trong nước đã dẹp yên rồi, ngày đêm trù-tính việc đánh Tàu. Đình t n ai cũng bàn nên xét số dân đinh cho đích-thực để kén lấy h. Vua bèn xuống lệnh cho các trấn bắt dân xã làm lại sổ đinh, ai ai cũng phải biên vào sổ, rồi cấp cho mỗi người một cái thẻ bài, khắc bốn chữ *Thiên-hạ đại tín* 天下大信, chung quanh ghi tên họ quê quán, và phải điểm chỉ làm tin. Người nào cũng phải đeo thẻ ấy gọi là *tín bài* 信牌. Ai không có thẻ là dân lậu, bắt sung vào quân phòng, và bắt tội tổng-trưởng, xã-trưởng. Nhân có việc ấy, những kẻ lại-dịch hiệp với xã-trưởng đi lại làm bậy : thường vào làng vây bắt hỏi thẻ, làm cho dân-gian nhiễu-động, nhiều người phải trốn vào rừng mà ở.

Sổ đinh làm xong rồi cứ ba tên đinh kén lấy một người lính.

Quân thì chia ra làm đạo, cơ, đội. Đạo thì thống các cơ, cơ thì thống các đội. Cơ đội nào theo về cơ đội ấy, bắt phải diễn tập luôn luôn.

Bấy giờ ở bên Tàu có những giặc Tàu-ô, quấy-nhiễu ở miền bể bị quân nhà Thanh đánh đuổi, chạy sang xin phụ thuộc nước ta, vua Quang-trung cho người tướng Tàu-ô làm chức tổng-binh, sai sang quấy-nhiễu ở mặt bể nước Tàu. Lại có người thuộc về đảng Thiên-địa-hội 天地會 làm giặc ở Tứ-xuyên, vua cũng thu-dùng cho làm tướng.

Công-việc xếp-đặt đâu vào đấy rồi, đến năm nhâm-tí (1792) vua Quang-trung sai sứ sang Tàu, xin cầu hôn và xin trả lại cho Việt-nam đất Lưỡng Quảng. Việc ấy tuy không phải là bản-ý, nhưng muốn mượn chuyện để thử ý vua nhà Thanh. Không ngờ vua Quang-trung phải bệnh mất, các quan dìm việc cầu hôn và việc xin trả đất đi, không cho Thanh-triều biết.

www.songhuong.vn

14. VUA QUANG - TRUNG MẤT. Vua Quang-trung mất năm nhâm-tí (1792), làm vua được 4 năm, thọ được 40 tuổi, miếu-hiệu là *Thái-tổ Võ-hoàng-đế* 太祖武皇帝.

Triều-thần bấy giờ là Bùi đắc Tuyên 裴得宣, Trần quang Diệu 陳光耀 (11), Vũ văn Dũng 武文勇 lập thái-tử là Nguyễn quang Toản lên nối ngôi làm vua, rồi sai sứ sang Tàu dâng biểu cáo tang và cầu phong. Trong biểu nói dối rằng khi vua Quang-trung mất có dặn lại rằng phải đem chôn ở Tây-hồ gần Bắc-thành, để tỏ cái bụng quyến-luyến trông về Thiên-triều. Vua nhà Thanh xem biểu tưởng là thật, khen là trung, đặt tên thụy cho là *Trung-thuần* 忠純, lại ngự chế một bài thơ sang viếng, sai quan Án-sát Quảng-tây là Thành Lâm sang tế, và phong cho Quang Toản làm An-nam quốc-vương. Trong bài văn-tế có câu rằng :

Chầu ngôi Nam cực,
Lòng trung-nghĩa hết đạo thờ vua.
Chôn đất Tây-hồ,
Nghĩa thần-tử vẫn còn mến chúa.

15. VUA CẢNH - THỊNH (1782-1802). Khi vua Quang-trung mất thì Thái - tử là Nguyễn quang Toản mới lên 10 tuổi, triều-đình tôn lên làm vua, đặt niên-hiệu là Cảnh-thịnh 景盛, sau thành Phú-xuân thất thủ, vua tôi nhà Tây-sơn chạy ra Bắc-hà lại đổi niên-hiệu là Bảo-hưng 寶興.

Vua Cảnh-thịnh tuy đã lên ngôi nhưng mà việc gì cũng do ở Thái - sư là Bùi đắc Tuyên quyết đoán cả. Bùi đắc Tuyên là anh ruột bà Thái-hậu, cho nên uy-quyền lại càng hống - hách lắm. Các quan văn - võ có nhiều người không phục, bởi vậy cho nên về sau trong Triều phân ra bè-đảng; các đại thần giết-hại lẫn nhau. Vả lại lúc bấy giờ có vua Thế-tổ Cao-hoàng nhà Nguyễn là một bậc có tài-trí, quyết chí phục thù, cho nên cơ-nghiệp nhà Tây-sơn không được bao lâu mà đổ nát vậy.

---

(11) Có sách chép là Nguyễn quang Diệu.

www.songhuong.vn

CHƯƠNG XII

NGUYỄN-VƯƠNG NHẤT-THỐNG NƯỚC NAM

1. *Nguyễn-vương Ánh ở Tiêm-la*
2. *Nguyễn-vương về lấy Gia-định*
3. *Nguyễn-vương sửa-sang mọi việc ở Gia-định*
4. *Việc khai-khẩn điền-thổ*
5. *Việc buôn-bán*
6. *Ông Bá-đa-lộc và Hoàng-tử Cảnh ở Pháp về*
7. *Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ nhất*
8. *Thế-lực Tây-sơn*
9. *Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ hai*
10. *Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ ba*
11. *Quân Tây-sơn vây thành Bình-định*
12. *Nguyễn-vương thu-phục Phú-xuân*
13. *Võ Tinh tử tiết*
14. *Trận Trấn-ninh*
15. *Nguyễn-vương lên ngôi tôn*
16. *Quân Nam ra lấy Bắc-hà*

1. NGUYỄN-VƯƠNG ÁNH Ở TIÊM-LA. Tháng tư năm ất-tị (1785), ông Nguyễn Huệ phá quân Tiêm-la ở Mỹ-tho, Nguyễn-vương thế cô, lại phải sang nương-nhờ nước Tiêm. Đến khi các tướng-sĩ đã biết ngài ở Tiêm-la, đều lục tục kéo sang bái-yết, bấy giờ có quan cũ là Lê văn Câu 黎文勾 (còn gọi Quân hay Duân) đem 600 người sang theo giúp. Vua nước Tiêm để cho người Việt-nam ở riêng một chỗ gọi là Long-kỳ, ở ngoài thành Vọng-các (Bangkok) (1).

---

(1) Nay ở Bangkok có một chỗ gọi là làng Gia-long tức là chỗ Nguyễn-vương ở ngày trước.

www.songhuong.vn

Nguyễn-vương bèn phân trí mọi người đi làm các việc: người thì đi làm ruộng để lấy thóc gạo nuôi quân, người thì đi ra các đảo làm sẵn chiến-thuyền, người thì đi lẻn về Gia-định, chiêu-tập những kẻ nghĩa-dũng để đợi ngày khôi-phục.

Lúc bấy giờ nhân có quân Diến-điện sang đánh Tiêm-la, Nguyễn-vương cùng với bọn Lê văn Câu 黎文句, Nguyễn văn Thành 阮文誠 đem quân bản-bộ đi đánh giúp nước Tiêm. Nguyễn-vương lại có công trừ được những giặc Mã-lai, thường vẫn hay đến quấy-nhiễu ở mặt bể. Bởi vậy cho nên nước Tiêm lại càng trọng-đãi vua tôi nhà Nguyễn lắm.

2. NGUYỄN-VƯƠNG VỀ LẤY GIA-ĐỊNH. Trong khi Nguyễn-vương còn phải nương-náu ở đất Tiêm-la, ông Nguyễn Huệ tiến binh ra Bắc-hà giết Trịnh Khải, tôn vua Lê, rồi về được phong là Bắc-bình-vương, đóng ở Phú-xuân. Ông Nguyễn Nhạc xưng là Trung-ương Hoàng-đế, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông-định-vương vào giữ đất Gia-định.

Nhưng chẳng được bao lâu, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ không hòa với nhau. Nguyễn Huệ đem quân Phú-xuân vào vây thành Qui-nhơn nguy-cấp lắm. Nguyễn Nhạc phải vời đô-đốc Đặng văn Chân 鄧文真 đem quân ở Gia-định ra cứu.

Từ đó quân thế của Tây-sơn ở Gia-định đã kém, ở các nơi lại có nhiều đảng theo về chúa Nguyễn, rồi nổi lên đánh phá, làm cho quân Tây-sơn càng ngày càng khó giữ. Vả trong mấy anh em Tây-sơn chỉ có Nguyễn Huệ là anh-hùng kiệt-hiệt hơn cả, mà đã ra chuyên giữ mặt bắc, thì công việc mặt nam phó mặc Nguyễn Lữ là người tầm-thường, cho nên thế Tây-sơn ở mặt ấy thành ra suy-nhược.

Lúc bấy giờ Nguyễn-vương ở Tiêm-la vẫn có người đi về tin tức, biết có cơ-hội lấy được đất Gia-định, mà cũng biết rằng người Tiêm-la vẫn không giúp được cho mình lại còn có bụng ghen-ghét: như năm đinh-vị (1787) có người Bồ-đào-nha đưa quốc-thư cho Nguyễn-vương xin đem binh và thuyền ở thành Goa (2) lại giúp. Vua Tiêm-la biết việc ấy lấy

---

(2) Đất thuộc-địa của Bồ-đào-nha ở Ấn-độ.

www.songhuong.vn

làm không bằng lòng, Nguyễn-vương phải từ chối và tạ ơn người Bồ-đào-nha.

Đến khi được tin rằng đất Gia-định có thể lấy được, Vương bèn để thư lại từ tạ vua Tiêm-la, rồi nửa đêm đem vương-mẫu và cung-quyến xuống thuyền về nước. Bấy giờ là tháng bảy năm đinh-vị (1787).

Nguyễn-vương đi qua đảo Cổ-cốt có người nhà Thanh tên là Hà hỉ Văn 何喜文 thuộc về Thiên-địa-hội 天地會 đem mấy người đến xin theo giúp. Vương về đến Hà-tiên cho người đưa vương-mẫu và cung-quyến ra ở Phú-quốc, rồi cùng mọi người về đóng ở Long-xuyên.

Lúc bấy giờ Nguyễn-vương đi đến đâu, những người hào-kiệt ra theo rất nhiều lại có tướng Tây-sơn là Nguyễn văn Trương 阮文張 đem 300 quân, 15 chiếc thuyền ra hàng. Qua tháng 6, vương vào cửa Cần-giờ, quân-thế to lắm. Đông-định-vương Nguyễn Lữ khiếp sợ để quan thái-phó Phạm văn Tham 范文參 ở lại giữ thành Sài-gòn rồi lui về đóng ở Lạng-phụ, thuộc Biên-hòa.

Nguyễn-vương sai người trá làm một cái thư của Nguyễn Nhạc gửi cho Nguyễn Lữ, trong thư bảo phải giết Phạm văn Tham đi, rồi vương sai người giả tảng đưa lầm cho Phạm văn Tham. Phạm văn Tham bắt được cái thơ ấy sợ-hãi, lập tức về Lạng-phụ để phân-giải tình oan với Nguyễn Lữ, nhưng Nguyễn Lữ thấy tự-nhiên Phạm văn Tham kéo quân đến, lại có cờ trắng đi trước, tưởng là Văn Tham đã hàng nhà Nguyễn rồi, vội-vàng bỏ thành chạy về Qui-nhơn, được ít lâu thì mất.

Phạm văn Tham trở về giữ thành Gia - định đánh phá được quân nhà Nguyễn. Nguyễn-vương phải rút quân về miền Mỹ-tho, chỉ còn được 300 quân và vài mươi chiếc thuyền, thế-lực đã núng lắm. Nhưng nhờ có mộ thêm được mấy nghìn quân Cao-miên và lại có mấy toán quân Tây-sơn về hàng, cho nên quân-thế mới hơi vững.

www.songhuong.vn

Bấy giờ lại nhờ có Võ Tính 武性 là tướng giỏi ra giúp, cho nên Nguyễn-vương lại tiến lên đánh Nước-xoáy, Phạm văn Tham lùi về đóng ở Ba-thắc.

Võ Tính là người ở Biên-hòa, có người anh tên là Võ Nhân làm thuộc tướng Đỗ thanh Nhân 杜清仁. Sau Thanh Nhân bị giết, Võ Nhân tu quân Đông-sơn làm phản, đánh lại chúa Nguyễn, nhưng chẳng bao lâu cũng bị bắt, phải giết. Võ Tính mới đem dư-đảng Đông-sơn của anh về giữ Vườn-trầu (thuộc Gia-định), rồi sau lại về đóng ở Gò-công, xưng là Tổng-nhung, thủ-hạ có mấy vạn người, quân Tây-sơn đã bị đánh phá nhiều lần, thường nói rằng: «Trong bọn tam-hùng đất Gia-định, Võ Tính là anh-hùng bậc nhất, không nên phạm đến». Khi Nguyễn-vương ở Tiêm-la về có sai Nguyễn đức Xuyên 阮德川 đến dụ Võ Tính về giúp. Đến khi Nguyễn-vương về đóng ở Nước-xoáy, Võ Tính đem bộ-hạ đi đuổi đánh Phạm văn Tham, rồi đến tháng tư năm mậu-thân (1788) mới đem Võ văn Lượng 武文諒, Nguyễn văn Hiếu 阮文孝, Mạc văn Tô 莫文蘇, Trần văn Tín 陳文信 đến hành tại bái-kiến Nguyễn-vương. Nguyễn-vương mừng rỡ, phong cho làm Tiền-phong-dinh Chưởng-cơ và lại gả cho bà Ngọc-du công-chúa là em gái. Bọn Võ văn Lượng đều được phong làm cai-cơ.

Qua tháng 7 năm ấy (1788) Nguyễn-vương đem quân về đóng ở Ba-giồng, rồi sai Tôn thất Hội 尊室會 và Võ Tính đem binh vào đánh quan đốc-chiến Tây-sơn là Lê văn Minh 黎文明 ở đồn Ngũ-kiều 伍橋, đốt phá cả đồn trại, bắt được tướng-sĩ rất nhiều. Lại có tướng là Nguyễn văn Nghĩa 阮文義 phá được quân Tây-sơn ở Lộc-dã (tức là Đồng-nai). Tháng tám thì Nguyễn-vương vào thành Gia-định, chiêu-yên trăm họ, sửa-sang phép-tắc và phong thưởng cho các tướng-sĩ.

Bấy giờ quan thái-bảo Tây-sơn là Phạm văn Tham vẫn đóng ở Ba-thắc 巴戈; vương sai giữ các cửa bể không cho quân Tây-sơn chạy thoát, rồi sai Nguyễn văn Nhàn 阮文閑 sang Tiêm-la bảo tiệp; sai Nguyễn văn Nhân 阮文仁 và Trương phúc Giáo 張福教 ra Phú-quốc đón vương-mẫu và cung-quyến về Gia-định.

www.songhuong.vn

Sang năm kỷ-dậu (1789) Phạm văn Tham ở Ba-thắc đem binh xuống thuyền định ra bể về Qui-nhơn, nhưng Nguyễn vương đã sai Lê văn Câu (còn gọi Duân), Tôn thất Hội, Võ Tính, Nguyễn văn Trương hợp binh lại đánh ở Hỏ-châu, quân Phạm văn Tham không phá được vây, lại phải lui về Ba-thắc. Văn Tham chờ không thấy viện-binh, liệu thế giữ không nổi, bèn đem binh ra hàng, được ít lâu bị tội phải giết.

Từ đó toàn đất Gia-định thuộc về chúa Nguyễn cả.

3. NGUYỄN-VƯƠNG SỬA-SANG MỌI VIỆC Ở GIA-ĐỊNH. Nguyễn-vương thu-phục được đất Gia-định rồi, lập ra luật-pháp, không cho dân-gian đánh cờ bạc, lại nghiêm cấm phù-thủy và đồng-bóng để giữ phong-tục cho khỏi sự mê-hoặc.

Trước hết vương lo chỉnh-đốn những việc thuế-khóa, việc canh-nông, để lấy lương tiền nuôi tướng-sĩ và tu-bổ việc vũ-bị. Lại đặt ra các sở công-đồng để các quan văn võ hội-nghị mọi việc quốc-quân, và lo sự tiến binh đánh Tây-sơn.

4. VIỆC KHAI-KHẨN ĐIỀN-THỔ. Đất Gia-định lúc bấy giờ chia ra làm 4 doanh là: Phiên-trấn 藩鎮, Trấn-biên 鎮邊, Trấn-vĩnh 鎮永 và Trấn-định 鎮定, nhưng vì phải loạn lạc mãi, dân sự đói khổ, ruộng đất bỏ hoang, lương-thực không đủ. Nguyễn-vương bèn sai văn-thần là Trịnh hoài Đức 鄭懷德, Lê quang Định 黎光定, Ngô tùng Chu 吳從周, Hoàng minh Khánh 黃明慶 cả thảy là 12 người làm điền-tuấn-quan 田畯官 để khuyên-nhủ quân dân cố sức làm ruộng. Từ lính phủ binh cho đến người cùng-cố đều bắt phải làm ruộng cả. Hễ ai không chịu làm thì bắt phải làm lính để thay cho phủ binh.

Đến mùa lúa chín, thì cứ mỗi người cày ruộng đồng-bằng phải nộp 100 cơ (3), mà ai cày ruộng núi thì phải nộp 60 cơ trở lên. Ai nộp đủ lệ ấy, như phủ binh thì được miễn cho một năm không phải đi đánh giặc, mà dân đinh thì được

(3) Mỗi một cơ là 42 bát.

www.songhuong.vn

miễn cho một năm giao-dịch. Ai không nộp đủ thì không được dự vào lệ miễn ấy.

Lại mộ những dân ở các nơi đến làm ruộng, gọi là điền-tốt 田卒. Quan điền-tuấn lấy ruộng đất bỏ hoang cấp cho để cày cấy. Ai không có đủ trâu bò mà cày-bừa, thì quan cũng cấp cho, rồi đến mùa phải trả bằng thóc.

Nguyễn-vương lại phát trâu-bò và điền-khí cho quân dân, bắt đi khai-khẩn những nơi rừng núi để làm ruộng gọi là đồn-điền, rồi đến mùa lấy thóc để vào kho, gọi là đồn-điền khố 屯田庫.

Các quan văn-võ đều phải mộ người lập thành đội, gọi là đồn-điền đội 屯田隊 mỗi năm mỗi người phải nộp 6 hộc thóc. Còn dân mà ai mộ được 10 người trở lên, thì cho làm cai-trại và được trừ sưu-dịch.

Cách Nguyễn-vương khai-khẩn đất Gia-định thật là khôn-khéo, khiến cho đất Nam Việt trước là một chỗ đất bỏ hoang, không có người ở, mà sau thành ra một nơi rất đông người và rất trù-phú trong nước Nam ta. Ấy cũng là một cái công lớn của ông Nguyễn-phúc Ánh vậy.

5. VIỆC BUÔN-BÁN. Nguyễn-vương lập lệ: phàm những thuyền của khách mà có chở những đồ gang, sắt, kẽm và lưu-hoàng, thì quan mua để làm binh-khí, và cho cứ theo số hàng nhiều ít, được chở thóc gạo về nước. Bởi vậy những khách buôn-bán cũng vui lòng đem đồ hàng đến bán. Vương lại sai quan ở doanh Trấn-biên cứ theo giá chợ mà mua lấy đường cát để đổi cho những người Tây-dương mà lấy đồ binh-khí.

6. ÔNC BÁ-ĐA-LỘC VÀ HOÀNG-TỬ CẢNH Ở PHÁP VỀ. Từ mùa đông năm giáp-thìn (1784), ông Bá-đa-lộc đem Hoàng-tử Cảnh cùng với Phạm văn Nhân, Nguyễn văn Khiêm xuống tàu sang Tây; đi qua Ấn-độ-dương vào thành Phong-ti thê-ri (Pondichéry) đất Ấn-độ, ở lại gần 20 tháng, rồi đến mùa xuân năm đinh mùi (1787), thì chiếc tàu chở ông Bá-đa-lộc mới vào cửa Lorient ở phía tây nước Pháp-lan-tây.

www.songhuong.vn

Ông Bá-đa-lộc đưa Hoàng-tử Cảnh vào yết-kiết Pháp hoàng Louis XVI. Pháp-hoàng lấy vương-lễ tiếp-đãi Hoàng-tử, và giao cho thượng-thư Ngoại-giao-bộ là De Montmorin bá-tước, thương-nghị với ông Bá-đa-lộc việc sang giúp Nguyễn-vương.

Đến ngày 28 tháng 11 năm 1787 thì ông Bá-đa-lộc và De Montmorin bá-tước ký tờ giao-ước, đại-lược nói rằng:

1. Vua nước Pháp thuận giúp cho Nguyễn-vương 4 chiếc tàu chiến và một đạo binh: 1.200 lục quân, 200 pháo binh, 250 hắc binh ở Phi-châu (Cafres) và đủ các thứ súng-ống thuốc-đạn.

2. Vì vua nước Pháp có lòng giúp như thế, Nguyễn-vương phải nhường đứt cho nước Pháp cửa Hội-an (Faifo) và đảo Côn-lôn (Poulo-Condore).

3. Nguyễn-vương phải để cho người nước Pháp ra vào buôn-bán tự-do ở trong nước, ngoại giả không cho người nước nào ở Âu-châu sang buôn-bán ở nước Nam nữa.

4. Khi nào nước Pháp có cần đến lính thủy, lính bộ, lương-thực, tàu-bè ở phương đông, thì Nguyễn-vương phải ứng biện cho đủ giúp nước Pháp.

5. Khi Nguyễn-vương đã khôi-phục được nước rồi, thì phải cứ mỗi năm làm một chiếc tàu, y như tàu của nước Pháp đã cho sang giúp, để đem sang trả cho Pháp-hoàng (4).

Tờ giao-ước ký xong rồi, Pháp-hoàng xuống chiếu giao cho quan tổng-trấn thành Pondichéry ở đất Ấn-độ, tên là De Conway bá-tước, kinh-lý việc sang giúp Nguyễn-vương.

Ngày mồng 8 tháng chạp tây, năm 1787, ông Bá-đa-lộc vào bái tạ Pháp hoàng Louis XVI, rồi đem hoàng-tử Cảnh xuống tàu về nước Nam. Nhưng đến khi sang tới thành Pondichéry, vì De Conway bá-tước có chuyện bất hoà với ông Bá-đa-lộc, cho nên bá-tước mới tìm cách ngăn-trở việc giúp Nguyễn-vương, rồi làm sớ về tâu Pháp-hoàng xin bãi việc ấy đi, lấy cớ

---

(4) Tờ giao-ước này hiện còn ở Ngoại-giao-bộ ở Paris, và đã biên rõ ở sách ông Gosselin.

www.songhuong.vn

rằng sự đem binh sang cứu-viện Nguyễn-vương là việc rất khó mà không có lợi gì.

Pháp-đình thấy sớ của De Conway bá-tước nói như vậy cũng lấy làm nản ; vả lại lúc bấy giờ chính-phủ còn đang bối rối về việc trong nước dân cách-mệnh đã rục-rịch cả mọi nơi, cho nên bỏ việc ấy không nói đến nữa.

Ấy cũng vì có De Conway bá-tước, cho nên việc sang cứu-viện Nguyễn-vương không thành, bởi vậy sau ông Faure chép truyện ông Bá-đa-lộc, có tiếc rằng : « Ví bằng lúc bấy giờ chính-phủ nước Pháp mà sẵn lòng giúp ông Bá-đa-lộc, thì có lẽ ông ấy đã lập nên cho nước Pháp thành cuộc bảo-hộ ở An-nam ngay từ cuối đời thập-bát thế-kỷ, khiến cho về sau khỏi phải dùng đến sự chiến-tranh mới xong công-việc ».

Ông Bá-đa-lộc thấy De Conway bá-tước không chịu xuất binh-thuyền, bèn đứng lên đi mộ người, mua tàu và súng-ống khí-giới để đem sang giúp Nguyễn-vương.

Đến tháng 6 năm kỷ-dậu (1789), ông Bá-đa-lộc và hoàng-tử Cảnh đi chiếc tàu chiến Méduse về đến Gia-định. Các tàu buôn chở súng-ống thuốc-đạn cũng lục-tục sang sau.

Bấy giờ những người Pháp tên là Chaigneau (Nguyễn văn Thắng), tức là chúa tàu Long, Vannier, (Nguyễn văn Chấn), tức là chúa tàu Phụng, De Forçant (Lê văn Lăng), Victor Ollivier (ông Tín), Dayot v.v. cả thảy đến non 20 người theo ông Bá-đa-lộc sang giúp Nguyễn-vương ; vương phong quan-tước cho cả mọi người để luyện-tập quân-sĩ, làm tàu, đúc súng, và chỉnh-đốn mọi việc vũ-bị.

Từ đó, thế-lực của Nguyễn-vương mỗi ngày một mạnh, tướng-tá mỗi ngày một đông, lương-thực nhiều, quân-sĩ giỏi, việc đánh phá Tây-sơn đã chắc lắm rồi.

Tháng tư năm tân-hợi (1791), bà thứ-phi sinh ra hoàng-tử thứ tư tên là Đảm 儋, tức là vua Thánh-tổ, ở làng Tân-lộc, gần Sài-gòn bây giờ. Đến tháng ba năm quí-sửu (1793), thì vương lập hoàng-tử Cảnh làm Đông-cung, phong chức nguyên-súy, lĩnh tả-quân-doanh.

www.songhuong.vn

7. NGUYỄN-VƯƠNG ĐÁNH QUI-NHƠN LẦN THỨ NHẤT. Nguyễn-vương đã khôi-phục được đất Gia-định rồi, nghỉ-ngơi hơn một năm để chỉnh-đốn mọi việc. Đến tháng tư năm canh-tuất (1790) mới sai quan chưởng-tiền quân là Lê văn Câu 黎文勾 đem 5.000 quân thủy và quân bộ ra đánh lấy Bình-thuận, sai Võ Tính 武性 và Nguyễn văn Thành 阮文誠 đem quân đi làm tiên-phong. Chẳng bao lâu nhà Nguyễn lấy được đất Phan-ri và hạ được thành Bình-thuận. Nhưng vì Lê văn Câu và Võ Tính hai người không chịu nhau, Nguyễn-vương bèn lưu Lê văn Câu ở lại giữ Phan-ri, triệu Võ Tính và Nguyễn văn Thành về Gia-định. Lê văn Câu đem quân ra đóng ở Phan-rang bị quân Tây-sơn đến vây đánh, phải cho người đi gọi Võ Tính và Nguyễn văn Thành trở lại cứu, nhưng Võ Tính không chịu trở lại, chỉ có Nguyễn văn Thành đưa binh đến đánh giải vây rồi cùng Lê văn Câu về giữ Phan-rí.

Lê văn Câu lấy điều bại binh ấy làm thẹn, xưng bệnh không ra coi việc binh nữa. Đến khi về Gia-định nghị tội phải cách hết chức-tước, Lê văn Câu uống thuốc độc tự-tử (5).

Quân nhà Nguyễn ra đánh Tây-sơn lần ấy không lợi; vả bấy giờ là mùa tháng 7, gió bắc thổi mạnh, cho nên Nguyễn-vương truyền rút quân về Gia-định để đợi mùa gió thuận thì mới đem quân đi đánh nhau, cho nên người đời bấy giờ gọi là *giặc mùa*.

Năm nhâm-tí (1792) tháng ba, nhân khi mùa gió nam thổi mạnh, Nguyễn-vương sai tướng là Nguyễn văn Trương cùng với Nguyễn văn Thành, Dayot và Vannier (Nguyễn văn Chấn) đem chiến-thuyền từ cửa Cần-giờ ra đốt phá thủy-trại của Tây-sơn ở cửa Thị-nại (cửa Qui-nhơn) rồi lại về.

Tháng ba năm quí-sửu (1793) Nguyễn-vương để Đông-cung ở lại giữ đất Gia-định, sai Tôn-thất Hội cùng Nguyễn huỳnh Đức và Nguyễn văn Thành đem bộ binh ra đánh Phan-rí. Nguyễn-vương cùng với Nguyễn văn Trương và Võ

---

(5) Lê văn Câu là một người công-thần đã theo phò Nguyễn-chúa trong lúc gian-nan, nay cũng bất đắc kỳ tử.

www.songhuong.vn

Tính đem thủy sư đi đánh mặt bể. Đến tháng năm thì chiến-thuyền của Nguyễn-vương vào cửa bể Nha-trang rồi lên đánh lấy phủ Diên-khánh và phủ Bình-khang, sau lại ra đánh lấy phủ Phú-yên.

Mặt thủy, Nguyễn-vương được toàn thắng, còn mặt bộ, thì Tôn-thất Hội chỉ lấy được phủ Bình-thuận mà thôi. Vương bèn sai người đưa thư giục Tôn-thất Hội phải kíp tiến binh lên hội với thủy-sư, để hai mặt cùng ra đánh Qui-nhơn.

Khi quân của Nguyễn-vương vào cửa Thị-nại, vua Tây-sơn là Nguyễn Nhạc sai thái-tử là Nguyễn Bảo 阮寶 đem binh ra chống giữ. Nguyễn-vương bèn mật sai Võ Tính đem binh lên đi hội với toán quân Tôn-thất Hội và Nguyễn văn Thành để đánh tập hậu. Quân của Nguyễn Bảo bị hai mặt đánh lại, chống không nổi, phải bỏ chạy về Qui-nhơn. Từ đó quân thủy và quân bộ của Nguyễn-vương tương thông được với nhau. Vương bèn sai Tôn-thất Hội, Võ Tính, Nguyễn huỳnh Đức, Nguyễn văn Thành đem binh tiến lên đánh thành Qui-nhơn.

Nguyễn Nhạc phải sai người ra cầu cứu ở Phú-xuân.

Bấy giờ vua Quang-trung đã mất rồi, vua Cảnh-thịnh, tức là Nguyễn quang Toản, sai quan thái-úy là Phạm công Hưng 范公興, quan hộ-giá là Nguyễn văn Huấn 阮文訓, quan đại-tư-lệ là Lê Trung 黎忠 và quan đại-tư-mã là Ngô văn Sở 吳文楚 đem 17.000 bộ binh và 80 con voi đi đường bộ, và sai quan đại-thống-lĩnh là Đặng văn Chân 鄧文真 đem hơn 30 chiếc thuyền đi đường bể, cả hai đạo cùng tiến vào cứu Qui-nhơn.

Nguyễn-vương thấy viện binh đã đến, liệu thế chống không nổi, rút quân về Diên-khánh (tức là Khánh-hòa bây giờ) rồi về Gia-định. Để Nguyễn văn Thành 阮文誠 ở lại giữ Diên-khánh, Nguyễn huỳnh Đức 阮黃德 ở lại giữ Bình-thuận.

Đến tháng 11, Nguyễn-vương lại sai Đông cung Cảnh và ông Bá-đa-lộc, Phạm văn Nhân, Tống phúc Khê ra giữ thành Diên-khánh.

8. THẾ-LỰC TÂY-SƠN. Bọn Phạm công Hưng giải được vây rồi, kéo quân vào thành Qui-nhơn, chiếm giữ lấy thành-trì và tịch biên cả các kho tàng.

www.songhuong.vn

Nguyễn Nhạc thấy vậy, tức giận đến nỗi thổ huyết ra mà chết. Ông làm vua được 16 năm.

Vua Cảnh-thịnh ở Phú-xuân thấy Nguyễn Nhạc mất rồi, phong cho Nguyễn Bảo làm Hiến-công, cho ăn lộc một huyện, gọi là *tiểu triều* 小朝 rồi để Lê Trung và Nguyễn văn Huấn ở lại giữ thành Qui-nhơn.

Từ đó các tướng Tây-sơn mới hoạt-động hơn trước. Tháng ba năm giáp-dần (1794) Nguyễn văn Hưng đem bộ binh vào đánh Phú-yên, và Trần quang Diệu vào vây thành Diên-khánh.

Đông-cung Cảnh cho người về Gia-định cầu viện, Nguyễn-vương bèn đem đại binh đến đánh giải vây. Trần quang Diệu rút quân về.

Nguyễn-vương thấy thế Tây-sơn còn mạnh và lại đến mùa gió bắc, cho nên vương đem Đông-cung về Gia-định; để Võ Tính ở lại giữ thành Diên-khánh.

Tháng giêng năm ất-mão (1795) Trần quang Diệu lại đem quân vào đánh Diên-khánh, Võ Tính hết sức chống giữ, Quang Diệu đánh mãi không được. Đến tháng hai, Nguyễn-vương để Đông-cung ở lại giữ Gia-định, đem thủy-sư ra cứu Diên-khánh.

Trong khi hai bên còn đang chống giữ nhau ở đất Diên-khánh, thì ở Phú-xuân các quan đại-thần nhà Tây-sơn giết hại lẫn nhau, gây thành mối loạn.

Nguyên từ khi vua Quang-trung mất rồi, vua Cảnh-thịnh lên ngôi, nhưng quyền về cả Thái-sư Bùi đắc Tuyên, các quan có nhiều người oán-giận. Năm ất-mão (1795) Bùi đắc Tuyên sai Ngô văn Sở ra Bắc-hà thay cho Vũ văn Dũng. Văn Dũng về Phú-xuân, đi đến trạm Hoàng-giang (6) gặp quan trung-thư lệnh là Trần văn Kỷ 陳文紀 phải tội đày ra ở đấy. Văn Kỷ nhân đang căm-tức Bùi đắc Tuyên, bèn xui Vũ văn Dũng rằng: «Thái-sư ngôi trùm cả nhân-thần, cho ai sống được

---

(6) Có nơi chép là trạm Hán-xuyên.

www.songhuong.vn

sống, bắt ai chết phải chết; nếu mà không sớm trừ đi, thì rồi có chuyện bất lợi cho nhà nước. Ông nên liệu sớm đi».

Vũ văn Dũng xưa nay vẫn tin trọng Văn Kỷ, nay thấy nói như vậy, bèn nghe lời ấy, về mưu với Phạm công Hưng và Nguyễn văn Huấn, lừa đến đêm đem quân vây nhà Bùi đắc Tuyên bắt bỏ ngục, rồi sai Nguyễn văn Huấn vào Qui-nhơn bắt con Đắc Tuyên là Bùi đắc Trụ 裴得宙, và cho người đưa thư ra Bắc-hà truyền cho quan Tiết-chế là Nguyễn quang Thùy 阮光垂 (em Nguyễn quang Toản) bắt giải Ngô văn Sở về Phú-xuân.

Bọn Vũ văn Dũng bèn đặt chuyện ra vu cho những người ấy làm phản, đem dìm xuống sông giết đi. Vua Cảnh-thịnh không sao ngăn giữ được, chỉ gạt nước mắt khóc thầm mà thôi.

Lúc bấy giờ Trần quang Diệu đang vây thành Diên-khánh, nghe tin ấy, thất kinh, nói với các tướng rằng: «Chúa-thượng không phải là người cứng-cỏi, để cho đại thần giết lẫn nhau. Nếu trong mà không yên, thì ngoài đánh người ta thế nào được?».

Quang Diệu bèn giải vây rút quân về. Khi về đến Qui-nhơn, Nguyễn văn Huấn đến tạ tội trước. Trần quang Diệu không hỏi đến, rồi dẫn quân về đến làng An-cựu đóng bên bờ sông mé nam.

Vũ văn Dũng cùng với nội hầu Tứ 賜 cũng đem quân bản-bộ ra đóng ở mé bắc bờ sông, ỷ mệnh vua ra cự nhau với Trần quang Diệu.

Vua Cảnh-thịnh sợ-hãi sai quan ra khuyên-giải cả hai bên, Trần quang Diệu mới đem các tướng vào chầu, rồi cùng với bọn Vũ văn Dũng giảng hòa.

Từ đó Trần quang Diệu 陳光耀 làm thiếu-phó, Nguyễn văn Huấn làm thiếu-bảo, Vũ văn Dũng 武文勇 làm đại-tư-đồ, Nguyễn văn Danh 阮文名 (hay là Nguyễn văn Tứ 阮文賜) làm đại-tư-mã, gọi là tứ trụ đại-thần. Nhưng chẳng được bao lâu có người gièm-pha, Trần quang Diệu bị thu hết cả binh-quyền, chỉ được giữ chức tại triều mà thôi. Thế-

www.songhuong.vn

lực Tây-sơn từ đấy về sau mỗi ngày một kém : trên vua thì còn nhỏ-dại, không có đủ uy-quyền để sai-khiến các quan, dưới tướng-tá thì vì lòng ghen-ghét rồi cứ tìm cách mà giết hại lẫn nhau. Bởi vậy cho nên đến khi quân Nguyễn-vương ở Nam ra đánh, chẳng phải mất bao nhiêu công-phu mà lập nên công lớn vậy.

9. NGUYỄN-VƯƠNG ĐÁNH QUI-NHƠN LẦN THỨ HAI. Từ khi quân của Trần quang Diệu giải vây Diên-khánh về Phú-xuân rồi, Nguyễn-vương cũng rút quân về Gia-định sửa-soạn việc quân-lương, và sai người đi do-thám mọi nơi để chiêu-mộ người về đánh Tây-sơn.

Đến năm đinh-tị (1797) Nguyễn-vương để Tôn-thất Hội ở lại giữ Gia-định, rồi cùng Đông-cung Cảnh đem binh-thuyền ra đánh Qui-nhơn. Lại sai Nguyễn văn Thành và Võ Tính ra đánh Phú-yên.

Quân thủy của Nguyễn-vương ra đến Qui-nhơn, thấy Tây-sơn đã phòng bị, liệu đánh không đổ được, Nguyễn-vương bèn ra đánh Quảng-nam. Được vài tháng quân-nhu không đủ, lại phải đem quân về Gia-định, sai Nguyễn văn Thành 阮文誠 và Đặng trần Thường 鄧陳常 ở lại giữ thành Diên-khánh.

10. NGUYỄN-VƯƠNG ĐÁNH QUI-NHƠN LẦN THỨ BA. Nguyễn-vương về Gia-định rồi, một mặt sai Nguyễn văn Thụy 阮文瑞 sang Tiêm-la xin với quốc-vương nước ấy đem quân đi đường Vạn-tượng, hoặc sang đánh Thuận-hóa, hoặc sang đánh Nghệ-an, để chặn đường quân ở Bắc-hà vào. Một mặt sai quan binh-bộ tham-tri là Ngô nhân Tĩnh 吳仁靜 sang sứ nhà Thanh, để do-thám mọi việc.

Năm mậu-ngọ (1798) Tiểu-triều là Nguyễn Bảo căm-tức vua Cảnh-thịnh là Nguyễn quang Toản chiếm giữ mất đất Qui-nhơn, bèn định bỏ về hàng Nguyễn-triều. Vua Cảnh-thịnh biết mưu ấy, sai tướng vào bắt Nguyễn Bảo đưa về dìm xuống sông giết đi.

www.songhuong.vn

Lại có người nói gièm rằng việc Tiểu-triều làm phản là tại quan trấn thủ Lê Trung. Vua Cảng-thịnh triệu Lê Trung về Phú-xuân, sai võ-sĩ bắt chém đi. Được ít lâu quan thiếu-phó Nguyễn văn Huấn cũng bị giết. Từ đó tướng-sĩ Tây-sơn ai cũng nản lòng, có nhiều người bỏ theo về Nguyễn-vương.

Bấy giờ có người con rể Lê Trung là Lê Chất 黎質 vốn là người đánh trận giỏi có tiếng, quan làm đến chức đại-đô-đốc ; đến khi thấy vua Tây-sơn hay nghi-kỵ mà giết hại các công-thần như vậy, bèn bỏ trốn sang hàng nhà Nguyễn. Nguyễn-vương trọng dụng cho làm chức tướng-quân.

Nguyễn-vương thấy thế Tây-sơn đã suy-nhược, đến tháng ba năm kỷ-vị (1799) bèn cử đại binh ra đánh Qui-nhơn. Đến tháng tư thủy-quân của Nguyễn-vương vào cửa Thị-nại, rồi Nguyễn-vương sai quan hậu-quân Võ Tính, hữu-quân Nguyễn huỳnh Đức đem quân lên bộ đóng ở Trúc-khê 竹溪. Ngay lúc bấy giờ quan Khâm-sai tiền-quân chưởng-cơ Nguyễn văn Thành đem bộ binh ra đánh lấy Phú-yên, rồi tiến quân lên tiếp ứng cho toán quân Võ-Tính.

Đến tháng năm, thì quân của Nguyễn-vương đến vây thành Qui-nhơn. Ở Phú-xuân sai Trần quang Diệu và Vũ văn Dũng đem binh vào cứu. Nhưng mà vào đến Quảng-nghĩa gặp quân của Nguyễn văn Thành giữ ở Thạch-tân 石津, cho nên không cứu được Qui-nhơn.

Sử chép rằng khi đạo quân của Vũ văn Dũng vào đến Chung-xá 終舍, đóng lại ở đấy, đến đêm có con nai ở trong rừng chạy ra, có người trông thấy kêu to lên rằng : *Con nai !* Quân Tây-sơn nghe lầm là *quân Đồng-nai !* Mọi người luống cuống bỏ chạy. Các quân đội Tây-sơn tưởng là quân nhà Nguyễn đã đến vây đánh, đều vỡ tan cả. Quân nhà Nguyễn thừa thế đánh đuổi, thành ra quân Tây-sơn thua to.

Quan trấn-thủ Qui-nhơn là Lê văn Thanh 黎文清 không thấy viện binh đến, mà lương-thực ở trong thành thì hết cả, bèn cùng các tướng mở cửa ra hàng. Nguyễn-vương đem quân vào thành rồi đổi tên Qui-nhơn gọi là Bình-định.

www.songhuong.vn

Vua Tây-sơn được tin Qui-nhơn thất thủ, liền cử đại binh vào đóng ở Trà-khúc 茶曲 (thuộc Quảng-nghĩa) để đốc các tướng tiến binh đánh quân nhà Nguyễn. Nhưng vì phải độ trái mùa gió, thủy-chiến không tiện, cho nên các quan đều can xin rút quân về. Vua Cảnh-thịnh bèn sai Nguyễn văn Giáp 阮文甲 ở lại giữ Trà-khúc, sai Trần quang Diệu và Vũ văn Dũng giữ Quảng-nam.

Nguyễn-vương cũng đem quân về Gia-định, để Võ Tính 武性 và Ngô Tòng Chu 吳從周 ở lại giữ thành Bình-định. Năm ấy (1799) ông Bá-đa-lộc 百多祿 đi tòng chinh, mất ở cửa Thị-nại. Nguyễn-vương đem về hậu táng ở Gia-định, tặng phong làm Thái-tử thái-phó Bi-nhu quận-công 太子太傅悲柔郡公.

11. QUÂN TÂY-SƠN VÂY THÀNH BÌNH-ĐỊNH. Khi quân nhà Nguyễn ra vây đánh thành Qui-nhơn, vua Tây-sơn sai Trần quang Diệu và Vũ văn Dũng đem binh vào cứu, nhưng vì quân của Văn Dũng không đánh mà tan, đến nỗi bại binh. Việc ấy là tội Văn Dũng, nhưng nhờ có Quang Diệu giấu đi, cho nên không ai biết. Văn Dũng cảm ơn ấy, cho nên mới kết nghĩa sinh tử với Quang Diệu.

Bấy giờ ở Phú-xuân có nhiều người ghét Quang Diệu, nhân-dịp ấy mà đổ tội cho Quang Diệu, bèn tâu vua xin sai người đưa mật thư ra cho Vũ văn Dũng để giết Quang Diệu. Vũ văn Dũng tiếp được thư ấy đưa cho Trần quang Diệu xem. Trần quang Diệu sợ-hãi, lập tức đem quân về Phú-xuân, đóng ở mé nam sông Hương-giang, nói rằng về bắt những người loạn thần. Vua Tây-sơn sai người ra giảng hòa. Không ai dám đi, sau phải bắt mấy người nộp cho Quang Diệu. Quang Diệu mới vào chầu. Vua Cảnh-thịnh cũng tìm lời giảng-dụ, khuyên phải hết sức giúp-đỡ nhà nước.

Quang Diệu khóc lạy rồi xin cùng Văn Dũng đem thủy-bộ quân vào lấy lại thành Qui-nhơn.

Đến tháng giêng năm canh-thân (1800), quân của Trần quang Diệu và Vũ văn Dũng tiến đến gần thành Qui-nhơn Võ Tính giữ vững, không ra đánh. Quang Diệu sai đắp lũy chung quanh thành và chia quân ra vây bốn mặt. Văn Dũng

www.songhuong.vn

thì đem hai chiếc tàu lớn và hơn 100 chiến-thuyền ra đóng giữ cửa Thị-nại, xây đồn và đặt súng đại-bác ở hai bên cửa bể, để phòng ngự thủy quân của nhà Nguyễn.

Nguyễn-vương được tin quân Tây-sơn ra vây thành Bình-định, liền cử đại binh ra cứu viện, sai Nguyễn văn Thành đem Lê Chất, Nguyễn đình Đắc, Trương tiến Bảo, chia ra làm ba đạo ra đánh lấy đồn Hội-an ở Phú-yên, rồi kéo ra đánh ở Thị-dã 梓野 (thuộc Bình-định). Nguyễn-vương đem thủy-binh ra đến Qui-nhơn đóng thuyền ở ngoài cửa Thị-nại. Bấy giờ quân bộ của Nguyễn văn Thành và quân thủy của Nguyễn-vương không thông được với nhau, cho nên sự cứu-viện không có công-hiệu gì cả.

Đến tháng giêng năm tân-dậu (1801), Nguyễn-vương sai Nguyễn văn Trương 阮文張, Tống phúc Lương 宋福梁 đem quân tiền-đạo đến đánh đồn thủy của Tây-sơn, và sai Lê văn Duyệt 黎文悅, Vũ di Nguy 武彝巍 đem thủy quân vào đánh cửa Thị-nại. Vũ di Nguy trúng đạn chết, còn Lê văn Duyệt ra sức xông đột, đốt được cả tàu và thuyền của Tây-sơn.

Tướng Tây-sơn là Vũ văn Dũng phải bỏ cửa Thị-nai đem binh về hợp với Trần quang Diệu để phòng giữ mọi nơi.

Nguyễn-vương lấy được cửa Thị-nại rồi, cho người đưa tin về Gia-định báo cho tướng-sĩ các nơi đều biết.

Năm ấy Đông-cung Cảnh lên đậu, mất ở Gia-định, thọ được 22 tuổi. Được một tháng hoàng-tử thứ hai tên là Hi 曦 cũng mất ở Diên-khánh, đem về táng ở Gia-định.

12. NGUYỄN-VƯƠNG THU-PHỤC PHÚ-XUÂN. Nguyễn-vương đánh được trận thủy ở Thị-nại rồi, bèn sai Nguyễn văn Trương đem Thủy-quân ra đánh Quảng-nam, Quảng-nghĩa, và lại thấy quân Tây-sơn vây thành Qui-nhơn một cách cẩn-mật lắm, đánh phá không được. Vương cho người lẻn vào thành bảo Võ Tính và Ngô tòng Chu bỏ thành mà ra. Nhưng Võ Tính phúc thư lại rằng: quân tinh binh của Tây-sơn ở cả Qui-nhơn, vậy xin đừng lo việc giải vây vội, hãy nên kíp ra đánh lấy Phú-xuân thì hơn.

www.songhuong.vn

Nguyễn-vương bèn để Nguyễn văn Thành ở lại chống giữ với Trần quang Diệu và Vũ văn Dũng, rồi đem đại quân ra đánh Phú-xuân.

Bấy giờ nhà Tây-sơn cũng bối-rối lắm : ở Nghệ-an thì có tướng nhà Nguyễn là Nguyễn văn Thụy 阮文瑞 và Lưu phúc Tường 劉福祥 đem quân Vạn-tượng sang đánh phá ; ở Thanh-hóa thì có phiên-thần là Hà công Thái 何功泰 khởi binh giúp nhà Nguyễn ; ở Hưng-hóa thì có thổ-ti là Phan bá Phụng 潘伯奉 nổi lên quấy-nhiễu. Còn các trấn ở Bắc-hà thì rối vì những việc tông-giáo ; các đạo-trưởng và đạo-đồ đạo Thiên-chúa cũng nổi lên, có ý giúp nhà Nguyễn ; dân-tình thì bị quan quân nhũng-lạm hà-hiếp, ai ai cũng có lòng oán giận. Ở Phú-xuân, vua thì hèn, các quan đại-thần thì cứ ghen-ghét nhau rồi tìm kế giết-hại lẫn nhau, việc chính-trị không sửa-sang gì cả. Bởi vậy nhân-dân đều mong mỏi chúa Nguyễn, cho nên có câu hát rằng : «Lạy trời cho chóng gió nồm, để cho chúa Nguyễn giong buồm thẳng ra».

Nguyễn-vương thấy lòng người đã không theo Tây-sơn nữa, bèn đem binh ra đánh Phú-xuân, đến tháng năm (1801), thủy-sư vào cửa Tư-dung. Tướng Tây-sơn là phò-mã Nguyễn văn Trị 阮文治 đem quân ra lập đồn giữ ở núi Qui-sơn. Tiền-quân nhà Nguyễn đánh không được. Nguyễn-vương sai Lê văn Duyệt và Lê Chất đem thủy binh ra đánh tập hậu. Nguyễn văn Trị bỏ đồn mà chạy. Quân Nguyễn-vương vào cửa Nguyễn-hải (cửa Thuận-an) rồi kéo lên đánh thành Phú-xuân. Vua Tây-sơn phải ngự giá đem quân ra chống giữ, hai bên đánh nhau đến giữa trưa, thì quân Tây-sơn vỡ tan. Quân Nguyễn-vương tiến lên đuổi đánh, thu-phục được đô-thành. Bấy giờ là ngày mồng 3 tháng 5 năm tân-dậu (1801).

Nguyễn-vương vào thành Phú-xuân treo biển yên dân, rồi sai Lê Chất đem bộ binh đuổi đánh quân Tây-sơn, sai Nguyễn văn Trương đem thủy binh ra chặn ở Linh-giang, để đánh quân Tây-sơn chạy ra Bắc. Lại sai Phạm văn Nhân ra giữ cửa Nguyễn-hải, sai Lưu phúc Tường đem quân đi đường

www.songhuong.vn

Cam-lộ sang Vạn-tượng truyền bảo các Mường giữ đường yếu-lộ không cho quân Tây-sơn chạy tràn sang.

13. VÕ TÍNH TỬ TIẾT. Trần quang Diệu và Vũ văn Dũng đang vây đánh thành Qui-nhơn, được tin Phú-xuân thất thủ, liền sai tướng đem quân ra cứu, nhưng ra đến Quảng-nam, gặp quân của Lê văn Duyệt kéo vào đánh chặn đường, Quân Tây-sơn phải lùi trở lại. Từ đó Trần quang Diệu ngày đêm hết sức đốc quân đánh thành. Quân Nguyễn-vương ở trong thành hết cả lương-thực, không thể chống giữ được nữa, quan trấn-thủ là Võ Tính 武性 bèn viết thư sai người đưa ra cho Trần quang Diệu nói rằng: «Phận-sự ta làm chủ tướng, thì đành liều chết ở dưới cờ. Còn các tướng-sĩ không có tội gì, không nên giết hại».

Đoạn rồi sai người lấy rơm cỏ chất ở dưới lầu Bát-giác, đổ thuốc súng vào tự đốt mà chết. Quan hiệp-trấn là Ngô tòng Chu 吳從周 cũng uống thuốc độc tự-tử.

Trần quang Diệu vào thành Qui-nhơn tha cho cả bọn tướng-sĩ và sai làm lễ liệm táng Võ Tính và Ngô tòng Chu, rồi sai đại-đô-đốc Trương phúc Phượng 張福鳳 và tư-khấu Định, đem binh đi đường thượng đạo ra đánh Phú-xuân. Đi được nửa đường thì quân hết lương. Trương phúc Phượng về hàng nhà Nguyễn, còn tư-khấu Định thì đánh thua chạy vào chết ở trong Mường. Trần quang Diệu lại sai Lê văn Điềm vào đánh Phú-yên, cũng không được.

Bấy giờ Trần quang Diệu tuy đã lấy được thành Qui-nhơn, nhưng một mặt thì có quân của Lê văn Duyệt và Lê Chất ở Quảng-nam, Quảng-nghĩa đánh vào, một mặt thì quân của Nguyễn văn Thành ở cửa Thị-nại đánh lên, còn ở phía nam lại có quân của Tống viết Phúc và Nguyễn văn Tính ở Phú-yên đánh ra. Ba mặt thụ địch, quân Tây-sơn phải hết sức chống giữ, để chờ quân ở Bắc-hà vào cứu-viện.

11. TRẬN TRẤN-NINH. Từ khi thất-thủ Phú-xuân, vua Cảnh-thịnh ngày đêm kíp ra Bắc-hà, đổi niên-hiệu là Bảo-hưng 寶興 và truyền hịch đi các trấn để lấy viện binh,

www.songhuong.vn

rồi sai em là Nguyễn quang Thùy 阮光垂 đem binh - mã vào giữ Nghệ - an. Đến tháng 11, vua Tây-sơn đem quân 4 trấn ở xứ Bắc và quân Thanh-hóa, Nghệ-an, cả thảy được non 3 vạn người, sang sông Linh-giang. Lại sai tướng đem hơn 100 chiếc chiến-thuyền vào giữ cửa Nhật-lệ. Bấy giờ có vợ Trần quang Diệu là Bùi thị Xuân 裴氏春 cũng đem 5.000 thủ-hạ đi tòng chinh.

Quan Chưởng - trung - quân Bình - tây đại - tướng - quân Nguyễn văn Trương 阮文張, cùng với Tống phúc Lương 宋福樑, Đặng trần Thường 鄧陳常 giữ ở Linh-giang, thấy quân Tây-sơn thế mạnh phải lui về giữ Đồng-hới. Nguyễn-vương được tin ấy, liền thân chinh đem đại binh ra tiếp ứng, sai Phạm văn Nhân và Đặng trần Thường đem quân ra giữ mặt bộ, sai Nguyễn văn Trương ra giữ mặt bể.

Tháng giêng năm nhâm-tuất (1802), vua Tây-sơn sai Nguyễn quang Thùy tiến quân lên đánh lũy Trấn-ninh; đánh mãi không đổ. Vua Tây-sơn đã toan rút quân về, nhưng Bùi thị Xuân không chịu, xin cho ra đốc quân đánh trận. Đánh từ sáng sớm đến chiều tối, chưa bên nào được thua. Bỗng có tin rằng thủy-quân của Tây-sơn ở cửa Nhật-lệ (cửa Đồng-hới) đã bị Nguyễn văn Trương phá tan cả, Quân Tây-sơn khiếp-sợ bỏ chạy, tướng là Nguyễn văn Kiên 阮文堅 về hàng nhà Nguyễn.

Vua Tây-sơn đem tàn quân chạy về Bắc, để Nguyễn văn Thận 阮文愼 ở lại giữ Nghệ-an.

Nguyễn - vương phá được quân Tây-sơn ở thành Trấn ninh rồi đem quân về Phú-xuân, để trung-quân Nguyễn văn Trương giữ Đồng-hới, để Tống phúc Lương và Đặng trần Thường giữ Linh-giang.

Trần quang Diệu và Vũ văn Dũng ở Qui-nhơn được tin quân Tây-sơn thua ở Trấn-ninh, liệu chống không nổi, bèn đến tháng 3 năm nhâm-tuất (1802) bỏ thành Qui-nhơn, đem binh tượng đi đường thượng đạo qua Ai-lao ra Nghệ-an, để hội với vua Tây-sơn mà lo sự chống giữ.

www.songhuong.vn

15. NGUYỄN-VƯƠNG LÊN NGÔI TÔN. Nguyễn-vương từ khi khởi binh ở Gia-định tuy đã xưng vương, nhưng vẫn theo các chúa đời trước không đặt niên-hiệu. Đến nay khôi-phục được Phú-xuân, thanh-thế lừng-lẫy, bắc phá đại quân của Tây-sơn, nam lấy lại thành Qui-nhơn; đất An-nam bấy giờ từ sông Linh-giang vào đến Gia-định lại thuộc về nhà Nguyễn như trước. Các quan thân-thuộc đều xin Nguyễn-vương đặt niên-hiệu và lên ngôi tôn.

Tháng 5 năm nhâm-tuất (1802) ngài lập đàn tế cáo trời đất, rồi thiết triều để các quan chầu mừng, và đặt niên-hiệu là Gia-long nguyên niên 嘉隆元年.

16. QUÂN NAM RA LẤY BẮC-HÀ. Nguyễn-vương đã lên ngôi làm vua rồi, sai Trịnh hoài Đức 鄭懷德 và Ngô nhân Tĩnh 吳仁靜 đem các đồ phẩm-vật và những ấn-sách của nhà Thanh phong cho Tây-sơn sang nộp Thanh-triều và xin phong. Ngài lại định ngự giá đi đánh Bắc-hà, bèn sai Nguyễn văn Trương lĩnh thủy-binh, Lê văn Duyệt và Lê Chất lĩnh bộ binh, hai mặt thủy-bộ cùng tiến.

Tháng 6, thì quân bộ sang sông Linh-giang tiến lên đóng ở Hà-trung, quân thủy vào cửa Hội-thống rồi lên đánh phá các đồn lũy của Tây-sơn. Quan trấn-thủ Nghệ-an là Nguyễn văn Thận bỏ thành chạy ra giữ đồn Tiền-lý ở Diễn-châu.

Bấy giờ Trần quang Diệu đi đường Ai-lao ra đến châu Qui-hợp, xuống huyện Hương-sơn thấy quân nhà Nguyễn đã lấy được Nghệ-an rồi, bèn cùng với Bùi thị Xuân về huyện Thanh-chương, bao nhiêu quân-sĩ đều bỏ cả, được mấy hôm hai vợ chồng cùng bị bắt. Còn Vũ văn Dũng chạy ra đến Nông-cống cũng bị dân bắt được đem nộp.

Quân Nguyễn-triều kéo tràn ra lấy Thanh-hóa, đi đến đâu quân Tây-sơn chưa đánh đã tan, chỉ trong một tháng đã ra đến Thăng-long.

Vua Tây-sơn thấy thế mình không chống giữ được nữa, bèn cùng với em là Nguyễn quang Thùy 阮光垂, Nguyễn quang Thiệu 阮光紹, và mấy người bề tôi là bọn đô-đốc Tú 秀 và Nguyễn văn Tứ 阮文賜 sang sông Nhị-hà chạy về

www.songhuong.vn

phía bắc, nhưng lên đến địa-hạt Phượng-nhỡn, bị dân ở đấy bắt được. Nguyễn quang Thùy tự tử, đô-đốc Tú và vợ cũng tự vẫn. Còn vua tôi nhà Tây-sơn mấy người đều bị đóng cũi đem về nộp ở Thăng-long.

Nhà Tây-sơn khởi đầu từ năm mậu-tuất (1778). Nguyễn Nhạc xưng đế ở Qui-nhơn, đến năm nhâm-tuất (1802), cả thảy được 24 năm. Nhưng Nguyễn Nhạc chỉ làm vua từ đất Quảng-nam, Quảng-nghĩa trở vào mà thôi, còn từ Phú-xuân trở ra, thì thuộc về nhà Lê. Đến năm mậu-thân (1788), vua Quang-trung xưng đế-hiệu, rồi ra đánh giặc Thanh, lấy lại đất Bắc-hà, sửa-đổi việc chính-trị. Từ đó nước Nam mới thuộc về nhà Nguyễn Tây-sơn.

Vậy kể từ năm mậu-thân (1788) đến năm nhâm-tuất (1802) thì nhà Tây-sơn chỉ làm vua được có 14 năm mà thôi.

Trong bấy nhiêu năm phải đánh nam dẹp bắc luôn, không mấy lúc nghỉ việc chiến-tranh, cho nên nhà Tây-sơn không sửa-sang được việc gì. Vả sau khi vua Quang-trung mất rồi, vua thì hèn, quan thì nhũng, chính-trị bỏ nát, lòng người oán-giận, ai cũng mong-mỏi được thời thịnh-trị để yên nghiệp mà làm ăn. Bởi vậy cho nên khi vua Thế-tổ Cao-hoàng nhà Nguyễn cất quân ra Bắc, lòng người theo phục, chỉ một tháng trời mà bình được đất Bắc-hà, đem giang-sơn về một mối, nam bắc một nhà, làm cho nước ta thành một nước lớn ở phương nam vậy.

www.songhuong.vn

TIỀN NGUYỄN (TÂY-SƠN) THẾ-PHỔ 前阮(西山)世谱

Hồ phi Phúc
胡丕福

- THÁI-ĐỨC-ĐẾ NGUYỄN NHẠC 泰德帝阮岳
  - Nguyễn Bảo 阮寶 (Tiểu-triều)
- Nguyễn Lữ 阮侶
- 1. THÁI-TỔ VÕ-HOÀNG-ĐẾ NGUYỄN HUỆ 太祖武皇帝阮惠
  - 2. Cảnh-thịnh-đế Nguyễn quang Toản 景盛帝阮光纘
  - Quang Thùy 光垂
  - Quang Thiệu 光紹

www.songhuong.vn

CẬN-KIM THỜI-ĐẠI

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

NHÀ NGUYỄN

阮氏

(1802 — 1945)

CHƯƠNG I

THẾ-TỔ (1802 - 1819)

Niên-hiệu : Gia-long 嘉隆

1. *Thế-tổ xưng đế-hiệu*
2. *Việc triều-chính*
3. *Binh-chế*
4. *Việc tài-chánh*
5. *Công-vụ*
6. *Pháp-luật*
7. *Việc học-hành*
8. *Việc giao-thiệp với nước Tàu*
9. *Việc giao-thiệp với nước Chân-lạp và nước Tiêm-la*
10. *Việc giao-thiệp với nước Hồng-mao*
11. *Việc giao-thiệp với nước Pháp-lan-tây*
12. *Sự giết-hại công-thần*
13. *Xét công-việc của vua Thế-tổ*

THẾ-TỔ XƯNG ĐẾ-HIỆU. Thế-tổ khởi binh chống nhau với Tây-sơn ở đất Gia-định từ năm mậu-tuất (1778), kể vừa 24 năm, mới dứt được nhà Tây-sơn, thu-phục được giang-sơn cũ của chúa Nguyễn khi xưa và họp cả nam bắc lại làm một mối. Khi việc đánh-dẹp xong rồi, ngài xưng đế-hiệu, đặt quốc-hiệu là Việt-nam 越南, đóng Kinh-đô ở Phú-xuân 富春, tức là thành Huế bây giờ.

www.songhuong.vn

Khi vua Thế-tổ lấy được đất Bắc-hà rồi, ngài xuống chỉ tha cho dân một vụ thuế, và thăng-thưởng cho các tướng-sĩ. Ngài lại phong tước cho con cháu nhà Lê, nhà Trịnh, cấp cho ruộng đất và trừ giao-dịch cho dòng-dõi hai họ ấy để giữ việc thờ-phụng tổ-tiên.

Đoạn rồi, ngài đổi Bắc-hà là Bắc-thành, đặt quan tổng-trấn 總鎮, triệu Nguyễn văn Thành 阮文誠 ở Qui-nhơn ra sung chức ấy, để coi mọi việc. Lại đặt ra tam-tào 三曹 là tào Hộ, tào Binh, tào Hình, sai Nguyễn văn Khiêm 阮文謙, Đặng trần Thường 鄧陳常 và Phạm văn Đăng 范文登 ra coi các tào ấy, để giúp Nguyễn văn Thành.

Đến tháng bảy năm nhâm-tuất (1802), Thế-tổ về Kinh, đem vua tôi nhà Tây-sơn về làm lễ hiến-phù ở đền Thái-miếu 太廟, rồi đem ra tận pháp trường xử trị. Lại sai quật mả vua Thái-đức Nguyễn Nhạc và vua Thái-tổ Nguyễn Huệ lên, đem vứt thây đi, còn đầu thì đem bỏ giam ở trong ngục tối.

Những bọn văn-thần nhà Tây-sơn như Ngô thì Nhiệm 吳時任, Phan huy Ích 潘輝益 ra hàng, đem nọc ra đánh ở trước Văn-miếu, rồi tha cho về. Lúc bây giờ có Ngô thì Nhiệm vì trước có hiềm với Đặng trần Thường, cho nên đến khi đánh ở Văn-miếu, Đặng trần Thường sai người đánh chết.

Vua Thế-tổ định tội, thưởng công xong rồi, lo sửa-sang mọi việc; làm đền Cần-chính 勤政殿 để lập thường triều, đền Thái-hòa 太和殿 để lập đại triều; lại sai quân dân xây thành Kinh-đô và hoàng-thành cùng các thành-trì ở ngoài các doanh trấn.

Tuy rằng ngài đã đặt niên-hiệu, lên ngôi tôn từ năm nhâm-tuất (1802), nhưng mà đến năm giáp-tí (1804), tức là Gia-long tam-niên, vua nhà Thanh mới sai sứ sang phong vương, và đến năm bính-dần (1806), ngài mới làm lễ xưng đế hiệu ở đền Thái-hòa. Định triều-nghi, cứ ngày rằm và ngày mồng một thiết đại-triều; ngày mồng 5, mồng 10, 20 và 25 thì thiết tiểu triều.

Lúc ngài đánh xong Tây-sơn, thì chính-trị trong nước đổ nát, phong-tục hủy-hoại, việc gì cũng cần sửa-sang lại. Bởi vậy ở trong thì ngài chỉnh-đốn pháp-luật, và mọi việc cai-trị

www.songhuong.vn

cùng là sửa-sang phong-tục, cấm dân-gian không cho lấy việc thần phật mà bày ra rượu-chè ăn-uống, nghiêm dụ quan-lại không được sinh sự nhiễu dân. Ở ngoài thì ngài lo sự giao-hiếu với nước Tàu, nước Tiêm, nước Chân-lạp, khiến cho nước Việt-nam lúc bấy giờ trong ngoài đều được yên-trị.

2. VIỆC TRIỀU-CHÍNH. Ở trong cung, nhà vua không đặt ngôi Hoàng-hậu, chỉ có ngôi Hoàng-phi và các cung-tần. Sau khi vua mất, thì tự-quân lên ngôi, mới tôn mẹ lên làm Hoàng-thái-hậu.

Quan-lại trong Triều đại-khái theo chế-độ nhà Lê, nhưng bỏ chức Tham-tụng và Bồi-tụng tức là chức tể-tướng đời xưa. Mọi việc đều do Lục-bộ chủ-trương hết cả. Mỗi bộ có quan Thượng-thư 尚書 làm đầu, quan tả-hữu tham-tri 參知, tả hữu thị-lang 侍郎, cùng các thuộc viên như là lang-trung, viên-ngoại-lang, chủ-sự và bát-cửu-phẩm thơ-lại v.v...

Bộ Lại 吏部 coi việc thuyên bổ quan văn, ban thưởng phẩm cấp, khảo-xét công-trạng, phong tặng tước-ấm, thảo những tờ chiếu sắc cáo mệnh và làm những sổ các hàng quan-lại v.v...

Bộ Hộ 戶部 coi việc đinh-điền thuế-má, tiền-bạc chuyển thông, kho-tàng chứa chất, hóa-vật đắt rẻ v.v...

Bộ Lễ 禮部 coi việc triều-hội, khánh-hạ, tế-tự, tôn phong, cùng là cách-thức học-hành thi-cử, tinh biểu cho người sống lâu, người có tiết-nghĩa, phong thụy cho các thần nhân v.v...

Bộ Binh 兵部 coi việc thuyên bổ võ chức, giảng duyệt quân-lính, sai-khiến quân đi thú hoặc đi đánh dẹp, kén chọn binh dinh, xét người có công người có lỗi về việc binh.

Bộ Hình 刑部 coi việc hình-danh pháp-luật, tra nghĩ dâng tấu, duyệt lại những tội nặng án ngờ, xét kỹ những tù giam ngục cấm.

Bộ Công 工部 coi việc làm cung-điện, dinh-thự, xây thành, đào hào, tu tạo tàu-bè, đặt làm kiểu-mẫu, thuê thợ-thuyền, mua vật-liệu v.v...

www.songhuong.vn

Ngoài lục-bộ lại có Đô-sát-viện 都察院 để giữ việc can-gián vua, và đàn-hạch các quan. Cấp sự trung 給事中 các khoa và giám-sát-ngự-sử 監察御史 các đạo, đều thống-thuộc về viện ấy. Trong viện có tả hữu đô-ngự-sử và tả hữu phó đô-ngự-sử đứng đầu.

Bấy giờ vua Thế-tổ lại đặt ra Tào-chính 曹政 để coi việc vận-tải cùng là thuế-má tàu-bè. Có quan Tào-chính-sứ 曹正使 và Tào-phó-sứ 曹副使 làm đầu.

Các địa-phương thì lúc bấy giờ từ nam chí bắc chia ra làm 23 trấn và 4 doanh. Từ Thanh-hóa ngoại (tức là Ninh-bình bây giờ) trở ra, gọi là Bắc-thành 北城, thống cả 11 trấn, chia ra làm 5 nội trấn : Sơn-nam-thượng 山南上, Sơn-nam-hạ 山南下, Sơn-tây 山西, Kinh-bắc 京北, và Hải-dương 海陽; 6 ngoại trấn : Tuyên-quang 宣光, Hưng-hóa 興化, Cao-bằng 高平, Lạng-sơn 諒山, Thái-nguyên 太原, Quảng-yên 廣安. Từ Bình-thuận trở vào gọi là Gia-định thành 嘉定城, thống cả 5 trấn : Phiên-an 藩安 (địa-hạt Gia-định), Biên-hòa 邊和, Vĩnh-thanh 永清 (tức là Vĩnh-long và An-giang), Vĩnh-tường và Hà-tiên 河僊.

Còn ở quãng giữa nước, thì đặt Thanh-hóa trấn 清化鎮 (gồm cả Thanh-hóa nội, Thanh-hóa ngoại), Nghệ-an trấn 乂安鎮, Quảng-nghĩa trấn 廣義鎮, Bình-định trấn 平定鎮, Phú-yên trấn 富安鎮, Bình-hòa trấn 平和鎮 (tức là Khánh-hòa) và Bình-thuận trấn 平順鎮. Đất Kinh-kỳ thống bốn doanh là : Trực-lệ Quảng-đức doanh 直隸廣德營 (tức là Thừa-thiên bây giờ), Quảng-trị doanh, Quảng-bình doanh 廣平營, Quảng-nam doanh 廣南營.

Ở Bắc-thành và Gia-định thành đều đặt chức tổng-trấn 總鎮, và phó tổng-trấn, để coi mọi việc. Ở các trấn thì đặt quan lưu-trấn 留鎮 hay là quan trấn-thủ 鎮守, quan cai-bạ và quan ký-lục để coi việc cai-trị trong trấn.

Trấn lại chia ra phủ, huyện, châu, đặt chức tri-phủ, tri-huyện, tri-châu để coi việc cai-trị.

Những trấn ở Nghệ-an, Thanh-hóa và 5 nội trấn ở Bắc-thành, thì dùng những quan cựu-thần nhà Lê làm quan cai-

www.songhuong.vn

trị. Còn 6 ngoại-trấn ở Bắc-thành, thì giao quyền cai-trị cho những thổ-hào sở-tại.

3. BINH-CHẾ. Khi vua Thế-tổ đánh được Tây-sơn rồi, ngài ban thưởng cho các tướng-sĩ, tặng phong và làm đền thờ những người tử trận. Còn những quân-lính già-nua thì cho về quê-quán. Đặt ra phép giản binh: lệ định các trấn, tự Quảng-bình vào đến Bình-thuận thì cứ ba tên đinh kén lấy một tên lính; tự Biên-hòa trở vào thì cứ 5 tên đinh kén lấy một tên lính; tự Hà-tịnh trở ra đến 5 nội-trấn ở Bắc-thành thì cứ 7 tên đinh kén lấy một tên lính. Còn 6 ngoại-trấn là Tuyên-quang, Hưng-hóa, Cao-bằng, Lạng-sơn, Thái-nguyên, Quảng-yên, thì cứ 10 tên đinh kén lấy một tên lính.

Ở chỗ Kinh-thành thì đặt ra thân-binh 親兵, cấm binh 禁兵, tinh-binh 精兵. Lính thân-binh mỗi vệ có 500 người và có 50 người tập quân nhạc. Ở các trấn thì đặt ra lính cơ, lính mộ. Lại đặt biền-binh ban-lệ, nghĩa là các binh lính chia ra làm 3 phiên, 2 phiên về quân, còn một phiên ở tại ban luân-lưu thay đổi cho nhau.

Những binh-khí thì dùng gươm giáo, mã-tấu, và lại có súng lớn bằng đồng gọi là súng đại-bác, súng nhỏ gọi là súng thạch-cơ điểu-thương, nghĩa là bắn thì mồ bằng máy đá lửa. Ở chỗ Kinh-thành lập ra ba sở xạ trường để quân lính tập bắn.

Ở các cửa bể đều làm đồn đặt súng để phòng giữ và để xem-xét những tàu-bè ngoại-quốc đi lại.

Nước Việt-nam ta có nhiều bể cần phải giữ-gìn, bởi vậy vua Thế-tổ lưu tâm về việc chỉnh-đốn binh-thuyền: lấy người ở gần bể về doanh Quảng-đức và doanh Quảng-nam làm 6 vệ thủy-quân đóng tại Kinh-thành. Còn ở các hải-khẩu, mỗi nơi có một cơ lính thủy coi giữ. Nhà vua lại làm một thứ thuyền lớn ngoài bọc đồng, để đi lại tuần phòng ở miền bể.

4. VIỆC TÀI-CHÍNH. Thuế đinh, thuế điền đều định lại cả. Thuế điền thì chia ra làm 3 hạng: nhất-đẳng điền mỗi mẫu đồng niên nộp thóc 20 thăng; nhị-đẳng điền 15 thăng; tam đẳng điền 10 thăng. Còn thứ ruộng mùa đồng niên phải nộp 10 thăng.

www.songhuong.vn

Thuế đinh thì lệ định : từ Nghệ-an ra đến nội ngoại Thanh-hóa, mỗi suất đồng niên phải chịu :

Thuế thân.	1 quan 2 tiền
Mân tiền	1 tiền
Cước mễ	2 bát

5 nội trấn Bắc-thành và phủ Phụng-thiên (1), mỗi suất đinh đồng niên phải chịu :

Thuế thân	1 quan 2 tiền
Mân tiền	1 tiền
Điệu tiền (tạp dịch)	6 tiền
Cước mễ	2 bát

6 ngoại-trấn Bắc-thành, mỗi suất đinh đồng niên phải chịu :

Thuế thân	6 tiền
Mân tiền	1 tiền
Điệu tiền	3 tiền
Cước mễ	1 bát

Lệ giảm thuế. Thuế-lệ tuy định như vậy, nhưng năm nào ở đâu mất mùa, như là bị hoàng trùng, đại hạn hay là nước lụt, v. v. thì nhà nước chiếu theo sự thiệt-hại nhiều ít mà giảm thuế cho dân. Lúa 10 phần thiệt-hại tới 4 phần thì khoan giảm cho hai phần thuế ; thiệt-hại 5 phần thì giảm cho 3 ; thiệt-hại 6 phần thì giảm cho 4 ; thiệt-hại 7 phần thì giảm cho 5 ; thiệt-hại 8 phần thì giảm cho 6 ; thiệt-hại 9 phần thì giảm cho 7 ; thiệt-hại hết cả thì giảm cả. Hoặc nhà nước có lấy dân đinh đi làm đường, đào sông, xây thành v. v. thì cũng được giảm thuế.

Vụ thuế. Nhà vua lại tùy từng địa-phương mà định vụ thuế. Từ Quảng-bình đến Bình-thuận cứ mỗi năm một vụ thu thuế, khởi đầu từ tháng 4 đến tháng 7 thì hết. Từ Nghệ-an ra đến Thanh-hóa ngoại, cùng các trấn ở Bắc-thành,

(1) Tức là phủ Hoài-đức bây giờ.

www.songhuong.vn

mỗi năm thu thuế 2 vụ: mùa hạ thì khởi từ tháng 4 đến tháng 6 thì hết; mùa đông thì khởi từ tháng 10 đến tháng 11 thì hết.

Đinh bạ. Lệ định 5 năm một lần làm sổ đinh, trong làng từ chức-sắc cho đến quân-dân, đều phải vào sổ. Kể từ 18 tuổi trở lên, 59 tuổi trở xuống, đều phải khai vào sổ.

Điền bạ. Các làng, hoặc ruộng mùa, hoặc ruộng chiêm, hoặc ruộng hai mùa, hoặc có đất hạng nào, bao nhiêu mẫu, sào, thước, tấc, tọa-lạc tại đâu, đông tây tứ chí phải chua cho rõ ràng. Mỗi làng phải làm 3 quyển sổ, cứ 5 năm làm một lần đệ vào bộ đóng dấu kiểm, rồi một bản lưu lại bộ, để phòng khi xét đến; còn hai bản giao về tỉnh, tỉnh để một bản lưu chiểu, còn một bản giao trả dân xã lưu thủ.

Cấm bán ruộng công-điền. Từ khi nhà Lê mất ngôi, dân xã có nơi thì đem công-điền đổi ra tư-điền, có nơi thì đem cố bán đi, bởi vậy năm Gia-long thứ hai (1803) nhà vua lập lệ cấm dân xã không được mua bán công-điền công-thổ, chỉ trừ lúc nào xã-thôn có công-dụng điều gì, thì mới được phép cho điền cố, hạn hết 3 năm lại phải trả lại. Ai giữ quá hạn ấy thì phải tội.

Thuế các sản vật. Năm Gia-long thứ hai (1803), định lệ các quế-hộ ở Nghệ-an, đồng niên phải nộp các hạng quế 120 cân. Ở Thanh-hóa phải nộp 70 cân, và đều được miễn trừ thuế thân cả. Những người tìm được cây quế, phải trình quan để cấp cho văn-bằng mới được đẵn. Đẵn xong rồi một nửa nộp quan, một nửa cho người tìm được.

Năm Gia-long thứ tư (1805), định lệ những người đi lấy yến-sào ở các đảo về hạt Quảng-nam, mỗi người đồng niên phải nộp thuế yến 8 lạng, và được tha việc binh-lính.

Còn những thuế hương, thuế sâm, thuế chiếu, thuế gỗ, đều có lệ riêng, định cho nộp bằng tiền hay là bằng sản-vật.

Vua Thế-tổ lại định lệ đánh thuế những thuyền các nước vào buôn-bán, cứ do thuyền lớn nhỏ mà định số thuế phải nộp.

www.songhuong.vn

Những mỏ đồng, mỏ thiếc, mỏ kẽm, cũng cho người Tàu khai để đánh thuế.

Đúc tiền. Năm Gia-long thứ hai (1803), mở sở đúc tiền ở Bắc-thành, để đúc tiền đồng và tiền kẽm; lại đúc ra nén vàng, nén bạc, lượng vàng, lượng bạc, để cho tiện sự giao-thông buôn-bán trong nước.

Mỗi đồng tiền kẽm nặng 7 phân, một mặt in chữ *«Gia-long thông-bảo»*, một mặt in chữ *«thất phân»*, mỗi quan tiền nặng 2 cân 10 lạng.

Giá vàng ở Bắc-thành thì định cứ một lượng vàng đổi lấy 10 lượng bạc.

Về sau mở thêm lò đúc tiền ở Gia-định thành và ở các trấn.

Thước đo. Vua Thế-tổ chế-tạo ra kiểu thước đồng đo ruộng, một mặt khắc 7 chữ *«Gia-long cửu niên thu bát nguyệt»*, một mặt khắc 10 chữ *«ban hành đạc điền xích, công bộ đường kính tạo»*. Chuẩn định lại các thước vuông đo ruộng khi trước, chế-tạo ra thước đồng, một mặt khắc 7 chữ *«Gia-long cửu niên thu bát nguyệt»*, một mặt khắc 12 chữ *«ban hành đạc điền cựu kinh xích, công bộ đường khâm tạo»*.

Phép cân. Năm Gia-long thứ 12 (1813), chế tạo ra cân thiên-bình, cấp cho các doanh các trấn, để cân đồng, sắt, chì, thiếc và các sản-vật. Còn vàng và bạc thì dùng cân trung-bình.

5. CÔNG-VỤ. Vua Thế-tổ lại sửa-sang những đường-sá, xoi đào các sông ngòi, đắp các đê-điều, để cho việc làm ăn của dân-gian được tiện-lợi.

Đường quan-lộ. Đường-sá trong nước là sự khẩn-yếu cho việc chính-trị, vậy nên vua Thế-tổ mới định lệ sai quan ở các doanh, các trấn phải sửa-sang đường quan-lộ: bắt dân sở-tại phải đắp đường làm cầu, lệ cứ 15.000 trượng đường thì phát cho dân 10.000 phương gạo.

Lại từ cửa Nam-quan (thuộc Lạng-sơn) vào đến Bình-thuận, cứ độ 4.000 trượng phải làm một cái nhà trạm ở

www.songhuong.vn

cạnh đường quan-lộ, để cho quan-khách đi lại nghỉ-ngơi. Cả thảy 98 trạm.

Còn từ Bình-thuận trở vào phía nam đến Hà-tiên thì đi đường thủy.

Sông-ngòi và đê-điều. Những sông-ngòi và đê-điều, đều là sự khẩn-yếu cho việc canh-nông, bởi vậy vua Thế-tổ truyền cho quan ở các trấn phải xoi đào sông ngòi và các cửa bể, và nhất là ở Bắc-thành phải giữ-gìn đê-điều cho cẩn-thận: chỗ nào không có thì đắp thêm, chỗ nào hư-hỏng thì phải sửa lại. Ở các trấn lại đặt ra kho chứa thóc gạo, để phòng khi mất mùa đói-kém thì lấy mà phát cho dân.

6. PHÁP - LUẬT. Nguyên khi trước vẫn theo luật nhà Lê, nhưng nay nhà Nguyễn đã nhất-thống cả nam bắc, vua Thế-tổ bèn truyền cho đình-thần lập ra pháp-luật rõ-ràng, để cho tiện sự cai-trị. Năm tân-mùi (1811) sai Nguyễn văn Thành 阮文誠 làm tổng-tài, coi việc soạn ra sách luật; lấy luật cũ của đời Hồng-đức 洪德 nhà Lê, mà tham-chước với luật nhà Thanh làm thành một bộ, cả thảy 22 quyển, có 398 điều.

Đến năm ất-hợi (1815), thì in sách luật ấy phát ra mọi nơi. Bộ luật ấy tuy nói theo luật Hồng-đức nhưng kỳ thực là chép luật của nhà Thanh và chỉ thay-đổi ít nhiều mà thôi.

7. VIỆC HỌC-HÀNH. Thời bấy giờ nhờ có võ-công mới dựng nên cơ-nghiệp, cho nên lúc ấy các quan đầu triều là quan ngũ-quân đô-thống, và quan tổng-trấn Nam Bắc hai thành đều là quan võ cả. Nhưng vua Thế-tổ cũng biết rằng sự trị nước cần phải có võ có văn, bởi vậy đêm ngày ngài lưu ý về việc học-hành thi-cử trong nước.

Ngài lập nhà Văn-miếu ở các doanh các trấn, thờ đức Khổng-tử, để tỏ lòng trọng Nho-học. Đặt Quốc-tử-giám ở Kinh-đô, để dạy con các quan và các sĩ-tử. Mở khoa thi Hương để kén lấy những người có học-hành ra làm quan.

Đặt thêm chức đốc-học ở các trấn, và dùng những người có khoa-mục ở đời nhà Lê, để coi việc dạy-dỗ.

www.songhuong.vn

Vua Thế-tổ lo cả đến địa-dư và quốc-sử, bởi vậy ngài sai quan Binh-bộ thượng-thư là Lê quang Định 黎光定 kê-cứu ở trong các trấn các doanh, tự Lạng-sơn đến Hà-tiên, xem sơn xuyên hiểm trở, đường-sá xa gần, sông bể, cầu quán, chợ-búa, phong-tục, thổ-sản, có những gì làm thành sách «*Nhất-thống địa-dư chí* 一統地輿志» để dâng lên. Đến năm binh-dần (1806), bộ sách ấy làm xong cả thảy được 10 quyển.

Năm tân-mùi (1811), ngài sai quan tìm những sách dã-sử nói chuyện nhà Lê và nhà Nguyễn Tây-sơn để sửa lại quốc-sử.

Thời bấy giờ văn quốc-âm cũng thịnh lắm. Một đôi khi nhà vua cũng dùng chữ nôm mà làm văn-tế. Bài văn-tế tướng-sĩ khi quan Tiền-quân Nguyễn văn Thành, tổng-trấn Bắc-thành ra chủ tế không rõ ai làm, nhưng thật là một bài văn-chương đại bút. Lại có những truyện như «*Hoa Tiên*» của ông Nguyễn huy Tự, «*Truyện Thúy Kiều*» của quan Hữu Tham-tri bộ Lễ là ông Nguyễn Du 阮攸 (2), cũng phát-hiện ra thời bấy giờ.

«*Truyện Thúy Kiều*» là một tập văn-chương rất hay, diễn được đủ cả nhân-tình thế-cố, tả được cả mọi cảnh trong đời, mà chỗ nào văn-chương cũng tao-nhã, lời lẽ cũng lý-thú. Nói theo tiếng đời nay thì «*Truyện Thúy Kiều*» thật là một tập văn-chương đại trước-tác của nước ta vậy.

8. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI NƯỚC TÀU. Khi vua Thế-tổ dứt được nhà Nguyễn Tây-sơn và lấy được đất Bắc-hà rồi, sai quan thượng-thư Binh-bộ là Lê quang Định 黎光定 làm chánh-sứ sang Tàu cầu phong và xin đổi quốc-hiệu là Nam-việt 南越, lấy lẽ rằng Nam là An-nam và Việt là Việt-thường. Nhưng vì đất Nam-việt đời nhà Triệu ngày trước gồm cả đất Lưỡng Quảng, cho nên Thanh-triều mới đổi

---

(2) Ông Nguyễn Du người làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh.

www.songhuong.vn

chữ Việt lên trên, gọi là Việt-nam 越南 để cho khỏi lầm với tên cũ.

Đến năm giáp-tí (1804) Thanh-triều sai quan án-sát-sứ tỉnh Quảng-tây là Tề bố Sâm 齊布森 sang tuyên phong. Đoạn rồi, vua sai Lê bá Phẩm 黎伯品 làm chánh sứ đem đồ cống sang tạ và từ đó cứ chiếu lệ ba năm một lần sang cống.

Đồ cống-phẩm là:

Vàng	200 lượng
Bạc	1000 —
Lụa và cấp mỗi thứ . . .	100 cây
Sừng tê giác	2 bộ
Ngà voi và quế mỗi thứ . .	100 cân

9. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI NƯỚC CHÂN-LẠP VÀ NƯỚC TIÊM-LA. Nguyên lúc còn Lê-triều thì chúa Nguyễn vẫn giữ quyền bảo-hộ nước Chân-lạp. Sau vua nước ấy là Nặc ông Tôn (3) bị anh em hiếp-chế, phải chia quyền ra làm ba, để cho Nặc ông Vinh làm vua đầu, mình làm vua thứ hai, em là Nặc ông Thâm làm vua thứ ba. Được ít lâu Nặc ông Vinh giết cả Nặc ông Tôn và Nặc ông Thâm giữ lấy quyền làm vua một mình.

Lúc bấy giờ Nguyễn-vương còn ở Gia-định mới sai Đỗ thanh Nhân 杜清仁 sang đánh Nặc ông Vinh và lập con Nặc ông Tôn là Nặc ông Ấn 匿翁印 lên làm vua. Nặc ông Ấn bấy giờ mới có 8 tuổi. Nguyễn-vương sai Hồ văn Lân 胡文璘 ở lại bảo-hộ. Nhưng đến khi đất Gia-định thất thủ quyền bảo-hộ nước Chân-lạp thuộc về nước Tiêm-la.

Năm bính-thìn (1796), Nặc ông Ấn mất, truyền ngôi lại cho con là Nặc ông Chân 匿翁禎. Vua Tiêm-la sai sứ sang phong, như thế là vua Chân-lạp phải thần-phục vua Tiêm-la.

Đến năm đinh-mão (1807) Nặc ông Chân lại bỏ Tiêm-la mà xin về thần-phục vua Việt-nam ta, theo lệ cống tiến, cứ ba năm một lần.

---

(3) Xem ở chương VI.

www.songhuong.vn

Đồ cống-vật là :

Voi đực cao 5 thước	2 con
Sừng tê giác	2 chiếc
Ngà voi	2 cái
Hột sa-nhân	50 cân
Đậu-khấu	50 —
Hoàng-lạp	50 —
Cánh kiến	50 —
Sơn đen	20 lọ

Nặc ông Chân có ba người em tên là Nặc ông Nguyên, Nặc ông Lem, Nặc ông Đôn, muốn tranh quyền của anh, mới sang cầu-cứu nước Tiêm-la. Tiêm-la bắt Nặc ông Chân phải chia đất cho các em. Nặc ông Chân không chịu, quân Tiêm-la bèn sang đánh thành La-bích. Nặc ông Chân chạy sang Tân-châu, rồi dâng biểu cầu-cứu. Quan tổng-trấn Gia-định thành bấy giờ là Nguyễn văn Nhân 阮文仁 mới đem việc ấy tâu về triều-đình.

Năm tân-mùi (1811), vua Thế-tổ cho sứ đưa thư sang trách nước Tiêm-la sinh sự. Năm sau, vua Tiêm-la sai sứ sang phúc thư lại rằng : việc ấy là muốn giảng-hòa cho anh em Nặc ông Chân, chứ không có ý gì cả. Vậy xin để Việt-nam xử trí thế nào, Tiêm-la (4) cũng xin thuận.

Qua năm quí-dậu (1813) vua Thế-tổ sai quan tổng-trấn Gia-định thành là Lê văn Duyệt 黎文悅 đem hơn 10.000 quân, hội-đồng với sứ nước Tiêm-la, đưa Nặc ông Chân về nước.

Nước Tiêm-la tuy không dám kháng-cự, nhưng vẫn lưu quân ở lại giữ tỉnh Bắc-tầm-bon (Battambang), nói rằng để đất ấy phong cho các em Nặc ông Chân. Lê văn Duyệt mới viết thư sang trách nước Tiêm-la về điều ấy, quân Tiêm mới rút về.

Lê văn Duyệt dâng sớ xin xây thành Nam-vang (Phnom-Penh) và thành La-lêm. Khi những thành ấy xây xong, thì vua Thế-tổ sai Nguyễn văn Thụy 阮文瑞 đem 1.000 quân

---

(4) Tức là *Thái-lan* ngày nay.

www.songhuong.vn

ở lại bảo-hộ nước Chân-lạp. Từ đó quyền bảo-hộ Chân-lạp lại về nước ta.

10. VIỆC GIAO - THIỆP VỚI NƯỚC HỒNG - MAO. Năm qui-hợi (1803), nước Hồng-mao (tức là Anh-cát-lợi) sai sứ là ông Robert đem đồ phương-vật sang dâng và xin cho vào mở cửa hàng buôn-bán ở Trà-sơn 茶山, thuộc Quảng-nam. Vua Thế-tổ không nhận đồ, và cũng không cho mở cửa hàng. Sau người Hồng-mao còn đưa thư sang hai ba lần nữa, nhưng ngài vẫn một niềm từ chối không chịu.

11. VIỆC GIAO - THIỆP VỚI NƯỚC PHÁP-LAN-TÂY. Đối với nước Pháp thì vua Thế-tổ có biệt nhỡn hơn, là vì khi ngài còn gian-truân, ngài có nhờ ông Bá-đa-lộc đem Hoàng-tử Cảnh sang cầu cứu ở bên nước Pháp. Tuy sự không thành nhưng ông Bá-đa-lộc có đem mấy người sang giúp ngài. Đến khi xong việc đánh dẹp rồi, còn có Chaigneau, Vannier và Despiau làm quan tại triều, mà vua Thế-tổ cũng có lòng trọng-đãi, cho mỗi người 50 lính hầu, và đến buổi chầu thì không bắt lạy.

Vả trong khi vua Thế-tổ làm vua ở nước Việt-nam, thì Nã-phá-luân đệ-nhất (Napoléon I) làm vua bên nước Pháp, đang còn phải đánh nhau với các nước, cho nên tàu Pháp cũng không hay đi lại ở phía Viễn-đông này. Đến khi Nã-phá-luân thất-thế, dòng-dõi nhà vua cũ lại trung-hưng lên, bấy giờ sự chiến-tranh đã yên, thì mới có tàu sang buôn-bán ở phương Á-đông. Năm đinh-sửu (1817), có chiếc tàu « la Paix » của hiệu Balguerie, Sarget et Cie chở đồ hàng sang bán, nhưng mà những đồ hàng ấy, người Việt-nam ta không dùng được, lại phải chở về. Vua Thế-tổ tha không đánh thuế. Qua tháng sáu năm ấy, chiếc tàu binh tên là Cybèle của nước Pháp vào cửa Đà-nẵng. Quan thuyền-trưởng là De Kergarion bá-tước nói rằng Pháp-hoàng Louis XVIII sai sang xin thi-hành những điều-ước [illegible]-đa-lộc ký năm 1787 về việc nhường cửa Đà-nẵng và đảo [illegible]ôn-lôn. Vua Thế-tổ sai quan ra trả lời rằng những điều-ước ấy nước Pháp trước đã không thi-hành thì nay bỏ, không nói đến nữa.

www.songhuong.vn

Năm kỷ-mão (1819), có chiếc tàu buôn ba cột tên là «Rose» và « le Henri » vào cửa Đà-nẵng. Lần này hàng hóa đem sang bán được, lại chở chè và lụa về. Năm ấy Chaigneau xin nghỉ ba năm, đem vợ con xuống tàu « le Henri » về Pháp.

12. SỰ GIẾT - HẠI CÔNG - THẦN. Những người công-thần như Nguyễn văn Thành 阮文誠 và Đặng trần thường 鄧陳常 đều bị giết hại trong khi vua Thế-tổ còn đang trị-vì.

Nguyễn văn Thành, nguyên là người ở Thừa-thiên, nhưng vào ở Gia-định đã hai ba đời. Theo vua Thế-tổ từ khi ngài mới khởi binh đánh Tây-sơn, chịu hết mọi đường khổ-sở. Sau ra đánh Tây-sơn ở Qui-nhơn, lập được công lớn, đứng đầu hàng công-thần.

Khi vua Thế-tổ ra lấy Bắc-hà, triệu ông ra làm tổng-trấn, giao cho xếp đặt mọi việc, chỉ có mấy năm mà đất Bắc-hà được yên trị. Sau về Kinh làm chức trung-quân.

Ông có học-thức, cho nên triều-đình cử làm tổng-tài việc làm sách luật và quốc-sử.

Nguyễn văn Thành có người con tên là Nguyễn văn Thuyên 阮文詮 thi đậu cử-nhân, thường hay làm thơ để giao-du với những kẻ văn-sĩ. Bấy giờ nghe người ở Thanh-hóa là Nguyễn-văn-Khuê 阮文奎 và Nguyễn đức Nhuận 阮德潤 có tiếng hay chữ, Văn Thuyên làm bài thơ sai tên Nguyễn trương Hiệu 阮張效 cầm đi mời vào chơi.

Bài thơ rằng :

Văn đạo Ái-châu đa tuấn-kiệt,
Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.
Vô tâm cửu bảo Kinh-sơn phác,
Thiện tưởng phương tri Ký-bắc kỳ.
U-cốc hữu hương thiên lý viễn,
Cao cương minh phượng cửu thiên tri.
Thư hồi nhược đắc sơn trung tể,
Tá ngã kinh-luân chuyển hóa kỳ.

www.songhuong.vn

Dịch nôm là :

Ái-châu nghe nói lắm người hay,
Ao-ước cầu hiền đã bấy nay.
Ngọc phác Kinh-sơn tài sẵn đó,
Ngựa kỳ Ký-bắc biết lâu thay.
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.
Sơn tề phen này dù gặp-gỡ,
Giúp nhau xoay-đổi hội cơ này.

Tưởng bài thơ này chẳng qua là lời-lẽ của người thiếu-niên nói ngông mà thôi, không ngờ tên Hiệu đưa cho Nguyễn hữu Nghi 阮 有 儀 xem, Hữu Nghi xui tên Hiệu đi cáo với Lê văn Duyệt. Lê văn Duyệt vốn ghét Nguyễn văn Thành, nay thấy bài thơ này, nắm lấy đem vào tâu vua, vua sai bắt Nguyễn văn Thuyên đem bỏ ngục. Bấy giờ triều-thần có nhiều người bẻ tội ông Thành. Một hôm bãi triều rồi, ông Thành chạy theo nắm lấy áo vua mà kêu khóc rằng : « Thần theo Bệ-hạ từ thủa nhỏ đến bây giờ, nay không có tội gì mà bị người ta cấu xé, Bệ-hạ nỡ lòng nào ngồi nhìn để người ta giết thần mà không cứu ? ». Vua Thế-tổ giật áo ra đi vào cung, rồi từ đó cấm không cho ông Thành vào chầu nữa, và sai Lê văn Duyệt đem con Nguyễn văn Thành ra tra hỏi, bắt phải nhận tội. Nguyễn văn Thành sợ tội, uống thuốc độc mà chết, còn Nguyễn văn Thuyên thì phải chém.

Đặng trần Thường 鄧 陳 常 người ở Chương-đức (tức là huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-đông bây giờ) có tài văn-học, trốn Tây-sơn vào Gia-định theo giúp vua Thế-tổ làm đến Binh-bộ thượng-thư. Sau vì làm gian sắc phong-thần cho Hoàng ngũ Phúc là tướng nhà Trịnh vào bậc phúc-thần, triều-đình làm án phải tội chém. Nhưng rồi lại được tha. Đặng trần Thường vốn có hiềm với Lê Chất, cho nên Lê Chất mới bới những việc như là khi ra coi tào binh ở Bắc-thành, có chiếm giữ đầm ao và ẩn-lậu đinh-điền, v. v. Lại bị bắt bỏ ngục và xử phải tội giảo.

www.songhuong.vn

Tương-truyền rằng Đặng trần Thường ở trong ngục có làm bài « Hàn-vương-tôn phú » bằng quốc-âm để ví mình như Hàn-tin đời Hán.

13. XÉT CÔNG-VIỆC CỦA VUA THẾ-TỔ. Vua Thế-tổ là ông vua có tài-trí, rất khôn-ngoan, trong 25 năm trời, chống nhau với Tây-sơn, trải bao nhiêu lần hoạn-nạn, thế mà không bao giờ ngã lòng, cứ một niềm lo sự khôi-phục. Ngài lại có cái đức-tính rất tốt của những kẻ lập nghiệp lớn, là cái đức-tính biết chọn người mà dùng, khiến cho những kẻ hào-kiệt ai cũng nức lòng mà theo giúp. Bởi vậy cho nên không những là ngài khôi-phục được nghiệp cũ, mà lại thống-nhất được sơn-hà, và sửa-sang được mọi việc, làm cho nước ta lúc bấy giờ thành một nước cường-đại, từ xưa đến nay, chưa bao giờ từng thấy.

Công-nghiệp của ngài thì to thật, tài-trí của ngài thì cao thật, nhưng chỉ hiềm có một điều là khi công-việc xong rồi, ngài không bảo toàn cho những công-thần, mà lại lấy những chuyện nhỏ-nhặt đem giết-hại những người có công với ngài, khiến cho hậu thế ai xem đến những chuyện ấy, cũng nhớ đến vua Hán Cao, và lại thở dài mà thương-tiếc cho những người ham-mê hai chữ công-danh về đời áp-chế ngày xưa.

Vua Thế-tổ mất năm kỷ-mão (1819), trị-vì được 18 năm, thọ 59 tuổi, miếu-hiệu là Thế-tổ Cao-hoàng-đế 世祖高皇帝.

www.songhuong.vn

CHƯƠNG II

THÁNH-TỔ (1820-1840)

Niên-hiệu: Minh-mệnh 明命

1. *Đức-độ vua Thánh-tổ*
2. *Việc chính-trị trong nước*
3. *Nội-các*
4. *Cơ-mật-viện*
5. *Tôn-nhân-phủ*
6. *Quan-chế*
7. *Đặt tổng-đốc, tuần-phủ ở các tỉnh*
8. *Lương-bổng của các quan*
9. *Tiền dưỡng-liêm*
10. *Sự học-hành thi-cử*
11. *Sách-vở*
12. *Việc sửa-sang phong-tục*
13. *Nhà dưỡng-tế*
14. *Việc đinh-điền và thuế-má*
15. *Việc võ-bị*

1. ĐỨC-ĐỘ VUA THÁNH-TỔ. Tháng giêng năm canh-thìn (1820), Hoàng thái-tử húy là Đảm 儋 lên ngôi, đặt niên-hiệu là Minh-mệnh 明命.

Vua Thánh-tổ là một ông vua có tư-chất minh-mẫn, có tính hiếu học và lại hay làm; phàm có việc gì, ngài cũng xem-xét đến, và có châu phê rồi mới được thi-hành.

Ngài tính thâm Nho-học, sùng đạo Khổng Mạnh, cho nên không ưa đạo mới, cho là một tà đạo lấy trời thánh ra mà làm mê-hoặc lòng dân. Bởi vậy, ngài mới nghiêm cấm và trừng-trị những người theo đạo Gia-tô.

www.songhuong.vn

Về sau có nhiều nhà làm sử, vì ý riêng mà cho ngài là bạo quân, thì thiết-tưởng điều ấy không hợp với lẽ công bằng.

Phải biết rằng nước ta từ xưa đến nay, điều gì cũng theo Nho-giáo, lấy tam-cương ngũ-thường làm căn-bản cho sự ăn-ở. Vua tôi, cha con, vợ chồng, ấy là cái khóa luân-lý của xã-hội mình. Ai tháo cái khóa ấy ra thì cho là không phải loài người nữa. Vậy con phải theo cha, tôi phải theo vua, ai trái với cái đạo ấy ra phải tội nặng, đáng chém giết.

Lúc trong nước mình từ vua quan cho chí dân-sự, ai ai cũng lấy cái lý-tưởng ấy làm phải, làm hay hơn cả, mà lại thấy có người bỏ đi theo đạo khác, nói những chuyện mà lúc bấy giờ lại không mấy người hiểu rõ ra thế nào thì tất cho là theo tà đạo làm hư-hỏng cái phong-tục hay của mình. Bởi vậy cho nên nhà vua mới cấm, không cho người trong nước đi theo đạo mới.

Một ông vua nghiêm-khắc như Thánh-tổ mà cấm không được, thì tất là phải giết. Trong khi cấm và giết như vậy, là vẫn tưởng mình làm việc bổn-phận làm vua của mình, chớ có biết đâu là mình làm sự thiệt-hại cho dân cho nước.

Vả, bao giờ cũng vậy, hễ người ta đã sùng-tín một tông-giáo nào, thì tất cho cái tông-giáo của mình là hay hơn, và cho người theo tông-giáo khác là thù-nghịch với mình, rồi hễ có quyền-thế là làm thế nào cũng dùng cách mà hà-hiếp người khác đạo với mình. Cũng vì lẽ ấy, cho nên ngày trước vua Philippe II nước I-pha-nho, vua Louis XIV nước Pháp-lan-tây giết hại bao nhiêu người trong nước. Mà chắc rằng lúc bấy giờ các ông ấy cũng tưởng là mình làm điều phải, chớ có biết đâu là mình làm điều trái lẽ.

Vẫn biết rằng sự giết đạo là sự không lành, nhưng phải hiểu cái trí-não người Việt-nam ta lúc bấy giờ, không rõ cái tông-chỉ đạo Thiên-chúa ra thế nào, cho nên dẫu không phải là vua Thánh-tổ nữa, thì ông vua khác cũng không chắc đã tránh khỏi cái lỗi giết đạo ấy.

www.songhuong.vn

Nhà làm sử lại đổ cho vua Thánh-tổ giết Nguyễn văn Thành, song xét trong các truyện như sách *Thực lục-chính biên* và sách *Đại-nam chính biên liệt-truyện*, thì chỉ thấy chép rằng Nguyễn văn Thành bị tội phải uống thuốc độc mà tự-tử năm Gia-long thứ 15 mà thôi. Còn như vụ án Lê văn Duyệt và Lê Chất thì có hẹp-hòi thật, nhưng khi các ông ấy đã mất rồi, và lại vì có tên Khôi khởi loạn cho nên mới truy tội hai ông ấy mà làm án, chứ lúc hai ông ấy còn sống, thì vua Thánh-tổ, tuy có bụng nghi-ngờ, nhưng vẫn không bạc-đãi.

Việc ngài giết chị dâu là bà vợ Hoàng-tử Cảnh và các cháu, thì không thấy sách nào chép cả, chỉ thấy một đôi người truyền ngôn như thế mà thôi. Vậy việc ấy thực hư thế nào không rõ.

Còn việc không biết giao-thiệp với các nước ngoại dương, thì không phải là cái lỗi riêng một mình ngài. Lúc bấy giờ người mình ai cũng chỉ biết có nước Tàu là văn-minh hơn, còn thì cho là man-di cả. Phỏng sử có ai là người biết mà nói ở thiên-hạ còn có nhiều nước văn-minh hơn nữa cũng không ai tin. Bởi thế, hễ thấy người ngoại quốc vào nước mình, thì không những là sợ có sự phản-trắc và sợ đem đạo mới vào nước mà thôi, lại còn sợ lây phải cái phong-tục dã-man nữa, cho nên không muốn giao-thông với ngoại quốc làm gì. Như thế thì có nên riêng trách một mình ai không ?

Cái nghĩa-vụ người làm sử, tưởng nên kê-cứu cho tường-tận, rồi cứ sự thực mà nói, chứ không nên lấy lòng yêu-ghét của mình mà xét đoán. Dẫu người mình ghét mà có làm điều phải, mình cũng phải khen ; người mình yêu mà có làm điều trái, mình cũng phải chê. Vua Thánh-tổ là một ông vua chuyên-chế, tất thế nào cũng có nhiều điều sai-lầm và có nhiều điều tàn-ác, nhưng xét cho kỹ, thì thật ngài cũng có lòng vì nước lắm. Trong, lo sửa-sang mọi việc, làm thành ra nền-nếp chỉnh-tề, ngoài, đánh Tiêm dẹp Lào, làm cho nước không đến nỗi kém hèn.

www.songhuong.vn

Vậy cứ bình tình mà xét, thì dẫu ngài không được là ông anh-quân nữa, thì cũng không phải là ông vua tầm-thường; cứ xem công-việc của ngài làm thì hiểu rõ.

2. VIỆC CHÍNH-TRỊ TRONG NƯỚC. Vua Thánh-tổ đã 30 tuổi mới lên ngôi vua, cho nên việc triều-chính ngài đã am-hiểu lắm. Việc gì ngài cũng muốn biết. Có khi xong buổi chầu rồi, ngài đòi một vài quan đại-thần lên bàn mọi việc kinh-lý và hỏi những sự-tích đời xưa, những nhân-vật và phong-tục ở các nước xa lạ. Ngài chăm xem-xét mọi việc, có khi đêm thắp đèn xem chương, sớ, đến trống hai, trống ba mới thôi. Thường thường ngài nói với các quan rằng: Lòng người ai cũng muốn ở yên, mà không muốn sinh sự ra để thay-đổi luôn, nhưng lúc trẻ mạnh mà không sửa-sang mọi việc, thì rồi đến lúc già-yếu, mỏi-mệt còn làm gì được. Bởi vậy cho nên trẫm không dám lười-biếng lúc nào (1).

Ở trong triều, thì ngài đặt thêm ra các tự 寺 và các viện 院. Bấy giờ có Nội-các 内閣 và Cơ-mật-viện 机密院 là quan-trọng hơn cả.

3. NỘI-CÁC. Đời vua Thế-tổ đã đặt Thị-thư-viện 侍書院 làm chốn cơ-yếu ở trong điện, để có điều gì thì vua hỏi-han và làm các việc như biểu, sách, chế, cáo, chương, tấu, sắc, mệnh v. v. Đại-khái cũng tự hồ phòng bí-thư của vua vậy.

Năm canh-thìn (1820) là năm Minh-mệnh nguyên niên, vua Thánh-tổ cải làm Văn-thư-phòng; đến năm Minh-mệnh thứ mười (1829), đổi làm Nội-các 内閣, lấy quan tam-tứ phẩm ở các bộ, viện, vào quản-lĩnh mọi việc.

4. CƠ-MẬT-VIỆN. Năm giáp-ngọ (1834) là năm Minh-mệnh thứ 15, nhân vì việc quân-quốc cơ-yếu là việc rất quan-trọng, vua Thánh-tổ mới theo như Khu-mật-viện nhà Tống và Quân-cơ-xứ nhà Thanh mà châm-chước đặt ra Cơ-mật-viện 机密院, cho có trách-nhiệm riêng. Các quan đại-thần sung chức trong viện ấy thì dùng 4 viên, văn võ từ tam-

---

(1) Minh-mệnh chính-yếu, quyển *Cần-chính*.

www.songhuong.vn

phẩm trở lên, phụng chỉ kén dùng. Thuộc-viên thì có viên ngoại-lang, chủ-sự, tư-vụ, biên-tu, đều kén ở trong các bộ viện ra sung-bổ. Các quan đại-thần ở Cơ-mật-viện có đặc chỉ cho đeo kim-bài để phân-biệt với các quan khác. Kim - bài khởi đầu có từ đấy.

5. TÔN - NHÂN PHỦ. Năm bính-thân (1836) là năm Minh-mệnh thứ 17, vua Thánh-tổ đặt ra Tôn-nhân-phủ 尊人府 và đặt quan chức để coi mọi việc ở trong họ nhà vua.

Nhà vua thờ tiên-tổ có 7 miếu: những miếu phía tả gọi là *chiêu* 昭, những miếu phía hữu gọi là *mục* 穆. Con cháu các dòng *chiêu* hay là *mục* phải phân-biệt chi nào ra chi ấy.

Đặt-tôn-nhân-lệnh một người, tả hữu tôn chính hai người, tả hữu tôn-nhân hai người, để coi việc hoàng-tộc và việc phân-biệt tự hàng *chiêu* hàng *mục*, ghi-chép hàng lượt người thân người sơ, việc nuôi-nấng và cấp tước-lộc cho mọi người trong hoàng-tộc; lại đặt ra hữu tôn-khanh hai người, tả hữu tá-lý hai người, để coi thứ-trật mọi người tôn-thất và việc cấp-dưỡng cho kẻ cô-ấu, giúp-đỡ những việc tang-hôn v.v.

6. QUAN - CHẾ. Vua Thánh - tổ lại đặt các phẩm - cấp quan-chế, từ nhất phẩm đến cửu-phẩm, mỗi phẩm chia ra làm chánh và tòng hai bậc.

CHÁNH NHẤT - PHẨM:

Văn: Cần-chính-điện đại-học-sĩ 勤政殿大學士, Văn-minh-điện đại-học-sĩ 文明殿大學士, Võ-hiển-điện đại-học-sĩ 武顯殿大學士, Đông-các đại-học-sĩ 東閣大學士.

Võ: Ngũ-quân Đô-thống phủ đô - thống chưởng-phủ-sự 五軍都統府都統掌府事.

TÒNG NHẤT - PHẨM:

Văn: Hiệp-biện đại-học-sĩ 協辦大學士.

Võ: Ngũ-quân Đô-thống phủ đô-thống 五軍都統府都統.

CHÁNH NHỊ - PHẨM:

Văn: Thượng-thư, tổng-đốc, tả hữu đô-ngự-sử.

Võ: Thống-chế, đề-đốc.

www.songhuong.vn

TÒNG NHỊ-PHẨM :

Văn : Tham-tri, tuần-phủ, tả hữu phó-đô-ngự-sử.

Võ : Chưởng-vệ, khinh-xa đô-úy, đô-chỉ-huy-sứ, phó đề-đốc.

CHÁNH TAM-PHẨM :

Văn : Chưởng-viện học-sĩ, thị-lang, đại-lý tự-khanh, thái-thường tự-khanh, bố-chính-sứ, trực-học-sứ, thông-chính-sứ, thiêm-sự, phủ-doãn.

Võ : Nhất-đẳng thị-vệ, chỉ-huy-sứ, thân-cấm-binh vệ-úy, lãnh-binh.

TÒNG TAM-PHẨM :

Văn : Quang-lộc tự-khanh, thái-bộc tự-khanh, thông-chính phó-sứ.

Võ : Binh-mã-sứ, tinh-binh vệ-úy, thân-cấm-binh phó vệ-úy, phó lãnh-binh, kiêu-kỵ đô-úy, phò-mã đô-úy.

CHÁNH TỨ-PHẨM :

Văn : Hồng-lô tự-khanh, đại-lý-tự thiếu-khanh, thái-thường-tự thiếu-khanh, tế-tửu, lang-trung, thị-độc học-sĩ, thiếu-thiêm-sự, thái-y viện-sứ, tào-chính-sứ, phủ-thừa, án-sát-sứ.

Võ : Quản-cơ, nhị-đẳng thị-vệ, binh-mã phó-sứ, tinh-binh phó vệ-úy, thành-thủ-úy.

TÒNG TỨ-PHẨM :

Văn : Quang-lộc-tự thiếu-khanh, thái-bộc-tự thiếu-khanh chưởng-ấn, cấp-sự-truug, thị-giảng-học-sĩ, kinh-kỳ-đạo ngự-sử, tư-nghiệp, tử-tế-sứ, quản-đạo.

Võ : Phó quản-cơ, tuyên-úy-sứ, kị-đô-úy.

CHÁNH NGŨ-PHẨM :

Văn : Hồng-lô-tự thiếu-khanh, giám-sát ngự-sử, hàn-lâm-viện thị-độc, viên-ngoại-lang, trưởng-sử, tử-tế phó-sứ, ngự-y, giám-chánh, tào-chánh phó-sứ, đốc-học, phó quản-đạo.

Võ : Tam-đẳng thị-vệ, thân-cấm-binh chánh-đội-trưởng, phòng-thủ-úy.

www.songhuong.vn

TÒNG NGŨ-PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện thị - giảng, hàn - lâm-viện thừa - chỉ, miếu - lang, giám - phó, phó trưởng - sử, phó ngự-y, tri-phủ.

Võ : Tinh-binh chánh-đội, tứ-đẳng thị-vệ, thân-cấm-binh chánh đội-trưởng suất-đội, tuyên-phó-sứ, phi-kị-úy.

CHÁNH LỤC-PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện trước-tác, chủ-sự, đồng tri-phủ, kinh-huyện, tri-huyện, y-tả viện-phán, ngũ-quan-chánh.

Võ : Ngũ-đẳng thị-vệ, cẩm-y hiệu-úy, tinh-binh chánh-đội-trưởng suất-đội, thổ-binh chánh-đội, trợ-quốc-lang.

TÒNG LỤC - PHẨM :

Văn : Hàn-lâm viện tu-soạn, tri-huyện, tri-châu, miếu-thừa, học-chánh, thông-phán, thổ tri-phủ, y-hữu viện-phán.

Võ ; Thân-cấm binh chánh đội-trưởng, ân-kị-úy, thổ-binh chánh-đội-trưởng suất-đội.

CHÁNH THẤT - PHẨM :

Văn : Hàn lâm-viện biên-tu, tư-vụ, lục-sự, giám-thừa, giám-linh đài-lang, giáo-thụ, kinh-lịch.

Võ : Thân-cấm-binh chánh-đội-trưởng, nội-tạo tư-chánh-tượng, tinh-binh chánh-đội-trưởng.

TÒNG THẤT-PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện kiểm-thảo, y-chánh, tinh-linh đài-lang, thổ tri-huyện, tri-châu.

Võ : Tinh-binh đội-trưởng, phụng-ân-úy, dịch-thừa, tòng-thất-phẩm thiên-hộ, nội-tạo phó tư-tượng.

CHÁNH BÁT - PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện điển - tịch, huấn - đạo, chánh bát-phẩm thơ-lại.

Võ : Chánh bát-phẩm đội-trưởng, chánh bát-phẩm bá-hộ, dịch-mục, chánh bát-phẩm chánh tư-tượng.

TÒNG BÁT - PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện điển-bạ, y-phó, tòng bát-phẩm thơ-lại.

Võ : Tòng bát-phẩm đội-trưởng, tòng bát-phẩm bá-hộ, thừa ân-úy, tòng bát-phẩm phó tư-tượng.

www.songhuong.vn

CHÁNH CỬU - PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện cung-phụng, chánh cửu-phẩm thơ-lại, thái-y y-chánh, tự-thừa, phủ lại-mục.

Võ : Chánh cửu - phẩm đội - trưởng, phủ lệ-mục, chánh cửu-phẩm bá-hộ, chánh cửu-phẩm tượng-mục.

TÒNG CỬU - PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện đãi-chiếu, tòng cửu-phẩm thơ-lại, tỉnh y-sinh, huyện lại-mục, chánh-tổng.

Võ : Tòng cửu-phẩm đội-trưởng, tòng cửu-phẩm bá-hộ, huyện lệ-mục, tòng cửu-phẩm tượng-mục.

7. ĐẶT TỔNG-ĐỐC, TUẦN-PHỦ Ở CÁC TỈNH . Nguyên trước nước Nam ta chia ra làm từng trấn, có quan Trấn-thủ, hay là quan Lưu-trấn để coi việc trong trấn. Từ đời Gia-long trở đi, ở Bắc-thành và Gia-định - thành đặt quan Tổng-trấn và quan Hiệp-trấn, để coi việc quân và việc dân trong cả toàn xứ.

Đến năm tân-mão (1831) là năm Minh-mệnh thứ 12, vua Thánh-tổ mới theo lối nhà Thanh, đổi trấn làm tỉnh và đặt chức tổng-đốc 總督, tuần-phủ 巡撫, bố-chính-sứ 布政使, án-sát-sứ và lĩnh-binh 領兵

Tổng-đốc thì coi việc quân, việc dân, khảo-hạch quan lại, sửa-sang bờ-cõi ở trong hạt ; tuần-phủ thì coi việc chính-trị, giáo-dục và giữ-gìn phong-tục ; bố-chính-sứ thì coi việc thuế-má, đinh - điền, lính - tráng và triều - đình có ân trạch hay là cấm lệnh điều gì, thì phải tuyên cho mọi nơi biết ; án-sát-sứ thì coi việc hình-luật và kiêm cả việc trạm-dịch bưu-chính ; lĩnh-binh thì chuyên coi binh-lính.

Từ tuần-phủ trở xuống đều phải theo lệnh quan tổng-đốc. Thường thì tỉnh nào lớn, có lắm việc quan-trọng mới đặt Tổng-đốc để quản-trị cả hai ba tỉnh. Còn những tỉnh nhỏ thì chỉ đặt tuần-phủ là quan đầu tỉnh (2).

---

(2) Đời vua Thế-tổ nước Nam ta có 27 trấn, đến đời vua Thánh-tổ đặt thêm 4 tỉnh nữa là Hưng-yên, Ninh-bình, Hà-tĩnh và An-giang, cả thảy thành ra 31 tỉnh.

www.songhuong.vn

8. LƯƠNG-BỔNG CỦA CÁC QUAN VIÊN. Năm kỷ-hợi (1839) là năm Minh-mệnh thứ 20, vua Thánh-tổ định lương-bổng đồng niên và tiền xuân-phục của các quan-viên.

Chánh nhất phẩm : tiền 400 quan, gạo 300 phương, tiền xuân-phục 70 quan.

Tòng nhất phẩm : tiền 300 quan, gạo 250 phương, tiền xuân-phục 60 quan.

Chánh nhị phẩm : tiền 250 quan, gạo 200 phương, tiền xuân-phục 50 quan.

Tòng nhị phẩm : tiền 180 quan, gạo 150 phương, tiền xuân-phục 30 quan.

Chánh tam phẩm : tiền 150 quan, gạo 120 phương, tiền xuân-phục 20 quan.

Tòng tam phẩm : tiền 120 quan, gạo 90 phương, tiền xuân-phục 16 quan.

Chánh tứ phẩm : tiền 80 quan, gạo 60 phương, tiền xuân-phục 14 quan.

Tòng tứ phẩm : tiền 60 quan, gạo 50 phương, tiền xuân-phục 10 quan.

Chánh ngũ phẩm : tiền 40 quan, gạo 43 phương, tiền xuân-phục 9 quan.

Tòng ngũ phẩm : tiền 35 quan, gạo 30 phương, tiền xuân-phục 8 quan.

Chánh lục phẩm : tiền 30 quan, gạo 25 phương, tiền xuân-phục 7 quan.

Tòng lục phẩm : tiền 25 quan, gạo 22 phương, tiền xuân-phục 6 quan.

Chánh thất phẩm : tiền 25 quan, gạo 20 phương, tiền xuân-phục 5 quan.

Tòng thất phẩm : tiền 22 quan, gạo 20 phương, tiền xuân-phục 5 quan.

Chánh bát phẩm : tiền 20 quan, gạo 18 phương, tiền xuân-phục 5 quan.

Tòng bát phẩm : tiền 20 quan, gạo 18 phương, tiền xuân-phục 4 quan.

www.songhuong.vn

Chánh cửu phẩm : tiền 18 quan, gạo 16 phương, tiền xuân-phục 4 quan.

Tòng cửu phẩm : tiền 18 quan, gạo 16 phương, tiền xuân-phục 4 quan.

Lại-dịch binh tượng : mỗi tháng tiền một quan, gạo một phương.

Hậu bổ : mỗi tháng tiền 2 quan, gạo 2 phương.

Từ nhất phẩm đến tam phẩm, mỗi năm hai kỳ trình giấy lĩnh bổng ; tự tứ phẩm đến thất phẩm, mỗi năm 4 lần, đến tháng cuối mùa xuân, hạ, thu, đông, trình giấy lĩnh bổng ; tự bát cửu phẩm trở xuống, thì cứ mỗi tháng đến lĩnh một kỳ.

Tiền lương-bổng của các quan-viên lúc bấy giờ mà so sánh với bây giờ, thì thật là ít-ỏi quá. Nhưng mà chắc là sự ăn-tiêu thủa trước rẻ-rúng không hết bao nhiêu. Nhà vua lại sợ những phủ huyện thiếu thốn mà nhũng-lạm của dân, cho nên mỗi năm lại phát thêm tiền *dưỡng liêm*.

9. TIỀN DƯỠNG LIÊM. Tri-phủ : tối yếu-khuyết cho 50 quan, yếu-khuyết 40 quan, khuyết 30 quan, giản-khuyết 25 quan.

Đồng tri-phủ : tối yếu-khuyết cho 50 quan, yếu-khuyết 40 quan, khuyết 30 quan, giản-khuyết 25 quan.

Tri-huyện, tri-châu : tối yếu-khuyết cho 40 quan, yếu-khuyết 30 quan, trung-khuyết 25 quan, giản-khuyết 20 quan.

10. SỰ HỌC-HÀNH THI-CỬ. Việc trị nước cần phải có văn-học, cho nên từ đời vua Thế-tổ cũng đã lưu ý về việc mở-mang sự học-hành. Đến đời vua Thánh-tổ thì ngài lại trọng sự văn-học lắm, ngài thường nói với các quan rằng : Đạo trị nước thì trước hết cần phải gây lấy nhân-tài. Bởi vậy ngài có lòng yêu-dùng những người có văn-học, cho các hương-cống vào làm hành-tẩu ở trong lục bộ, để học-tập việc chính-trị. Mở Quốc-tử-giám 國子監 cho các giám-sinh được lương-bổng ở ăn học.

www.songhuong.vn

Đời vua Thế-tổ thì chỉ có thi Hương mà thôi, đến năm nhâm-ngọ (1822) là năm Minh-mệnh thứ 3, mới mở khoa thi Hội, thi Đình để lấy tiến-sĩ, đến năm Minh-mệnh thứ 10 (1829) nhà vua lại cho những người trúng cách, nhưng không cập phân, được đỗ phó-bảng. Phó-bảng khởi đầu có từ đấy.

Nguyên trước cứ 6 năm một khoa thi, nay đổi lại làm 3 năm một khoa, cứ năm *tí, ngọ, mão, dậu*, thi Hương; năm *thìn, tuất, sửu, mùi*, thi Hội, thi Đình.

Phép thi thì vẫn theo như đời Gia-long, nghĩa là kỳ đệ-nhất: kinh nghĩa; kỳ đệ-nhị: tứ lục; kỳ đệ-tam: thi phú; kỳ đệ-tứ: văn sách. Trước ai đỗ tam-trường, gọi là sinh-đồ, ai đỗ tứ trường gọi là hương-cống, nay đổi sinh-đồ là tú-tài 秀才, hương-cống là cử-nhân 舉人.

Vua Thánh-tổ là ông vua thông-minh, ngài vẫn biết sự học của nước ta sai-lầm, những sĩ-phu trong nước chỉ học theo lối cử-nghiệp, nghĩa là cốt học lấy thi đỗ, chứ không mấy người có thực học. Thường ngài nói chuyện với các quan rằng: «Lâu nay khoa-cử làm cho người ta sai-lầm. Trẫm nghĩ văn-chương vốn không có qui-củ nhất-định, mà nay những văn cử-nghiệp chỉ câu-nệ cái hủ-sáo, khoe-khoang lẫn với nhau, biệt-lập mỗi nhà một lối, nhân-phẩm cao hay thấp do tự đó, khoa trảng lấy hay bỏ cũng do tự đó. Học như thế thì trách nào mà nhân-tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập-tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại». Vua Thánh-tổ thật là biết rõ cái tật của những người đi học ở trong nước ta, nhưng chỉ vì thói quen lâu ngày khó bỏ. Vả lại dẫu có muốn đổi, thì dễ thường cũng không biết đổi ra thế nào cho hay hơn được, cho nên sự học của mình vẫn nguyên như c.

11. SÁCH-VỞ. Vua Thánh-tổ mới lên ngôi, đã lo việc làm sách vở; ngài đặt ra Quốc-sử-quán 國史館 để góp nhặt những chuyện làm quốc-sử. Ngài lại lưu-ý về việc tưởng-lệ cho những người làm ra sách vở. Bởi vậy, ngài xuống chiếu: hễ ai tìm được sách cũ, hay làm ra sách mới, thì được ban thưởng. Tự đó ông Trịnh hoài Đức 鄭懷德 dâng sách: *Gia-*

www.songhuong.vn

định thông chí 嘉定通志 và sách *Minh-bột di-hoán văn-thảo* 明勃遺渙文草; ông Hoàng công Tài 黃公才 dâng một bản *Bản-triều ngọc-phả* 本朝玉譜, 2 bản *Kỷ-sự* 紀事; ông Cung văn Hi 龔文曦 người ở Quảng-đức dâng 7 quyển *Khai-quốc công-nghiệp diễn-chí* 開國功業演志; ông Nguyễn đình Chính 阮廷正 người Thanh-hóa dâng 34 quyển *Minh-lương-khải cáo-lục* 明良啟告錄; ông Vũ văn Tiêu 武文鏢, người Quảng-nghĩa, dâng một quyển *Cố sự biên lục* 故事編錄.

Vua Thánh-tổ lại sai quan soạn xong bộ *Liệt thánh thực lục tiền biên* 列聖實錄前編, bộ *Khâm-định tiễu bình lưỡng kỳ phỉ khấu phương lược* 欽定勦平兩圻匪寇方略, còn sách của ngài soạn ra có hai bộ là *Ngự-chế tiễu bình Nam-kỳ tặc khấu thi-tập* 御製勦平南圻賊寇詩集 và *Ngự-chế thi tập* 御製詩集.

12. VIỆC SỬA PHONG-TỤC. Mấy năm về cuối đời vua Thánh-tổ trong nước lắm giặc-giã, phong-tục thành ra kiêu-bạc, dân-sự lắm người cờ-bạc rượu-chè và hay mê-hoặc những tà giáo. Nhà vua lấy sự ấy làm lo, bèn soạn ra 10 điều huấn dụ, ban ra mọi nơi, để dạy bảo ngu dân.

1. *Đôn nhân-luân* 惇人倫: trọng tam-cương ngũ-thường.

2. *Chính tâm thuật* 正心術: làm việc gì cũng cốt phải giữ bụng dạ cho chính-đính trong-sạch.

3. *Vụ bản nghiệp* 務本業: giữ bổn-phận chăm nghề-nghiệp của mình.

4. *Thượng tiết-kiệm* 尚節儉: chuộng đường tiết-kiệm.

5. *Hậu phong-tục* 厚風俗: giữ phong-tục cho thuần-hậu.

6. *Huấn tử đệ* 訓子弟: phải dạy-bảo con em.

7. *Sùng chính học* 崇正學: chuộng học đạo chính.

8. *Giới dâm thắc* 戒淫慝: răn giữ những điều gian-tà dâm-dục.

9. *Thận pháp thủ* 慎法守: cẩn-thận mà giữ pháp-luật.

10. *Quảng thiện hạnh* 廣善行: rộng sự làm lành.

Năm bính-thân (1836) là năm Minh-mệnh thứ 17, có quan giám-sát ngự-sử là Bùi mậu Tiên 裴茂先 dâng sớ tâu

www.songhuong.vn

rằng: «Các làng ở ngoài Bắc-thành nhiều kẻ hào-cường trái phép, mà dân thì biếng-nhác chỉ cờ-bạc rượu-chè; việc tế-lễ quỉ-thần thì hay dùng cách xa-xỉ, việc táng-tế thì chuộng đường xa-hoa, thậm chí có kẻ bán sạch cửa-nhà cơ-nghiệp để đền nợ miệng, thực là trái với nghĩa tương bảo tương lân».

Vua Thánh-tổ bèn xuống chiếu trách-cứ các quan địa-phương phải đem những điều huấn-dụ đã ban ra trước mà khuyên-bảo dân-sự, và phải chuyền sức cho tổng-lý: hễ thấy ai biếng-nhác rong chơi cờ-bạc rượu-chè, thì phải cấm chỉ đi. Những kẻ hào-cường trong làng mà ỷ thế hống-hách điêu-toa kiện-tụng, chống cưỡng với quan trên, dậm dọa kẻ bình-dân, thì phải theo phép mà trừng-trị. Còn những lệ thờ thần và lễ tang-tế thì Lễ-bộ đã định ra phép-tắc, hễ ai không tuân theo thì phải tội.

13. NHÀ DƯỠNG TẾ. Không những là vua Thánh-tổ chỉ lo việc dạy dân mà thôi, ngài lại thương đến những kẻ nghèo-khổ, vậy nên ngài truyền cho các quan ở các trấn ngoài Bắc-thành được quyền lấy tiền kho mà lập một sở dưỡng tế: hễ những kẻ quan-quả, cô-độc, và kẻ tàn-tật không có nơi nương-nhờ, phải đến ở đó, thì mỗi ngày cấp cho mỗi tên 20 đồng tiền và nửa bát quan đồng gạo.

11. VIỆC ĐINH - ĐIỀN VÀ THUẾ - MÁ. Thuế đinh và thuế điền thì đại khái cũng theo như đời vua Thế-tổ đã định. Chỉ có năm bính-thân (1836) là năm Minh-mệnh thứ 17, đất Nam-kỳ đạc điền xong, tính ra được hơn 630.075 mẫu và định lại các thứ thuế điền-thổ ở miền ấy. Còn như số dân đinh và điền-thổ trong nước, thì cứ theo sổ bộ tổng cộng lại được 970.516 suất đinh và 4.063.892 mẫu ruộng và đất.

Những dân Tàu sang thành lập hương-ấp ở nước Nam ta gọi là Minh-hương 明鄉, thì có lệnh mỗi người đồng niên phải nộp hai lạng bạc và được trừ giao-dịch. Những người lão hạng và tàn-tật thì phải chịu một nửa.

Còn những người nhà Thanh sang buôn-bán ở nước Nam, phàm người nào mà có vật-lực thì đồng niên phải

www.songhuong.vn

đóng 6 quan năm tiền; ai không có vật-lực thì phải nộp một nửa, hạn cho 3 năm, thì chiếu lệ thu cả thuế.

Nhà vua lại đặt lệ đánh thuế muối. Cứ mỗi ruộng muối đồng niên phải nộp bằng muối từ 6 phương cho đến 10 phương.

Mỗi phương nộp bằng tiền thì phải từ 3 tiền cho đến 4 tiền 30 đồng.

Còn các thứ thuế mỏ, thuế sản-vật v.v. thì đại-khái cũng theo lệ đời vua Thế-tổ đã định, chứ không thay đổi mấy tí.

15. VIỆC VÕ - BỊ. Khi vua Thánh-tổ lên nối nghiệp làm vua, thì trong nước đã được yên-trị, nhưng ngài vẫn biết việc trị nước cần phải có võ-bị, cho nên thường thường ngài vẫn có dụ truyền bảo các quan phải luyện-tập binh-mã để phòng khi hữu sự.

Ở những nơi hiểm-yếu thì lập đồn-ải, ở các cửa bể và các đảo thì lập pháo đài. Và lại làm tàu đồng, tập thủy-quân để phòng giữ mặt bể.

Binh-chế thì có bộ-binh, thủy-binh, tượng-binh, kỵ-binh và pháo-thủ binh.

Bộ-binh thì có kinh-binh 京兵 và cơ-binh 奇兵. Kinh-binh chia ra làm doanh, vệ, đội, hoặc để đóng giữ ở Kinh-thành, hoặc sai đi đóng giữ các tỉnh. Mỗi doanh có 5 vệ, mỗi vệ có 10 đội, mỗi đội có 50 người, có suất-đội và đội-trưởng cai-quản.

Những binh-khí của mỗi vệ, thì có hai khẩu súng thần-công, 200 khẩu điểu-thương và 21 ngọn cờ.

Cơ-binh là lính riêng của từng tỉnh, cũng chia ra làm cơ, làm đội. Cơ thì có quản-cơ, mà đội thì có suất-đội cai-quản.

Tượng-quân chia ra thành đội, mỗi đội là 40 con voi. Số voi ở Kinh-thành 150 con, ở Bắc-thành 110 con, ở Gia-định-thành 75 con, ở Quảng-nam 35 con, ở Bình-định 30 con, ở Nghệ-an 21 con, ở Quảng-bình, Quảng-nghĩa, Thanh-hóa mỗi nơi 15 con, Quảng-trị, Phú-yên, Bình-thuận, Ninh-bình mỗi nơi 7 con.

www.songhuong.vn

Thủy-quân có 15 vệ, chia ra làm 3 doanh, mỗi doanh có quan chưởng-vệ quản lĩnh, và có quan đô-thống coi cả 3 doanh.

Vua Thánh-tổ vẫn biết rằng nước ta ở dọc bờ bể, thủy-binh là việc rất yếu-trọng cho sự phòng-bị. Thường ngài bắt quan đem binh-thuyền ra để luyện-tập.

Đại-khái việc binh-cơ, ngài không bỏ trễ chút nào. Ngài lập toán giáo-dưỡng binh, để cho con các quan võ, từ suất-đội trở lên ai muốn tình nguyện vào học, thì cho lương-bổng, và cử quan đại-thần ra dạy võ-nghệ.

Còn như khi nào có quân-lính đi đâu, thì nhà vua đặt lệ sai mấy người y-sinh đi theo để điều-hộ.

Tuy nhà vua muốn lưu ý về việc binh-lính, nhưng người mình lúc bấy giờ ai cũng trọng văn khinh võ, bình nhật không ai lo gì đến việc quân-lính khí-giới. Hễ có làm sự thì mới rối lên. Dẫu rằng nhà vua nay có chỉ dụ ra tập binh, mai có chỉ dụ ra tập trận mặc lòng, các quan chỉ làm cho xong việc, rồi lại bỏ mặc bọn quân đội làm thế nào thì làm. Thành ra quân số ở trong sổ-sách thì nhiều, mà thế-lực thì vẫn không đủ : ấy là về đời vua Thánh-tổ mà còn thế, huống chi đến những đời sau, lại còn suy-nhược hơn nữa.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG III

THÁNH-TỔ (1820-1840)

(tiếp theo)

1. Sự giặc-giã
2. Giặc ở Bắc-kỳ
3. Phan bá Vành
4. Lê duy Lương
5. Nồng văn Vân
6. Giặc ở Nam-kỳ
7. Án Lê văn Duyệt và Lê Chất
8. Giặc Tiêm-la
9. Việc Ai-lao
10. Việc Chân-lạp
11. Việc giao-thiệp với những nước ngoại dương
12. Sự cấm đạo
13. Vua Thánh-tổ mất

1. SỰ GIẶC-GIÃ. Vua Thánh-tổ thật là hết lòng lo việc chính-trị, điều gì ngài cũng xem-xét đến, việc gì ngài cũng sửa-sang lại, có ý muốn cho nước thịnh dân giàu, nhưng phải mấy năm về sau, trong nước có lắm giặc-giã, quan quân phải chinh nam phạt bắc, phải đánh Tiêm, dẹp Lào, thành ra dân-sự không được yên nghiệp mà làm ăn.

Xét sự giặc-giã về đời vua Thánh-tổ là do ở ba lẽ cốt-yếu:

Một là khi nhà Nguyễn thất thế ở Nam, quân họ Trịnh thua ở Bắc, nhà Nguyễn Tây-sơn còn phải lo việc trong nước, lúc bấy giờ nước Tiêm-la nhân lấy dịp ấy mà giữ quyền bảo-hộ nước Chân-lạp và hiếp-chế các nước ở đất

www.songhuong.vn

Lào. Đến khi vua Thế-tổ nhất-thống nam bắc, thanh thế lừng-lẫy, nước Chân-lạp lại xin về thần-phục nước Nam, và các nước Ai-lao, Vạn-tượng, đều sang triều cống nhà Nguyễn. Từ đó nước Tiêm-la đối với nước Nam, bề ngoài tuy không ra mặt cừu địch, nhưng bề trong chỉ tìm cách mà sinh sự để cướp lại cái quyền bảo-hộ ở Chân-lạp và ở các nước Lào. Bởi vậy cho nên về phía tây và phía nam bao giờ cũng có giặc Tiêm và giặc Lào quấy-nhiễu mãi.

Hai là ở Bắc-kỳ tuy đã là thống thuộc về nhà Nguyễn rồi, nhưng còn có người mong nhớ nhà Lê, thỉnh-thoảng lại có nơi nổi lên, hoặc muốn khôi-phục cho nhà Lê, hoặc để chống cự với quan nhà Nguyễn, bởi thế cho nên ở đất Bắc cứ phải loạn-lạc luôn.

Ba là quan-lại cứ hay nhũng-nhiễu, làm cho lòng người không được thỏa-thuận, và trong đám quan-trường thường hay có thói bới-móc nhau để tâng công tâng cán. Nhà vua lại có tính hẹp-hòi, không bao-dong cho những kẻ công-thần, hay tìm chuyện làm uất-ức mọi người, mà ở với thần-dân thì nghiêm-khắc quá, cho nên mới thành ra nhiều sự rối-loạn.

Bởi những lẽ ấy, cho nên ở ngoài thì có giặc Tiêm đánh phá, ở trong thì có ngụy Khôi dấy loạn ở phía nam. Lê duy Lương và Nông văn Vân dấy binh ở phía bắc. Lúc bấy giờ cũng nhờ có tôi hiền tướng giỏi như Trương minh Giảng 張明講, Tạ quang Cự 謝光巨, Lê văn Đức 黎文德, Nguyễn công Trứ 阮公著 v. v. đều ra công đánh-dẹp, cho nên không những là giặc trong nước dẹp yên được, mà lại thêm được bờ-cõi rộng-rãi hơn cả những đời trước.

2. GIẶC Ở BẮC-KỲ. Sự giặc-giã ở đất Bắc thì từ năm Minh-mệnh thứ hai (1822) trở đi, thỉnh-thoảng ở các trấn vẫn có những giặc cỏ quấy-nhiễu ở các châu huyện. Còn những giặc có thanh-thế to mà quan-quân phải đánh-dẹp khó nhọc, thì có Phan bá Vành 潘伯鏞 khởi ở Nam-định, Lê duy Lương 黎維良 khởi ở Ninh-bình và Nông văn Vân 農文雲 khởi ở Tuyên-quang.

www.songhuong.vn

3. PHAN BÁ VÀNH. Năm Minh-mệnh thứ 7 (1826). ở Nam-định có Võ đức Cát 武德葛 cùng với Phan bá Vành 潘伯鑠 và Nguyễn Hạnh khởi binh đánh phủ Trà-lý và Lân-hải, giết quan thủ-ngự là Đặng đình Miễn 鄧廷勉 và Nguyễn trung Diễn 阮忠演. Quan trấn-thủ ở Nam-định là Lê mậu Cúc 黎茂菊 đem quân xuống đánh, cũng bị giặc giết mất. Quan quân ở các trấn phải về tiễu trừ, bắt được tên Võ đức Cát. Còn tên Vành và dư đảng thì chạy tan cả. Nhưng đến tháng chạp năm ấy, Phan bá Vành và Nguyễn Hạnh lại thông với đảng giặc Khách đi cướp ở ngoài bể, rồi lại đem quân về đánh phá ở huyện Tiên-minh và huyện Nghi-dương ở Hải-dương.

Nhà vua thấy thế giặc to lắm, bèn sai quan Tham-biện Thanh-hóa là Nguyễn công Trứ 阮公著, quan Tham-biện Nghệ-an là Nguyễn đức Nhuận 阮德潤 đem binh-thuyền ở Thanh, Nghệ ra cùng với quan Hiệp-trấn Bắc-thành là Nguyễn hữu Thận 阮有慎 đi đánh giặc.

Tháng giêng năm đinh-hợi (1827) là năm Minh-mệnh thứ 8, Vành lại về đánh lấy phủ Thiên-trường và phủ Kiến-xương, sau lại về vây quan quân ở chợ Quán. Phạm văn Ý và Nguyễn công Trứ đem quân đến đánh giải vây, Vành thua chạy về giữ Trà-lũ. Quan quân vây đánh, bắt được Vành và cả đảng hơn 765 người.

4. LÊ DUY LƯƠNG. Khi dẹp xong giặc Vành thì trong xứ yên được một độ, nhưng còn có dòng-dõi nhà Lê muốn khôi-phục nghiệp cũ, bởi vậy đến tháng ba năm quí-tị (1833) là năm Minh-mệnh thứ 14, ở Ninh-bình có Lê duy Lương 黎維良, là con cháu nhà Lê nổi lên, xưng là Đại-Lê Hoàng-tôn 大黎皇孫, cùng với bọn thổ-ti là Quách tất Công 郭必功, Quách tất Tế 郭必濟, Đinh thế Đức 丁世德, Đinh công Trịnh 丁功鄭, đem binh đi đánh phá các phủ huyện và chiếm giữ được 3 châu huyện là Lạc-thổ, Phụng-hóa và Yên-hóa. Lê duy Lương lại sai quân đến vây đánh thành Hưng-hóa nguy-cấp lắm.

www.songhuong.vn

Vua Thánh-tổ sai quan tổng-đốc Nghệ-Tĩnh là Tạ quang Cự 謝光巨 đem quân ra Ninh-bình cùng với tổng-đốc Thanh-hóa là Nguyễn văn Trọng 阮文仲 đi đánh Lê duy Lương.

Lê duy Lương ở Ninh-bình thế cô lắm, chống không nổi mấy đạo quan quân, chỉ đương được vài ba tháng thì bị bắt, đóng cũi giải về Kinh trị tội. Còn bọn Quách tất Công, Quách tất Tế thì chẳng được bao lâu mà tan.

Vì có chuyện Lê duy Lương dấy binh, cho nên nhà vua truyền bắt dòng-dõi nhà Lê đem đày vào ở Quảng-nam, Quảng-nghĩa, Bình-định, cứ chia cho 15 người ở một huyện và phát cho 10 quan tiền và 2 mẫu ruộng để làm ăn.

5. NÔNG VĂN VÂN. Ở Bắc còn đang dẹp loạn Lê duy Lương chưa xong, thì ở Nam Lê văn Khôi 黎文傀 làm phản, chiếm giữ thành Gia-định. Nguyên tên Khôi là người Bắc, có họ-hàng bà-con mạn Tuyên-quang, Cao-bằng, bởi vậy nhà vua sai quan tìm bắt anh em của tên Khôi đem về Kinh làm tội. Bấy giờ ở Tuyên-quang có người anh vợ tên Khôi là Nông văn Vân 農文雲 bị quan bắt-bớ, bèn nổi lên đánh phá trong hạt Tuyên-quang, Thái-nguyên, Cao-bằng và Lạng-sơn. Giặc Nông khởi từ tháng 7 năm qui-tị (1833) cho đến tháng 3 năm ất-mùi (1835) dai-dẳng trong non hai năm trời, làm cho quan quân thật là vất-vả.

Nông văn Vân làm Tri-châu châu Bảo-lạc. Nhân thấy quan quân tìm bắt họ hàng Lê văn Khôi, bèn nổi lên tự xưng là Tiết-chế thượng-tướng quân 節制上將軍, và bắt viên tỉnh-phái thích chữ vào mặt rằng: « Quan tỉnh hay ăn tiền của dân », rồi đuổi về.

Nông văn Vân chia quân ra đánh phá các tỉnh, quan sở-tại chống không nổi, phải xin quân cứu viện. Vua Thánh-tổ được tin ấy, bèn sai Sơn-Hưng-Tuyên Tổng-đốc là Lê văn Đức 黎文德 làm Tam-tuyên tổng-đốc quân-vụ, và sai Hải-An thự tổng-đốc là Nguyễn công Trứ 阮公著 làm tham-tán, đem quân hội với Ninh-Thái Tổng-đốc là Nguyễn đình Phổ 阮廷普 đi tiễu trừ giặc Nông.

www.songhuong.vn

Quân giặc vây đánh Cao-bằng và Lạng-sơn ngặt quá, nhà vua lại sai An-Tĩnh tổng-đốc là Tạ quang Cự 謝 光 巨 làm tổng thống đại-thần, lên đánh ở mạn Cao-bằng và Lạng-sơn.

Nông văn Vân nhân được chỗ mường-mán lắm núi nhiều rừng, bèn chia quân đi tản ra mọi nơi, tìm chỗ hiểm-yếu mà ẩn-nấp, hễ có quan quân đến, đánh được thì tiến, không đánh được thì lui, cứ ra vào bất trắc, lui tới không nhất định. Quan quân đi đánh thật là khó-nhọc và lại hao binh tổn tướng rất nhiều.

Tháng chạp năm quí-tị (1833) đạo quân của Tạ quang Cự giải được vây tỉnh Lạng-sơn và lấy lại được thành Cao-bằng. Đạo quân của Lê văn Đức và Nguyễn công Trứ vào đến Vân-trung 雲 中 (tức là Bảo-lạc) là chỗ sào-huyệt của giặc. Nông văn Vân phải chạy trốn sang Tàu.

Nhưng mà khi quan quân rút về, thì Nông văn Vân lại về rủ đảng đánh phá như cũ. Nhà vua lại sai các đạo quân tiến lên phòng giữ các tỉnh mạn ngược.

Đến tháng 9 năm giáp-ngọ (1834) Lê văn Đức và Phạm văn Điền đi từ Sơn-tây lên Tuyên-quang; Tạ quang Cự, Nguyễn tiến Lâm, và Hồ Hữu đi từ Cao-bằng; Nguyễn đình Phổ và Nguyễn công Trứ đi từ Thái-nguyên, ba mặt quân cùng tiến lên hội tiễu. Quan quân đi đường-sá khó-khăn, lương-thực vận-tải không tiện, nhưng mà quân-sĩ đều cố hết sức, đi đến đâu quân giặc tan đến đấy. Tháng chạp năm ấy, cả ba đạo cùng đến hội ở Vân-trung, rồi sai người đưa thư sang nói với quan nhà Thanh phòng giữ, đừng cho quân giặc chạy sang bên ấy. Quả nhiên Nông văn Vân lại chạy sang Tàu, bị quân Tàu đuổi bắt, lại phải trở về Tuyên-quang.

Tháng 3 năm ất-mùi (1835), Phạm văn Điền được tin biết chỗ tên Văn Vân ở, liền đem quân đi đuổi. Văn Vân chạy ẩn vào trong rừng, Phạm văn Điền bèn vây 4 mặt, rồi phóng hỏa đốt rừng. Văn Vân bị chết cháy. Quan quân chém lấy đầu đem về Kinh báo tiệp.

6. GIẶC Ở NAM-KỲ. Đất Nam-kỳ là đất của nhà Nguyễn khai sáng ra, và cũng bởi đấy mà vua Thế-tổ lập nên cơ-

www.songhuong.vn

nghiệp bản-triều bây giờ, thế mà lại có sự phản-nghịch là tại làm sao? Có phần là tại vua Thánh-tổ không dong thứ cho những kẻ cựu - thần, có phần là tại những người gian-nịnh, muốn chiều ý vua để lấy công, làm ức-hiếp người ta, cho nên mới thành ra sự loạn lớn ấy.

Nguyên mấy năm trước, Lê văn Duyệt làm Tổng-trấn 總鎮 ở Gia-định thành, có uy-quyền lắm, mà lòng người ai cũng kính-phục. Chỉ vì ông ấy là quan võ, tính-khí nóng-nảy, lắm khi ở chỗ triều-đường tấu đối không được hợp thể, vua Thánh-tổ lấy làm không bằng lòng, nhưng ông ấy là bậc khai-quốc công-thần, cho nên ngài cũng làm ngơ đi. Đến khi ông ấy mất, thì vua Thánh-tổ bãi chức Tổng-trấn thành Gia-định, và đặt chức tổng-đốc, tuần-phủ, bố-chính, án-sát, lĩnh-binh, như các tỉnh ở ngoài Bắc.

Tỉnh Phiên-an (tức là tỉnh Gia-định) có Nguyễn văn Quế 阮文桂 làm tổng-đốc, Bạch xuân Nguyên 白春元 làm bố-chính, Nguyễn chương Đạt 阮章達 làm án-sát. Nhưng Bạch xuân Nguyên vốn là người tham-lam tàn-ác ; khi đến làm bố-chính ở Phiên-an, nói rằng phụng mật-chỉ truy-xét việc riêng của Lê văn Duyệt, rồi đòi-hỏi chứng cớ, trị tội bọn tôi-tớ của ông Duyệt ngày trước.

Trong bọn ấy có Lê văn Khôi 黎文儀. Nguyên trước tên ấy gọi là Nguyễn hữu Khôi 阮祐儀, người ở Cao-bằng, nhân cớ khởi binh làm loạn, bị quan quân đuổi đánh, mới chạy vào Thanh-hóa, gặp Lê văn Duyệt làm kinh-lược ở đấy, nó xin ra thú. Ông Duyệt tin-dùng cho làm con nuôi, đổi tên họ là Lê văn Khôi, rồi đem về Gia-định cất nhắc cho làm đến chức phó-vệ-úy.

Bấy giờ Lê văn Khôi bị bắt giam, phần thì tức giận, phần thì sợ tội, bèn mưu với mấy người đảng của nó để dấy loạn ; ở Gia-định lại có những người có tội ở Bắc-kỳ đem đày vào, hoặc cho làm-ăn với dân-sự, hoặc bắt làm lính gọi là hồi-lương 回良 ; những lính ấy đều theo tên Khôi cả.

www.songhuong.vn

Đến đêm ngày 18 tháng năm, năm qui-tị (1833) là năm Minh-mệnh thứ 14, Khôi cùng với 27 người lính hồi-lương vào dinh quan Bố, giết cả nhà Bạch xuân Nguyên, rồi ra gặp quan tổng-đốc là Nguyễn văn Quế đem người đến cứu, chúng cũng giết nốt. Còn quan Án và quan Lãnh thì chạy thoát được.

Bấy giờ những quân kinh đóng ở Phiên-an phần nhiều theo về Lê văn Khôi. Lê văn Khôi bèn tự xưng làm Đại-nguyên-súy 大元帥, phong cho đảng mình là bọn Thái công Triều 蔡公朝 và Lê đắc Lực quản trung-quân, Nguyễn văn Đà và Nguyễn văn Tòng quản tiền-quân, Dương văn Nhã, Hoàng nghĩa Thư quản tả-quân, Võ vĩnh Tiền và Võ vĩnh Tái quản hữu-quân, Võ vĩnh Lộc và Nguyễn văn Bột quản hậu-quân, Lưu Tín và Trần văn Tha quản thủy-quân, Nguyễn văn Tâm và Nguyễn văn Chân quản tượng-quân v. v. Lại đặt các quan chức như một triều-đình riêng vậy. Đoạn rồi Lê văn Khôi sai bọn Thái công Triều đem quân đi lấy các tỉnh-thành, chỉ trong một tháng mà 6 tỉnh Gia-định thuộc về giặc cả.

Triều-đình được tin ấy, liền sai Tống phúc Lương 宋福樑 làm Thảo-nghịch tả-tướng-quân 討逆左將軍 và Nguyễn Xuân 阮春 làm tham-tán, sai Phan văn Thúy 潘文瑋 làm Thảo-nghịch hữu-tướng-quân, Trương minh Giảng làm tham-tán, cùng với Bình-khấu tướng-quân là Trần văn Năng 平寇將軍陳文能 đem thủy-bộ binh tượng vào đánh Lê văn Khôi.

Khi quan quân vào đến Gia-định không biết tại cớ gì, mà trung-quân của ngụy là Thái công Triều xin về đái tội lập công. Nguyên Thái công Triều là người ở Thừa-thiên, trước làm quan vệ-úy, coi vệ biền-binh đóng ở Gia-định, sau theo tên Khôi làm phản. Nay lại trở về với triều-đình, đem quân đi đánh Lê văn Khôi lấy lại các tỉnh.

Lê văn Khôi biết thế không chống nổi, vào thành Phiên-an 藩安 đóng cửa lại, rồi chia quân ra chống-giữ, và lại sai người đi sang Tiêm-la cầu cứu. Quân Tiêm nhân dịp ấy, chia làm mấy đạo sang đánh nước Nam. Việc ấy sẽ nói ở mục sau.

www.songhuong.vn

Quan quân một mặt thì đánh đuổi quân Tiêm, một mặt thì vây đánh thành Phiên-an, Lê văn Khôi hết sức chống giữ, nhưng đến tháng chạp năm ấy thì phải bệnh chết. Tuy vậy, quân ngụy ở trong thành cứ chống-giữ mãi, non ba năm trời quan quân mới hạ được thành.

Thành Phiên-an là thành của ông Lê văn Duyệt xây xong năm Minh-mệnh thứ 11 (1830). Xây toàn bằng đá ong, thành cao và rộng, hào sâu, ở trong thành lại có đủ cả lương-thực khí-giới, cho nên quan quân đánh thành lần nào cũng bị chết hại nhiều người, mà không lấy được. Mãi đến tháng 7 năm ất-tị (1835), quân ngụy ở trong thành đã mỏi-mệt lắm rồi, tướng quân là Nguyễn Xuân 阮春 và Nguyễn văn Trọng 阮文仲 mới hạ được thành và vào bắt giết quân giặc cả thảy đến 1.831 người, đem chôn vào một chỗ, nay gọi là *« mả ngụy »*. Còn những người thủ-phạm thì đóng cũi đem về Kinh trị tội.

Ông J. Silvestre chép truyện Lê văn Khôi khởi loạn ở Gia-định (1) nói rằng trong 6 người thủ-phạm phải đóng cũi giải về Huế, có một ông linh-mục người nước Pháp tên là Marchand (bấy giờ gọi là cố Du), một người khách tên là Mạch tấn Giai và một đứa con của Khôi, mới lên 7 tuổi.

Việc ông cố Marchand thì đã nhiều người bàn đi bàn lại: người thì bảo ông ấy có ý muốn làm như ông Bá-đa-lộc, để giúp Lê văn Khôi lập nên một nước theo đạo Thiên-chúa ở Gia-định, người thì bảo ông ấy bị Lê văn Khôi bắt vào trong thành. Việc ấy vẫn phân-vân không rõ hẳn ra thế nào.

Đến khi về đến Huế thì ông Marchand và 5 người kia đều phải tội lăng-trì. Thiết-tưởng dẫu thế nào mặc lòng, đem một đứa con vô tội và 2 người ngoại quốc ra làm cái tội thảm hình ấy, thì thật gớm-ghê quá. Tục Á-đông ta trước hay dùng những nhục hình như là tội lăng-trì, tội ngựa xé, tội voi dày v. v. thì thật là dã-man vô cùng, ngày nay ai nghĩ đến cũng phải ghê mình.

---

(1) Xem tập tạp-chí *« Revue Indochinoise »* số 7-8 năm 1915 và quyển An-nam sử lược *« Abrégé de l'histoire d'Annam »* của ông A. Schreiner.

www.songhuong.vn

7. ÁN LÊ VĂN DUYỆT VÀ LÊ CHẤT. *Lê văn Duyệt.* Quan quân bình xong giặc Lê văn Khôi rồi vua Thánh-tổ sai phá thành Phiên-an đi, xây lại chỗ khác và ngài xuống chiếu định truy tội Lê văn Duyệt 黎文悅 và tội Lê Chất 黎質.

Cứ bình tình mà xét, thì chẳng qua là vua Thánh-tổ vốn có ý không ưa hai ông ấy, rồi đình-thần lại nhân đó mà bởi việc ra để chiều ý ngài, cho nên thành ra hai cái án thật là không đáng.

Nay cứ theo trong sách « *Đại-nam chính-biên liệt-truyện* 大南正編列傳 » mà chép ra, để mọi người đều được lấy lẽ công-bằng mà phán-đoán.

Từ khi tên Khôi khởi loạn, vua Thánh-tổ thường ban trách Lê văn Duyệt che-chở quân phỉ-đảng, để gây nên hoạn loạn.

Năm ất-vị (1835), ở Đô-sát-viện có Phan bá Đạt 潘伯達 dâng sớ nói rằng: Lê văn Duyệt trước ở Gia-định, lấy bọn nghịch Khôi, nghịch Nhã 雅, làm trảo-nha, lấy binh Bắc-thuận, Hồi-lương (2) làm tâm-phúc. Bọn ấy vốn là quân hung-ác, không phải là người lương-thiện, cho nên Duyệt mất chưa bao lâu mà bọn nghịch Khôi, nghịch Nhã, đã đem quân Hồi-lương, Bắc-thuận cùng với bọn thủ-hạ giữ thành làm phản; lại làm phiến-hoặc nhân tâm, để vạ lây đến các tỉnh Nam-kỳ, mà khó-nhọc đến đại đội quan quân phải tiến tiễu. Năm tỉnh nay dẫu thu-phục rồi, song thành Phiên-an tặc đảng vẫn còn thiết cứ, quan quân tiến tiễu, lắm người thương vong, cái vạ ấy nói sao cho xiết. Nay Duyệt mất rồi, sự-trạng dẫu không có thể tường cứu được, nhưng cứ xem con nuôi là Lê văn Hán 黎文漢, trước đây vào ra trong thành, nhập đảng với nghịch Khôi, và đem Bạch xuân Nguyên 白春元 làm đuốc để tế từ-đường, thì tâm-tích của Duyệt tưởng không phải xét cũng đã rõ. Nếu không bắt tội e không làm gương được cho đời sau. Vậy xin truy đoạt quan-chức

---

(2) Bắc-thuận 北順, Hồi-lương 回良, là những người ở Bắc-kỳ bị tội phải đày vào làm lính ở Nam-kỳ.

www.songhuong.vn

của Duyệt, còn vợ con thì giao về Hình-bộ tra-minh nghiêm-nghị, để tỏ phép nước. »

Vua dụ Nội-các rằng: « Lê văn Duyệt xuất-thân từ kẻ yêm hoạn, vốn là một đứa đầy-tớ trong nhà. Xảy gặp hồi trung-hưng, rồng mây gặp-gỡ, đánh dẹp Tây-sơn, cũng dự có phần công-lao. Đức Hoàng-khảo ta nghĩ tới nó thủa nhỏ sai-khiến ở trong cung, mới đem lòng tin-cậy, nhiều lần cho nó cầm quyền đại-tướng. Không ngờ bọn ấy phần nhiều là quân bất lương, mỗi ngày sinh ra kiêu-căng, manh-tâm phản-nghịch, sinh chí làm càn, ăn-nói hỗn-xược. Vì nó còn e Hoàng-khảo ta thánh minh, cho nên dẫu có lòng gian mà chưa dám lộ. Mà Hoàng-khảo ta đến vãn niên cũng đã biết rõ. Nhưng lại nghĩ hắn dẫu có lòng gian, song thiên-hạ đã yên rồi, thần-dân ai còn theo kẻ thị-hoạn đó, thì chắc hẳn cũng chẳng làm gì được. Đến khi trẫm lên ngôi, cựu-thần không còn mấy, vả lại nghĩ nó tuổi đã già, cho nên cũng tạm khoan-dung, hoặc là hắn biết nghĩ mà chừa đi, để cho toàn vẹn công-danh, thì cũng là việc hay. Không ngờ kẻ kia lòng như rắn-rết, tính tựa sài-lang, càng ngày càng sinh kiêu-ngạo, dám nói xấu Triều đình trước mặt chúng nhân, mà khoe cái tài riêng của mình. Năm trước các quân tù phạm xứ Thanh, Nghệ cũng là những kẻ hung-ác, hắn đều chiêu-dụ ra thú, tâu xin ghép vào trướng-hạ để làm nanh-vuốt. Lê văn Khôi là quân vô-lại, thì tiến-cử đến chức vệ-úy, theo dưới cờ hắn, để làm phúc tâm. Thổ-hào như bọn Dương văn Nhã 楊文雅, Đặng vĩnh Ưng 鄧永膺 thì hắn ngầm ngấm vời dùng; nhân thích như bọn Võ vĩnh Tiền 武永錢, Võ vĩnh Lộc 武永祿 thì hắn âm-thầm lập đảng. Những kẻ tù phạm Bắc-kỳ phát phối vào đó, hắn cho ở trong thành, rồi tha cho làm lính; lại kén lấy những voi khỏe đem ra nơi đồn thú; vét lấy những thuyền bè khí-giới trong 6 tỉnh Nam-kỳ chứa vào thành Phiên-an; rồi lại nghe tên Trần nhật Vĩnh 陳日永 mà hút hết cao huyết của dân Nam-kỳ. Đắp thành Phiên-an, tiếm bằng Kinh-thành, hào thì đào sâu hơn. Nếu bảo thành cao hào sâu để phòng giặc Tiêm, thì đường bể phải phòng ở Hà-tiên, đường

www.songhuong.vn

bộ phải phòng ở Chân-lạp, có lẽ nào bỏ bốn tỉnh An, Hà, Long, Tường không giữ, mà lại giữ ở Phiên-an hay sao? Thế là rõ rằng phòng Triều-đình, chứ không phải phòng ngoại hoạn. Cứ suy điều đó, thì ruột-gan hắn, dẫu người đi đường cũng biết, ai không căm-tức, chỉ giận vì ai không chịu nói rõ cho Triều-đình biết sớm mà thôi. Đến nỗi ngày nay như nuôi cái nhọt bọc để nên đau, mỗi ngày mầm vạ một lớn, cho nên kẻ quyền-yêm dẫu chịu tội minh-trư, mà bọn nhỏ-nhặt còn dám giữ thành làm phản. Vì dù quan cai-trị không hèn-đốn như Nguyễn văn Quế 阮文桂, tham-tán như Bạch xuân Nguyên 白春元, thì chúng nó có ngày làm phản chứ không sao khỏi được. Vì bọn tiểu-hạ hắn toàn là quân hung-đồ, quen làm những việc bất-thiện. Chúng nó đã quen thấy hắn dối chúa, lấn trên, đều bắt-chước hắn. Thậm chí hắn nói với người ta rằng hắn vào trấn Gia-định, vốn là phong vương để giữ lấy đất, chứ không phải như các tổng-trấn tầm-thường khác. Mả của cha hắn, em hắn, cũng tiếm gọi là lăng; hoặc dám đối với người ta, tự xưng là Cô, để cho bộ-hạ tập quen thành thói, chỉ biết có Lê văn Duyệt mà không biết đến Triều-đình. Thầy Hữu-tử 有子 nói rằng: « Không ưa phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có lẽ ấy bao giờ ». Vậy thì ưa phạm người trên và không ưa làm loạn, cũng chưa có lẽ thế bao giờ. Mối vạ gây nên đã lâu, lẽ nào mà muốn cho bọn tiểu-hạ không làm phản được? Vậy nên hắn chết chưa bao lâu, mà bọn Lê văn Khôi đã khởi loạn, châu hắn cũng đồng tình tạo phản, để cho cả bọn bộ-khúc của hắn đều theo giặc cả, không một tên nào trốn đi, rồi nó kết tử-đảng, cậy có thành cao, hào sâu, lương-thực như núi, khí-giới tinh-nhuệ, đồ-đảng lại nhiều, kháng-cự lại vương-sư, chầy đến 3 năm trời, nhiều lần mở đường sống cho nó, mà chúng nó không biết hối tội đầu thành, đến nỗi binh dân gan-óc lầy đường, nói ra đau-xót đến gốc-nguồn thì tội hắn kể từng cái tóc cũng không xuể. Nay hãy đem những công-việc của hắn làm, rõ-ràng ở tai mắt người ta, để gây nên hoạn-loạn, hiểu-thị cho ai nấy đều biết. Còn như Lê văn Duyệt và con-cháu hắn nên xử tội thế nào, thì giao cho đình-thần nghị xử. »

www.songhuong.vn

Vài hôm sau, nội-các là Hà Quyền 何權, Nguyễn tri Phương 阮知方, Hoàng Quỳnh 黃炯 tâu rằng: Duyệt che-chở cho quân phỉ loạn, gây nên sự biến, cái tai vạ tích lại đã lâu. Nay xét những giấy-má của y ngày trước, rõ ra hình-tích bội-nghịch, có 6 điều:

1. Năm Minh-mệnh thứ 4, y tự tiện sai người riêng là bọn Phan Đạt 潘達 giả danh đi thám, đi thuyền sang nước Diến-điện. Trong thư chắc có giao-thông. Cứ lấy nghĩa «làm tôi không có phép được giao-thông với nước ngoài», thì tâm-sự của y đã rõ, ấy là một tội.

2. Đến khi sứ-thần nước Diến-điện đến thành, mới tâu vào Triều-đình. Đã có chỉ-dụ nói việc đó quan-hệ đến đại nghĩa, không nên khinh-thường, nghe lời ngoài mà bỏ tình hòa-hiếu, gây việc cừu-thù. Vậy mà y cố xin dung-nạp. May mà Triều-đình trả đồ cống-vật cho sứ Diến-điện về nước, thì danh-nghĩa nước lớn ta mới tỏ giải ra thiên-hạ. Thế là y chẳng những mưu việc nước không ra gì, mà lại cố giữ lấy ý riêng để che điều lỗi, ấy là hai tội.

3. Năm Minh-mệnh thứ 7, tàu bạt phong nước Anh-cát-lợi đậu vào cửa Bình-thuận, đã có chỉ sai sở-tại hộ tống, mà y cố xin đưa vào Gia-định, và nói rằng: «Quan trấn kiềm-thúc, không bằng thần có quyền, khiến cho kẻ kia sợ tướng-lệnh và biết binh oai». Hai chữ «có quyền» từ xưa vẫn lấy làm răn, mà y dám ngất- ngưởng tự nhận, kiêu-tứ dường nào, ấy là ba tội.

4. Năm Minh-mệnh thứ 4, thị-vệ là Trần văn Tình 陳文情 nhân việc công-sai ở Gia-định về, có tâu việc Trần nhật Vĩnh làm riêng phố ngói, mua trộm các món. Y nghe chuyện làm vậy, năm sau vào chầu, cố xin bắt Trần văn Tình giao cho y để y chém, nếu không giao thì y xin trả chức tổng-trấn; rồi y xin từ chức thực. Có ý yêu quân như vậy, tội gì còn to bằng tội ấy. Vả y xin giết một Trần văn Tình, thế là bắt người ta phải khóa lưỡi, không ai dám nói nữa, rất là dụng tâm nham-hiểm, ấy là bốn tội.

www.songhuong.vn

5. Trần nhật Vĩnh đã có chỉ bổ thụ ký-lục Vĩnh-thanh, mà y cố xin lưu ở lại trong thành. Lê đại Cương 黎大綱 có chỉ tuyên-triệu, mà y cố xin lưu lại làm việc phủ Lạc-hóa, đều là có ý vi chiếu. Trong tập tâu của y lại nói rằng: «Chuẩn cho thần cầu xin việc ấy, thì hầu có ích cho việc ngoài biên-cương»; lại ở trong tập tâu xin chi-bổng cho bọn thơ-lại, cơ, đội, các vệ, có câu rằng: «Lão-thần xa ở ngoài biên-khổn, chỉ e Triều-đình tin dùng không được vững-bền». Trong lời-lẽ ấy đều là không kính, ấy là 5 tội.

6. Năm Minh-mệnh thứ 6, y tâu xin tăng thọ cho Lê Chất, có nói rằng: «Ấy là vị thánh-dược khởi tử hồi sinh, tiếc gì mà không làm». Y là chức biên-khổn dám kết đảng tư tình như thế, rất trái với đạo làm tôi, ấy là 6 tội. Vả lại nghe y bình nhật thường khoe chuyện với người ta rằng: y xin được quẻ thẻ có 4 câu thơ:

Tả Hán tranh tiên chư Hán-tướng,
Phù Chu ninh hậu thập Chu-thần.
Tha niên tái ngộ Trần-kiều sự,
Nhất đán hoàng-bào bức thử thân.

DỊCH NÔM

Giúp Hán há thua cùng tướng Hán,
Phò Chu nào kém bọn tôi Chu.
Trần-kiều nếu gặp cơn binh biến,
Mảnh áo hoàng-bào dễ ép nhau!

Giá y không phải là người sẵn có bụng bất trung, thì không khi nào dám khoe bài thơ ấy với người ta. Bởi vậy bọn tiểu-hạ tập quen thành thói, cho nên thấy y chưa lạnh mà đã có việc này. Vậy xin giao cả lời tâu này cho đình-thần kết án để chính tội. Vua ưng cho.

Đến khi nghị án xong, trích ra các lời nói, việc làm, bội nghịch, có 7 tội nên trảm:

1. Sai người đi riêng sang Diến-điện, âm kết ngoại-giao.
2. Xin giao tàu Anh-cát-lợi đến thành, để tỏ có quyền.
3. Xin giết thị-vệ là Trần văn Tinh, để khóa miệng người ta.

www.songhuong.vn

4. Kháng sở xin lưu quan-viên bổ đi chỗ khác.

5. Lập đảng mà xin tăng thọ cho Lê Chất.

6. Giấu chứa giấy ngự bảo.

7. Mộ cha, tiếm gọi là lăng, đối với người ta, tự xưng là cô.

Có hai tội nên giảo : 1. cố xin dung-nạp Diến-điện để che-chở cái lỗi của mình ; 2. nói chuyện với người ta xin được quẻ thẻ có câu thơ hoàng-bào.

Một tội nên phát quân : tự tiện sai biền binh tu - tạo tàu - thuyền.

Sự biến Phiên-an, y thực là đầu vạ nên chiếu theo luật mưu-phản, khép vào tội lăng-trì ; song y đã chịu minh-tru, vậy xin truy-đoạt cáo sắc, bỏ quan-quách giết thây, để tỏ gương răn cho người khác. Còn như tằng-tổ, tổ-phụ của y được phong tặng cáo sắc, thì xin truy-đoạt cả ; tiên phần có tiếm dụng trái phép nào thì tước-hủy đi ; con, cháu, vợ cả, vợ lẽ, đều phân-biệt nghị tội ; tài-sản thì tịch-biên hết.

Án ấy đệ lên. Những tội nguyên nghị trảm quyết đổi làm giam-hậu, con cháu từ 15 tuổi trở xuống, tạm hãy nghiêm cấm ; trẻ thơ-ấu chưa biết gì thì tha không bắt ; ba họ phải phát nô cũng đều tha ; nguyên nghĩ lục thì cũng thôi.

Lại sai Hình-bộ sao bản văn án phát cho tổng-đốc, tuần-phủ các tỉnh, cho cứ ý-kiến riêng mà tâu về. Hộ-phủ Lạng-bình là Trần huy Phác 陳 輝 樸 xin điều phép tội trảm quyết. Hộ-phủ Quảng-yên là Lê dục Đức 黎 育 德 xin người nào từ 16 tuổi trở lên đều chém, còn thì đều y như đình nghị. Tổng-đốc Bình-phú là Võ xuân Cẩn 武 春 謹, Tổng-đốc Ninh-thái là Hoàng văn Trạm 黃 文 詔 cũng đều xin y đình nghị. Lại nói kèm một câu rằng : hoặc nên lấy công bù tội chám-chước ít nhiều thì tự Thiên-ân.

Dụ rằng : «Xem vậy thì đủ biết lẽ trời không sai, mà công đạo ở lòng người không ai giấu được. Kẻ quyền-gian kia gây vạ, thiên-hạ ai ai cũng căm-tức, muôn miệng cùng lời, đủ tỏ

www.songhuong.vn

cái án sắt nghìn xưa. Tội Lê văn Duyệt nhổ từng cái tóc mà kể cũng không hết, nói ra đau lòng, dù có bổ quan-quách mà giết thây, cũng là đáng tội. Song nghĩ hắn chết đã lâu, và đã truy-đoạt quan tước, xương khô trong mả, không bõ gia hình. Vậy cho tổng-đốc Gia-định đến chỗ mả hắn, sau làm đất phẳng và khắc đá dựng bia ở trên viết to những chữ *«Chỗ này là nơi quyền-yêm Lê văn Duyệt phục pháp»*, để chính tội danh cho kẻ đã chết, mà tỏ phép nước về đời sau, làm gương cho kẻ quyền-gian muôn đời.

Không những Lê văn Duyệt là họa thủ tội khôi, mà tên cháu y là Lê văn Hán cũng giao thông với giặc, thì thân-thuộc phải tội, trong luật đã có điều nói rõ rồi. Song nghĩ nó chẳng qua cuồng-dại một lúc, qua lại với giặc mà thôi, sánh với kẻ trước sau theo giặc kháng-cự quan quân, hơi có khác nhau. Và đã xử cực hình, cũng đủ tỏ phép nước rồi. Những kẻ thân-thuộc khác, khép tội trảm giam hậu, cũng đủ cho nó phục tội. Lời dụ này chuẩn lục-tống phát cho mỗi tỉnh một đạo, để cho ai nấy đều biết Triều-đình xử rất công, rõ-ràng cái cân ba thước mà nghiêm như rìu búa nghìn thu.»

Án Lê Chất. Án Lê văn Duyệt phát ra năm trước thì năm sau có quan Lại-bộ tả thị-lang là Lê bá Tú 黎伯秀 truy tham những tội bất thần của Lê Chất 黎質, có 6 tội nên chết:

1. Chất cùng Duyệt toan mưu làm việc Y, Hoắc (phế lập), bị hai đứa ở nói hở ra ngoài, bèn giết chúng nó để buộc miệng, là một tội.

2. Mấy lần cố xin thưởng cho hoàng-tử để làm con nuôi, muốn bắt chước lối cũ của Dương Kiên, là hai tội.

3. Muốn cho con gái chính vị trong cung, không được thỏa chí, nói ra những lời oán vọng, là ba tội.

4. Thường nói chuyện với Lê văn Duyệt rằng: «Người ta thường nói trời, vua và cha mẹ, người làm con, làm tôi dù có điều bất bình, cũng không dám giận, mà một mình tôi dám giận» là bốn tội.

www.songhuong.vn

5. Lại nói rằng : « Vua cậy có Trịnh hoài Đức, Nguyễn hữu Thuận phúc tâm, chỉ đem độ vài trăm người vào chầu, quát to một tiếng, bọn ấy cũng phải phục xuống đất, rồi ta muốn làm gì ta làm » là năm tội.

6. Lại nói rằng quốc-tính đổi làm tôn-thất, đều là bọn Hoài Đức a-dua xui-giục, nên đem chém ở trước cửa miếu để chính tội, là sáu tội.

Lại có 10 tội tiếm lạm : 1. Khi y ở Bắc-thành, đầu năm điểm binh, dám lên lầu Ngũ-môn ngồi chính giữa.

2. Đệ niên thuyền tải ngoài bể, y lấy của riêng mà tải vào thuyền công.

3. Cùng với Lê văn Duyệt dâng biểu từ chức để bắt bí nhà vua.

4. Việc sinh sát dữ đoạt, hay tự tiện.

5. Trái phép, ăn lễ, giàu đến nghìn vạn.

6. Tấu sớ không hợp phép, có chỉ không cho, mà cứ nhất định nộp lại, có Lê văn Duyệt ngăn đi mới thôi.

7. Nuôi những cung-nữ tiên triều, không biết kiêng-nể gì.

8. Nơi công-sảnh tiếm làm gác chuông, gác trống.

9. Tội án Lê duy Thanh đã thành, lại còn cùng với Lê văn Duyệt cố xin nghị lại.

10. Điều bổ cơ binh, phủ binh, xin lấy chức quan văn mà thi-hành.

Vậy xin giao cho đình nghị, để chính tội danh làm gương cho kẻ gian trăm đời.

Vua dụ rằng : « Chất, tính vốn sài-lang, nết như ma-quỉ, làm tôi thì bất trung, bất chính, xử việc thì đại ác đại gian, việc nào cũng càn-rỡ, ai là chẳng tức giận, chẳng những là 16 tội mà thôi đâu. Trước kia trẫm nghĩ hắn cùng với Lê

www.songhuong.vn

văn Duyệt, dẫu mang lòng bất thần, nhưng người ta không chịu theo, thì chắc không dám gây sự. Vả hắn là nhất-phẩm đại-thần; dù có mưu gian mà thần-dân chưa cáo-tố, thì không nỡ bắt tội. Kể đến hắn lại chịu tội minh-tru rồi thì lưới trời tưởng cũng không thoát, cho nên cũng chẳng kể làm gì nữa. Nay đã có người tham-hạch, vậy thì phải trái cho công, đã có triều-đình pháp-luật. Chuẩn cho đình-thần đem 16 điều tội của hắn mà định rõ tội danh, vợ con cũng án-luật mà nghị-xử, duy con gái nào đã xuất giá, cùng là cháu trai còn nhỏ thì tha. »

Đình-thần nghị rằng : Chất, bất pháp bất trung, đại gian đại ác, có 6 tội nên lăng-trì, 8 tội nên trảm, 2 tội nên giảo. Những tội phạm phận, âm-mưu điều bất quỉ, thì khép vào tội bạn-nghịch mà xử lăng-trì. Song y đã chịu tội minh-tru, vậy xin truy-đoạt cáo sắc, bổ áo quan, lục thây, khiêu thủ để thị giới. Còn cáo sắc phong cho cha mẹ y, cũng xin truy đoạt ; vợ là Lê thị Sai 黎氏差 từng đồng mưu bạn với chồng, nghĩ trảm lập quyết. Lại phát cho các tổng-đốc, tuần-phủ, mỗi nơi một đạo văn-án, để cho đem ý riêng bày-tỏ tâu về, cho công lòng chúng. Các địa phương tâu về, đều xin y đình nghị.

Ngài dụ rằng : « Như vậy đủ rõ lẽ trời ở tại lòng người, công-luận không bao giờ mất. Kẻ gian-thần chứa vạ, muôn miệng cùng một lời, đủ làm án sắt thiên cổ. Vả Lê Chất cùng với Lê văn Duyệt, dựa nhau làm gian, tội ác đầy chứa, nhổ từng cái tóc mà tính cũng không hết, giá thử bổ áo quan giết thây, cũng không là quá. Song lại nghĩ Chất tội cũng như Duyệt, trước kia Duyệt đã không bổ áo quan giết thây, thì nắm xương khô của Chất nay cũng chẳng màng bắt tội. Vậy cho Tổng-đốc Bình-phú Võ xuân Cẩn 武春謹 san phẳng mộ của hắn, khắc bia dựng lên trên đề to mấy chữ « *Chỗ nầy là nơi Lê Chất phục-pháp* » để làm gương cho kẻ gian-tặc muôn-đời. Còn vợ hắn là Lê thị Sai cùng ở một nhà, dự biết mưu bạn-nghịch, xử vào cực hình, cũng là phải, song kẻ đàn bà chẳng cần vội vàng chính pháp. Vậy Lê thị Sai cùng con là Lê Cẩn 黎瑾, Lê Trương 黎張, Lê Thường 黎常, Lê Kỵ 黎騎, đều cải làm trảm

www.songhuong.vn

giam hậu. Lại tịch-biên gia-sản, được hơn 12.000 quan tiền, giao tỉnh chứa cả vào kho (3).

8. GIẶC TIÊM-LA. Nước Tiêm-la 暹羅 tự khi mất quyền bảo-hộ ở Chân-lạp, vẫn có ý muốn sinh sự với nước Nam, nhưng còn sợ thế-lực Nguyễn-triều chưa dám làm gì, chỉ thỉnh-thoảng sang sinh sự với những nước ở Lào. Hễ khi nào Tiêm và Lào đánh nhau, thì nhà vua sai quan quân phòng giữ những chỗ biên-thùy, và sang cứu-viện những nước bị người Tiêm bắt nạt. Như năm đinh-hợi (1827) là năm Minh-mệnh thứ 8, nước Tiêm đánh lấy nước Vạn-tượng (Vientiane). Quốc-trưởng nước ấy là A Nỗ 阿努 chạy sang cầu-cứu, vua Thánh-tổ sai quan thống-chế là Phan văn Thúy 潘文瑞 làm kinh-lược biên-vụ đại-thần đem binh tượng sang cứu A Nỗ.

Tháng chín năm ấy, bọn Lê đức Lộc 黎德祿, Nguyễn công Tiến 阮公進 đem binh ở Nghệ-an chia làm hai đạo đi đường Qui-hợp và đường Lạc-phàm qua Trấn-ninh sang cứu A Nỗ. Đi đến đâu vẽ những sông núi hình-thế hiểm-trở rồi gửi về Kinh.

A Nỗ mất nước không lấy lại được, phải theo quân An-nam về Nghệ-an, đợi thu-xếp quân-sĩ để về đánh báo thù. Đến năm mậu-tí (1828), A Nỗ nói rằng quân Lào tụ-hợp được đủ rồi, xin cho quan quân đưa về nước. Vua Thánh-tổ sai Phan văn Thúy 潘文瑞 làm kinh-lược đại-thần,

---

(3) Đến năm tự-đức nguyên-niên (1847) quan Đông-các Đại-học-sĩ là Võ xuân Cẩn 武春瑾 làm sớ tâu xin gia ân cho con cháu Nguyễn văn Thành. Trong bài sớ có lắm câu thảm thiết. Có chỗ nói rằng: «Nguyễn văn Thành, Lê văn Duyệt và Lê Chất đều có lòng theo mây đợi gió, xông pha chỗ mũi tên hòn đạn, thân làm đại-tướng, tước đến Quận-công, sau hoặc vì con dại, hoặc vì cậy công mà làm thành tội.... Dù bọn Nguyễn văn Thành có tội, thì tội đã trị rồi, mà công thì không hỏi đến, chẳng hóa ra đem cái công-lao bách-chiến mà để đến nỗi cái tàn hồn phải bơ-vơ như ma-trơi ngoài đồng, khác nào quỉ Mạc Ngao không ai thờ cúng không?» Vua Dực-tông xem bài sớ ấy lấy làm cảm-động bèn truy-phong cho bọn Nguyễn văn Thành, và cấp phẩm-hàm cho các con cháu.

www.songhuong.vn

Nguyễn văn Xuân 阮文春 làm phó, Nguyễn khoa Hào 阮科豪 làm tham-tán, đem 3.000 quân và 24 con voi, đưa A Nỗ về Trấn-ninh.

Đến Trấn-ninh, A Nỗ xin đem quân Lào về Vạn-tượng (Vientiane). Phan văn Thúy cho hai đội quân Thần-sách đi hộ tống. Về đến Vạn-tượng, A Nỗ đem quân đi đánh quân Tiêm, quân-sĩ chết hại rất nhiều, rồi lại sai người sang Nghệ-an xin viện binh.

Vua Thánh-tổ thấy A Nỗ hay sinh sự đánh nhau mà không được việc gì, bèn không cho quân sang cứu, chỉ xuống lệnh truyền cho các hạt ở Lào phải phòng giữ những chỗ biên-thùy. A Nỗ không có quân cứu viện, bị quân Tiêm đến đánh, lại phải bỏ thành mà chạy sang Trấn-ninh. Được ít lâu, Chiêu Nội 昭内 là thủ-lĩnh Trấn-ninh bắt A Nỗ đem nộp cho Tiêm-la.

Quân Tiêm-la phá được Vạn-tượng rồi, lại xâm vào đến các châu phụ-thuộc về nước Nam, ở mạn gần Quảng-trị. Vua Thánh-tổ sai thống-chế Phạm văn Điền 范文典 kinh-lý mọi việc ở Cam-lộ, sai Lê đăng Doanh 黎登瀛 làm tham-tán quân-vụ, cùng với quân các đạo ở Lào đi tiễu-trừ.

Phạm văn Điền, một mặt thì cho người đem thư sang trách nước Tiêm-la sinh sự, một mặt thì chia quân làm ba đạo tiến lên đánh.

Tướng Tiêm-la viết thư trả lời một cách khiêm-nhường lắm, rồi rút quân về. Từ đó nước Tiêm bề ngoài vẫn thông sứ đi lại để giữ sự hòa-hiếu, nhưng ngầm-ngầm cứ tìm cách quấy-nhiễu nước Nam. Ở phía tây-nam, người Tiêm vẫn dung-túng những người phản-nghịch nước Chân-lạp, mà ở phía tây-bắc thì vẫn cứ hà-hiếp Vạn-tượng và các nước nhỏ khác. Dù thế mặc lòng, Vua Thánh-tổ không muốn gây việc binh đao, cứ dùng lời nói ngọt mà trang-trải mọi việc.

Đến cuối năm qui-tị (1833) nhân có ngụy Khôi khởi loạn ở đất Gia-định và tên Khôi lại cho người sang cầu cứu, vua Tiêm-la bèn sai quân thủy-bộ chia ra làm 5 đạo sang đánh Việt-nam.

www.songhuong.vn

Đạo thứ nhất thủy-quân đem hơn 100 chiếc thuyền vào đánh lấy Hà-tiên; đạo thứ nhì bộ quân sang đánh Nam-vang (Phnom-penh), rồi tiến lên đánh lấy Châu-đốc và An-giang; đạo thứ ba đánh lấy mặt Cam-lộ; đạo thứ tư đánh Cam-cát, Cam-môn, đạo thứ năm đánh Trấn-ninh.

Tuy rằng quân nghịch năm đạo cùng tiến, nhưng chủ-đích của Tiêm-la là cốt đánh Chân-lạp và Nam-kỳ, còn các đạo khác là để phân quân-lực của nước Nam mà thôi.

Vua Thánh-tổ được tin báo cấp, liền xuống chiếu sai quan quân phòng ngự các nơi. Phía tây-nam thì sai quân thứ ở Gia-định, chia quân cho Trương minh Giảng 張明講 và Nguyễn Xuân 阮春 đi tiến tiễu ở mặt An-giang. Phía tây-bắc thì sai Lê văn Thụy 黎文瑞 giữ mặt Cam-lộ, thuộc Quảng-trị, Phạm văn Điền 范文典 giữ mặt Nghệ-an. Lại sai Nguyễn văn Xuân 阮文春 (4) làm kinh-lược đại sứ đi tiễu trừ quân Tiêm và quân Lào ở Trấn-ninh.

Trương minh Giảng và Nguyễn Xuân đại phá quân Tiêm-la ở sông Cổ-cắng. Quân Tiêm-la ở Chân-lạp cũng bị người bản xứ đánh phá. Chỗ nào quân nghịch cũng thua to chết hại rất nhiều; chỉ trong một tháng mà quan quân lấy lại Hà-tiên và Châu-đốc, đuổi quân Tiêm ra ngoài bờ cõi, rồi tiến lên đánh lấy thành Nam-vang và đưa vua Chân-lạp là Nặc ông Chân về nước.

Trương minh Giảng và Nguyễn Xuân từ Nam-vang tiến lên đánh quân Tiêm, liền phá mấy trận, chém tướng bắt binh lấy được súng-ống khí-giới không biết ngần nào mà kể. Tướng Tiêm-la là Phi Nhã Chất Tri 丕雅質知 đem bại binh chạy về nước, quan quân đuổi đánh lấy lại thành Phú-túc (Pursat) rồi cho người Chân-lạp ở lại giữ các nơi: chỗ nào hiểm-yếu thì làm đồn đắp lũy, để phòng ngự quân giặc.

---

(4) Nguyễn Xuân 阮春 thì làm tham-tán đại-thần theo Trương minh Giảng, Nguyễn văn Xuân 阮文春 thì làm hữu-quân lĩnh An-tĩnh tổng-đốc đi đánh mặt Trấn-ninh.

www.songhuong.vn

Những đạo quân Tiêm và quân Lào sang đánh ở mặt Quảng - trị, Nghệ - an và Trấn - ninh, đều bị tướng quân là Nguyễn văn Xuân 阮文春, Phạm văn Điền 范文典 và Lê văn Thụy 黎文瑞 đánh đuổi, chỗ nào quan quân cũng được toàn thắng, giữ được bờ cõi nguyên như cũ cả.

Quân Tiêm sang đánh từ tháng giêng năm giáp-ngọ (1834), đến tháng năm năm ấy, thì quân quân đã bình xong cả mọi nơi. Vua Thánh-tổ mừng-rỡ, ban thưởng cho các tướng-sĩ và bố cáo ra cho mọi nơi đều biết.

9. VIỆC AI-LAO. Nước Nam ta về đời vua Thánh-tổ thì to rộng hơn cả, là vì quân Tiêm-la cứ hay sang quấy-nhiễu cho nên các xứ ở Lào đều xin về nội thuộc nước ta.

Năm đinh - hợi (1827), người Nam - chưởng (Luang-Prabang) thông với Tiêm-la, rồi cứ đem quân xuống quấy-nhiễu đất Trấn - ninh. Tù - trưởng là Chiêu Nội 昭內 xin đem đất Trấn-ninh về nội thuộc Việt-nam. Vua Thánh-tổ phong cho Chiêu Nội làm Trấn-ninh phòng-ngự-sứ 防禦使 cai-quản cả 7 huyện, lại phong cho những thổ-mục làm thổ tri-huyện và thổ huyện-thừa. Chiêu Nội dâng sổ dân đinh và điền thổ, cả thảy được 3.000 suất đinh và 28 sở ruộng.

Lại có đất Tam-động và Lạc-phố (trước thuộc về Vạn-tượng) cũng xin nội thuộc. Triều-đình chia những đất ấy ra làm hai phủ là Trấn-tĩnh-phủ 鎮靖府 và Lạc-biên-phủ 樂邊府. Năm ấy lại có xứ Xa-hồ (?), Sầm-tộ (Sam-teu), Mường-soạn (?), Mang-lan (Mường-lam), Trình-cố (Xiêng-khô), Sầm-nứa (Sam-neua), Mương-duy (?) và ở Ngọc-ma có Cám-cát (Kham-keut), Cam-môn và Cam-linh (?) đều xin về nội thuộc. Vua Thánh-tổ chia những đất ấy ra làm ba phủ là Trấn-biên 鎮邊, Trấn-định 鎮定 và Trấn-man 鎮蠻.

Phủ Trấn-biên có bốn huyện là Xa-hồ, Sầm-tộ, Mang-soạn, Mang-lan; phủ Trấn-định (5) có 3 huyện là Cam-cát, Cam-môn, và Cam-linh. Hai phủ ấy đều thuộc về Nghệ-an.

---

(5) Ở gần địa-hạt Hà-tĩnh bây giờ.

www.songhuong.vn

Còn phủ Trấn-nam có 3 huyện là Trình-cố, Sầm-nứa, Man-duy thì thuộc về Thanh-hóa.

Ở miền Cam-lộ thuộc Quảng-trị lại có những mường Mang-vang (?), Ná-bi (?), Thượng-kế (?), Tả-bang (?), Xương-thịnh (?), Tầm-bồn (?), Ba-lan (?), Mang-bồng (?), Lang-thời (?), xin về nội thuộc, chia ra làm 9 châu, cho chiếu lệ triều-cống.

Đại-khái là đất Sầm-nứa, đất Trấn-ninh, đất Cam-môn và đất Savannakhet bây giờ, thủa ấy thuộc về Việt-nam ta cả.

10. VIỆC CHÂN-LẠP. Ở nước Chân-lạp thì từ khi quan quân phá được giặc Tiêm rồi, tướng quân là Trương minh Giảng 張明講 và tham-tán là Lê đại Cương 黎大綱 lập đồn An-nam ở gần Nam-vang để bảo-hộ Chân-lạp.

Cuối năm giáp-ngọ (1834), vua nước Chân-lạp là Nặc ông Chân mất, không có con trai, quyền cai trị trong nước về cả mấy người phiên liêu là bọn Trà Long 茶龍 và La Kiên 羅堅. Những người này đều là người Chân-lạp mà lại nhận quan chức Việt-nam. Đến năm ất-vị (1835), Trương minh Giảng xin lập người con gái của Nặc ông Chân tên là Angmey lên làm quận-chúa, gọi là Ngọc Vân công-chúa 玉雲公主, rồi đổi nước Chân-lạp ra làm Trấn-tây-thành 鎮西城, chia ra làm 32 phủ và 2 huyện. Đặt một tướng-quân 將軍, một tham-tán đại-thần 參贊大臣, một đề-đốc 提督, một hiệp-tán 協贊, và 4 chánh phó lĩnh-binh 領兵, để coi mọi việc quân dân. Ở các chỗ yếu-hại, lại đặt chức tuyên-phủ 宣撫, an phủ 安撫 để phòng-ngự.

Năm canh-tí (1840), nhà vua sai Lê văn Đức 黎文德 làm khâm-sai đại-thần, Doãn Uẩn 尹蘊 làm phó và cùng với Trương minh Giảng để kinh-lý mọi việc ở Trấn-tây-thành, khám-xét việc buôn-bán, đo ruộng đất, định thuế đinh, thuế thuyền-bè buôn-bán dưới sông.

Nhưng vì quan-lại Việt-nam ta sang làm nhiều điều trái lẽ, nhũng-nhiễu dân-sự, lại bắt Ngọc Vân quận-chúa đem về để ở Gia-định, bắt bọn Trà Long và La Kiên đày ra Bắc-kỳ, dân Chân-lạp ai cũng oán giận, chỗ nào cũng có giặc-giã nổi lên

www.songhuong.vn

đánh phá. Lại có em Nặc ông Chân là Nặc ông Đôn khởi nghĩa, có người Tiêm-la giúp-đỡ, thành ra quan quân đánh mãi không được. Về sau đến khi vua Thánh-tổ mất rồi, quan quân phải bỏ thành Trấn-tây mà rút về An-giang.

Ấy cũng là vì người mình không biết bênh-vực kẻ hèn-yếu, chỉ đem lòng tham-tàn mà ức-hiếp người ta, cho nên thành ra hao-tổn binh-lương, nhọc-mệt tướng-sĩ, mà lại phải sự bại-hoại, thật là thiệt hại cho nước mình.

11. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI NHỮNG NƯỚC NGOẠI-DƯƠNG. Việc giao-thiệp của nước Nam ta với các nước ngoại-dương mà ngăn-trở là bởi có hai lẽ: một là vì sự cấm giảng đạo Thiên-chúa; hai là vì người nước mình hức bấy giờ không hiểu thời thế, cứ tự-đắc mình là văn-minh hơn người, không chịu học-tập như người ta mà theo đường tiến-bộ.

Nước ta từ đời thập-thất thế-kỷ, về nhà Hậu-Lê đã có người Âu-la-ba ra vào buôn-bán, hoặc ở Phố-hiến (Hưng-yên), hoặc ở cửa Hội-an (Faifo), đều không có việc gì ngăn-trở cả. Chỉ có sự giảng đạo Thiên-chúa ở trong nước là hay bị sự ngăn-cấm. Ngày trước chúa Trịnh và chúa Nguyễn đã có dụ nghiêm-cấm. Đến đời Nguyễn Tây-sơn thì trong nước rối loạn, còn phải lo việc chiến-tranh, cho nên không nói đến việc cấm đạo. Về sau, khi vua Thế-tổ nhất-thống cả nam bắc, thì ngài nhớ ơn bên đạo có công giúp rập trong lúc gian-truân, vẫn để các giáo-sĩ được phép đi giảng đạo mọi nơi. Mãi đến đời vua Thánh-tổ thì việc nước đã yên, nhà vua lưu ý về sự giáo-hóa, lấy Nho-đạo làm chính đạo và cho các tôn-giáo khác làm tả đạo, bắt dân-gian phải bỏ tà theo chính. Sự cấm đạo lại khởi đầu phát ra nữa.

Mà cũng vì sự cấm đạo, cho nên sự buôn-bán của những người ngoại-dương ở nước ta, thành ra ngăn-trở. Bởi vì Triều-đình thấy thỉnh-thoảng có chiếc tàu buôn lại, thì có một vài người giáo-sĩ vào giảng-đạo, ngăn-cấm thế nào cũng không được, tưởng là có ý do-thám gì chăng, cho nên lại càng nghi-ngờ lắm.

www.songhuong.vn

Vả lại về đời nhà Nguyễn lúc bấy giờ, ở trong nước cũng không có người ngoại quốc ra vào buôn-bán, chỉ có người Pháp-lan-tây trước đã theo giúp vua Thế-tổ, rồi ở lại làm quan tại triều là Chaigneau và Vannier. Khi vua Thế-tổ hãy còn, thì Chaigneau có xin về nước Pháp nghỉ ba năm, đến năm tân-vị (1821), ông ấy trở sang thì lại nhận chức lãnh-sự và chức khâm-sai của vua Louis XVIII, đem đồ phẩm-vật và tờ quốc-thư sang điều-đình việc thông thương với nước Nam. Chaigneau sang đến nơi, thì vua Thế-tổ mất rồi, vua Thánh-tổ tiếp đãi Chaigneau cũng tử tế, và ngài sai quan trả lời cho Pháp-hoàng rằng nước Nam và nước Pháp không việc gì mà phải làm điều-ước về việc thương-mại. Việc vào buôn bán ở nước Nam, thì cứ theo luật nước Nam, không điều gì ngăn-trở cả.

Năm nhâm-ngọ (1822) có chiếc tàu chiến của Pháp tên là Cléopâtre vào cửa Đà-nẵng, người quản tàu tên là Courson de la Ville Héllio nhờ Chaigneau xin phép cho vào yết-kiến vua Thánh-tổ; ngài không cho. Tháng 7 năm ấy, có tàu Anh-cát-lợi vào Đà-nẵng xin thông thường, nhà vua cũng không cho.

Chaigneau thấy nhà vua càng ngày càng nhạt-nhẽo với mình, và cũng không làm được công-việc gì có ích, bèn cùng với Vannier xin từ chức, rồi đến cuối năm giáp-thân (1824), hai người xuống tàu đi qua Gia-định về Pháp.

Tháng giêng năm ất-dậu (1825), lại có thủy-quân đại-tá nước Pháp là ông Bougainville đem hai chiếc tàu chiến là Thétis và Espérance vào cửa Đà-nẵng, đem đồ phẩm-vật và quốc thư, xin vào yết-kiến vua Thánh-tổ. Ngài nói rằng nước Pháp và nước Anh là hai nước cừu địch, mà nước ta trước đã không tiếp sứ Anh-cát-lợi, lẽ nào nay lại tiếp sứ nước Pháp. Vả lúc bấy giờ Chaigneau và Vannier đã về cả rồi, ngài bèn sai quan đem đồ vật ra ban thưởng cho sứ nước Pháp và nói rằng ở trong Triều không có ai biết tiếng Pháp, cho nên không thể tiếp được.

www.songhuong.vn

NƯỚC NAM VỀ ĐỜI MINH-MỆNH

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

Qua năm sau (1826) chính-phủ Pháp lại sai cháu ông Chaigneau sang làm lĩnh-sự thay cho chú, nhưng sang đến nơi, Triều-đình nước ta không nhận, đến năm kỷ-sửu (1829) lại phải trở về.

Từ đó cho đến 10 năm về sau nước Pháp tuyệt giao với nước Nam ta. Mà lúc bấy giờ chỉ trừ mấy người giáo-sĩ đi giảng đạo ở chỗ thôn-dã ra, thì trong nước cũng không có người ngoại-dương nào ở nữa.

12. SỰ CẤM ĐẠO. Từ khi vua Thánh-tổ lên ngôi, ngài đã có ý không cho người ngoại-quốc vào giảng đạo ở trong nước. Đến năm ất-dậu (1825), khi chiếc tàu Thétis vào cửa Đà-nẵng, có một người giáo-sĩ tên là Rogerot ở lại đi giảng đạo các nơi, vua Thánh-tổ nhân dịp ấy mới có dụ cấm đạo, và truyền cho các quan phải khám-xét các tàu-bè của ngoại quốc ra vào cửa bể. Trong dụ nói rằng: « Đạo phương Tây là tà đạo, làm mê-hoặc lòng người và hủy-hoại phong-tục, cho nên phải nghiêm cấm để khiến người ta phải theo chính đạo ».

Ngài lại sai tìm bao nhiêu những giáo-sĩ ở trong nước đem cả về Huế để dịch những sách Tây ra chữ Việt-nam, chủ-ý là không phải vì việc dịch sách, nhưng là để cho khỏi đi giảng đạo ở chỗ hương-thôn.

Lúc bấy giờ không phải là một mình vua Thánh-tổ ghét đạo mà thôi, phần nhiều những quan-lại cũng đều một ý cả, cho nên sự cấm đạo lại càng nghiệt thêm. Nhưng mà dẫu cấm thế nào mặc lòng, trong nước vẫn có người đi giảng đạo, nhà vua lấy điều đó làm trái phép, lại có dụ ra lần nữa truyền cho dân bên giáo phải bỏ đạo, và ai bắt được giáo-sĩ đem nộp thì được thưởng. Năm ấy ở Huế có một người giáo-sĩ phải xử giảo, và ở các nơi cũng rối loạn vì sự bắt đạo và giết đạo.

Từ đó trở đi, trong Nam ngoài Bắc, chỗ nào cũng có giặc-giã nổi lên, nhà vua ngờ cho dân bên đạo theo giúp quân giặc, lại càng cấm nghiệt: từ năm giáp-ngọ (1834) cho đến

www.songhuong.vn

năm mậu-tuất (1838), có nhiều giáo-sĩ và đạo-đồ bị giết, nhất là từ khi bắt được cố Du (P. Marchand) ở Gia-định rồi, sự giết đạo lại dữ hơn trước nữa.

Nhà vua một mặt thì cấm đạo, một mặt thì ban những huấn-điều ra để khuyên dân giữ lấy đạo chính. Nhưng nhà vua mà dùng uy-quyền để giết-hại bao nhiêu, thì dân-sự lại khổ sở bấy nhiêu, chứ lòng tin-tưởng của người ta không sao ngăn-cấm được. Vả lại đạo Thiên-chúa cũng là một đạo tôn-nghiêm, dạy người ta lấy lòng nhân-ái, việc gì mà làm khổ dân-sự như thế? Các giáo-sĩ bấy giờ cứ một niềm liều sống chết đi truyền giáo cho được, có người phải đào hầm mà ở dưới đất hàng mấy tháng để dạy đạo. Những người có chí bền chặt như vậy, thì hình-phạt cũng vô ích mà thôi. Năm mậu-tuất (1838), vua Thánh-tổ thấy cấm thế nào cũng không được những người đi giảng đạo trong nước, ngài bèn sai sứ sang nước Pháp để điều-đình với chính-phủ Pháp về việc ấy. Song khi sứ-thần Việt-nam ta sang đến nơi, thì hội Ngoại-quốc truyền-đạo xin Pháp-hoàng là vua Louis Philippe đừng tiếp (6). Sứ-thần ta phải trở về không; khi về đến Huế thì vua Thánh-tổ đã mất rồi.

Về sau việc cấm đạo cứ dai-dẳng mãi đến khi nước Pháp sang bảo-hộ mới thôi.

13. VUA THÁNH-TỔ MẤT. Vua Thánh-tổ mất năm canh-tí (1840), thọ được 50 tuổi, và trị vì được 21 năm, miếu-hiệu là Thánh-tổ Nhân-hoàng-đế 聖祖仁皇帝.

Trong đời vua Thánh-tổ làm vua, pháp-luật, chế-độ, điều gì cũng sửa-sang lại cả, làm thành một nước có cương-kỷ. Nhưng chỉ vì ngài nghiêm-khắc quá, cứ một mực theo cổ, chứ không tùy thời mà biến-hóa phong-tục; lại không biết khoan-dung cho sự sùng-tín, đem giết hại những người theo đạo, và lại tuyệt giao với ngoại quốc làm thành ra nước Nam ta ở lẻ-loi một mình.

---

(6) Sách *Histoire de la Cochinchine Francaise* của ông Cultru.

www.songhuong.vn

Đã hay rằng những điều lầm-lỗi ấy là trách-nhiệm chung cả triều-đình và cả bọn sĩ-phu nước ta lúc bấy giờ, chứ không riêng chi một mình ngài, nhưng ngài là ông vua chuyên-chế một nước, việc trong nước hay dở thế nào, ngài cũng có một phần trách-nhiệm rất to, không sao chối-từ được. Vậy cứ bình-tĩnh mà xét, thì chính-trị của ngài tuy có nhiều điều hay, nhưng cũng có nhiều điều dở: ngài biết cương mà không biết nhu, ngài có uy-quyền mà ít độ-lượng, ngài biết có dân có nước mà không biết thời-thế tiến-hóa. Bởi vậy cho nên nói rằng ngài là một ông anh-quân thì khi quá, mà nói rằng ngài là ông bạo-quân thì không công-bằng. Dẫu thế nào mặc lòng, ngài là một ông vua thông-minh, có quả-cảm, hết lòng lo việc nước, tưởng về bản triều nhà Nguyễn chưa có ông vua nào làm được nhiều công-việc hơn ngài vậy.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG IV

HIẾN-TỔ (1841 - 1847)

Niên-hiệu: Thiệu-trị 紹治

1. Đức-độ vua Hiến-tổ
2. Việc Chân-lạp
3. Việc Tiêm-la
4. Việc giao-thiệp với nước Pháp

1. ĐỨC-ĐỘ VUA HIẾN-TỔ. Tháng giêng năm tân-sửu (1841) Hoàng-thái-tử húy là Miên-tông 綿宗 lên ngôi ở điện Thái-hòa đặt niên-hiệu là Thiệu-trị.

Tính vua Hiến-tổ thuần-hòa, không hay bày ra nhiều việc và cũng không được quả cảm như Thánh-tổ. Trong đời Ngài làm vua, học-hiệu, chế-độ, thuế-má, điều gì cũng theo như triều vua Thánh-tổ cả. Bầy tôi lúc bấy giờ có Trương đăng Quế 張登桂, Lê văn Đức 黎文德, Doãn Uẩn 尹蘊, Võ văn Giải 武文解, Nguyễn tri Phương 阮知方, Lâm duy Tiếp 林維浹 trong ngoài ra sức giúp rập. Nhưng mà đất Nam-kỳ có giặc-giã, dân Chân-lạp nổi loạn, quân Tiêm-la sang đánh phá, nhà vua phải dùng binh đánh-dẹp mãi mới xong.

2. VIỆC CHÂN-LẠP. Nguyên từ cuối đời đức Thánh-tổ, đất Nam-kỳ và đất Chân-lạp đã có giặc-giã, các ông Trương minh Giảng, Nguyễn tiến Lâm, Lê văn Đức, Nguyễn công Trứ cứ phải đem quân đi tiễu-trừ mãi, đánh được chỗ này thì chỗ kia nổi lên. Sau ở Nam-kỳ lại có Lâm Sâm 林森 cùng với bọn thầy chùa làm loạn ở Trà-vinh; ở Chân-lạp thì những người bản xứ cùng với người Tiêm-la đánh phá. Quan quân chống không nổi. Triều-đình lấy

www.songhuong.vn

việc ấy làm lo phiền. Năm Thiệu-trị nguyên-niên (1841), ở trong Triều, ông Tạ quang Cự tâu xin bỏ đất Chân-lạp, rút quân về giữ An-giang. Vua nghe lời ấy, xuống chiếu truyền cho tướng-quân là Trương minh Giảng rút quân về. Trương minh Giảng về đến An-giang thì mất. Bởi vì việc kinh-lý đất Chân-lạp là ở tay ông cả, nay vì có biến loạn, quan quân phải bỏ thành Trấn-tây mà về, ông nghĩ xấu-hổ và buồn-bực đến nỗi thành bệnh mà chết.

3. VIỆC TIÊM-LA. Khi quân của Nguyễn tiến Lâm và Nguyễn công Trứ dẹp xong giặc Lâm Sâm ở Nam-kỳ, thì quân Tiêm-la lại đem binh-thuyền sang cùng với quân giặc để đánh phá. Vua bèn sai Lê văn Đức làm tổng-thống đem binh-tướng đi tiễu-trừ. Sai Nguyễn tri Phương và Nguyễn tiến Lâm giữ mặt Tiền-giang, Nguyễn công Trứ và Nguyễn công Nhân giữ mặt Vĩnh-tế, Phạm văn Điền và Nguyễn văn Nhân giữ mặt Hậu-giang. Ba mặt cùng tiến binh lên đánh, quân Tiêm và quân giặc thua to, phải rút về giữ Trấn-tây. Quan quân đuổi được quân Tiêm-la ra ngoài bờ-cõi rồi, đặt quân giữ các nơi hiểm-yếu để đợi ngày tiến tiễu.

Nguyên là Nặc ông Đôn (1) đem quân Tiêm-la về cứu viện để đánh lấy lại nước. Nhưng đến khi Việt-nam rút về rồi, quân Tiêm-la tàn-bạo, người Chân-lạp lại không phục, có người sang cầu cứu ở Nam-kỳ, vua bèn sai Võ văn Giải sang kinh-lý việc Chân-lạp.

Tháng sáu năm ất-tị (1845), là năm Thiệu-trị thứ năm, Võ văn Giải vào đến Gia-định, cùng với Nguyễn tri Phương, Doãn Uẩn, Tôn thất Nghị, tiến binh sang đánh Chân-lạp, phá được đồn Dây-sắt, lấy lại thành Nam-vang, người Chân-lạp về hàng kể hơn 23.000 người.

Đoạn rồi, Nguyễn tri Phương và Doãn Uẩn đem binh đuổi đánh quân Tiêm-la và quân Chân-lạp, vây Nặc ông Đôn và tướng Tiêm-la là Chất-Tri ở Ô-đông (Oudon).

---

(1) Nặc ông Đôn là em Nặc ông Chân, chú nàng Ang-mey là Ngọc Vân quận-chúa.

www.songhuong.vn

Tháng chín năm ấy, Chất Tri sai người sang xin hòa. Qua tháng mười thì Nguyễn tri Phương, Doãn Uẩn và Chất Tri ký tờ hòa-ước ở nhà hội-quán, hai nước đều giải binh. Nguyễn tri Phương rút quân về đóng ở Trấn-tây, đợi quân Tiêm thi-hành những điều ước đã định.

Tháng chạp năm binh-ngọ (1846), Nặc ông Đôn dâng biểu tạ tội và sai sứ đem đồ phẩm-vật sang triều-cống.

Tháng hai năm đinh-vị (1847) là năm Thiệu-trị thứ bảy, Triều-đình phong cho Nặc ông Đôn làm Cao-miên quốc-vương và phong cho Mỹ-lâm quận-chúa làm Cao-miên quận-chúa. Lại xuống chiếu truyền cho quân thứ ở Trấn-tây rút về An-giang.

Từ đó nước Chân-lạp lại có vua, và việc ở phía nam mới được yên vậy.

4. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI NƯỚC PHÁP. Từ khi vua Hiến-tổ lên trị-vì, thì sự cấm đạo hơi nguôi đi được một ít. Nhưng mà triều-đình vẫn ghét đạo, mà những giáo-sĩ ngoại quốc vẫn còn giam cả ở Huế. Có người đưa tin ấy cho trung-tá nước Pháp tên là Favin Lévêque coi tàu Héroine. Ông Favin Lévêque đem tàu vào Đà-nẵng xin cho năm người giáo-sĩ được tha.

Qua năm ất-tị (1845) là năm Thiệu-trị thứ năm có một giám-mục tên Lefèbvre phải án xử tử. Bấy giờ có người quản tàu Mỹ-lợi-kiên ở Đà-nẵng xin mãi không được, mới báo tin cho hải quân thiếu-tướng nước Pháp là Cécile biết. Thiếu-tướng sai quân đem chiếc tàu Alcmène vào Đà-nẵng lĩnh giám-mục ra.

Năm đinh-vị (1847) quan nước Pháp được tin rằng ở Huế không còn giáo-sĩ phải giam nữa, mới sai đại-tá De Lapierre và trung-tá Rigault de Genouilly đem hai chiếc chiến thuyền vào Đà-nẵng, xin bỏ những chỉ dụ cấm đạo và để cho người trong nước được tự do theo đạo mới.

Lúc hai bên còn đang thương-nghị về việc ấy, thì quan nước Pháp thấy thuyền của ta ra đóng gần tàu của Pháp,

www.songhuong.vn

và ở trên bờ lại thấy có quân ta sắp-sửa đồn lũy, mới nghi có sự phản-trắc gì chăng, bèn phát súng bắn đắm cả những thuyền ấy, rồi nhổ neo kéo buồm ra bể.

Vua Hiến-tổ thấy sự-trạng như thế, tức-giận vô cùng, lại có dụ ra cấm người ngoại-quốc vào giảng đạo, và trị tội những người trong nước đi theo đạo.

Việc tàu nước Pháp vào bắn ở Đà-nẵng xong được mấy tháng, thì vua Hiến-tổ phải bệnh mất. Bấy giờ là tháng chín năm đinh-vị (1847), năm Thiệu-trị thứ bảy. Ngài làm vua được bảy năm, thọ 37 tuổi, miếu-hiệu là Hiến-tổ Chương-hoàng-đế 憲祖章皇帝.

www.songhuong.vn

CHƯƠNG V

DỰC-TÔNG (1847-1883)

Niên-hiệu : Tự-đức 嗣德

1. Đức-độ vua Dực-tông
2. Đình-thần
3. Việc ngoại-giao
4. Việc cấm đạo
5. Việc thuế-má
6. Việc văn-học
7. Việc binh-chế

1. ĐỨC-ĐỘ VUA DỰC-TÔNG. Vua Hiến-tổ mất, truyền ngôi lại cho hoàng-tử thứ hai húy là Hồng Nhậm 洪任. Bấy giờ hoàng-tử mới có 19 tuổi, nhưng học-hành đã thông-thái. Đến tháng 10 năm đinh-vị (1847), thì ngài lên ngôi hoàng-đế ở điện Thái-hòa, đặt niên-hiệu là Tự-đức 嗣德, lấy năm sau là năm mậu-thân (1848) làm Tự-đức nguyên-niên.

Vua Dực-tông 翼宗 đối với vận-hội nước Nam ta thật là quan-hệ, vì là đến đời ngài thì nước Pháp sang bảo-hộ, đổi xã-hội mình ra một cảnh-tượng khác. Bởi vậy cho nên ta cần phải biết rõ ngài là người thế nào, để xét đoán những công-việc thời bấy giờ cho khỏi sai-lầm. Quan tổng-đốc Thân trọng Huề đã được trông thấy dung-nhan của ngài và đã tả rõ chân-tượng của ngài ra như sau này : « Ngài hình dung như một người nho-sĩ, không cao, không « thấp, trạc người bậc trung, không gầy không béo, có một « phần hơi gầy một tí. Da không trắng không đen. Mặt hơi

www.songhuong.vn

« dài; cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn, « hai con mắt tinh mà lành.

« Ngài hay chít cái khăn vàng mà nhỏ, và mặc áo vàng, « khi ngài có tuổi thì hay mặc quần vàng đi giày hàng vàng « của nội-vụ đóng. Ngài không ưa trang-sức mà cũng không « cho các bà nội-cung đeo đồ nữ-trang, chỉ cốt lấy sự ăn- « mặc sạch sẽ làm đẹp.

« Tính ngài thật là hiền-lành. Những người được hầu gần « ngài nói chuyện rằng: một hôm ngài ngự triều tại điện « Văn-minh, ngài cầm cái hoa-mai (1) sắp hút thuốc, tên thái- « giám đứng quạt hầu, vô ý quạt mạnh quá, lửa hoa-mai « bay vào tay ngài. Tên thái-giám sợ xanh mặt lại, mà ngài « chỉ xoa tay, chứ không nói gì cả.

« Ngài thờ đức Từ-dụ 慈 裕 rất có hiếu. Lệ thường cứ « ngày chẵn thì chầu cung, ngày lẻ thì ngự triều: trong một « tháng chầu cung 15 lần, ngự triều 15 lần, trừ khi đi vắng « và khi se yếu (2). Trong 36 năm, thường vẫn như thế, không « sai chút nào.

« Khi ngài chầu cung thì ngài tâu chuyện này chuyện « kia, việc nhà việc nước, việc xưa việc nay. Đức Từ-dụ thuộc « sử-sách đã nhiều mà biết việc đời cũng rộng. Khi đức Từ- « dụ ban câu chi hay, thì ngài biên ngay vào một quyển giấy « gọi là *Từ-huấn-lục*.

« Một hôm rảnh việc nước, ngài ngự bắn tại rừng Thuận- « trực (3) gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa thì có kị « đức Hiến-tổ, mà ngài chưa ngự về. Đức Từ-dụ nóng ruột, « sai quan đại-thần là Nguyễn tri Phương đi rước. Nguyễn « tri Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương « chèo lên, mà nước thì chảy mạnh, thuyền không đi mau

---

(1) Hoa-mai là một sợi dây làm bằng chỉ để thắp lửa mà hút thuốc.

(2) Se-yếu là đau yếu. Tiếng se ở Huế nói cách tôn kính, như vua đau thì nói vua se mình.

(3) Cách Kinh-thành chừng độ 15 cây số, ở bên bờ sông Lợi-giang, có một cái rừng cấm gọi là Thuận-trực. Chỗ ấy nhiều chim, đức Dực-tông thường ngự đến bắn ở đấy.

www.songhuong.vn

« được. Gần tối thuyền ngự mới tới bến. Khi ấy trời đang « mưa, mà ngài vội vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung, lạy « xin chịu tội. Đức Từ-dụ ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói « chẳng rằng chi cả. Ngài lấy một cây roi mây, dâng lên để « trên ghế trát-kỷ rồi ngài nằm xuống xin chịu đòn. Cách « một hồi lâu, đức Từ-dụ xoay mặt ra lấy tay hất cái roi mà « ban rằng:

« — Thôi, tha cho! Đi chơi để cho quan-quân cực-khổ thì « phải ban-thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu kị.

« Ngài lạy tạ lui về, nội đêm đó ngài phê thưởng cho các « quan-quân đi hầu ngự. Quan thì mỗi người được một đồng « tiền bạc, lớn nhỏ tùy theo phẩm, còn lính thì mỗi tên được « một quan tiền kẽm. Đến sáng ngài ngự ra điện Long-an lạy « kị. Xem cách ngài thờ mẹ như thế, thì tự xưa đến nay ít có.

« Tính ngài siêng-năng, sáng chừng năm giờ, ngài đã « ngự tánh, nghĩa là thức dậy, chừng sáu giờ, ngài đã ra triều. « Cho nên các quan ở Kinh buổi ấy cũng phải dậy sớm để mà « đi chầu. Thường thấy các quan thắp đèn ăn cháo để vào « Triều cho sớm.

« Thường ngài ngự triều tại điện Văn-minh, ở bên tả « điện Cần-chính. Các quan đến sớm, quan văn thì ngồi chực « tại tả-vụ, quan võ tại hữu-vụ. Khi ngài đã ngự ra, thì thái- « giám tuyên triệu các quan vào chầu. Các quan đều mặc áo « rộng xanh, đeo thẻ bài đi vào, quan văn bên hữu, quan võ « bên tả (4).

« Khi các quan theo thứ-tự đứng yên rồi, quan bộ Lại « hay là quan bộ Binh tâu xin cho mấy ông quan mới được « thăng thuyên bái mạng. Các quan bái mạng thì phải chực ở « ngoài, đợi bộ Lại hay là bộ Binh tâu xong mới được vào.

---

(4) Khi ngài ngự điện Thái-hòa hay là điện Cần-chính, hay là đi hành lễ điện Phụng-tiên, thì quan văn lại đứng bên tả, quan võ bên hữu, duy ở điện Văn-minh thì quan võ bên tả, quan văn bên hữu, không biết tại làm sao?

www.songhuong.vn

« Quan văn thuộc bộ Lại, quan võ thuộc bộ Binh. Bái mạng « thì phải mặc áo đại-trảo.

« Các ông bái mạng xong rồi, bộ nào có việc gì tâu thì đến « chỗ tấu sự qui tâu. Như bộ nào có tâu việc gì thì các « quan ấn-quan trong bộ ấy đều qui chỗ tấu-sự, rồi ông nào « tâu, thì đọc bài diện-tấu. Một bên các quan tấu-sự lại có « một ông quan nội-các và một ông ngự-sử đều qui. Quan « nội-các đề biên lời ngài ban ; quan ngự-sử đề đàn-hạch các « quan phạm phép.

« Đức Dực-tông đã thuộc việc mà lại chăm cho nên nhiều « bữa ngài ban việc đến chín mười giờ mới ngự vào nội.

« Ngài thường làm việc ở chái đông điện Cần-chánh. « Trong chái ấy lót ván đánh bóng. Gần cửa kính có mấy « chiếc chiếu, trên trải một chiếu cạp bằng hàng vàng, đề « một cái yên với nghiên bút, một trái dựa (cái gối dựa), « chứ không bày bàn ghế gì cả. Cách một khoảng có đề một « cái đầu-hồ với thẻ. Ngài làm việc mỏi thì đứng dậy đánh « đầu-hồ, hay là đi bách bộ. Ngài ngồi làm việc một mình, « vài tên thị-nữ đứng hầu đề mài son, thắp thuốc hay là đi « truyền việc.

« Lệ nước ta xưa nay các quan không được vào chỗ ngự- « tọa làm giúp việc cho vua, cho nên việc lớn việc nhỏ, ngài « phải xem cả.

« Phiến-sớ các nơi đều gởi về nội-các. Nội-các đề trong « tráp tấu-sự, đưa cho giám, giám đưa cho nữ-quan dâng lên « ngài. Ngài xem rồi giao nội-các. Nội-các giữ bản chính có « châu điểm, châu phê, lục bản phỏ ra cho các bộ nha.

« Nay xem các nguyên bản trong Các, thì thấy có nhiều « tờ phiến ngài phê dài hơn của các quan tâu. Chữ đã tốt « mà văn lại hay, ai cũng kinh cái tài của ngài.

« Ngài vốn là người hiếu học. Đêm nào ngài cũng xem « sách đến khuya. Có ba tập *Ngự-chế thi-văn* của ngài đã in « thành bản. Ngài lại làm sách chữ nôm đề dạy dân cho dễ

www.songhuong.vn

« hiểu, như là sách *Thập-điều, Tự-học diễn-ca, Luận-ngữ* « *diễn-ca v. v...* »

Xem cái chân-tượng của vua Dực-tông như thế, thì ngài không phải là người to béo vạm vỡ (5), mà cũng không phải là ông vua tàn-ác bạo-ngược như người ta thường nói. Chỉ vì ngài làm vua về một thời-đại khó-khăn, trong nước lắm việc, mà những người phò-tá thì tuy có người thanh-liêm như ông Trương đăng Quế, ông Vũ trọng Bình, trung-liệt như ông Phan thanh Giản, ông Nguyễn tri Phương, ông Hoàng Diệu v.v., nhưng mà các ông ấy đều là người cũ, không am-hiểu thời-thế mới. Vả lại cái thế-lực lúc bấy giờ kém-hèn quá, dẫu có muốn cải-cách duy-tân, cũng không kịp nữa, cho nên mọi việc đều hỏng cả.

2. ĐÌNH-THẦN. Đình-thần là các quan ở trong Triều giúp vua để lo việc nước. Nhưng lúc bấy giờ tình-thế đã nguy-ngập lắm, vì từ đầu thập-cửu thế-kỷ trở đi, sự sinh-hoạt và học-thuật của thiên-hạ đã tiến-bộ nhiều mà sự cạnh-tranh của các nước cũng kịch-liệt hơn trước. Thế mà những người giữ cái trách-nhiệm chính-trị nước mình, chỉ chăm việc văn-chương, khéo nghề nghiên-bút, bàn đến quốc-sự thì phi Nghiêu, Thuấn lại Hạ, Thương, Chu, việc mấy nghìn năm trước cứ đem làm gương cho thời hiện-tại, rồi cứ nghễu-nghện tự xưng mình hơn người, cho thiên-hạ là dã-man. Ấy, các đình-thần lúc bấy giờ phần nhiều là những người như thế cả. Tuy có một vài người đã đi ra ngoài, trông thấy cảnh-tượng thiên-hạ, về nói lại, thì các cụ ở nhà cho là nói bậy, làm hủy-hoại mất kỷ-cương! Thành ra người không biết thì cứ một niềm tự-đắc, người biết thì phải làm câm làm điếc, không thở ra với ai được, phải ngồi khoanh tay mà chịu.

---

(5) Ta thường trông thấy có cái tranh vẽ một người to lớn vạm vỡ, mặt mũi dữ tợn mà mặc áo đội mũ không ra lối-lăng gì cả, ở dưới cái tranh có chữ đề là vua Tự-đức.

Cái tranh ấy chắc là của một người nào tưởng-tượng mà vẽ ra chứ không phải là chân-dung của ngài. Vì là thủa trước chỉ trừ những quan đại-thần và những người được vào hầu cận, vua ta không cho ai trông thấy mặt, mà cũng không bao giờ có hình-ảnh gì cả.

www.songhuong.vn

Xem như mấy năm về sau, nhà vua thường có hỏi đến việc phú quốc cường binh, các quan bàn hết lẽ nọ lẽ kia, nào chiến, nào thủ, mà chẳng thấy làm được việc gì ra trò. Vả thời bấy giờ, cũng đã có người hiểu rõ thời thế, chịu đi du-học và muốn thay-đổi chính-trị. Như năm bính-dần (1866) là năm Tự-đức thứ 19, có mấy người ở Nghệ-an là Nguyễn đức Hậu 阮德厚, Nguyễn trường Tộ 阮長祚, Nguyễn Điều 阮條 đi du-học phương-tây. Sau Nguyễn trường Tộ về làm mấy bài điều-trần, kể hết cái tình-thế nước mình, và cái cảnh-tượng các nước, rồi xin nhà vua phải mau mau cải-cách mọi việc, không thì mất nước. Vua giao những tờ điều-trần ấy cho các quan duyệt-nghị. Đình-thần đều lấy làm sự nói càn, không ai chịu nghe.

Năm mậu-thìn (1868) là năm Tự-đức thứ 21, có người ở Ninh-bình tên là Đinh văn Điền 丁文田 dâng tờ điều-trần nói nên đặt doanh điền, khai mỏ vàng, làm tàu hỏa, cho người các nước phương tây vào buôn-bán, luyện-tập sĩ-tốt để phòng khi chiến thủ, thêm lương-thực cho quan quân, bớt sưu-dịch cho dân-sự, thưởng cho những kẻ có công, nuôi-nấng những người bị thương, tàn tật, v.v. Đại-để là những điều ích quốc lợi dân cả, thế mà đình-thần cho là không hợp thời-thế, rồi bỏ không dùng.

Các quan đi sứ các nơi về tâu-bày mọi sự, vua hỏi đến đình-thần thì mọi người đều bác đi, cái gì cũng cho là không hợp thời. Năm kỷ-mão (1879) là năm Tự-đức thứ 32, Nguyễn-Hiệp 阮協 đi sứ Tiêm-la về nói rằng khi người nước Anh-cát-lợi mới sang xin thông thương, thì nước Tiêm-la lập điều-ước cho ngay, thành ra người Anh không có cớ gì mà sinh sự để lấy đất, rồi Tiêm-la lại cho nước Pháp, nước Phổ, nước Ý, nước Mỹ v.v. đặt lĩnh-sự để coi việc buôn-bán. Như thế mọi người đều có quyền-lợi không ai hiếp chế được mình. Năm tân-tị (1881) là năm Tự-đức thứ 34, có Lê Đĩnh 黎挺 đi sứ ở Hương-cảng về, tâu rằng: các nước Thái-tây mà phú cường là chỉ cốt ở việc binh và việc buôn-bán. Lấy binh lính mà bênh-vực việc buôn-bán, lấy việc buôn-bán mà nuôi binh-lính.

www.songhuong.vn

Gần đây Nhật-bản theo các nước Thái-tây cho người đi buôn-bán khắp cả mọi nơi. Nước Tàu cũng bắt-chước cho người ngoại-quốc ra vào buôn-bán. Nước ta, người khôn-ngoan, lại có lắm sản-vật, nên theo người ta mà làm thì cũng có thể giữ được quyền độc-lập của nước nhà.

Năm ấy lại có quan hàn-lâm-viện tu-soạn là Phan Liêm 潘 廉 làm sớ mật tâu việc mở sự buôn-bán, sự chung vốn lập hội, và xin cho người đi học nghề khai mỏ. Giao cho đình-thần xét, các quan đều bàn rằng việc buôn-bán không tiện, còn việc khác thì xin đòi hỏi các tỉnh xem thế nào, rồi sẽ xét lại. Ấy cũng là một cách làm cho trôi chuyện, chứ không ai muốn thay-đổi thói cũ chút gì cả. Nhân việc đó vua Dực-tông khuyên rằng các quan xét việc thì nên cẩn-thận và suy-nghĩ cho chín, nhưng cũng nên làm thế nào cho tiến-bộ, chứ không tiến, thì tức là thoái vậy.

Xem lời ấy thì không phải là vua không muốn thay-đổi. Chỉ vì vua thì ở trong cung điện, việc đời không biết rõ, phải lấy các quan làm tai làm mắt, mà các quan thì lại số người biết thì ít, số người không biết thì nhiều. Những người có quyền-tước thì lắm người trông không rõ, nghe không thấy, chỉ một niềm giữ thói cũ cho tiện việc mình. Lại có lắm người tự nghĩ rằng mình đã quyền cả ngôi cao, thì tất là tài giỏi hơn người, chứ không hiểu rằng cái tài giỏi không cần phải nhiều tuổi, sự khôn-ngoan không phải làm quan to hay là quan nhỏ. Cái phẩm giá con người ta cốt ở tư-tưởng, học-thức, chứ không phải ở tiền của hay là ở quyền-tước.

Đến khi nước Pháp đã sang lấy đất Nam-kỳ, đã ra đánh Bắc-kỳ, tình-thế nguy-cấp đến nơi rồi, thế mà cứ khư-khư giữ lấy thói cũ, hễ ai nói đến sự gì hơi mới một tí, thì bác đi. Như thế thì làm thế nào mà không hỏng việc được.

Đã hay rằng vua có trách-nhiệm vua, quan có trách-nhiệm quan, dẫu thế nào vua Dực-tông cũng không tránh khỏi cái lỗi với nước nhà, nhưng mà xét cho xác lý, thì cái lỗi của đình-thần lúc bấy giờ cũng không nhỏ vậy.

www.songhuong.vn

3. VIỆC NGOẠI - GIAO. Việc chính-trị đời Dục-tông là nhất thiết không cho người ngoại-quốc vào buôn-bán. Như năm canh-tuất (1850) là năm Tự-đức thứ 3, có tàu Mỹ-lợi-kiên vào cửa Đà-nẵng, đem thư sang xin thông-thương, nhà vua không tiếp thư.

Từ năm ất-mão (1855) cho đến năm đinh-sửu (1877) tàu Anh-cát-lợi ra vào mấy lần ở cửa Đà-nẵng, cửa Thị-nại (Bình-định) và ở Quảng-yên, để xin buôn-bán, cũng không được. Người I-pha-nho và nước Pháp-lan-tây xin thông thương, cũng không được.

Về sau đất Gia-định đã mất rồi, việc ngoại-giao một ngày một khó, nhà vua mới đặt Bình-chuẩn-ti 平準司 để coi việc buôn-bán, và Thương-bạc-viện 商舶院 để coi việc giao-thiệp với người ngoại dương. Tuy vậy nhưng cũng không thấy ai là người hiểu việc buôn-bán và biết cách giao-thiệp cả.

4. VIỆC CẤM ĐẠO. Việc cấm đạo thì từ năm mậu-thân (1848) là năm Tự-đức nguyên-niên, vua Dực-tông mới lên ngôi, đã có dụ cấm đạo. Lần ấy trong dụ nói rằng những người ngoại quốc vào giảng đạo, thì phải tội chết, những người đạo trưởng ở trong nước mà không chịu bỏ đạo, thì phải khắc chữ vào mặt, rồi phải đày đi ở chỗ nước độc. Còn những ngu-dân thì các quan phải ngăn-cấm, đừng để cho đi theo đạo mà bỏ sự thờ-cúng cha ông, chứ đừng có giết hại v. v...

Đến năm tân-hợi (1851) là năm Tự-đức thứ 4, lại có dụ ra cấm đạo. Lần này, cấm nghiệt hơn lần trước, và có mấy người giáo-sĩ ngoại-quốc phải giết.

Sức đã không đủ giữ nước mà lại cứ làm điều tàn-ác. Đã không cho người ngoại-quốc vào buôn-bán, lại đem làm tội những người đi giảng đạo, bởi thế cho nên nước Pháp và nước I-pha-nho mới nhân cớ ấy mà đánh nước ta vậy.

5. VIỆC THUẾ-MÁ. Thuế-má trong nước đời bấy giờ, thì đại-khái cũng như đời vua Thánh-tổ và Hiến-tổ, duy chỉ từ khi nước Pháp và nước I-pha-nho vào đánh lấy mấy tỉnh Nam-kỳ rồi, lại phải bồi tiền binh phí mất 4 triệu nguyên,

www.songhuong.vn

nhà nước mới tìm cách lấy tiền, bèn cho người khách tên là Hầu lợi Trịnh 侯利貞 trưng thuế bán thuốc nha-phiến từ Quảng-bình ra đến Bắc-kỳ. Sử chép rằng đồng niên nhà vua thu được có 302.200 quan tiền thuế nha-phiến.

Nhà vua lại định lệ cho quyên từ 1.000 quan trở lên thì được hàm cửu-phẩm, lên đến 10.000 quan thì được hàm lục-phẩm, nghĩa là phải dùng lối đời trước bán quan để lấy tiền.

6. VIỆC VĂN-HỌC. Vua Dực-tông là một ông vua hay chữ nhất đời nhà Nguyễn, cho nên ngài trọng sự Nho-học lắm. Ngài chăm về việc khoa-giáp, sửa-sang việc thi-cử đặt ra Nhã-sĩ-khoa 雅士科 và Cát-sĩ-khoa 吉士科, để chọn lấy người văn-học ra làm quan.

Ngài lại đặt ra Tập-hiền-viện 集賢院 và Khai-kinh-diên 開經筵 để ngài ngự ra cùng với các quan bàn sách-vở, làm thơ-phú hoặc nói chuyện chính-trị. Lại sai quan soạn bộ *Khâm-định Việt-sử* 欽定越史, từ đời thượng-cổ cho đến hết đời nhà Hậu Lê.

7. VIỆC BINH-CHẾ. Đời vua Dực-tông lắm giặc-giã, nhà vua cần đến việc võ, nên chỉ năm tân-dậu (1861) là năm Tự-đức thứ 14 mới truyền cho các tỉnh chọn lấy những người khỏe-mạnh để làm lính võ-sinh. Đến năm ất-sửu (1865) là Tự-đức thứ 18 lại mở ra khoa thi võ tiến-sĩ.

Tuy rằng lúc bấy giờ nước mình có lính võ-sinh, có quan võ-tiến-sĩ, nhưng mà thời-đại đã khác đi rồi, người ta đánh nhau bằng súng nạp hậu, bằng đạn trái-phá chứ không bằng gươm bằng giáo như trước nữa. Mà quân-lính của mình mỗi đội có 50 người thì chỉ có 5 người cầm súng điểu-thương cũ, phải châm ngòi mới bắn được, mà lại không luyện-tập, cả năm chỉ có một lần tập bắn. Mỗi người lính chỉ được bắn có 6 phát đạn mà thôi, hễ ai bắn quá số ấy thì phải bồi-thường.

Quân-lính như thế, binh-khí như thế, mà quan thì lại cho lính về phòng, mỗi đội chỉ để độ chừng 20 tên tại ngũ mà thôi. Vậy nên đến khi có sự, không lấy gì mà chống giữ được.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG VI

CHẾ-ĐỘ VÀ TÌNH-THẾ NƯỚC VIỆT-NAM ĐẾN CUỐI ĐỜI TỰ-ĐỨC

1. Cách tổ-chức chính-trị và xã-hội
2. Bốn hạng dân
3. Sự sinh-hoạt của người trong nước

1. CÁCH TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ VÀ XÃ-HỘI. Nước Việt-nam tuy nói là một nước quân-chủ chuyên-chế (1), nhưng theo cái tinh-thần và cách tổ-chức của xã-hội thì có nhiều chỗ rất hợp với cái tinh-thần dân-chủ. Nguyên Nho-giáo là cái học căn-bản của nước ta khi xưa, mà về đường thực-tế, thì cái học ấy rất chú-trọng ở sự trị nước. Trị nước thì phải lấy dân làm gốc (以民為本), nghĩa là phải lo cho dân được sung-túc, phải dạy-dỗ dân cho biết đạo-lý và mở-mang trí-tuệ của dân. Những việc quan-trọng như thế không phải bất cứ ai cũng làm được, tất là phải có những người có đủ đức-hạnh, tài-năng và uy-quyền mới có thể đảm-đang được. Bởi vậy cho nên mới cần có vua, có quan.

Vua: Theo cái lý-thuyết của Nho-giáo, thì khi đã có quần-chúng, là phải có quân. Quân là một đơn-vị giữ cái chủ-quyền để chịu hết thảy các trách-nhiệm về sự sinh-hoạt và tính-mệnh của toàn dân trong nước. Cái đơn-vị ấy gọi

---

(1) Ta thường hiểu mấy chữ quân-chủ chuyên-chế theo cái nghĩa của các nước Âu-tây ngày xưa, chứ không biết mấy chữ ấy theo cái học Nho-giáo có nhiều chỗ khác nhau.

www.songhuong.vn

là *đế* hay là *vương*, được giữ cái chủ-quyền cả nước. Cái chủ-quyền ấy người ta còn gọi là cái *thần-khí* 神器, nghĩa là một vật thiêng-liêng do trời cho, tức là dân thuận mới được giữ. Nói rằng những người làm những điều gian-ác bạo-ngược mà cướp lấy chủ-quyền thì sao ? Đó là sự tiếm-đoạt chứ không phải là chính nghĩa. Ngay những người đã làm đế làm vương mà lạm-dụng chủ-quyền để làm những điều tàn-bạo, thì cũng chỉ là người tàn-tặc mà thôi, chứ không phải là thật bậc đế bậc vương nữa.

Triều-đình : Sở-dĩ đời xưa quần-chúng công-nhận một ông vua giữ cái chủ-quyền cả nước, là muốn cho có mối thống-nhất để khỏi sự tranh-dành và cuộc biến-loạn. Song việc trị nước là việc chung cả nước, cho nên có vua là phải có triều-đình. Triều-đình không phải là một nhóm cận-thần để hầu-hạ và làm việc riêng cho nhà vua, chính là một hội-nghị chung cả nước, do sự kén-chọn những người xứng-đáng bằng cách thi-cử mà đặt ra. Cách thi-cử không phân biệt sang-hèn giàu-nghèo gì cả, miễn là ai có học, có hạnh và có đủ tài-năng thì được ra ứng thi. Người nào đã đỗ rồi và đã ra làm quan là người ấy có chân ở trong triều-đình.

Lệ nhà vua, mỗi tháng phải mấy lần thiết đại-triều, các quan tại kinh đều phải đến đủ mặt và theo phẩm-trật mà đứng để tâu-bày mọi việc. Bởi vì khi có việc gì quan-trọng, thì vua hạ đình-nghị, nghĩa là giao cho đình-thần bàn xét. Các quan bất kỳ lớn bé đều được đem ý-kiến của mình mà trình-bày. Việc gì đã quyết-định, đem dâng lên để vua chuẩn y, rồi mới thi-hành.

Vua tuy có quyền lớn thật, nhưng không được làm điều gì trái phép thường. Khi vua có làm điều gì lầm-lỗi, thì các quan Giám-sát ngự-sử 監察御史 phải tâu-bày mà can-ngăn vua. Trừ những ông vua bạo-ngược không kể, thường là vua phải nghe lời can-ngăn của các quan.

Hễ triều-đình có những người ngay-chính và sáng-suốt, thì việc nước được yên-trị ; nếu có những người gian-

www.songhuong.vn

nịnh mờ-tối, thì việc nước hư-hỏng. Đó là lệ chung từ xưa đến nay như vậy.

Quan-tư : mệnh - lệnh của triều - đình đã phát ra, thì quan-tư ở các quận huyện phải theo mà thi-hành. Các quan coi các quận huyện có nhiệm-vụ dạy-dỗ dân, đừng để dân làm những điều trái luân-thường đạo-lý hay những việc phản loạn. Ngoài ra quan phải để cho dân được yên nghiệp làm ăn, không nên bày việc ra để nhiễu dân. Bởi vậy đời xưa ông quan nào cai-trị một hạt mà dân hạt ấy được yên-trị là ông quan giỏi.

Quyền tự-trị của dân làng : Quan của triều-đình bổ ra chỉ có đến phủ huyện, còn từ tổng trở xuống thuộc về quyền tự-trị của dân. Dân tự chọn lấy người của mình mà cử ra coi mọi việc trong hạt. Tổng là một khu gồm có mấy làng hay xã, có một cai-tổng và một phó-tổng do hội-đồng kỳ-dịch các làng cử ra coi việc thuế-khóa, đê-điều và mọi việc trị an trong tổng.

Làng hay xã là phần-tử cốt-yếu của dân. Phong-tục, lệ-luật của làng nào hay làng ấy, triều-đình không can-thiệp đến, cho nên tục-ngữ có câu : *« phép vua thua lệ làng »*. Làng có hội-đồng kỳ-dịch do dân cử ra để trông coi hết cả mọi việc. Hội-đồng ấy có người tiên-chỉ và thứ-chỉ đứng đầu, rồi có lý-trưởng và phó-lý do hội-đồng kỳ-dịch cử ra để thay mặt làng mà giao-thiệp với quan-tư, có tuần đinh chuyên coi việc cảnh-sát trong làng. Khi một người nào can phạm việc gì thì quan trách-cứ ở làng, cho nên ai đi đâu hay làm việc gì cũng phải lấy làng làm gốc.

Ngày xưa các làng không có sổ khai sinh-tử và giá-thú, nhưng tục-lệ của làng, cứ con trai đến 12 tuổi thì phải vào làng, tức là vào sổ đinh của làng, con gái thì không có lệ ấy. Lại vì sự thờ-cúng tổ-tiên và sự tin số, tướng v.v. cho nên nhà nào đẻ con ra, bất kỳ trai hay gái, cha mẹ phải nhớ cho đúng giờ, ngày tháng và năm sinh của đứa con ấy. Bởi vậy người nào cũng biết rõ ngày tháng sinh của con mình.

www.songhuong.vn

Việc giá-thú là việc quan-hệ về gia-tộc, phải làm đúng lệ thường, nhưng đối với làng, thì tục-lệ bắt người chồng khi cưới vợ, phải trình làng và nộp cho làng một số mấy quan tiền, gọi là nộp tiền cheo. Như thế, thành ra theo tục-lệ, tuy không có sổ khai sinh-tử giá-thú, mà mọi điều cũng đủ như là có vậy.

2. BỐN HẠNG DÂN. Người trong nước chia ra làm bốn hạng là : sĩ, nông, công, thương.

Công : Công là hạng người làm thợ hoặc làm một công-nghệ gì để lấy lợi. Nhưng vì nước ta khi xưa chỉ có những tiểu công-nghệ, như quây tơ, dệt vải, dệt lụa, làm chài-lưới, làm mắm muối v. v., chứ không có đại công-nghệ làm giàu như các nước khác. Đại công-nghệ đã không có thì những người làm thợ, ai chuyên tập nghề gì thì lập thành phường, như thợ mộc, thợ nề, thợ rèn, thợ đúc, thợ gốm v.v... Mỗi phường có thợ cả, thợ phó và thợ, và phường nào có tục-lệ của phường ấy. Những người làm nghề thợ thường là người ít học, quanh năm ngày tháng đi làm thuê làm mướn chỉ được đủ ăn mà thôi.

Thương : Thương là hạng người làm nghề buôn - bán. Song việc buôn-bán của ta ngày xưa kém-cỏi lắm. Người thiên - hạ đi buôn nước này, bán nước nọ, xuất - cảng, nhập cảng, kinh-doanh những công-cuộc to lớn kể hàng ức hàng triệu. Người mình cả đời không đi đến đâu, chỉ quanh-quẩn ở trong nước, buôn-bán những hàng-hóa lặt-vặt, thành ra bao nhiêu mối lợi lớn về tay người ngoài mất. Thỉnh-thoảng có một ít người có mươi lăm chiếc thuyền mành chở hàng từ xứ nọ đến xứ kia, nhưng vốn độ năm bảy vạn quan tiền, thì đã cho là hạng cự-phú.

Công-nghệ như thế, buôn-bán như thế, bảo nước mình phú cường làm sao được? Rút cục lại, chỉ có nghề nông và nghề sĩ là trọng-yếu hơn cả.

Nông : Nông là hạng người chuyên nghề làm ruộng. Dân Việt-nam ta thường thì ai cũng có ít ra là vài ba sào ruộng để cày-cấy, nghĩa là nghề làm ruộng là nghề gốc của người

www.songhuong.vn

mình. Nhưng trừ những nơi ruộng nhiều người ít và đất lại phì-nhiêu như đất ở Nam - Việt, còn thì đất xấu và lại vì khí-hậu không điều-hòa, nắng mưa thất thường, việc cày-cấy gặp nhiều nỗi khó - khăn. Dân ở nhà quê, phần nhiều ăn nhờ về ruộng-nương, hễ năm nào mưa hòa gió thuận, mùa màng tốt thì năm ấy dân được no-ấm, nhưng năm nào mưa lụt hay hạn hán, mùa-màng mất hết, thì dân đói khổ.

Sĩ : Sĩ là hạng người chuyên nghề đi học, hoặc để thi đỗ ra làm quan, hoặc để đi dạy học, làm thầy thuốc, thầy địa-lý, thầy bói, thầy tướng, thầy số v. v. là những nghề phong-lưu nhàn-hạ.

Sự học của nước ta ngày trước có bộ Lễ coi việc giáo-hóa cả toàn nước. Ở tỉnh có quan Đốc-học, ở phủ có quan Giáo-thụ, ở huyện và ở châu thì có quan Huấn-đạo, là những người có khoa-mục, triều-đình bổ ra coi việc giáo-dục ở các hạt, và mỗi người coi một trường công ở trong hạt. Những sĩ-tử học ở các trường tư-thục đã khá khá đều được đến học-tập ở các trường công của quan Đốc, quan Giáo hay quan Huấn, đợi đến khi có khoa thi Hương, thì ra ứng thí. Năm nào có khoa thi, thì các quan Huấn - đạo, Giáo-thụ và Đốc-học mở cuộc khảo học-trò để lựa - chọn những người có đủ sức mới cho ra ứng thí.

Lệ nhà vua cứ ba năm mở khoa thi Hương ở các địa-phương. Những người đỗ cao ở khoa thi Hương gọi là cử-nhân, những người đỗ thấp gọi là Tú-tài. Năm sau ở Kinh-đô mở khoa thi Hội tại bộ Lễ, những người đỗ Cử-nhân năm trước vào ứng thí, ai trúng cách thì được vào thi Đình ở trong điện nhà vua để lấy các bậc Tiến-sĩ, là những bậc đại khoa, người trong nước rất lấy làm qui-trọng.

Mỗi khi có khoa thi Hương, các quan ở kinh ra chấm thi có cái biển đề bốn chữ : *Phụng chỉ cầu hiền* 奉旨求賢 nghĩa là : vâng chỉ vua ra tìm người giỏi. Vậy sự thi-cử ngày trước có cái ý-nghĩa khác sự thi-cử ngày nay.

Đó là nói cách tổ-chức việc giáo-hóa của triều-đình. Còn ở chỗ dân-gian, thì sự học-tập rất tự-do. Bất kỳ người nào

www.songhuong.vn

có học-lực kha-khá cũng có thể mở trường tư-thục để dạy học. Mỗi làng có vài ba trường tư - thục, hoặc ở nhà thầy, hoặc ở nhà những người hào-phú nuôi thầy cho con học và cho con các nhà lân cận đến học. Người Việt-nam ta vốn chuộng sự học, cho nên người đi học cũng nhiều.

Nguyên sự học ngày xưa có cái mục-đích chân-chính là học cho hiểu đạo-lý, biết phải trái, và luyện-tập tâm-tính cho thành người có tiết-tháo và có phẩm - cách cao-quí, để gặp thời thì ra giúp nước giúp dân, nếu không, thì làm người ngay-chính trong xã-hội. Sau dần dần vì sự sanh - hoạt ở đời, sự học thành ra cái học chuyên về mặt cử-nghiệp, nghĩa là học chỉ cốt lấy đỗ để ra làm quan. Người đi học đã đỗ-đạt rồi, tự tin mình là tài-giỏi, chỉ vụ lấy cái hoa-mỹ bề ngoài để lòe người, chứ không thiết gì đến sự thực-học. Tựu-trung cũng có người muốn thi đỗ để lấy chút danh phận rồi về ở nhà học thêm hay dạy học. Nhưng đại đa số chỉ mong đỗ để đi làm quan vì làm quan là có địa-vị tôn-quí, ngoài ra không có gì hơn nữa.

Chương-trình sự học cử-nghiệp có những gì? Bao nhiêu công-phu của người đi học chú-trọng vào sự học cho nhớ những sách Tứ Thư, Ngũ Kinh cùng những lời thể-chú của tiền-nho trong những sách ấy và học thêm mấy bộ sử nước Tàu. Còn sự luyện-tập hàng ngày, thì cốt tập cho thạo-thuộc các lề-lối ở chỗ khoa-trường là: kinh-nghĩa, tứ-lục, thi-phú, văn sách. Ấy là dùng hư-văn mà xét tài thực-dụng, đem sự hoa-mỹ làm mực-thước đo tài kinh-luân. Bởi vậy ai hay kinh-nghĩa đã nghĩ mình hơn người, ai tài thi-phú đã tưởng mình giỏi nghề trị nước. Việc đời thì tối-tăm mờ-mịt mà lại tự-phụ và kiêu-căng, cho thiên-hạ như rơm-rác, coi mình như thần-thánh.

Sự học của mình đã hư - hỏng như thế, những hủ - tục lại ăn sâu vào trí-não, thành ra một thứ cố-tật không sao chữa được. May nhờ cái tinh-thần học cũ, người đi học, kiến-thức tuy không có cái gì mấy, nhưng thường có khí - tiết, biết liêm - sỉ và nhờ có cái thanh - nghị của bọn sĩ - phu ràng-buộc, ngăn-ngừa sự hành-động bất chính. Song chỉ có

www.songhuong.vn

thế mà thôi, vẫn không đủ để sinh-tồn trong cái thời-đại quyền-lợi cạnh tranh, quyền-mưu quỉ-quyệt, trí-thuật gian-trá. Cho nên trong khi người tiến thì ta thoái, người thịnh thì ta suy.

Đại-khái, cái trình-độ của bọn sĩ-phu ở nước ta lúc bấy giờ là thế, cho nên vận nước suy đến nơi mà bốn người vẫn mê-muội ở chỗ mơ-màng mộng-mị. Bọn sĩ-phu là người có học, làm tai làm mắt cho mọi người mà còn kém-cỏi như thế, thì bảo dân-gian khôn-ngoan làm sao được?

3. SỰ SINH-HOẠT CỦA NGƯỜI TRONG NƯỚC. Tình-thế trong nước như đã nói trên, công-nghệ không có, buôn-bán không ra gì, trừ việc cày-cấy làm ruộng ra thì người nghèo-đói không có nghề-nghiệp gì mà làm ăn cả, cho nên thủa ấy tuy một tiền được bốn bát gạo, mà vẫn có người chết đói, vì rằng giá gạo thì rẻ, nhưng kiếm được đồng tiền thật là khó. Người đi làm thuê khôn-khéo, thì mới được một ngày một tiền, không thì chỉ được 18 hay 30 đồng tiền mà thôi. Sự làm-ăn ở chỗ thôn-quê đã vất-vã mà lại thường bị nhiều sự hà-lạm, ai có đồng tiền ở trong nhà thì lo sợ đủ mọi đường: nào sợ kẻ gian-phi trộm-cắp, nào sợ giặc đêm giặc ngày cướp-phá, cho nên phải chôn phải giấu cho kín.

Nhà-cửa phần nhiều là nhà tranh nhà lá, ít khi có nhà ngói nhà gạch. Kiểu nhà làm cũng phải theo kiểu thường mà làm, chứ không được làm nhà lầu và nhà kiểu chữ *công* 工 hay kiểu chữ *môn* 門. Ai làm nhà cửa mà không theo đúng phép, thì cho là lộng hành, phải tội.

Cách ăn-mặc thì chỉ có đồ vải đồ nâu, người nghèo-khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối. Người sung-túc mới có vài cái áo nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu hoặc để trắng, chứ không được mặc đồ gấm đồ vóc và đi giày. Nhà vua cấm như thế, là cũng có ý muốn cho dân không quen thói xa-hoa hoang-phí, chỉ trừ những người làm quan làm tư mới có cái đặc ân được ăn-mặc hơn người. Cũng vì thế cho nên người trong nước ai cũng mong được đi làm quan cho

www.songhuong.vn

hiền-đạt cái thân hình và cho rỡ-ràng mẹ cha, chứ không lo nghĩ làm việc gì khác nữa. Hễ ai đi học mà vì lẽ gì thi không đỗ, làm quan không được, thì bức chí quay ra làm giặc để tìm cách hiển-vinh, thành ra trong nước hay có giặc-giã.

Nước nghèo, dân khổ, lại phải lúc có nhiều tai - biến, người ngoài vào xâm-lược, triều-đình ngơ-ngác không biết xoay-xở ra thế nào, lòng người ly-tán, phân ra bè nọ đảng kia, giết-hại lẫn nhau. Ấy là cái tình-thế nước Việt-nam ta vào cuối đời Tự-đức là thế, cho nên sự nguy-vong mới xảy ra vậy.

www.songhuong.vn

CHƯƠNG VII

NƯỚC PHÁP LẤY ĐẤT NAM-KỲ

1. Nước Pháp đánh Đà-nẵng
2. Quân Pháp hạ thành Gia-định
3. Mất tỉnh Định-tường
4. Mất tỉnh Biên-hòa và tỉnh Vĩnh-long
5. Hòa-ước năm nhâm-tuất (1862)
6. Sứ Việt-nam ta sang Tây
7. Việc bảo-hộ Cao-miên
8. Nước Pháp lấy ba tỉnh phía tây đất Nam-kỳ

1. QUÂN PHÁP ĐÁNH ĐÀ-NẴNG. Trong thời-đại khó-khăn cũ như đời vua Dực-tông, mà vua quan cứ khư khư giữ lấy luân-cũ, không biết theo thời mà mở nước cho người ta vào buôn-bán, không biết nhân dịp mà khai-hóa dân trí, lại vì sự sùng-tín mà đem giết-hại người trong nước, và đem làm tội những người đi giảng đạo. Bởi những sự lầm-lỗi ấy, cho nên nước Pháp mới dùng binh-lực để báo-thù cho những người giáo-sĩ bị hại.

Nguyên từ năm tân-hợi (1851) là năm Tự-đức thứ 4 về sau, nghĩa là từ khi có tờ dụ cấm đạo lần thứ hai, ở Bắc-kỳ có mấy người giáo-sĩ là ông Bonard, ông Charbonnier, ông Matheron và ông giám-mục I-pha-nho tên là Diaz bị giết. Còn những giáo-sĩ khác thì phải đào hầm đào hố mà ở, hoặc phải trốn-tránh ở trong rừng trong núi để giảng đạo. Những tin ấy về đến bên Tây, các báo-chí ngày ngày kể những thảm-trạng của các người giáo-sĩ đi truyền đạo ở nước ta, lòng người náo động cả lên.

www.songhuong.vn

Chính-phủ nước Pháp bèn sai ông Lebeur de Ville-sur-Arc, đem chiếc chiến-thuyền « Catinat » vào cửa Đà-nẵng rồi cho người đem thư lên trách Triều-đình Việt-nam về việc giết đạo. Sau thấy quan ta lôi-thôi không trả lời, quân nước Pháp bèn bắn phá các đồn-lũy ở Đà-nẵng, rồi bỏ đi. Bấy giờ là tháng 8 năm bính-thìn (1856) là năm Tự-đức thứ 9.

Được 4 tháng sau thì sứ-thần nước Pháp là ông Montigny ở nước Tiêm-la sang, để điều-đình mọi việc. Chiếc tàu của ông Montigny đi vào đóng ở cửa Đà-nẵng, rồi cho người đưa thư lên nói xin cho người nước Pháp được tự-do vào thông thương, đặt lĩnh-sự ở Huế, mở cửa hàng buôn-bán ở Đà-nẵng, và cho giáo-sĩ được tự-do đi giảng đạo. Trong bấy nhiêu điều, triều-đình nước ta không chịu điều nào cả.

Bấy giờ bên nước Pháp đã lập lại đế-hiệu, cháu ông Nã-phá-luân đệ-nhất là Nã-phá-luân đệ-tam lên làm vua. Triều-chính lúc bấy giờ thì thuận đạo, lại có bà Hoàng-hậu Eugénie cũng sùng-tín. Vả chăng khi chiếc tàu « Catinat » vào cửa Đà-nẵng, có ông giám-mục Pellerin trốn được xuống tàu rồi về bệ kiến Pháp-hoàng, kể rõ tình-cảnh các người giảng đạo ở Việt-nam.

Ông P. Cultru chép ở trong sách *Nam-kỳ sử-ký* (Histoire de la Cochinchine) rằng: lúc bấy giờ có nhiều người quyền-thế như ông chủ-giáo thành Rouen là Mgr de Bonnechose và có lẽ cả bà Hoàng-hậu cũng có nói giúp cho ông giám-mục Pellerin. Bởi vậy Pháp-hoàng mới quyết ý sai quan đem binh-thuyền sang đánh nước ta. Lại nhân vì những giáo-sĩ nước I-pha-nho cũng bị giết, cho nên chính-phủ hai nước mới cùng nhau trù-tính việc sang đánh nước Việt-nam. Ấy cũng tại vua quan mình làm điều trái đạo, giết-hại những người theo đạo Gia-tô cho nên mới có tai-biến như vậy.

Tháng 7 năm mậu-ngọ (1858) là năm Tự-đức thứ 11, hải-quân Trung-tướng nước Pháp là Rigault de Genouilly đem tàu Pháp và tàu I-pha-nho cả thảy 14 chiếc, chở hơn 3.000 quân của hai nước vào cửa Đà-nẵng, bắn phá các đồn lũy, rồi lên hạ thành An-hải 安海 và thành Tôn-hải 尊海.

www.songhuong.vn

Triều-đình được tin ấy liền sai ông Đào Trí 陶 致 ra cùng với quan tổng-đốc Nam-nghĩa là Trần Hoằng 陳 弘 tiễu-ngự. Ông Đào Trí ra đến nơi thì hai cái hải-thành đã mất rồi. Triều-đình lại sai quan hữu-quân Lê đình Lý 黎 廷 理 làm tổng-thống đem 2.000 cấm binh vào án ngự.

Ông Lê đình Lý vào đánh với quân Pháp một trận ở xã Cẩm-lệ 錦 荔 bị đạn, về được mấy hôm thì mất.

Vua Dực-tông lại sai quan Kinh-lược-sứ là ông Nguyễn tri Phương 阮 知 方 vào làm tổng-thống, ông Chu phúc Minh 朱 福 明 làm đề-đốc cùng với ông Đào Trí chống giữ với quân Pháp và quân I-pha-nho.

Ông Nguyễn tri Phương lập đồn Liên-trì 蓮 池 屯 và đắp lũy dài từ Hải-châu cho đến Phúc-ninh, rồi chia quân ra phòng giữ. Cứ như sách *Nam-kỳ sử* của ông Cultru thì ý quan trung-tướng Rigault de Genouilly định lấy Đà-nẵng xong rồi, lên đánh Huế, nhưng mà đến lúc bấy giờ thấy quan quân phòng giữ cũng rát, và lại có người đem tin cho trung-tướng biết rằng có hơn 10.000 quân ở Huế sắp kéo xuống. Trung-tướng không biết rõ tình-thế ra làm sao, mà đường-sá lại không thuộc, cho nên cũng không dám tiến quân lên.

Nhân vì khi trước các giáo-sĩ đều nói rằng hễ quân Pháp sang đánh, thì dân bên đạo tức khắc nổi lên đánh giúp, đến nay không thấy tin-tức gì, mà quân-lính của trung-tướng thì tiến lên không được. Ở Đà-nẵng thì chỗ ăn chỗ ở không có, lại phải bệnh dịch-tả chết hại mất nhiều người, bởi vậy trung-tướng lấy làm phiền lắm. Bấy giờ có ông giám-mục Pellerin cũng đi theo sang ở dưới tàu Ménésis, trung-tướng cứ trách ông giám-mục đánh lừa mình, giám-mục cũng tức giận bỏ về ở nhà tu dạy đạo tại thành Pénang ở bên Mã-lai.

Được mấy tháng, trung-tướng liệu thế đánh Huế chưa được, bèn định kế vào đánh Gia-định là một nơi dễ lấy, và lại là một nơi trù-phú của nước Nam ta.

2. QUÂN PHÁP VÀO ĐÁNH GIA-ĐỊNH. Trước đã có người bàn với trung-tướng Rigault de Genouilly ra đánh Bắc-

www.songhuong.vn

kỳ, nói rằng ở Bắc-kỳ có hơn 40 vạn người đi đạo, và lại có đảng theo nhà Lê, có thể giúp cho quân Pháp được thành công. Trung-tướng cho đi do-thám biết rằng đất Nam-kỳ dễ lấy hơn, và lại là đất giàu-có, nhiều thóc-gạo. Đến tháng giêng năm kỷ-mùi (1859) là năm Tự-đức thứ 12, Trung-tướng giao quyền lại cho đại-tá Toyon ở lại giữ các đồn tại Đà-nẵng, rồi còn bao nhiêu binh-thuyền đem vào Nam-kỳ. Quân Pháp vào cửa Cần-giờ, bắn phá các pháo đài ở hai bên bờ sông Đồng-nai, rồi tiến lên đánh thành Gia-định.

Ở Gia-định, bấy giờ tuy có nhiều binh-khí, nhưng quân-lính không luyện-tập, việc võ-bị bỏ trễ-nải, cho nên khi quân Pháp ở cửa Cần-giờ tiến lên, quan hộ-đốc là Vũ duy Ninh 武維寧 vội-vàng tư đi các tỉnh lấy binh về cứu-viện; nhưng chỉ trong hai ngày thì thành vỡ. Vũ duy Ninh tự tận. Quân nước Pháp và nước I-pha-nho vào thành, lấy được 200 khẩu súng đại-bác, 8 vạn rưỡi kilos thuốc súng và độ chừng 18 vạn phật-lăng (francs) cả tiền lẫn bạc, còn các binh-khí và thóc-gạo thì không biết bao nhiêu mà kể.

Trung-tướng Rigault de Genouilly lấy được thành Gia-định rồi, đốt cả thóc-gạo và san phẳng thành-trì làm bình-địa, chỉ để một cái đồn ở phía nam, sai thủy-quân trung-tá Jauréguiberry đem một đạo quân ở lại chống giữ với quân của ông Tôn thất Hợp 尊室鉛 đóng ở đất Biên-hòa.

Trung-tướng lại đem quân trở ra Đà-nẵng, rồi tiến lên đánh một trận ở đồn Phúc-ninh 福寧. Quân ông Nguyễn tri Phương thua phải lui về giữ đồn Nại-hiên 耐軒 và đồn Liên-trì 蓮池.

Trung-tướng muốn nhân dịp đó mà định việc giảng-hòa, nhưng mà Triều-đình cứ để lôi thôi mãi, người thì bàn hòa, kẻ thì bàn đánh, thành ra không xong việc gì cả (1).

---

(1) Chỗ này sách tây có quyền chép rằng khi hai bên đang bàn việc hòa, thì vua Tự-đức sai ông Nguyễn tri Phương đánh quân Pháp ở Gia-định. Vả xem sử ta lúc bấy giờ thì ông Nguyễn tri Phương đang còn ở Quảng-nam mãi đến tháng 5 năm canh-thân (1860), ông ấy mới vào Nam-kỳ. Vậy việc đánh ở Gia-định là ông Tôn thất Hợp, chứ không phải là ông Nguyễn tri Phương.

www.songhuong.vn

Mà quân Pháp lúc bấy giờ ở Đà-nẵng khổ-sở lắm, nhiều người có bệnh-tật; trung-tướng Rigault de Genouilly cũng đau, phải xin về nghỉ.

Chính-phủ Pháp sai hải-quân thiếu-tướng Page (Ba-du) sang thay cho trung-tướng Rigault de Genouilly và nhân thể để chủ việc giảng-hòa cho xong. Đến tháng 10 năm kỷ-mùi (1859) thì thiếu-tướng sang đến nơi, và cho người đưa thư bàn việc hòa, chỉ cốt xin đừng cấm đạo, để cho các giáo-sĩ được tự-do đi giảng đạo, đặt lĩnh-sự coi việc buôn-bán ở các cửa bể và đặt sứ-thần ở Huế. Đại-để thì cũng như những điều của ông Montigny đã bàn năm trước. Nhưng chẳng may lúc bấy giờ ở trong Triều không ai hiểu chính-sách ngoại-giao mà chủ-trương việc ấy, hóa ra làm mất cái dịp hay cả cho hai nước.

Thiếu-tướng thấy cuộc hòa không xong bèn tiến binh lên đánh, trận ấy bên quân Pháp chết mất một viên lục quân trung-tá là Dupré Déroulède.

Khi quân Pháp và quân I-pha-nho sang đánh nước ta ở Đà-nẵng và ở Gia-định, thì quân nước Anh và quân nước Pháp đang đánh nước Tàu ở mạn Hoàng-hải 黃海. Đến bấy giờ quân Pháp cần phải tiếp sang bên Tàu, chính-phủ nước Pháp mới truyền cho thiếu-tướng Page phải rút quân ở Đà-nẵng về, và chỉ để quân giữ lấy Gia-định, còn bao nhiêu binh-thuyền phải đem sang theo hải-quân trung-tướng Charner đi đánh Tàu. Bởi vậy đến tháng ba năm canh-thân (1860) quân Pháp đốt cả dinh-trại ở Trà-sơn rồi xuống tàu. Về đến Gia-định, thiếu-tướng Page để hải-quân đại-tá d'Ariès ở lại giữ Gia-định, còn bao nhiêu binh-thuyền đem lên phía bắc hội với binh-thuyền của nước Anh để đánh nước Tàu.

Triều-đình ở Huế thấy quân Pháp bỏ Đà-nẵng đi, bèn sai Nguyễn tri Phương 阮知方, Phạm thế Hiển 范世顯 vào Nam-kỳ, để cùng với ông Tôn thất Hợp 尊室給 sung Gia-định quân thứ.

Đến tháng 7 năm canh-thân (1860) ông Nguyễn tri Phương khởi hành. Lúc gần đi, ông ấy có tâu-bày mấy lẽ về việc giữ

www.songhuong.vn

nước và nói rằng việc đánh nhau với nước Pháp bây giờ khó gấp năm gấp bảy lúc trước, nhưng ông ấy xin cố hết sức để đền ơn nước, còn ở mặt Quảng-nam mà có việc gì, thì ông Phan thanh Giản 潘清簡 và ông Nguyễn bá Nghi 阮伯儀 có thể cáng-đáng được.

Quân Pháp và quân I-pha-nho ở Sài-gòn lúc bấy giờ chỉ có độ 1.000 người mà quân của Việt-nam ta thì có đến hơn một vạn người. Nhưng mà quân ta đã không luyện-tập, lại không có súng-ống như quân Tây. Mình chỉ có mấy khẩu súng cổ, bắn bằng đá lửa, đi xa độ 250 hay là 300 thước tây là cùng; còn súng đại-bác thì toàn là súng nạp tiền mà bắn mười phát không đậu một. Lấy những quân-lính ấy, những khí-giới ấy mà đối-địch với quân đã lập theo lối mới, bắn bằng súng nạp hậu và bằng đạn trái phá, thì đánh làm sao được. Bởi vậy cho nên xem trận-đồ của Việt-nam ta từ đầu cho đến cuối, chỉ có cách đào hầm đào hố để làm thế thủ, chứ không bao giờ có thế công, mà người Tây thì lợi cả công lẫn thủ. Tuy vậy, ông Nguyễn tri Phương cùng với quan tham-tán đại-thần Phạm thế Hiển vào xếp-đặt ở Gia-định một cách rất có qui-cũ, đắp dãy đồn Kỳ-hòa (người Pháp gọi là dãy đồn Chí-hòa) cũng hợp qui-thức, để chống nhau với quân của đại-tá d'Ariès. Hai bên đã từng đánh nhau hai ba trận, đều bị thiệt hại cả.

Đến tháng 9 năm canh-thân (1860), thì nhà Thanh bên Tàu ký tờ hòa-ước với nước Anh và nước Pháp, hai bên bãi sự chiến-tranh. Chính-phủ nước Pháp sai hải-quân trung-tướng Charner đem binh-thuyền về chủ-trương việc lấy Nam-kỳ.

Tháng giêng năm tân-dậu (1861), trung-tướng Charner đem cả thảy 70 chiếc tàu và 3.500 quân bộ về đến Gia-định (2). Được 20 ngày thì trung-tướng truyền lệnh tiến quân lên

---

(2) Sử ta chép rằng quân Pháp lúc bấy giờ có hơn 1 vạn người, mà các sách chép việc lấy Nam-kỳ thì chỉ nói có 3.500 người thôi và trong số ấy lại có mấy đội lính mộ An-nam nữa. Thiết tưởng số 3.500 có lẽ thật hơn.

www.songhuong.vn

đánh lấy đồn Kỳ-hòa. Hai bên đánh nhau rất dữ trong hai ngày. Quân Pháp chết hơn 300 người, nhưng mà súng Tây bắn hăng quá, quân ta địch không nổi, phải thua bỏ đồn chạy về Biên-hòa.

Trận ấy bên Tây thì có lục-quân thiếu-tướng Vassoigne, đại-tá I-pha-nho Palanca và mấy người nữa bị thương, mà bên ta thì ông Nguyễn tri Phương 阮知方 bị thương, em ngài là Nguyễn Duy 阮惟 tử trận, quan tham-tán là Phạm thế Hiển 范世顯 về đến Biên-hòa được mấy hôm cũng mất, còn quân-sĩ thì chết hại rất nhiều.

3. MẤT TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG. Phá được đồn Kỳ-hòa rồi, trung-tướng Charner truyền cho quân thủy-bộ tiến lên đuổi đánh, quan quân vỡ tan cả. Tàu thủy của Pháp lên lấy Thủ-dầu-một và Tây-ninh. Trung-tướng lại sai người đưa thư sang cho vua Cao-miên là Norodom (Nặc-ông-lân), đại-lược nói rằng: chủ-ý của Pháp định lấy đất Gia-định làm thuộc-địa, và nay mai sẽ đánh lấy Mỹ-tho (Định-tường) để cho tiện đường lưu-thông với nước Cao-miên.

Bấy giờ bại quân của Nguyễn tri Phương rút về đóng ở Biên-hòa, còn đang rối loạn, chưa dám làm gì, quân Pháp bèn quay về phía tây đánh tỉnh Định-tường. Trước trung-tướng đã cho tàu đi dò các ngọn sông xem đi đường nào tiện, đến cuối tháng 2 năm tân-dậu (1861), một mặt trung-tướng sai trung-tá Bourdais đem tàu đi đường sông, tiến lên đánh các đồn, một mặt thì sai thiếu-tướng Page đi đường bể, theo cửa sông Mê-kong vào, hai mặt cùng tiến lên đánh lấy thành Mỹ-tho. Quan hộ-đốc là Nguyễn công Nhàn 阮公閑 phải bỏ thành chạy.

Từ khi hạ xong thành Mỹ-tho rồi, trung-tướng đặt đồn lũy ở các nơi hiểm-yếu, và có ý hoãn việc binh để sửa-sang việc cai-trị trong địa-hạt đã lấy được, cho nên cũng không đánh các tỉnh khác.

Triều-đình ở Huế được tin quan quân thất thủ đại đồn Kỳ-hòa, và thành Mỹ-tho cũng thất thủ rồi, sai quan thượng-thư Hộ-bộ là Nguyễn bá Nghi 阮伯儀 làm Khâm-sai đại-

www.songhuong.vn

thần vào kinh-lý việc Nam-kỳ. Nguyễn bá Nghi biết thế không chống nổi với quân Pháp, dâng sớ về xin giảng hòa. Nhưng ở trong triều-lúc bấy giờ có bọn Trương đăng Quế 張登桂 không chịu, bắt phải tìm kế chống giữ.

Có nhà chép sử trách Nguyễn bá Nghi rằng tuy ông ấy muốn giảng hòa, nhưng không chịu nhường đất, cứ lấy lý mà cãi, chứ không biết rằng thời buổi cạnh-tranh này, hễ cái sức đã không đủ, thì không có cái lý gì là phải cả. Vả chăng quân nước Pháp đã sang đánh lấy mấy tỉnh ở Nam-kỳ, là cốt để làm thuộc-địa, lẽ nào tự-nhiên lại đem trả lại. Bởi vậy sự giảng hòa cứ lôi-thôi mãi không xong. Mà ở trong địa-hạt tỉnh Gia-định và tỉnh Định-tường lúc ấy lại có mấy người như tri-huyện Toại 遂, phó quản-cơ Trương Định 張定, thiên-hộ Dương 楊 rủ những người nghĩa-dũng nổi lên đánh phá quân Pháp. Quân Pháp cứ đánh-dẹp mãi dân-tình cũng bị lắm điều cực-khổ.

Đến tháng 10 năm tân-dậu (1861), chính-phủ Pháp sai hải-quân thiếu-tướng Bonard sang thay cho trung-tướng Charner về nghỉ.

4. MẤT TỈNH BIÊN-HÒA VÀ TỈNH VĨNH-LONG. Thiếu-tướng Bonard thấy quan quân ta cứ chống giữ mãi, bèn quyết ý đánh lấy tỉnh Biên-hòa và tỉnh Vĩnh-long. Đến tháng 11 năm ấy, thì quân Pháp chia ra làm 3 đạo, cùng tiến lên đánh lấy thành Biên-hòa, rồi lại tiến lên mặt đông-nam đánh lấy đồn Bà-rịa. Qua tháng 3 năm sau là năm nhâm-tuất (1862), thiếu-tướng Bonard lại đem 11 chiếc tàu và hơn 1.000 quân đi đánh Vĩnh-long, Tỉnh-thần ở đấy chống giữ được 2 ngày thì thành phá. Tổng-đốc Trương văn Uyển 張文琬 phải đem quân lui về phía tây sông Mê-kong.

5. HÒA-ƯỚC NĂM NHÂM-TUẤT (1862). Lúc bấy giờ ở ngoài Bắc-kỳ có tên Phụng 奉, tên Trường 長, đánh phá ở mặt Quảng-yên và Hải-dương ngặt lắm, lại có Nguyễn văn Thịnh 阮文盛, tục gọi là cai-tổng Vàng, quấy-nhiễu ở Bắc-ninh, mà trong Nam-kỳ thì lại mất thêm hai tỉnh nữa.

www.songhuong.vn

Triều-đình lấy làm lo sợ lắm, bèn sai Phan thanh Giản 潘清簡 và Lâm duy Tiếp 林維浹 vào Gia-định giảng-hòa.

Đến tháng 4 thì sứ thần nước ta theo chiếc tàu Forbin (3) vào Sài-gòn. Đến hôm 9 tháng 5 thì thiếu-tướng Bonard và sứ-thần nước Nam ta là ông Phan thanh Giản và ông Lâm duy Tiếp ký tờ hòa-ước.

Tờ hòa-ước ấy có 12 khoản, nhưng cốt có những khoản sau này là quan-trọng hơn cả :

1. Nước Nam phải để cho giáo-sĩ nước Pháp và nước I-pha-nho được tự-do vào giảng đạo, và để dân-gian được tự-do theo đạo.

2. Nước Nam phải nhường đứt cho nước Pháp tỉnh Biên-hòa, tỉnh Gia-định và tỉnh Định-tường, và phải để cho chiến thuyền của Pháp được ra vào tự-do ở sông Mékong.

3. Nước Nam không được đem binh-khí, thuốc đạn đi qua những tỉnh đã nhường cho nước Pháp.

4. Hễ nước Nam có giao-thiệp với nước nào khác thì phải cho chính-phủ Pháp biết, và khi nào muốn nhường đất cho nước nào, thì phải tùy ý nước Pháp có thuận cho mới được.

5. Người nước Pháp và nước I-pha-nho được ra vào buôn-bán tự-do ở cửa Đà-nẵng, cửa Ba-lạt và cửa bể ở Quảng-yên.

6. Nước Nam phải trả tiền binh-phí 4.000.000 nguyên, chia làm mười năm, mỗi năm 40 vạn nguyên.

7. Nước Pháp trả tỉnh Vĩnh-long lại cho nước Nam, nhưng quân Pháp cứ đóng ở tỉnh-lỵ cho đến khi dẹp yên giặc-giã ở tỉnh Gia-định và tỉnh Định-tường thì mới rút về.

Sự giảng-hòa xong rồi thì triều-đình sai ông Phan Thanh Giản làm tổng-đốc Vĩnh-long, ông Lâm duy Tiếp làm tuần-phủ Khánh-thuận, để giao-thiệp với quan nước Pháp ở Gia-định.

---

(3) Nguyên trước thiếu-tướng Bonard có sai trung-tá Simon đem chiếc tàu Forbin vào cửa Thuận-an để đợi xem triều-đình ở Huế có xin hòa không. Nay chiếc tàu ấy đem thuyền của sứ-thần Việt-nam ta về Gia-định.

www.songhuong.vn

Bấy giờ nước I-pha-nho cũng nhường quyền lấy đất làm thuộc-địa cho nước Pháp, chỉ nhận tiền binh-phí và quyền được cho giáo-sĩ đi giảng đạo thôi.

Tháng 2 năm qui-hợi (1863) là năm Tự-đức thứ 16, thiếu-tướng Bonard và đại-tá nước I-pha-nho là Palanca vào Huế triều-yết vua Dực-tông để công-nhận sự giảng-hòa của ba nước. Đoạn rồi thiếu-tướng Bonard về Pháp nghỉ. Hải-quân thiếu-tướng De la Grandière sang thay.

6. SỨ VIỆT-NAM SANG TÂY. Vua Dực-tông tuy thế bất-đắc-dĩ phải nhường đất ba tỉnh Nam-kỳ cho nước Pháp, nhưng trong bụng vẫn muốn cố hết sức để chuộc lại, vì là đất Gia-định là đất khai nghiệp của nhà Nguyễn và lại là đất quê ngoại của ngài, nên chi hòa-ước đã ký rồi, mà ngài vẫn sai quan thương-nghị với quan nước Pháp về việc ấy. Mà chủ-ý người nước Pháp lúc bấy giờ thì không những là chỉ giữ lấy ba tỉnh mà thôi, lại còn định mở rộng thêm ra nữa. Vậy lẽ nào lại đem trả lại cho mình?

Vua Dực-tông thấy việc bên này bàn không xong, bèn sai quan hiệp biện đại-học-sĩ Phan thanh Giản 潘清簡, quan tả tham-tri lại-bộ Phạm phú Thứ và quan án-sát-sứ tỉnh Quảng-nam là Ngụy khắc Đản 魏克愼 đem phẩm vật sang sứ nước Pháp và nước I-pha-nho. Còn việc giao thiệp ở trong Nam-kỳ thì giao lại cho quan tổng-đốc tỉnh Vĩnh-long là Trương văn Uyển 張文琬.

Tháng 6, các sứ thần xuống tàu « Echo » vào Gia-định, rồi sang tàu « Européen » cùng với quan nước Pháp và quan nước I-pha-nho sang Tây. Đến tháng 8 thì tàu « Européen » về tới nước Pháp, sứ-thần nước ta lên Paris, xin vào triều-yết Pháp-hoàng Nã-phá-luân đệ tam. Nhưng bấy giờ Pháp-hoàng sắp đi ngự mát, sứ-thần ta phải ở lại chờ đến hơn một tháng mới được yết-kiến. Ông Phan thanh Giản tâu bày mọi lẽ về việc xin chuộc ba tỉnh Nam-kỳ. Pháp-hoàng ban rằng việc đó để đình-nghị xem thế nào rồi sau sẽ trả lời cho Triều-đình Huế.

www.songhuong.vn

Mấy hôm sau, bọn ông Phan thanh Giản đi sang I-pha-nho, rồi đến cuối năm thì các sứ-thần xuống tàu «Japon» trở về.

7. VIỆC BẢO-HỘ CAO-MIÊN. Trong khi sứ nước ta sang Tây lo việc chuộc lại mấy tỉnh ở Nam-kỳ, thì ở bên này thiếu-tướng De la Grandière một mặt cứ đánh-dẹp mọi nơi, xếp-đặt cách cai-trị, định thuế-lệ và mở trường dạy chữ Pháp và chữ quốc-ngữ (4), một mặt sai quan đi kinh-doanh việc bảo-hộ nước Cao-miên (Chân-lạp).

Nguyên từ năm kỷ-mùi (1859), vua nước Cao-miên là An-dương (tức là Nặc ông Tôn) mất rồi, người con trưởng tên là Norodom (Ông-lân) lên nối ngôi. Đến năm tân-dậu (1861), thì người em Norodom là Si-Vattha nổi lên tranh ngôi của anh. Norodom phải chạy sang Tiêm-la. Sang năm nhâm-tuất (1862) vua Tiêm-la sai quân đem Norodom về nước, rồi đặt quan ở Ô-đông để bảo-hộ Cao-miên.

Lúc bấy giờ ở Cao-miên có ông giám-mục tên là Miche khuyên vua Norodom về với nước Pháp thì Tiêm-la không dám bắt-nạt. Bên này thiếu-tướng De la Grandière cũng sai đại-úy Doudart de Lagrée sang kinh-doanh việc bảo-hộ Cao-miên. Ông Doudart de Lagrée sang Cao-miên trong một năm trời thu-xếp mọi việc, đến năm giáp-tí (1864) thì nước Tiêm-la phải rút quân về, nhường quyền bảo-hộ cho nước Pháp.

8. NƯỚC PHÁP LẤY BA TỈNH PHÍA TÂY ĐẤT NAM-KỲ. Ở bên Pháp lúc bấy giờ chính-phủ cũng còn phân-vân, chưa quyết hẳn lấy hay là trả đất Nam-kỳ, mà Pháp-hoàng thì thấy đường-sá xa-xôi cũng ngại, bèn sai hải-quân trung-tá Aubaret

---

(4) Nguyên người nước ta tự xưa tuy có tiếng nói riêng mà không có chữ viết. Học-hành, văn-chương, án-từ, việc gì cũng làm bằng Hán-tự cả. Từ đời nhà Trần về sau đã có người dùng Hán-tự mà đặt ra chữ nôm để viết tiếng quốc-ngữ. Nhưng mà những nhà văn-học không hay dùng đến chữ nôm. Đến cuối đời nhà Lê có các giáo-sĩ Bồ-đào-nha sang giảng đạo ở nước ta, thấy Hán-tự khó học và không mấy người hiểu, mới mượn chữ La-tinh mà đặt ra chữ quốc-ngữ, để cho tiện sự giảng-dạy. Ngày nay ta cũng nhờ có chữ quốc-ngữ ấy mà làm thành ra nước ta có một lối chữ riêng rất tiện.

www.songhuong.vn

(Ha-ba-lý) sang điều-đình với Triều-đình ở Huế về việc cho chuộc ba tỉnh Nam-kỳ.

Vua Dực-tông lại sai quan Lại-bộ thượng-thư là ông Phan thanh Giản ra sung chức toàn-quyền cùng với Trần tiễn Thành 陳 踐 誠 và Phan huy Vịnh 潘 輝 泳 để thương-nghị với sứ-thần nước Pháp.

Ông Aubaret đưa bản-thảo tờ hòa-ước, đại-lược nói rằng: Nước Pháp trả lại ba tỉnh Gia-định, Biên-hòa và Định-tường cho nước Nam, chỉ giữ Sàigòn, Mỹ-tho và Thủ-dầu-một để đóng quân. Nhưng nước Nam phải để nước Pháp được quyền bảo-hộ cả 6 tỉnh Nam-kỳ. Nước Nam lại phải chịu mỗi năm là 2.000.000 nguyên tiền thuế.

Sứ hai nước cứ bàn đi bàn lại mãi không xong, mà ở bên Pháp thì có nhiều người không muốn trả lại đất Nam-kỳ. Cuối năm giáp-tí (1864) quan thượng-thư Hải-quân-bộ là hầu-tước De Chasseloup Laubat dâng sớ tâu với Pháp-hoàng nhất định xin không cho nước Nam chuộc ba tỉnh. Pháp-hoàng nghe lời ấy bèn xuống chỉ truyền cứ chiếu tờ hòa-ước năm nhâm-tuất (1862) mà thi-hành.

Năm ất-sửu (1865), quan thượng-thư De Chasseloup Laubat muốn biết rõ tình-thế bên Việt-nam này, bèn gọi thiếu-tướng De la Grandière về hội-nghị và sai hải-quân thiếu-tướng Roze sang thay. Thiếu-tướng De la Grandière về Pháp cả đi lẫn về mất 7 tháng, lại trở sang kinh-lý việc Nam-kỳ.

Lúc bấy giờ việc cai-trị ở ba tỉnh của Pháp đã thành nếp rồi, thiếu tướng De la Grandière ở Pháp sang đã quyết ý lấy nốt ba tỉnh phía tây. Lại nhân từ khi trước nước Pháp sang lấy Nam-kỳ, người bản-xứ thỉnh thoảng vẫn nổi lên đánh phá, quân Pháp dẹp mãi không yên. Ở Cao-miên lại có tên sư Pu kầm Bô xưng là cháu Nặc ông Chân cũng nổi lên đánh vua Norodom. Súy-phủ ở Sài-gòn đổ cho quan Việt-nam ta xui giục và giúp-đỡ những người làm loạn, bèn sửa soạn việc lấy tỉnh Vĩnh-long, tỉnh An-giang và tỉnh Hà-tiên.

www.songhuong.vn

Ở Huế tuy Triều-đình còn cứ mong chuộc lại đất ba tỉnh, nhưng vẫn biết ý súy-phủ ở Sài-gòn rồi tất lấy cả ba tỉnh phía tây, cho nên năm bính-dần (1866), lại sai ông Phan thanh Giản vào làm kinh-lược-sứ để tìm kế chống giữ.

Ở bên Pháp, thì từ năm đinh-mùi (1867), hải-quân trung-tướng Rigault de Genouilly lên làm thượng-thư Hải-quân-bộ (5) ra sức giúp thiếu-tướng De la Grandière cho xong việc. Bởi vậy súy-phủ ở Sài-gòn chỉ đợi dịp để khởi sự.

Tháng 6 năm đinh-mão (1867) là năm Tự-đức thứ 20, thiếu-tướng De la Grandière hội hơn 1.000 quân ở Mỹ-tho, rồi định ngày kéo sang lấy Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Ông Phan thanh Giản biết thế không chống nổi, bảo các quan đành chịu nộp thành-trì cho khỏi sự tai-hại, rồi ông uống thuốc độc mà tự-tận, dặn lại con-cái phải cày ruộng mà ăn, chứ không được nhận quan-chức gì ở Nam-kỳ.

Bấy giờ ông đã già, đã ngoài 74 tuổi, làm quan thật là thanh-liêm, nhưng chẳng may gặp phải khi nước có biến, biết thế mình không làm gì được, đem tấm lòng son-sắt mà báo đền ơn nước cho hết bổn-phận người làm tôi.

Từ đó đất Nam-kỳ toàn cảnh thành ra đất thuộc-địa của Pháp, thuế-má, luật-lệ, điều gì cũng do súy-phủ ở Sài-gòn quyết-định cả.

---

(5) Lúc bấy giờ Hải-quân-bộ kiêm cả Thuộc-địa-bộ.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG VIII

GIẶC-GIÃ Ở TRONG NƯỚC

1. Việc rối-loạn trong nước
2. Giặc Tam-đường
3. Giặc châu-chấu
4. Giặc tên Phụng
5. Sự phản-nghịch ở Kinh-thành
6. Giặc Khách ở Bắc-kỳ

1. VIỆC RỐI-LOẠN TRONG NƯỚC. Vua Dực-tông vốn là ông vua có lòng chăm-chỉ về việc trị dân, ngay từ năm canh - tuất (1850), là năm Tự - đức thứ 3, ngài đã sai ông Nguyễn tri Phương 阮知方 làm Kinh-lược đại-sứ 6 tỉnh Nam-kỳ; ông Phan thanh Giản 潘清簡 làm Kinh-lược đại-sứ Bình-định, Phú-yên, Khánh-hòa và Bình-thuận; ông Nguyễn đăng Giai 阮登階 làm Kinh-lược đại-sứ Hà-tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa. Các ông ấy đi khám-xét công-việc các quan-lại và sự làm-ăn của dân-gian, có điều gì hay dở phải sớ tâu về cho vua biết.

Tuy vậy mặc lòng, không có đời nào lắm giặc-giã bằng đời ngài làm vua. Chỉ được vài ba năm đầu thì còn có hơi yên-trị, còn từ năm tân-hợi (1851) là năm Tự-đức thứ 4 trở đi, thì càng ngày càng nhiều giặc. Mà nhất là đất Bắc-kỳ có nhiều giặc hơn cả, bởi vì đất Bắc-kỳ là đất của nhà Lê cũ, dân-tình cũng còn có nhiều người tưởng-nhớ đến tiền-triều, nên chi những người muốn làm loạn, hoặc tự nhận là dòng dõi nhà Lê, hoặc tìm một người nào giả nhận dòng dõi nhà Lê, rồi tôn lên làm minh-chủ 盟主 để lấy cớ mà khởi sự.

www.songhuong.vn

Lại nhân lúc bấy giờ bên Tàu có giặc Thái-bình nổi lên đánh nhà Thanh, đến khi giặc ấy tan thì dư-đảng chạy tràn sang nước ta cướp phá ở mạn thượng-du. Nào giặc khách, nào giặc ta, quan quân cứ phải đi đánh dẹp luôn. Ở trong nước thì thỉnh-thoảng lại có tai-biến, như nước lụt, đê vỡ, v. v. Ở Hưng-yên, đê Văn-giang vỡ 18 năm liền, cả huyện Văn-giang thành ra bãi cát bỏ hoang, dân-gian đói-khổ, nghề-nghiệp không có, cho nên người đi làm giặc càng ngày càng nhiều vậy.

2. GIẶC TAM-ĐƯỜNG. Năm tân-hợi (1851) là năm Tự-đức thứ 4, có giặc khách là bọn Quảng nghĩa Đường 廣義堂, Lục thắng Đường 六勝堂, Đức thắng Đường 德勝堂, v. v... tục gọi là giặc Tam-đường 三堂, quấy-nhiễu ở mặt Thái-nguyên, vua sai ông Nguyễn đăng Giai 阮登階 ra kinh-lược Bắc-kỳ. Ông ấy dùng cách khôn-khéo dụ được chúng nó về hàng. Bởi vậy trong hạt lại được yên một độ. Nhưng đến cuối năm giáp-dần (1854) là năm Tự-đức thứ 7, Nguyễn đăng Giai mất, đất Bắc-kỳ lại có loạn.

3. GIẶC CHÂU-CHẤU. Năm Tự-đức thứ 7 (1854), ở tỉnh Sơn-tây có một bọn người đem Lê duy Cự 黎維巨 là dòng dõi nhà Lê ra lập lên làm minh-chủ để khởi sự đánh nhà Nguyễn. Lúc ấy có Cao bá Quát 高伯适, người làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, Tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ cử-nhân, ra làm quan, được bổ chức giáo-thụ phủ Quốc-oai (Sơn-tây). Cao bá Quát có tiếng là người văn-học giỏi ở Bắc-kỳ, mà cứ bị quan trên đè-nén, cho nên bức chí, bỏ quan về đi dạy học, rồi theo bọn ấy xưng là quốc-sư để dấy loạn ở vùng Sơn-tây và Hà-nội. Tháng chạp năm ấy quan phó Lĩnh-binh tỉnh Sơn-tây là Lê Thuận đi đánh bắt được Cao bá Quát đem về chém tại làng.

Nhân vì mùa tháng năm ấy ở vùng tỉnh Bắc-ninh và Sơn-tây có nhiều châu-chấu ra phá hại mất cả mùa-màng, rồi đến cuối năm lại có giặc ấy, cho nên người thời bấy giờ gọi là *giặc châu-chấu.*

Cao bá Quát chết rồi, Lê duy Cự còn quấy-rối đến mấy năm sau mới dẹp yên được. Từ đó trở đi, không năm nào là

www.songhuong.vn

năm không có giặc, nhưng kiệt-hiệt hơn cả là có giặc tên Phụng và giặc Khách ở mạn Thượng-du.

4. GIẶC TÊN PHỤNG. Năm tân-dậu (1861), quân nước Pháp và nước I-pha-nho sang đánh Quảng-nam, có mấy người ở Bắc-kỳ theo vào làm lính mộ. Trong ấy có tên Tạ văn Phụng 謝文奉, trước đã theo giáo-sĩ ra ngoại-quốc đi học đạo, sau lại theo trung-tướng Charner về đánh Quảng-nam.

Đến tháng chạp, thì tên Phụng ra Bắc-kỳ, mạo xưng là Lê duy Minh 黎維明 dòng dõi nhà Lê 黎, rồi tự xưng làm minh-chủ, cùng với một người đạo-trưởng tên là Trường 長 làm mưu-chủ, và tên Ước 約, tên Độ 度 dấy binh ở Quảng-yên. Đảng tên Phụng đem quân giặc Khách ở ngoài bể vào đánh lấy phủ Hải-ninh, rồi lại thông với giặc Khách và giặc ta ở các tỉnh, để làm loạn ở Bắc-kỳ.

Tháng ba năm nhâm-tuất (1862), ở Bắc-ninh có tên cai-tổng Nguyễn văn Thịnh 阮文盛 (tục gọi là cai-tổng Vàng) xưng làm nguyên-súy, lập tên Uẩn 韞 mạo xưng là con cháu nhà Lê, lên làm minh-chủ, rồi nhập đảng với tên Phụng, đem binh đi đánh phủ Lạng-giang, huyện Yên-dũng, và vây thành Bắc-ninh.

Bấy giờ quan bố-chính tỉnh Hà-nội là Nguyễn khắc Thuật 阮克述, quan bố-chính tỉnh Sơn-tây là Lê Dụ 黎裕 và quan phó lĩnh-binh tỉnh Hưng-yên là Vũ Tảo 武早 đem quân ba tỉnh về đánh giải vây cho tỉnh Bắc. Vũ Tảo đánh nhau với quân giặc hơn 10 trận mới phá được quân giặc.

Ở phía đông thì tên Phụng vây đánh thành Hải-dương, tỉnh-thần dâng sớ cáo-cấp. Triều-đình bèn sai quan Thượng-thư bộ Hình là Trương quốc Dụng 張國用 ra làm tổng-thống Hải-an (1) quân-vụ, cùng với Phan tam Tỉnh 潘三省, Đặng Hạnh 鄧杏, Lê Xuân 黎春, đem quân Kinh và quân Thanh, Nghệ ra tiến-tiễu. Lại sai Đào Trí 陶致 làm tham-tán đại-thần, Nguyễn bá Nghi 阮伯儀 làm Sơn-Hưng-

(1) Hải-dương và Quảng-an.

www.songhuong.vn

Tuyên (2) tổng-đốc, để cùng với Trương quốc Dụng đánh giặc ở Bắc-kỳ.

Lúc ấy, tỉnh Thái-nguyên thì có giặc Nông và giặc Khách đánh phá, tỉnh Tuyên-quang thì có bọn tên Uần 褞, tên Nông hùng Thạc 農雄碩 quấy nhiễu, tỉnh Cao-bằng thì bị tên giặc Khách Lý hợp Thắng 李合勝 vây đánh, tỉnh Bắc-ninh thì có cai tổng Vàng cướp phá, các quan lo rối cả lên. Vua Dực-tông lại sai Nguyễn tri Phương 阮知方 ra làm tây-bắc tổng-thống quân-vụ đại-thần, cùng với Phan đình Tuyển 潘廷選 và Tôn thất Tuệ 尊室穗 ra đánh mặt Bắc-ninh, Thái-nguyên và Tuyên-quang.

Tháng 3 năm quí-hợi (1863) Vũ Tảo 武早 đánh lấy lại thành Tuyên-quang và bắt được tên Uần đóng cũi giải về trị tội. Qua tháng 4, Nguyễn tri Phương dẹp xong giặc ở Bắc-ninh, rồi đem binh lên lấy lại thành Thái-nguyên, bắt được tên Thanh 清 tên Đắc 得, tên Vân 雲 và lại phá được sào-huyệt của giặc ở núi Ma-hiên, thuộc châu Bạch-thông.

Còn ở mặt Hải-dương và Quảng-yên, thì tuy Trương quốc Dụng và Đào Trí đã giải được vây cho thành Hải-dương, nhưng thế quân giặc ở mặt bể còn mạnh lắm. Vua Dực-tông lại sai Nguyễn tri Phương làm tổng-thống Hải-an quân-vụ, Trương quốc Dụng làm hiệp-thống đem quân ra đánh mặt ấy.

Lúc bấy giờ bọn tên Phụng có sai người vào cầu-viện quan thiếu-tướng Bonard ở trong Nam-kỳ, ước hễ lấy được Bắc-kỳ thì xin để nước Pháp hảo-hộ. Nhưng vì trong Nam-kỳ còn lắm việc, mà sự giảng-hòa với Triều-đình ở Huế đã sắp xong, cho nên thiếu-tướng không nhận. Đảng tên Phụng vẫn chiếm-giữ đất Quảng-yên và những đảo ở ngoài bể, để làm sào-huyệt, rồi cho binh-thuyền đi cướp phá các nơi. Quan quân đi đánh, nhiều người bị hại.

Cuối năm quí-hợi (1863) là năm Tự-đức thứ 16, quân giặc họp hơn 500 chiếc thuyền ở đảo Cát-bà và ở núi Đồ-sơn, có ý muốn đem quân vào đánh đất Kinh-kỳ, nhưng chẳng may

---

(2) Sơn-tây Hưng-hóa và Tuyên-quang.

www.songhuong.vn

phải bão, thuyền đắm mất nhiều. Quan đề-đốc là Lê quang Tiến 黎光蓮 và quan bộ-phủ Bùi huy Phan 裴輝墻 được tin ấy liền đem quân ra đánh, bị quân giặc đánh tập hậu, quan quân bỏ chạy. Lê quang Tiến và ông Bùi huy Phan phải nhảy xuống bể tự tận.

Đến tháng 6 năm giáp-tí (1864) là năm Tự-đức thứ 17, quan hiệp-thống Trương quốc Dụng 張國用, quan tán-lý Văn đức Khuê 文德圭, quan tán-tương Trần huy Sách 陳輝册 và quan chưởng-vệ Hồ Thiện 胡善 đánh nhau với giặc ở đất Quảng-yên, bị giặc giết cả. Trận ấy quan quân thua to, quân-sĩ thiệt-hại rất nhiều.

Tháng 4 năm ất-sửu (1865), quân giặc đem 300 chiếc thuyền phân ra làm 3 đạo vào cướp ở mạn Hải-dương. Nguyễn tri Phương sai Nguyễn văn Vĩ đem quân ra đón đánh, bắt và chém được rất nhiều. Từ đó quan đề-đốc Mai Thiện 枚善 quan tán-lý Đặng trần Chuyên 鄧陳顓, quan đốc-binh Ông ích Khiêm 翁益謙 phá được quân giặc hơn 10 trận. Quân giặc lui về giữ mặt Hải-ninh.

Tháng 7 năm ấy, Nguyễn tri Phương sai Đặng trần Chuyên, Ông ích Khiêm đem binh ra Quảng-yên, ước với quan nhà Thanh ở Khâm-châu để đánh lấy lại thành Hải-ninh. Quân giặc thua to, đem hơn 70 chiếc thuyền chạy ra bể. Quan quân đem binh thuyền ra đuổi đánh, tên Phụng, tên Ước thì chạy vào mạn Quảng-bình, Quảng-trị, còn những đồ-đảng, đứa thì phải bắt, đứa thì chạy trốn được. Sau tên Phụng và tên Ước cũng bị bắt đem về trị tội ở Huế.

Giặc Phụng khởi từ cuối năm tân-dậu (1861) đến cuối năm ất-sửu (1865) mới dẹp xong, kể vừa 4 năm trời, nhà nước tổn-hại rất nhiều. Khi giặc Phụng ở Quảng-yên dẹp gần xong, thì ở mạn Cao-bằng đã có giặc Khách đánh lấy tỉnh-thành. Quan Kinh-lược Võ trọng Bình 武仲平 và quan tuần-phủ Phạm chi Hương 范芝香 đem binh lên Lạng-sơn rồi chia quân đi đánh các nơi, từ tháng 9 năm ất-sửu (1865) cho đến tháng 3 năm bính-dần (1866), thì tướng giặc là

www.songhuong.vn

Trương cận Bang 張瓏邦 mới xin về hàng, và mới thu-phục lại được thành Cao-bằng.

Nguyễn tri Phương và Võ trọng Bình về Kinh coi việc triều-chính.

5. SỰ PHẢN - NGHỊCH Ở KINH - THÀNH. Việc ngoài Bắc mới hơi nguôi-nguôi, thì Kinh-đô lại có việc làm cho náo động lòng người.

Nguyên vua Dực-tông là con thứ mà được nối ngôi, là vì người anh ngài là Hồng Bảo 洪保 phóng đãng, không chịu học-hành cho nên không được lập. Ông ấy lấy điều đó làm tức-giận, bèn đồ mưu với một nước ngoại-quốc để tranh ngôi vua. Chẳng may sự lộ ra, ông ấy phải bỏ ngục, rồi uống thuốc độc mà chết. Còn con ông ấy thì được tha mà phải đổi tên là Đinh Đạo 丁導.

Đến năm bính-dần (1866) là năm Tự-đức thứ 19, nhà vua đang xây Vạn-niên-cơ tức là Khiêm-lăng bây giờ, quân-sĩ phải làm-lụng khổ-sở, có nhiều người oán-giận. Bấy giờ ở Kinh có Đoàn Trưng 段徵 cùng với em là Đoàn hữu Ái 段有愛, Đoàn tư Trực 段司直, và bọn Trương trọng Hòa 張仲和, Phạm Lương 范梁, kết làm « Sơn-đông-thi-tửu-hội 山東詩酒會 » để mưu việc lập Đinh Đạo 丁導 lên làm vua. Bọn tên Trưng mới chiêu-dụ những lính làm ở Vạn-niên-cơ và cùng với quan hữu-quân Tôn-thất Cúc 尊室菊 làm nội ứng, định ngày khởi sự.

Đến đêm hôm mồng 8 tháng 8, bọn tên Trưng đem quân vào cửa tả-dịch, chực xông vào điện giết vua Dực-tông. May nhờ có quan chưởng-vệ là Hồ Oai 胡威 đóng được cửa điện lại, hô quân bắt được tên Trưng, tên Trực và cả bọn đồng đảng.

Đinh Đạo phải tội giảo, Tôn-thất Cúc thì tự-vẫn chết, còn các quan có trách-nhiệm đều phải chiếu tội nặng nhẹ, hoặc phải cách.

Lúc ấy ngoài thì có giặc cướp đánh-phá, trong thì có

www.songhuong.vn

nghịch-thần làm loạn. Ở mặt Quảng-nghĩa lại có giặc mọi Đà-vách cứ hay xuống quấy-nhiễu dân-gian, may nhờ có quan tiễu-phủ Nguyễn Tấn 阮 搢 ra sức đánh-dẹp mới yên được. Việc giao-thiệp với nước Pháp thì càng ngày càng khó. Ở Bắc-kỳ thì có giặc Khách một ngày một mạnh, đến nỗi quan quân đánh không được, phải nhờ quân Tàu sang dẹp hộ. Triều-đình cũng bối rối không biết tính ra thế nào cho khỏi được sự biến-loạn.

6. GIẶC KHÁCH Ở BẮC-KỲ. Ở bên Tàu lúc bấy giờ cũng loạn : ngoài thì đánh nhau với nước Anh-cat-lợi và nước Pháp-lan-tây. Triều-đình phải bỏ Kinh-đô mà chạy ; trong thì có giặc Thái-bình nổi lên đánh phá, tí nữa ngôi vua nhà Thanh cũng đổ nát.

Nguyên từ năm Đạo-quang thứ 29, là năm kỷ-dậu (1849), tức là bên ta năm Tự-đức thứ 2, ở Quảng-tây có tên Hồng tú Toàn 洪 秀 全 cùng với bọn Dương tú Thanh 楊 秀 清, Tiêu triều Qui 蕭 朝 貴, Lý tú Thành 李 秀 成, nổi lên xưng là Thái-bình thiên-quốc 太 平 天 國, rồi chiếm giữ đất Kim-lăng và các tỉnh ở phía nam sông Trường-giang. May nhờ có bọn Tăng quốc Phiên 曾 國 藩, Tả tôn Đường 左 宗 棠, Lý hồng Chương 李 鴻 章, hết sức đánh-dẹp, và lại có thế ngoại-quốc tư giúp, cho đến năm Đồng-trị thứ hai là năm quí-hợi (1863) tức là bên ta năm Tự-đức thứ 16, quan nhà Thanh mới bắt được các tướng Thái-bình, Hồng tú Toàn phải uống thuốc độc tự-tử, triều-đình nhà Thanh lại thu-phục được các tỉnh ở phía Nam nước Tàu.

Lúc ấy có dư-đảng của Hồng tú Toàn là bọn Ngô Côn 吳 昆 chạy tràn sang nước ta, trước còn nói xin hàng, rồi sau đem quân đi cướp phá các tỉnh, quan quân đánh mãi không được.

Năm mậu-thìn (1868) là năm Tự-đức thứ 21, Ngô Côn chiếm-giữ tỉnh thành Cao-bằng. Triều-đình sai quan tổng-đốc Phạm chi Hương 范 芝 香 viết thư sang cho quan nhà Thanh để xin quân Tàu sang tiễu trừ. Nhà Thanh sai phó-tướng Tạ kế Qui 謝 繼 貴 đem quân sang cùng với quan tiễu-phủ Ông ích Khiêm 翁 益 謙 và quan đề-đốc Nguyễn

www.songhuong.vn

viết Thành 阮曰成, đánh phá quân của Ngô Côn ở Thất-khê. Nhưng đến tháng 7 năm ấy, quân ta đánh thua ở Lạng-sơn, quan tham-tán Nguyễn Lệ 阮勵, quan phó đề-đốc Nguyễn viết Thành 阮曰成 tử trận, quan thống-đốc Phạm chi Hương 范芝香 bị bắt.

Triều-đình sai Võ trọng Bình 武仲平 ra làm Hà-Ninh tổng-đốc kiêm chức Tuyên-Thái-Lạng quân-thứ khâm-sai đại-thần, để hội với quan đề-đốc tỉnh Quảng-tây là Phùng tử Tài 馮子材 mà đánh giặc Ngô Côn.

Quân hai nước cùng đồng sức đánh-dẹp, đến tháng 5 năm kỷ-tị (1869) thì mới khôi-phục lại được tỉnh-thành Cao-bằng. Đến cuối năm canh-ngọ (1870), Ngô Côn đem quân vây đánh tỉnh-thành Bắc-ninh, quan tiểu-phủ Ông ích Khiêm 翁益謙 đánh một trận bắn chết Ngô Côn và phá tan quân giặc.

Ngô Côn tuy chết, song còn có những đồ-đảng là Hoàng sùng Anh 黃崇英, hiệu cờ vàng, Lưu vĩnh Phúc 劉永福 hiệu cờ đen, Bàn văn Nhị 盤文二, Lương văn Lợi 梁文利, hiệu cờ trắng, vẫn cứ quấy-nhiễu ở mạn Tuyên-quang, Thái-nguyên, quan quân phải hết sức chống-giữ thật là vất-vả. Triều-đình sai quan trung-quân Đoàn Thọ 段壽 ra làm tổng-thống quân-vụ ở Bắc-kỳ.

Đoàn Thọ vừa mới ra, kéo quân lên đóng ở tỉnh-thành Lạng-sơn, bọn giặc Khách là Tô Tứ 蘇泗 nổi lên, nửa đêm vào lấy thành, bắt ông ấy giết đi, còn Võ trọng Bình thì vượt thành chạy thoát được.

Tin ấy vào đến Huế, Triều-đình vội-vàng sai Hoàng kế Viêm 黃繼炎 (3) ra làm Lạng-Bình-Ninh-Thái thống-đốc quân-vụ đại-thần, cùng với quan tán-tương Tôn thất Thuyết 尊室說 đi dẹp giặc ở Bắc-kỳ. Qua tháng tư năm sau (1871), nhà vua lại sai quan Hình-bộ thượng-thư là Lê Tuấn 黎俊 làm chức Khâm-sai thị-sự để cùng với ông Hoàng kế Viêm lo việc đánh-dẹp.

---

(3) Có sách chép là Hoàng tá Viêm 黃佐炎

www.songhuong.vn

Tháng 11 năm tân-mùi (1871), ở Quảng-yên lại có tên Hoàng - Tề 黃 齊 nổi lên, thông với giặc Tô Tứ và giặc Tàu-ô ở ngoài bể, rồi đem binh - thuyền đi cướp phá các nơi. Hoàng kế Viêm giữ mạn Sơn-tây, Lê Tuấn ra cùng với tỉnh-thần Hải - dương đem quân đi đánh giặc Tề. Được ít lâu, quân thứ tỉnh Hải-dương bắn chết tên Tề ở huyện Thanh-lâm, dư-đảng giặc ấy đều tan cả.

Ở mạn thượng - du thì đảng cờ đen là bọn Lưu vĩnh Phúc và đảng cờ vàng là bọn Hoàng sùng Anh quấy-nhiễu ở đất Tuyên-quang. Bao nhiêu thuế-má ở mạn ấy, chúng thu cả, sau hai đảng ấy lại thù-khích nhau, đánh phá nhau thật là tàn-hại. Đảng cờ đen về hàng với quan ta, nhà vua bèn dùng Lưu vĩnh Phúc cho ở đất Lao-kay, được thu cả quyền-lợi ở chỗ ấy, để chống-giữ với đảng cờ vàng, đóng ở mạn Hà-giang.

Đất Bắc-kỳ cứ giặc-giã mãi, quan quân đánh-dẹp thật là tổn-hại mà không yên được. Đến tháng 7 năm nhâm-thân (1872), Triều-đình lại sai Nguyễn tri Phương 阮 知 方 làm Tuyên - sát đồng-sức đại - thần 宣 察 董 飭 大 臣 ra thay mặt vua xem-xét việc đánh giặc ở Bắc-kỳ. Nhưng lúc bấy giờ việc giặc ở trong nước chưa xong, thì sự giao - thiệp với nước Pháp đã sinh ra lắm nỗi khó-khăn, khiến việc nước lại rối thêm ra nữa.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG IX

QUÂN NƯỚC PHÁP LẤY BẮC-KỲ

Lần thứ nhất

1. Người Pháp tìm đường sang Tàu
2. Đồ-phồ-Nghĩa
3. Đại-úy Francis Garnier ra Hà-nội
4. Hạ thành Hà-nội năm qui-dậu (1873)
5. Lấy mấy tỉnh ở Trung-châu
6. Đại-úy Francis Garnier chết
7. Ông Philastre ra Hà-nội
8. Hòa-ước năm giáp-tuất (1874)

1. NGƯỜI PHÁP TÌM ĐƯỜNG SANG TÀU. Từ khi nước Pháp lấy xong đất Nam-kỳ rồi, súy-phủ ở Sàigòn sửa-sang mọi việc, và cho người đi xem xét tình-thế và sông núi ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ để mở-mang sự giao-thông. Lại có ý muốn tìm đường thông sang nước Tàu, bởi vậy tháng 5 năm bính-dần (1866), thiếu-tướng De la Grandière sai trung-tá Doudart de Lagrée cùng với Đại-úy Francis Garnier (Ngạc-nhi) và mấy người Pháp nữa theo sông Mékong đi tìm đường sang Tàu. Đến tháng 3 năm mậu-thìn (1868), non hai năm trời, ông Doudart de Lagrée mới sang đến đất Vân-nam. Nhưng chẳng may ông ấy phải bệnh đau gan mà chết. Ông Francis Garnier đem xác ông ấy đi qua nước Tàu, rồi xuống tàu thủy về Sàigòn.

Đến năm canh-ngọ (1870) là năm Tự-đức thứ 23 ở bên Tây, nước Pháp đánh nhau với nước Phổ; quân Pháp thua, Pháp-hoàng là Nã-phá-luân đệ-tam bị bắt. Dân nước Pháp

www.songhuong.vn

bỏ đế-quốc mà lập Dân-chủ cộng-hòa. Tuy ở bên Pháp có sự chiến-tranh, nhưng ở bên Viễn-đông này, quân Pháp vẫn giữ vững đất Nam-kỳ. Vả Triều-đình ở Huế còn bận dẹp giặc Khách ở Bắc-kỳ, cho nên cũng không sinh sự lôi thôi gì cả.

2. ĐỒ-PHỒ-NGHĨA (JEAN DUPUIS). Thủa ấy, có một người Pháp tên là Jean Dupuis, ta gọi là Đồ-phồ-Nghĩa 涂普義 mấy năm trước đã đi du-lịch ở các tỉnh bên Tàu, để tìm cách buôn-bán, biết có sông Hồng-hà từ đất Vân-nam chảy qua Bắc-kỳ ra bể, là một đường tiện-lợi hơn, bèn nhận với quan nhà Thanh ở Vân-nam để chở đồ binh-khí sang bán.

Đồ-phồ-Nghĩa về cùng với một người Pháp nữa tên là Millot buôn-bán ở Thượng-hải, trù-tính việc chở binh-khí sang Vân-nam, đoạn rồi về Pháp để mua hàng. Khi trở sang bên này, Đồ-phồ-Nghĩa vào Sài-gòn xin Súy-phủ giúp thanh-thế cho để đi qua Bắc-kỳ. Viên Thống-đốc Nam-kỳ lúc bấy giờ là lục-quân thiếu-tướng d'Arhaud, có hứa với Đồ-phồ-Nghĩa cho chiếc tàu Bourayne đi theo.

Đồ-phồ-Nghĩa sang Hương-cảng để cùng với Millot đem ba chiếc tàu con là Hồng-giang, Lao-kay và Sơn-tây chở đồ binh-khí và hàng-hóa vào Quảng-yên. Trong lúc ấy hải-quân trung-tá Sénès đã đem tàu Bourayne ra Bắc-kỳ, rồi lên Hải-dương, Hà-nội, Bắc-ninh đi xem các nơi.

Trung-tá ở Bắc-ninh nghe tin bọn Đồ-phồ-Nghĩa đã đến Quảng-yên, liền trở ra để cùng bàn với quan Khâm-sai Lê Tuấn 黎俊 về việc thông thương ở sông Hồng-hà.

Ông Lê Tuấn không có lệnh Triều-đình, không dám tự-tiện, nói xin đợi vài mươi hôm để có mệnh nhà vua ra sẽ hay.

Đồ-phồ-Nghĩa và Millot thấy đợi lâu, bèn cứ đem tàu lên đóng ở Hà-nội, rồi thuê thuyền chở đồ lên Vân-nam. Bấy giờ là cuối năm nhâm-thân (1872), là năm Tự-đức thứ 25. Thuyền của Đồ-phồ-Nghĩa đi qua những đồn của quan ta, của giặc cờ vàng và giặc cờ đen đều vô sự cả. Khi lên đến Vân-nam, quan nhà Thanh cho chở đồ khoáng-vật xuống, đến tháng tư năm quí-dậu (1873), thì Đồ-phồ-Nghĩa và Millot lại trở về đến Hà-nội, đem một bọn lính cờ vàng

www.songhuong.vn

về theo. Millot thì vào Sài-gòn nói cho Súy-phủ biết tình-thế ở Bắc-kỳ, và nhân thể đem đồ khoáng-vật sang bán ở Hương-cảng. Còn Đồ-phồ-Nghĩa thì ở lại Hà-nội, đóng ở phố Mới bây giờ, rồi cùng với mấy người Khách là Bành lợi Ký, Quan tá Đình 關佐庭 mua gạo, mua muối chở lên Vân-nam.

Bấy giờ luật nước ta cấm không cho chở muối sang Tàu, mà việc thông thương ở sông Hồng-hà cũng chưa định rõ thế nào, nhưng Đồ-phồ-Nghĩa tự xưng là có lệnh quan Tàu cho, thì không cần phải theo luật nước Nam, vì nước Nam là một nước phải thần-phục nước Tàu.

Đồ-phồ-Nghĩa không hiểu rõ sự giao-thiệp nước Tàu và nước ta ngày trước. Đối với Tàu thì bề ngoài nước ta tuy xưng cống-thần, nhưng kỳ thực vẫn là độc-lập. Khi có việc gì, phải có sứ hai nước sang thương-nghị rồi mới thi-hành. Mà có khi sứ nước Tàu sang bàn điều gì, nước ta không thuận cũng thôi, chứ không có phép tự-tiện mà làm được. Chỉ trừ lúc nào nước Tàu ỷ thế mạnh mà bắt-nạt, như đời nhà Nguyên, nhà Minh và nhà Thanh, thì lại có ông Trần Hưng-Đạo, ông Lê Thái Tổ và ông Nguyễn Quang-Trung tỏ cho người Tàu biết rằng nước Nam vốn không phải đất thuộc-địa của Tàu.

Tuy vậy, quan ta phải nể Đồ-phồ-Nghĩa là người nước Pháp, sợ có việc gì, thì thành ra bất hòa với Súy-phủ ở Sài-gòn, cho nên cứ dùng lời nói ngọt để can ông ấy đừng làm điều trái với luật nước. Nhưng ông ấy cứ một niềm tự ý mình mà làm. Quan ta nhờ cả giám-mục Puginier ở Kẻ-sở lên can cũng không được.

Sau quan ta có bắt mấy tên khách Bành lợi Ký và Quan tá Đình về sự đem thuyền chở muối và gạo lên Vân-nam, thì Đồ-phồ-Nghĩa đem người đi bắt quan phòng-thành Hà-nội và quan huyện Thọ-xương, đem xuống thuyền giam lại. Quan ta cũng ngơ-ngác không biết ra thế nào. Một bên thì cố tình sinh sự, một bên thì mệnh nhà vua ra không được lôi thôi điều gì.

www.songhuong.vn

Bấy giờ Triều-đình sai quan hữu-tham-tri bộ Binh là Phan đình Bình 潘廷評 làm khâm-phái ra giao cho ông Nguyễn tri Phương 阮知方 phải thu-xếp cho yên chuyện ấy. Ông Nguyễn tri Phương mới sai quan bố-chính là Vũ Đường 武堂 định ngày mời Đồ-phồ-Nghĩa đến hội-quán Quảng-đông, để hội-nghị. Khi hai bên đến hội-đồng, quan ta nói rằng sự giao-thiệp nước Pháp với nước Nam đã có tờ hòa-ước năm nhâm-tuất (1862), và sự đem muối và gạo lên bán ở Vân-nam là trái với tờ hòa-ước ấy, và lại trái với luật bản-quốc. Đồ-phồ-Nghĩa cãi rằng ông ấy có lệnh quan Tàu cho là đủ, không cần phải xin phép gì nữa, rồi đứng dậy ra về.

Triều-đình ở Huế thấy việc lôi thôi mãi, sợ để lâu thành ra nhiều sự, mới sai ông Lê Tuấn 黎俊, ông Nguyễn văn Tường 阮文祥 và ông Nguyễn tăng Doãn vào sứ Sài-gòn, để thương-nghị về việc ba tỉnh phía tây đất Nam-kỳ và nhân thể nhờ Súy-phủ phân xử việc Đồ-phồ-Nghĩa cho xong.

3. ĐẠI-ÚY FRANCIS GARNIER (NGẠC-NHI) RA HÀ-NỘI. Viên Thống-đốc Nam-kỳ bấy giờ là Hải-quân thiếu-tướng Dupré vốn đã lưu ý về việc Bắc-kỳ. Trước đã viết thư về cho Thượng-thư Thuộc-địa-bộ ở Paris nói rằng: « Đất Bắc-kỳ là đất tiếp giáp với những tỉnh tây-nam nước Tàu, ta nên chiếm giữ lấy thì sự cai-trị của ta ở Viễn-đông này mới được chắc chắn ».

Nhưng bên Pháp bấy giờ mới đánh nhau với nước Phổ vừa xong, không muốn gây chuyện khác, bèn điện sang cho thiếu-tướng rằng: « Không được sinh sự ở Bắc-kỳ. » Đến khi Millot về Sài-gòn kể công việc ở Bắc-kỳ, thiếu-tướng lại điện về Paris nói rằng: « Việc Đồ-phồ-Nghĩa ở Bắc-kỳ đã thành công rồi. Cần phải lấy xứ Bắc-kỳ và giữ lấy con đường thông sang Tàu. Không cần phải viện binh. Thành công chắc lắm ». Ngay hôm ấy, thiếu-tướng lại viết thêm một cái thư về nói rõ mọi lẽ, và quyết rằng xin chính-phủ

www.songhuong.vn

để cho thiếu-tướng được tự-tiện, hễ có việc gì thì thiếu-tướng xin chịu lỗi (1).

Đang lúc ấy thì Triều-đình ở Huế sai bọn ông Lê Tuấn vào xin thiếu-tướng ra điều-đình việc Đồ-phổ-Nghĩa ở Bắc-kỳ.

Cứ như ý của thiếu-tướng Dupré điện về cho chính-phủ Pháp, thì thiếu-tướng chỉ mong có cái cơ-hội gì để đem quân ra Bắc-kỳ. Nay thấy Triều-đình ta vào nhờ Súy-phủ ở Sàigòn phân-xử việc Đồ-phổ-Nghĩa, thật là gặp được cái dịp mình đang mong, thiếu-tướng liền gọi quan hải-quân đại-úy Francis Garnier ở Thượng-hải về, rồi sai ra Hà-nội, nói rằng ra phân-xử việc Đồ-phổ-Nghĩa (2).

Đại-úy Francis Garnier đem mấy chiếc tàu con và 170 người lính ra đến cửa Thuận, nghỉ lại mấy hôm để đợi quan khâm-sai cùng ra Bắc-kỳ. Đến tháng 10 năm quí-dậu (1873), thì các quan ra đến Hà-nội.

Bấy giờ ai cũng tưởng là đại-úy Francis Garnier ra chuyến này thì mọi việc xong cả, cho nên đi đến đâu quan ta cũng tiếp-đãi rất trọng-hậu. Nhưng xem những thư-từ của đại-úy lúc bấy giờ, thì cốt ra có chủ-ý khác. Khi ở Sàigòn sắp đi, đại-úy viết thư về cho người anh ở bên Pháp nói rằng: «Lệnh của Súy-phủ cho, là được tự-tiện. Việc gì hải-quân thiếu-tướng cũng ủy-thác cho tôi cả. Vậy vì nước Pháp mà tôi phải cố sức.» Đến khi ra đến Hải-dương, đại-úy vào ở Kẻ-sặt, rồi viết thư sai người đem cho Đồ-phổ-Nghĩa, báo tin cho ông ấy biết cái chủ-đích của mình, và lại nói rằng trăm sự đại-úy trông-cậy vào ông ấy chỉ-bảo cho, bởi vì ông ấy đã quen biết mọi việc ở Bắc-kỳ.

Đồ-phổ-Nghĩa tiếp được thư, liền đem chiếc tàu Man-hao đi đón đại-úy. Lên đến Hà-nội, đại-úy đem mấy người đi

---

(1) Sách *«L'Empire d'Annam»* của capitaine Ch. Gosselin.

(2) Đồ-phổ-Nghĩa (Jean Dupuis) có làm quyển sách *«Le Tonkin de 1872 à 1886»* kể những công-việc của ông ấy ở Bắc-Việt, và nói rõ tình-ý của các quan coi việc Súy-phủ ở Sàigòn lúc bấy giờ là thế nào. Ta cũng nhờ có sách ấy mà kê-cứu ra được nhiều việc rất là tường-tận.

www.songhuong.vn

thẳng vào thành ra mắt ông Nguyễn tri Phương, và đòi đem quân đóng ở trong thành. Quan ta nói mãi, Đại-úy mới thuận ra đóng ở Trường-thi. Đoạn rồi đại-úy viết thư mời giám-mục Puginier ở Kẻ-sở lên Hà-nội, để nhờ làm thông-ngôn. Đại-úy lại làm tờ hiểu-dụ, cho dân biết, nói rằng: «Bản-chức ra Bắc-kỳ cốt để dẹp cho yên giặc-giã, và để mở-mang sự buôn-bán».

4. HẠ THÀNH HÀ - NỘI NĂM QUÍ-DẬU (1873). Quan ta thấy đại-úy không nói gì đến việc Đồ-phồ-Nghĩa, mà lại nói những việc dẹp giặc và mở sự buôn-bán, thì đều lấy làm phân vân. Sau lại thấy tàu và quân ở Sàigòn tiến ra, quan ta lại càng lo lắm. Được mấy hôm, đại-úy không bàn hỏi gì đến quan ta, tự-tiện làm tờ tuyên-bố sự mở sông Hồng-hà cho người nước Pháp, nước I-pha-nho và nước Tàu được ra vào buôn-bán.

Quan ta lúc bấy giờ cũng bối-rối quá. Việc giao-thiệp và việc buôn-bán với nước Pháp thì đã định rõ trong tờ hòa-ước năm nhâm - tuất (1862), nay thấy đại - úy Francis Garnier đường đột làm như thế, thì cũng lấy làm lo, cho nên cũng có tìm cách phòng-bị. Mà đại-úy cũng đã biết trước rằng thế nào quan ta cũng không chịu, cho nên đã định kế đánh thành Hà-nội.

Đến đầu tháng 10, một mặt đại - úy viết thư cho ông Nguyễn tri Phương, trách quan ta làm ngăn-trở việc buôn-bán của Đồ-phồ-Nghĩa; vậy vì sự văn-minh và cái quyền-lợi của nước Pháp, cho nên Súy-phủ ở Sài-gòn sai đại-úy ra mở sự buôn-bán ở Bắc-kỳ. Dẫu quan Việt-nam có thuận hay không cũng mặc, đại-úy cứ theo lệnh của súy-phủ mà thi-hành. Một mặt đại-úy bàn-định với Đồ-phồ-Nghĩa định ngày đánh thành và bắt ông Nguyễn tri Phương giải vào Sài-gòn.

Cứ như sách của Đồ-phồ-Nghĩa, thì lúc bấy giờ có cả những người mạo xưng là đảng nhà Lê, cũng xin theo đại-úy để vào thành làm nội-ứng.

Đến sáng hôm rằm tháng 10 năm quí - dậu (1873), thì quân Pháp phát súng bắn vào thành Hà-nội. Ông Nguyễn tri

www.songhuong.vn

Phương cùng với con là phò-mã Nguyễn Lâm 阮林 hoảng-hốt lên thành giữ cửa Đông và cửa Nam. Được non một giờ đồng hồ thì thành vỡ, phò-mã Lâm trúng đạn chết, ông Nguyễn tri Phương thì bị thương nặng. Quân Pháp vào thành bắt được ông Nguyễn tri Phương và quan khâm-phái Phan đình Bình đem xuống tàu.

Ông Nguyễn tri Phương nghĩ mình là một bậc lão-thần thờ vua đã trải ba triều, đánh nam dẹp bắc đã qua mấy phen, nay chẳng may vì việc nước mà bị thương, đến nỗi phải bắt, ông quyết chí không chịu buộc thuốc và nhịn ăn mà chết.

Ông Nguyễn tri Phương là người ở Thừa-thiên, do lại-điền xuất thân, làm quan từ đời vua Thánh-tổ, trải qua ba triều, mà nhà vẫn thanh-bạch, chỉ đem trí-lự mà lo việc nước, chứ không thiết của-cải. Nhưng chẳng may phải khi quốc-bộ gian-nan, ông phải đem thân hiến cho nước, thành ra cả nhà cha con, anh em đều mất vì việc nước. Thật là một nhà trung-liệt xưa nay ít có vậy.

5. LẤY MẤY TỈNH Ở TRUNG-CHÂU. Thành Hà-nội thất thủ rồi, quan ta thì trốn-tránh đi cả, giặc cướp lại nhân dịp nổi lên. Đại-úy Francis Garnier lại cho những người theo với mình đi làm quan các nơi để chống với quan triều, rồi lại sai người đi đánh lấy tỉnh Ninh-bình, Nam-định và Hải-dương.

Quan ta ở các tỉnh đều ngơ-ngác không biết ra thế nào, hễ thấy người Tây đến là bỏ chạy. Bởi vậy, chỉ có người Pháp tên là Hautefeuille và 7 người lính tây mà hạ được thành Ninh-bình, và chỉ trong 20 ngày mà 4 tỉnh ở Trung-châu mất cả.

6. ĐẠI-ÚY FRANCIS GARNIER CHẾT. Triều-đình được tin biến ở Bắc-kỳ, vội-vàng sai ông Trần đình Túc 陳廷肅, ông Nguyễn trọng Hợp 阮仲合, ông Trương gia Hội 張嘉會 cùng với giám-mục Bình (Mgr Bohier) và linh-mục Đăng (Dangelzer) ra Hà-nội, để điều-đình mọi việc và sai ông Hoàng kế Viêm 黃繼炎 ở Sơn-tây làm tiết-chế quân-

www.songhuong.vn

vụ, đề phòng giữ các nơi. Lại sai ông Lê Tuấn 黎俊 làm toàn - quyền, ông Nguyễn văn Tường 阮文祥 làm phó, vào thương-thuyết với Súy-phủ ở Sài-gòn về việc đại-úy Francis Garnier đánh Bắc-kỳ.

Lúc bấy giờ ông Hoàng kế Viêm đóng ở Sơn-tây, có đảng cờ đen là bọn Lưu vĩnh Phúc 劉永福 về giúp. Vua phong cho Lưu vĩnh Phúc làm đề-đốc, để cùng với quan quân chống giữ quân Pháp. Lưu vĩnh Phúc đem quân về đóng ở mạn phủ Hoài-đức. Khi ông Trần đình Túc và ông Nguyễn trọng Hợp đang thương-thuyết với đại-úy Francis Garnier, thì quân cờ đen về đánh Hà-nội. Đại-úy đem quân đi đuổi đánh, lên đến Cầu-giấy thì bị phục quân giết chết.

7. ÔNG PHILASTRE RA HÀ - NỘI. Nguyên khi thiếu-tướng Dupré sai đại - úy Francis Garnier ra Bắc-kỳ là tự ý mình chứ chính-phủ nước Pháp vẫn không thuận, bởi vậy khi được tin đại-úy đã khởi sự đánh Hà-nội, thiếu-tướng liền sai hải-quân đại-úy, kiêm chức thống-soái việc hình-luật ở Nam-kỳ, là ông Philastre (ta gọi là Hoắc-đạo-sinh 霍道生) cùng với quan phó-sứ nước ta là ông Nguyễn văn Tường 阮文祥 ra điều-đình mọi việc ở Bắc-kỳ.

Đến Cửa - cấm thì ông Philastre và ông Nguyễn văn Tường mới biết rằng đại-úy Francis Garnier đã bị quân cờ đen giết mất rồi. Sử chép rằng khi được tin ấy, ông Philastre tức giận vỗ bàn mà bảo ông Nguyễn văn Tường rằng: «Việc không xong rồi, phải trở về đợi lệnh súy - phủ mới được.» Ông Nguyễn văn Tường sợ ông Philastre giận quá mà làm nhỡ việc, mới ung - dung mà nói rằng: «Việc đánh lấy Hà-nội súy-phủ bảo không phải là bản-ý, mà quân bản-quốc ở 4 tỉnh Bắc - kỳ cũng không tranh - dành gì cả. Vậy hai bên không có làm điều gì trái nhau. Nay đại-úy Francis Garnier chết, hoặc là bị giặc giết, hoặc là vì dân nổi lên làm loạn, việc ấy ta chưa rõ. Huống chi trả thành lại để định hòa-ước cho xong, ấy là lệnh của quí súy-phủ; mà thu lấy thành rồi mới nghị-hòa, ấy là mệnh của bản-quốc. Còn như việc Hà-

www.songhuong.vn

nội giết đại-úy Francis Garnier thì cũng như đại-úy Francis Garnier giết ông Nguyễn tri Phương, việc đó xuất ư ý ngoại, chứ có phải lỗi chúng ta đâu. Bây giờ chúng ta ra đây, mắt chưa trông thấy việc gì cả, mới nghe thấy tin báo mà đã bỏ về, thế chẳng hóa ra mình đi uổng mất công không hay sao? Chi bằng ta cho người đưa thư lên Hà-nội bảo đem tàu xuống đón, chúng ta sẽ lên tới nơi, hoặc là cứ theo mệnh-lệnh mà làm, hoặc là xét rõ duyên-do tại làm sao mà đại-úy Francis Garnier chết, rồi sẽ báo tin, thế chẳng ổn việc lắm hay sao? » Ông Philastre nghe lời ấy, bèn sai người đưa thư lên cho Hà-nội biết.

Ngay lúc ấy có tàu « Decrès » còn đóng ở gần Đồ-sơn, ông Philastre muốn sang tàu ấy để cho chiếc tàu mình đi là « D' Estrées » trở về báo tin cho Sài-gòn biết. Nguyễn văn Tường ngăn đi rằng: « Tàu của mình đã vào cửa rồi lại trở ra, nhỡ sĩ-dân biết, lại bắt chước Hà-nội mà làm bậy, thì làm thế nào mà ngăn-cấm được; sợ có việc tổn-hại, thì lấy lẽ gì mà bẩm với quí súy. Vậy nay xin sai chiếc tàu « Decrès » ra bể, đuổi đánh những giặc Tàu-ô, còn cứ đem tàu « D' Estrées » vào đến Hải-phòng, rồi ta lên Hải-dương, đem trả tỉnh-thành lại cho bản-triều, để bõ cái lòng tin cho sĩ-dân biết, sau ta lên Hà-nội, trả nốt cả mấy thành kia, và tra-hỏi việc đại-úy Francis Garnier chết ra thế nào sẽ bẩm cho quí-súy biết ».

Ông Philastre vốn là một người rất công-bằng, lại thấy ông Nguyễn văn Tường nói hợp lẽ, bèn thuận nghe, và lên Hải-dương truyền trả thành lại cho quan ta, rồi lên Hà-nội làm tờ giao-ước trả lại cả 4 thành cho quan ta coi giữ. Còn những tàu-bè và quân lính của Pháp ở các tỉnh thì thu cả về Hà-nội, rồi định ngày rút quân ra đóng ở Hải-phòng đợi đến ngày ký tờ hòa-ước xong thì rút về. Bấy giờ là tháng giêng năm giáp-tuất (1874), là năm Tự-đức thứ 27.

Đồ-phổ-Nghĩa thấy ông Philastre phá mất cả những việc của mình đã làm với đại-úy Francis Garnier, bèn vào Sài-gòn kêu với súy-phủ và đòi tiền phí-tổn non một triệu nguyên.

www.songhuong.vn

8. HÒA-ƯỚC NĂM GIÁP-TUẤT (1874). Mọi việc ở Hà-nội xếp-đặt xong rồi, súy-phủ ở Sài-gòn sai ông Rheinart (Lê Na) ra thay cho ông Philastre cùng với ông Nguyễn văn Tường về Nam-kỳ, định sự hòa-ước cho kịp ngày thiếu-tướng Dupré về Pháp.

Ngày 27 tháng giêng năm giáp-tuất (1874), là năm Tự-đức thứ 27, hải quân thiếu-tướng Dupré và ông Lê Tuấn, ông Nguyễn văn Tường ký tờ hòa-ước cả thảy 22 khoản, đại-lược có những khoản này là quan-trọng hơn cả.

Khoản II. Quan thống-lĩnh nước Pháp nhận quyền độc-lập của vua nước Nam không phải thần-phục nước nào nữa, và khi nào vua nước Nam có cần đến việc gì để đánh dẹp giặc-giã, thì nước Pháp sẵn lòng giúp mà không yêu-cầu điều gì.

Khoản III. Vua nước Nam phải đoan nhận y theo chính-lược ngoại-giao của nước Pháp, và chính-lược ngoại-giao hiện lúc bấy giờ thế nào phải để nguyên như thế, không được đổi khác đi.

Quan thống-lĩnh nước Pháp lại tặng vua nước Nam :

1. 5 chiếc tàu có đủ máy-móc súng-ống
2. 100 khẩu súng đại-bác, và mỗi khẩu có 200 viên đạn
3. 1.000 khẩu súng tay và 5.000 viên đạn

Khoản IV. Quan thống-lĩnh nước Pháp hứa cho quan sang giúp vua nước Nam để dạy tập lính thủy, lính bộ ; cho những kỹ-sư sang dạy làm mọi việc, và cho những người giỏi việc tài-chính sang tổ-chức việc thuế-má và việc thương-chính v. v.

Khoản V. Vua nước Nam phải thuận nhường đứt đất 6 tỉnh Nam-kỳ cho nước Pháp.

Khoản IX. Vua nước Nam phải để cho giáo-sĩ được tự-do đi giảng đạo, và để cho dân trong nước được tự-do theo đạo.

www.songhuong.vn

Khoản XI. Vua nước Nam phải mở cửa Thị-nại (Qui-nhơn), cửa Ninh-hải (Hải-phòng), thành Hà-nội và sông Hồng-hà, cho ngoại quốc vào buôn-bán.

Khoản XIII. Nước Pháp được quyền đặt lĩnh-sự ở các cửa bể và các thành-thị đã mở ra cho ngoại-quốc vào buôn-bán.

Khoản XV. Người nước Pháp hay là người ngoại-quốc, hễ có giấy thông-hành của quan lĩnh-sự Pháp và có chữ quan Việt-nam phê nhận thì được phép đi xem các nơi ở trong nước.

Khoản XVI. Người nước Pháp và người ngoại-quốc có điều gì kiện-tụng tại đất Việt-nam, thì do lĩnh-sự Pháp phân xử.

Khoản XX. Khi nào tờ hòa-ước này ký xong, thì quan thống-lĩnh nước Pháp đặt sứ-thần ở Huế, để chiếu những điều đã giao-ước mà thi-hành. Vua nước Nam cũng được quyền đặt sứ-thần ở Paris và ở Sài-gòn.

Tờ hòa-ước ấy ký xong, thì quan chánh-sứ Lê Tuấn mất, ông Nguyễn văn Tường về Huế. Thiếu-tướng Dupré giao mọi việc ở Nam-kỳ cho hải-quân thiếu-tướng Krantz quyền lĩnh, rồi về Pháp.

Tháng 6, Triều-đình ở Huế lại sai quan hình-bộ Thượng-thư là Nguyễn văn Tường 阮文祥 và quan Lại-bộ thị-lang là Nguyễn tăng Doãn 阮增隃, vào Sài-gòn cùng với thiếu-tướng Krantz định các lệ về sự buôn-bán ở nước Nam. Đến 20 tháng 7, thì tờ thương-ước lập xong.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG X

TÌNH-THẾ NƯỚC NAM TỪ NĂM GIÁP-TUẤT VỀ SAU

1. Văn-thân nổi loạn ở Nghệ Tĩnh
2. Giặc ở Bắc-kỳ
3. Sự giao-thiệp với Tàu
4. Tình-thế nước Tàu
5. Sự giao-thiệp với nước Pháp

1. VĂN-THÂN NỔI LOẠN Ở NGHỆ-AN. Nhờ có ông Philastre và ông Nguyễn văn Tường 阮文祥 thu-xếp việc Bắc-kỳ vừa xong, thì ở mạn Nghệ Tĩnh có loạn.

Nguyên lúc bấy giờ dân trong nước ta chia ra làm hai phái : bên lương, bên giáo ; hai bên vẫn không ưa nhau. Đến khi xảy ra việc đại-úy Francis Garnier lấy Hà-nội, bọn sĩ-phu ở mạn Nghệ Tĩnh thấy giáo-dân có nhiều người theo giúp ông ấy, thì lấy làm tức giận lắm, bèn rủ nhau nổi lên đánh phá.

Tháng giêng năm giáp-tuất (1874), là năm Tự-đức thứ 27, đất Nghệ-an có hai người tú-tài là Trần Tấn 陳璡 và Đặng như Mai 鄧如梅 hội-tập cả các văn-thân trong hạt, rồi làm một bài hịch gọi là *« Bình tây sát tả »*, đại-lược nói rằng : « Triều-đình dẫu hòa với Tây mặc lòng, sĩ-phu nước Nam vẫn không chịu, vậy trước nhất xin giết hết giáo-dân, rồi sau đánh đuổi người Tây cho hết, để giữ lấy cái văn-hóa của ta đã hơn 1.000 năm nay, v. v. » Bọn Văn-thân cả thảy độ non ba nghìn người, kéo nhau đi đốt phá những làng có đạo.

www.songhuong.vn

Nước ta mà không chịu khai-hóa ra như các nước khác là cũng bởi bọn sĩ-phu cứ giữ thói cũ, không chịu theo thời thế mà thay đổi. Nay sự suy-nhược của mình đã sờ sờ ra đấy, thế mà vẫn cứ không chịu mở mắt ra mà nhìn, lại vì sự tức-giận một lúc mà việc nông-nổi cản-rỡ, để cho thiệt-hại thêm, như thế thì cái tội-trạng của bọn sĩ-phu đối với nước nhà chẳng to lắm ru!

Lúc bấy giờ quan tổng-đốc Nghệ-an là ông Tôn thất Triệt 尊室澈 lại có ý dung-túng bọn Văn-thân, cho nên họ càng đắc thế càng phá dữ. Triều-đình thấy vậy, mới truyền bắt quan quân phải dẹp cho yên. Bọn Văn-thân thấy quan quân đuổi đánh, bèn cùng với bọn giặc Trần quang Hoán 陳光浣, Trương quang Thủ 張光首, Nguyễn huy Điển 阮輝璨 đánh lấy thành Hà-tĩnh, rồi ra vây phủ Diễn-châu.

Triều-đình thấy thế giặc càng ngày càng to, bèn sai ông Nguyễn văn Tường 阮文祥 ra làm khâm-sai, và ông Lê bá Thận 黎伯愼 làm Tổng-thống, đem quân ra đánh-dẹp, từ tháng hai đến tháng 6 mới xong.

2. GIẶC Ở BẮC-KỲ. Thủa ấy ở mạn Thượng-du đất Bắc-kỳ lúc nào cũng có giặc, quan quân đánh mãi không được, phải nhờ quân Tàu sang đánh giúp cũng không xong.

Ở mạn Hải-dương và Quảng-yên thì vẫn có những người mạo xưng là con-cháu nhà Lê, cứ quấy-rối mãi. Khi Francis Garnier ra lấy Hà-nội, những người ấy về xin theo đi đánh quân ta, nhưng vì sau nước Pháp trả lại các tỉnh ở Bắc-kỳ, họ lại tản đi. Vả từ khi nước ta và nước Pháp đã ký hòa-ước rồi, quan Pháp có đem binh-thuyền đi đánh giúp, cho nên mới tiệt được đảng ấy.

Còn ở mạn Tuyên-quang, thì có giặc cờ vàng nhũng-nhiễu đã lâu. Quan quân phải đánh-dẹp mãi không được. Đến tháng 8 năm ất-hợi (1875), là năm Tự-đức thứ 28, tướng cờ vàng là Hoàng sùng Anh 黃崇英 đem quân về đóng ở làng Châu-thượng, thuộc phủ Vĩnh-tường. Bấy giờ quan tán-tương quân-vụ tỉnh Sơn-tây là Tôn-thất Thuyết 尊室說 về đánh một trận, bắt được Hoàng sùng Anh và giết được quân cờ vàng rất nhiều. Giặc ấy từ đó tan dần.

www.songhuong.vn

Năm sau Tôn-thất Thuyết lại giết được tên giặc Trận ở làng Cổ-loa, và dẹp yên được mạn Sơn-tây. Nhưng đến năm mậu-dần (1878), ở Lạng-sơn lại có tên giặc Khách là Lý dương Tài 李 揚 才, nổi lên.

Lý dương Tài trước làm quan hiệp-trấn ở Tầm-châu, thuộc tỉnh Quảng-tây, sau bị cách mới nổi lên làm giặc và đem quân tràn sang đánh lấy tỉnh Lạng-sơn. Quan ta đem thư sang cho quan Tàu biết. Quan đề-đốc Quảng-tây là Phùng tử Tài 馮 子 材 đem quân 26 doanh sang cùng với quân ta hội tiễu. Đến tháng 9 năm kỷ-mão (1879), quan quân mới bắt được Lý dương Tài ở núi Nghiêm-hậu, thuộc tỉnh Thái-nguyên, đem giải sang Tàu.

Vì đất Bắc-kỳ cứ có giặc-giã luôn cho nên Triều-đình đặt ra chức Tĩnh-biên-sứ 靖 邊 使 để giữ các nơi về đường ngược. Năm canh-thìn (1880), đặt ra Lạng-giang-đạo và Đoan-hùng-đạo sai hai viên Tĩnh-biên phó-sứ là Trương quang Đản 張 光 憚 đóng ở Lạng-giang và Nguyễn hữu Độ 阮 有 度 đóng ở Đoan-hùng, lại phong cho Hoàng kế Viêm 黃 繼 炎 là Tĩnh-biên-sứ, kiêm cả hai đạo.

3. SỰ GIAO-THIỆP VỚI NƯỚC TÀU. Nước ta tự xưa đến nay tuy là độc-lập, nhưng vẫn giữ lệ triều cống nước Tàu, lấy cái nghĩa rằng nước nhỏ phải tôn-kính nước lớn. Cho nên khi chiến-tranh, dẫu ta có đánh được Tàu đi nữa, thì rồi nhà nào lên làm vua cũng phải theo cái lệ ấy, mà đời nào cũng lấy điều đó làm tự-nhiên vì rằng triều-cống cũng không tổn-hại gì mấy, mà nước vẫn độc-lập và lại không hay có việc lôi-thôi với một nước láng-diềng mạnh hơn mình. Bởi vậy hễ vua nào lên ngôi, cũng chiếu lệ sai sứ sang Tàu cầu phong, và cứ ba năm sai sứ sang cống một lần.

Các vua đời nhà Nguyễn cũng theo lệ ấy, nhưng các đời vua trước thì vua phải ra Hà-nội mà tiếp sứ Tàu và thụ phong cho. Đến đời vua Dực-tông thì sứ Tàu vào tại Huế phong vương cho ngài.

Còn những cống-phẩm thì cứ theo lệ, mà thường chỉ đưa sang giao cho quan Tổng-đốc Lưỡng-Quảng để đệ về

www.songhuong.vn

Kinh, chứ không mấy khi sứ ta sang đến Yên-kinh. Trong đời vua Dực-tông thì sử chép rằng năm mậu-thìn (1868), có ông Lê Tuấn 黎俊, ông Nguyễn tư Giản 阮思僩 và ông Hoàng Tịnh 黃並 sang sứ Tàu. Năm quí-dậu (1873), lại có các ông Phan sĩ Thục 潘仕俶, ông Hà văn Khai 何文開, và ông Nguyễn Tu 阮脩 sang sứ Tàu, để bày-tỏ việc đánh giặc Khách ở Bắc-kỳ.

Từ năm giáp-tuất (1874) trở đi, Triều-đình ở Huế đã ký tờ hòa-ước với nước Pháp, công-nhận nước Nam độc-lập, không thần-phục nước nào nữa, nhưng lúc bấy giờ vì thế bất-đắc-dĩ mà ký tờ hòa-ước, chứ trong bụng vua Dực-tông vẫn không phục, cho nên ngài cứ theo lệ cũ mà triều-cống nước Tàu, có ý mong khi hữu sự, nước Tàu sang giúp mình. Bởi vậy năm bính-tí (1876), vua Dực-tông sai ông Bùi ân Niên 裴殷年 tức là ông Bùi Dỵ 裴異, ông Lâm Hoành 林宏 và ông Lê Cát 黎吉 sang sứ nhà Thanh. Năm canh-thìn (1880), lại sai các ông Nguyễn Thuật 阮述, Trần khánh Tiến 陳慶浐, Nguyễn Hoan 阮歡 sang Yên-kinh dâng biểu xưng thần và các đồ cống-phẩm. Năm sau, Triều-đình nhà Thanh sai Đường đình Canh 唐廷庚 sang Huế bàn việc buôn-bán và lập cuộc chiêu thương 招商局, chủ-ý là để thông-tin cho chính-phủ Tàu biết mọi việc bên nước ta.

Một bên đã hòa với nước Pháp, nhận theo chính-lược ngoại-giao của nước Pháp mà độc-lập (1), một bên cứ triều-cống nước Tàu, có ý để cầu-viện, bởi thế cho nên chính-phủ Pháp lấy điều đó mà trách Triều-đình ta vậy.

4. TÌNH-THẾ NƯỚC TÀU. Xưa nay ta vẫn công-nhận nước Tàu là thượng-quốc và vẫn phải lệ triều-cống. Hễ khi nào trong nước có việc biến-loạn và vẫn trông-mong nước Tàu sang cứu-viện. Không ngờ từ thế-kỷ thứ XIX trở đi, thế-lực các nước bên Âu-tây mạnh lên, người phương Tây đi lược-địa rất nhiều, mà tình-thế nước Tàu thì rất là suy-nhược. Năm Đạo-quang thứ 19 (1839) tức là năm Minh-mệnh thứ 20 bên ta, vì việc cấm thuốc nha-phiến ở Quảng-

(1) Tờ hòa-ước năm giáp-tuất 1874.

www.songhuong.vn

dông thành ra có chiến - tranh với nước Anh-cát-lợi. Quân nước Anh đánh phá thành Ninh-ba, Thượng-hải, v.v. Vua Đạo-quang phải nhận những điều hòa - ước năm nhâm-dần (1842) làm tại thành Nam-kinh, nhường đảo Hương - cảng cho nước Anh và mở những thành Quảng-châu, Hạ-môn, Phúc-châu, Ninh-ba và Thượng - hải ra cho ngoại-quốc vào buôn-bán.

Cuộc hòa-ước ở Nam-kinh định xong, các nước ngoại-dương vào buôn-bán ở nước Tàu và đặt lĩnh-sự ở Quảng-châu, Ninh-ba, Thượng-hải, v. v.

Đến năm Hàm-phong thứ 8 (1858) tức là năm Tự-dức thứ 11, nước Anh và nước Pháp ký tờ hòa-ước với nước Tàu, đặt sứ-thần ở Bắc-kinh. Đoạn nước Tàu có điều trái ước, gây thành việc chiến-tranh với hai nước ấy. Quân nước Anh và nước Pháp đánh lấy hải-khẩu, rồi kéo lên đánh lấy Bắc-kinh. Vua Hàm-phong lại phải nhận những điều hòa-ước năm canh-thân (1860) làm tại Thiên-tân.

Từ đó nước Tàu cứ bị các nước sách-nhiễu mọi điều và bị đè-nén nhiều cách. Lúc ấy nước Tàu chẳng khác gì cái nhà lớn đã hầm-nát sắp đổ, mà ta vẫn không tỉnh-ngộ, cứ mê-mộng là nước ấy còn cường-thịnh, có thể giúp ta được trong khi nguy-hiểm. Bởi vậy khi quân nước Pháp đã lấy Bắc-kỳ rồi, người mình còn trông-cậy ở quân cứu-viện của nước Tàu. Phương-ngôn ta có câu rằng: « Chết đuối vớ phải bọt» thật là đúng lắm. Nếu người Tàu có đủ thế-lực cứu được ta, thì trước hết họ hãy cứu lấy họ đã. Nhưng lúc bấy giờ từ vua quan cho chí bọn sĩ-phu trong nước ta, ai là người hiểu rõ cái tình-thế ấy? Cho nên không những là ta không chịu cải cách chính thể của ta cho hợp thời mà lại còn làm những điều ngang-ngạnh để cho chóng hỏng việc. Ấy cũng là cái vận nước chẳng may, song những người đương lộ lúc ấy cũng không sao tránh được cái lỗi của mình vậy.

5. SỰ GIAO - THIỆP VỚI NƯỚC PHÁP. Từ khi ông Philastre ra điều - đình mọi việc ở Bắc-kỳ xong rồi, ông Rheinart ra thay ở Hà-nội, đợi cho đến ngày ký hòa-ước

www.songhuong.vn

thì chiếu mọi khoản mà thi-hành. Ông Rheinart ở được mấy tháng, rồi lại về Sài-gòn, giao quyền cho lục - quân thiếu-tá Dujardin (La-Đăng). Thiếu-tá có đem binh-thuyền giúp quan ta đi đánh giặc ở mạn Hải-dương và Quảng-yên.

Đến khi tờ hòa-ước và tờ thương-ước đã ký xong thì Triều-đình sai ông Nguyễn tăng Doãn 阮增寅 ra Bắc-kỳ để cùng thiếu-tá Dujardin chọn đất ở Hà - nội và ở Ninh - hải (Hải - phòng) để làm dinh làm trại cho quan quân nước Pháp đóng, và lại sai quan thự thượng-thư bộ Hộ là ông Phạm phú Thứ 范富庶 ra làm Hải-An tổng-đốc sung chức tổng-lý thương-chánh đại-thần, cùng với ông Nguyễn tăng Doãn và ông Trần hi Tăng bàn định việc thương-chánh ở Bắc-kỳ.

Tháng 6 năm ất - hợi (1875) chính - phủ nước Pháp sai ông Rheinart sang làm khâm-sứ ở Huế, ông Truc làm lĩnh-sự ở Hải-phòng, và ông Kergaradec (Kê-la-đích) làm lĩnh-sự ở Hà-nội. Triều-đình ta sai ông Nguyễn thành Ý 阮誠意 vào làm lĩnh-sự ở Sài-gòn.

Ông Rheinart ở Huế đến tháng 10 năm bính-tí (1876), thì cáo bệnh xin về, ông Philastre ra thay.

Triều-đình lúc bấy giờ cũng đã hiểu rằng hễ không theo tân - học thì không tiến - hóa được, cho nên mới định cho người đi du - học. Năm mậu - dần (1878) bên Pháp có mở hội vạn quốc đấu-xảo ở Paris, vua sai ông Nguyễn thành Ý 阮誠意 và ông Nguyễn tăng Doãn đem đồ đi đấu-xảo và cho người sang học ở Toulon.

Nhưng vì năm tân-tị (1881), Triều-đình lại sai quan Lễ-bộ thị-lang là Phạm Bính 范炳 sang Hương-cảng đem 12 đứa trẻ con đi học ở trường Anh-cát-lợi, rồi lại sai sứ đi sang Tiêm-la và sang Tàu mà không cho sứ-thần nước Pháp biết, bởi vậy chính-phủ Pháp lấy những điều đó mà trách Triều-đình ở Huế không theo hòa-ước năm giáp-tuất (1874).

Khi ông Philastre còn ở Huế, vì ông ấy là một người công - chính và lại có học chữ Nho, cho nên Triều-đình ta

www.songhuong.vn

trọng-đãi và có điều gì trang-trải cũng còn dễ. Từ năm kỷ-mão (1879) về sau, ông ấy về Pháp rồi, sự giao-thiệp càng ngày càng khó thêm : phần thì vì người mình không biết cách giao-thiệp với ngoại-quốc, phần thì cái quyền-lợi nước ta và nước Pháp lúc bấy giờ tương-phản với nhau, cho nên hai bên không có lòng tin-cậy nhau, thành ra sự giao-thiệp không được thân-thiết lắm.

Vả về sau, sự cai-trị ở Nam-kỳ đã thành nếp, giặc-giã đã yên cả ; ở bên Pháp thì thế-lực đã mạnh, và đã có nhiều người bàn đến việc bên Viễn-đông này và việc bảo-hộ ở Bắc-kỳ. Lại nhân có những nước I-ta-ly, I-pha-nho, Anh-cát-lợi và Hoa-kỳ muốn sang thông thương với nước Nam, mà có ý không muốn chịu để quan nước Pháp phân-xử những việc can-thiệp đến người những nước ấy. Bởi vậy nước Pháp muốn lập hẳn cuộc bảo-hộ để cho khỏi mọi sự lôi thôi, bèn bỏ lệ đặt quan hải-quân kiêm lĩnh chức thống-đốc ở Nam-kỳ, mà sai quan văn sang sung-chức ấy để trù-tính mọi việc.

Tháng 6 năm kỷ-mão (1879), viên thống-đốc mới là ông Le Myre de Vilers sang nhận chức ở Sài-gòn và ông Rheinart lại sang làm khâm-sứ ở Huế để thay cho ông Philastre.

Ở Bắc-kỳ thì người Pháp đã ra vào buôn-bán, nhưng vì quan ta không biết lo sự khai-hóa, việc thông thương không được tiện-lợi, và ở mạn thượng-du thì quân cờ đen tuy là mượn tiếng theo lệnh quan ta, nhưng kỳ thực chúng nó làm gì cũng không ai ngăn-cấm được. Bởi vậy, chính-phủ Pháp mới lấy những điều đó mà trách quan ta và sai quan đem quân ra Bắc-kỳ, lấy cớ nói ra mở-mang sự buôn-bán, kỳ thực là ra kinh-doanh việc ở vùng ấy.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG XI

QUÂN NƯỚC PHÁP LẤY BẮC-KỲ

Lần thứ hai

1. Đại-tá Henri Rivière ra Hà-nội
2. Hạ thành Hà-nội lần thứ hai
3. Việc cầu-cứu nước Tàu
4. Quân Pháp lấy Nam-định
5. Đại-tá Henri Rivière chết

1. ĐẠI-TÁ HENRI RIVIÈRE RA HÀ-NỘI. Cuối năm tân-tị (1881) (1), nhân có hai người Pháp tên là Courtin và Villeroi được giấy thông-hành đi lên Vân-nam, nhưng lên đến gần Lào-kay, bị quân Khách làm ngăn-trở, không đi được. Viên thống-đốc Le Myre de Vilers bèn gửi thư về Pháp, nói rằng nước Pháp nên dùng binh-lực mà dẹp cho yên đất Bắc-kỳ. Sang tháng 2 năm nhâm-ngọ (1882) một mặt thống-đốc sai hải-quân đại-tá Henri Rivière sắp-sửa binh-thuyền ra Hà-nội; một mặt viết thư cho Huế, đại-lược nói rằng: đất Bắc-kỳ loạn-lạc, luật nhà vua không ai theo. Người Pháp có giấy thông-hành của quan An-nam cấp cho mà đi đến đâu cũng bị quân Khách ngăn-trở. Ở Huế thì quan Việt-nam thất lễ với quan Khâm-sứ Rheinart. Vậy nên nước Pháp phải dùng cách để bênh-vực quyền-lợi của người nước Pháp.

Được ít lâu, đại-tá Henri Rivière đem hai chiếc tàu và mấy trăm quân ra đến Hải-phòng, rồi đi tàu nhỏ lên Hà-nội, đóng ở Đồn-thủy.

---

(1) Độc-giả hiểu cho rằng những ngày tháng chép trong sách này là theo ngày tháng Việt-nam chứ không phải là theo ngày tháng Tây.

www.songhuong.vn

2. HẠ THÀNH HÀ-NỘI LẦN THỨ HAI. Quan tổng-đốc Hà-nội bấy giờ là ông Hoàng Diệu 黃耀 thấy binh-thuyền nước Pháp tự-nhiên ra Bắc-kỳ, lấy làm nghi-kỵ lắm, tuy có sai quan tuần-phủ Hoàng hữu Xứng 黃有軒 ra tiếp đãi tử-tế, nhưng trong bụng vẫn lo cho nên mới sai sửa dọn thành-trì để phòng-bị. Đại-tá Henri Rivière vào thành thấy vậy có ý không bằng lòng, bèn quyết ý đánh thành.

Sáng 5 giờ ngày mồng 8 tháng 3 năm nhâm-ngọ (1882) quan tổng-đốc tiếp được tờ tối-hậu thư của đại-tá hạn cho đến 8 giờ phải giải binh, và các quan võ Việt-nam phải ra đợi lệnh ở Đồn-thủy. Đúng 8 giờ thì quân Pháp khởi sự đánh thành, 11 giờ thì thành đổ. Ông Hoàng Diệu trèo lên cây thắt cổ mà tự tận, còn các quan thì bỏ chạy cả.

Lúc tiếp được thư của đại-tá, thì ông Hoàng Diệu có sai Án-sát-sứ là Tôn thất Bá 尊室灝 ra thương thuyết. Ông Tôn thất Bá ở trên thành bỏ thang trèo xuống vừa xong, thì quân Pháp bắn súng vào thành, ông ấy bỏ trốn mất. Đến khi hạ được thành rồi, đại-tá sai tìm ông Tôn thất Bá về quyền-lĩnh mọi việc (2).

Vua Dực-tông được tin thành Hà-nội thất thủ, bèn xuống chiếu truyền cho quan Kinh-lược chánh phó sứ là ông Nguyễn Chính 阮政 và Bùi ân Niên 裴殷年 đem binh lui về mặt Mỹ-đức để cùng với Hoàng kế Viêm 黃繼炎 tìm cách chống giữ. Nhưng quan Khâm-sứ Rheinart sang thương-thuyết rằng việc đánh thành Hà-nội không phải là chủ-ý của nước Pháp, và xin sai quan ra giữ lấy thành trì. Triều-đình bèn sai quan nguyên Hà-Ninh tổng-đốc là Trần đình Túc 陳廷肅 làm Khâm-sai đại-thần, quan Tĩnh-biên phó-sứ là Nguyễn hữu Độ 阮有度 làm phó Khâm-sai, ra Hà-nội để cùng với đại-tá Henri Rivière thu xếp mọi việc. Đại-tá trả thành Hà-nội lại cho quan ta, nhưng vẫn đóng quân ở trong Hành-cung. Hai bên thương-nghị mãi. Đại-tá đòi 4

---

(2) Về sau có bài *Chính-khí ca* nói về việc quan ta giữ thành Hà-nội lúc bấy giờ, và ai hay ai dở cũng chép rõ-ràng. Bài ca ấy không biết ai làm.

www.songhuong.vn

khoản : 1 — nước Nam phải nhận nước Pháp Bảo-hộ ; 2 — phải nhường thành-thị Hà-nội cho nước Pháp ; 3 — đặt thương-chánh ở Bắc-kỳ ; 4 — sửa lại việc thương-chánh ở các nơi, và giao quyền cho người Pháp cai-quản.

Bọn ông Trần đình Túc đệ những khoản ấy về Kinh. Triều-đình hội-nghị, các quan có nhiều người nói rằng : Nước ta trong còn có Lưu vĩnh Phúc 劉永福, ngoài còn có nước Tàu, lẽ nào lại bó tay mà chịu. Bèn trả lời không chịu.

Đến tháng 10 thì ông Trần đình Túc về Huế, ông Nguyễn hữu Độ ở lại làm Hà-Ninh tổng-đốc.

3. VIỆC CẦU CỨU NƯỚC TÀU. Triều-đình ta bấy giờ nghi nước Pháp cố ý chiếm-đoạt, và lại tưởng rằng nước Tàu có thể bênh-vực được mình, cho nên mới sai ông Phạm thận Duật 范慎遹 sang Thiên-tân cầu-cứu. Chẳng qua là người mình hay có cái tính ỷ-lại, cho nên mới đi kêu-cầu người ta, chớ không biết rằng người Tàu giữ nước Tàu không xong còn đi cứu ai được. Tuy vậy, không những là Tàu không cứu được mình mà lại còn muốn nhân dịp để mượn tiếng sang lấy nước mình. Xem như khi thành Hà-nội thất-thủ, quan tổng-đốc Lưỡng Quảng là Trương thụ Thanh 張樹清 làm mật sớ về tâu với vua nhà Thanh, đại lược nói rằng : « Nước Nam và nước Tàu tiếp giáp với nhau mà thế-lực nước Nam thật là suy-hèn, không có thể tự-chủ được nữa, vậy ta nên mượn tiếng sang đánh giặc mà đóng giữ các tỉnh ở thượng-du. Đợi khi có biến thì ta chiếm lấy những tỉnh ở về phía Bắc sông Hồng-hà ». Bởi vậy Triều-đình nhà Thanh mới sai Tạ kính Bưu 謝敬庖, Đường cảnh Tùng 唐景松 đem quân sang đóng ở Bắc-ninh và ở Sơn-tây, sau lại sai quan bố-chính Quảng-tây là Từ diên Húc 徐延旭 đem quân sang tiếp-ứng.

4. QUÂN PHÁP LẤY NAM-ĐỊNH. Chính-phủ Pháp trước cũng muốn thu-xếp dần dần cho xong việc bảo-hộ ở nước Nam, và cho khỏi sự chiến-tranh, nhưng sau thấy Triều-đình ở Huế không chịu, lại thấy có quân Tàu sang đóng ở

www.songhuong.vn

các tỉnh, bèn một mặt sai ông Charles Thomson sang làm thống-đốc Nam-kỳ, để thay cho ông Le Myre de Vilers về Pháp; một mặt tiếp quân ra cho đại-tá Henri Rivière và triệu quan khâm-sứ Rheinart ở Huế về.

Nguyên trước Đại-tá Henri Rivière ở Hà-nội chỉ có độ 400 lính, sau lại tiếp được 750 người nữa, đại-tá bèn để đại-úy Berthe de Villers với 400 quân ở lại giữ Hà-nội, còn bao nhiêu đem đi đánh Nam-định. Ngày 28 tháng 2 năm qui-mùi (1883), thì quân Pháp khởi đánh thành. Đánh từ sáng đến trưa thì quân Pháp vào thành; quan tổng-đốc Vũ trọng Bình 武仲平 bỏ chạy, quan đề-đốc Lê văn Điểm tử trận, quan án-sát-sứ Hồ bá Ôn bị thương.

5. ĐẠI-TÁ HENRI RIVIÈRE CHẾT. Quan ta thấy quân Pháp tiến binh, và lại cậy có quân Tàu sang cứu, bèn quyết ý đổi thế hòa ra thế công. Một mặt quan tổng-đốc Bắc-ninh là Trương quan Đản 張光憺 cùng với quan phó kinh-lược Bùi ân Niên 裴殷年 đem binh về đóng ở Giốc-gạch, thuộc huyện Gia-lâm chực sang đánh Hà-nội. Đại-úy Berthe de Villers đem quân ở Hà-nội sang đánh đuổi, quan quân phải lui về phía Bắc-ninh. Một mặt quan tiết-chế Hoàng kế Viêm 黃繼炎 sai Lưu vĩnh Phúc 劉永福 làm tiên-phong đem quân về đóng ở phủ Hoài-đức, để đánh quân Pháp.

Đại-tá Henri Rivière lấy xong Nam-định rồi về Hà-nội thấy quân ta và quân cờ đen sắp đến đánh, bèn truyền lệnh tiến binh lên đánh mặt phủ Hoài-đức. Sáng hôm 13 tháng 4 thì đại-tá đem 500 quân ra đánh ở mạn Cầu-giấy, bị quân cờ đen phục ở chung quanh đồ ra đánh, quân Pháp chết và bị thương non 100 người. Đại-tá Henri Rivière tử trận, đại-úy Berthe de Villers bị thương nặng.

Ở Sài-gòn được tin đại-tá Henri Rivière chết, viên thống-đốc Thomson liền điện về cho chính-phủ Pháp biết. Lúc bấy giờ ở Paris, hạ-nghị-viện còn đang do dự về việc đánh lấy Bắc-kỳ. Khi tiếp được điện-báo ở Sài-gòn về, nghị-viện

www.songhuong.vn

liền thuận cho chính-phủ trích ra 5 triệu rưỡi phật-lăng để chi-tiêu về việc binh-phí, và lại thuận cho một viên quan văn làm toàn-quyền, sang kinh-lý mọi việc ở Bắc-kỳ.

Chính-phủ Pháp liền điện sang truyền cho lục-quân thiếu-tướng Bouet ở Nam-kỳ ra thống-đốc quân-vụ ở Bắc-kỳ, sai Hải-quân thiếu-tướng Courbet đem một đội chiến-thuyền sang tiếp-ứng và lại cử ông Harmand là sứ-thần Pháp ở Tiêm-la ra làm toàn-quyền.

Ngày mồng 3 tháng 5, thì thiếu-tướng Bouet đem 200 lính tây, 300 lính tập ra đến Hải-phòng. Lập tức thiếu-tướng sửa-sang sự chống giữ ở Hà-nội và ở Nam-định, và lại cho Georges Vlavianos (ông Kiều) là người theo Đồ-phồ-Nghĩa ngày trước, được phép mộ lính cờ vàng đi làm tiền quân.

Quan ta đem quân về đánh quân Pháp ở Hà-nội, ở Hải-phòng và ở Nam-định, nhưng chỗ nào cũng thất bại.

Quân ta bấy giờ không có thống-nhất, ai đứng lên mộ được năm ba trăm người, cho mang gươm mang giáo đi đánh, hễ phải độ vài ba phát đạn trái phá thì xô-đẩy nhau mà chạy; còn quân của nhà vua thì không có luyện-tập, súng đại-bác toàn là súng cổ, súng tay thì ít và xấu. Như thế thì chống làm sao được với quân Pháp là quân đã quen đánh trận và lại có đủ súng-ống tinh-nhuệ?

Bấy giờ cuộc hòa đổi ra cuộc chiến, súy-phủ ở Sài-gòn đuổi quan lĩnh-sự Việt-nam là ông Nguyễn thành Ý 阮誠意 về Huế. Trong khi việc nước đang rối cả lên như thế, thì vua Dực-tông mất.

Ngài mất ngày 16 tháng 6 năm qui-mùi (1883), trị-vì được 36 năm, thọ 55 tuổi, miếu-hiệu là Dực-tông Anh-hoàng-đế 翼宗英皇帝.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG XII

CUỘC BẢO-HỘ CỦA NƯỚC PHÁP

1. *Sự phế-lập ở Huế : vua Hiệp-hòa*
2. *Quân Pháp lấy cửa Thuận-an*
3. *Hòa-ước năm qui-mùi (1883)*
4. *Việc ở Bắc-kỳ*
5. *Vua Hiệp-hòa bị giết*
6. *Vua Kiến-phúc*
7. *Sự đánh lấy các tỉnh ở Bắc-kỳ*
8. *Lấy tỉnh Sơn-tây*
9. *Lấy thành Bắc-ninh*
10. *Lấy Hưng-hóa*
11. *Lấy Tuyên-quang*
12. *Hòa-ước Fournier*
13. *Hòa-ước Patenôtre tháng 6 năm giáp-thân*
14. *Việc Triều-chính ở Huế*
15. *Vua Hàm-nghi*

1. SỰ PHẾ-LẬP Ở HUẾ : VUA HIỆP-HÒA. Bản-triều nhà Nguyễn truyền ngôi đến hết đời vua Dực-tông thì mất quyền tự-chủ. Nước Nam tự đó thuộc về nước Pháp bảo-hộ. Nghĩa là ngôi nhà vua tuy vẫn còn, nhưng quyền chính-trị phải theo chính-phủ Bảo-hộ xếp-đặt.

Ấy cũng vì thời-đại biến-đổi mà người mình không biết biến-đổi, cho nên nước mình mới thành ra suy-đồi. Vả lúc ấy ở ngoài Bắc-kỳ thì rối-loạn, ở trong Triều thì quyền thần chuyên-chế, bởi vậy cho nên lại sinh ra lắm việc khó-khăn (1).

---

(1) Những chuyện ở trong Triều lúc bấy giờ, phần nhiều là lấy ở quyển « *Hạnh-Thục-ca* 幸蜀歌 » của Lễ-tân Nguyễn Nhược-thị 禮嬪阮若氏. Bà ấy là một người cung-phi của vua Dực-tông sau lại làm thư-ký cho bà Từ-dụ, cho nên những việc trong Triều bà ấy biết được rõ.

www.songhuong.vn

Vua Dực-tông không có con, nuôi 3 người cháu làm con nuôi : trưởng là ông Dục-đức 育德 (2), phong Thụy-quốc-công 瑞國公, thứ là ông Chánh - mông 正蒙, phong Kiên - giang quận-công 堅江郡公, ba là ông Dưỡng-thiện 養善. Khi ngài sắp mất, có để di - chiếu nói rằng : đức - tính ông Dục-đức không đáng làm vua, mà ý ngài muốn lập ông Dưỡng-thiện, nhưng vì ông ấy còn bé, mà việc nước cần phải có vua lớn tuổi, cho nên phải lập con trưởng. Ngài lại cho Trần tiễn Thành 陳踐誠, Nguyễn văn Tường 阮文祥 và Tôn thất Thuyết 尊室說 làm phụ-chính.

Được ba ngày thì Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết đổi tờ di-chiếu, bỏ ông Dục-đức mà lập em vua Dực-tông là Lạng-quốc-công 朗國公 lên làm vua. Triều-thần ngơ-ngác, không ai dám nói gì, chỉ có quan ngự-sử Phan đình Phùng 潘廷逢 đứng dậy can rằng : «Tự-quân chưa có tội gì mà làm sự phế-lập như thế, thì sao phải lẽ». Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết truyền đem bắt giam ông Phan đình Phùng, rồi cách chức đuổi về.

Lạng - quốc - công, húy Hồng Dật 洪佚 lên làm vua, đặt niên-hiệu là Hiệp-hòa 協和. Còn ông Dục-đức thì đem giam ở Dục-đức giảng đường 育德講堂.

2. QUÂN PHÁP LẤY CỬA THUẬN - AN . Vua Hiệp-hòa vừa lập xong, thì viên Toàn-quyền mới là ông Harmand đến Hải-phòng, rồi hội hải-quân thiếu-tướng Courbet và lục-quân thiếu-tướng Bouet, để bàn-định mọi việc.

Định một mặt thì thiếu-tướng Bouet đem quân lên đánh lấy đồn phủ Hoài ; một mặt thì thiếu-tướng Courbet đem tàu vào đánh lấy cửa Thuận-an, để bắt triều-đình phải nhận nước Pháp bảo-hộ.

---

(2) Dục-đức, Chánh-mông, Dưỡng-thiện là tên nhà học của những ông Hoàng con nuôi vua Dực-tông gọi là Dục-đức đường, Chánh-mông đường, v. v. Lúc các ông Hoàng ấy chưa được phong thì người ta cứ lấy tên nhà học mà gọi.

www.songhuong.vn

Ngày 12 tháng 7, thiếu - tướng Bouet lên đánh quân cờ đen ở mạn làng Vòng. Hai bên đánh nhau non ba ngày trời. Sau quân cờ đen phải lùi lên đóng ở đồn Phùng. Nhưng vì lúc bấy giờ nước lũ lên to, đê vỡ cho nên quân Pháp không tiến lên được.

Ngày 16, lục - quân trung-tá Brionval ở Hải-phòng đem quân lên lấy thành Hải-dương.

Quân Pháp tuy thắng, nhưng quân cờ đen còn mạnh, nên chi thiếu-tướng Bouet phải điện về Paris xin thêm quân tiếp-ứng.

Trong khi lục-quân thiếu-tướng Bouet tiến quân đánh tại Bắc-kỳ, thì hải-quân thiếu-tướng Courbet cùng với viên Toàn-quyền Harmand đem tàu vào đánh cửa Thuận-an, từ ngày 15 đến ngày 18 tháng bảy thì thành Trấn - hải vỡ. Quan trấn thành là Lê Sĩ 黎仕, Lê Chuẩn 黎準 tử trận, Lâm Hoành 林宏, Trần thúc Nhẫn 陳叔韌 thì nhảy xuống sông tự tử.

3. HÒA-ƯỚC NĂM QUÍ-MÙI (1883). Triều-đình thấy sự nguy-cấp, liền sai quan ra xin hòa. Viên Toàn-quyền Harmand bắt quan ta phải giải binh cả mọi nơi, rồi cùng với ông De Champeaux lên Huế để nghị hòa. Triều-đình sai quan Hiệp-biện hưu-trí là Trần đình Túc 陳廷肅 làm Khâm - sai toàn quyền, và Nguyễn trọng Hợp 阮仲合 làm phó, để cùng với quan Pháp hội-nghị.

Ngày 23 tháng 7 thì tờ hòa - ước lập xong, có chữ ông Harmand, ông De Champeaux, ông Trần đình Túc và ông Nguyễn trọng Hợp cùng ký.

Tờ hòa-ước ấy có 27 khoản: *Khoản thứ nhất nói rằng:* Nước Nam chịu nhận nước Pháp bảo-hộ, có việc gì giao-thiệp với ngoại-quốc, thì phải do nước Pháp chủ - trương. *Khoản thứ hai:* Tỉnh Bình - thuận thuộc về Nam - kỳ. *Khoản thứ ba:* Quân Pháp đóng giữ ở núi đèo Ngang và ở Thuận-an. *Khoản thứ sáu:* Từ tỉnh Khánh - hòa ra đến đèo Ngang thì quyền cai-trị thuộc về Triều-đình.

Nhưng khoản sau nói rằng viên khâm - sứ ở Huế được quyền tự-do ra vào yết-kiến nhà vua. Còn đất Bắc-kỳ kể từ

www.songhuong.vn

đèo Ngang trở ra thì nước Pháp đặt công-sứ (3) ở các tỉnh để kiểm soát công-việc của quan Việt-nam. Nhưng người Pháp không dự vào việc cai-trị ở trong hạt.

Tờ hòa-ước ấy ký xong, gửi về Paris để chính-phủ duyệt y, rồi mới hỗ-giao, nghĩa là mới tuyên-cáo cho thiên-hạ biết. Ông De Champeaux ở lại Huế làm khâm-sứ, viên Toàn-quyền Harmand ra Bắc-kỳ để kinh-lý việc đánh-dẹp.

4. VIỆC Ở BẮC-KỲ. Triều-đình ở Huế nhận hòa-ước xong rồi, sai quan Lại-bộ Thượng-thư Nguyễn trọng Hợp làm Khâm-sai đại-thần, quan Công-bộ Thượng-thư Trần văn Chuẩn 陳文準 và quan Lại-bộ tham-tri Hồng Phì 洪肥 làm phó khâm-sai, ra Bắc-kỳ để cùng với viên Toàn-quyền Harmand hiểu-dụ nhân-dân và bãi quân-thứ ở các nơi.

Bấy giờ ở Bắc-kỳ có quan nhà Thanh là Đường cảnh Tùng 唐景松 đóng ở Sơn-tây, Từ diên Húc 徐廷旭 đóng ở Bắc-ninh, lại có quân cờ đen của Lưu vĩnh Phúc 劉永福 đóng ở đồn Phùng.

Triều-đình tuy có chỉ ra truyền cho quan ta phải rút quân về Huế, nhưng quan ta còn có nhiều người muốn ỷ nước Tàu mà chống giữ với quân Pháp, cho nên không ai phụng chỉ. Bởi vậy cuộc chiến-tranh ở Bắc-kỳ mãi không xong được.

5. VUA HIỆP-HÒA BỊ GIẾT. Ở trong Huế thì vua Hiệp-hòa cũng muốn nhờ chính-sách bảo-hộ để cho yên ngôi vua, nhưng các quan có nhiều người không chịu, và lại thấy Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết chuyên chế thái quá, muốn dùng kế mà trừ bỏ đi, bèn đổi Nguyễn văn Tường sang làm Binh-bộ Thượng-thư, Tôn thất Tuyết làm Lại-bộ Thượng-thư, để bớt binh-quyền của Tôn thất Thuyết.

---

(3) Résident tức là lưu trú-quan, nhưng lúc bấy giờ ta chưa quen dùng chữ ấy, và nhân có chữ consul cho nên mới dùng chữ công-sứ.

www.songhuong.vn

Hai người thấy vua có lòng nghi, sợ để lâu thành vạ, bèn vào tâu với bà Từ-dụ Thái-hậu 慈裕太后 để lập ông Dưỡng-thiện 養善 là con nuôi thứ ba vua Dực-tông, rồi bắt vua Hiệp-hòa đem ra phủ ông Dục-đức cho uống thuốc độc chết. Vua Hiệp-hòa làm vua được hơn 4 tháng, sử gọi là Phế-đế 廢帝.

Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết đã giết vua Hiệp-hòa rồi, lại thấy quan Phụ-chính Trần tiễn Thành 陳踐誠 không theo ý mình, cũng sai người giết nốt.

6. VUA KIẾN-PHÚC. Ngày mồng 7 tháng 10 năm quí-mùi (1883), ông Dưỡng-thiện, húy là Ưng Đăng 膺登 lên ngôi làm vua, đặt niên-hiệu là Kiến-phúc 建福. Bấy giờ ngài mới có 15 tuổi, việc gì cũng ở Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết quyết-định cả.

Ở Bắc-kỳ thì Hoàng kế Viêm 黃繼炎 còn đóng tại Sơn-tây, Trương quang Đản 張光憺 còn đóng tại Bắc-ninh, cùng với quân Tàu chống giữ quân Pháp. Viên Khâm-sứ ở Huế lấy điều đó trách Triều-đình. Triều-đình lại có dụ ra truyền cho Hoàng kế Viêm và Trương quang Đản phải về Kinh.

Các quan bấy giờ cũng có ông về, cũng có ông nộp ấn trả Triều-đình, rồi hoặc đi chiêu-mộ những nghĩa-dũng, hoặc đi theo quan nhà Thanh, để chống nhau với quân Pháp. Bấy giờ có quan đề-đốc Nam-định là Tạ Hiện 謝現 lãnh chức đề-đốc của Tàu, và quan án-sát-sứ Phạm vụ Mẫn 范務敏 và quan tri-phủ Kiến-xương Hoàng văn Hòe 黃文槐 bỏ chức mà đi; quan tán-tương quân-vụ ở Sơn-tây là Nguyễn thiện Thuật 阮善述 bỏ về Hải-dương, đi mộ quân để chống với quân Pháp.

7. SỰ ĐÁNH LẤY CÁC TỈNH Ở BẮC-KỲ. Viên Toàn-quyền Harmand ra Bắc-kỳ sửa-sang sự cai-trị, lập ra những đội lính tuần-cảnh, tục gọi là lính *khố xanh*, để phòng giữ các nơi, và bãi lính cờ vàng của thiếu tướng Bouet đã cho

www.songhuong.vn

mộ được mấy trăm, vì những lính ấy hay cướp phá dân-gian. Nhưng vì viên Toàn-quyền xâm vào quyền quan binh, cho nên thiếu-tướng Bouet lấy làm bất bình.

Ngày mồng một tháng 8, thiếu-tướng đem quân lên đánh cờ đen ở đồn Phùng. Hai bên đánh nhau rất dữ. Quân cờ đen tuy phải lui, nhưng chưa thực thua. Thiếu-tướng thấy đánh giặc chưa được và lại có ý bất hòa với viên Toàn-quyền, bèn xin về Pháp, giao binh-quyền lại cho lục-quân đại-tá Bichot.

Được ít lâu, có quân tiếp ở Sài-gòn ra, đại-tá Bichot bèn vào lấy tỉnh Ninh-bình.

8. LẤY SƠN-TÂY. Ngày 25 tháng 9, chính-phủ Pháp điện sang cho hải-quân thiếu-tướng Courbet làm thống-đốc quân-vụ, kiêm chức Toàn-quyền ở Bắc-kỳ. Viên nguyên Toàn-quyền Harmand xin về Pháp.

Từ đó việc binh-nhung, việc cai-trị và việc giao-thiệp, ở cả tay thiếu-tướng Courbet. Trong khi thiếu-tướng còn phải sửa-sang mọi việc và đợi quân tiếp ở Pháp sang thì quan ta đem quân về đánh Hải-dương, đốt phá cả phố-xá. Quan Pháp nghi tỉnh-thần thông với văn-thân, bèn bắt đày vào Côn-lôn.

Đến khi thiếu-tướng tiếp được quân ở bên Pháp sang, số quân Pháp ở Bắc-kỳ bấy giờ được hơn 9.000 người, thiếu-tướng chia ra làm hai đạo, đem cả thủy-bộ tiến lên đánh thành Sơn-tây. Đánh từ sáng ngày 13 đến hết ngày 16 mới hạ được thành. Quân cờ đen chống giữ hăng lắm, nhưng quân Tàu và quân ta thấy súng của Pháp bắn lên mạnh quá, đều bỏ thành rút lên mạn ngược, quân cờ đen cũng phải chạy theo. Trận ấy quân Pháp bị 83 người tử trận và 319 người bị thương.

9. LẤY THÀNH BẮC-NINH. Quân Pháp tuy đã lấy được Sơn-tây, nhưng quân Tàu càng ngày càng sang đông, thiếu-tướng phải chờ có quân tiếp thêm mới đi đánh chỗ

www.songhuong.vn

khác. Bên Pháp lại sai một lữ-đoàn 旅團 (4) sang Bắc-kỳ và sai lục-quân trung-tướng Millot sang làm thống-đốc quân-vụ thay cho hải-quân thiếu-tướng Courbet.

Ngày 16 tháng giêng năm giáp-thân (1884), thống-tướng Millot sang nhận chức, thiếu-tướng Courbet được thăng lên hải-quân trung-tướng và lại ra coi hải-quân để giữ mặt bể. Bấy giờ quân Pháp cả thảy được hơn 1 vạn 6 nghìn người và 10 đội pháo-thủ, chia ra làm 2 lữ-đoàn. Một lữ-đoàn ở bên hữu ngạn sông Hồng-hà thì đóng ở Hà-nội, có thiếu-tướng Brière de l'Isle coi; một lữ-đoàn ở bên tả ngạn sông Hồng-hà, thì đóng ở Hải-dương, có thiếu-tướng De Négrier coi.

Bấy giờ con đường từ Hà-nội sang Bắc-ninh, chỗ nào cũng có quân Tàu và quân ta đóng. Thống-tướng Millot bèn truyền lệnh cho thiếu-tướng Brière de l'Isle đem quân qua sông Hồng-hà, rồi theo sông Đuống (tức là sông Thiên-đức) đi về phía đông. Còn toán quân của thiếu-tướng De Négrier ở Hải-dương, đi tàu đến Phả-lại lên bộ, để tiếp vào với toán quân của thiếu-tướng Brière de l'Isle, rồi cả thủy-bộ theo sông Cầu (sông Nguyệt-đức) tiến lên đánh Bắc-ninh.

Hai bên khởi sự đánh nhau từ ngày 11 tháng 2 đến ngày 16, thì lấy được Đáp-cầu. Quân Tàu thấy quân Pháp chặn mất đường lên Lạng-sơn, bèn bỏ Bắc-ninh rút lên mạn Thái-nguyên. Tối ngày 16, thì quân Pháp vào thành Bắc-ninh. Trận ấy quân Pháp chỉ mất có 8 người và 40 người bị thương mà thôi.

Thiếu-tướng Brière de l'Isle đem quân lên đánh Yên-thế, rồi đến ngày 23 thì lên lấy thành Thái-nguyên.

10. LẤY HƯNG-HÓA. Hạ được thành Bắc-ninh và thành Thái-nguyên rồi, quân Pháp quay về mạn sông Hồng-

---

(4) Mỗi một lữ-đoàn (brigade) có hai vệ-quân, độ chừng bảy tám nghìn người, có chức thiếu-tướng coi. Hai lữ-đoàn là một sư-đoàn (division), có chức trung-tướng coi.

www.songhuong.vn

hà để đánh lấy Hưng-hóa và Tuyên-quang. Thiếu-tướng Brière de l'Isle đem lữ-đoàn thứ nhất theo con đường Sơn-tây lên Hưng-hóa, rồi dàn trận ở bên này sông Đà-giang. Hai bên khởi sự đánh nhau từ sáng ngày rằm tháng 3 đến 2 giờ chiều ngày hôm ấy thì quân Pháp sang sông ở chỗ gần địa-hạt huyện Bất-bạt. Chín giờ sáng ngày 16, thì thiếu-tướng De Négrier đem lữ-đoàn thứ nhì tiếp đến, cả hai lữ-đoàn cùng hợp lực tiến lên đánh. Quân Tàu và quân cờ đen thấy thế không chống được, bèn đốt cả phố-xá, rồi bỏ thành Hưng-hóa rút lên mạn ngược. Còn bọn ông Hoàng kế Viêm thì kéo lên mạn núi, rồi đi đường thượng-đạo rút về Kinh. Trưa ngày 17 thì quân Pháp vào thành Hưng-hóa. Lập tức thiếu-tá Coronnat đem một toán quân lên đánh phá đồn Vàng.

11. LẤY TUYÊN-QUANG. Lấy xong Hưng-hóa rồi, chỉ còn có thành Tuyên-quang là chỗ quân cờ đen còn đóng giữ. Thống-tướng Millot bèn sai quân đem tàu đi dò xem sông Lô-giang tàu thủy lên được đến đâu. Đoạn rồi sai trung-tá Duchesne đem đạo quân ở Hưng-hóa và một đội năm chiếc tàu binh lên đánh Tuyên-quang. Quân của trung-tá Duchesne đóng ở Việt-trì khởi hành từ hôm mồng 3 tháng 5 đến ngày mồng 8 thì đến Tuyên-quang. Chỉ đánh độ một giờ đồng-hồ thì quân cờ đen bỏ thành chạy.

12. HÒA-ƯỚC FOURNIER. Bấy giờ tuy các tỉnh ở mạn trung-châu đất Bắc-kỳ đều thuộc về quan Pháp cai-quản cả, nhưng quan Tàu còn đóng ở Lạng-sơn, Cao-bằng và mạn Lao-kày. Bởi vậy chính-phủ Pháp muốn dùng cách giao-thiệp mà trang-trải với nước Tàu, để chính-phủ Tàu nhận cuộc bảo hộ của nước Pháp ở nước Nam cho xong. Lại nhân bấy giờ có hải-quân trung-tá Pháp tên là Fournier quen một người nước Đức tên là Détring làm quan bên Tàu coi việc thương-chánh ở Quảng-đông. Détring vốn thân với quan tổng-đốc Trực-lệ là Lý hồng Chương 李鴻章. Một hôm Détring gặp trung-tá Fournier nói chuyện việc hòa với nước Tàu, Détring điện về cho Lý hồng Chương biết. Hai bên đều có ý muốn cho êm chuyện.

www.songhuong.vn

Chính-Phủ Pháp bèn sai trung-tá Fournier lên Thiên-tân để cùng với Lý hồng Chương nghị hòa. Đến ngày 18 tháng 4, năm giáp-thân (1884) thì lập xong tờ hòa-ước. Đại-lược rằng nước Tàu thuận rút quân đóng ở Bắc-kỳ về, và từ đấy về sau chính-phủ Tàu thuận nhận tờ giao-ước của nước Pháp lập với nước Nam. Nghĩa là nước Tàu để cho nước Pháp được tự-do xếp-đặt mọi việc ở đất Việt-nam.

13. HÒA-ƯỚC PATENÔTRE THÁNG 5 NĂM GIÁP-THÂN (1884). Tờ giao-ước ký xong thì trung-tá Fournier điện cho thống-tướng Millot ở Bắc-kỳ biết sự hòa-ước đã xong, mà quân Tàu ở Bắc-kỳ phải rút về.

Lúc bấy giờ công-sứ nước Pháp ở Bắc-kinh là ông Patenôtre ở bên Pháp sang, đi qua đến Sài-gòn, chính-phủ ở Paris điện sang sai ông ấy ra Huế sửa lại tờ hòa-ước của ông Harmand đã ký ngày 23 tháng 7 năm quí-mùi (1883).

Ông Patenôtre và ông Rheinart ra Huế cùng với Triều-đình thương-nghị mấy ngày, rồi đến ngày 13 tháng 5 năm giáp-thân là ngày mồng 6 tháng sáu năm 1884, ông Pâtenôtre cùng với ông Nguyễn văn Tường 阮文祥, ông Phạm thận Duật 范慎遹 và ông Tôn-thất Phan 尊室潘 ký tờ hòa-ước mới. Cả thảy có 19 khoản, đại-để thì cũng như tờ hòa-ước của ông Harmand, chỉ đổi có mấy khoản nói về tỉnh Bình-thuận và 3 tỉnh ở ngoài đèo Ngang là Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa vẫn thuộc về Trung-kỳ.

Tờ hòa-ước ký xong, ông Rheinart ở lại làm Khâm-sứ ở Huế, và ông Patenôtre hội cả các quan, bắt đem cái ấn của Tàu phong cho vua Việt-nam, thụt bễ nấu lên mà hủy đi, nghĩa là từ đó nước Nam thuộc về nước Pháp bảo-hộ, chứ không thần-phục nước Tàu nữa.

Hòa-ước ký năm giáp-thân là năm 1884, là hòa-ước của Triều-đình ở Huế ký với nước Pháp công nhận cuộc bảo-hộ

www.songhuong.vn

của Pháp và chia nước ra làm hai khu-vực là Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Tuy hai kỳ cũng thuộc về quyền bảo-hộ của nước Pháp, nhưng mỗi kỳ có một cách cai-trị khác, về sau dần dần hòa-ước năm 1884 cũng mất cả ý-nghĩa, và thực quyền về chính-phủ bảo-hộ hết cả. Triều-đình ở Huế chỉ giữ cái hư-vị mà thôi.

Nước Việt - nam trước kia, từ Nam chí Bắc là một, có cái tính cách duy nhất hơn cả các nước khác. Văn - hóa, lịch-sử, phong-tục, ngôn-ngữ đều là một cả, mà nay thành ra ba xứ: Nam-kỳ, Trung-kỳ và Bắc-kỳ; mỗi kỳ có một chính-sách riêng, luật-lệ riêng như ba nước vậy. Thậm chí lúc đầu người kỳ này đi sang kỳ kia phải xin giấy thông-hành mới đi được. Kỳ nghĩa là xứ, là khu trong một nước, chứ không có nghĩa là nước.

Một nước mà tam phân ngũ liệt ra như thế, thật là một mối đau lòng cho người Việt-nam là dân một nước đã có một lịch-sử vẻ-vang hàng mấy nghìn năm.

14. VIỆC TRIỀU-CHÍNH Ở HUẾ. Triều-đình lúc bấy giờ việc gì cũng do ở hai quan phụ-chính là Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết định-đoạt.

Tôn-thất Thuyết là người tính nóng-nảy, dữ-dội, ai cũng khiếp-sợ. Nhưng tài-năng thì kém, mà lại nhát gan, cho nên đa nghi và hay chém giết. Nguyễn văn Tường là người ở Quảng - trị, thi đỗ cử - nhân năm Tự - đức thứ 5, thật là một người có tài-trí, giỏi nghề giao-thiệp, nhưng chỉ có tính tham-lam và lại tàn-nhẫn.

Hai ông ấy chuyên giữ triều-chính. Quan-lại thì ở tay ông Tường, binh - quyền thì ở tay ông Thuyết. Nhưng mà thường việc gì cũng do ở ông Thuyết xui - khiến cả. Trong Triều từ hoàng-thân quốc-thích cho đến các quan, ai có điều gì trái ý hai ông ấy là bị giam-chấp hay chém-giết cả.

Ông Thuyết thì mộ quân *phấn - nghĩa* để giữ mình, và thường hay tiếm dùng nghi-vệ của vua; ông Tường thì chịu tiền hối-lộ của những người Khách, cho chúng nó đem *tiền*

www.songhuong.vn

sềnh, là một thứ tiền niên-hiệu Tự-đức, mỏng và xấu, đúc ở bên Tàu đem sang, bắt dân phải tiêu. Ai không tiêu thì phải tội. Vả lúc ấy vua hãy còn trẻ tuổi chưa biết gì, cho nên hai ông lại càng chuyên-chế lắm nữa.

Vua Kiến-phúc lên ngôi vừa được hơn 6 tháng, đến ngày mồng 6 tháng tư năm giáp-thân (1884) thì phải bệnh mất (5), miếu-hiệu là Giản-tông Nghị-hoàng-đế 簡宗毅皇帝.

15. VUA HÀM-NGHI. Vua Kiến-phúc mất, đáng lẽ ra con nuôi thứ hai của vua Dực-tông là ông Chánh-mông lên nối ngôi thì phải. Nhưng Tường và Thuyết không muốn lập người lớn tuổi, sợ mình mất quyền, bèn chọn người em ông Chánh-mông là ông Ưng Lịch 膺曆, mới 12 tuổi, lập lên làm vua, đặt niên-hiệu là Hàm-nghi 咸宜.

Viên Khâm-sứ Rheinart trước đã tư giấy sang cho Triều-đình Huế rằng: Nam-triều có lập ai lên làm vua, thì phải xin phép nước Pháp mới được. Nhưng Tường và Thuyết cứ tự-tiện lập vua, không cho viên Khâm-sứ biết.

Viên Khâm-sứ thấy vậy, viết thư ra Hà-nội. Thống-tướng Millot bèn sai chức tham-mưu là đại-tá Guerrier đem 600 quân và một đội pháo-binh vào Huế, bắt triều-đình phải xin phép lập ông Ưng Lịch lên làm vua. Tường và Thuyết làm tờ xin phép bằng chữ nôm gửi sang bên Khâm-sứ. Viên Khâm-sứ không nghe, bắt phải làm bằng chữ Nho. Đến ngày 27 tháng 6, đại-tá và viên Khâm-sứ đi cửa chính vào điện làm lễ phong vương cho vua Hàm-nghi. Xong rồi quân Pháp lại trở ra Hà-nội.

---

(5) Có chuyện nói rằng: Khi vua Kiến-phúc se mình, nằm trong điện, đêm thấy Nguyễn văn Tường vào trong cung, ngài có quở-mắng. Đến ngày hôm sau, thì ngài ngộ thuốc mà mất.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG XIII

CHIẾN-TRANH VỚI NƯỚC TÀU

1. Trận Bắc-lệ
2. Đánh Phúc-châu và vây Đài-loan
3. Trận đồn Chũ và đồn Kép
4. Trận Yên-bạc
5. Lấy thành Lạng-sơn
6. Thành Tuyên-quang bị vây
7. Mất thành Lạng-sơn
8. Hòa-ước Thiên-tân

1. TRẬN BẮC-LỆ. Ở Bắc-kỳ thì quân Pháp tưởng là việc hòa-ước với nước Tàu đã xong, chỉ còn đợi ngày quân Tàu rút về, thì lên thu-nhận lấy thành Lạng-sơn, Cao-bằng và Lao-kày. Cứ theo như tờ hòa-ước của trung-tá Fournier ký ở Thiên-tân, thì vào chừng rằm tháng 5 quân Tàu ở Lạng-sơn, Thất-khê và Cao-bằng phải rút về. Vậy đến cuối tháng 5, thì thống-tướng Millot sai trung-tá Dugenne đem 1.000 quân lên thu lại các thành ấy. Ngày mồng một tháng 5 nhuận thì quân Pháp lên đến đồn Bắc-lệ 北 寧. Khi quân Pháp sang qua sông Thương, thì quân Tàu bắn vào quân Pháp, phải ba người bị thương. Được một chốc bên quân Tàu sai người đưa thư sang nói rằng quân Tàu đã biết có hòa-ước, nhưng chưa được lệnh rút quân về, vậy xin hoãn lại 6 ngày để đợi lệnh Bắc-kinh. Trung-tá Dugenne không chịu; đến quá trưa, trung-tá cho người đưa thư sang bảo quân Tàu rằng: trong một giờ nữa mà quân Tàu không rút về thì quân Pháp cứ việc tiến lên. Đoạn rồi trung-tá truyền lệnh tiến binh; đi được một lúc, thì quân Tàu phục hai bên đường bắn ra. Quân Pháp dàn trận

www.songhuong.vn

đánh nhau đến tối. Sáng ngày hôm sau, quân Pháp thấy quân Tàu sắp vây cả bốn mặt, bèn rút về bên này sông Thương, để đợi quân cứu-viện ở Hà-nội lên. Trận ấy quân Pháp bị 28 người tử trận, 46 người bị thương, còn những phu-phen chết không biết bao nhiêu mà kể.

Thống-tướng Millot tiếp được tin quân Pháp thua ở Bắc-lệ, liền sai thiếu-tướng De Négrier đem 2 đại-đội quân bộ, 2 đội pháo-binh và một toán công-binh đi đường Phủ-lạng-thương qua làng Kép, lên tiếp-ứng cho trung-tá Dugenne. Khi tiếp được quân của trung-tá rồi, thống-tướng Millot triệu thiếu-tướng De Négrier về Hà-nội, để chờ lệnh và quân ở bên Pháp sang.

2. ĐÁNH PHÚC-CHÂU VÀ VÂY ĐÀI-LOAN. Chính-phủ bên Pháp tiếp được sự khai-chiến ở Bắc-kỳ, liền điện truyền cho hải-quân trung-tướng Courbet đem tàu sang đóng gần thành Phúc-châu là tỉnh-lị Phúc-kiến, và lại truyền cho ông Patenôtre là công-sứ Pháp ở Bắc-kinh đòi nước Tàu phải trả 250 triệu tiền binh-phí về việc chiến-tranh ở Bắc-kỳ. Chính-phủ 2 nước thương-thuyết mãi, đến ngày 29 tháng 6, thì chính-phủ Pháp gửi tờ tối-hậu-thư đòi nước Tàu 80 triệu phật-lăng tiền binh-phí, hạn cho trả làm 10 năm. Đến ngày mồng ba tháng 7 năm giáp-thân (1884), thì Hải-quân trung-tướng Courbet được lệnh khởi sự đánh Phúc-châu.

Trung-tướng truyền lệnh cho các chiến-thuyền bắn lên các pháo-đài và phá các xưởng làm binh-khí ở Phúc-châu, và lại đánh cả chiến-thuyền của Tàu đóng ở trong sông Mân-giang. Trung-tướng bắn phá ở Phúc-châu rồi đem binh-thuyền ra vây đánh đảo Đài-loan.

Hải-quân của Pháp vây Đài-loan và các cửa bể mãi đến tháng 6 năm ất-dậu (1885), nước Tàu ký hòa-ước rồi, mới thôi.

www.songhuong.vn

3. TRẬN ĐỒN CHŨ VÀ ĐỒN KÉP. Trong khi hải-quân của Pháp đánh phá ở mặt bể, quân Tàu ở Quảng-đông, Quảng-tây kéo sang Bắc-kỳ càng ngày càng nhiều, mà quân tiếp-ứng của Pháp mãi không thấy sang, đến trung-tuần tháng 7, thống-tướng Millot bèn cáo bệnh xin về, giao quyền lại cho thiếu-tướng Brière de l'Isle.

Được ít lâu, thiếu-tướng Brière de l'Isle tiếp được 6 nghìn quân ở Pháp sang, số quân bấy giờ cả thảy được non 2 vạn người, thiếu-tướng bèn chia ra làm 4 đạo để đi đánh quân Tàu và quân ta; thiếu-tá Servière đem một đạo quân lên mạn Đông-triều; trung-tá Donnier đem một đạo quân theo sông Lục-nam đến đánh đồn Chũ và đồn Đầm; trung-tá Defoy đem một đạo quân lên mạn sông Thương; thiếu-tá Mibielle và thiếu-tướng De Négrier thì đóng đại đồn ở Lạng-thương. Ngày 20 tháng 8, quân Pháp tiến lên đánh đồn Chũ, đồn Bảo-lạc và đồn Kép. Quân Tàu chống lại được một ngày, mà quân hai bên đánh nhau ở đồn Kép hăng hơn cả. Quân Tàu chết có đến 2.000 người; còn bên quân Pháp thì thiếu-tướng De Négrier bị thương ở chân, 27 người tử-trận và 109 người bị thương. Quân Tàu chết hại mất nhiều, phải bỏ đồn Kép, đồn Bảo-lạc và đồn Chũ chạy lui trở về.

Ở mạn đông-bắc, quân Tàu đã lui, thiếu-tướng Brière de l'Isle bèn sai đại-tá Duchesne đem 700 quân lên đánh quân cờ đen của Lưu vĩnh Phúc ở mạn Tuyên-quang và sai trung-tá Berger đem quân lên giữ Thái-nguyên.

4. TRẬN YÊN-BẠC. Quan Tàu tuy đã thua ở đồn Chũ và đồn Kép, nhưng vẫn còn đóng ở địa-hạt Lạng-sơn và Quảng-yên. Đến trung tuần tháng 11, quân Tàu lại về đóng ở gần An-châu, thiếu-tướng De Négrier đem quân bộ và quân pháo-binh đi theo tả ngạn sông Lục-nam lên đánh quân Tàu ở núi Bóp. Quân Tàu chết đến hơn 600 người, quân Pháp thiệt-hại mất 19 người tử-trận và 65 người bị thương.

5. LẤY THÀNH LẠNG-SƠN. Đầu năm 1885 là quãng tháng 11 năm giáp-thân, thiếu-tướng Brière de l'Isle được

www.songhuong.vn

thăng chức trung-tướng và lại tiếp được hơn 1.000 quân ở bên Pháp sang. Qua tháng chạp ta, trung-tướng mộ non 7.000 phu để tải đồ và đem 7.500 quân, chia ra làm 2 đạo lên đánh Lạng-sơn. Đạo thứ nhất thì thuộc quyền thiếu-tướng De Négrier, đạo thứ nhì thì thuộc quyền đại-tá Giovanninelle.

Con đường đi từ Kép lên Lạng-sơn là đường hẻm trong núi, mà chỗ nào cũng có quân Tàu đóng, cho nên quân Pháp mới dùng kế đánh ngang từ đồn Chũ đánh lại, để lấy đồn Tuần-muội (1). Thiếu-tướng De Négrier trước đã lên đồn Kép, dương thanh-thế tiến binh, rồi lẻn về đồn Chũ đem quân qua đèo Vân, lấy đồn Đồng-sơn tức là đồn Sung, rồi sang lấy Tuần-muội. Quân Tàu đang giữ ở mạn Bắc-lệ, thấy quân Pháp đã chặn mất đường về, liền rút quân chạy. Thiếu-tướng De Négrier đem quân đánh tràn lên đến Lạng-sơn, trưa hôm 29 tháng chạp ta thì lấy được thành. Đánh từ ngày 25 đến 29 tháng chạp, quân Pháp thiệt mất 40 người tử-trận và 222 người bị thương.

Lấy xong thành Lạng-sơn, quân Pháp nghỉ-ngơi mấy ngày, rồi lại tiến lên đánh Đồng-đăng. Quân Tàu chạy phân ra làm hai ngả: một ngả chạy lên Thất-khê, một ngả chạy lên cửa Nam-quan về Tàu. Đến ngày mồng 8 tháng giêng năm ất-dậu (1885), thì thiếu-tướng De Négrier lên đến cửa Nam-quan, truyền phá Ải-quan, rồi trở về giữ Lạng-sơn.

6. THÀNH TUYÊN-QUANG BỊ VÂY. Khi quân Pháp đi đánh mặt Lạng-sơn, thì quân Tàu và quân cờ đen ở mạn sông Hồng-hà và sông Lô-giang lại kéo về đánh Tuyên-quang. Bấy giờ quân Pháp ở trong thành cả thảy độ hơn 600 người, thuộc quyền thiếu-tá Dominé. Từ đầu tháng mười năm giáp-thân (1884), quân cờ đen của Lưu vĩnh

---

(1) Tức là ải Chi-lăng ngày trước.

www.songhuong.vn

Phúc đã kéo về đóng ở gần phủ Yên-bình và phủ Đoan-hùng. Đến tháng 11 thì quân Tàu giữ cả các chỗ hiểm-yếu, để chặn đường không cho quân Pháp ở trung-châu lên tiếp-ứng, rồi Lưu vĩnh Phúc đem quân lên đánh thành Tuyên-quang; đánh mãi đến 15 tháng chạp mới vây được thành. Quân cờ đen dùng đủ kế để phá thành, mà quân Pháp ở trong thành cũng cố hết sức để chống giữ.

Lúc ấy quân Pháp đã lấy được thành Lạng-sơn rồi, trung-tướng Brière de l'Isle liền để thiếu-tướng De Négrier ở lại giữ thành, đến ngày mồng 2 tết đem quân đi đường đồn Chũ về Hà-nội, rồi lập tức lên cứu Tuyên-quang. Ngày 13 tháng giêng năm ất-dậu, thì lên đến Đoan-hùng, rồi sang sông Chảy. Quân Tàu và quân Pháp giao-chiến từ đó cho đến ngày 16, mới giải được vây. Trận ấy quân hai bên thiệt-hại cũng nhiều, nhưng quân Tàu không địch được quân Pháp, phải vội-vàng giải vây mà rút lên mạn ngược.

7. MẤT THÀNH LẠNG-SƠN. Thành Tuyên-quang vừa giải vây xong, thì ở Lạng-sơn lại khởi sự giao-chiến. Quân Tàu tuy đã thua phải bỏ thành Lạng-sơn, nhưng quan đề-đốc Quảng-tây là Phùng tử Tài 馮子材 vẫn đóng đại-đồn ở Long-châu, chực sang đánh lấy lại Lạng-sơn,

Ngày mồng 6 tháng 2 năm ất-dậu (1885), quân Tàu sang đánh Đồng-đăng, thiếu-tướng De Négrier đem quân lên cứu, rồi chực đánh sang Long-châu. Quân Pháp đánh trong 2 ngày, chết hại mất non 200 người. Đến mồng 8, thiếu-tướng rút quân về Lạng-sơn, còn những người bị thương thì đem về đồn Chũ. Quân Pháp đóng ở Lạng-sơn bấy giờ có 35.000 người.

Ngày 13 thì quân Tàu tràn sang đánh Kỳ-lừa, thiếu-tướng De Négrier bị thương nặng, phải giao quyền lại cho trung-tá Herbinger, để chống với quân Tàu. Nhưng bấy giờ quân Tàu sang đông quá, trung-tá phải bỏ thành Lạng-sơn rút về Tuần-muội, rồi về đồn Chũ và đồn Kép.

www.songhuong.vn

Trung-tướng Brière de l'Isle tiếp được tin bại trận ở Lạng-sơn, liền điện cho chính-phủ Pháp để xin tiếp quân sang cứu-viện, và lập tức đi tàu lên đồn Chũ để phòng sự chống giữ.

Quân Tàu lấy được Lạng-sơn rồi chia quân giữ các chỗ hiểm-yếu, chứ không dám đuổi xa. Còn ở mạn sông Hồng-hà, thì quân cờ đen và quân của các quan cựu-thần ta lại về đánh phá ở mạn gần Hưng-hóa và Lâm-thao.

8. HÒA-ƯỚC THIÊN-TÂN. Bên Pháp tiếp được điện-tín của trung-tướng Brière de l'Isle đánh về nói quân Pháp phải bỏ thành Lạng-sơn, thì lòng người náo động cả lên. Thủ-tướng Jules Ferry phải từ chức. Chính-phủ Pháp thấy sự chiến-tranh không lợi bèn ký tờ giao-ước đình-chiến với nước Tàu. Rồi một mặt thì truyền lệnh cho sứ-thần nước Pháp ở Bắc-kinh là ông Patenôtre lập tờ hòa-ước với chính-phủ Tàu; một mặt thì cho quân sang tiếp-ứng Bắc-kỳ và sai trung-tướng Roussel de Courcy làm Thống-đốc quân-dân sự-vụ, trung-tướng Warnel làm tham-mưu tổng-trưởng, cùng với thiếu-tướng Jamont và thiếu-tướng Prudhomme đem hai sư-đoàn sang Bắc-kỳ.

Chính-phủ Tàu thấy chiến-tranh không có lợi, bèn thuận ký tờ hòa-ước, và lập tức sai quan sang Hà-nội truyền lệnh cho quân Tàu phải rút về. Ngày 27 tháng 4 năm ất-dậu (1885) là năm Quang-tự thứ 11, ông Patenôtre và ông Lý hồng Chương 李鴻章 ký tờ hòa-ước, đại-lược nói rằng nước Tàu nhận cuộc bảo-hộ của nước Pháp ở nước Việt-nam, và lại hòa-thuận buôn-bán như cũ. Nước Pháp thì trả lại các chỗ mà hải-quân đã chiếm giữ ở mặt bể, và thuận bỏ cái khoản tiền binh-phí không đòi nữa. Ngay hôm quan hai nước ký tờ hòa-ước ấy ở Thiên-tân, thì hải-quân trung-tướng Courbet phải bệnh mất ở gần đảo Đài-loan. Hải-quân của Pháp cũng chiếu theo điều-ước mà rút quân về.

www.songhuong.vn

CHƯƠNG XIV

LOẠN Ở TRUNG - KỲ

1. *Thống-tướng De Courcy vào Huế*
2. *Triều-đình chạy ra Quảng-trị*
3. *Nguyễn văn Tường ra thú*
4. *Xa-giá các bà Thái-hậu về Khiêm-lăng*
5. *Quân Cần-vương*
6. *Vua Đồng-khánh*
7. *Thống-tướng De Courcy phải triệt về*
8. *Vua Hàm-nghi ở Quảng-bình*
9. *Ông Paul Bert*
10. *Lập Tổng-đốc Toàn-quyền*

1. THỐNG-TƯỚNG DE COURCY VÀO HUẾ. Việc đánh nhau với Tàu xong, thì tức là cuộc bảo-hộ ở nước Nam thành. Nhưng ở các nơi, những quan cũ ta còn chống nhau với quân Pháp, mà ở Huế thì Nguyễn văn Tường và Tôn-thất Thuyết chuyên-chế đủ mọi đường.

Tháng 9 năm giáp-thân (1884), hai ông ấy đem ông Dục-đức giam vào nhà tối, không cho ăn-uống để chết đói, đổ tội cho là thông mưu với giặc. Hai ông ấy lại mộ quân tập lính và lập đồn Tân-sở 新所 ở gần Cam-lộ thuộc tỉnh Quảng-trị, đem đồ báu-ngọc vàng-bạc ra đấy, phòng khi có việc gì thì đem quân ra đó để chống nhau với quân Pháp. Cũng vì các ông ấy có ý muốn kháng-cự, cho nên quân Pháp đã chiếm giữ Mang-cá ở thành Huế và lại bắt bỏ súng đại-bác ở trên thành đi.

www.songhuong.vn

Ngày 18 tháng 4 năm ất-dậu (1885), thống-tướng De Courcy sang tới Bắc-kỳ. Bấy giờ sự hòa-ước với Tàu đã xong, bởi vậy thống-tướng mới định vào Huế bắt Triều-đình ta phải chịu quyền bảo-hộ. Thống-tướng đến Hà-nội đã nói chuyện với các người Pháp và những người Nam ra làm quan với Pháp, đã biết tình-hình ở trong Huế là thế nào. Đến ngày 19 tháng 5 thì thống-tướng đem non 500 quân đi tàu vào Huế. Triều-đình cử hai quan đại-thần theo viên Khâm-sứ Pháp là ông De Champeaux ra đón thống-tướng ở cửa Thuận-an. Sáng hôm sau, thống-tướng cho đòi hai quan phụ-chính sang bên dinh Khâm-sứ để định việc vào yết-kiến vua Hàm-nghi.

Hai ông lúc bấy giờ còn đang lừng-lẫy, việc Triều-chính ở tay mình cả, mà thấy thống-tướng làm sự đường-đột như thế, cũng đã tức-giận lắm, lại cứ như lời mấy ông quan cựu-thần nói chuyện, thì ông Thuyết là quan văn làm tướng võ, nhưng hình-dáng thì không được thanh-tú: đầu thì trọc, người thì béo mà đen, cách đi đứng thì không được chững-chạc, sự giao-thiệp và đối-đáp thì không sành. Xưa nay chỉ lấy quyền-thế mà đè-nén người ta, hơi một tí thì lấy sự chém-giết làm oai. Đến khi phải ra theo lễ bang-giao mà đối với một người tướng ngoại-quốc như ông De Courcy thì trong bụng khiếp-sợ không biết ra thế nào.

Ông Tường thì là một tay giao-thiệp giỏi, lại có nhiều mưu-cơ và tài-nghệ ứng-biến, cho nên lúc ấy chỉ có một mình ông Tường sang ra mắt quan thống-tướng De Courcy mà thôi, còn ông Thuyết thì cáo bệnh không sang. Thống-tướng thấy vậy, bảo đau cũng phải khiêng sang.

Tôn-thất Thuyết thấy quan Pháp ra oai như thế, phần thì tức giận, phần thì sợ, lại nhân lúc bấy giờ mới có điềm động đất, mới nghĩ bụng rằng đấy là điềm trời xui-khiến bên quyết ý sửa-soạn để đánh nhau.

www.songhuong.vn

Thống-tướng De Courcy định đến hôm vào điện yết-kiến vua Hàm-nghi, thì phải mở cửa chính, không những là để quan nước Pháp đi mà thôi, nhưng lại phải để cả quân lính cũng đi vào cửa ấy. Triều-đình thấy điều ấy trái với quốc-lễ, xin để thống-tướng đi cửa giữa, theo như sứ Tàu ngày trước còn quân-lính thì xin để đi cửa hai bên, thống-tướng nhất-định không chịu.

2. TRIỀU-ĐÌNH CHẠY RA QUẢNG-TRỊ. Trưa hôm 22 các quan ở Cơ-mật-viện sang dinh Khâm-sứ xin vào bàn-định cho xong việc đi cửa chính, cửa bên, nhưng thống-tướng De Courcy không tiếp. Bà Từ-dụ Thái-hậu sai quan đem đồ lễ-vật sang tặng thống-tướng, thống-tướng cũng khước đi không nhận.

Các quan thấy thống-tướng làm dữ như vậy, đều ngơ-ngác không hiểu ra ý-tứ gì mà khinh mạn Triều-đình đến như thế. Tôn-thất Thuyết càng thấy thế càng lấy làm tức-giận, thôi thì sống chết cũng liều một trận, họa may trời có giúp kẻ yếu-hèn gì chăng? Ấy là tướng-sĩ lúc bấy giờ ai cũng tưởng như thế, cho nên mới định đến nửa đêm khởi sự phát súng bắn sang dinh Khâm-sứ và đánh trại lính của Pháp ở Mang-cá.

Chiều hôm ấy thống-tướng làm tiệc đãi các quan Pháp. Tiệc vừa tan xong, thì súng ở trong thành nổ ra đùng đùng, rồi những nhà ở chung quanh dinh Khâm-sứ cháy, lửa đỏ rực trời. Quân Pháp thấy bất-thình-lình nửa đêm quân ta đánh phá như vậy, chưa biết ra thế nào, chỉ yên-lặng mà chống giữ. Đến sáng ngày 23 mới tiến lên đánh, thì quân ta thua chạy (1). Nguyễn văn Tường 阮文祥 cho người vào điện tâu xin rước vua và các bà Thái-hậu tạm lánh lên Khiêm-

---

(1) Việc Tôn-thất Thuyết đánh quân Pháp ở Huế, sử ta không nói rõ số quân ta là bao nhiêu. Mà sách Tây có nơi chép là 2 vạn, có nơi chép là 3 vạn. Nhưng cứ những người biết việc ở Huế lúc bấy giờ, thì quân ta cả thảy độ chừng non 2 vạn trở lại, chứ không hơn.

www.songhuong.vn

lăng (2). Khi xa-giá ra gần đến cửa hữu, thì gặp Nguyễn văn Tường đã chực sẵn ở đấy để đi hộ giá, nhưng lệnh truyền cho Nguyễn văn Tường ở lại để thu-xếp mọi việc. Nguyễn văn Tường vâng lệnh trở lại. Xa-giá đi qua làng Kim-long 金龍, lên đến chùa Thiên-mụ, thì Tôn-thất Thuyết 尊室說 đem quân chạy đến truyền rước xa-giá quay trở về Trường-thi (3).

Lúc bấy giờ vương-tôn công-tử, người đi ngựa, kẻ đi chân, dân-gian thì trẻ cõng già, đàn-bà dắt trẻ-con, ai nấy chạy hốt-hoảng tìm đường tránh cho khỏi chỗ binh-đao.

Xa-giá đến Trường-thi vào nghỉ được một lát, thì Tôn-thất Thuyết lại giục lên đường, nói rằng quân Pháp đã sắp đuổi tới. Tối ngày 23, xa-giá vào nghỉ nhà một người bá-hộ, sáng ngày 24 ra đi, đến tối mới tới thành Quảng-trị. Quan tuần-phủ Trương quang Đản (4) ra rước xa-giá vào Hành-cung và đặt quân-lính để phòng giữ.

Trận đánh nhau ở Huế, quân Pháp chết mất 16 người và 80 người bị thương. Sách tây chép rằng quân ta chết đến vài nghìn người, còn bao nhiêu khí-giới lương-thực và hơn một triệu tiền-của đều mất cả.

3. NGUYỄN VĂN TƯỜNG RA THÚ. Ở Huế, cả buổi sáng hôm 23, quân Pháp chiếm lấy thành-trì và giữ-gìn các nơi. Còn quan ta, người thì đi theo xa-giá, người thì ẩn-nấp một nơi, chưa biết thế nào, chưa ai dám ra. Đến trưa hôm ấy, Nguyễn văn Tường 阮文祥 vào ăn cơm nhà ông giám-mục Caspard, rồi nhờ ông ấy đưa ra thú với thống-tướng De Courcy. Thống-tướng cho Nguyễn văn Tường ra ở Thương-bạc-viện, giao cho đại-úy Schmitz và một toán lính Pháp

---

(2) Khiêm-lặng là lăng của vua Dực-tông, có khi gọi là Khiêm-cung cũng là đấy.

(3) Trường-thi thủa bấy giờ ở làng Đa-chữ cách Kinh-thành 10 cây số.

(4) Trương quang Đản trước làm tổng-đốc Bắc-ninh, chống nhau với quân Pháp, sau về Kinh phải giáng xuống tuần-phủ ra giữ thành Quảng-trị.

www.songhuong.vn

phải coi giữ, và hẹn cho trong hai tháng phải làm thế nào cho yên mọi việc.

4. XA-GIÁ CÁC BÀ THÁI-HẬU VỀ KHIÊM-LĂNG. Nguyễn văn Tường viết sớ ra Quảng-trị xin rước xa-giá trở về Kinh để cho yên lòng người. Nhưng lúc ấy vua Hàm-nghi và tam cung là bà Từ-dụ Thái-hoàng thái-hậu, mẹ đức Dực-tông, bà Hoàng-thái-hậu là vợ đức Dực-tông và mẹ nuôi ông Dục-đức, bà Hoàng-thái-phi là vợ thứ đức Dực-tông và mẹ nuôi vua Kiến-phúc, bị Tôn-thất Thuyết 尊室說 gìn-giữ, sớ của Nguyễn văn Tường gửi ra vấn an, ông ấy đem giấu đi không cho vua biết. Ai cũng muốn xin rước xa-giá lên Tân-sở, để lo-liệu sự khôi-phục. Đức Từ-dụ và hai bà Thái-hậu nhất định không chịu đi.

Ngày 27, Tôn-thất Thuyết nghe tin có tàu Pháp sắp đến, bèn xin tam cung ở lại Quảng-trị và xin rước vua lên Tân-sở. Khi sắp đi, vua Hàm-nghi vào lạy ba bà Thái-hậu : tình ly-biệt, nỗi sầu-thảm, kể sao cho xiết ! Vua đi khỏi độ một giờ đồng hồ, thì bọn nội-giám đều trở lại nói rằng Tôn-thất Thuyết không cho đi. Đến ngày 28, thì tam cung mới tiếp được tin của Nguyễn văn Tường ra nói xin rước xa-giá trở về Huế, mọi việc đã thu-xếp xong rồi. Bà Từ-dụ cho người đi rước vua trở lại để cùng về Huế, nhưng tìm mãi không biết vua ở đâu, chỉ tiếp được thư của Tôn-thất Thuyết gửi về nói Nguyễn văn Tường phản-trắc nọ kia, xin đừng có nghe. Người bàn đi, kẻ bàn lại, ai nấy phân-vân chưa biết ra thế nào. Ngày 30 lại tiếp được sớ của Nguyễn văn Tường ra giục xa-giá trở về. Đức Từ-dụ mới quyết ý về Kinh, định ngày mồng 4 thì lên đường, sai quan tuần-phủ Trương quang Đản đem quân đi hộ-giá. Đến chiều tối ngày mồng 5, xa-giá các bà Thái-hậu về đến Khiêm-cung. Nguyễn văn Tường dâng sớ lên thỉnh an và kể tình hình mọi việc.

www.songhuong.vn

Trong khi vua còn đi vắng, thống-tướng De Courcy đặt ông Thọ-xuân 壽春 lên làm giám-quốc, giao quyền Binh-bộ thượng-thư cho viên Khâm-sứ De Champeaux, để bãi việc binh-lính của ta đi, và gọi quan Kinh-lược ở Bắc-kỳ là Nguyễn hữu Độ 阮有度 và quan Tổng-đốc Nam-định là Phan đình Bình 潘廷評 về cùng với Nguyễn văn Tường 阮文祥 coi việc Cơ-mật. Vì hai ông ấy ở Bắc-kỳ đã hiểu mọi việc và đã biết theo chính-sách của bảo-hộ, cho nên thống-tướng đem về để thu-xếp mọi việc cho chóng xong. Nguyễn văn Tường và Nguyễn hữu Độ không hợp ý nhau, Nguyễn hữu Độ lại trở ra Bắc-kỳ.

5. QUÂN CẦN-VƯƠNG. Tôn-thất Thuyết ở Quảng-bình làm hịch cần vương truyền đi các nơi, bởi vậy chỉ trừ những chỗ chung quanh Kinh-thành ra, còn tự Bình-thuận trở ra cho đến Nghệ-an, Thanh-hóa, chỗ nào sĩ-dân cũng nổi lên, đồ cho dân bên đạo gây thành mối loạn, rồi đến đốt phá những làng có đạo. Sách tây chép rằng từ đầu tháng 6 cho đến cuối tháng 8, dân bên đạo phải 8 ông cố và hơn 2 vạn người bị giết.

Thống-tướng De Courcy thấy chỗ nào cũng có loạn cả, bèn trở ra Bắc-kỳ, hội các tướng lại để bàn sự đánh-dẹp. Thống-tướng đã định sai đại-tá Pernot đem 1500 quân ở Huế ra đuổi Tôn-thất Thuyết, lại sai thiếu-tướng De Négrier đem một đạo quân đi từ Thanh-hóa đánh vào. Nhưng chính-phủ ở Paris điện sang không cho thống-tướng khởi sự dùng đại-binh, và lại nhân lúc bấy giờ ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ có bệnh dịch-tả, quân Pháp chết hại đến ba bốn nghìn người, bởi vậy cho nên việc dùng binh phải đình lại.

Ở Huế thì mãi không ai biết vua Hàm-nghi ở đâu. Triều-đình thì mỗi ngày một rối, việc lập vua mới thì tuy rằng đã định rồi, nhưng còn lôi thôi chưa xong.

Đến ngày 27 tháng 7, vừa hết hạn 2 tháng của thống-tướng De Courcy hẹn cho Nguyễn văn Tường, và bấy giờ ở

www.songhuong.vn

Bắc-kỳ lại có nhiều người ghét Nguyễn văn Tường xin thống-tướng đem trị tội. Bởi vậy sang ngày 28, thống-tướng bắt quan nguyên Phụ-chính Nguyễn văn Tường 阮文祥, quan Hộ-bộ thượng-thư Phạm thận Duật 范慎遹 và Tôn-thất Đính 尊室訂 là thân-sinh ra Tôn-thất Thuyết, đem đày ra Côn-lôn. Phạm thận Duật đang đi tàu thì mất, phải ném xuống bể, Nguyễn văn Tường thì sau lại phải đày ra hải-đảo Haiti ở Thái-bình-dương, được ít lâu cũng mất, cho đem xác về chôn ở quê nhà.

6. VUA ĐỒNG-KHÁNH. Thống-tướng De Courcy đày bọn Nguyễn văn Tường đi rồi, đem Nguyễn hữu Độ 阮有度 về cùng với Phan đình Bình 潘廷評 coi việc triều-chính, sai Nguyễn trọng Hợp 阮仲合 ra quyền Kinh-lược ở Bắc-kỳ. Thống-tướng lại sai ông De Champeaux lên Khiêm-cung yết-kiến đức Từ-dụ xin lập ông Chánh-mông 正蒙 là Kiên-giang quận-công lên làm vua.

Ngày mồng 6 tháng 8, ông Chánh-mông phải thân-hành sang bên Khâm-sứ làm lễ thụ-phong, rồi làm lễ tấn tôn, đặt niên-hiệu là Đồng-khánh 同慶.

Vua Đồng-khánh tính hiền-lành, hay trang-sức và cũng muốn duy-tân, ở rất được lòng người Pháp; đình-thần thì nhiều người đã biết theo chính-sách bảo-hộ cho nên mọi việc trong Triều đều được yên-ổn. Nhưng vua Hàm-nghi còn ở mạn Quảng-bình, kéo cờ nghĩa chống nhau với quân Pháp, truyền hịch cần-vương đi các nơi để mong đường khôi-phục. Lúc bấy giờ, lòng người còn tưởng-nhớ chúa cũ, cho nên từ tỉnh Bình-thuận trở ra, chỗ nào cũng có người nổi lên đánh phá để toan bề khôi-phục.

Ở Quảng-nam thì bọn thân-hào lập ra Nghĩa-hội 義會 có quan sơn-phòng-sứ là Trần văn Dự 陳文譽 làm chủ, rồi những tỉnh Phú-yên, Bình-định, Bình-thuận đều noi theo mà nổi lên. Ở Quảng-trị có các ông Trương đình Hội 張廷繪, Nguyễn tự Như 阮自如, ở Quảng-bình có quan nguyên

www.songhuong.vn

tri-phủ là Nguyễn phạm Tuân 阮范遵, ở Hà-tĩnh có cậu ấm Lê Ninh 黎寧 (5); ở Nghệ-an có ông nghè Nguyễn xuân Ôn 阮春溫 và quan sơn-phòng-sứ Lê doãn Nhạ 黎允逞; ở Thanh-hóa có Hà văn Mao 何文旄, v.v. Những người ấy đều xướng lên việc cần vương, đem quân đi hoặc chiếm-giữ tỉnh-thành, hoặc đánh lấy các phủ huyện, và đốt phá những làng có đạo. Ở ngoài Bắc-kỳ thì các quan cựu-thần là quan đề-đốc Tạ Hiện 謝現, quan tán-tương Nguyễn thiện Thuật 阮善述 tụ họp ở Bãi-sậy, rồi đi đánh phá ở mạn trung-châu, còn ở mạn thượng-du, thì chỗ nào cũng có quân giặc Tàu quấy-nhiễu. Bởi vậy quân Pháp phải chia binh ra chống giữ các nơi.

7. THỐNG-TƯỚNG DE COURCY PHẢI TRIỆT VỀ. Thống-tướng De Courcy thấy ở ngoài Bắc có lắm việc, bèn để thiếu-tướng Prudhomme ở lại Huế, rồi ra Hà-nội kinh-lý mọi việc. Nhưng vì thống-tướng tính khổ-khắc và đa nghi, cho nên công-việc càng ngày càng khó thêm. Ở bên Pháp thì có nhiều người không muốn giữ đất Bắc-kỳ, có ý muốn bãi binh. Bởi vậy đến cuối năm 1885 là năm ất-dậu, thủ-tướng nước Pháp là ông Brisson xin nghị-viện thuận cho lấy ra 75 triệu phật-lăng để chi-tiêu về việc Bắc-kỳ. Nghị-viện đặt hội-đồng để xét việc ấy. Hội-đồng định rút quân về và chỉ cho 18 triệu phật-lăng mà thôi. Đến khi đầu phiếu thì đảng theo chính-phủ được 274 phiếu, và đảng phản-đối với chính-phủ được 270, nghĩa là đảng muốn giữ đất Bắc-kỳ chỉ hơn có 4 phiếu. Thủ-tướng Brisson thấy trong nghị-viện có nhiều người không hợp ý mình bèn xin từ-chức.

Ông Freycinet lên làm thủ-tướng, thấy thống-tướng De Courcy ở bên nước Nam làm lắm việc lôi thôi, bèn điện sang triệt về Pháp, giao binh-quyền lại cho trung-tướng

---

(5) Người ở La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, con quan nguyên bố-chính Lê Kiên.

www.songhuong.vn

Warnel, và sai ông Paul Bert là quan văn sang sung chức thống-đốc, để kinh-lý mọi việc ở nước Nam.

8. VUA HÀM-NGHI Ở QUẢNG-BÌNH. Bấy giờ tuy ở Huế đã lập vua Đồng-khánh rồi, nhưng đảng cựu-thần còn có nhiều người theo phò vua Hàm-nghi, quyết chí chống lại với quân Pháp. Quan Pháp bèn sai đại-tá Chaumont đem quân ra đóng ở thành Quảng-bình, để chặn đường không cho đảng Tôn-thất Thuyết thông với Bắc-kỳ. Nhưng ở mạn Thanh-hóa, Nghệ-an, bọn văn-thân đánh phá rất dữ. Đại-tá Chaumont bèn để thiếu-tá Grégoire ở lại giữ thành Quảng-bình, rồi trở về Đà-nẵng lấy thêm binh và tàu chiến đem ra đóng ở thành Nghệ-an, chia quân đi tuần-tiễu các nơi.

Tôn-thất Thuyết thấy thế không chống nổi quân Pháp, bèn bỏ vua Hàm-nghi ở lại đồn Vé, thuộc huyện Tuyên-hóa (tên cũ là Qui-hợp-châu) tỉnh Quảng-bình, rồi cùng với đề-đốc Trần xuân Soạn 陳春撰 đi đường thượng đạo, nói rằng sang cầu-cứu bên Tàu (6).

Vua Hàm-nghi bấy giờ phải ẩn-nấp ở vùng huyện Tuyên-hóa, có các con Tôn-thất Thuyết là Tôn-thất Đạm và Tôn-thất Thiệp cùng với đề-đốc Lê Trực 黎直 và Nguyễn phạm Tuân 阮范遵 (7), hết sức giữ-gìn và đem quân đi đánh phá ở mạn Quảng-bình và Hà-tĩnh.

---

(6) Tôn-thất Thuyết đi đường thượng đạo ra vùng Hưng-hóa rồi theo thượng-lưu sông Đà lên Lai-châu nương-tựa vào họ Điêu. Đến lúc nghe tiếng quân Pháp lên đánh, liền bỏ họ Điêu mà trốn sang Tàu. Con cháu họ Điêu nói chuyện lại rằng: Khi Tôn-thất Thuyết lên đến Lai-châu còn có mấy chục người đi theo. Lên đấy ở một độ, chém giết gần hết. Xem như thế thì ông Thuyết là một người cuồng dại mà lại nhát gan. Một người như thế mà làm đại-tướng để giữ nước, thì tài gì mà nước không nguy được.

Về sau chết già ở Thiều-châu, thuộc tỉnh Quảng-đông.

(7) Sách ông Gosselin chép là Phạm Thuận. Nhưng xét trong sử nước ta thì không có ai là Phạm Thuận, chỉ có Nguyễn phạm Tuân trước làm tri-phủ, sau theo vua Hàm Nghi chống cự với quân Pháp, rồi bị đạn phải bắt. Vậy Phạm Thuận tức là Nguyễn phạm Tuân.

www.songhuong.vn

Tháng giêng năm bính-tuất (1886) trung-tá Mignot đem quân ở Bắc-kỳ vào Nghệ-an, rồi chia làm hai đạo: một đạo thì thiếu-tá Pelletier đem lính tập theo sông Ngàn-sâu vào mạn Tuyên-hóa; một đạo thì trung-tá Mignot tự đem quân đi đường quan-lộ vào giữ thành Hà-tĩnh, rồi vào đóng ở sông Gianh.

Ở Huế lại sai trung-tá Metzniger đem một toán quân ra tiếp-ứng các đạo. Quân Pháp đóng ở chợ Đồn và ở Minh-cầm, rồi trung-tá Metzniger đem ông cố Tortuyaux đi làm hướng-đạo để lên lấy đồn Vé. Thế quân Pháp tiến lên mạnh lắm, quân văn-thân chống lại không nổi, phải tan cả.

Nhưng qua sang tháng hai, ở ngoài Bắc-kỳ có việc, vả lại viên Thống-đốc Paul Bert đã sang đến nơi, chính sách đổi lại cả, cho nên mới triệt các đạo quân về, chỉ đóng giữ ở Quảng-khê, ở Roon và ở chợ Đồn mà thôi. Quân văn-thân thấy quân Pháp rút về, lại trở về đóng ở các đồn cũ.

9. ÔNG PAUL BERT. Ngày mồng 5 tháng 3 năm bính-tuất (1886) viên thống-đốc Paul Bert sang đến Hà-nội. Lập tức đặt phủ Thống-sứ ở Bắc-kỳ và sở kiểm-soát về việc tài-chính. Đến cuối tháng 3 thì thống-đốc vào yết-kiến vua Đồng-khánh ở Huế, và xin lập nha Kinh-lược ở Bắc-kỳ, cho quan Kinh-lược đại-sứ được quyền cùng với phủ Thống-sứ tự-tiện làm mọi việc. Vì rằng ở ngoài Bắc vào đến Huế đường-sá xa-xôi, có việc gì tâu-bẩm vào Bộ mất nhiều ngày giờ lắm, bởi vậy xin cho được tự tiện làm việc, rồi trong một năm độ vài kỳ đem các việc tâu về vua biết.

Thống-đốc Paul Bert ở Huế đến cuối trung tuần tháng 4 lại ra Hà-nội, rồi một mặt thì lo đánh dẹp, một mặt thì mở Pháp-Việt học-đường, lập Thương-nghiệp-cục, đặt lệ đồn-điền. Chủ-ý của thống-đốc là muốn khai-hóa đất Bắc-kỳ ra cho chóng được thịnh-lợi. Nhưng cũng vì thống-đốc phải lo nghĩ nhiều việc, vả lại nay đi kinh-lược chỗ này, mai đi kinh-lược chỗ nọ, thành ra khí-lực suy-nhược đi,

www.songhuong.vn

cho nên mới cảm bệnh nặng, đến ngày rằm tháng 10 năm bính-tuất (11 tháng 11-1886) thì mất. Nhà-nước đem linh-cữu về Pháp mai-táng.

Chính-phủ Pháp sai ông Bihourd sang lĩnh chức thống-đốc thay ông Paul Bert.

10. LẬP TỔNG-ĐỐC TOÀN-QUYỀN PHỦ. Nước Pháp đã lấy đất Nam-kỳ, lập Bảo-hộ ở nước Cao-miên, rồi lại lập Bảo-hộ ở Bắc-kỳ và ở Trung-kỳ, mở ra một cuộc thuộc-địa lớn ở Viễn-đông này; nhưng buổi đầu thì mỗi xứ có một chức thủ-hiến để coi riêng việc chính-trị. Đến năm đinh-hợi (1887), chính-phủ nước Pháp mới đặt phủ Tổng-đốc toàn-quyền để điều-khiển việc chính-trị cả mấy xứ ở nước ta và nước Cao-miên. Tháng 10 năm đinh-hợi (15 tháng 11-1887), thì viên Tổng-đốc toàn-quyền mới, tức là viên Tổng-đốc toàn-quyền trước nhất, là ông Constant sang nhận chức tại Sài-gòn.

Từ đó ở các nơi như Nam-kỳ thì có viên Thống-đốc, Trung-kỳ và Cao-miên thì mỗi nơi có viên Khâm-sứ, Bắc-kỳ và Lào thì mỗi nơi có viên Thống-sứ đứng đầu coi việc cai-trị trong hạt; những việc gì quan-hệ đến chính-sách cả toàn cảnh thì phải theo lệnh viên Tổng-đốc toàn-quyền mà thi-hành.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG XV

VIỆC ĐÁNH - DẸP Ở TRUNG - KỲ VÀ Ở BẮC - KỲ

1. Việc đánh-dẹp ở các nơi
2. Vua Đồng-khánh ra Quảng-Bình
3. Hoàng kế Viêm ra quân thứ mạn Quảng-bình
4. Lập đồn Minh-cầm
5. Vua Hàm-nghi bị bắt
6. Vua Thành-thái
7. Sự đánh-dẹp ở Bắc-kỳ
8. Việc Phan đình Phùng
9. Lòng yêu nước của người Việt-nam

1. VIỆC ĐÁNH - DẸP Ở CÁC NƠI. Trong khi thống-đốc Paul Bert xếp-đặt mọi việc ở Bắc-kỳ, thì ở Trung-kỳ quân Cần-vương ở các tỉnh vẫn đánh phá. Quân Pháp phải tìm cách mà đánh-dẹp cho yên. Ở mạn Bình-thuận, Phú-yên thì thiếu-tá De Lorme và viên Công-sứ Aymonier cùng với Trần bá Lộc 陳伯祿 đem lính tây và lính ở Nam-kỳ ra đánh-dẹp. Trần bá Lộc dùng cách dữ-dội, chém giết rất nhiều, bởi vậy đất Bình-thuận không bao lâu mà yên; rồi đem quân ra dẹp đảng văn-thân ở Phú-yên và Bình-định, bắt được cử-nhân Mai xuân Thưởng 枚春賞, Bùi Điền 裴佃 và Nguyễn đức Nhuận 阮德潤 đem chém. Từ tháng 6 năm bính-tuất (1886) đến tháng 6 năm đinh-hợi (1887), thì những tỉnh ở phía nam đất Kinh-kỳ đã dẹp yên.

2. VUA ĐỒNG - KHÁNH RA QUẢNG - BÌNH. Đất Trung-kỳ từ Quảng-trị trở ra chưa được yên. Vua Đồng-khánh bèn

www.songhuong.vn

định ra tuần thú mặt bắc, để dụ vua Hàm-nghi và những quan đại-thần về cho yên việc đánh-dẹp. Quan Pháp sai đại-úy Henry Billet đi hộ-giá.

Ngày 16 tháng 5 năm bính-tuất (1886), xa-giá ở Kinh đi ra, mãi đến cuối tháng 7 mới tới Quảng-bình. Xa-giá đi đến đâu thì đảng cựu-thần vẫn không phục, cứ đem quân đến chống-cự, cho nên việc vua đi tuần-thú lần ấy, không có kết-quả gì cả. Ra đến Quảng-bình thì vua Đồng-khánh yếu, ở được vài mươi ngày rồi phải xuống tàu đi đường hải-đạo trở về Huế.

3. HOÀNG KẾ VIÊM RA QUẢN THỨ MẠN QUẢNG-BÌNH. Vua Đồng-khánh về Huế được vô sự. Đến tháng 9 vua khai-phục nguyên hàm cho Hoàng kế Viêm 黃繼炎 và phong cho làm Hữu-trực-kỳ An-phủ kinh-lược đại-sứ, được quyền tiện-nghi hành-sự, để ra Quảng-bình dụ vua Hàm-nghi và các quan cựu-thần về. Trong tờ dụ của vua Đồng-khánh ban cho Hoàng kế Viêm đại-lược nói rằng : Nếu vua Hàm-nghi mà thuận về, thì sẽ phong cho làm Tổng-trấn ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ -an và Hà-tĩnh, và lại cấp cho bổng-lộc theo tước vương. Các quan cựu-thần như các ông Trương văn Ban 張文班, Nguyễn Trực 阮直, Nguyễn Chư 阮諸, Lê mô Khải 黎模楷, Nguyễn nguyên Thành 阮元誠, Phan trọng Mưu 潘仲謀, Nguyễn xuân Ôn 阮春溫, Lê doãn Nha 黎允逌, Ngô xuân Quỳnh 吳春瓊, ai về thú thì được phục nguyên chức, cho vào làm quan ở các tỉnh từ Quảng-trị trở vào. Còn như các ông Trần xuân Soạn 陳春撰, Nguyễn phạm Tuân 阮范逡, Phan đình Phùng mà có chịu về thì sẽ tha những điều lỗi trước, và sẽ phong cho chức hàm khác. Những điều ấy đã bàn với viên Thống-đốc Paul Bert, hai bên đã thuận cho như thế, quyết không sai lời.

Bấy giờ quân của quan Đề-đốc Lê Trực 黎直 đóng ở mạn Thanh-thủy, thuộc huyện Tuyên-chánh; quân của Tôn-thất Đạm là con Tôn-thất Thuyết thì đóng ở ngàn Hà-tĩnh, về hạt Kỳ-anh và Cẩm-xuyên. Còn Tôn-thất Thiệp và Nguyễn phạm Tuân thì phò vua Hàm-nghi ở mạn huyện Tuyên-hóa.

www.songhuong.vn

Ông Hoàng kế Viêm ra Quảng-bình, sai người đi dụ ông Lê Trực về. Nhưng các ông ấy cứ nhất thiết không chịu, chỉ có bọn thủ-hạ lác đác vài người ra thú mà thôi. Bởi vậy, việc Hoàng kế Viêm ra kinh-lược cũng không thành công, cho nên đến tháng 5 năm đinh-hợi (1887), lại phải triệt về.

4. LẬP ĐỒN MINH - CẦM. Triều-đình ở Huế thấy dùng cách phủ-dụ không được, bèn để quyền cho người Pháp tìm kế đánh-dẹp.

Người Pháp cũng biết là thế-lực của đảng vua Hàm-nghi chẳng được là bao nhiêu, cốt tìm đường mà chiếm dần địa-thế và mua chuộc những đứa làm tay trong, thì tất thế nào rồi cũng trừ hết được, bởi vậy cho nên không dùng đến đại binh.

Trước đại-úy Mouteaux ở Quảng-bình đã cùng với ông cố Tortuyaux đem quân đi đánh lấy đồn của Lê Trực ở Thanh-thủy, nhưng quân của ông ấy vẫn không tan, cứ đánh phá mãi. Đến tháng giêng năm đinh-hợi (1887), đại-úy Mouteaux đem quân lên lập đồn Minh-cầm 鳴琴 đóng ở mé trên Thanh-thủy. Đại-úy vẫn biết ông Lê Trực là một người có nghĩa-khí, và trong khi hai bên chống cự với nhau không bao giờ ông ấy làm điều tàn-ác, cho nên đại-úy vẫn có ý trọng lắm. Trước đã cho người đưa thư lên dụ ông ấy về thú. Ông ấy phúc thư lại rằng: «Tôi vì vua, vì nước, chết sống cũng một lòng làm cho hết việc bổn-phận, chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa».

Từ khi quân Pháp đóng đồn ở Minh-cầm, các ông Lê Trực và Nguyễn phạm Tuân phải lui lên mé trên. Ông Lê Trực thì ra mạn Hà-tĩnh, ông Nguyễn phạm Tuân thì lên đóng ở làng Yên-lộc về phía nam sông Gianh.

Qua tháng 3, nhờ có người do-thám, biết chỗ ông Nguyễn phạm Tuân 阮范遵 đóng, đại-úy Mouteaux bèn đem quân lên vây làng Yên-lộc, bọn ông Nguyễn phạm Tuân, trong khi bất ý, đều bị bắt cả. Ông Nguyễn phạm Tuân phải đạn bên cạnh sườn, sống được mấy ngày thì mất.

www.songhuong.vn

Quân Pháp tuy đã trừ được ông Nguyễn phạm Tuân nhưng ông Lê Trực hãy còn, và vẫn chưa biết rõ vua Hàm-nghi ở chỗ nào, sau có những người ra thú, mách rằng muốn bắt vua Hàm-nghi thì mưu với tên Trương quang Ngọc 張光玉. Tên ấy là người bản-xứ ở đấy và từ khi vua ra ở vùng ấy nó được vào hầu cận, và lại là một đứa khí-độ tiểu-nhân, thì chắc có lẽ mua-chuộc nó được. Đại-úy định tìm cách để thông với tên Ngọc, cho người đi do-thám, biết tên Ngọc hiện đóng ở làng Chà-mạc, bèn đem quân lên vây làng ấy. Nhưng khi lên đến nơi, tên Ngọc thấy động, chạy thoát được. Đại-úy sai tìm trong làng chỉ thấy có một bà lão, đại-úy bèn đưa cái thư viết cho tên Ngọc, nhờ bà lão ấy đưa cho nó, rồi rút quân về đồn Minh-cầm.

Được mấy hôm kỳ-dịch những làng mê trên về thú ở đồn Minh-cầm, đại-úy đưa cho chánh-tổng những dân ấy mấy lạng thuốc phiện và mấy bì gạo trắng để gửi cho tên Ngọc và nhờ bảo nó dỗ vua Hàm-nghi về. Tên Ngọc nhận những đồ ấy và trả lời xin hết lòng giúp người Pháp, nhưng cần phải để thong thả, sợ việc tiết-lộ ra thì không thành.

Từ đó việc bắt vua Hàm-nghi chỉ trông-cậy vào tên Ngọc. Nhưng bấy giờ có người con thứ Tôn-thất Thuyết là Tôn-thất Thiệp giữ-gìn vua Hàm-nghi một cách nghiêm-mật quá. Tôn-thất Thiệp thề sống chết không để cho quân Pháp bắt được vua. Bởi vậy, hễ ai nói đến sự về thú thì bắt chém ngay, cho nên bọn tên Ngọc tuy đã nhị tâm, nhưng chưa dám hạ thủ.

Ở mé ngoài, thì các ông Lê Trực và Tôn-thất Đạm, nay đánh chỗ này mai phá chỗ kia mà không sao bắt được. Đại-úy Mouteaux đánh đuổi lâu ngày nhọc-mệt, bèn xin về Pháp nghỉ.

5. VUA HÀM-NGHI BỊ BẮT. Qua tháng giêng năm mậu-tí (1888), viên đại-tá coi đạo quân ở Huế ra Quảng-bình, rồi chia quân đi tuần tiễu, để tìm vua Hàm-nghi và đuổi bắt ông Lê Trực và ông Tôn-thất Đạm. Đến tháng

www.songhuong.vn

9 năm ấy, quân-lính mỏi-mệt mà không thành công được. Quân Pháp đã toan rút về giữ những đồn ở gần mạn bể, bỗng dưng có tên suất-đội Nguyễn đình Tình hầu cận vua Hàm-nghi ra thú ở đồn Đồng-cả, phía trên đồn Minh-cầm, và khai rõ tình-cảnh cùng chỗ vua đóng. Người Pháp bèn sai tên Tình đem thư lên dụ tên Ngọc về. Được mấy hôm tên Ngọc và tên Tình về tình-nguyện xin đi bắt vua Hàm-nghi.

Người Pháp truyền cho bọn tên Ngọc phải làm thế nào mà bắt sống được vua Hàm-nghi, còn những người khác hễ ai chống cự, thì cứ giết đi.

Ngày 26 tháng 9, tên Ngọc và tên Tình đem hơn 20 đứa thủ-hạ, người ở làng Thanh-lang và Thanh-cuộc lên vây làng Tả-bảo (1) là chỗ vua Hàm-nghi đóng. Đến độ nửa đêm, khi chúng nó xông vào, thì Tôn-thất Thiệp còn đang ngủ, hoảng-hốt cầm gươm nhảy ra, bị chúng đâm chết. Vua Hàm-nghi trông thấy tên Ngọc làm phản như vậy, cầm thanh gươm đưa cho nó và bảo rằng: « Mày giết tao đi, còn hơn đưa tao về nộp cho Tây ». Ngài vừa nói dứt lời, thì bọn chúng nó có một đứa lẻn ra sau lưng ôm quàng lấy ngài rồi dựt thanh gươm ra. Từ khi ngài bị bắt rồi, ngài không nói-năng gì nữa.

Sáng ngày hôm sau, bọn tên Ngọc võng ngài ra đến bến Ngã-hai, rồi đem xuống cái bè, đi mất hai ngày mới về đến đồn Thanh-lang, nộp cho viên đại-úy coi đồn ấy là ông Boulangier. Đại-úy lập tức đem ngài về đồn Thuận-bài đóng ở tả-ngạn sông Gianh, gần chợ Đồn.

Vua Hàm-nghi bấy giờ đã 18 tuổi, quan Pháp lấy vương-lễ mà tiếp-đãi. Tuy vậy ai hỏi gì, ngài cũng không nói, chỉ nhất-thiết chối rằng mình không phải là vua.

---

(1) Những chuyện nói về việc bắt vua Hàm-nghi là phần nhiều lấy ở trong sách *« Empire d'Annam »* của đại-úy Gosselin, cho nên những tên làng tên đất nói ở đoạn này viết không được đúng dấu. Nhưng đại-đề là những làng mường ở vùng sông Giai, thuộc huyện Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình.

www.songhuong.vn

Nhưng đến lúc vào trong buồng ngồi một mình, thì hai hàng nước mắt chứa-chan, buồn vì nỗi nước đổ nhà tan, thân mình phải nhiều nỗi gian-truân.

Người Pháp đem vua Hàm-nghi xuống tàu về Thuận-an, rồi đem sang để ở bên xứ Algérie, là xứ thuộc-địa của nước Pháp, ở phía bắc châu A-phi-ly-gia, mỗi năm cấp cho 2 vạn rưỡi phật-lăng (2).

Tên Trương quang Ngọc được thưởng hàm lĩnh-binh, tên Nguyễn đình Tình cũng được thưởng hàm quan võ. Còn bọn thủ-hạ, đứa thì được thưởng hàm suất-đội, đứa thì được thưởng mấy đồng bạc.

Tôn-thất Đạm ở ngàn Hà-tĩnh, nghe tin vua Hàm-nghi bị bắt, bèn hội cả bọn tướng-sĩ lại, truyền cho ra thú để về làm-ăn, rồi viết hai bức thư : một bức để dâng vua Hàm-nghi, xin tha lỗi cho mình làm tôi không cứu được vua, và một bức gửi cho thiếu-tá Dabat, đóng ở đồn Thuận-bài xin cho bọn thủ-hạ ra thú. Viết xong thư rồi, Tôn-thất Đạm nói rằng : « Bây giờ người Pháp có muốn bắt ta thì vào tìm thấy mả ta ở trong rừng ! ». Đoạn rồi thắt cổ mà tự-tận (3).

Ông Tôn-thất Thuyết làm đại-tướng mà cư-xử ra một cách rất hèn-nhát không đáng làm người trượng-phu chút nào. Nhưng hai người con thì thật là bậc thiếu-niên anh-hùng, có thể che được cái xấu cho cha vậy.

Quan đề-đốc Lê Trực 黎直 cũng đem hơn 100 quân ra thú ở đồn Thuận-bài. Triều-đình ở Huế xem cái tờ xin ra thú, thấy lời-lẽ của quan đề-đốc cũ nói khảng-khái, không được khiêm-tốn, có ý muốn bắt tội, nhưng người Pháp

---

(2) Hiện nay vua Hàm-nghi còn ở Algérie, và đã lấy một người nước Pháp, được mấy đứa con.

(3) Hai bức thư ấy dịch ra chữ Pháp in ở trong sách « *Empire d'Annam* » của đại-úy Gosselin. Lời-lẽ thì thật là cương-nghị đáng bậc thiếu-niên anh-hùng. Nhưng vì thư ấy đã dịch ra chữ Pháp nếu nay lại theo chữ Pháp mà dịch ra chữ ta thì sợ không đúng với bản chính, cho nên không đem vào đây.

www.songhuong.vn

thấy là một người trung-nghĩa, có lòng quí-trọng, tha cho về yên nghiệp ở nhà.

Ông Tôn-thất Đạm và ông Lê Trực là người phản-đối với nước Pháp lúc bấy giờ, nhưng các ông ấy vì việc nước mà hết lòng làm việc bổn-phận cho nên người Pháp cũng biết lượng tình mà thương-tiếc. Sau ông Lê Trực về ở làng Thanh-thủy, thuộc huyện Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình, người Pháp thường vẫn đi lại thăm-nom và có ý kính-trọng lắm. Người bản-quốc thấy vậy, ai cũng lấy làm cảm-phục.

6. VUA THÀNH-THÁI. Ngày 27 tháng chạp năm mậu-tí là ngày 28 tháng giêng năm 1888, vua Đồng-khánh phải bệnh mất, thọ 25 tuổi, làm vua được 3 năm, miếu-hiệu là Cảnh-tông Thuần-hoàng-đế 景宗純皇帝.

Bấy giờ ông Rheinard lại sang làm Khâm-sứ ở Huế, thấy con vua Đồng-khánh còn nhỏ, và lại nhớ ông Dục-đức ngày trước, khi vua Dực-tông bấy còn, thường hay đi lại với người Pháp, bởi vậy viên Khâm-sứ nghĩ đến tình cũ mà truyền lập ông Bửu Lân là con ông Dục-đức lên làm vua.

Ông Bửu Lân bấy giờ mới lên 10 tuổi, đang cùng với mẹ phải giam ở trong ngục. Triều-đình vào rước ra, tôn lên làm vua, đặt niên-hiệu là Thành-thái, cử ông Nguyễn trọng Hợp 阮仲合 và ông Trương quang Đản 張光憺 làm Phụ-chính.

7. SỰ ĐÁNH-DẸP Ở BẮC-KỲ. Khi nhà Thanh bên Tàu đã ký hòa-ước với nước Pháp ở Thiên-tân rồi, quân Tàu ở nước ta rút về. Nhưng các cựu-thần như quan Tán-tương quân-vụ là Nguyễn thiện Thuật 阮善述 và quan đề-đốc Tạ Hiện 謝現 còn giữ ở vùng Bãi-sậy thuộc Hải-dương cùng với các thổ-hào như Đốc Tít ở vùng Đông-triều; Đề Kiều ở vùng Hưng-hóa; Cai Kinh, Đốc Ngữ ở vùng Phủ-lạng-thương và Yên-thế; Lương tam Kỳ, dư đảng cờ đen, ở vùng chợ Chu; đều nổi lên tương ứng với nhau mà đánh phá. Lúc ấy quan quyền kinh-lược-sứ là ông Nguyễn trọng Hợp 阮仲合 cử quan quyền Tổng-đốc Hải-dương là Hoàng cao Khải 黃高啟 làm chức Tiễu-phủ-sứ đi đánh-dẹp ở vùng Bãi-sậy.

www.songhuong.vn

Hoàng cao Khải đem quân đi đánh riết mấy mặt. Bọn văn-thân người thì tử trận, người thì bị bắt. Nguyễn thiện Thuật chạy sang Tàu, sau mất ở Nam-ninh, thuộc Quảng-tây. Đốc Tít ra hàng, phải đày sang ở thành Alger, bên Algérie. Đề Kiều và Lương tam Kỳ ra thú được ở yên. Cai Kinh bị bắt, Đốc Ngữ ra thú, Hoàng hoa Thám ở Yên-thế cũng ra thú, được giữ ở vùng ấy, mãi đến năm 1909 mới bị đánh đuổi, đến năm 1912 mới bị giết.

Hoàng cao Khải đi đánh-dẹp có công, về được chính-phủ bảo-hộ cho lĩnh chức Bắc-kỳ Kinh-lược-sứ.

8. VIỆC PHAN ĐÌNH PHÙNG. Từ năm kỷ-sửu (1889) là năm Thành-thái nguyên-niên cho đến năm quí-tị (1893) là năm Thành-thái ngũ-niên, đất Trung-kỳ không có việc gì quan-hệ lắm. Các quan cựu-thần, người thì về thú, người thì ẩn-nấp ở chỗ sơn-lâm. Riêng ông Phan đình Phùng thì về mở đồn điền ở Vũ-quang 武光 về phía bắc huyện Hương-khê, thuộc tỉnh Hà-tĩnh, rồi cho người đi sang Tàu, sang Tiêm, học đúc súng đúc đạn, để đợi ngày khởi sự.

Ông Phan đình Phùng 潘廷逢 người tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ đình-nguyên về đời vua Dực-tông, quan làm đến chức ngự-sử bị bọn quyền-thần là Nguyễn văn Tường và Tôn-thất Thuyết cách chức đuổi về. Sau ông ấy đứng đầu đảng văn-thân để chống cự với quân Pháp. Ông không những là một người có tài văn-chương mà thôi, mà lại là một nhà có thao-lược, sửa-sang quân-lính có cơ-ngũ, luyện-tập tướng-sĩ có kỷ-luật, cho nên đại-úy Gosselin làm quyển sách *« Empire d' Annam »* có khen rằng: « Quan Đình-nguyên Phan đình Phùng có tài kinh-doanh việc quân-binh, biết luyện-tập sĩ-tốt theo phép Thái-tây, áo-quần mặc một lối, và đeo súng kiểu 1874, những súng ấy là súng của người quan Đình-nguyên đúc ra thật nhiều mà máy-móc cũng hệt như súng Pháp chỉ vì lòng súng không xẻ rãnh, cho nên đạn không đi xa được ».

Đến cuối trung-tuần tháng 11 năm quí-tị (1893), ông sai người đến vây nhà tên Trương quang Ngọc ở làng Thanh-

www.songhuong.vn

lang, huyện Tuyên-hóa, bắt tên Ngọc chém lấy đầu để báo-thù về việc tên ấy làm sự phản-ác. Từ đó quân của quan Đình-nguyên vẫy-vùng ở mạn Hương-khê, đảng văn-thân cũ lại về tụ-họp ở đấy.

Bấy giờ người Pháp không muốn dùng đại binh sợ náo-động lòng người ở bên Pháp, cho nên chỉ sai quan đem lính tập đi đánh. Đánh từ cuối năm quí-tị (1893) cho đến cuối năm ất-vị (1895) ngót 2 năm trời mà không dẹp yên được, quân-lính chết hại cũng nhiều. Bên Bảo-hộ cũng đã tìm đủ mọi cách, như bảo Hoàng cao Khải viết thư dụ Phan đình Phùng về hàng cho xong cũng không được. Sau cùng Triều-đình ở Huế thấy việc dai-dẳng mãi không yên, mới xin chính-phủ Bảo-hộ để sai quan tổng-đốc Bình-định là Nguyễn Thân 阮神 làm Khâm-mạng tiết-chế quân-vụ đem quân ra tiễu-trừ. Ông Phan đình Phùng lúc bấy giờ tuổi đã già, mà thế-lực mỗi ngày một kém, lại phải nay ẩn chỗ này, mai chạy chỗ kia, thật là lao-khổ vô cùng, bởi vậy khi Nguyễn Thân đem quân ra đến Hà-tĩnh, thì ông đã phải bệnh mất rồi. Nguyễn Thân sai người đuổi đánh, tìm thấy mả, đào lấy xác đem về xin người Pháp cho đem đốt lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn đi. Có người nói rằng việc ấy tuy Nguyễn Thân trước định thế, nhưng sau lại cho đem chôn, vì muốn để làm cái tang-chứng cho đảng phản-đối với chính-phủ Bảo-hộ là quan Đình-nguyên đã mất rồi. Từ đó đảng văn-thân tan-vỡ; ai trốn đi mất thì thôi, ai ra thú thì phải về Kinh chịu tội.

Nguyễn Thân về Kinh được thăng làm Phụ-chính thay cho ông Nguyễn trọng Hợp về hưu.

9. LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM. Người Việt-nam vì hoàn-cảnh, vì tình-thế bắt-buộc phải im hơi lặng tiếng, nhưng lòng ái-quốc mỗi ngày một nồng-nàn, sự uất-ức đau-khổ mỗi ngày một tăng thêm. Cho nên cứ cách độ năm bảy năm lại có một cuộc phiến-động, như sau việc Phan đình Phùng rồi, có việc Kỳ-đồng và việc Thiên-binh vào khoảng

www.songhuong.vn

1897-1898 ở vùng Thái-bình, Hải-dương, Bắc-ninh v.v... Vào quãng năm 1907 ở Hà-nội có việc Đông - kinh nghĩa - thục. Lúc ấy có những người chí-sĩ như Phan bội Châu, Phan chu Trinh, người thì không sợ tù-tội, đứng lên tố-cáo sự tham-nhũng của bọn quan-lại, người thì ra ngoại-quốc bôn-ba khắp nơi để tìm cách giải - phóng cho nước. Năm 1908, ở Trung-Việt, vùng Nghệ-Tĩnh và Nam-Nghĩa có việc dân nổi lên kêu sưu. Ở Hà-nội thì có việc đầu-độc lính Pháp, rồi ở Thái-nguyên, Hoàng hoa Thám lại nổi lên đánh phá.

Khi bên Âu-châu có cuộc đại-chiến thì bên ta lại có việc đánh phá ở Sơn-la và Sầm-nứa và việc vua Duy-tân mưu-sự độc-lập, bị bắt đày sang ở đảo Réunion. Thế là nước Việt-nam bấy giờ có ba ông vua bị đày : vua Hàm-nghi đày sang xứ Algérie, vua Thành-thái và vua Duy-tân đày sang ở đảo Réunion.

Sau cuộc Âu-chiến lần thứ nhất, có toán lính khố xanh nổi lên đánh Thái-nguyên do Đội Cấn, tức Trịnh văn Cấn và ông Lương ngọc Quyến làm đầu. Năm 1927, ở vùng Nghệ-Tĩnh có cuộc phiến-động gây ra bởi đảng Cộng-sản do ông Nguyễn ái Quốc cầm đầu. Đến năm 1930, ở Bắc Việt có cuộc cách-mệnh của Quốc-dân-đảng, có Nguyễn thái Học điều-khiển ở Yên-bái và các nơi. Năm 1940, ở Nam-Việt có cuộc phiến-động ở vùng Gia-định, Hốc-môn v.v. Từ khi có cuộc đại chiến lần thứ hai, nước Pháp bại trận, bị nước Đức chiếm cứ, quân Nhật-bản ở bên Tàu sang đánh Lạng-sơn rồi ký hiệp-ước với người Pháp cho người Nhật được đóng quân ở Đông-pháp. Đến ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945, quân Nhật đánh quân Pháp và giao quyền nội-trị lại cho vua Bảo-đại. Được mấy tháng thì quân Đồng-minh thắng trận, Nhật - bản đầu hàng. Đảng Việt - minh (4) dưới quyền lĩnh-đạo của Nguyễn ái Quốc — đổi tên là Hồ chí Minh — thừa cơ nổi lên cướp quyền, vua Bảo-đại phải thoái-vị và nhường quyền cho đảng Việt-minh.

---

(4) *Việt-minh* 越盟 là tên gọi tắt một đảng cách-mệnh gọi là *Việt-nam độc-lập đồng-minh* 越南獨立同盟 do đảng Cộng-sản lập ra khi còn ở bên Quảng - tây, bên Tàu, để tránh hai chữ Cộng-sản cho người ta khỏi ngờ.

www.songhuong.vn

Đây chỉ nói qua cái đại-lược một đoạn lịch-sử của nước Việt-nam, để dành về sau nhà làm sử sẽ tìm đủ tài-liệu mà chép cho rõ-ràng và phê-bình cho chính-đáng.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

CHƯƠNG XVI

CÔNG - VIỆC CỦA NGƯỜI PHÁP TẠI VIỆT - NAM

1. Đà-nẵng, Hà-nội, Hải-phòng thành đất nhượng-địa
2. Việc kinh-doanh ở các xứ bảo-hộ
TỔNG-KẾT

1. ĐÀ-NẴNG, HÀ-NỘI, VÀ HẢI-PHÒNG THÀNH ĐẤT NHƯỢNG-ĐỊA. Từ khi sự đánh-dẹp ở các nơi đã yên rồi, các viên Tổng-đốc toàn-quyền lần lượt sang kinh-doanh việc Đông-pháp và lo mở-mang về đường chính-trị, kinh-tế và xã-hội theo chính-sách của nước Pháp.

Tháng ba năm mậu-tí (1888) tức là năm Thành-thái nguyên-niên, ông Richaud sang làm Tổng-đốc toàn-quyền. Tháng tám năm ấy, Triều-đình ở Huế ký giấy nhường hải-cảng Đà-nẵng, thành-thị Hà-nội và Hải-phòng cho nước Pháp để làm đất nhượng-địa nghĩa từ đó là việc cai-trị và pháp-luật ở ba thành-thị ấy thuộc về nước Pháp, chứ không thuộc về nước Nam nữa. Trừ ba thành-thị ấy ra, thì việc cai-trị ở các tỉnh trong toàn hạt Bảo-hộ vẫn để quan-lại làm việc như cũ, nhưng phải do người Pháp điều-khiển và kiểm-duyệt.

2. VIỆC KINH-DOANH Ở CÁC XỨ BẢO-HỘ. Cuộc Bảo-hộ đã lập xong, người Việt-nam vì thế bất-đắc-dĩ phải chịu, nhưng phần nhiều người trong lòng còn mong khôi-phục nước nhà, cho nên chính-phủ Bảo-hộ một mặt thì lo việc phòng giữ, một mặt lo mở-mang các công-cuộc kiến-thiết để gây thêm mối lợi. Về đường phòng-giữ, thì chính-

www.songhuong.vn

phủ lập ra những đội binh bảo-an, lấy người bản-xứ làm lính. Những lính ấy đội một thứ nón dẹt có giải xanh và múi thắt lưng xanh, cho nên tục gọi là lính khố xanh. Lính ấy do người Pháp cai-quản ở dưới quyền quan cai-trị người Pháp, cho đi canh giữ các dinh-thự, các công-sở, và cho đi đóng đồn ở các nơi trong vùng thôn-quê, để phòng-giữ trộm cướp. Ở những nơi hiểm-yếu thì có lính Pháp và lính khố đỏ đóng. Lính khố đỏ là một thứ bộ binh người bản-xứ, cách ăn-mặc cũng như lính khố xanh, chỉ khác là quai nón đỏ mà múi thắt lưng đỏ. Những lính ấy có cơ, có đội do sĩ-quan Pháp cai-quản ở dưới quyền nhà binh Pháp. Khi có việc gì quan-hệ thì đem lính Pháp và lính ấy ra đánh-dẹp.

Về việc hành binh và việc thương-mại, thì chính-phủ Bảo-hộ trước hết phải lo sửa-sang và mở-mang thêm đường-sá cho tiện sự giao-thông. Vì rằng có đường thì khi hữu sự, việc đánh-dẹp mới tiện-lợi và việc buôn-bán cũng nhân đó mà được dễ-dàng. Bởi vậy thoạt đầu tiên chính-phủ mở thương-cục, lập xưởng làm tàu thủy chở hàng-hóa và hành-khách đi trong các sông ở trong xứ.

Năm tân-mão (1891), ông De Lanessan sang làm Tổng-đốc toàn-quyền, mở đường xe lửa từ Phủ-lạng-thương lên đến Lạng-sơn, đến năm giáp-ngọ (1894), con đường ấy mới xong. Chủ-đích là để cho tiện sự phòng-giữ ở chỗ biên-thùy.

Chính-phủ Bảo-hộ lại lo mở-mang thêm bờ-cõi về phía Lào. Nguyên đất Lào ngày trước vẫn thần-phục nước Nam. Những nơi như Trấn-ninh, Cam-môn, Cam-cát, v.v. về đời vua Minh-mệnh đã lập thành phủ huyện và đặt quan cai-trị cả. Nhưng về sau nước ta suy-nhược lại có việc chiến-tranh với nước Pháp, cho nên nước Tiêm-la mới nhân dịp mà sang chiếm-giữ lấy. Sau có người Pháp tên là Pavie sang dụ nước Lào nhận sự bảo-hộ của nước Pháp, rồi đến đầu năm quí-tị (1893), quân Pháp sang lấy lại những đất cũ thuộc về nước Nam ta trước. Bấy giờ quân Tiêm-la ở mạn Cam-môn giết mất một người quan binh Pháp, người Pháp bèn sai hải-quân đem hai chiếc tàu chiến vào sông Mê-nam, lên

www.songhuong.vn

đậu ở gần thành Băng-cốc (Baugkok). Ngày 24 tháng 8 năm ấy, nước Tiêm-la phải ký hòa-ước, nhường những đất Lào cho nước Pháp bảo-hộ, hạn trong một tháng phải rút quân đóng ở bên tả-ngạn sông Mékong về, lại phải bồi thường 2 triệu phật-lăng, và phải trị tội những người dám chống-cự với người Pháp.

Người Pháp lập phủ Thống-sứ ở Vientiane để cai-trị các địa-hạt bên Lào.

Năm ất-vị (1895), viên Tổng-đốc toàn-quyền Rousseau sang thay ông De Lanessan, thấy còn nhiều nơi chưa yên bèn vay nước Pháp cho Bắc-kỳ 80 triệu phật-lăng, để chi-tiêu về việc đánh-dẹp và việc mở-mang.

Năm đinh-dậu (1897), ông Doumer sang làm Tổng-đốc toàn-quyền, chỉnh-đốn lại việc tài-chánh và việc chính-trị. Lập ra sổ chi-thu chung cả toàn cảnh Đông-pháp, định các thứ thuế : thuế đinh, thuế điền, thuế thổ, thuế xuất-cảng, nhập-cảng, v.v., và cho người được độc-quyền lĩnh trưng thuế rượu, thuế muối, thuế nha-phiến. Bỏ nha Kinh-lược ở Bắc-kỳ, giao quyền lại cho viên Thống-sứ (tháng 6 năm đinh-dậu 1897) (1), vay nước Pháp 200 triệu phật-lăng, để mở đường hỏa-xa trong xứ Đông-pháp và mở-mang thêm việc canh-nông và việc công-nghệ.

Năm nhâm-dần (1902) ông Doumer về Pháp, ông Beau sang làm Tổng-đốc toàn-quyền. Ông Beau chủ việc khai-hóa dân-trí, lo mở-mang sự học-hành và đặt ra Y-tế-cục, làm nhà bệnh-viện, để cứu-giúp những kẻ yếu-đau nghèo-khổ. Ấy là những công-việc làm của chính-phủ bảo-hộ vậy.

---

(1) Có một điều rất kỳ, là viên Thống-sứ Bắc-kỳ là người đại-biểu chính-phủ Bảo-hộ mà lại kiêm chức Kinh-lược-sứ là một chức quan của Triều-đình ở Huế.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

TỔNG KẾT

Sách VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC này chép đến đây hãy tạm ngừng, để sau có tài-liệu đầy-đủ và các việc biến-đổi ở nước Việt-nam này được rõ-rệt hơn, sẽ làm tiếp thêm (1).

Việc chép lịch-sử cũng như việc dệt vải dệt lụa, dệt xong tấm nào mới biết tấm ấy tốt hay xấu, còn tấm đang dệt, chưa biết thế nào mà nói được.

Ta chỉ biết rằng các dây sợi dệt tấm Nam-sử này còn dài, người dệt tuy phải lúc đau yếu, bỏ ngừng công-việc, nhưng còn mong có ngày khỏe-mạnh lại dệt thêm, có lẽ lại dệt được tốt đẹp hơn, cũng chưa biết chừng.

Mặc dù nước Việt-nam hiện nay được hoàn toàn độc-lập nhưng sự hay-dở tương-lai chưa biết ra thế nào? Song người bản-quốc phải biết rằng phàm sự sinh-tồn tiến-hóa của một nước, là ở cái chí-nguyện, sự nhẫn-nại và sự cố-gắng của người trong nước. Vậy ta phải hết sức mà học-tập, mà giữ cái tâm-trí cho bền-vững thì chắc tương-lai còn có nhiều hi-vọng. Nước Việt-nam ta đã có cái văn-hóa chẳng thua-kém gì ai, và lại có một lịch-sử vẻ-vang, nếu ta biết lợi-dụng cái tiềm-lực cố hữu và cái tính thông-minh hiếu học của ta để theo thời mà tiến-hóa, thì sao ta lại không có ngày nối được

---

(1) Trước tôi đã dự-bị viết một quyển sử nối theo sách này. Tôi đã thu-nhặt được rất nhiều tài-liệu. Chẳng may đến cuối năm binh-tuất (1946) có cuộc chiến-tranh ở Hà-nội, nhà tôi bị đốt cháy, sách-vở mất sạch, thành ra đành phải bỏ quyển sử ấy không làm được nữa.

www.songhuong.vn

cái chí của ông cha mà dệt thêm một đoạn lịch-sử mỹ-lệ hơn trước?

Có một điều thiết-tưởng nên nhắc lại là ta nên giữ lấy những điều hay của ta vẫn có, bỏ những điều hủ-bại đi, và bắt-chước lấy những điều hay của người, để gây lấy cái nhân-cách đặc-biệt của dân-tộc ta và cùng tiến với người mà không lẫn với người. Muốn được như thế, ta phải biết phân-biệt cái hay cái dở, không ham muốn những cái huyền-hão bề ngoài, rồi đồng tâm hiệp lực với nhau mà làm mọi việc cho thành cái hiệu-quả mỹ-mãn.

Nước nào cũng có lúc bĩ lúc thái, đó là cái công-lệ tuần-hoàn của tạo-hóa trong thế-gian. Tự xưa chưa thấy có nước nào cứ thịnh mãi hay cứ suy mãi. Khi làm vào cảnh bĩ mà người trong nước cứ vững lòng giữ được cái nghị-lực để sinh-tồn và tiến-hóa, thì rồi thế nào cũng có ngày chấn-khởi lên được. Vậy chúng ta đây đều là một dòng-dõi nhà Hồng-Lạc, nếu ta biết kiên tâm bền chí, thì há lại không có một ngày ta có cái địa-vị vẻ-vang với thiên-hạ hay sao? Sự ước-ao mong-mỏi như thế là cái nghĩa-vụ chung cả chủng-loại Việt-nam ta vậy.

www.songhuong.vn

NIÊN - BIỂU

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
2879 - 258 trước Tây-lịch kỷ-nguyên	Họ Hồng-bàng	Phục-hi thị (4480-4365 trước Tây-lịch kỷ-nguyên). Họ Phục-hi truyền được 15 đời, cộng là 1260 năm. Thần-nông thị (3220-3080). Họ Thần-nông truyền được 8 đời, cộng là 520 năm. Hiên-viên thị Hoàng-đế (2700-2600). Họ Hiên-viên truyền được 5 đời, cộng là 341 năm mới đến vua Đế Nghiêu. Đào Đường thị Đế Nghiêu (2359-2259). Hữu Ngu thị Đế Thuấn (2256-2208). Hạ (2205-1766). Thương (1776-1122). Chu (1122-256).	
257 - 207	Nhà Thục	Tần (221-206).	
207 - 111	Nhà Triệu	Tây Hán (202 trước Tây-lịch — 8 sau Tây-lịch).	Người La-mã lấy đất Gaule (151 trước Tây-lịch)
111 trước Tây-lịch — 39 sau Tây-lịch	Bắc-thuộc lần thứ nhất	Tây Hán. Tân, Vương Mãng (9-23).	Tướng Jules César bình-định đất Gaule (57-51 trước Tây-lịch)

www.songhuong.vn

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
40-43	Trưng Nữ vương	Đông Hán (25-220)	
43-544	Bắc-thuộc lần thứ hai	Đông Hán	La-mã đế-quốc Auguste xưng đế (30-14 trước Tây-lịch)
187-226	Sĩ Nhiếp		
248	Bà Triệu	Tam-quốc, Đông Ngô (222-265)	
399-413	Giặc Lâm-ấp	Tấn (265-420) Nam Bắc triều : Tống (420-447)	Quân Bắc-dịch (Barbares) chiếm giữ đất Gaule (406 sau Tây-lịch)
		Tề (479-501)	Họ Mérovingiens (481-752)
544-602	Nhà Tiền Lý	Lương (502-556)	
554	Tiền Lý Nam-đế	Trần (557-587)	Clovis I xưng vương ở nước Pháp (481-511)
449	Triệu Việt-vương		
571	Hậu Lý Nam-đế		
602-939	Bắc-thuộc lần thứ ba	Tùy (589-617)	
722	Mai Hắc-đế	Đường (618-907)	Họ Carlovingiens (752-987)
791	Bố-cái đại-vương	Đường Thái-tông (627-650)	Pépin le Bref (752-768)
862	Giặc Nam-chiếu — Cao Biền	Đường Huyền-tông (713-756)	Charlemagne (768-814)
906-923	Họ Khúc	Ngũ-quí (907-959)	Chư-hầu phân tranh từ thế-kỷ thứ IX đến thế-kỷ thứ XIV mới suy
939-944	Nhà Ngô		
945-967	Thập-nhị sứ-quân	Tống (960-1278)	
968-980	Nhà Đinh	Tống Thái-tổ (960-975)	
981-1009	Nhà Tiền Lê		Họ Capétiens (987-1328)
1010-1225	Nhà Lý		
1010	Lý Thái-tổ lên ngôi và dời đô ra Thăng-long		Hugues Capet (987-996)
			Louis VI (1108-1137)

www.songhuong.vn

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1048	Giặc Nông Trí Cao.		
1069	Vua nhà Lý lấy đất Chiêm-thành mở ra đất Quảng-bình, Quảng-trị.		
1073	Lý thường Kiệt đánh Tàu.	Tống Thần-tông (1068 - 1085).	Philippe Auguste (1180-1223)
1225 - 1400	Nhà Trần.		
1225	Trần Thái-tông lên ngôi.		Saint Louis (1226 - 1270)
1257	Quân Mông-cổ đánh Vân-nam tràn sang nước Nam.		
1284	Thoát Hoan đánh nước Nam lần thứ nhất.	Nguyên (1280 - 1341).	Philippe le Bel (1285 - 1314)
1287	Thoát Hoan đánh nước Nam lần thứ hai.	Nguyên Thế-tổ (1280 - 1294).	Mở quốc-hội để giảm quyền Chư-hầu (1302)
1306	Vua Chiêm-thành dâng đất Thừa-thiên.	Minh (1368-1628).	Họ Capétiens, chi Valois (1328 - 1589)
1383	Vua Chế-bồng-Nga đánh kinh-thành Thăng-long.	Minh Thái-tổ (1368 - 1398).	Cuộc chiến-tranh một trăm năm (1338 - 1453)
1396	Hồ quí Ly dời đô vào Tây-đô.		
1400 - 1407	Nhà Hồ.		
1400	Hồ quí Ly cướp ngôi nhà Trần.		
1402	Nhà Hồ lấy đất Chiêm-thành mở ra đất Quảng-nam Quảng-nghĩa.	Minh Thành-tổ (1403 - 1424).	

www.songhuong.vn

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1406	Nhà Minh đánh nhà Hồ.		
1407 - 1427	Thuộc nhà Minh.		Charles VII (1422 - 1461)
1408	Nhà Hậu Trần dấy binh đánh quân Minh.		
1418 - 1427	Lê Lợi khởi nghĩa.		Jeanne d'Arc cứu chúa (1429 - 1431)
1427 - 1527	Nhà Lê	Minh Nhân-tông (1425 - 1426)	Louis XI (1461 - 1483)
1428	Lê Thái-tổ lên ngôi.		
1470	Lê Thánh - tông đánh Chiêm-thành lấy đất Bình-định.	Minh Tuyên-tông (1426 - 1436)	Louis XII (1498 - 1515)
1527 - 1592	Nhà Mạc		François I (1515 - 1517)
1527	Mạc đăng Dung cướp ngôi nhà Lê.	Minh Thế-tông (1522 - 1566)	
1532 - 1788	Nhà Lê trung-hưng		
1532	Nguyễn Kim lập vua Lê ở Ai-lao.		
1543	Nguyễn Kim khôi-phục đất Nghệ-an và Thanh-hóa lập ra Lê Nam-triều.		
1545	Trịnh Kiểm giữ binh-quyền.		
1558	Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa.		
1592	Trịnh Tùng dứt nhà Mạc, khôi-phục kinh-thành Thăng-long.		Họ Capétiens, chi Bourbons (1589 - 1792) Henri IV (1589 - 1610)

www.songhuong.vn

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1611	Nguyễn Hoàng đánh Chiêm-thành lấy đất Phú-yên.		Louis XIII (1610 - 1643) Louis XIV (1643 - 1715)
1627 - 1672	Chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau ở Quảng-bình và Hà-tĩnh.	Thanh(1644-1911). Thanh Thế - tổ (Thuận - trị) (1644 - 1661).	
1692	Chúa Nguyễn lấy hết đất Chiêm-thành vào đến Bình-thuận.	Thanh Thánh - tổ (Khang - hi) (1644 - 1722).	
1698 - 1757	Chúa Nguyễn lấy đất Cao-miên lập ra sáu tỉnh Nam Việt.	Thanh Thế - tông (Ung - chính) (1723 - 1735). Thanh Cao - tông (Càn-long) (1736 - 1795).	Louis XV (1715 - 1774)
1771	Nguyễn Nhạc khởi binh đánh chúa Nguyễn ở Qui-nhơn.		Louis XVI (1774 - 1793)
1775	Chúa Trịnh sai Hoàng ngũ Phúc vào lấy thành Phú-xuân và đất Quảng-nam. Chúa Nguyễn chạy vào Gia-định.		
1776	Anh em ông Nguyễn Nhạc đánh lấy đất Gia-định.		
1778	Nguyễn Nhạc xưng đế ở Qui-nhơn.		

www.songhuong.vn

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1780	Nguyễn-phúc Ánh xưng vương ở Nam Việt.		
1782	Loạn kiêu-binh ở kinh-thành Thăng-long.		
1783	Nguyễn-vương nhờ ông Bá-đa-lộc đem Hoàng-tử Cảnh về Pháp cầu-cứu.		
1784	Nguyễn Huệ phá quân Tiêm-la ở đất Gia-định.		
1786	Nguyễn Huệ lấy thành Phú-xuân rồi ra Bắc-hà dứt họ Trịnh.		
1787	Vũ văn Nhậm đánh Bắc-hà. Nhà Lê mất ngôi.		
1788	Nguyễn-vương ở Tiêm-la về khôi-phục Gia-định.		
1788 - 1802	Nhà Nguyễn Tây-sơn.		
1789	Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng-đế rồi ra phá quân Thanh ở Thăng-long.		Cuộc đại Cách-mệnh (1789). Dân-quốc cộng-hòa lần thứ nhất (1792 - 1804).
1792	Vua Quang-trung mất.	Thanh Nhân-tông (Gia-khánh) (1796 - 1820)	

www.songhuong.vn

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1799	Nguyễn - vương khôi-phục thành Qui-nhơn.		
1801	Nguyễn - vương khôi-phục thành Phú-xuân.		
1802 - 1945	Nhà Nguyễn.		
1802	Nguyễn Thế-tổ (Gia-long) lên ngôi rồi ra đánh lấy Bắc-hà.		Đế - quốc lần thứ nhất (1804 - 1814). Nã-phá-luân I xưng đế (1804).
1819	Nguyễn Thế-tổ mất.		
1820	Nguyễn Thánh-tổ (Minh-mệnh) lên ngôi.	Thanh Tuyên-tông (Đạo-quang) (1821 - 1851)	Họ Capétiens, chi Bourbons trung - hưng (1814 - 1848).
1826	Giặc Phan bá Vành ở Nam-định.		Louis XVIII (1814 - 1824).
1833	Lê duy Lương khởi binh ở Ninh-bình.		Charles X (1824 - 1830).
	Lê văn Khôi khởi ngụy ở Gia-định.		Cuộc cách-mệnh lần thứ hai (1830).
	Nông văn Vân dấy loạn ở Bắc-Việt.		Louis Philippe (1830 - 1848).
1834	Giặc Tiêm-la.		
1835	Lấy nước Cao-miên lập ra Trấn-tây-thành.		

www.songhuong.vn

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1840	Nguyễn Thánh-tổ mất.		
1841	Nguyễn Hiến-tổ (Thiệu-trị) lên ngôi lập lại nước Cao-miên.		
1847	Chiến thuyền của Pháp bắn vào các đồn ở Đà-nẵng.		
	Nguyễn Hiến-tổ mất.		
1848	Nguyễn Dực-tông (Tự-đức) lên ngôi.	Loạn Thái-bình thiên-quốc (1849 - 1864).	Cuộc Cách-mệnh lần thứ ba (1848).
1858	Chiến-thuyền của Pháp và của I-pha-nho đánh Đà-nẵng.	Thanh Văn-tông (Hàm-phong) (1851 - 1861).	Dân-quốc cộng-hòa lần thứ hai (1848 - 1851).
1859	Quân Pháp đánh lấy Gia-định.		Đế-quốc lần thứ hai (1851 - 1870).
1861	Đồn Kỳ-hòa thất-thủ.		Nã-phá-luân III xưng đế (1851).
1862	Hòa-ước nhường ba tỉnh phía đông Nam-Việt.	Thanh Mục-tông (Đồng-trị) (1862 - 1874).	
1864	Lập cuộc Bảo-hộ ở nước Cao-miên.		
1867	Lấy ba tỉnh phía tây Nam-Việt. Phan thanh Giản tự tận.		

www.songhuong.vn

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1872	Đồ-phồ-nghĩa đem thuyền vào Hà-nội.		Phổ Pháp chiến-tranh (1870 - 1871)
1873	Francis Garnier hạ thành Hà-nội. Nguyễn tri Phương tử tiết.		Dân-quốc cộng-hòa lần thứ ba (1870 - 1940)
1874	Hòa-ước trả lại đất Bắc-Việt.	Thanh Đức-tông (Quang-tự) (1875 - 1902)	
1882	Henri Rivière hạ thành Hà-nội. Hoàng Diệu tử tiết.		
1883-1945	Cuộc Bảo-hộ của nước Pháp.		
1883	Vua Dực-tông mất. Hòa-ước nhận cuộc Bảo-hộ.		
1884	Hòa-ước Patenôtre định các thể-lệ Bảo-hộ.		
1885	Tôn-thất Thuyết đánh phủ Khâm-sứ ở Huế.		
1888	Vua Hàm-nghi bị bắt.		
1893	Phan đình Phùng khởi sự ở Hà-tĩnh		

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

SÁCH-DẪN

Số I chỉ Quyển I
Số II chỉ Quyển II
Số A-ráp chỉ số trang

A

A-bát-xích I 149, 150, 152, 154, 157, 158
A-bô-lông (Apollon) II 97
Á-đông II 95
A-lý I 138
A-loa-đài I 126
A-mỹ-lị-gia (Amérique) II 95
A-nỗ II 218, 219
A-nùng I 96
A-phi-lý-gia II 338
Ai-lao I 96, 167, 170, 171; II 221
Ai-lưu I 231
Ái I 146
Ái-châu I 59, 68, 95
Ái-tử II 31, 87
Ải Nữ-nhi I 156, 158
Ải-quan II 140
Alcmène II 233
Algérie II 338, 340
Aymouier II 333
Ayouthia II 85
An-dương-vương I 16, 18, 19, 20, 21, 29, 71
An-giang II 220, 223, 232, 233, 264, 265
An-hải II 254
An-lạc II 66
An-nam I 58, 64, 111, 121, 126, 127, 130, 133, 134, 139, 142, 143, 146, 148, 149, 150, 152, 153, 158, 160, 161, 162, 164, 167, 175, 179, 180, 183, 190, 192, 193, 194, 197, 199, 200, 201, 203, 209, 212, 213, 215, 219, 224, 226, 227, 230; II 16, 38, 51, 52, 53, 130, 136, 137, 139, 178, 297
An-nam chí-lược I 144
An-nam đô-hộ phủ I 3, 58, 111
An-nam quốc I 3, 111
An-nam quốc-vương I 134, 153, 192, 233; II 7, 26, 51, 129, 131, 136
Angmey II 222
An-quốc Thiếu Qui I 33
An-sinh-vương I 121
An-trường II 20, 44
An-viễn tướng-quân I 43
Anh-cát-lợi (Angleterre) II 96, 97, 212, 213, 224, 240, 242, 257, 293, 295
Anh Tề I 33
Áo-lỗ-xích I 152, 153, 157, 158
Áo-môn (Macao) II 95
Aubaret (Ha-ba-lý) II 263, 264
Ản I 14, 22, 23
Ấn-độ II 95

www.songhuong.vn

Âu-cơ I 12
Âu-châu II 95, 342
Âu-la-ba II 95, 97, 98, 223
Âu-lạc I 3, 16, 18, 19, 21, 29, 71

B

Ba-đích-lại I 189, 190
Ba điềm I 160
Ba-lạt II 261
Ba-lấm I 218, 219
Ba-lụy I 194, 230, 231
Ba-thắc II 111
Ba-thục I 11, 16
Ba-vát (Vĩnh-long) II 107
Bá-đa-lộc II 110, 111, 150, 151, 152, 159, 181, 208
Bà-la-môn I 76
Bà-rịa II 260
Bà Triệu I 44
Bà Thắm II 79
Bà Tranh II 79
Bạch-đằng-giang I 68, 90, 156, 157
Bạch-hạc I 193, 194
Bạch xuân nguyên II 206, 207, 209, 211
Bách việt I 12
Bái-đáp giang II 103
Bái-tân I 138
Bãi-sậy II 339
Baldinoti II 99
Balguerie II 181
Ban-lân (Biên-hòa) II 81
Ban Siêu I 76
Bàn-sơn II 131
Bàn-thạch (Thanh-hóa) II 140
Bàn văn Nhị II 274
Bản-triều ngọc phả II 196
Bành Hà I 160
Bành-lợi-ký II 279
Bảo-đại II 342
Bảo-hưng II 144
Bảo-lộc II 125
Bảo-ninh đại-vương I 189
Bảo-quang (tháp) I 119
Battambang II 180
Bạt đạt Gia I 192
Bắc-bình-vương II 125, 131
Bắc-bố-chính II 42, 43, 44, 48, 49
Băng-cốc (Bangkok) II 347
Bắc-đạo I 227
Bắc-giang I 148, 149, 182, 230
Bắc-hà II 122, 123, 124, 162, 164, 165
Bắc-kinh II 316
Bắc-kỳ II 201, 241, 256, 267, 269, 270, 273, 274, 277, 278, 279, 281, 282, 284, 290, 293, 294, 298, 302, 302, 307, 315, 317, 330, 333
Bắc-lệ II 315, 316
Bắc-liêu I 102
Bắc-ninh I 145; II 268, 269, 274, 278, 299, 306, 308, 309
Bắc-quân II 54
Bắc-thành II 141, 170, 172, 173, 174, 176, 177, 178, 192, 197
Bắc-triều II 3, 4, 18, 60
Bất-bạt II 310
Beau II 347
Berger II 317
Berthe de Villers II 300
Bế Nguyễn Cung II 137
Bế Nguyễn Doãn II 137
Bến trà (thuộc Định-tường) II 107
Bi-sơn II 39
Bichot II 308
Biên-hòa II 173, 256, 259, 260, 264
Bihourd II 331
Bi-la-cáp I 61
Bình-định II 158, 159, 160, 172, 204, 267, 327
Bình-định-vương I 216, 218, 219, 220, 222, 223, 224, 225, 227, 228, 230, 232, 234
Bình-hòa trấn II 172
Bình-lỗ II 142
Bình-lục II 24
Bình Ngô đại cáo I 234
Bình tây sát tả II 289

www.songhuong.vn

Bình-than I 195, 203
Bình-thuận II 79, 103, 153, 154, 172, 173, 174, 176, 267, 305, 311, 326, 327, 332
Bình-thư yếu-lược I 139
Bình-văn I 12
Bình-vương I 81
Bonard II 260, 261, 262, 270
Bonet II 301, 304, 305, 307, 308
Bougainville II 224
Boulangier II 327
Bourayne II 278
Bourdais II 259
Bô-cô I 202
Bôn Ma II 86
Bố-cái đại-vương I 59, 60
Bố-chính II 103
Bố-gia-la I 125
Bồ-chính I 13, 100, 106, 222
Bồ-đào-nha (Portugal) II 95, 146, 147
Đồ đề I 175, 200, 228 ; II 66
Bồ-điền I 47, 191
Bồ Kiên I 153
Bố-chính II 75, 77
Brière de l'Isle II 309, 310, 317, 318, 319, 320
Brionval II 304, 305
Bùi ân Niên II 292, 298, 300
Bùi công Thắng II 42
Bùi Bị I 222, 225
Bùi Dự II 292
Bùi đắc Tuyên II 141, 155, 156
Bùi đắc Trụ II 156
Bùi Điền II 333
Bùi huy Bích II 115
Bùi huy Phan II 271
Bùi nguyên Dụ I 61
Bùi mậu Tiên II 196
Bùi sĩ Lương II 45
Bùi thế Dận II 118
Bùi thế Đạt II 63, 69, 106, 115
Bùi thế Toại II 117
Bùi thị Xuân II 163, 164
Bùi văn Khuê II 23, 24, 31, 35
Bùi ứng Đẩu I 201

C

Cai Kinh II 339
Cai-tổng Vàng II 260
Cam-cát II 220
Cam-lộ II 220
Cam-môn II 220, 222
Càn đức I 101
Càn-long II 130, 131, 136, 138
Cảnh-giáo II 98
Cảnh-thịnh II 14
Cao-bá-Quát II 268
Cao-bằng II 7, 25, 29, 30, 35, 36, 37, 40, 49, 52, 53, 124, 130, 204, 205, 271, 272, 273, 310, 313
Cao Biền I 63, 64, 65
Cao-bộ I 224, 225
Cao chính Bình I 60
Cao-miên II 147, 233, 263, 331
Cao Tầm I 65
Cao-vọng I 196
Cao-vương I 64
Caspard II 324
« Catinat » II 240
Cát-bà II 270
Cát Hồng I 75
Cầm-bành I 220
Cầm Quí I 221
Cầm-la II 43
Cầm-lệ II 255
Cầm-giang II 25
Cầm-giàng II 66
Cấm-khê I 40
Cần-bột II 84
Cần-chính II 170, 237, 238
Cần-giờ II 109, 147, 153, 256
Cầu-giấy II 284, 300
Cécile II 233
Cybèle II 181
Cléopâtre II 224
Constant II 331

www.songhuong.vn

Constantin II 98
Constantin Phaulcon II 85
Coronnat II 310
Courbet II 301,305,308,309,316,320
Courson de la ville Héllio II 224
Courtin II 297
Cơ Ngọc I 157, 158
Cố Du (P. Marchand) II 228
Cố sự biên lục II 196
Cồ-lãm I 224
Cồ-lâu I 193
Cồ-loa I 18, 20, 81
Cồ-lộng I 202
Cồ-lụy I 175, 191, 200
Cồ-pháp I 93, 94
Cồ-sở I 224
Côn-lôn I 97 ; II 97, 110, 151, 181, 307, 327
Côn-lôn quan I 104
Côn-man II 83
Cung-định-vương I 175
Cung-tĩnh-vương I 176
Cung-túc-vương I 176
Cung văn Hi I 196
Cù-thị I 33
Cửa Thuận II 281
Cửu-loan II 16
Cửu-chân I 3, 12, 37, 38, 40, 44, 47, 49, 50, 51, 55, 177
Cửu-đức I 12
Chà-mạc II 336
Chà-và II 81
Chaigneau (Nguyễn-văn-Thắng) II 152, 181, 182, 224, 227
Charbonnier II 253
Charles Thomson II 300
Charner II 257, 258, 259, 260, 269
Chánh-mông II 304, 327
Chân-giáo (chúa) I 120
Chân-lạp I 7,49,59,94,104,110,171 ; II 10,80,81,82,83,84,85,86,87,101,179, 201,202,218,219,220,222,231,232
Châu-ái I 61 , II 135
Châu-cầu II 124
Châu-chấu (giặc) II 268
Châu-diên I 12, 39
Châu-đốc II 220
Châu-đốc-đạo II 84
Châu Hoa I 19
Châu Hoan I 61 ; II 135
Châu Khâm I 152, 153, 165
Châu Liêm I 152, 153, 165
Châu-nhai I 37 ; II 45
Châu Nghĩa I 191
Châu Ô I 167
Châu Ồ II 105
Châu Ri I 167
Châu Thăng I 191
Châu Tư I 191
Chất si Da II 110
Chất Tri (Chakkri) II 108, 232, 233
Châu văn Tiếp II 109, 110, 111
Chế ma Ha I 106, 107
Chế a Han I 175, 200
Chế bồng Nga I 175, 176, 177, 178, 179, 182, 183
Chế Cũ I 100, 106
Chế Chi I 167, 168, 169
Chế đà a Bà I 168
Chế Mân I 167
Chế Mộ I 175, 200
Chế Năng I 168
Chi-châu I 59
Chi-la I 202
Chí-linh I 174, 212, 217, 219
Chi-lăng I 90, 139, 193, 230, 231
Chiêm-động I 191, 200
Chiêm-thành I 7, 49, 61, 90, 94, 96, 97, 98, 100, 101, 107, 110, 125, 137, 138, 145, 167, 168, 169, 175, 177, 178, 179, 187, 189, 190, 191, 192, 200 ; II 6, 10, 78, 79, 80, 85, 101
Chiêu-đế I 183
Chiêu-định vương I 181
Chiêu Đốc II 86
Chiêu Nội II 219, 221
Chiêu Sương II 111
Chiêu Tăng II 111

www.songhuong.vn

Chiêu-linh Thái-hậu I 112
Chiêu-thánh công-chúa I 115
Chiêu-thánh Hoàng-đế I 96
Chiêu-thánh Hoàng-hậu I 120
Chiêu Thúy II 86, 87
Chiêu xỉ Khang II 86
Chợ Chu II 339
Chu I 24
Chu-công I 22, 99, 183
Chu công Đán I 13
Chu cổ Đạo I 64
Chu Kiệt I 221
Chu Năng I 194
Chu nguyên Chương I 174
Chu phúc Minh II 255
Chu Thành-vương I 183
Chu văn An I 168, 174
Chu Vũ-vương I 22, 23
Chung-xá II 158
Chúa Hiền II 7, 43, 47, 49, 80, 81, 87, 100
Chúa Sãi II 6, 39, 41, 42, 87, 96, 99
Chúa Trịnh II 113
Chúc-động I 225
Chư cát Địa I 60, 61
Chương-dương I 165
Chương-dương độ I 147, 148

D

Dabat II 338
Dayot II 152, 153
Dã-năng I 55
Dã Tượng I 139
Dạ-trạch I 54
Dạ-trạch-vương I 54
D'Arhaud II 278
D'Ariès II 257, 258
De Conway II 151, 152
De Courcy II 321, 322, 323, 324, 326, 327
De Champeaux II 305, 306, 326, 327
De Chasseloup Laubat II 264
Decrès II 285
D'Estrées II 285
Defoy II 317
De Forçant (Lê-văn-Lăng) II 152
De Kergarion II 181
De la Grandière II 262, 263, 264, 265, 277
De Lanessan II 346, 347
De Lorme II 333
De Montmorin II 151
De Négrier II 309, 310, 316, 317, 318, 319, 326
Despiau II 181
Détring II 310
Di-luân I 178
Diaz II 253
Diego Adverte II 99
Diên châu lộ I 186
Diên-hồng I 138
Diên-khánh II 8,79,107,154,157,160
Diến-điện II 38,86,146,212,213,214
Diễn-châu I 59,177,221,228 ; II 290
Do-thái (Juifs) II 97
Doãn Uẩn II 222, 231, 232, 233
Dominé II 318
Donnier II 317
Doudart de Lagrée II 263, 277
Doumer II 347
Duchesne II 310, 317
Dugenne II 315
Duy-Hội II 49
Duy-Kỳ II 121
Duy-Tân II 35
Duy-tân II 342
Duy-Vũ II 49
Dujardin (la đăng) II 294
Dupré II 280, 281, 284, 286, 287
Dupré Déroulède II 257
Dục-đức II 304
Dương anh Nhị I 109
Dương Bộc I 34, 37
Dương Bột I 192
Dương cát Lợi I 82
Dương chấp Nhất II 18, 30

www.songhuong.vn

Dương Chu I 25
Dương điên Nghệ I 67, 68, 81, 85
Dương Hậu I 81
Dương Hồ II 45
Dương Kiên II 215
Dương Khuông II 114
Dương Khương I 176
Dương ngạn Địch II 81
Dương nhật Lễ I 175
Dương Phiêu I 54
Dương Sàn I 55
Dương tam Kha I 81, 82
Dương Tập I 63
Dư Tĩnh I 97
Dương tú Thanh II 273
Dương Tuyền I 12
Dương tư Húc I 59
Dương tư Tấn I 63
Dương tự Minh I 110
Dực-thánh-vương I 95
Dương Thái-hậu I 87
Dương Trí II 46
Dương văn Nhã II 207, 210
Dưỡng-thiện II 304, 307
Đa-bang I 193, 194
Đa-càng I 220
Đa-lôi I 221
Đà-giang I 170, 222 ; II 310
Đà-giang-lộ I 186
Đà-nẵng II 100, 181, 224, 227, 233, 242, 253, 254, 255, 256, 257, 261, 345
Đái Lương I 44
Đài-loan II 316, 320
Đại-an I 195 ; II 35
Đại-cồ-việt I 3, 86, 111
Đào duy Từ II 39, 41
Đại-đô-đốc Bảo II 132
Đại-đô-đốc Lộc II 132
Đại-hành Hoàng-đế I 89
Đại-la I 64, 186 ; II 22
Đại-lễ I 62
Đại-lịch-quốc I 96
Đại-lý I 97
Đại-mông I 62
Đại-nam I 4, 96
Đại-nam chính biên liệt-truyện II 187, 209
Đại-nạn thiền-sư I 180
Đại-ngu I 189
Đại Nguyên I 130
Đại-tư-mã Sở I 132
Đại-thanh II 37
Đại-Việt I 3, 67, 99, 103, 111
Đại-Việt sử I 128
Đại-Việt sử-ký I 15
Đại-Việt thông-giám II 61
Đại-Vũ I 22
Đạm-nhĩ I 37
Đàm thận Xưởng II 139
Đàm Trung I 230
Đan-Kỹ I 158
Đàn hòa Chi I 51
Đạo-đức kinh I 74, 75
Đảo Cổ-cốt II 109, 111
Đảo-mã-pha I 231
Đảo Thổ-châu II 111
Đào cam Mộc I 94
Đào Hoàng I 47, 48, 49
Đào-lang-vương I 55
Đào nghĩa Giao II 47
Đào quang Nhiêu II 45, 46, 48
Đào tôn Nguyên I 105
Đào tử Kỳ I 160, 161
Đào Trí II 255, 269, 270
Đào văn Địch I 175, 200
Đạt-lỗ-hoa-xích I 129, 130
Đằng-đạm I 61
Đặng Dung I 202, 203, 204, 205
Đặng đình Miễn II 203
Đặng Hạnh II 269
Đặng như Mai II 289
Đặng Nhượng I 38
Đặng Tất I 201, 202
Đặng thị Huệ II 12, 113
Đặng trần Chuyên II 271

www.songhuong.vn

Đặng trần Thường II 157, 163, 170, 182, 183, 184
Đặng văn Chân II 111, 136, 146, 154
Đặng vĩnh Ưng II 210
Đèo Ngang II 305, 306
Đề Kiều II 339, 340
Đế Hiển I 179, 181
Đế-Lai I 12
Đế-Minh I 11
Địa-lý I 100
Địch Thanh I 97
Điêu-diêu I 227
Đinh I 85
Đinh bộ Lĩnh I 83, 85, 86
Đinh công Trứ I 85
Đinh công Trịnh II 203
Đinh Điền I 87
Đinh văn Điền II 240
Đinh văn Giai II 64
Đinh văn Tả II 52, 53
Đinh Lễ I 221, 222, 223, 224, 225, 226, 228
Đinh Liễn I 86
Đinh Liệt I 220
Đinh lịnh Dận II 137
Đinh nhạ Hành II 137, 139
Đinh Tạo II 272
Đinh tích Nhưỡng II 118, 125
Đinh Tiên-hoàng I 85, 87; II 3, 129
Đinh Tiệt I 230
Đinh Tuệ I 87, 88, 89
Đinh thế Đức II 203
Định-tường II 260, 261, 264
Đoàn Chí I 39
Đoàn danh Chấn II 63
Đoàn hữu Ái II 272
Đoàn nhữ Hài I 163, 167, 168, 171
Đoàn tù Thiên I 63, 64
Đoàn tư Bình I 62
Đoàn tư Trực II 272
Đoàn nguyễn Thục II 68
Đoàn Thọ II 274
Đoàn Thượng I 122
Đoàn Trưng II 272
Đô Dương I 40
Đô Lâm II 64
Đô-đốc Mưu II 132
Đô-đốc Tú II 165
Đô-đốc Tuyết II 132
Đông An-nam dinh II 138
Đông-bộ đầu I 137, 142
Đông-chinh-vương I 95
Đông-đạo I 226
Đông-đô I 195, 202, 220, 222, 226
Đông-hải bộ II 37
Đông Hán I 41, 42
Đông-kinh nghĩa-thục II 342
Đông-khẩu-đạo II 84
Đông Ngô I 43
Đông-pháp II 347
Đông-phố II 81
Đông-quan I 202, 212, 223, 224, 225, 226, 227, 228
Đông-quân II 53
Đông Tấn I 48, 144
Đông-triều I 212; II 27, 64, 339
Đồ-bàn I 178, 192; II 106, 107
Đồ-phồ-nghĩa (Jean Dupuis) II 278, 279, 280, 281, 282, 285, 301
Đồ-sơn II 64, 270, 285
Đồ Thư I 18
Độ-gia I 221
Đỗ anh Vũ I 110, 111
Đỗ Bí I 222, 223, 224
Đỗ cảnh Thạc I 82, 83, 86
Đỗ duy Trung I 213
Đỗ Gia I 220
Đỗ yên Gi I 112
Đỗ Lễ I 178
Đỗ Mãn I 189, 190, 192
Đỗ Mục I 38
Đỗ nhàn Trập II 108
Đỗ tồn Thành I 61
Đỗ tuệ Độ I 50
Đỗ tử Bình I 175, 177, 180, 200
Đỗ Thái-hậu I 112

www.songhuong.vn

Đỗ thanh Nhân II 106, 107, 108, 148, 179
Đỗ thế Giai II 65
Đỗ Thích I 87
Đỗ thiên Thứ I 159
Đỗ thủ Trừng I 62
Đỗ Viện I 50
Đỗ Uông II 24, 26
Đỗ Ngữ II 339, 340
Đỗ Tít II 339, 340
Đội Cấn (Trịnh văn Cấn) II 342
Đồn Chữ II 317
Đồn Bảo-lạc II 317
Đồn Đầm II 317
Đồn Kép II 317
Đồn Phùng II 306, 307
Đồn-thủy II 297, 298
Đồng-cả II 327
Đồng-cổ (đền) I 96
Đống-đa II 133
Đồng-hới II 116
Đồng-khánh II 327, 330, 333, 334, 339
Đồng-nai (Biên-hòa) II 80, 81
Động-bộ-đầu I 225
Động Cổ-xung II 17
Động-đình-hồ I 11 ; II 19, 113
Động Kim-lạc II 17
Động Liễu-cát II 17
Động La-phù II 17
Động Tê-phù II 17
Đường I 58
Đường cảnh Tùng II 299, 306
Đường đình Canh II 292
Đường-lâm I 60
Đường ngột Ngải I 145
Đức thắng Đường II 268

E

Echo II 262
« Empire d'Annam » II 340
Espérance II 224
Eugénie II 254
Européen II 262

F

Faure II 152
Favin Lévêque II 233
Forbin II 261
Fournier II 310, 311, 315
Francis Garnier (Ngạc nhi) II 277, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 289, 290

G

Georges Vlavianos II 301
Gia-cát Lượng I 112, 183 ; II 39
Gia-định I 10, 12, 13, 82, 83, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 111, 128, 138, 146, 147, 148, 149, 150, 152, 153, 154, 155, 157, 163, 169, 172, 179, 180, 182, 183, 192, 204, 206, 208, 209, 211, 212, 215, 219, 228, 242, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 264
Gia-định thống chí II 196
Gia-hưng I 222
Gia-khánh II 139
Gia-lâm I 212
Gia-long II 164, 175, 176, 192, 195
Gia-lỗ-tán-lĩnh (Jérusalem) II 97
Gia-tĩnh II 96
Gia-tô II 97, 185, 254
Gia-tô-giáo II 98, 199
Giản-Định-đế I 201, 202, 203
Giao-châu I 3, 43, 44, 47, 48, 49, 50, 53, 54, 56, 58, 59, 60, 61, 63, 64, 65, 66, 67, 71, 72, 77, 103, 111, 199
Giao-Châu-mục I 44, 48
Giao-chỉ I 3, 5, 12, 13, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 47, 50, 201
Giao-chỉ-bộ I 34, 37
Giao-chỉ quận I 111
Giao-chỉ quận-vương I 90, 94
Giám-mục Bình (Mgr Bohier) II 283
Giáp tuất (hòa ước) II 286, 289
Giặc Mường I 121
Giặc Ninh-xá II 64
Giặc Nùng I 96
Giặc Ngân-già II 63
Giovanninelle II 318

www.songhuong.vn

Giốc-gạch II 300
Giu-bi-te (Jupiter) II 97
Gò-công II 148
Gosselin II 340
Guerrier II 313

H

Hà công Thái II 161
Hà hỉ Văn II 147
Hà-hoa I 177
Hà-hồi II 133
Hà-man (động) I 91
Hà-nội II 268, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 287, 290, 292, 294, 297, 298, 300, 313, 316, 319, 342, 345
Hà Quyền II 212
Hà-tiên II 10,82,83,84,85,86,87,88, 110, 147, 177, 178, 210, 220, 264, 265
Hà-tĩnh II 267, 290, 311, 330, 334, 335, 338, 340
Hà-tịnh II 173
Hà thế Lộc II 22
Hà-trung II 20
Hà văn Khai II 292
Hạ I 22, 23
Hạ-dương I 42
Hạ-hồng (Ninh-giang) I 203, 222
Hạ-lang II 52
Hạ-môn II 293
Haiti II 327
Hải-châu II 255
Hải-dương I 144, 145 ; II 20, 24, 55, 62, 64, 125, 132, 203, 271, 275, 278, 281, 283, 285, 290, 294, 305, 308, 309
Hải-ninh II 271
Hải-phòng II 285, 297, 301, 304, 305, 345
Hải-triều I 183
Hải-vân II 39, 116
Hàm-nghi II 312, 322, 323, 325, 326, 327, 334, 335, 336, 338
Hàm-phong II 293
Hàm-tử I 146, 148, 196
Hàm-tử quan I 145, 196, 203
Hán Bình-đế I 38
Hán Cao-tổ I 183, 217
Hán Kiến-Võ I 38
Hán Văn-đế I 30
Hàn Dũ I 131
Hàn Phi I 25
Hàn Quan I 193
Hàn an Quốc I 33
Hàn-vương-tôn phủ II 184
Hàng-châu I 106
Hạng Lang I 87
Hạng Vũ I 183
Hạnh-Thục-ca II 303
Hảo-vọng-giác (Cap de Bonne Espérance) II 95
Hát-giang I 40, 225 ; II 24
Hạt-lỗ I 126
Hát-môn I 40
Harmand II 304,305,306,307,308,311
Hautefeuille II 283
Hắc-bạch I 192
Hắc-long-giang I 126 ; II 139
Hầu Cảnh I 55
Hầu lợi Trinh II 243
Hầu nhân Bảo I 90
Hậu-chủ I 183
Hậu-Lê II 4, 26, 125
Hậu Lý Nam-đế I 55, 56
Hậu Ngô-vương I 82, 86
Hậu Trần I 199, 201, 204, 206
Henri Rivière II 297, 298, 300
Henry Billet II 334
Herbinger II 319
Héroine II 233
Hi-lạp (Grec) II 97
Hiệp-hòa II 303, 304, 306
Hoa-kỳ II 295
Hoa-lư động I 85, 86, 94
Hoa Tiên (truyện) II 178
Hóa-châu I 167, 175, 200, 203
Hóa-giang I 157
Hòa-lan (Hollande) II 95
Hòa Thân II 136, 139

www.songhuong.vn

Hoài-hoan I 12
Hoan-châu I 59, 95, 177
Hoàn-vương-quốc I 60, 61
Hoàng cao Khải II 339, 340, 341
Hoàng công Chất II 63, 66, 67, 68
Hoàng công Kỳ II 67
Hoàng công Phu II 63
Hoàng công Tài II 196
Hoàng công Toản II 68
Hoàng Diệu II 298
Hoằng Tháo I 68
Hoàng đình Ái II 22, 24, 25, 26
Hoàng đình Bảo II 103, 113, 114, 115
Hoàng đình Thể II 69, 103, 104, 116
Hoàng-giang I 182, 195, 196
Hoàng hoa Thám II 340, 342
Hoàng hữu Xứng II 298
Hoàng ích Hiểu II 138, 139
Hoàng kế Viêm II 274, 275, 283, 284, 291, 298, 300, 307, 310, 334, 335
Hoàng kim Qua II 63
Hoàng-mai II 66
Hoàng minh Khánh II 149
Hoàng ngũ Phúc II 63, 64, 65, 66, 103, 104, 105, 106, 115, 183
Hoàng nghĩa Bá II 63, 64
Hoàng nghĩa Giao II 46, 47, 48
Hoàng nghĩa Hiền I 110
Hoàng nghĩa Hồ II 116
Hoàng Phúc I 200, 201, 209, 210, 220, 230, 231, 232, 234
Hoàng phùng Cơ II 103, 104, 118
Hoàng phụng Thế I 182
Hoàng Quỳnh II 212
Hoàng sùng Anh II 274, 275, 290
Hoàng sư Mật I 97
Hoành-sơn II 39, 43, 44
Hoàng Tề II 275
Hoàng Tiến II 81
Hoàng Tịnh II 292
Hoàng-tử Cảnh II 110, 150, 151, 152, 155, 157, 181, 187
Hoàng-tử Thầm I 113
Hoàng Thành I 221
Hoàng Trung I 193, 195, 200
Hoàng văn Hòe II 307
Hoàng văn Trạm II 214
Hoàng Việt văn tuyển I 234
Hoắc Quang I 183
Hồ I 189
Hồ bá Ôn II 300
Hồ chí Minh II 342
Hồ Đỗ I 195
Hồ Hán-Thương I 190, 192, 194, 196
Hồ hưng Dật I 176
Hồ Hữu II 205
Hồ Liêm I 176
Hồ nguyên Trừng I 195, 196
Hồ Oai II 272
Hồ ông I 227
Hồ phi Phúc II 102
Hồ quý Ly I 189, 190, 193, 195, 196, 197, 199 ; II 102
Hồ sĩ Dương II 62
Hồ-tôn I 11
Hồ Thiên II 271
Hồ văn Lân II 108, 179
Hồ-xá II 31, 103
Hồ Xạ I 195
Hỗ-luân-bộ II 37
Hội-an (Faifo) II 89, 96, 104, 110, 151, 160, 161, 223
Hồng-bàng I 3, 11, 13, 15, 16, 71
Hồng Bảo II 272
Hồng Dật II 304
Hồng-giang (tàu) II 278
Hồng-hà I 127, 143, 147 ; II 24, 278, 279, 287, 299, 309, 318, 320
Hồng-lĩnh II 45
Hồng-mao II 181
Hồng Nhâm II 235
Hồng Phì II 306
Hồng tú Toàn II 273
Hốt-tất-liệt I 126, 130, 161 ; II 95
Hợp-phố I 37, 39, 42, 44, 47
Huế II 254, 255, 265, 270, 292, 321

www.songhuong.vn

Huệ Sinh I 77
Huyền Trang I 77
Huyền-Trân Công-chúa I 167
Hung-nô I 76
Hùng Lộc II 79
Hùng-vương I 12, 13, 14, 15, 17, 18, 71
Hứa thế Hanh II 130, 133
Hưng-đạo vương I 131, 137, 138, 143, 144, 145, 146, 148, 149, 150, 152, 153, 154, 155, 156, 158
Hưng-hiếu-vương Ủy I 149, 150, 170
Hưng-hóa II 20, 59, 68, 69, 203, 309, 310, 320, 339
Hưng-võ-vương Nghiễn I 149, 150
Hương-cảng II 278, 279, 293, 294
Hương-giang II 159
Hương-lãm II 66
Hương-úc II 84

I

I-nê-Khu II 98
I-pha-nho II 212, 255, 257, 258, 262, 263, 295
I-ta-ly II 295
Ỷ-lan Thái-phi I 100
Yên-bạc II 317
Yên-bái II 342
Yên-bang I 121
Yên-bắc (Lạng-sơn) II 27
Yên-đường I 121
Yên-kinh II 51, 136, 137, 138, 292
Yên-mã II 22
Yên-phụ I 121
Yên-quang II 36
Yên-quảng II 27
Yên-sinh I 121
Yên-thế II 124, 339, 340
Yên-vương Lệ I 192
Yết Kiêu I 139

J

Jean de la Croix II 96
Jean Rhodes II 99
J. Silvestre II 208
Jamont II 320
«Japon» (tàu) II 263
Jauréguiberry II 256
Jéhovah II 97
Jules Ferry II 320

K

Kergaradec (Kê-la-đích) II 294
Kê-sặt II 281
Ki-cấp I 138, 139, 156, 158
Kỳ-hòa II 258, 259
Kỳ-la I 196
Kỳ-ôn I 237
Kỳ Tin I 217
Kiềm-châu I 170
Kiên-thành II 102
Kiến Đức I 33, 34
Kiến-phúc II 313
Kiến-xương I 222 ; II 203
Kim I 106 ; II 37
Kim Giản II 138, 139
Kim-lăng I 174, 180, 192, 200, 201, 203, 210, 218 ; II 273
Kim-long II 87, 324
Kim-quy I 19, 20
Kinh Bắc I 147 ; II 20, 55, 130, 140
Kinh-dương-vương I 11, 13
Kinh-Kỳ II 270
Kinh-thiên II 121
Kiều binh II 114
Kiều công Hãn I 82, 83
Kiều công Tiễn I 67
Kiều Thuận I 83
Khả-li I 138, 139
Khả-lưu I 221
Khả luân Bố (Christophe Colomb) II 95
Khách (giặc) II 269, 271, 273, 278
Khai-quốc công-nghiệp diễn-chí II 196
Khang-hi II 51
Khánh-hòa II 85, 267, 30[illegible]

www.songhuong.vn

Khâm-châu I 103, 104, 105, 212 ; II 17
Khâm-định tiểu bình lưỡng kỳ phỉ khấu phương lược II 196
Khâm-định thông-giám I 216
Khâm-định Việt-sử I 16, 49, 53, 104 ; II 98, 243
Khâu Hòa I 58
Khiêm-cung II 327
Khiêm-lăng II 272, 323, 325
Khiết-đan I 90
Khoan Triệt I 145
Khôi-sách I 219
Khổng Cấp I 73, 74
Khổng Mạnh II 158
Khổng Minh I 184
Khổng Tử I 25, 72, 74, 99, 111
Khương-thái-công I 61
Khu Liên I 49
Khuất-liêu I 54
Khúc Hạo I 67
Khúc thừa Dụ I 66, 67
Khúc thừa Mỹ I 67
Krantz II 287

L

La-bích II 82
La-hà II 116
La-hộc II 85
La Kiên II 222
La Khải I 179, 183, 189
La-mã (Romain) II 95, 97, 98
« La Paix » (tàu) II 181
Lapierre II 233
La-Sơn phu-tử II 140
La-thành I 94
Lã-tống II 78
Lạc-biên-phủ II 221
Lạc-dương I 76
Lạc-hầu I 13
Lạc-long-quân I 11, 12
Lạc-tướng I 13
Lạc-thủy I 216
Lai thế Chiêu II 69
Lam-giang I 221 ; II 43,44,46,47,48
Lam-sơn I 215, 216, 217, 219
Lạng-giang I 222, 230 ; II 130, 132, 230
Lạng-sơn I 90, 137, 142, 153 ; II 20, 25, 36, 59, 64, 134, 178, 205, 271, 291, 309, 310, 315, 317, 318, 319, 320, 346
Lạng-sơn-phủ I 186
Lãng-bạc I 40
Lãng-khung I 61
Lao-Kay II 275, 278, 297, 315
Lào I 218, 219
Lão giáo I 72
Lão tử I 25, 74, 75
Lâm-ấp I 7, 49, 51, 53, 57, 59
Lâm duy Tiếp II 231, 261
Lâm Hoành II 292, 305
Lâm-bình-phủ I 177
Lâm Sâm II 231
Lâm-thao II 320
Lập Bạo II 31
Lefèbvre II 233
Leheur de Ville-sur-Arc II 254
« le Henri » (tàu) II 182
Le Myre de Vilers II 295, 297, 300
Lê Anh-tông II 5
Lê anh Tuấn II 62
Lê bá Phẩm II 179
Lê bá Tú II 215
Lê bá Thận II 290
Lê Bôi I 223, 227
Lê Cảnh II 26
Lê Cát II 292
Lê Cần II 217
Lê cập Đệ II 20, 21
Lê công Uyên II 15
Lê Cực I 228
Lê Châu II 52
Lê Chất II 158, 160, 161, 162, 164, 183, 187, 209. 213, 214, 215, 217, 218

www.songhuong.vn

Lê Chích I 220
Lê Chiêu-Thống I 123, 137, 138, 139, 140
Lê Chuẩn II 305
Lê Dĩnh II 137
Lê Doãn II 137
Lê doãn Nha II 334
Lê Dụ II 269
Lê Dụ-tông II 10, 100
Lê đục Đức II 214
Lê duy Ân II 137
Lê duy Cần II 124, 125
Lê duy Cự II 268
Lê duy Chức II 62, 68
Lê duy Kỳ II 137
Lê duy Lương II 202, 203, 204
Tê duy Mật II 62, 63, 68, 69
Lê duy Minh II 269
Lê đế Duy-Phương II 10
Lê duy Qui II 62, 68
Lê duy Thanh II 216
Lê đại Cương II 213, 222
Lê Đại-hành I 89, 90, 91
Lê đắc Lực II 207
Lê đăng Doanh II 219
Lê đình Lý II 255
Lê Đĩnh II 240
Lê đức Huy I 232
Lê đức Lộc II 218
Lê Gia-tông II 9
Lê Hán II 139
Lê Hành I 217
Lê Hân I 138
Lê Hi I 62
Lê Hi-tông II 9, 7, 100
Lê Hiến II 46, 47, 48, 49, 52
Lê Hiển-tông I 12
Lê-Hoa I 230
Lê Hòa II 22
Lê Hoàn I 86, 87, 88, 89
Lê Hồng-đức II 177
Lê Huấn I 176
Lê Huyền-tông II 8
Lê hữu Đức II 43, 44
Lê Ý II 15
Lê Ý-tông II 11
Lê Kỵ II 217
Lê Kính-tông II 6
Lê Khôi I 232
Lê Khuyền I 227
Lê Lai I 217
Lê Lý I 231
Lê Linh I 230
Lê Liễu I 216
Lê Long Đĩnh I 91, 92, 94
Lê Long Việt I 91
Lê Lợi I 215, 216
Lê Lựu II 26
Lê Mẫn-đế II 13
Lê mậu Cúc II 203
Lê Mịch I 115
Lê mô Khải II 334
Lê Mục I 134
Lê Nỗ I 222
Lê Ngã I 218
Lê Ngân I 222, 223
Lê Nguyễn I 229
Lê phụ Trần I 128, 153
Lê phụng Hiểu I 95, 123
Lê quang Cảnh I 232
Lê quang Định II 149, 178
Lê quang Tiến II 271
Lê quí Đôn II 62, 106
Lê quý Ly I 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187
Lê qui Thích II 138, 139
Lê Quýnh II 124
Lê quốc Hưng I 227
Lê Sát I 222, 227, 230, 231
Lê Sĩ II 305
Lê sĩ Hậu II 45
Lê sĩ Triệt II 48, 49
Lê Tắc I 144
Lê Tuân I 134
Lê Tuấn II 274, 275, 278, 280, 281, 284, 286, 287, 292

www.songhuong.vn

Lê Tùng II 138
Lê Thạch I 216, 219
Lê Thái-hậu I 110
Lê Thái-tổ I 15 ; II 129, 279
Lê Thần-tông II 6, 8, 99
Lê Thận I 223
Lê thảo Trịnh II 30
Lê thế Tông II 5
Lê thị Sai II 217
Lê thiếu Dĩnh I 232
Lê Thụ I 227, 230
Lê Thuần-tông II 11
Lê Thuận II 268
Lê Thức II 138
Lê Thường II 217
Lê Trang-tông II 4
Lê Trăn I 219
Lê Trung II 154, 155, 158
Lê trung Hưng II 3, 53, 54, 59
Lê Trung-tông I 91 ; II 4
Lê Trừ II 5, 19
Lê Trực II 334, 335, 336, 338, 339
Lê Trương II 217
Lê văn An I 223, 231
Lê văn Cầu II 107, 146, 149, 153
Lê văn Duyệt II 160, 161, 162, 164, 180, 183, 187, 206, 208, 209, 210, 211, 215, 216, 217, 218
Lê văn Điếm II 300
Lê văn Điềm II 162
Lê văn Đức I 202, 204 205, 222, 231
Lê văn Hán II 209, 215
Lê văn Hiếu II 42, 43, 44
Lê văn Hưu I 15, 40, 124, 128
Lê văn Khôi II 204, 206, 207, 208, 209, 210, 211
Lê văn Linh I 223
Lê văn Minh II 148
Lê văn Quân II 107
Lê văn Thanh II 158
Lê văn Thịnh I 101, 106
Lê văn Thụy II 220, 221
Lê văn Trương II 138, 139
Lê Xuân II 269
Lý I 93
Lý An I 221
Lý Anh-tông I 110
Lý Bân I 213
Lý Bí I 53
Lý Bôn I 51, 53
Lý Cao-tông I 112, 113, 184
Lý Cầm I 42
Lý công Tín I 110
Lý công Uẩn I 92, 93, 94
Lý Chiêu-hoàng I 15, 115, 129
Lý duy Chu I 63, 64
Lý dương Tài II 291
Lý đại Quyền I 55
Lý đạo Thành I 101
Lý Giác I 106
Lý Hằng I 145, 149
Lý Hộ I 62
Lý hồng Chương II 273,310,311,320
Lý hợp Thắng II 270
Lý Huệ-tông I 114
Lý Ỷ I 192, 193
Lý Kỳ I 234
Lý kính Tú I 112
Lý Khánh I 230, 231
Lý Khánh Văn I 94
Lý Khắc-Chính I 67
Lý Khôi I 24
Lý Khuê I 83
Lý Lượng I 225
Lý Nam-đế I 47, 53, 54, 55
Lý nhân Nghĩa I 95
Lý Nhân-tông I 100, 105
Lý nguyên Cát I 174
Lý phật Tử I 55, 56
Lý-phổ Đỉnh I 55
Lý Quán I 149, 150
Lý Tài II 103, 105, 106, 107
Lý Tiến I 42, 67
Lý tú Thành II 273
Lý tử Cấu I 201
Lý tự Thành II 38

www.songhuong.vn

Lý Thái-tông I 95, 96, 98, 99, 123
Lý Thái-tổ I 93, 94
Lý Thánh-tông I 99, 111
Lý Thần-tông I 109, 110
Lý thiên Bảo I 55
Lý thường Kiệt I 103, 104, 105, 106, 107, 166
Lý Trác I 61
Lý Triện I 222, 223, 224, 225, 226, 228
Liêm-châu I 103, 104, 105
Liên-tri (đồn) II 255
Lịch-triều hiến-chương I 124
Lịch-triều hiến-chương địa-dư-chí I 226
Lịch-triều hiến-chương văn-tịch-chí I 210
Linh-đức-vương I 182, 184
Linh-giang II 4, 39, 40, 44, 48, 49, 103, 116, 163, 164
Linh-mục Đăng (Dangelzer) II 283
Linh-quỳnh II 84
Lĩnh-nam I 63
Liệt tử I 74
Liệt thánh thực lục tiền biên II 196
Liêu-tây II 37
Liễu Thăng I 196, 230, 232
Lorient II 150
Louis XIV II 85, 186
Louis XVI II 151
Louis XVIII II 181, 224
Louis Philippe II 228
Lô-giang II 310, 318
Lộ bác Đức I 34, 37, 71
Lộc-châu I 138, 139, 158, 193
Lộc-dã (Đồng-nai) II 81, 148
Lộc Tục I 11
Lôi-lạp II 83
Lỗi-giang I 196, 218, 223, 225
Long-biên I 47, 53, 55
Long Cán I 112
Long-châu I 194
Long-độ đình-hầu I 43
Long-hưng I 158
Long-nữ I 11
Loa-thành I 18, 19, 20
Lỗ-vương I 182
Long-xuyên II 107, 147
Long Xưởng I 112
Luận-ngữ diễn-ca II 239
Lục-châu I 58
Lục Dận I 44, 47
Lục Giả I 29, 30, 31
Lục-hải I 12
Lục-hợp I 42
Lục-nam II 317
Lục thắng Đường II 268
Lung-giang I 225
Lư-sơn I 217, 219
Lữ Đại I 44
Lữ Đường I 83
Lữ Gia I 33, 34
Lữ-hậu I 30
Lữ Nghị I 200, 201
Lương hữu Khánh II 18
Lương-giang I 182
Lương Minh I 230, 231
Lương nhữ Hốt I 213, 220, 227
Lương ngọc Quyến II 342
Lương tam Kỳ II 339, 340
Lương Tằng I 160
Lương văn Lợi II 274
Lưu Ẩn I 66, 67
Lưu Bang I 29
Lưu Bị I 184
Lưu Cung I 67
Lưu Dụ I 50
Lưu Gi I 103
Lưu khánh Đàm I 109
Lưu Long I 39
Lưu nhân Chú I 222, 230
Lưu phúc Tường II 161
Lưu Phương I 56, 57, 58, 60
Lưu quốc Kiệt I 161
Lưu Tin II 207
Lưu Trừng I 90
Lưu vĩnh Phúc II 274, 275, 284, 299, 300, 306, 317, 318, 319

www.songhuong.vn

M

Ma-linh I 100, 106
Magellan II 95
Maybon II 96
Marchand II 208
Marco Polo II 95
Matheron II 253
Mã Anh I 224, 234
Mã-cao II 77
Mã-giang II 15, 20
Mã Kỳ I 213, 217, 224, 225, 234
Mã-lai I 49 ; II 146, 255
Mã Viện I 39, 40, 41
Machault II 97
Mạc Cửu II 82, 85
Mạc đăng Dung II 4, 15, 16, 17, 25
Mạc đăng Doanh II 4, 16
Mạc đĩnh Chi I 128, 165, 168
Mạc đôn Nhượng II 22
Mgr de Bonnechose II 254
Mạc kính Cung II 25, 27, 35, 36, 37, 53
Mạc kính Chỉ II 24, 25, 27
Mạc kính Chương II 27
Mạc kính Dụng II 27
Mạc kính Điển II 20, 21, 22, 24
Mạc kính Khoan II 36, 37, 52, 53
Mạc kính Vũ II 52, 53
Mạc mậu Hợp II 5, 20, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 31, 53
Mạc ngọc Liễn II 21, 22, 23, 24, 25
Mạc phúc Hải II 4, 16, 17, 19
Mạc phúc Nguyên II 4, 19, 20
Mạc Toàn II 24, 25
Mạc thiên Tứ II 82, 83, 86, 87
Mạc văn Tô II 148
Mạch tấn Giai II 208
Mai Hắc-đế I 59
Mai-lĩnh I 166
Mai Thiện II 271
Mai thúc Loan I 59
Mai văn Hoan II 78
Mai xuân Thưởng II 333
Mang-cá II 321
Man-châu I 59
Man-hao II 281
Mãn-châu bộ II 37
Mạn-hòe (Mannuel) II 108
Mạnh Kha I 73, 74
Mao bá Ôn II 16
Mặc Địch I 25
Mân-giang II 316
Màn-thit II 111
Màn-việt I 33
Mẫn văn Liên II 45, 47
Mật Ôn I 179
Méduse II 152
Ménésis II 255
Metzniger II 330
Mê-Kông II 80, 84, 260, 261, 277, 347
Mê-linh I 39, 41
Mị-Châu I 19, 20
Mị È I 98
Mị-nương I 13, 15, 17
Mỹ-động I 228
Mỹ-làm quận-chúa II 233
Mỹ-lợi-kiền II 242
Mỹ-tho II 81, 111, 145, 147, 259, 264
Mibielle II 317
Miche II 263
Mignot II 327
Millot II 278, 279, 280, 309, 310, 311, 313, 315, 316, 317
Minh I 180, 192, 199, 202, 209, 213, 221, 226, 228, 231 ; II 16, 17, 26
Minh-cầm II 335
Minh-hương II 81
Minh-mệnh II 185, 188, 189, 192, 195, 196, 197, 202, 203, 207, 208, 212, 213, 292, 346
Minh-bột di-hoán văn-thảo II 196
Minh-đức đại-vương I 181
Minh-lương-khải cáo-lục II 196
Minh Thái-tổ I 175, 180, 200
Minh Thành-tổ I 192, 193

www.songhuong.vn

Mọi Đả-vách II 273
Monteaux II 335, 336
Montigny II 254, 257
Mô-độ I 201
Mô-xoài (Bà-rịa) II 80
Mộ-dạ (núi) I 20
Mộc-phàm-giang I 195
Mộc Thạnh I 194, 195, 196, 201, 203, 204, 209, 230, 232
Mòng-cổ I 121, 125, 126, 128, 129, 130, 131, 137, 142, 143, 150, 158; II 79
Mòng-huề I 61
Mòng-Kha I 126
Mòng thế Long I 63
Mòng-xá I 61
Mục-sơn II 124
Muộn-hải I 195

N

Nã-phá-luân II 181, 277
Nã-phá-luân đệ tam II 254, 262
Nam Bắc-triều I 50; II 13
Nam-bình-vương I 90, 94, 106
Nam-bố-chính II 40, 43, 48, 106
Nam-chiếu I 59, 61, 62
Nam-chưởng (Luang-Prabang) II 221
Nam-đạo I 227
Nam-định II 283, 299, 300, 301
Nam-hải I 18, 19, 29, 37, 47
Nam Hán II 3
Nam-Kỳ II 205, 220, 231, 232, 241, 256, 257, 258, 260, 262, 263, 264, 270, 277, 278, 280, 286, 295, 300, 301, 305, 312
Nam-kỳ sử-ký (Histoire de la Cochinchine) II 254, 255
Nam-kinh II 293
Nam-ninh II 137
Nam-quan I 134, 218; II 16, 17, 26, 54, 134, 176, 318
Nam-sử II 99
Nam-tấn-vương I 82, 86
Nam-tống I 106
Nam-triều II 3, 4, 18
Nam-vang II 80, 82, 83, 87, 220, 222, 232
Nam Việt I 19, 21, 26, 29, 30, 34, 47, 49, 54, 56, 71; II 80, 84, 89, 150, 178, 249
Nam-việt-đế I 53
Nam-việt-vương I 86
Nặc Đôn II 83
Nặc Hiên II 83
Nặc In II 108
Nặc Yếm II 83
Nặc Non II 86, 87
Nặc Nguyên II 83, 84
Nặc Nhuận II 84
Nặc ông Ấn II 179
Nặc ông Chân II 80, 179, 180, 220, 222, 223, 264
Nặc ông Đài II 80
Nặc ông Đôn II 180, 223, 232, 233
Nặc ông Yêm II 82, 83
Nặc ông Lem II 180
Nặc ông Nộn II 80, 82
Nặc ông Nguyên II 180
Nặc ông Tôn II 179, 263
Nặc ông Tha II 83
Nặc ông Thâm II 82, 83, 179
Nặc ông Thu II 80, 81, 82, 83
Nặc ông Vinh II 179
Nặc Tôn II 84, 86, 87, 108
Nặc Thâm II 85
Ninh-ba II 293
Ninh-bình II 283, 307
Ninh-cường II 98
Ninh-giang I 223
Ninh-hải I 12; II 294
Ninh-kiều I 223, 224, 225
Ninh-xá II 62, 63
Norodom (Nặc-ông-Lân) II 259, 263, 264
Nỗ-nhĩ Cấp-xích II 37
Nội-hầu Lân II 132
Nông-cống I 44, 182
Nông hùng Thạt II 270

www.songhuong.vn

Nông văn Vân II 202, 204, 205
Nùng tồn Phúc I 96
Nùng trí Cao I 96, 97
Nùng trí Thông I 96
Nữ-chân II 37
Nga-lạc I 216
Ngạc-châu I 151
Ngạn Địch II 81
Ngã-hai II 337
Ngọa-long-cương II 39
Ngọa-triều I 92
Ngọa-vân-sơn II 64
Ngọc Bảo II 30
Ngọc Tú II 32
Ngọc-Hân công-chúa II 121, 141
Ngọc-hồi II 133
Ngọc-sơn I 145
Ngọc-Vân công-chúa II 222
Ngô I 81
Ngô Bệ I 174
Ngô cảnh Hữu II 22
Ngô Côn II 273, 274
Ngô đình Hàm II 31, 35
Ngô nhân Tĩnh II 157, 164
Ngô nhật Khánh I 83
Ngô Quyền I 67, 68, 71, 81
Ngô Sĩ-Liên I 15
Ngô tam Quế II 38, 52
Ngô Tạo II 24
Ngô Tôn-Quyền I 44
Ngô tùng Chu II 149, 159, 160, 162
Ngô tử An I 91
Ngô thời Nhậm II 125, 131, 135, 140, 170
Ngô thời Sĩ II 62
Ngô văn Lân II 135
Ngô văn Sở II 124, 125, 130, 135, 136, 154, 155, 156
Ngô xương Xí I 82
Ngô-vương Quyền I 85 ; II 3
Ngô xuân Quỳnh II 334
Ngô xương Ngập I 81, 82
Ngô xương Văn I 81, 82
Ngô-lương-hợp-thai I 126, 127
Ngu-giang I 182
Nguyên I 133, 147, 151, 154, 155, 159, 166
Nguyên Định-tông I 126
Nguyên Hiến-tông I 126
Nguyên Thái-tông I 126
Nguyên Thành-tông I 161
Nguyễn ái Quốc II 342
Nguyễn bá Linh I 153
Nguyễn bá Nghi II 258, 259, 260, 269
Nguyễn bá Quỳnh II 31, 78
Nguyễn Bao II 155
Nguyễn Bảo II 154, 157
Nguyễn Bặc I 86, 87
Nguyễn Bằng II 114
Nguyễn Biểu I 204
Nguyễn bỉnh Khiêm II 19, 30
Nguyễn cảnh Dị I 202, 203
Nguyễn cảnh Chân I 202
Nguyễn công Hãng II 56, 62
Nguyễn công Nhàn II 259
Nguyễn công Nhân II 232
Nguyễn công Tiến II 218
Nguyễn công Thái II 63
Nguyễn công Trứ II 202, 203, 204, 205, 231, 232
Nguyễn cư Trinh II 83, 84
Nguyễn Cử II 62, 63, 64, 67
Nguyễn cửu Đàm II 87
Nguyễn cửu Phú II 83
Nguyễn cửu Vân II 82
Nguyễn chế Nghĩa I 156
Nguyễn Chính II 298
Nguyễn Chư II 334
Nguyễn chương Đạt II 206
Nguyễn danh Phương II 63, 66, 67
Nguyễn danh Thế II 41
Nguyễn Diên II 63, 64
Nguyễn Du II 62, 178
Nguyễn Duệ II 122
Nguyễn Duy II 259
Nguyễn duy Điền II 290

www.songhuong.vn

Nguyễn duy Đức I 62, 63
Nguyễn duy Thi II 40
Nguyễn Dương I 110
Nguyễn dương Lâm II 80
Nguyễn đa Cấu I 218
Nguyễn đa Phương I 179, 182
Nguyễn đại Phạp I 160
Nguyễn đạo Thanh I 94
Nguyễn Đặc I 217
Nguyễn đăng Giai II 267, 268
Nguyễn Điều II 114, 240
Nguyễn đình Chính II 196
Nguyễn đình Đắc II 160
Nguyễn đình Miên II 138, 139
Nguyễn đình Phái II 80
Nguyễn đình Phổ II 204, 205
Nguyễn đình Tình II 337, 338
Nguyễn đức Hậu II 240
Nguyễn đức Huân I 230
Nguyễn đức Nhuận II 182,203,333
Nguyễn đức Xuyên II 148
Nguyễn Hanh II 203
Nguyễn-hải (cửa Thuận-an) II 161
Nguyễn hy Chu I 196
Nguyễn Hiệp II 240
Nguyễn Hoan II 292
Nguyễn Hoàn II 62
Nguyễn Hoàng II 6, 30, 31, 32, 35, 38, 39, 78, 79, 87, 99, 101
Nguyễn hoằng Dụ II 17
Nguyễn Huân I 213
Nguyễn Huệ II 105, 107, 108, 109, 111, 115, 116, 117, 118, 121, 122, 123, 124, 128, 129, 135, 145, 146, 170
Nguyễn huy Tự II 178
Nguyễn huỳnh Đức II 153,154,158
Nguyễn hữu Cầu II 63,64,65,66,67
Nguyễn hữu Chính II 13
Nguyễn hữu Chỉnh II 105, 115, 116, 117, 121, 122, 123, 124, 128
Nguyễn hữu Dật II 39, 41, 42, 44, 45, 46, 47, 48
Nguyễn hữu Doãn II 83
Nguyễn hữu Đăng II 52
Nguyễn hữu Độ II 291, 298, 299, 326, 327
Nguyễn hữu Kính II 79, 81, 82
Nguyễn hữu Liêu II 21, 23, 26
Nguyễn hữu Nghi II 183
Nguyễn hữu Tiến II 39, 40, 43, 44, 45, 46, 47, 48
Nguyễn hữu Thận II 203
Nguyễn hữu Thoại II 108
Nguyễn hữu Thuận II 216
Nguyễn Khải II 41
Nguyễn khắc Tuyên II 102
Nguyễn Kị I 182
Nguyễn Kim II 17, 18, 19, 30
Nguyễn khoa Hào II 219
Nguyễn Khoái I 144, 146, 153, 156, 157, 158
Nguyễn Khoan I 83
Nguyễn Lâm II 283
Nguyễn Lệ II 274
Nguyễn lệnh Tân II 115
Nguyễn Ly II 114
Nguyễn Lĩnh I 144
Nguyễn Lữ II 106, 107, 109, 123, 146, 147
Nguyễn mỹ Đức II 49
Nguyễn minh Không I 109
Nguyễn Nộn I 122
Nguyễn Ngã II 15
Nguyễn nguyên Thành II 334
Nguyễn Nhạc II 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 115, 122, 123, 124, 128, 129, 146, 147, 154, 165, 170
Nguyễn Nhan I 153
Nguyễn nhân Thiệm II 26
Nguyễn Nhược-thị II 303
Nguyễn phi Khanh I 218
Nguyễn phi Sảng II 65
Nguyễn phạm Tuân II 334,335,336
Nguyễn Phan II 63, 66, 69
Nguyễn Phu I 49, 144
Nguyễn-phúc Ánh II 13, 104, 107, 108, 150

www.songhuong.vn

Nguyễn-phúc Chu II 10, 77, 79, 81, 88
Nguyễn-phúc Dương II 101, 104
Nguyễn-phúc Hiệu II 101
Nguyễn-phúc Khê II 42
Nguyễn-phúc Khoát II 77,85,88,101
Nguyễn-phúc Lan II 7,42,76,87,99
Nguyễn-phúc Nguyên II 6, 7, 39, 40, 42, 75, 87
Nguyễn-phúc Tần II 7, 8, 9, 43, 79
Nguyễn-phúc Thuần II 12
Nguyễn-phúc Trăn II 9, 81, 87
Nguyễn-phúc Trú II 10, 11
Nguyễn-phúc Vệ II 41
Nguyễn phương Đỉnh II 65
Nguyễn quang Bình II 129
Nguyễn quang Hiển II 136
Nguyễn Quang Toản II 141, 144, 154, 157
Nguyễn quang Thiện II 164
Nguyễn quang Thùy II 156, 163, 164, 165
Nguyễn Quang Trung II 279
Nguyễn qui Cảnh II 63, 114
Nguyễn qui Đức II 62
Nguyễn Quốc I 110
Nguyễn quốc Đống II 138
Nguyễn quốc Trinh II. 114
Nguyễn Quyện II 21, 22, 23
Nguyễn Sao I 217
Nguyễn Siêu I 83
Nguyễn Súy I 202, 204, 205
Nguyễn tăng Doãn II 280, 287, 294
Nguyễn Tây-sơn II 128, 129
Nguyễn Tấn II 273
Nguyễn tiến Lâm II 205, 231, 232
Nguyễn Toán I 193
Nguyễn Tu II 292
Nguyễn Tuyển II 62, 63, 64, 67
Nguyễn tư Giản II 292
Nguyễn tự Như II 327
Nguyễn thái Học II 342
Nguyễn Thanh I 182
Nguyễn thành Ý II 294, 301
Nguyễn Thân II 341
Nguyễn thất Lý II 22, 24
Nguyễn thế Lộc I 144
Nguyễn thiện Thuật II 307,339,340
Nguyễn Thiệp II 140
Nguyễn thọ Tường II 15
Nguyễn thủ Tiệp I 83
Nguyễn Thuật II 292
Nguyễn Thuyên I 131
Nguyễn Trãi I 142, 218, 228
Nguyễn Trang II 118
Nguyễn tri Phương II 212,231,233, 236, 239, 255, 256, 257, 258, 259, 267, 270, 271, 272, 275, 280, 282, 283, 285
Nguyễn Triêm II 114
Nguyễn trọng Hợp II 283, 284, 305, 306, 327, 339, 341
Nguyễn trung Diễn II 203
Nguyễn trung Ngạn I 165, 168, 170, 174
Nguyễn Trực II 334
Nguyễn trương Hiệu II 182
Nguyễn trường Tộ II 240
Nguyễn văn Bột II 207
Nguyễn văn Chân II 207
Nguyễn văn Chính II 103
Nguyễn văn Danh II 156
Nguyễn văn Đa II 207
Nguyễn văn Giai II 26
Nguyễn văn Giáp II 159
Nguyễn văn Hiếu II 148
Nguyễn văn Hòa II 124
Nguyễn văn Hoằng II 107
Nguyễn văn Huấn II 154, 155, 156, 158
Nguyễn văn Huệ II 13
Nguyễn văn Kiên II 163
Nguyễn văn Khiêm II 150, 170
Nguyễn văn Khuê II 182
Nguyễn văn Liêm II 110
Nguyễn văn Nghĩa II 148
Nguyễn văn Nhân II 148

www.songhuong.vn

Nguyễn văn Nhân II 180
Nguyễn văn Quế II 206, 207, 211
Nguyễn văn Quyên II 139
Nguyễn văn Tinh II 162
Nguyễn văn Tâm II 207
Nguyễn văn Tông II 207
Nguyễn văn Tứ II 164
Nguyễn văn Tường II 280, 284, 285, 286, 287, 289, 290, 304, 306, 307, 311, 312, 321, 323, 324, 325, 326, 327, 340
Nguyễn văn Thái II 16
Nguyễn văn Thành II 146, 153, 154, 157, 158, 160, 161, 162, 170, 177, 178, 182, 183, 187, 218
Nguyễn văn Thận II 163, 164
Nguyễn văn Thinh II 260
Nguyễn văn Thịnh II 269
Nguyễn văn Thụy II 157, 160, 180
Nguyễn văn Thuyên II 182, 183
Nguyễn văn Thắng II 42
Nguyễn văn Trị II 161
Nguyễn văn Trọng II 204, 208
Nguyễn văn Trương II 147, 149, 153, 160, 163, 164
Nguyễn văn Vĩ II 271
Nguyễn văn Xuân II 219, 220, 221
Nguyễn viết Thành II 274
Nguyễn viết Triệu II 138, 139
Nguyễn-vương II 109, 111, 145, 146, 147, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 157, 158, 160, 161, 163, 164
Nguyễn Uông II 30
Nguyễn Xí I 222, 224, 225, 228, 232
Nguyễn Xuân II 207, 208, 220
Nguyễn xuân Ôn II 334
Ngũ-Hổ I 48
Ngũ-Kiều II 148
Ngũ-lĩnh I 11
Ngũ-Quí I 66, 176
Ngụy khắc Đản II 262
Ngụy Thức I 196
Ngự-chế thi-văn II 238
Ngưu Hống I 110, 170
Nghệ-an I 143, 144, 145, 146, 153, 178, 201, 203, 220, 221, 223, 228; II 3, 21, 44, 45, 46, 47, 53, 54, 55, 63, 66, 69, 78, 114, 115, 117, 118, 131, 141, 157, 163, 164, 174, 221, 240, 267, 289, 290, 311, 326, 330, 334
Nghệ-an-lộ I 186
Nghệ-an trấn II 172
Nghệ-tĩnh II 342
Nghi-xuân II 47
Nghĩa Tĩnh I 77
Nha-trang II 154
Nhâm Diên I 38
Nhâm Năng I 222
Nhâm Ngao I 18, 19
Nhân-huệ Hoàng-đế I 96
Nhân-mục I 223, 224
Nhật-bản I 151 ; II 77, 81, 96, 241, 342
Nhật-lệ I 178, 201 ; II 42, 43, 163
Nhật-nam I 3, 37, 39, 43, 47, 49, 50, 51, 53
Nhị-hà I 193, 225, 228, 234 ; II 23, 134, 164
Nhiệt-hà (Tây-vực) II 139
Nho-giáo I 72 ; II 186
Nhụy-Kiều tướng quân I 47

O

Ô-đông (Oudon) II 232
Ông ích Khiêm II 271, 273, 274
Ô-lý I 145
Ô mã Nhi I 143, 144, 145, 148, 149, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 227

P

Page II 257, 259
Palanca II 259, 262
Palestine II 97
Paul Bert II 330, 333, 334
P. Busomi II 99
P. Cultru II 254

www.songhuong.vn

Paris II 262, 280, 287, 304, 306, 326
Patenôtre II 311, 316, 320
Pavie II 346
Pellerin II 254
Pelletier II 330
Pénang II 255
Phả-lại I 154 ; II 309
Phạm bạch Hổ I 83
Phạm Bính II 294
Phạm bỉnh Di I 113
Phạm công Hưng II 154, 155, 156
Phạm công Thế II 63, 68
Phạm công Trị II 136
Phạm công Trứ II 56, 60, 62, 114
Phạm cự Lượng I 88, 91
Phạm chi Hương II 271, 273, 274
Phạm chư Nông I 50
Phạm Dật I 49
Phạm Du I 113
Phạm dương Mại I 50, 51
Phạm đầu Lê I 60
Phạm đình Thiện II 139
Phạm đình Trọng II 63, 64, 65, 66, 67
Phạm Hạc I 94
Phạm hồ Đạt I 50
Phạm Hùng I 49
Phạm Kiện I 50
Phạm khả Vĩnh I 182
Phạm-lịnh-Công I 81
Phạm Lương II 272
Phạm nè Ta I 63
Phạm Ngạn II 107
Phạm ngô Cầu II 115, 116
Phạm nguyên Khôi I 192
Phạm ngũ Lão I 131, 147, 149, 157, 159, 164, 167, 168
Phạm như Tùng II 138, 149
Phạm sư Ôn I 181, 182
Phạm phạm Chí I 58, 60
Phạm Phật I 49, 50
Phạm Phòng-Ất I 86
Phạm phú Thứ II 262, 294
Phạm tất Toàn II 43, 44
Phạm Tu I 53, 54
Phạm thận Duật II 299, 311, 326
Phạm thế Căng I 201
Phạm thế Hiển II 257, 258, 259
Phạm trấn Long I 60
Phạm Văn I 49
Phạm văn Đăng II 170
Phạm văn Điền II 205, 219, 220, 221, 232
Phạm văn Lý II 203
Phạm văn Khoái II 24
Phạm văn Nhân II 110, 150, 154, 161, 163
Phạm văn Tham II 147, 148, 149
Phạm văn Xảo I 222, 223
Phạm Vấn I 232
Phạm vụ Mẫn II 307
Phạm bá Đạt II 209
Phan bá Phụng II 161
Phan bá Vành II 202, 203
Phan bội Châu II 342
Phan chu Trinh II 342
Phan đình Bình II 280, 283, 326, 327
Phan Đạt II 212
Phan đình Phùng II 304, 334, 340, 341
Phan đình Tuyển II 270
Phan huy Chú I 124, 210, 226
Phan huy Ích II 135, 136, 140, 170
Phan huy Vịnh II 264
Phan kiêm Toàn II 47
Phan khải Đức II 137
Phan Lang II 79
Phan-lang giang II 79
Phan-lý II 79
Phan Liêm II 241
Phan Liêu I 204, 217
Phan Mỹ I 86
Phan Ngạn II 27, 31, 35
Phan Nha Văn Sản II 108
Phan quí Hữu I 204
Phan-rí II 153
Phan sĩ Thục II 292
Phan tam Tỉnh II 269

www.songhuong.vn

Phan thanh Giản II 239, 258, 261, 262, 263, 264, 265, 267
Phan-trấn-đình (Gia-định) II 81
Phan trọng Mưu II 334
Phan văn Lân II 125
Phan văn Tuế II 105
Phan văn Thúy II 207, 218, 219
Phan văn Trị II 40
Phàn Tiếp I 149, 150, 152, 153, 156, 157, 158
Phao-sơn II 64
Pháp Hiền I 76
Pháp-lan-tây (France) II 96, 97, 109, 181, 224, 242, 253, 255, 257, 258, 260, 261, 262, 269, 277, 336
Phật II 98
Phật giáo I 72, 75
Phật-Kim I 115
Phật Mã I 95
Phật-quốc-Ký I 76
Phép bảo giáp I 103
Phép bảo mã I 103
Phép miễn dịch I 102
Phép thanh miêu I 102
Phép thị dịch I 103
Phế-đế I 88 ; II 307
Philastre II 284, 285, 286, 289, 293, 294, 295
Philippe II II 186
Phi-luật-tân (Philippines) II 95, 96
Phi Nhã Chất Tri II 220
Phiên-an (Gia-định) II 206, 207, 208, 210, 214
Phiên-ngung I 29, 47, 68
Phiên-trấn II 149
Phnom-Penh II 180
Phong-Châu I 13, 54, 55, 59, 63, 64
Phong-vương II 86
Phố-hiến II 96, 97, 223
Phú-lĩnh I 194
Phú-lương I 111
Phú-yên II 79, 85, 105, 109, 154, 157, 162, 172, 267, 327, 333
Phú-quốc II 108, 147, 148
Phú-túc (Pursat) II 320
Phú-xuân II 9, 12, 60, 79, 87, 99, 101, 103, 104, 106, 109, 117, 124, 129, 130, 144, 146, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 165
Phú-xuyên II 132
Phúc-an II 87
Phúc-châu II 3, 16, 38
Phúc-lâm II 37
Phúc-lộc I 12
Phúc-lộc châu I 58
Phúc-Kiến II 316
Phúc khang An II 135, 136, 137
Phúc-ninh II 293, 255
Phúc-vương II 38
Phủ-lạng-thương II 339, 346
Phù-đồng Thiên-vương I 14
Phù-ly (Phù-cát) II 102
Phù-nam I 49 ; II 84
Phù-sơn I 154
Phù-ủng I 164
Phù-vân (Chúa) I 121
Phùng An I 60
Phùng Hưng I 60
Phùng khắc Khoan II 18, 21, 26, 27
Phùng tử Tài II 274, 291, 318
Phụng-thiên II 139, 173
Phương Chính I 220, 223, 224, 225, 229, 234
Phường-đúc II 96
Phượng-nhỡn II 165
Phra Naroi II 85
Poivre II 97
Pondichéry II 150, 151
Puginier II 279, 282
Pu Kầm Bô II 264
Prudhomme II 320

Q

Quách Bốc I 113
Quách gia Gi I 98
Quách Qui I 104, 105
Quách tất Công II 203, 204

www.songhuong.vn

Quách tất Tế II 203, 204
Quách thịnh Dật I 97
Quan-công II 61
Quan-gia II 219
Quan-lang I 12
Quan tá Đình II 279
Quản-tử II 61
Quang sở Khách I 59
Quang-tự II 320
Quang-trung II 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 140, 141, 142, 143, 144, 154, 165
Quảng-bình II 7, 43, 80, 81, 106, 172, 173, 174, 326, 327, 333, 334
Quảng-châu I 44, 47 ; II 293
Quảng-đông II 77, 81, 82, 280
Quảng-yên I 153 ; II 242, 271, 278, 290, 294, 317
Quảng-nam II 12, 31, 32, 42, 77, 79, 88, 104, 105, 106, 115, 162, 165, 175, 181, 258, 269
Quảng-nam doanh II 172, 204
Quảng-nam quốc II 89
Quảng-nguyên I 96, 104, 105
Quảng-nghĩa II 77, 78, 103, 105, 162, 165, 172, 204, 268
Quảng-oai I 222
Quảng-tây I 200, 230 ; II 38, 52, 136
Quảng-trị II 172, 219, 222, 312, 323, 325
Quảng-uyên II 52
Quân-thần I 55
Quần-anh II 98
Quế-lâm I 18 ; II 137
Quế-vương II 38
Qui-hóa (sông) I 113, 222, 230
Qui-nghĩa I 61
Qui-nhơn II 88, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 116, 123, 124, 128, 146, 147, 149, 153, 154, 155, 157, 159, 160, 162, 163, 165, 170, 182
Qui-đo I 126
Quốc-oai I 182, 186, 222
Quốc-sử tục biên II 62
Quốc-sử thực-lục II 62
Quốc-tổ-chương-hoàng I 186
Quyết-dũng II 47

R

Rama II 108
Rạch-giá II 111
Rheinart II 285, 293, 294, 295, 297, 298, 300, 311, 313, 339
Réunion II 342
Richaud II 345
Rigault de Genouilly II 233, 254, 255, 257, 265
Robert II 181
Rogerot II 227
« Rose » II 182
Rouen II 254
Rousseau II 347
Roussel de Courcy II 320
Russier II 96

S

Sa-đéc II 111
Saint Joseph II 97
Saint Paul II 98
Saint Pierre II 98
Sa-thòi I 224
Sarget et Cie II 181
Savannakhet II 222
Sa Đầu I 98
Sài-côn II 106, 109
Sài-gòn II 80, 81, 147, 261, 264, 265, 277, 279, 280, 281, 284, 285, 286, 287, 294, 295
Sài-mạt II 82, 84
Sài Thung I 133, 134, 137
Sát Đát I 142, 143
Sầm-châu II 17
Sầm-nứa II 222
Sầm nghi Đống II 130, 133
Schmitz II 324
Sénès II 278
Servière II 317

www.songhuong.vn

Sy-ly-nha I 192
Si-Vattha II 263
Sĩ Huy I 44
Sĩ Nhiếp I 42, 43, 44
Sĩ Tứ I 43
Siêu-loại I 100
Sóc-sơn I 14
Sơn-hải-quan II 38
Sơn-nam II 18, 20, 55, 125, 141
Sơn-tây II 20, 55, 63, 66, 68, 118, 134, 205, 268, 291, 299, 306, 307
Sơn-tây (tàu) II 278
Sơn-tinh, Thủy-tinh I 14, 15
Sơn Thọ I 219, 234
Sô Si II 108
Sông Bình-than I 137
Sông Cái I 194
Sông Cầu II 309
Sông Đáy II 24
Sông Đại-than I 154
Sông Đuống I 137 ; II 300
Sông Gianh II 330, 335, 337
Sông Lục-đầu I 154
Sông Nam-triều I 145
Sông Thái-Bình I 137
Sông Thao I 194
Sông Thiên-mạc I 148
Sông Thương II 315, 317
Sùng-hiền-hầu I 109
Sùng Lãm I 11
Sứ-quân I 82

T

Tả-ao II 47
Tả-bảo II 337
Tả tôn Đường II 273
Tả trà Viên II 79
Tạ danh Thùy II 117
Tạ Hiện II 307, 339
Tạ kế Quí II 273
Tạ kính Bưu II 299
Tạ quang Cự II 202, 204, 205, 232
Tạ văn Phụng II 269
Tây An-nam đinh II 138
Tây-ban-nha (Espagne) II 95, 96
Tây-dương-Kiều I 225
Tây-đạo I 226
Tây-đô I 186, 217, 222 ; II 20
Tây-hạ I 102
Tây-hồ II 144
Tây-kết I 148
Tây-ninh II 259
Tây-phù-liệt I 228
Tây-quân II 54
Tây-sơn II 12, 13, 49, 102, 103, 104, 106, 107, 108, 109, 115, 116, 118, 121, 122, 123, 124, 137, 129, 131, 137, 142, 143, 149, 153, 154, 155, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 169, 170, 173, 178, 182, 183, 184, 201, 210, 223
Tây-sơn-vương II 106
Tam-đái I 222, 230
Tam-điệp II 130, 131
Tam-động và lạc-phàn (vạn-tượng) II 221
Tam-đường (giặc) II 268
Tam-giang I 223, 227
Tam-miêu II 5
Tam-quốc I 43, 49, 112
Tam-tạng Kinh I 94
Tầm-bôn II 83
Tầm-phong-long II 84
Tẩn-viên I 15
Tân-binh I 209, 222
Tân-binh-phủ I 186
Tân-châu II 180
Tân-châu-đạo II 84
Tân-hưng I 12, 222
Tân-phong II 22
Tân-sở II 321, 325
Tân-xương I 54
Tấn I 48
Tấn Mục-đế I 49
Tần-muội II 318
Tần Thỉ-hoàng I 18, 74
Tập Đình II 103, 105
Tăng-đạo-tí I 210

www.songhuong.vn

Tăng quốc Phiên II 273
Tăng Sâm I 73
Tàu-Ô II 285
Tề bố Sâm II 179
Tích lệ I 157, 158
Tích Quang I 38
Tiêm-la II 78, 80, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 96, 97, 108, 111, 128, 145, 147, 157, 179, 201, 202, 208, 218, 219, 220, 223, 231, 232, 240, 301, 346, 347
Tiên-hoàng-đế I 86
Tiền Lê I 89, 92, 94 ; II 55, 125
Tiền Lý I 51, 53
Tiết Tụ I 228
Tiêu Chú I 103
Tiêu Tư I 51, 53
Tiêu triều Quí II 273
Tinh-thần II 24
Tinh Thiều I 54
Tính-lý đại-toàn I 210
Tình-hải I 64
Toyon II 256
Toa Đô I 137, 138, 143, 144, 145, 146, 147, 149
Tortuyaux II 330, 335
Tonlon II 294
Tô Dam I 104
Tô Định I 39
Tô hiến Thành I 110, 111, 112, 184
Tô-lịch I 64
Tô Tử II 274, 275
Tô trung Từ I 114
Tôn Đản I 103, 104
Tôn-hải II 254
Tôn Miện I 97
Tôn-nhân-phủ II 189
Tôn sĩ Nghị II 129, 130, 131, 134, 135, 137
Tôn toàn Hưng I 90
Tôn thất Bá II 298
Tôn-thất Cúc II 272
Tôn-thất Đạm II 334, 336, 338, 339
Tôn thất Đính II 327
Tôn thất Hội II 148, 149, 153, 154, 157
Tôn thất Hợp II 256, 257
Tôn thất Nghị II 232
Tôn thất Phan II 311
Tôn thất Tiệp II 103
Tôn-thất Thiệp II 336, 337
Tôn thất Thuyết II 274, 290, 291, 304, 307, 312, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 334, 336, 338, 340
Tôn thất Triệt II 290
Tôn vĩnh Thanh II 136
Tôn Võ-tử II 61
Tông Xác I 51
Tống I 89, 97
Tống hữu Đại II 46
Tống phúc Hợp II 105
Tống phúc Khang II 46
Tống phúc Khê II 154
Tống phước Khuông II 107
Tống phước Lương II 107, 160, 163, 207
Tống Thần-tông I 102
Tống Vân I 77
Tống viết Phúc II 162
Tồng-đốc Chu II 107
Tú Cao II 63
Tú-Kỳ II 65
Tụy-động I 223, 225, 226, 230
Tuyên-quang I 222, 230 ; II 59, 66, 130, 138, 204, 205, 274, 275, 290, 310, 317, 318, 319
Tuyến Kha I 152
Tùng-châu II 39
Tư-khấu Định II 162
Tư-khấu Uy II 107
Tư-minh I 158
Từ diên Húc II 299, 306
Từ-dụ II 236, 237, 307, 323, 325, 327
Từ đạo Hạnh I 109
Từ Hạnh I 230
Từ-huấn-lục II 236
Từ-liêm I 228
Từ Mục I 91

www.songhuong.vn

Tự-đức II 235, 240, 242, 252, 253, 254, 256, 262, 267, 268, 270, 271, 272, 273, 277, 278, 285, 286, 289, 290, 293, 312
Tự-học diễn-ca II 239
Tùy I 57
Tượng-lâm I 49
Tượng-quận I 3, 18
Thạch Đái I 37
Thạch-lâm II 52
Thái Am I 76
Thái-bình II 268, 273
Thái-bình diên-yến I 158
Thái-bình-dương II 95
Thái-bình thiên-quốc II 273
Thái công Triều II 207
Thái-hòa II 170, 235
Thái Kinh I 62
Thái-Khang II 80
Thái-nguyên I 111 ; II 20, 36, 52, 59, 67, 138, 274, 309, 317
Thái Phúc I 223, 228
Thái-Tập I 62
Thái-tử Án I 186
Thái-tử Hoảng I 128
Thái-tử Khâm I 130
Thái-tử Mạnh I 168
Thái-tử Sam I 113, 114
Thanh II 37, 51, 113, 130, 131
Thanh-đàm I 224, 225
Thanh-hà II 81
Thanh-hóa I 145, 147, 148, 186, 196, 212 ; II 3, 12, 18, 19, 20, 21, 24, 35, 53, 54, 55, 63, 65, 66, 68, 96, 113, 117, 161, 163, 164, 172, 173, 175, 222, 267, 311, 326, 334
Thanh-lang II 337
Thanh-lâm II 24, 25
Thanh-oai I 224 ; II 24
Thanh-quyết-giang II 124
Thanh thủy II 334, 335, 339
Thanh-trì II 36
Thánh Gióng I 14
Thành-cát Tư-hãn I 126
Thành Lâm II 144
Thành-thái II 339, 340
Thang-châu I 59
Thăng-long I 94, 111, 127, 142, 143, 145, 147, 151, 153, 154, 176, 178, 179 ; II 22, 23, 24, 25, 26, 31, 35, 36, 42, 45, 48, 49, 53, 60, 117, 118, 121, 122, 124, 125, 129, 130, 131, 134, 140, 141, 164, 165
Thầm-dương II 37
Thầm Khởi I 103
Thân Bất-Hại I 25
Thân Lợi I 110, 111
Thân trọng Huề II 235
Thân văn Quang II 45
Thần-nông I 11
Thập-điều II 239
Thập-nhị Sứ-quân I 3 ; II 3
Thétis II 224, 227
Thi Giảo I 25, 74
Thi-lãng I 61
Thi-Sách I 39
Thị-dã II 160
Thị-Kiều I 227
Thị-nại I 178 ; II 153, 154, 158, 159, 160, 242, 287
Thích-ca Mầu-ni I 75
Thiên-cực công-chúa I 120
Thiên-chúa II 95, 98, 186, 223, 228
Thiên-địa-hội II 147
Thiên-đức I 54
Thiên-Kiện I 180
Thiên-hộ Dương II 260
Thiên-mụ II 324
Thiên-quan II 22
Thiên-sách-vương I 82, 86
Thiên-tân II 293, 299, 310, 317, 320
Thiên Tộ I 110
Thiên-trúc I 76
Thiên-trường I 144, 145, 146, 148, 160, 177, 222 ; II 203
Thiết-mộc-chân I 126
Thiệu-trị II 231, 232, 233, 234
Thọ Hương II 105

www.songhuong.vn

Thọ-xuân II 325
Thoát Hoan I 137,138,139,142,143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 160
Thổ-phồn I 61
Thôi Tụ I 230, 231, 232
Thuận-an II 304, 305, 338
Thuận-bài II 337, 338
Thuận-châu I 167
Thuận-hóa I 209, 222 ; II 29, 30, 31, 38, 40, 60, 78, 87, 106, 115, 116, 117, 122, 123, 124
Thuận-thành-trấn II 79
Thuận-thiên công-chúa I 115
Thủ-dầu-một II 259, 264
Thục I 16
Thục An-dương-vương I 3
Thục-vương Phán I 16
Thúy-Kiều (truyện) II 178
Thủy-vân tùy-bút I 164
Thương-ngô I 37, 43, 47
Thương Ưởng I 24
Thượng duy Thăng II 133
Thượng-hải II 77, 278, 281, 293
Thượng-hồng I 222 ; II 65
Thượng-lang II 52
Thượng-phúc I 147
Trà-bát II 87
Trà-khúc II 159
Trà-long I 220 ; II 222
Trà-Ôn II 111
Trà-sơn II 104, 181
Trà-và (Java) II 96
Trà-vinh II 231
Trang-tử I 74
Trang Trợ I 33
Tràng-an I 76, 147 ; II 24
Tràng-an-lộ I 186
Trạng Trình II 19
Trấn-biên II 149, 221
Trấn-biên-dinh (Biên-hòa) II 81, 83, 106
Trấn-định II 149, 221
Trấn-giang II 111, 115
Trấn-hải II 305
Trấn-nam II 221, 222
Trấn-ninh II 49, 103, 162, 163, 220, 222
Trấn-tây II 232, 233
Trấn-tây-thành II 222, 223
Trấn-tĩnh-phủ II 221
Trấn-vĩnh II 149
Trần I 119, 163
Trần an Bình I 81
Trần Anh-Tông I 163, 164, 166
Trần bá Lộc II 333
Trần bá Tiên I 54, 55
Trần bạch Niên II 23, 24
Trần bình Trọng I 137, 144, 145
Trần Cảnh I 116, 119
Trần Cao I 227, 231, 232, 233, 234
Trần di Ái I 134, 137
Trần Dụ-tông I 173, 175
Trần Duệ-tông I 177
Trần đình Cẩm II 64
Trần đình Túc II 283, 284, 298, 299, 305
Trần đức Hòa II 39
Trần hi Tăng II 294
Trần Hiến-tông I 169
Trần Hiệp I 220, 224, 225, 230
Trần huy Lâm II 137
Trần huy Phác II 214
Trần huy Sách II 271
Trần Hoằng II 255
Trần Húc I 194
Trần Hưng-đạo-vương I 164, 165, 166, 179 ; II 279
Trần hữu Lượng I 174
Trần ích Tắc I 128, 145, 152, 153, 160, 161
Trần Kiện I 144, 160
Trần Khang I 192
Trần Khánh Dư I 137, 154, 155, 168
Trần khánh Tiên II 292
Trần khát Chân I 182, 183, 187

www.songhuong.vn

Trần khắc Chung I 167, 169
Trần Khâm I 131
Trần Lãm I 82, 83
Trần Lý I 113, 114
Trần Liên II 87
Trần Liễu I 115, 120, 121
Trần Lựu I 227, 231
Trần Minh-Công I 85
Trần Minh-tông I 168,169,170,171
Trần ngọc Hậu II 43
Trần nguyên Đán I 180, 181, 218
Trần nguyên Hãn I 187, 218, 222, 225, 231
Trần nguyệt Hồ I 201
Trần Nghệ-tông I 176,177,180,201
Trần Nhạc I 169
Trần Nhân-tông I 131, 137, 138, 145, 160, 168
Trần nhật Duật I 145, 146, 147, 148, 153
Trần nhật Hiệu I 127
Trần nhật Vĩnh II 212, 213
Trần Nhuế I 218
Trần Phế-đế I 178
Trần Phong I 227
Trần Phu I 160
Trần quang Diệu II 141, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 163
Trần quang Hoán II 290
Trần Quang-Khải I 131, 145, 146, 147, 148, 165
Trần Quí-Khoách I 202,203,204,205
Trần quốc Chân I 168, 169
Trần quốc Toản I 146, 147, 153
Trần quốc Tuấn I 127, 137, 138, 139, 150, 151, 165
Trần Tấn II 289
Trần tiễn Thành II 264, 304, 307
Trần Tuấn I 195
Trần tú Viên I 145
Trần Tùng I 189, 190
Trần tự Khánh I 113, 114, 115
Trần Thái-hậu I 116
Trần Thái-Tông I 119, 121, 122, 124, 126, 129, 135, 187
Trần Thánh-tông I 128, 130
Trần thế Hưng I 175, 200
Trần Thi I 44
Trần thiên Bình I 192, 193, 194
Trần Thiếu-đế I 186, 187
Trần thủ Độ I 115, 119, 120, 121, 122, 127
Trần Thuận-tông I 181, 186
Trần thúc Nhẫn II 305
Trần Thuyên I 163
Trần Thư I 97
Trần Thừa I 115
Trần thượng Xuyên II 81, 82, 83
Trần Trí I 218, 219, 220, 221, 223, 224
Trần triệu Cơ I 201
Trần Trọng I 220
Trần trung Tá I 112
Trần Trùng-quang I 202
Trần văn Chuẩn II 306
Trần văn Dự II 327
Trần văn Kỷ II 155, 156
Trần văn Long I 160
Trần văn Năng II 207
Trần văn Tín II 148
Trần văn Tính II 212, 213
Trần văn Tha II 207
Trần vĩnh Nhật II 210
Trần xuân Soạn II 3
Tri-huyện Toại II 260
Trịnh Bạch II 20
Trịnh Bảng II 64
Trịnh Bồng II 13, 123, 128
Trịnh Cán II 12, 113, 114
Trịnh Căn II 10, 46, 47, 48, 49, 62, 69, 100
Trịnh Cối II 20, 31
Trịnh công Chứng I 217
Trịnh Cương II 10, 11, 53, 56, 59, 61, 62, 69, 100
Trịnh Doanh II 11, 12, 55, 59, 61, 63, 65, 66, 67, 68, 69, 100

www.songhuong.vn

Trịnh Đỗ II 36
Trịnh Gia II 41
Trịnh Giang II 10,11,54,60,62,63,69
Trịnh hoài Đức II 149,164,195,216
Trịnh Kỳ I 170
Trịnh Kiểm II 4, 6, 18, 19, 30, 31, 69, 78
Trịnh Kiều II 37
Trịnh Khả I 222, 227, 228
Trịnh Khải II 13,113,114,118,146
Trịnh Lệ II 123
Trịnh Nhạc II 41
Trịnh quốc Anh II 86, 108
Trịnh Sâm II 12, 62, 63, 68, 69, 103, 104, 106, 113, 114
Trịnh Tạc II 8, 9, 45, 46, 48, 49, 51, 52, 54, 56, 60, 62, 69, 99, 114
Trịnh Tế II 48
Trịnh Toàn II 45, 46
Trịnh Tùng II 6, 7, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 30, 31, 32, 35, 36, 39, 69, 118
Trịnh tự Quyền II 118
Trịnh thế Công II 46
Trịnh Tráng II 7, 8, 32, 36, 37, 38, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 69, 96
Trịnh Trượng II 44, 45
Trịnh văn Hải II 22
Trịnh Xuân II 36
Trịnh bằng Phi I 153, 154, 156, 157, 158
Triều-châu II 86
Triệu I 29
Triệu Ai-vương I 33
Triệu Đà I 19, 26
Triệu-Khánh II 38
Triệu Khuông Dận I 86
Triệu Minh-vương I 33
Triệu nặc Mi I 63
Triệu-phong II 106
Triệu quang Phục I 54, 55
Triệu quốc Đạt I 44, 47
Triệu Tiết I 104
Triệu Túc I 54
Triệu Trung I 146
Triệu Văn vương I 32, 33
Triệu Võ-vương I 15, 29, 32, 128
Triệu Việt-vương I 54, 55
Triệu Xương I 60
Trọng Thỉ I 19, 20
Trung-hưng thực lục I 159
Trung-Kỳ II 277, 312, 321, 333
Trung-quân II 53
Trực-lệ Quảng-đức doanh II 172
Trực-Sâm II 84
Trưng Nhị I 39, 40
Trưng Trắc I 39, 40
Trương bá Ngọc I 109
Trương bá Nghi I 60
Trương cận Bang II 272
Trương Chu I 61
Trương đạo Lăng I 75
Trương đăng Quế II 231, 239, 260
Trương Định II 260
Trương đình Hội II 327
Trương gia Hợp II 283
Trương Giác I 75
Trương hán Siêu I 164, 168, 174
Trương Hùng I 221, 222
Trương Khuông II 64
Trương lập Đạo I 160
Trương minh Giảng II 202, 207, 220, 222, 231, 232
Trương Ngọc I 153, 157, 158
Trương Phụ I 194, 195, 196, 199, 200, 201, 203, 204, 205, 209, 213, 233
Trương phúc Giáo II 148
Trương phúc Loan II 12, 101, 102, 103, 1[illegible]
Trương phúc Phượng II 162
Trương-phúc Tấn II 43
Trương quang Đản II 291, 300, 307, 324, 325, 339
Trương quang Ngọc II 336, 338, 341
Trương quang Thủ II 290
Trương Quân I 156, 157
Trương quốc Dụng II 269, 270, 271

www.songhuong.vn

Trương sĩ Long II 133
Trương sĩ Thành I 174
Trương Tàn I 43
Trương tiến Bảo II 160
Trương thủ Tiết I 104
Trương thụ Thanh II 299
Trương Trọng I 42
Trương trọng Hỏa II 272
Trương văn Ban II 334
Trương văn Đa II 111
Trương văn Hồ I 153, 154, 155
Trương văn Uyển II 260, 262
Trương vĩnh Ký II 99
Trường-dục II 43
Trường-bạch-bộ II 37
Trường-Châu I 59
Trường-sa-vương I 30
Trường-sơn I 202
Trường-thi II 324
Trường-thị II 282
Trường-giang II 273

U

Uất-lâm I 37, 47
Ung-châu I 97, 103, 104, 105
Ưng Lịch II 313

V

Vannier (Nguyễn văn Chấn) II 152, 153, 181, 224
Vasco de Gama II 95
Vassoigne II 259
Vạn Hạnh I 94
Vạn-Kiếp I 138, 139, 142, 149, 154, 156, 165
Vạn-tượng II 161, 162, 202
Vạn-thắng vương I 86
Vạn-thọ II 121
Vạn-xuân I 53
Văn đình Ức II 66
Văn đức Khuê II 271
Văn-giang (đê) II 268
Văn-lang I 3, 12, 13, 16, 17, 18, 71
Văn-minh (điện) II 237
Văn-tử I 74
Văn-thân II 289, 290
Vân-đồn I 137, 154, 156; II 64, 102
Vân-nam I 137, 180, 222, 223, 230; II 16, 68, 377, 278, 279, 297
Vân-phong II 105
Vân-trung (Bảo-lạc) II 205
Versailles II 85
Verret II 97
Vệ-sơn I 60
Vi Lang I 223
Vi trọng Tề I 63, 64
Victor Ollivier (Ông Tín) II 152
Vientiane II 347
Villeroi II 297
Viên-minh II 139
Viễn-đông II 294
Vĩnh-lại II 65
Vĩnh-long II 84, 260, 261, 264, 265
Vĩnh-tường II 290
Việt-minh II 342
Việt-nam I 3, 6, 7; II 79, 80, 81, 84, 95, 139, 140, 141, 145, 169, 171, 173, 180, 186, 219, 221, 222, 227, 228, 232, 245, 252, 254, 258, 262, 264, 282, 298, 311, 312, 320, 341, 345, 353
Việt-sử toàn-thư II 62
Việt-thác I 61
Việt-thường I 12, 13; II 178
Việt-trì II 310
Võ-an-châu I 59
Võ công Tề II 63
Võ đình Dung II 63
Võ đức Cát II 203
Võ-đức-vương I 95
Võ-nga-châu I 59
Võ Nhân II 148
Võ phương Đề II 64
Võ tá Giao II 115
Võ tá Lý II 66
Võ Tính II 148, 149, 153, 154, 155, 157, 158, 159, 160, 162

www.songhuong.vn

Võ Thước II 62
Võ trác Oánh II 63, 64
Võ trọng Bình II 271, 272, 274
Võ văn Giải II 231, 232
Võ văn Lượng II 148
Võ vĩnh Lộc II 207, 210
Võ vĩnh Tái II 207
Võ vĩnh Tiền II 207, 210
Võ xuân Cẩn II 214, 217
Vọng-các II 110, 111, 145
Vô Dật I 184
Vũ di Nguy II 160
Vũ duy Ninh II 256
Vũ Đái I 110
Vũ-định I 12
Vũ Đường II 280
Vũ huy Tấn II 136
Vũ Lương II 43, 44
Vũ-ninh I 12
Vũ như Quế II 17
Vũ-quang II 340
Vũ Quỳnh II 61
Vũ tá Kiên II 106
Vũ tán Đường I 112
Vũ Tảo II 269, 270
Vũ thần Thiệu II 118
Vũ trọng Bình II 289, 300
Vũ văn Dũng II 141, 155, 156, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164
Vũ văn Nhậm II 115, 124, 128
Vũ văn Tiêu II 196
Vũ văn Thiêm II 45, 46
Vũ Vinh II 52
Vũ-vương II 61
Vương an Thạch I 102, 103
Vương án Quyền I 64
Vương Dục I 61
Vương Hữu I 203
Vương Khoan I 62
Vương Khôi I 33
Vương Mãng I 38, 42
Vương Thông I 223, 224, 225, 226, 227, 228, 230, 232, 234
Vương Thức I 62
Vườn trầu II 148

X

Xạ Đầu II 18
Xích-quỷ I 11, 12
Xích-thổ II 84
Xuân-thu I 25
Xương-giang I 227, 231 ; II 64

Z

Zant II 97
Warnel II 320

www.songhuong.vn

DANH-SÁCH ĐẠI-LÝ BÁN SÁCH

DO TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU XUẤT-BẢN

Tên đại-lý	Địa-chỉ	Tỉnh
1. TRƯỜNG-SƠN	173, Độc-Lập	Đà-nẵng
2. ÁI-HOA	67, Trần-Hưng-Đạo, Huế	Thừa-thiên
3. VIỆT-LONG	293, Gia-Long	Qui-nhơn
4. ĐÔNG-HÀ	7, Phước-Hải, Nha-trang	Khánh-hòa
5. KHAI-TRÍ	62, Lê-Lợi	Sài-gòn
6. VIỆT-BẰNG	78, Lê-Lợi	Sài-gòn
7. SỐNG-MÃ	372, Phan-Đình-Phùng	Sài-gòn
8. THẾ-GIỚI	117, Triệu-Quang-Phục	Chợ-lớn
9. HẰNG-NGA	6, Nguyễn-Đình-Chiểu	Long-an
10. PHƯỢNG-LINH	44, Hàm-Nghi	Kiên-giang
11. VĂN-NHIỀU	34, Ngô-Quyền	Phong-dinh
12. MINH-TRÍ	32, Phan-Thanh-Giản	Vĩnh-long
13. GIOAN 23	7-B, Hùng-vương	Định-tường
14. THANH-TÂM	65, Nguyễn-văn-Thinh	Vĩnh-bình
15. TÙNG-SƠN	16, Trần-Hưng-Đạo	Quảng-trị
16. NAM-NGÃI	159A, Quang-Trung	Quảng-ngãi
17. SANH-HƯNG	250, Phan-Châu-Trinh	Quảng-tín
18. QUẢNG-THUẬN	101-103, Thống-nhất	Phan-rang

www.songhuong.vn

19. VẠN-KIM	278, Trần-Hưng-Đạo	Tuy-hòa (Phú-yên)
20. NAM-PHƯƠNG	162, Quốc-lộ 1 (Thị-xã)	Cam-ranh
21. VĂN-HÓA	38B, Phan-Bội-Châu	Darlac
22. KHẢI-MINH	19, Hàm-Nghi	Đà-lạt
23. TUYÊN-ĐỨC	1, Hòa-Bình	Đà-lạt
24. KINH-ĐÔ	79, Trần-Hưng-Đạo	Phú-bổn
25. XUÂN-THU	37, Cách-mạng	Lâm-đồng
26. NGUỒN-SỐNG	40/1, Tỉnh-lộ số 10	Hậu-nghĩa
27. MINH-PHÁT	25/3, Quan-Âm-các	Tây-ninh
28. KHAI-TRÍ	1, Bùi-Nguơn-Ngãi	Bình-dương
29. VĂN-HỌC	95, Nguyễn-Du	Long-khánh
30. AN-LỘC	3/7, Trần-Hưng-Đạo	Bình-long
31. ĐỒNG-HÒA	208, Ngô-Quyền	Bình-tuy
32. THIÊN-TÚ	18, Nguyễn-Thị-Giang	Biên-hòa
33. MINH-QUANG	103, Trưng-Nhị	Vũng-tàu
34. THÁI-NGỌC	54/3, Lê-Lợi	Gò-công
35. MINH-ĐỨC	16, Trưng-Trắc	An-xuyên
36. THANH-QUANG	10, Trương-Vĩnh-Ký	Bạc-liêu
37. KIM-VÂN	40, Đỗ-Công-Trừng	Kiến-phong
38. HOA-QUANG	99, Hai-Bà-Trưng	(Khánh-hưng) Ba-xuyên
39. YẾN-PHƯƠNG	15, Phạm-Hồng-Thái	An-giang
40. VĂN-CẢNH	93P, Hùng-Vương, Thị-nghè,	Gia-định
41. LỬA-HỒNG	40, Nguyễn-Thái-Học	Hội-an
42. LÊ-PHAN	41-43, Phạm-Ngũ-Lão	Sài-gòn
43. HỮU-CHÍ	10B, Phạm-Hữu-Chí	Phước-tuy

CƯỚC-CHÚ : Xin quí-vị mua lẻ liên lạc với các đại-lý trên.

www.songhuong.vn

www.songhuong.vn

X 8L1 PS 5900
X 8L1 H1 8990
2 Giấy
1 bìa
2 xu

ẤN-HÀNH TRONG KHUÔN KHỔ
CHƯƠNG-TRÌNH HỢP-TÁC GIỮA
BỘ GIÁO-DỤC VÀ CƠ-QUAN
PHÁT-TRIỂN QUỐC-TẾ HOA-KỲ
— TẠI VIỆT-NAM —

Tr H. 30

GIÁ BÁN 125 đ

www.songhuong.vn